

Biểu mẫu 18

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY ĐÔ**

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế của cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng
sư phạm, trung cấp sư phạm năm học 2021-2022**

A. Công khai thông tin về quy mô đào tạo hiện tại

STT	Khối ngành	Quy mô sinh viên hiện tại							
		Tiền sĩ	Thạc sĩ	Đại học		Cao đẳng sư phạm		Trung cấp sư phạm	
				Chính quy	Vừa làm vừa học	Chính quy	Vừa làm vừa học	Chính quy	Vừa làm vừa học
	Tổng số	10	532	5969	0	x	x	x	x
1	Khối ngành I			0	0	x	x	x	x
2	Khối ngành II			0	0	x	x	x	x
3	Khối ngành III	10	252	2281	0	x	x	x	x
4	Khối ngành IV			0	0	x	x	x	x
5	Khối ngành V			1293	0	x	x	x	x
6	Khối ngành VI		267	1221	0	x	x	x	x
7	Khối ngành VII		13	1174	0	x	x	x	x

B. Công khai thông tin về sinh viên tốt nghiệp và tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 01 năm

STT	Khối ngành	Số sinh viên tốt nghiệp	Phân loại tốt nghiệp (%)						Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm ra trường
			Loại xuất sắc	Loại xuất sắc (%)	Loại giỏi	Loại giỏi (%)	Loại khá	Loại khá (%)	
	Tổng số	754	22	2.9%	137	18.2%	457	60.6%	
1	Khối	0	0	0%	0	0%	0	0%	0

	ngành I								
2	Khối ngành II	0	0	0%	0	0%	0	0%	0
3	Khối ngành III	327	6	1.8%	55	16.8%	203	62.1%	81.6%
4	Khối ngành IV	0	0	0%	0	0%	0	0%	0
5	Khối ngành V	112	4	3.6%	20	17.9%	57	50.9%	84.9%
6	Khối ngành VI	258	5	1.9%	45	17.4%	169	65.5%	84.2%
7	Khối ngành VII	57	7	12.3%	17	29.8%	28	49.1%	83.7%

(*) Tỷ lệ SVTN có việc làm tính theo công thức: ((SL SVTN có việc làm + SL SVTN đang học nâng cao)/tổng số SVTN được khảo sát)* 100

C. Công khai các môn học của từng khóa học, chuyên ngành

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1.	Độc chất học	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản, cần thiết về các chất độc, tác dụng của chúng đối với cơ thể. Từ đó đề xuất cách phòng chống và chống lại tác động có hại của chúng cũng như xây dựng các phương pháp phân lập chất độc khỏi mẫu thử	3	Học kỳ I. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
2.	Phương pháp nghiên cứu KH	Cung cấp những kiến thức cơ bản về NCKH, cách chuẩn bị để viết đề cương, các bước thực hiện một đề tài, phương pháp viết bài báo khoa học và trình bày một báo cáo NCKH hay luận văn tốt nghiệp ứng dụng trong ngành Dược	2	Học kỳ I. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
3.	Dược học cổ truyền	Cung cấp cho sinh viên kiến thức đại cương y học cổ truyền; phân tích và xây dựng 1 số phương thuốc cổ truyền; chế biến và bào chế được một số vị thuốc, loại thuốc cổ truyền.	2	Học kỳ I. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
4.	Dược lâm sàng 2	Cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về sử dụng thuốc nhằm tạo thuận lợi cho hoạt động của Dược sĩ lâm sàng tại bệnh viện, giúp cho	4	Học kỳ I. Năm học 2021-2022	TT bệnh viện + Điểm giữa kỳ 40%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		người được sĩ thực sự trở thành người được sĩ bên cạnh giường bệnh.			Điểm thi kết thúc học phần 60%
5.	Dược xã hội học	Môn học giới thiệu hệ thống tổ chức ngành Y tế Việt Nam và các quan điểm, đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác Y tế, những nội dung cơ bản của chiến lược chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân và chiến lược phát triển ngành Dược trong giai đoạn hiện nay. Trình bày tổ chức của ngành Dược Việt Nam, chức năng, nhiệm vụ và vai trò của người Dược sĩ trong tình hình hiện nay.	2	Học kỳ I. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
6.	Mỹ phẩm và thực phẩm chức năng	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng liên quan đến mỹ phẩm, thực phẩm chức năng bao gồm các vấn đề liên quan đến khái niệm, thành phần, phân loại, phân biệt các dạng bào chế, ứng dụng và kiểm tra quản lý.	3	Học kỳ I. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
7.	Dược lâm sàng và điều trị	Dược lâm sàng trong bệnh viện phục vụ cho chương trình giảng dạy môn dược lâm sàng sau khi sinh viên đã có những kiến thức cơ bản về dược lâm sàng đại cương và dược lâm sàng điều trị. Đặc biệt là kỹ năng giao tiếp với bệnh nhân trong việc hướng dẫn bệnh nhân sử dụng thuốc an toàn và hợp lý.	2	Học kỳ I. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
8.	Thực tế tốt nghiệp	Đào tạo người Dược sĩ Đại học có kiến thức, kỹ năng, thái độ tích cực để thực hiện các nhiệm vụ: sản xuất, kiểm tra chất lượng, đảm bảo chất lượng, bảo quản, phân phối thuốc. Sinh viên sau khi tốt nghiệp có khả năng tham gia vào hệ thống sản xuất tại nhà máy đạt chuẩn GMP-WHO.	8	Học kỳ I. Năm học 2021-2022	Điểm tổng kết môn học = (điểm tại cơ sở + điểm sổ thực tập)/3,
9.	Khóa luận tốt nghiệp	Cung cấp cho sinh viên kiến thức và quy trình lựa chọn đề tài, ứng dụng vào thực tiễn để đề xuất các biện pháp và kiến nghị thuộc lĩnh vực chăm sóc.	4	Học kỳ I. Năm học 2021-2022	Đánh giá của hội đồng.
10.	Tiểu luận tốt nghiệp	Cung cấp cho sinh viên kiến thức và quy trình lựa chọn đề tài, ứng dụng vào thực tiễn để đề xuất các biện pháp và kiến nghị thuộc lĩnh vực chăm sóc.	4	Học kỳ I. Năm học 2021-2022	(GVchấm 1+GV chấm 2)/2
11.	Độ ổn định của thuốc	Cung cấp cho sinh viên có kiến thức sâu hơn về các yếu tố ảnh hưởng đến độ ổn định của thuốc và các phương pháp xác định hạn dùng	2	Học kỳ I. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tuổi thọ của thuốc.			thức học phần 60%
12.	Quản lý và cung ứng thuốc	Môn học nhằm trang bị cho sinh viên về kiến thức và kỹ năng về tồn trữ và bảo quản thuốc và dụng cụ y tế.	2	Học kỳ I. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
13.	Tin học chuyên ngành dược	Cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quát về SPSS và phần mềm ChemDraw. Phương pháp tổ chức điều tra, kỹ năng sử dụng và xử lý trên phần mềm SPSS để trình bày một báo cáo điều tra	2	Học kỳ I. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
14.	Kinh tế dược	Cung cấp cho sinh viên kiến thức về: Kinh tế đại cương, vĩ mô, vi mô, kinh tế thị trường, kinh tế y tế, hợp đồng kinh tế. Quản trị, marketing dược. Các loại thuế, thống kê trong các hoạt động kinh tế dược .	2	Học kỳ I. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
15.	Pháp chế dược 1	Nội dung liên quan đến một số qui định về việc bảo quản thuốc, hóa chất, dụng cụ y tế, các qui định về lĩnh vực hành nghề dược. Pháp chế dược 1 còn đề cập đến một số nội dung cơ bản của một số bộ luật cơ bản của Việt Nam như Luật Dân sự, Luật hình sự, Luật kinh tế.	2	Học kỳ I. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
16.	Dược lý 2	Phân loại một số nhóm thuốc cơ bản, tác dụng, cơ chế tác dụng, tác dụng không mong muốn, chỉ định, chống chỉ định, liều lượng và cách dùng của một số thuốc: thuốc tác dụng trên hệ thần kinh thực vật, hệ thần kinh trung ương, thuốc giảm đau, thuốc tác động trên hệ tiêu hóa, thuốc trị bệnh tim mạch.	4	Học kỳ I. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
17.	Bào chế và sinh dược 2	Cung cấp các kiến thức cơ bản về kỹ thuật điều chế và sinh dược học các dạng thuốc: nhũ tương, hỗn dịch, thuốc mỡ, thuốc phun mù, thuốc mỡ, thuốc đạn, thuốc bột, thuốc viên, thuốc nang...Tương kỵ, tương tác trong bào chế thuốc.	4	Học kỳ I. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
18.	Quản trị kinh doanh dược	Một môn học giúp cho việc đào tạo người cán bộ Dược có những kiến thức và kỹ năng cơ bản nhất trong lĩnh vực dược. Người học được trang bị không chỉ những kiến thức cơ bản về lý thuyết mà còn được thực hành các tình huống liên quan tới thực hành nghề nghiệp từ thực tế công việc	3	Học kỳ I. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
19.	Hướng dẫn sử dụng thuốc	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cách nhận dạng một số loại thuốc thông dụng, hướng dẫn công dụng cách dùng, giúp sinh viên biết cách sử dụng cũng như tư vấn, cho bệnh nhân.	1	Học kỳ I. Năm học 2020-2021	Điểm trung bình cộng của điểm các bài thực hành.
20.	Phương pháp nghiên cứu dược liệu	Sinh viên sẽ học các phương pháp chiết xuất dược liệu cổ điển và hiện đại, từ quy mô nhỏ tới quy mô công nghiệp. Các phương pháp phân lập các nhóm hoạt chất từ dược liệu bằng các kỹ thuật sắc ký cổ điển và hiện đại ở quy mô phân tích và định lượng.	3	Học kỳ I. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
21.	Công nghệ sản xuất dược phẩm	Môn học giúp nghiên cứu, sản xuất một thuốc thông dụng như: viên nén, viên nang, viên bao phim ... đạt tiêu chuẩn chất lượng. Nắm được nguyên lý hoạt động của một số trang thiết bị thông dụng để sản xuất thuốc. Ngoài ra, công nghệ sản xuất dược phẩm giúp hiểu sâu hơn về hệ thống quản lý chất lượng, các GMP, ISO được áp dụng ở các xí nghiệp dược phẩm sản xuất thuốc, cơ sở kiểm tra chất lượng thuốc.	3	Học kỳ II. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
22.	Dược lâm sàng 1	Cung cấp được những kiến thức cơ bản nhất về sử dụng thuốc nhằm tạo thuận lợi cho hoạt động của Dược sĩ lâm sàng tại bệnh viện, giúp cho người dược sĩ thực sự trở thành người dược sĩ bên cạnh giường bệnh.	3	Học kỳ II. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
23.	Kiểm nghiệm dược phẩm	Kiểm nghiệm là một khâu quan trọng trong hệ thống quản lý chất lượng toàn diện của dược phẩm. Kiểm nghiệm có mặt trong các công đoạn sản xuất (kiểm nghiệm nguyên liệu, bán thành phẩm và kiểm nghiệm thành phẩm) trong tồn trữ, lưu thông và phân phối thuốc. Các kỹ thuật được sử dụng trong kiểm nghiệm rất phong phú và đa dạng thuộc các lĩnh vực vật lý, hóa học, sinh học	5	Học kỳ II. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
24.	Thực tế 1 (TT. Bệnh viện)	Đào tạo người dược sĩ có kiến thức, kỹ năng và thái độ tích cực để tham gia vào quản lý, phân phối thuốc, hướng dẫn sử dụng thuốc an toàn, hợp lý.	1	Học kỳ II. Năm học 2021-2022	Điểm chấm sổ báo cáo thực tập tại bệnh viện. Điểm trung bình môn học: tổng điểm trung

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					biên của 2 cột điểm của đợt thực tập.
25.	Marketing dược	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về marketing, marketing dược như: các chính sách trong marketing, và giúp cho sinh viên có thể ứng dụng những chính sách đó trong hoạt động marketing dược phẩm.	3	Học kỳ II. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
26.	Pháp chế dược 2	Pháp chế dược 2 bao gồm các nội dung về bộ tiêu chuẩn thực hành tốt do Bộ Y tế ban hành: Thực hành tốt sản xuất thuốc (GMP), Thực hành tốt kiểm nghiệm thuốc (GLP), Thực hành tốt bảo quản thuốc (GSP), Thực hành tốt phân phối thuốc (GDP), Thực hành tốt nhà thuốc (GPP), và những kiến thức chung về tình hình sản xuất, sử dụng và quản lý mỹ phẩm hiện nay của Việt Nam, Hiệp định về hệ thống hòa hợp ASEAN trong quản lý mỹ phẩm, và GMP trong sản xuất mỹ phẩm.	2	Học kỳ II. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
27.	Đảm bảo chất lượng thuốc	Nhằm giúp cho sinh viên có những kiến thức cơ bản về các phương pháp chủ yếu trong công tác đảm bảo chất lượng thuốc từ sản xuất cho đến tay người sử dụng: Thực hành tốt sản xuất thuốc (GMP), Thực hành tốt kiểm nghiệm thuốc (GLP), Thực hành tốt bảo quản thuốc (GSP), Thực hành tốt phân phối thuốc (GDP), Thực hành tốt nhà thuốc (GPP)	2	Học kỳ II. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
28.	Sản xuất thuốc từ dược liệu	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng liên quan đến chiết xuất dược liệu, xử lý tấp, cô sấy để thu được, các chế phẩm trung gian phục vụ cho việc bào chế các dạng thuốc từ dược liệu.	3	Học kỳ II. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
29.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ngoài chương mở đầu giới thiệu về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập của môn học và chương I nghiên cứu về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh thì nội dung còn có 6 chương nghiên cứu về những tư tưởng của Người về các vấn đề cụ thể, cơ bản nhất của cách mạng Việt Nam	2	Học kỳ I. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 70%
30.	Tiếng anh chuyên ngành	Giúp sinh viên lĩnh hội được kiến thức cơ bản về từ vựng sử dụng trong chuyên ngành dược, những thông tin liên quan đến thuốc và toa	2	Học kỳ I. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thuốc; nhờ đó sinh viên có thể đọc các thông tin về thuốc, toa thuốc bằng tiếng Anh và có thể hướng dẫn về cách sử dụng thuốc cơ bản bằng tiếng Anh.			thức học phần 60%
31.	Hóa phân tích 2	SV nắm được nguyên lý và các bước tiến hành của các ứng dụng của các phương pháp quang phổ UV-VIS, hồng ngoại, huỳnh quang, hấp thụ nguyên tử, một số phương pháp sắc kí, một số phương pháp điện hóa (đo pH, chuẩn độ....). Các phương pháp xử lý mẫu.	4	Học kỳ I. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
32.	Sinh lý bệnh miễn dịch	Cung cấp cho sinh viên kiến thức về các quy luật hoạt động, các rối loạn chức năng của cơ thể bệnh trong từng người bệnh lý cụ thể, trong các quá trình bệnh lý điển hình và trong bệnh lý nói chung	2	Học kỳ I. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
33.	Hóa dược 1	Giúp cho sinh viên nắm được nguyên tắc điều chế, công thức cấu tạo, tính chất lý hóa chính để ứng dụng trong kiểm nghiệm, pha chế, bảo quản thuốc; định tính, thử tinh khiết, định lượng một số nguyên liệu dùng làm thuốc, mối liên quan giữa cấu trúc và tác dụng (nếu có) của một số thuốc chính trong các nhóm thuốc: tác dụng trên thần kinh trung ương, thần kinh ngoại biên, thuốc tim mạch, thuốc lợi tiểu, vitamin và các chất dinh dưỡng.	3	Học kỳ I. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
34.	Ký sinh trùng	Giúp cho SV nắm được đặc điểm cơ bản về hình dạng, cấu trúc, chu kỳ phát triển; mối quan hệ của ký sinh trùng với môi trường và cơ thể con người, khả năng và cơ chế gây bệnh; nguyên tắc phòng và chống ký sinh trùng gây bệnh; các phương pháp xét nghiệm để chẩn đoán. Vận dụng những kiến thức đã học vào việc học tập các môn học khác của ngành dược.	3	Học kỳ I. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
35.	Dược liệu 1	Cung cấp cho sinh viên kiến thức chung về nguồn gốc, đặc điểm, phân bố, thành phần hoá học chính, tác dụng sinh học của các nhóm hợp chất carbohydrat, glycosid trợ tim, saponin, anthraglycosid, flavonoid, coumarin, tannin có trong dược liệu. Sinh viên cũng được trang bị kiến thức về vi phẫu, phương pháp chiết xuất, định tính, định lượng các nhóm hợp chất trên.	4	Học kỳ I. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
36.	Dược dịch tễ	Cung cấp những kiến thức cơ bản về nguyên tắc và nội dung chính của dịch tễ học và ứng	2	Học kỳ II. Năm học	Điểm giữa kỳ 40%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		dụng các nguyên tắc này trong chăm sóc sức khỏe; các chỉ số sức khỏe chủ yếu của cộng đồng, cách xác định yếu tố nguy cơ phát triển của bệnh; mô tả và phân tích tình trạng sức khỏe của cộng đồng dân cư; phân tích đặc điểm dịch tễ của một số bệnh truyền nhiễm thường gặp trong cộng đồng.		2021-2022	Điểm thi kết thúc học phần 60%
37.	Bệnh học cơ sở	Cung cấp các kiến thức cơ bản về cơ chế bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng và hướng điều trị của một số bệnh lý thường gặp trên hệ tim mạch, nội tiết, hệ hô hấp, huyết học, vận động, tiêu hóa, ...	3	Học kỳ II. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
38.	Dược liệu 2	Cung cấp cho sinh viên kiến thức về nguồn gốc, đặc điểm, phân bố, công thức cấu tạo, tác dụng sinh học của các dược liệu chứa các nhóm hợp chất tinh dầu, nhựa, chất béo và alkaloid. Sinh viên cũng được trang bị kiến thức về thực hành vi phẫu, phương pháp chiết xuất dược liệu, định tính định lượng các nhóm hợp chất trên.	3	Học kỳ II. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
39.	Hóa dược 2	Sinh viên nắm các nguyên tắc điều chế, công thức cấu tạo, tính chất lý hóa chính để ứng dụng trong kiểm nghiệm, pha chế, bảo quản thuốc; định tính, thử tinh khiết, định lượng một số nguyên liệu dùng làm thuốc, mối liên quan giữa cấu trúc và tác dụng (nếu có) của một số thuốc chính trong các nhóm thuốc kháng histamin, hormon, kháng sinh, sulfamid, thuốc điều trị ung thư, thuốc điều trị lao và phong...	4	Học kỳ II. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
40.	Dược lý 1	Sinh viên nắm được các cơ chế tác dụng và yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc, những vấn đề cơ bản trong điều trị của thuốc. Phân loại một số nhóm thuốc cơ bản, tác dụng, cơ chế tác dụng, tác dụng không mong muốn, chỉ định, chống chỉ định, liều lượng và cách dùng của một số thuốc: thuốc tác dụng trên hệ thần kinh thực vật, hệ thần kinh trung ương, thuốc giảm đau, thuốc tác động trên hệ tiêu hóa, thuốc trị bệnh tim mạch.	3	Học kỳ II. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
41.	Bào chế và sinh dược 1	Sinh viên nắm các kiến thức cơ bản về kỹ thuật bào chế và sinh dược học các dạng thuốc: dung dịch thuốc uống và dung dịch thuốc dùng	5	Học kỳ II. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		ngoài, thuốc tiêm, thuốc nhỏ mắt, kỹ thuật chiết xuất và kỹ thuật bào chế cao thuốc, cồn thuốc, rượu thuốc, kỹ thuật xử lý điều chế các loại nước sử dụng trong ngành dược.			thức học phần 60%
42.	Quản lý tồn trữ thuốc	Trang bị cho sinh viên về kiến thức và kỹ năng về tồn trữ và bảo quản thuốc và dụng cụ y tế.	2	Học kỳ II. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
43.	Phương pháp phân tích dụng cụ	Môn học bao gồm các kiến thức cơ bản các phương pháp phân tích dụng cụ (chiết tách, sắc ký, quang phổ, điện hóa,...) được sử dụng rộng rãi trong ngành Dược.	2	Học kỳ II. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
44.	Kinh tế chính trị Mác – Lê nin	Trên cơ sở thế giới quan và phương pháp luận Triết học Mác- Lê Nin. Từ đó, cung cấp cơ sở lý luận để nắm được những nội dung cơ bản Kinh tế chính trị Mác- Lê Nin trong bối cảnh phát triển nền kinh tế đất nước và thế giới ngày nay.	2	Học kỳ I. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 70%
45.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Sinh viên nắm được những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác – Lê Nin. Vận dụng các tri thức nói trên vào việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước liên quan đến CNXH và con đường đi lên CNXH ở nước ta.	2	Học kỳ I. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 70%
46.	Tiếng Anh định hướng TOEIC 2	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản những kỹ năng chính: Nghe – Nói – Đọc – Viết và 3 kỹ năng phụ Ngữ pháp - Từ vựng – Phát âm giúp sinh viên làm quen với hình thức đề thi TOEIC quốc tế, có khả năng giao tiếp ở mức độ cơ bản.	4	Học kỳ I. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
47.	Hóa lý dược	Cung cấp những kiến thức về các tính chất cơ bản của dung dịch điện ly, về các hệ phân tán thường được ứng dụng trong ngành Dược.	3	Học kỳ I. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
48.	Hóa phân tích 1	Phân tích định lượng bằng phép đo thể tích và đo khối lượng: phương pháp acid-base, tạo phức, oxy hóa-khử, kết tủa, khối lượng.	3	Học kỳ I. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					phần 60%
49.	Hóa sinh	Nghiên cứu về cơ sở phân tử của sự sống, nghiên cứu các tính chất hóa học và chuyển hóa của chúng trong cơ thể sống như: glucid, lipid, acid amin, protein, hemoglobin và acid nucleic.	4	Học kỳ I. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
50.	Giáo dục thể chất 3	Giúp sinh viên hoàn thiện một số động tác nâng cao trong bóng chuyền. Sinh viên có kiến thức về phương pháp trọng tài và có thể làm trọng tài trong các giải phong trào của đơn vị. Nắm vững các yếu lĩnh kỹ thuật của môn bóng đá như dẫn bóng, tâng bóng, sút bóng, ném biên. Các kỹ thuật này sẽ giúp sinh viên tự tập luyện để nâng cao sức khỏe.	1	Học kỳ I. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 70%
51.	Lịch sử đảng cộng sản Việt Nam	Cung cấp những tri thức có tính hệ thống, cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920- 1930), sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đấu tranh giành chính quyền (1930- 1945), trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945- 1975), trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới (1975- 2018).	2	Học kỳ II. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 70%
52.	Vi sinh vật y học	Cung cấp những kiến thức về phương pháp chẩn đoán, phòng bệnh, điều trị bệnh và tác nhân gây bệnh thuộc các loại vi sinh vật, bệnh lý học, khả năng lây lan, đặc biệt là cơ chế gây bệnh của các vi sinh vật, dịch tễ học của các bệnh nhiễm trùng.	3	Học kỳ II. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
53.	Giải phẫu sinh lý	Cung cấp những kiến thức căn bản về hình thái vi thể của các cơ quan trong cơ thể, những quy luật hoạt động của cơ thể sống, những đặc điểm chức năng từng tế bào, cơ quan, hệ thống cơ quan trong cơ thể và sự điều hòa hoạt động của các cơ quan trong một cơ thể thống nhất, toàn vẹn.	5	Học kỳ II. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
54.	Tiếng anh chuyên ngành	Giúp sinh viên lĩnh hội được kiến thức cơ bản về từ vựng sử dụng trong chuyên ngành dược, những thông tin liên quan đến thuốc và toa thuốc; nhờ đó sinh viên có thể đọc các thông tin về thuốc, toa thuốc bằng tiếng Anh và có thể hướng dẫn về cách sử dụng thuốc cơ bản	2	Học kỳ II. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		bằng tiếng Anh.			
55.	Hóa phân tích 2	SV nắm được nguyên lý và các bước tiến hành của các ứng dụng của các phương pháp quang phổ UV-VIS, hồng ngoại, huỳnh quang, hấp thụ nguyên tử, một số phương pháp sắc kí, một số phương pháp điện hóa (đo pH, chuẩn độ....). Các phương pháp xử lý mẫu.	4	Học kỳ II. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
56.	Tâm lý và đạo đức y dược	Cung cấp kiến thức cơ bản về tâm lý và tâm lý y học. Các nguyên lý cơ bản của đạo đức y học trong thực hành nghề nghiệp và nghiên cứu khoa học dựa trên các quy định chung của Việt Nam và Quốc tế.	2	Học kỳ II. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
57.	Sinh học di truyền	Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về sinh học tế bào: Kiến thức về các chất cơ bản cấu trúc sự sống; kiến thức về cấu tạo tế bào, đơn vị của sự sống từ sơ hạch tới chân hạch; các quá trình sống: trao đổi chất và năng lượng; hô hấp, quang hợp; các kiến thức cơ bản duy trì cơ thể sống qua phân chia tế bào, sự tổng hợp vật chất di truyền và vật chất sự sống cũng như sự truyền thông tin di truyền không bình thường gây hậu quả đột biến. Kiến thức về di truyền học : các tính trạng của con người được lưu giữ trong bộ máy di truyền; phương pháp nghiên cứu bộ máy di truyền bình thường và đặc biệt những sai lệch trong bộ máy di truyền sẽ sinh ra các căn bệnh ở con người, ở quần thể người; đây là nền tảng cho các môn học tiếp theo của Dược học.	3	Học kỳ I. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
58.	Vật lý – Lý sinh	Nội dung học phần chủ yếu trình bày các kiến thức về: sự biến đổi năng lượng của cơ thể; chuyển động trong cơ thể; dao động và sóng; điện và sự sống; ánh sáng và cơ thể sống; bức xạ ion hóa và cơ thể sống; ứng dụng một số kỹ thuật vật lý nguyên tử và hạt nhân vào y học.	2	Học kỳ I. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
59.	Xác suất thống kê y dược	Môn học bao gồm hai phần: Xác suất và Thống kê. Phần xác suất nhằm cung cấp kiến thức cơ bản bao gồm: xác suất cơ bản, công thức cộng xác suất, công thức nhân xác suất, công thức xác suất đầy đủ, công thức Bayes, công thức Bernoulli và xác suất trong chẩn đoán; Biến ngẫu nhiên và một số phân phối xác suất thông	2	Học kỳ I. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		dụng. Phân thống kê giới thiệu các phương pháp thu thập dữ liệu, các khái niệm và các tham số đặc trưng của tổng thể và mẫu; ước lượng và kiểm định các tham số của tổng thể.			
60.	Hóa đại cương vô cơ	Các khái niệm cơ bản như: thành phần cấu tạo nên vật chất: nguyên tử, phân tử, phân tử cấu trúc, thành phần các hợp chất và các kiểu liên kết hóa học, quá trình nhiệt động lực học, động học xảy ra trong phản ứng hóa học, khảo sát dung dịch, nồng độ dung dịch, điện hóa học, ứng dụng của hóa học và dòng điện. Giới thiệu đặc điểm, trạng thái, tính chất lý, hóa của một số các nguyên tố hóa học điển hình thuộc nhóm A và nhóm B.	3	Học kỳ I. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
61.	Tin học căn bản	Cung cấp cho sinh viên một số kiến thức, kỹ năng cơ bản về Công nghệ thông tin: Mạng máy tính và Internet, phòng và chống virus, tổ chức và quản lý các tài nguyên của máy tính. Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản để khai thác, sử dụng phần mềm soạn thảo văn bản với MS Word, phần mềm bảng tính điện tử MS Excel, phần mềm trình chiếu MS Powerpoint...	1	Học kỳ I. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 70%
62.	Nhận thức dược liệu	Trình bày được tên Việt Nam, tên khoa học, thành phần hóa học chính, tác dụng, công dụng chính và cách dùng liều dùng của 100 cây thuốc thông dụng. Nhận diện được khoảng 100 cây thuốc thông dụng.	1	Học kỳ I. Năm học 2021-2022	Điểm trung bình cộng của điểm các bài thực hành.
63.	Giáo dục thể chất 1	Học phần môn cầu lông giúp cho sinh viên có kiến thức về nguồn gốc hình thành và phát triển môn cầu lông thế giới và Việt Nam. Nắm vững các yếu lĩnh kỹ thuật như di chuyển đơn bước và đa bước, kỹ thuật giao cầu trái tay, kỹ thuật phòng thủ cơ bản... Học phần môn bóng đá giúp cho sinh viên nắm vững các yếu lĩnh kỹ thuật của môn bóng đá như dẫn bóng, tâng bóng, sút bóng, chuyền bóng. Học phần bóng chuyền giúp cho sinh viên có khả năng nhận biết một số kỹ thuật cơ bản của bóng chuyền, nắm vững yếu lĩnh kỹ thuật động	1	Học kỳ I. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tác đề trên cơ sở đó sinh viên tự tập luyện nâng cao sức khỏe.			
64.	Thực hành được khoa	Thực hành được khoa sẽ hướng dẫn sinh viên các thao tác chuẩn trong việc sử dụng dụng cụ trong phòng thí nghiệm.	1	Học kỳ I. Năm học 2021-2022	Điểm trung bình cộng của điểm các bài thực hành.
65.	Triết học Mác - Lênin	Giúp sinh viên hiểu được sự ra đời của triết học và triết học Mác – Lênin. Cung cấp những kiến thức cơ bản cho người học những nội dung cơ bản về những nguyên lý, cặp phạm trù, quy luật, vận động, phát triển chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy; xây dựng thế giới quan, phương pháp luận khoa học, cách mạng, vận dụng vào hoạt động nhận thức khoa học và thực tiễn cách mạng giai đoạn hiện nay.	3	Học kỳ II. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 70%
66.	Tiếng Anh định hướng TOEIC 1	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản những kỹ năng chính: Nghe – Nói – Đọc – Viết và 3 kỹ năng phụ Ngữ pháp - Từ vựng – Phát âm giúp sinh viên làm quen với hình thức đề thi TOEIC quốc tế, có khả năng giao tiếp ở mức độ cơ bản.	4	Học kỳ II. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
67.	Giáo dục thể chất 2	Học phần môn cầu lông nâng cao giúp cho sinh viên giúp có thể thực hành một số kỹ thuật nâng cao trong môn cầu lông như: Đánh cầu thuận tay cao sâu, đập cầu. Các kỹ thuật này sẽ giúp sinh viên tự tập luyện để nâng cao sức khỏe và hướng dẫn người khác cùng tập luyện. Học phần bóng chuyền và nâng cao, giúp cho SV biết kỹ thuật di chuyển cơ bản trong môn bóng chuyền, kỹ năng phán đoán và đánh bóng chuẩn xác. Học phần môn bóng đá giúp cho sinh viên có kiến thức về nguồn gốc hình thành và phát triển môn bóng đá. Sinh viên sau khi học sẽ nắm vững các yếu lĩnh kỹ thuật của môn bóng đá như dẫn bóng, tâng bóng, sút bóng, nhận bóng, chụp bóng. Các kỹ thuật này sẽ giúp sinh viên tự tập luyện để nâng cao sức khỏe và hướng dẫn người khác cùng tập luyện. Ngoài ra, học phần này cũng giúp sinh viên có kiến thức về chiến thuật thi đấu và luật thi đấu môn bóng đá.	1	Học kỳ II. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
68.	Thực vật dược	Gồm các nội dung liên quan đến cấu trúc của tế bào thực vật, các khái niệm về mô, cấu tạo và phân loại các mô thực vật làm cơ sở cho sinh viên học giải phẫu cơ quan thực vật như rễ, thân, lá, cũng như phục vụ cho công tác kiểm nghiệm dược liệu sau này. Ngoài ra còn có các khái niệm liên quan đến mô tả cơ quan sinh trưởng và cấu trúc cơ quan sinh sản của thực vật có hoa để làm nền tảng cho việc học phân phân loại thực vật. Từ đó sinh viên biết mô tả một cây theo trình tự phân loại	4	Học kỳ II. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
69.	Hóa hữu cơ	Cung cấp những kiến thức cơ bản về cấu trúc, danh pháp, cơ chế phản ứng, tính chất lý học, tính chất hoá, học của hợp chất hydrocarbon, hợp chất đơn chức, đa chức, tạp chức, dị vòng, hợp chất thiên nhiên. Vận dụng, liên hệ được các kiến thức cơ bản trên vào trong đời sống và các môn học khác.	4	Học kỳ II. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
70.	Kinh tế chính trị Mác – Lê nin	Trên cơ sở thế giới quan và phương pháp luận Triết học Mác- Lê Nin. Từ đó, cung cấp cơ sở lý luận để nắm được những nội dung cơ bản Kinh tế chính trị Mác- Lê Nin trong bối cảnh phát triển nền kinh tế đất nước và thế giới ngày nay.	2	Học kỳ I. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 70%
71.	Tiếng Anh định hướng TOEIC 2	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản những kỹ năng chính: Nghe – Nói – Đọc – Viết và 3 kỹ năng phụ Ngữ pháp - Từ vựng – Phát âm giúp sinh viên làm quen với hình thức đề thi TOEIC quốc tế, có khả năng giao tiếp ở mức độ cơ bản.	4	Học kỳ III. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
72.	Tâm lý và đạo đức y dược	Cung cấp kiến thức cơ bản về tâm lý và tâm lý y học. Các nguyên lý cơ bản của đạo đức y học trong thực hành nghề nghiệp và nghiên cứu khoa học dựa trên các quy định chung của Việt Nam và Quốc tế.	2	Học kỳ III. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
73.	Hóa phân tích 1	Phân tích định lượng bằng phép đo thể tích và đo khối lượng: phương pháp acid-base, tạo phức, oxy hóa-khử, kết tủa, khối lượng.	3	Học kỳ III. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
74.	Hóa sinh	Nghiên cứu về cơ sở phân tử của sự sống, nghiên cứu các tính chất hóa học và chuyển hóa của chúng trong cơ thể sống như: glucid,	4	Học kỳ III. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		lipid, acid amin, protein, hemoglobin và acid nucleic.			thức học phần 60%
75.	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	Học phần gồm 2 nội dung lớn là phần sinh lý bệnh đại cương (nghiên cứu các khái niệm cơ bản trong sinh bệnh học và các quy luật hoạt động của các quá trình bệnh lý điển hình) và sinh lý bệnh các cơ quan nghiên cứu sự thay đổi chức năng của các cơ quan khi bị tổn thương. Miễn dịch học gồm các phần miễn dịch học đại cương (nghiên cứu các khái niệm cơ bản về hệ thống đáp ứng miễn dịch trong cơ thể) và phần miễn dịch bệnh lý nghiên cứu các rối loạn hoạt động của hệ thống miễn dịch và tìm hiểu cơ chế bệnh sinh của chúng, từ đó đưa ra những nguyên tắc điều trị bệnh lý miễn dịch.	2	Học kỳ I. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
76.	Chăm sóc sức khỏe tâm thần	Cung cấp cho sinh viên kiến thức về sức khỏe tâm thần, và một số biểu hiện bệnh lý tâm thần, những khó khăn về tâm lý của người bệnh; lập kế hoạch và thực hiện được kế hoạch chăm sóc bệnh nhân tâm thần.	2	Học kỳ I. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
77.	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng	Mô tả chức năng, nhiệm vụ, tổ chức hoạt động của trạm y tế cơ sở và chức trách nhiệm vụ của nhân viên trạm y tế Quản lý chăm sóc sức khỏe ban đầu (lập kế hoạch, theo dõi, giám sát, truyền thông giao tiếp với đồng nghiệp, làm việc nhóm, huy động cộng đồng). Giáo dục sức khỏe cho cộng đồng.	2	Học kỳ I. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
78.	Nghiên cứu khoa học	Cung cấp cho sinh viên có kiến thức và kỹ năng thực hành cơ bản về cách chuẩn bị đề viết đề cương, phương pháp thực hiện một đề tài, cách viết bài báo khoa học và trình bày một báo cáo NCKH ứng dụng trong ngành Điều dưỡng. Giới thiệu những phương pháp truy cập thông tin, tài liệu từ thư viện, Internet...	2	Học kỳ I. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
79.	Điều dưỡng phòng mổ - Hậu phẫu	Cung cấp cho sinh viên kiến thức về quy định, quy chế liên quan đến phòng mổ; chức năng của điều dưỡng phòng mổ; y dụng cụ trang thiết bị của phòng mổ và có khả năng chăm sóc được người bệnh sau mổ.	2	Học kỳ I. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
80.	Chăm sóc bệnh chuyên khoa hệ ngoại (tai mũi)	Cung cấp cho sinh viên kiến thức về triệu chứng, biến chứng, hướng điều trị và có khả năng chăm sóc các bệnh Mắt, Tai -Mũi-Họng,	3	Học kỳ I. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	họng, mắt, răng hàm mặt)	Răng hàm mặt thường gặp.			thức học phần 60%
81.	Thực tập tốt nghiệp	Đào tạo người Điều dưỡng Đại học có kiến thức, kĩ năng, thái độ tích cực để thực hiện công tác chăm sóc sức khỏe độc lập cho bệnh nhân	4	Học kỳ II. Năm học 2021-2022	Điểm tổng kết môn học = (điểm tại cơ sở + điểm số thực tập)/3,
82.	Khóa luận tốt nghiệp	Cung cấp cho sinh viên kiến thức và quy trình lựa chọn đề tài, ứng dụng vào thực tiễn để đề xuất các biện pháp và kiến nghị thuộc lĩnh vực chăm sóc.	8	Học kỳ II. Năm học 2021-2022	Đánh giá của hội đồng.
83.	Tiểu luận tốt nghiệp	Cung cấp cho sinh viên kiến thức và quy trình lựa chọn đề tài, ứng dụng vào thực tiễn để đề xuất các biện pháp và kiến nghị thuộc lĩnh vực chăm sóc.	4	Học kỳ II. Năm học 2021-2022	(GV chấm 1+GV chấm 2)/2
84.	Chăm sóc người bệnh cấp cứu & chăm sóc tích cực	Cung cấp cho sinh viên kiến thức về biện pháp theo dõi đánh giá, đảm bảo chức năng cơ bản và các biện pháp chăm sóc hồi sức trong cấp cứu bệnh nhân.	2	Học kỳ II. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
85.	Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi	Mô tả được những thay đổi về chức năng sinh lý và tâm lý ở đối tượng người cao tuổi và lập được kế hoạch chăm sóc phù hợp với các bệnh thường gặp ở người cao tuổi	2	Học kỳ II. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
86.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ngoài chương mở đầu giới thiệu về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập của môn học và chương I nghiên cứu về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh thì nội dung còn có 6 chương nghiên cứu về những tư tưởng của Người về các vấn đề cụ thể, cơ bản nhất của cách mạng Việt Nam	2	Học kỳ I. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 70%
87.	Pháp luật - Tổ chức Y tế	Cung cấp cho sinh viên cơ sở lý luận cơ bản của công tác y tế, nguyên tắc tổ chức, mô hình tổ chức, mạng lưới y tế Việt Nam và các giải pháp cơ bản của chương trình y tế quốc gia.	2	Học kỳ I. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
88.	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa 2	Cung cấp cho sinh viên kiến thức về triệu chứng, tiến triển và biến chứng một số bệnh thuộc chuyên khoa hô hấp, nội tiết, bệnh tự miễn và một số bệnh cấp cứu thường gặp và có	4	Học kỳ I. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chi	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		khả năng chăm sóc người bệnh nội khoa hô hấp, nội tiết, bệnh tự miễn và một số bệnh cấp cứu thường gặp.			phần 60%
89.	Chăm sóc sức khoẻ trẻ em 1	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về bệnh học, đặc điểm giải phẫu, sinh lý của trẻ em để nhận định, đánh giá và chăm sóc bệnh nhi toàn diện....	3	Học kỳ I. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
90.	Chăm sóc sức khoẻ người lớn bệnh Ngoại khoa 2	Cung cấp cho sinh viên kiến thức về nguyên nhân triệu chứng một số bệnh ngoại khoa niệu, thần kinh, chấn thương và có khả năng chăm sóc một số bệnh ngoại khoa niệu, thần kinh, chấn thương	3	Học kỳ I. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
91.	Phục hồi chức năng 1	Cung cấp kiến thức về sức khỏe, khuyết tật, tàn tật, tàn phế và các khái niệm về phục hồi chức năng và hình thức phục hồi chức năng và mục đích của vận động trị liệu. và mô tả được các hình thức vận động trị liệu thường được áp dụng.	3	Học kỳ I. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
92.	Y học cổ truyền 1	Cung cấp các kiến thức cơ bản cần thiết cho việc chăm sóc các bệnh theo y học cổ truyền và một số phương pháp nhận định người bệnh theo y học cổ truyền	2	Học kỳ I. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
93.	Kiểm soát nhiễm khuẩn	Cung cấp cho sinh viên kiến thức về tổ chức kiểm soát nhiễm khuẩn ở bệnh viện và biện pháp phòng ngừa phơi nhiễm nghề nghiệp.	2	Học kỳ I. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
94.	Chăm sóc sức khoẻ phụ nữ, bà mẹ và gia đình	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về các dấu hiệu bình thường, bệnh lý trong thời kỳ thai nghén, chuyển dạ và sau đẻ; nguyên nhân, triệu chứng, tiên triển, biến chứng của một số bệnh thường gặp trong sản – phụ khoa và có khả năng thực hiện được các kỹ thuật điều dưỡng thường gặp khi chăm sóc phụ nữ trong giai đoạn trước- trong và sau đẻ	3	Học kỳ II. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
95.	Kỹ năng giao tiếp- Giáo dục sức khoẻ	Cung cấp cho sinh viên kiến thức về truyền thông và giao tiếp và có khả năng vận dụng kiến thức tối thiểu về giao tiếp trong hoạt động tư vấn sức khoẻ cho người bệnh.	2	Học kỳ II. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
96.	Quản lý điều	Cung cấp cho sinh viên kiến thức về thống	2	Học kỳ II.	Điểm giữa kỳ

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	đưỡng	quản lý Điều dưỡng Việt nam, chức năng nhiệm vụ của các cấp trong ngành điều dưỡng và các nguyên tắc và kỹ năng quản lý điều dưỡng.		Năm học 2021-2022	40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
97.	Chăm sóc sức khoẻ người bệnh truyền nhiễm	Cung cấp cho sinh viên kiến thức về nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, phương thức lây truyền, triệu chứng học, biến chứng và cách chăm sóc của các bệnh truyền nhiễm thường gặp.	3	Học kỳ II. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
98.	Dinh dưỡng - Tiết chế	Cung cấp cho sinh viên kiến về dinh dưỡng và sức khoẻ, bệnh tật của con người và vai trò của dinh dưỡng trong điều trị.	2	Học kỳ II. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
99.	Chăm sóc sức khoẻ trẻ em 2	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về bệnh học, đặc điểm giải phẫu, sinh lý của trẻ em để nhận định, đánh giá và chăm sóc bệnh nhi toàn diện....	2	Học kỳ II. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
100.	Sức khoẻ môi trường	Cung cấp cho sinh viên kiến thức về y học môi trường, khái niệm về vệ sinh bệnh viện và các biện pháp an toàn trong lao động.	2	Học kỳ II. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
101.	Chăm sóc bệnh chuyên khoa hệ nội (Da liễu, lao)	Cung cấp cho sinh viên kiến thức về triệu chứng, tiến triển, biến chứng và ó khả năng chăm sóc một số bệnh thường gặp thuộc chuyên khoa da liễu và lao.	3	Học kỳ II. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
102.	Kinh tế chính trị Mác – Lê nin	Trên cơ sở thế giới quan và phương pháp luận Triết học Mác- Lê Nin. Từ đó, cung cấp cơ sở lý luận để nắm được những nội dung cơ bản Kinh tế chính trị Mác- Lê Nin trong bối cảnh phát triển nền kinh tế đất nước và thế giới ngày nay. Nghiên cứu kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa , công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế ở Việt Nam.	2	Học kỳ I. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 70%
103.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Sinh viên nắm được những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác – Lê Nin. Nắm được năng lực hiểu biết thực tiễn và khả	2	Học kỳ I. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		năng vận dụng các tri thức nói trên vào việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước liên quan đến CNXH và con đường đi lên CNXH ở nước ta. Có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn về môn học CNXH nói riêng và nền tảng tư tưởng của Đảng ta nói chung.			
104.	Tiếng Anh định hướng TOEIC 2	Sinh viên nắm được năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức nói trên vào việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước liên quan đến CNXH và con đường đi lên CNXH ở nước ta.	4	Học kỳ I. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
105.	Giáo dục thể chất 3	Sinh viên có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn về môn học CNXH nói riêng và nền tảng tư tưởng của Đảng ta nói chung.	1	Học kỳ I. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 70%
106.	Điều dưỡng cơ bản 1	Cung cấp cho sinh viên kiến thức về quy tắc nghề nghiệp, luật pháp quốc gia, luật pháp địa phương và chính sách y tế khi cung cấp chăm sóc điều dưỡng, tuân theo các tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp và các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản.	4	Học kỳ I. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
107.	Giải phẫu	- Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về vị trí, hình thể ngoài, hình thể trong của các cơ quan trong cơ thể người và vận dụng được kiến thức giải phẫu vào lý giải các hiện tượng sinh lý tương ứng với các cơ quan và vào các môn học khác.	4	Học kỳ I. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
108.	Dược lý	- Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản chung về tác dụng của một số nhóm thuốc cơ bản và có sử dụng trong chuyên ngành; vận dụng được những hiểu biết về thuốc vào việc sử dụng thuốc an toàn cho người bệnh.	3	Học kỳ I. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
109.	Lịch sử đảng cộng sản Việt Nam	Cung cấp những tri thức có tính hệ thống, cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920- 1930), sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đấu tranh giành chính quyền (1930- 1945), trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945- 1975), trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc thời kỳ cả nước quá	2	Học kỳ II. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới (1975- 2018).			
110.	Dịch tễ học	- Cung cấp cho sinh viên kiến thức về chỉ số sức khỏe chủ yếu của cộng đồng và cách xác định những yếu tố nguy cơ phát triển của bệnh.	2	Học kỳ II. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
111.	Tiếng Anh chuyên ngành	Giúp sinh viên lĩnh hội được kiến thức cơ bản về từ vựng sử dụng trong chuyên ngành dược, những thông tin liên quan đến thuốc và toa thuốc; nhờ đó sinh viên có thể đọc các thông tin về thuốc, toa thuốc bằng tiếng Anh và có thể hướng dẫn về cách sử dụng thuốc cơ bản bằng tiếng Anh.	2	Học kỳ II. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
112.	Điều dưỡng cơ bản 2	- Cung cấp cho sinh viên kiến thức về can thiệp điều dưỡng theo tiêu chuẩn thực hành đã được thừa nhận và có khả năng thực hiện kỹ thuật chăm sóc trên bệnh nhân.	4	Học kỳ II. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
113.	Kiểm soát nhiễm khuẩn	Cung cấp cho sinh viên kiến thức về tổ chức kiểm soát nhiễm khuẩn ở bệnh viện và biện pháp phòng ngừa phơi nhiễm nghề nghiệp.	2	Học kỳ II. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
114.	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa 1	- Cung cấp cho sinh viên kiến thức về chứng, tiến triển và biến chứng một số bệnh thuộc chuyên khoa tim mạch, tiêu hóa, tiết niệu thường gặp.	3	Học kỳ II. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
115.	Điều dưỡng cơ bản 3 (THBV)	- Giúp cho sinh viên có khả năng giao tiếp hiệu quả để tạo lập mối liên hệ giữa bệnh nhân, người nhà họ và các nhân viên y tế khác nhằm đảm bảo chất lượng chăm sóc, thực hiện thành thạo kỹ thuật chăm sóc trên người .Thực hành thành thạo và khéo léo các thao tác chăm sóc người bệnh.	2	Học kỳ II. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
116.	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Ngoại khoa 1	- Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về vai trò của người điều dưỡng ngoại khoa, triệu chứng, bệnh học và cách chăm sóc của một số bệnh ngoại khoa tổng quát.	2	Học kỳ II. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
117.	Tin học căn bản	Cung cấp cho sinh viên một số kiến thức, kỹ năng cơ bản về Công nghệ thông tin: Mạng	3	Học kỳ I. Năm học	Điểm giữa kỳ 30%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		máy tính và Internet, phòng và chống virus, tổ chức và quản lý các tài nguyên của máy tính. Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản để khai thác, sử dụng phần mềm soạn thảo văn bản với MS Word, phần mềm bảng tính điện tử MS Excel, phần mềm trình chiếu MS Powerpoint...		2021-20212	Điểm thi kết thúc học phần 70%
118.	Giáo dục thể chất 1	Học phần môn cầu lông giúp cho sinh viên có kiến thức về nguồn gốc hình thành và phát triển môn cầu lông thế giới và Việt Nam. Nắm vững các yếu lĩnh kỹ thuật như di chuyển đơn bước và đa bước, kỹ thuật giao cầu trái tay, kỹ thuật phòng thủ cơ bản... Học phần môn bóng đá giúp cho sinh viên có kiến thức về nguồn gốc hình thành và phát triển môn bóng đá. Nắm vững các yếu lĩnh kỹ thuật của môn bóng đá như dẫn bóng, tâng bóng, sút bóng, chuyền bóng. Học phần bóng chuyền giúp cho sinh viên có khả năng nhận biết một số kỹ thuật cơ bản của bóng chuyền, nắm vững yếu lĩnh kỹ thuật động tác để trên cơ sở đó sinh viên tự tập luyện nâng cao sức khỏe.	1	Học kỳ I. Năm học 2021-20212	Điểm giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 70%
119.	Sinh học và di truyền	Biết được tế bào là gì và lịch sử phát hiện ra tế bào như thế nào. Thành phần hóa học và các đại phân tử tham gia cấu tạo tế bào, các tổ chức NST trong cơ thể sinh vật. Phân biệt được các dạng rối loạn di truyền ở người và một số bệnh di truyền liên quan đến NST. Làm cơ sở nền tảng cho việc học các môn học tiếp theo các ngành sức khỏe.	2	Học kỳ I. Năm học 2021-20212	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
120.	Vật lý-lý sinh	Cung cấp các kiến thức về: sự biến đổi năng lượng của cơ thể; chuyển động trong cơ thể; dao động và sóng; điện và sự sống; ánh sáng và cơ thể sống; bức xạ ion hóa và cơ thể sống; ứng dụng một số kỹ thuật vật lý nguyên tử và hạt nhân vào y học	2	Học kỳ I. Năm học 2021-20212	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
121.	Hoá sinh	Cung cấp cho sinh viên kiến thức về cấu trúc hóa học, cách phân loại, tính chất, vai trò, cơ chế tác dụng sinh học của các enzyme (nhân hóa tố), diễn biến và ý nghĩa của quá trình sinh tổng hợp và thoái hóa của các chất, glucid, lipid, prôtôid trong cơ thể.	3	Học kỳ I. Năm học 2021-20212	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
122.	Xác suất – Thống kê y dược	Môn học bao gồm hai phần: Xác suất và Thống kê. Phần xác suất nhằm cung cấp kiến thức cơ bản bao gồm: xác suất cơ bản, công thức cộng xác suất, công thức nhân xác suất, công thức xác suất đầy đủ, công thức Bayes, công thức Bernoulli và xác suất trong chẩn đoán; Biến ngẫu nhiên và một số phân phối xác suất thông dụng. Phần thống kê giới thiệu các phương pháp thu thập dữ liệu, các khái niệm và các tham số đặc trưng của tổng thể và mẫu; ước lượng và kiểm định các tham số của tổng thể.	2	Học kỳ I. Năm học 2021-20212	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
123.	Triết học Mác - Lênin	Giúp sinh viên hiểu được sự ra đời của triết học và triết học Mác – Lênin. Cung cấp những kiến thức cơ bản cho người học những nội dung cơ bản về những nguyên lý, cặp phạm trù, quy luật, vận động, phát triển chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy; xây dựng thế giới quan, phương pháp luận khoa học, cách mạng, vận dụng vào hoạt động nhận thức khoa học và thực tiễn cách mạng giai đoạn hiện nay.	3	Học kỳ II. Năm học 2021-20212	Điểm giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 70%
124.	Tiếng anh Định hướng TOEIC 1	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản những kỹ năng chính: Nghe – Nói – Đọc – Viết và 3 kỹ năng phụ Ngữ pháp - Từ vựng – Phát âm giúp sinh viên làm quen với hình thức đề thi TOEIC quốc tế, có khả năng giao tiếp ở mức độ cơ bản.	4	Học kỳ II. Năm học 2021-20212	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
125.	Giải phẫu	- Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về vị trí, hình thể ngoài, hình thể trong của các cơ quan trong cơ thể người và vận dụng được kiến thức giải phẫu vào lý giải các hiện tượng sinh lý tương ứng với các cơ quan và vào các môn học khác.	4	Học kỳ II. Năm học 2021-20212	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
126.	Sinh lý	- Cung cấp cho sinh viên kiến thức về chức năng hoạt động của các cơ quan và hệ thống cơ quan, mối quan hệ thống nhất giữa chúng với nhau và giữa cơ thể với môi trường bên ngoài; giải thích một số rối loạn chức năng và ứng dụng để thực hiện tốt quy trình điều dưỡng.	3	Học kỳ II. Năm học 2021-20212	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
127.	Giáo dục thể chất 2	Học phần môn cầu lông nâng cao giúp cho sinh viên giúp có thể thực hành một số kỹ thuật nâng cao trong môn cầu lông như: Đánh cầu thuận tay cao sâu, đập cầu. Các kỹ thuật này sẽ	1	Học kỳ II. Năm học 2021-20212	Điểm giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		giúp sinh viên tự tập luyện để nâng cao sức khỏe và hướng dẫn người khác cùng tập luyện. Học phần bóng chuyền và nâng cao, giúp cho SV biết kỹ thuật di chuyển cơ bản trong môn bóng chuyền, kỹ năng phán đoán và đánh bóng chuẩn xác. Học phần môn bóng đá giúp cho sinh viên có kiến thức về nguồn gốc hình thành và phát triển môn bóng đá. Sinh viên sau khi học sẽ nắm vững các yếu lĩnh kỹ thuật của môn bóng đá như dẫn bóng, tâng bóng, sút bóng, nhận bóng, chụp bóng. Các kỹ thuật này sẽ giúp sinh viên tự tập luyện để nâng cao sức khỏe			phần 70%
128.	Kinh tế chính trị Mác – Lê nin	Trên cơ sở thế giới quan và phương pháp luận Triết học Mác- Lê Nin. Từ đó, cung cấp cơ sở lý luận để nắm được những nội dung cơ bản Kinh tế chính trị Mác- Lê Nin trong bối cảnh phát triển nền kinh tế đất nước và thế giới ngày nay. Nghiên cứu kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế ở Việt Nam.	2	Học kỳ III. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 70%
129.	Tiếng Anh định hướng TOEIC 2	Sinh viên nắm được năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức nói trên vào việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước liên quan đến CNXH và con đường đi lên CNXH ở nước ta.	4	Học kỳ III. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
130.	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	Học phần gồm 2 nội dung lớn là phần sinh lý bệnh đại cương (nghiên cứu các khái niệm cơ bản trong sinh bệnh học và các quy luật hoạt động của các quá trình bệnh lý điển hình) và sinh lý bệnh các cơ quan nghiên cứu sự thay đổi chức năng của các cơ quan khi bị tổn thương. Miễn dịch học gồm các phần miễn dịch học đại cương (nghiên cứu các khái niệm cơ bản về hệ thống đáp ứng miễn dịch trong cơ thể) và phần miễn dịch bệnh lý nghiên cứu các rối loạn hoạt động của hệ thống miễn dịch và tìm hiểu cơ chế bệnh sinh của chúng, từ đó đưa ra những nguyên tắc điều trị bệnh lý miễn dịch.	2	Học kỳ III. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
131.	Điều dưỡng cơ bản 1	Cung cấp cho sinh viên kiến thức về quy tắc nghề nghiệp, luật pháp quốc gia, luật pháp địa	4	Học kỳ III. Năm học	Điểm giữa kỳ 40%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		phương và chính sách y tế khi cung cấp chăm sóc điều dưỡng ,tuân theo các tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp và các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản.		2021-2022	Điểm thi kết thúc học phần 60%
132.	Ký sinh trùng	Giúp cho SV nắm được đặc điểm cơ bản về hình dạng, cấu trúc, chu kỳ phát triển; mối quan hệ của ký sinh trùng với môi trường và cơ thể con người, khả năng và cơ chế gây bệnh; nguyên tắc phòng và chống ký sinh trùng gây bệnh; các phương pháp xét nghiệm để chẩn đoán. Vận dụng những kiến thức đã học vào việc học tập các môn học khác của ngành được.	2	Học kỳ III. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
133.	Ký sinh trùng	Giúp cho SV nắm được đặc điểm cơ bản về hình dạng, cấu trúc, chu kỳ phát triển; mối quan hệ của ký sinh trùng với môi trường và cơ thể con người, khả năng và cơ chế gây bệnh; nguyên tắc phòng và chống ký sinh trùng gây bệnh; các phương pháp xét nghiệm để chẩn đoán. Vận dụng những kiến thức đã học vào việc học tập các môn học khác của ngành được.	3	Học kỳ I. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
134.	Dược liệu 1	Cung cấp cho sinh viên kiến thức chung về nguồn gốc, đặc điểm, phân bố, thành phần hoá học chính, tác dụng sinh học của các nhóm hợp chất carbohydrat, glycosid trợ tim, saponin, anthraglycosid, flavonoid, coumarin, tannin có trong dược liệu. Sinh viên cũng được trang bị kiến thức về vi phẫu, phương pháp chiết xuất, định tính, định lượng các nhóm hợp chất trên.	4	Học kỳ I. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
135.	Dược dịch tễ	Cung cấp những kiến thức cơ bản về nguyên tắc và nội dung chính của dịch tễ học và ứng dụng các nguyên tắc này trong chăm sóc sức khoẻ; các chỉ số sức khoẻ chủ yếu của cộng đồng, cách xác định yếu tố nguy cơ phát triển của bệnh; mô tả và phân tích tình trạng sức khoẻ của cộng đồng dân cư; phân tích đặc điểm dịch tễ của một số bệnh truyền nhiễm thường gặp trong cộng đồng.	2	Học kỳ II. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
136.	Bệnh học cơ sở	Cung cấp các kiến thức cơ bản về cơ chế bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng và hướng điều trị của một số bệnh lý thường gặp trên hệ tim mạch, nội tiết, hệ hô hấp, huyết học, vận động, tiêu hóa, ...	3	Học kỳ II. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
137.	Dược liệu 2	Cung cấp cho sinh viên kiến thức về nguồn	3	Học kỳ II.	Điểm giữa kỳ

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		gốc, đặc điểm, phân bố, công thức cấu tạo, tác dụng sinh học của các dược liệu chứa các nhóm hợp chất tinh dầu, nhựa, chất béo và alkaloid. Sinh viên cũng được trang bị kiến thức về thực hành vi phẫu, phương pháp chiết xuất dược liệu, định tính định lượng các nhóm hợp chất trên.		Năm học 2021-2022	40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
138.	Hóa dược 2	Sinh viên nắm các nguyên tắc điều chế, công thức cấu tạo, tính chất lý hóa chính để ứng dụng trong kiểm nghiệm, pha chế, bảo quản thuốc; định tính, thử tinh khiết, định lượng một số nguyên liệu dùng làm thuốc, mối liên quan giữa cấu trúc và tác dụng (nếu có) của một số thuốc chính trong các nhóm thuốc kháng histamin, hormon, kháng sinh, sulfamid, thuốc điều trị ung thư, thuốc điều trị lao và phong...	4	Học kỳ II. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
139.	Dược lý 1	Sinh viên nắm được các cơ chế tác dụng và yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc, những vấn đề cơ bản trong điều trị của thuốc. Phân loại một số nhóm thuốc cơ bản, tác dụng, cơ chế tác dụng, tác dụng không mong muốn, chỉ định, chống chỉ định, liều lượng và cách dùng của một số thuốc: thuốc tác dụng trên hệ thần kinh thực vật, hệ thần kinh trung ương, thuốc giảm đau, thuốc tác động trên hệ tiêu hóa, thuốc trị bệnh tim mạch.	3	Học kỳ II. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
140.	Bào chế và sinh dược 1	Sinh viên nắm các kiến thức cơ bản về kỹ thuật bào chế và sinh dược học các dạng thuốc: dung dịch thuốc uống và dung dịch thuốc dùng ngoài, thuốc tiêm, thuốc nhỏ mắt, kỹ thuật chiết xuất và kỹ thuật bào chế cao thuốc, cồn thuốc, rượu thuốc, kỹ thuật xử lý điều chế các loại nước sử dụng trong ngành dược.	5	Học kỳ II. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
141.	Quản lý tồn trữ thuốc	Trang bị cho sinh viên về kiến thức và kỹ năng về tồn trữ và bảo quản thuốc và dụng cụ y tế.	2	Học kỳ II. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
142.	Phương pháp phân tích dụng cụ	Môn học bao gồm các kiến thức cơ bản các phương pháp phân tích dụng cụ (chiết tách, sắc ký, quang phổ, điện hóa,...) được sử dụng rộng rãi trong ngành Dược.	2	Học kỳ II. Năm học 2021-2022	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					phần 60%
143.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Hiểu được những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác – Lênin.	2	HK1 21-22	Tự luận
144.	Giáo dục thể chất 1	Giúp sinh viên tự tập luyện nâng cao sức khoẻ cho bản thân đạt tiêu chuẩn về rèn luyện thân thể	1	HK1 21-22	Thi thực hành
145.	Giáo dục thể chất 3	Giúp sinh viên tự tập luyện nâng cao sức khoẻ cho bản thân đạt tiêu chuẩn về rèn luyện thân thể	1	HK1 21-22	Thi thực hành
146.	Giao tiếp trong kinh doanh	- Cung cấp cho sinh viên kiến thức căn bản về giao tiếp ngôn ngữ thông qua hình thức nói và viết. - Cung cấp cho sinh viên kiến thức căn bản về giao tiếp phi ngôn ngữ thông qua nét mặt, nụ cười, ánh mắt, dáng vẻ, cử chỉ, không gian giao tiếp. - Cung cấp cho sinh viên một số kỹ năng đàm phán phổ biến.	2	HK1 21-22	Tự luận
147.	Hành vi tổ chức	Cung cấp sinh viên những nội dung liên quan vấn đề hành vi của con người trong tổ chức nhằm tạo động lực làm việc cho người lao động. Từ đó, nâng cao hiệu quả làm việc của người lao động	3	HK1 21-22	Thi tự luận
148.	Hợp đồng thương mại quốc tế	Các vấn đề về hợp đồng thương mại quốc tế Các công ước, hiệp ước về hợp đồng thương mại quốc tế mà Việt Nam tham gia Ký kết và điều chỉnh nội dung hợp đồng thương mại quốc tế Các chế tài do vi phạm hợp đồng thương mại quốc tế Giải quyết các tranh chấp phát sinh từ hợp đồng thương mại quốc tế	2	HK1 21-22	Tự luận
149.	Kinh tế chính trị Mac - Lênin	Sinh viên hiểu được nội dung cơ bản của kinh tế chính trị Mác - Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới hiện nay. Hiểu được những nội dung cốt lõi xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Vận dụng quan điểm khoa học kinh tế chính trị Mác - Lênin và đường lối, chủ trương, quan điểm của Đảng, chính sách của Nhà nước vào	2	HK1 21-22	Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		học tập, công tác và cuộc sống			
150.	Kinh tế đối ngoại	-Hiểu được khái niệm kinh tế đối ngoại, đánh giá được các chính sách kinh tế đối ngoại và biện pháp thực hiện áp dụng vào thương mại quốc tế của Việt Nam. -Nắm bắt được tình hình xuất khẩu nhập khẩu của Việt Nam theo ngành hàng, theo quốc gia xuất nhập khẩu. -Phân tích được tình hình đầu tư trực tiếp theo hình thức đầu tư, theo địa phương;đánh giá việc thu hút vốn đầu tư theo ngành, theo nước đầu tư. - Hiểu được hoạt động thị trường ngoại hối, các loại tỷ giá hối đoái và ảnh hưởng của nó đến hoạt động xuất nhập khẩu. - Nhận thức được cơ hội và thách thức của Việt Nam khi gia nhập các tổ chức, liên minh kinh tế quốc tế WTO,ASEAN,APEC...và các tổ chức tài chính quốc tế WB, IMF... -Tích cực chủ động tham gia vào bài học, có tư duy sáng tạo, có khả năng làm việc nhóm và tự học.	2	HK1 21-22	Tự luận
151.	Kinh tế vi mô	trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về kinh tế học như quy luật khan hiếm; quy luật cung cầu; tác động của các yếu tố đến cung cầu; những nguyên tắc tối ưu hoá trong sản xuất và tiêu dùng	3	HK1 21-22	Thi tự luận
152.	Kinh tế vĩ mô	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kinh tế học vĩ mô như hạch toán sản lượng quốc gia, về các biến số kinh tế vĩ mô quan trọng. Hiểu rõ và vận dụng để phân tích, đánh giá, dự báo các biến động trong nền kinh tế. Hiểu và đánh giá được các chính sách tài chính và chính sách tiền tệ đang áp dụng vào mô hình nền kinh tế đóng và nền kinh tế mở	3	HK1 21-22	Thi tự luận
153.	Kỹ năng bán hàng	Hiểu bán hàng, hiểu khách hàng, biết các kỹ năng chăm sóc khách hàng	2	HK1 21-22	Tự luận
154.	Luật thương mại quốc tế	-Nội dung bao gồm:kiến thức về thương mại Quốc tế và Luật Thương mại Quốc tế như: lý thuyết thương mại quốc tế, xu hướng của hoạt động thương mại trong giai đoạn hiện nay; kiến thức về các thiết chế điều chỉnh hoạt động thương mại toàn cầu; kiến thức pháp lý về hợp	2	HK1 21-22	Trắc nghiệm

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		đồng (tìm hiểu về phạm vi áp dụng, quyền và nghĩa vụ của các bên trong quan hệ Hợp đồng theo CISG 1980 và các nguyên tắc của Unidroit về hợp đồng thương mại quốc tế; Giới thiệu một số phương thức giải quyết tranh chấp thường gặp trong hoạt động thương mại quốc tế (theo cơ chế của WTO, tòa án, trọng tài...)			
155.	Lý thuyết và chính sách thương mại Quốc tế	-Hiểu được môi trường hoạt động của thương mại quốc tế. - Giải thích được nguyên nhân vì sao mâu dịch phát sinh giữa các quốc gia, mô thức thương mại quốc tế thường được áp dụng như thế nào và lợi ích - Hiểu rõ các xu hướng phát triển chính của thương mại quốc tế ngày nay, nhận thức được lợi ích của vấn đề hội nhập kinh tế quốc tế và liên hệ với trường hợp Việt Nam. -Áp dụng được kiến thức vào giải quyết các công việc trong thực tiễn công việc. -Tích cực chủ động tham gia vào bài học, có tư duy sáng tạo, có khả năng làm việc nhóm và tự học.	2	HK1 21-22	Tự luận
156.	Marketing quốc tế	Học phần cung cấp cho người học: dựa trên nền tảng kiến thức Marketing căn bản, nhưng Marketing quốc tế sẽ giúp sinh viên hiểu được Marketing quốc tế (chủ yếu là Marketing xuất khẩu) khác với Marketing nội địa ở những điểm nào, Marketing – mix cho thị trường nước ngoài có gì khác so với Marketing – mix mà sinh viên đã được biết; và để có thể đưa sản phẩm thâm nhập vào thị trường nước ngoài thì nhà sản xuất cần có những kế hoạch, chiến lược như thế nào	2	HK1 21-22	Thi trắc nghiệm tự luận
157.	Nghệ thuật quảng cáo	Nắm được những kiến thức chuyên môn về nội dung môn học Nghệ thuật quảng cáo; ngoài ra, qua môn học còn hỗ trợ giúp người học hoàn thiện thêm các kỹ năng mềm về xác định mục tiêu, phương pháp, tư vấn cho các đơn vị liên quan về kiến thức trong môn học	2	HK1 21-22	Thi trắc nghiệm tự luận
158.	Nghiên cứu Marketing	Học phần cung cấp cho sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của thông tin thị trường trong việc ra quyết định liên quan đến lĩnh vực marketing nói riêng và kinh doanh nói chung.	3	HK1 21-22	Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Thông qua học phần, sinh viên nhận thức được kiến thức và kỹ năng thực hiện nghiên cứu khoa học trong marketing và vận dụng thực hiện nghiên cứu marketing trong thực tiễn. Tổ chức về tư duy khoa học, năng lực giải quyết vấn đề và khả năng làm việc nhóm, làm việc độc lập và sự chịu khó trong công việc cũng kỳ vọng được hình thành để đảm nhận được các vị trí công việc liên quan đến nghiên cứu marketing trong thực tiễn			
159.	Nguyên lý kế toán	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nguyên lý kế toán, phương pháp chứng từ trong một doanh nghiệp - Cung cấp cho sinh viên về kiến thức hạch toán kế toán	3	HK1 21-22	Thi tự luận
160.	Phân tích hoạt động kinh doanh	Các nội dung chủ yếu của môn học bao gồm: xây dựng và ước lượng mô hình hồi qui hai biến; hồi qui bội; hồi qui với biến giả, và các vấn đề về hiệu chỉnh mô hình như đa cộng tuyến, phương sai của sai số thay đổi; tự tương quan; chọn mô hình và kiểm định việc định dạng mô hình. Bên cạnh đó, học phần trang bị các kiến thức về phương pháp đánh giá độ tin cậy của thang đo thông qua hệ số Cronbach's Alpha, phương pháp phân tích nhân tố khám phá (EFA) đối với các biến là biến khái niệm, được đo lường bằng thang đo nhiều chỉ báo	2	HK1 21-22	Thi tự luận
161.	Pháp luật đại cương	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật, về nguồn gốc, vai trò bản chất, các kiểu và hình thức của nhà nước và pháp luật, tìm hiểu về hệ thống tổ chức của bộ máy nhà nước Việt Nam, những nội dung chủ yếu của các ngành luật cơ bản trong hệ thống pháp luật của nước ta hiện nay... Qua đó, giúp sinh viên mở rộng những kiến thức phổ thông về nhà nước và pháp luật, nâng cao ý thức văn hóa ứng xử của bản thân, biết tôn trọng kỷ luật trong nhà trường và kỷ cương ngoài xã hội	2	HK1 21-22	Thi trắc nghiệm
162.	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	Học phần này được thiết kế nhằm giúp cho sinh viên nắm vững kiến thức cơ bản nhất về khoa học, nghiên cứu khoa học và phương pháp nghiên cứu khoa học, bước đầu thực hiện	2	HK1 21-22	Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		được một nghiên cứu khoa học, có thái độ làm việc tích cực, độc lập và giải quyết những mâu thuẫn trong nhận thức trong lĩnh vực khoa học. Đồng thời, học phần còn trang bị cho sinh viên những kiến thức cần thiết để tiếp thu tốt các môn học có liên quan và có thể tự nâng cao trình độ về nghiên cứu khoa học sử dụng trong nghề nghiệp			
163.	Quan hệ công chúng	Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về quan hệ công chúng, các hoạt động quan hệ công chúng phổ biến, định hướng sinh viên có thể vận dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn công tác kinh doanh	2	HK1 21-22	Thi trắc nghiệm
164.	Quản trị bán hàng	Trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng về hoạt động bán hàng và quản trị bán hàng trong doanh nghiệp như : Khái luận về bán hàng và quản trị bán hàng; Xây dựng kế hoạch bán hàng; Tổ chức bán hàng; Kiểm soát bán hàng ; Tổ chức các hoạt động hỗ trợ bán hàng và một số kỹ năng quản trị bán hàng cơ bản như : Kỹ năng lập kế hoạch bán hàng ; Kỹ năng tổ chức mạng lưới bán hàng ; Kỹ năng tổ chức và phát triển lực lượng bán hàng ; Kỹ năng kiểm soát bán hàng ; Kỹ năng tổ chức các hoạt động hỗ trợ bán hàng	3	HK1 21-22	Thi tự luận
165.	Quản trị chất lượng	Hiểu rõ các khái niệm cơ bản về chất lượng và quản trị chất lượng, cũng như vai trò của quản trị chất lượng đối với sự thành công của tổ chức. - Hiểu rõ các nguyên tắc và các chức năng của quản lý chất lượng. - Hiểu và có khả năng sử dụng một số kỹ thuật quản lý chất lượng. - Nhận biết được các phương pháp đánh giá chất lượng, đánh giá hệ thống quản lý chất lượng và có khả năng ứng dụng các phương pháp đánh giá. - Hiểu được bản chất của các phương thức quản lý chất lượng tiên tiến hiện nay, được các doanh nghiệp Việt Nam ưu tiên áp dụng. - Hoàn thành tốt các bài tập nhóm, bài kiểm tra và bài thi kết thúc môn học	2	HK1 21-22	Thi tự luận
166.	Quản trị chiến	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức	3	HK1 21-22	Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	lược	căn bản có hệ thống những nội dung về quản trị, chiến lược và quản trị chiến lược. Đồng thời, sinh viên có khả năng phân tích những ảnh hưởng của môi trường kinh doanh đến doanh nghiệp, cách thức xây dựng và lựa chọn chiến lược cho doanh nghiệp. Ứng dụng kiến thức vào thực tiễn hoạch định chiến lược kinh doanh cho doanh nghiệp			
167.	Quản trị học	Cung cấp kiến thức cơ bản về quản trị, những kỹ năng cơ bản của một nhà quản trị. - Cung cấp kiến thức về hoạch định, tổ chức, lãnh đạo kiểm tra trong quản trị	3	HK1 21-22	Thi tự luận
168.	Quản trị Marketing	Học phần trang bị tổng thể kiến thức về lĩnh vực marketing, quản trị marketing, quy trình triển khai công tác quản trị marketing tại doanh nghiệp. Học phần cũng đi sâu giải quyết các yêu cầu đối với việc hoạch định chiến lược marketing, kế hoạch marketing, chương trình marketing và vận dụng cho các doanh nghiệp ở Việt Nam trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế	3	HK1 21-22	Thi tự luận
169.	Quản trị rủi ro	Học phần Quản trị rủi ro kinh doanh cung cấp kiến thức nền tảng và kỹ năng về quản trị rủi ro, phân tích và nhận dạng các loại rủi ro đối với mỗi doanh nghiệp, đo lường mức độ ảnh hưởng của rủi ro đối với doanh nghiệp, xây dựng các chương trình hành động nhằm kiểm soát rủi ro và lựa chọn phương án tài trợ thích hợp cho từng loại rủi ro trong phạm vi cho phép để đảm bảo đạt các mục tiêu và kế hoạch doanh nghiệp đề ra	2	HK1 21-22	Thi tự luận
170.	Quản trị sản xuất	Trang bị cho người học những kiến thức về quản trị sản xuất như: ra quyết định sản xuất trong những điều kiện khác nhau; các phương pháp định vị doanh nghiệp; bố trí mặt bằng, dây chuyền sản xuất; lựa chọn công nghệ và công suất phù hợp; hoạch định tổng hợp và các mô hình tồn kho và cung ứng vật tư	3	HK1 21-22	Thi tự luận
171.	Quản trị thương hiệu	Học phần Quản trị thương hiệu nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thương hiệu và cách quản trị như thế nào. Sinh viên biết vận dụng những kiến thức đó để xây dựng và tổ chức quản trị thương hiệu của	2	HK1 21-22	Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		doanh nghiệp			
172.	Tâm lý và nghệ thuật lãnh đạo	Sau khi học xong môn học này, những người tham gia sẽ có khả năng tốt hơn trong: Thảo luận những khái niệm về lãnh đạo và phát triển những khái niệm lãnh đạo của chính bản thân mình. Nhận ra những phong cách lãnh đạo khác nhau, sự giống và khác nhau của chúng, đồng thời đánh giá được bản thân trên cơ sở các phong cách lãnh đạo này. Phân tích bối cảnh của lãnh đạo để vận dụng những chiến lược gây ảnh hưởng hiệu quả trong công việc	2	HK1 21-22	Thi trắc nghiệm luận
173.	Tiếng Anh chuyên ngành 2	Môn học giúp người học ôn tập lại kiến thức quản trị kinh doanh được chuyển thể sang tiếng Anh. Trong quá trình học, người học nắm được thuật ngữ chuyên ngành bằng tiếng Anh. Ngoài ra, người học còn được hệ thống lại ngữ pháp đã học cũng như tiếp cận với những dạng trình bày báo cáo/viết email... dưới dạng văn phong được quy ước quốc tế	2	HK1 21-22	Thi tự luận
174.	Tiếng Anh định hướng TOEIC 2	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản những kỹ năng chính: Nghe – Nói – Đọc – Viết và kỹ năng phụ Ngữ pháp - Từ vựng – Phát âm, giúp sinh viên làm quen với hình thức đề thi TOEIC quốc tế, có khả năng giao tiếp ở mức độ cơ bản	4	HK1 21-22	Thi trắc nghiệm luận
175.	Tiếp thị số (Internet Marketing)	Có kiến thức cơ bản về tiếp thị số: khái niệm, mô hình tiếp thị số, các kỹ thuật ứng dụng trong tiếp thị số, hiểu được sự khác nhau giữa tiếp thị số và tiếp thị truyền thống, những lợi ích khi thực hiện tiếp thị số, tìm hiểu các chiến lược xây dựng tiếp thị số cho các mô hình tổ chức, doanh nghiệp khác nhau	2	HK1 21-22	Thi trắc nghiệm
176.	Tin học căn bản	Cung cấp cho sinh viên khối kiến thức căn bản và các thuật ngữ cập nhật về môn tin học căn bản; giúp sinh viên tiếp cận công nghệ thông tin và sử dụng thành thạo tin học văn phòng	3	HK1 21-22	Thi thực hành
177.	Toán cao cấp	Trang bị cho sinh viên các khái niệm cơ bản cũng như ý nghĩa vận dụng khái quát của ma trận và định thức vào việc giải hệ phương trình tuyến tính tổng quát cũng như các mô hình tổng quát trong thực tế. Đồng thời, học phần còn cung cấp cho sinh viên những kiến thức	3	HK1 21-22	Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		căn bản cũng như ý nghĩa vận dụng vi tích phân hàm một biến, hàm nhiều biến chẳng hạn như tính gần đúng bằng đạo hàm cấp cao, khảo sát sự biến thiên,... và các mô hình phương trình vi phân trong thực tế			
178.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về khái niệm Tư tưởng, nguồn gốc quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh	2	HK1 21-22	Thi tự luận
179.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về khái niệm Tư tưởng, nguồn gốc quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh	2	HK1 21-22	Thi tự luận
180.	Marketing tổng hợp	Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức tổng quan về marketing, quản trị marketing và vận dụng vào trong môi trường doanh nghiệp, cụ thể như: hoạch định, tổ chức, triển khai thực hiện và kiểm tra theo chức năng các hoạt động marketing nhằm hướng đến hoàn thành mục tiêu đặt ra trên cơ sở chiến lược, kế hoạch, chương trình marketing được xét duyệt.	2	HK2 20-21	Tự luận
181.	Quản trị doanh nghiệp	Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức tổng quan về doanh nghiệp, môi trường hoạt động của doanh nghiệp, quản trị các hoạt động trong doanh nghiệp. Trên cơ sở đó, sinh viên vận dụng giải quyết các tình huống thực tế của doanh nghiệp	2	HK2 20-21	Tự luận
182.	Chuyên đề quản trị kinh doanh	Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về hình thức, nội dung trình bày chuyên đề. Sinh viên vận dụng hoàn thành chuyên đề thực tập thực tế tại doanh nghiệp	4	HK2 20-21	Viết báo cáo và báo cáo trước hội đồng
183.	Giáo dục thể chất 2	Giúp sinh viên tự tập luyện nâng cao sức khỏe cho bản thân đạt tiêu chuẩn về rèn luyện thân thể	1	HK2 20-21	Thi thực hành
184.	Kế toán quản trị	Trên cơ sở tiếp cận các kỹ thuật của kế toán quản trị, sinh viên có thể tạo lập thông tin và sử dụng thông tin để đưa ra các quyết định phục vụ cho việc hoạch định, tổ chức điều hành, kiểm soát và ra quyết định liên quan đến quản lý doanh nghiệp	2	HK2 20-21	Thi tự luận
185.	Kinh tế quốc tế	cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản từ cổ điển đến hiện đại trong thương mại quốc tế	2	HK2 20-21	Thi tự luận
186.	Kinh tế vi mô	trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về kinh tế học như quy luật khan hiếm; quy	3	HK2 20-21	Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		luật cung cầu; tác động của các yếu tố đến cung cầu; những nguyên tắc tối ưu hoá trong sản xuất và tiêu dùng			
187.	Lập và phân tích dự án	Hiểu được các khái niệm về Đầu tư và Dự án đầu tư. - Biết được ý nghĩa của việc lập dự án đầu tư. - Những kiến thức lý thuyết về thẩm định dự án đầu tư. - Các bước soạn thảo cho một dự án đầu tư.	3	HK2 20-21	Bài tập lớn và thi tự luận
188.	Lịch sử đảng CSVN	Cung cấp những tri thức có tính hệ thống, cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920- 1930), sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đấu tranh giành chính quyền (1930- 1945), trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945- 1975), trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới (1975- nay).	2	HK2 20-21	Tự luận
189.	Luật kinh tế	Giới thiệu những nội dung cơ bản của Luật kinh tế nhằm nâng cao nhận thức của sinh viên về nội dung pháp lý liên quan tới chuyên ngành đang theo học. - Giới thiệu về địa vị pháp lý của các loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế nhiều thành phần, theo định hướng XHCN của Việt Nam - Giới thiệu nội dung cơ bản về hợp đồng kinh tế; giải quyết tranh chấp kinh tế và phá sản doanh nghiệp	2	HK2 20-21	Thi tự luận
190.	Nguyên lý Marketing	Nắm vững các khái niệm cơ bản về phân khúc thị trường, những tiêu chí để doanh nghiệp lựa chọn thị trường mục tiêu và các bước trong quy trình định vị thương hiệu trong thị trường mục tiêu đó. - Nhạy bén hơn với việc nhận biết những gì xảy ra xung quanh mình và thích ứng tốt hơn, nhờ hiệu ứng của việc ứng dụng những lý thuyết trong Marketing vào việc phát triển mọi khía cạnh cuộc sống cá nhân. - Nắm vững khái niệm Marketing mix và những nội dung bên trong khi triển khai Marketing mix. Phát triển được các kỹ năng	3	HK2 20-21	Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		cần thiết để phân tích và đưa ra nhận định về các hoạt động marketing-mix của doanh nghiệp trên thị trường			
191.	Nhượng quyền thương mại	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nhượng quyền thương mại, các loại hình nhượng quyền thương mại, cũng như những đánh giá về những tồn tại, hạn chế của kinh doanh nhượng quyền thương mại tại Việt Nam	2	HK2 20-21	Thi trắc nghiệm tự luận
192.	Phân tích định lượng trong kinh doanh	Các nội dung chủ yếu của môn học bao gồm: xây dựng và ước lượng mô hình hồi qui hai biến; hồi qui bội; hồi qui với biến giả, và các vấn đề về hiệu chỉnh mô hình như đa cộng tuyến, phương sai của sai số thay đổi; tự tương quan; chọn mô hình và kiểm định việc định dạng mô hình. Bên cạnh đó, học phần trang bị các kiến thức về phương pháp đánh giá độ tin cậy của thang đo thông qua hệ số Cronbach's Alpha, phương pháp phân tích nhân tố khám phá (EFA) đối với các biến là biến khái niệm, được đo lường bằng thang đo nhiều chỉ báo	2	HK2 20-21	Thi tự luận
193.	Quản trị hệ thống thông tin	Trang bị kiến thức về hệ thống thông tin và quản trị hệ thống thông tin cho sinh viên.	2	HK2 20-21	Thi tự luận
194.	Quản trị nhân sự	Cung cấp sinh viên những nội dung liên quan vấn đề quản trị nhân sự tại một doanh nghiệp. - Cung cấp sinh viên những học thuyết về tạo động lực làm việc, giúp nâng cao hiệu quả quản trị nhân sự	2	HK2 20-21	Thi tự luận
195.	Quản trị tài chính	Môn học đặt trọng tâm vào việc trang bị cho học viên những khái niệm, mô hình, công cụ về tài chính căn bản và tài chính doanh nghiệp và hướng dẫn cách ứng dụng trong thực tiễn thông qua các nghiên cứu tình huống trên thị trường tài chính Việt Nam	2	HK2 20-21	Thi tự luận
196.	Tâm lý và hành vi khách hàng	Giới thiệu, thảo luận và phân tích vấn đề cơ bản của hành vi người tiêu dùng. Học phần sẽ cung cấp cho SV các kiến thức lý thuyết lẫn các tình huống thực tế về các khía cạnh liên qua đến hành vi và tâm lý của người tiêu dùng	2	HK2 20-21	Thi trắc nghiệm
197.	Thanh toán quốc tế	Sau khi hoàn thành học phần Thanh toán Quốc Tế, sinh viên biết cách tính tỷ giá và biết được các nghiệp vụ giao dịch hối đoái. Ngoài ra, sinh viên còn biết được cách vận dụng	2	HK2 20-21	Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		phương tiện và phương thức thanh toán quốc tế. Bên cạnh đó, sinh viên còn biết cách kiểm tra chứng từ thanh toán xuất nhập khẩu và có sự nhận thức về trách nhiệm và phòng ngừa rủi ro trong thanh toán quốc tế			
198.	Thống kê kinh doanh	Cung cấp những nội dung liên quan đến kiến thức thống kê mô tả. - Cung cấp những nội dung liên quan thống kê suy luận	3	HK2 20-21	Thi tự luận
199.	Thương mại điện tử	Có kiến thức cơ bản về thương mại điện tử: khái niệm, mô hình thương mại điện tử, các kỹ thuật ứng dụng CNTT trong thương mại điện tử, hiểu được sự khác nhau giữa thương mại điện tử và thương mại truyền thống, những lợi ích và rủi ro khi thực hiện thương mại điện tử, tìm hiểu các chiến lược xây dựng thương mại điện tử cho các mô hình tổ chức, doanh nghiệp khác nhau. Nắm được một số quy định, pháp luật trong giao dịch điện tử và vấn đề an ninh trong giao dịch TMĐT	2	HK2 20-21	Thi tự luận
200.	Tiếng Anh chuyên ngành 1	Môn học giúp người học ôn tập lại kiến thức quản trị kinh doanh được chuyển thể sang tiếng Anh. Trong quá trình học, người học nắm được thuật ngữ chuyên ngành bằng tiếng Anh. Ngoài ra, người học còn được hệ thống lại ngữ pháp đã học cũng như tiếp cận với những dạng trình bày báo cáo/viết email... dưới dạng văn phong của được quy ước quốc tế	2	HK2 20-21	Thi tự luận
201.	Tiếng Anh định hướng TOEIC 1	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản những kỹ năng chính: Nghe – Nói – Đọc – Viết và kỹ năng phụ Ngữ pháp - Từ vựng – Phát âm, giúp sinh viên làm quen với hình thức đề thi TOEIC quốc tế, có khả năng giao tiếp ở mức độ cơ bản	4	HK2 20-21	Thi trắc nghiệm tự luận
202.	Tiếng Anh định hướng TOEIC 3	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản những kỹ năng chính: Nghe – Nói – Đọc – Viết và kỹ năng phụ Ngữ pháp - Từ vựng – Phát âm, giúp sinh viên làm quen với hình thức đề thi TOEIC quốc tế, có khả năng giao tiếp ở mức độ cơ bản	4	HK2 20-21	Thi trắc nghiệm tự luận
203.	Triết học Mac - Lênin	Giúp sinh viên hiểu và vận dụng trong quá trình học tập về xác định đối tượng, nhiệm vụ,	3	HK2 20-21	Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		phương pháp, ý nghĩa của việc học tập môn học.			
204.	Văn hóa doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh	Hiểu rõ những kiến thức cơ bản về đạo đức kinh doanh, văn hóa doanh nghiệp, trách nhiệm xã hội... của một tổ chức, doanh nghiệp trong hoạt động kinh doanh. - Hiểu rõ các vấn đề đạo đức trong kinh doanh, các triết lý đạo đức, cũng như trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, các dạng văn hóa doanh nghiệp điển hình... để vận dụng vào thực tiễn công tác, nhằm hoàn thiện hành vi, ứng xử của mình đối với tổ chức, khách hàng... đúng theo chuẩn mực đạo đức, văn hóa của doanh nghiệp. - Hoàn thành tốt các bài tập nhóm, bài kiểm tra và bài thi kết thúc môn học.	2	HK2 20-21	Thi tự luận
205.	Marketing tổng hợp	Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức tổng quan về marketing, quản trị marketing và vận dụng vào trong môi trường doanh nghiệp, cụ thể như: hoạch định, tổ chức, triển khai thực hiện và kiểm tra theo chức năng các hoạt động marketing nhằm hướng đến hoàn thành mục tiêu đặt ra trên cơ sở chiến lược, kế hoạch, chương trình marketing được xét duyệt.	2	HK2 21-22	Tự luận
206.	Quản trị doanh nghiệp	Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức tổng quan về doanh nghiệp, môi trường hoạt động của doanh nghiệp, quản trị các hoạt động trong doanh nghiệp. Trên cơ sở đó, sinh viên vận dụng giải quyết các tình huống thực tế của doanh nghiệp	2	HK2 21-22	Tự luận
207.	Chuyên đề quản trị kinh doanh	Viết báo cáo và báo cáo trước hội đồng	4	HK2 21-22	Viết báo cáo và báo cáo trước hội đồng
208.	Giáo dục thể chất 2	Giúp sinh viên tự tập luyện nâng cao sức khỏe cho bản thân đạt tiêu chuẩn về rèn luyện thân thể	1	HK2 21-22	Thi thực hành
209.	Giao tiếp và đàm phán trong kinh doanh quốc tế	- Cung cấp cho sinh viên kiến thức căn bản về giao tiếp ngôn ngữ thông qua hình thức nói và viết. - Cung cấp cho sinh viên kiến thức căn bản về giao tiếp phi ngôn ngữ thông qua nét mặt, nụ cười, ánh mắt, dáng vẻ, cử chỉ, không gian giao tiếp.	3	HK2 21-22	Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Cung cấp cho sinh viên một số kỹ năng đàm phán phổ biến.			
210.	Hợp đồng thương mại quốc tế	Các vấn đề về hợp đồng thương mại quốc tế Các công ước, hiệp ước về hợp đồng thương mại quốc tế mà Việt Nam tham gia Ký kết và điều chỉnh nội dung hợp đồng thương mại quốc tế Các chế tài do vi phạm hợp đồng thương mại quốc tế Giải quyết các tranh chấp phát sinh từ hợp đồng thương mại quốc tế	2	HK2 21-22	Tự luận
211.	Kinh tế quốc tế	cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản từ cổ điển đến hiện đại trong thương mại quốc tế	3	HK2 21-22	Thi tự luận
212.	Kinh tế vi mô	trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về kinh tế học như quy luật khan hiếm; quy luật cung cầu; tác động của các yếu tố đến cung cầu; những nguyên tắc tối ưu hoá trong sản xuất và tiêu dùng	3	HK2 21-22	Thi tự luận
213.	Kỹ năng bán hàng	Hiểu bán hàng, hiểu khách hàng, biết các kỹ năng chăm sóc khách hàng	2	HK2 21-22	Tự luận
214.	Lập và phân tích dự án	Hiểu được các khái niệm về Đầu tư và Dự án đầu tư. - Biết được ý nghĩa của việc lập dự án đầu tư. - Những kiến thức lý thuyết về thẩm định dự án đầu tư. - Các bước soạn thảo cho một dự án đầu tư.	3	HK2 21-22	Bài tập lớn và thi tự luận
215.	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	Cung cấp những tri thức có tính hệ thống, cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920- 1930), sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đấu tranh giành chính quyền (1930- 1945), trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945- 1975), trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới (1975- nay).	2	HK2 21-22	Tự luận
216.	Luật kinh tế	Giới thiệu những nội dung cơ bản của Luật kinh tế nhằm nâng cao nhận thức của sinh viên về nội dung pháp lý liên quan tới chuyên ngành đang theo học. - Giới thiệu về địa vị pháp lý của các loại hình doanh nghiệp trong nền kinh tế nhiều	2	HK2 21-22	Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thành phần, theo định hướng XHCN của Việt Nam - Giới thiệu nội dung cơ bản về hợp đồng kinh tế; giải quyết tranh chấp kinh tế và phá sản doanh nghiệp			
217.	Luật thương mại quốc tế	-Nội dung bao gồm:kiến thức về thương mại Quốc tế và Luật Thương mại Quốc tế như: lý thuyết thương mại quốc tế, xu hướng của hoạt động thương mại trong giai đoạn hiện nay; kiến thức về các thiết chế điều chỉnh hoạt động thương mại toàn cầu; kiến thức pháp lý về hợp đồng (tìm hiểu về phạm vi áp dụng, quyền và nghĩa vụ của các bên trong quan hệ Hợp đồng theo CISG 1980 và các nguyên tắc của Unidroit về hợp đồng thương mại quốc tế; Giới thiệu một số phương thức giải quyết tranh chấp thường gặp trong hoạt động thương mại quốc tế (theo cơ chế của WTO, tòa án, trọng tài...)	3	HK2 21-22	Trắc nghiệm
218.	Lý thuyết và chính sách thương mại Quốc tế	-Hiểu được môi trường hoạt động của thương mại quốc tế. - Giải thích được nguyên nhân vì sao mậu dịch phát sinh giữa các quốc gia, mô thức thương mại quốc tế thường được áp dụng như thế nào và lợi ích - Hiểu rõ các xu hướng phát triển chính của thương mại quốc tế ngày nay, nhận thức được lợi ích của vấn đề hội nhập kinh tế quốc tế và liên hệ với trường hợp Việt Nam. -Áp dụng được kiến thức vào giải quyết các công việc trong thực tiễn công việc. -Tích cực chủ động tham gia vào bài học, có tư duy sáng tạo, có khả năng làm việc nhóm và tự học.	2	HK2 21-22	Tự luận
219.	Marketing quốc tế	Học phần cung cấp cho người học: dựa trên nền tảng kiến thức Marketing căn bản, nhưng Marketing quốc tế sẽ giúp sinh viên hiểu được Marketing quốc tế (chủ yếu là Marketing xuất khẩu) khác với Marketing nội địa ở những điểm nào, Marketing – mix cho thị trường nước ngoài có gì khác so với Marketing – mix mà sinh viên đã được biết; và để có thể đưa sản phẩm thâm nhập vào thị trường nước ngoài thì nhà sản xuất cần có những kế hoạch, chiến	2	HK2 21-22	Thi trắc nghiệm tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		lược như thế nào			
220.	Nghiên cứu Marketing	Học phần cung cấp cho sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của thông tin thị trường trong việc ra quyết định liên quan đến lĩnh vực marketing nói riêng và kinh doanh nói chung. Thông qua học phần, sinh viên nhận thức được kiến thức và kỹ năng thực hiện nghiên cứu khoa học trong marketing và vận dụng thực hiện nghiên cứu marketing trong thực tiễn. Tổ chức về tư duy khoa học, năng lực giải quyết vấn đề và khả năng làm việc nhóm, làm việc độc lập và sự chịu khó trong công việc cũng kỳ vọng được hình thành để đảm nhận được các vị trí công việc liên quan đến nghiên cứu marketing trong thực tiễn	3	HK2 21-22	Thi tự luận
221.	Nghiệp vụ hải quan	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về hải quan và các nghiệp vụ hải quan	3	HK2 21-22	Tự luận
222.	Nhượng quyền thương mại	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nhượng quyền thương mại, các loại hình nhượng quyền thương mại, cũng như những đánh giá về những tồn tại, hạn chế của kinh doanh nhượng quyền thương mại tại Việt Nam	2	HK2 21-22	Thi trắc nghiệm tự luận
223.	Phân tích định lượng trong kinh doanh	Các nội dung chủ yếu của môn học bao gồm: xây dựng và ước lượng mô hình hồi qui hai biến; hồi qui bội; hồi qui với biến giả, và các vấn đề về hiệu chỉnh mô hình như đa cộng tuyến, phương sai của sai số thay đổi; tự tương quan; chọn mô hình và kiểm định việc định dạng mô hình. Bên cạnh đó, học phần trang bị các kiến thức về phương pháp đánh giá độ tin cậy của thang đo thông qua hệ số Cronbach's Alpha, phương pháp phân tích nhân tố khám phá (EFA) đối với các biến là biến khái niệm, được đo lường bằng thang đo nhiều chỉ báo	3	HK2 21-22	Thi tự luận
224.	Quản trị chất lượng	Hiểu rõ các khái niệm cơ bản về chất lượng và quản trị chất lượng, cũng như vai trò của quản trị chất lượng đối với sự thành công của tổ chức. - Hiểu rõ các nguyên tắc và các chức năng của quản lý chất lượng. - Hiểu và có khả năng sử dụng một số kỹ thuật quản lý chất lượng.	3	HK2 21-22	Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Nhận biết được các phương pháp đánh giá chất lượng, đánh giá hệ thống quản lý chất lượng và có khả năng ứng dụng các phương pháp đánh giá. - Hiểu được bản chất của các phương thức quản lý chất lượng tiên tiến hiện nay, được các doanh nghiệp Việt Nam ưu tiên áp dụng. - Hoàn thành tốt các bài tập nhóm, bài kiểm tra và bài thi kết thúc môn học			
225.	Quản trị cung ứng và logistic	Người học trang bị những kiến thức về quản trị chuỗi cung ứng, bao gồm các khái niệm, định nghĩa, mục đích, giá trị, mô hình, chiến lược và phương pháp để xây dựng, vận hành và đánh giá chuỗi cung ứng; nắm vững kiến thức và vận dụng được vào thực tế cũng như có được cái nhìn tổng quát trước khi đi vào nghiên cứu chuyên sâu	3	HK2 21-22	Thi tự luận
226.	Quản trị hệ thống thông tin	Trang bị kiến thức về hệ thống thông tin và quản trị hệ thống thông tin cho sinh viên.	2	HK2 21-22	Thi tự luận
227.	Quản trị Marketing	Học phần trang bị tổng thể kiến thức về lĩnh vực marketing, quản trị marketing, quy trình triển khai công tác quản trị marketing tại doanh nghiệp. Học phần cũng đi sâu giải quyết các yêu cầu đối với việc hoạch định chiến lược marketing, kế hoạch marketing, chương trình marketing và vận dụng cho các doanh nghiệp ở Việt Nam trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế	3	HK2 21-22	Thi tự luận
228.	Quản trị nguồn nhân lực	- Cung cấp sinh viên những nội dung liên quan vấn đề quản trị nhân sự tại một doanh nghiệp. - Cung cấp sinh viên những học thuyết về tạo động lực làm việc, giúp nâng cao hiệu quả quản trị nhân sự	3	HK2 21-22	Thi tự luận
229.	Quản trị nhân sự	- Cung cấp sinh viên những nội dung liên quan vấn đề quản trị nhân sự tại một doanh nghiệp. - Cung cấp sinh viên những học thuyết về tạo động lực làm việc, giúp nâng cao hiệu quả quản trị nhân sự	2	HK2 21-22	Thi tự luận
230.	Quản trị sự thay đổi	Học phần trang bị tổng thể kiến thức về sự thay đổi và quản trị sự thay đổi, các mô hình quản trị sự thay đổi, hoạch định sự thay đổi, thực hiện và kiểm soát sự thay đổi. Từ đó, sinh viên vận dụng giải quyết các tình huống thực tế	2	HK2 21-22	Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		của doanh nghiệp.			
231.	Quản trị tài chính	Môn học đặt trọng tâm vào việc trang bị cho học viên những khái niệm, mô hình, công cụ về tài chính căn bản và tài chính doanh nghiệp và hướng dẫn cách ứng dụng trong thực tiễn thông qua các nghiên cứu tình huống trên thị trường tài chính Việt Nam	3	HK2 21-22	Thi tự luận
232.	Tâm lý và nghệ thuật lãnh đạo	Sau khi học xong môn học này, những người tham gia sẽ có khả năng tốt hơn trong: Thảo luận những khái niệm về lãnh đạo và phát triển những khái niệm lãnh đạo của chính bản thân mình. Nhận ra những phong cách lãnh đạo khác nhau, sự giống và khác nhau của chúng, đồng thời đánh giá được bản thân trên cơ sở các phong cách lãnh đạo này. Phân tích bối cảnh của lãnh đạo để vận dụng những chiến lược gây ảnh hưởng hiệu quả trong công việc	2	HK2 21-22	Thi trắc nghiệm tự luận
233.	Thống kê kinh doanh	Cung cấp những nội dung liên quan đến kiến thức thống kê mô tả. - Cung cấp những nội dung liên quan thống kê suy luận	3	HK2 21-22	Thi tự luận
234.	Thực tập nghề nghiệp	Giúp sinh viên tiếp cận thực tế để kiểm chứng những học phần lý thuyết đã học được trong 3 năm qua. Thông qua đó giúp sinh viên hệ thống lại kiến thức và xác định được mục tiêu học tập cho năm học cuối chương trình đào tạo	3	HK2 21-22	viết báo cáo thực tập và báo cáo trước hội đồng
235.	Thuế	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chính sách thuế, các văn bản ban hành về luật thuế	2	HK2 21-22	Thi tự luận
236.	Tiếng Anh chuyên ngành 1	Môn học giúp người học ôn tập lại kiến thức quản trị kinh doanh được chuyển thể sang tiếng Anh. Trong quá trình học, người học nắm được thuật ngữ chuyên ngành bằng tiếng Anh. Ngoài ra, người học còn được hệ thống lại ngữ pháp đã học cũng như tiếp cận với những dạng trình bày báo cáo/viết email... dưới dạng văn phong của được quy ước quốc tế	3	HK2 21-22	Thi tự luận
237.	Tiếng Anh định hướng Toeic 1	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản những kỹ năng chính: Nghe – Nói – Đọc – Viết và kỹ năng phụ Ngữ pháp - Từ vựng – Phát âm, giúp sinh viên làm quen với hình thức đề thi TOEIC quốc tế, có khả năng giao tiếp ở mức độ cơ bản	4	HK2 21-22	Thi trắc nghiệm tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
238.	Tiếng Anh định hướng Toeic 2	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản những kỹ năng chính: Nghe – Nói – Đọc – Viết và kỹ năng phụ Ngữ pháp - Từ vựng – Phát âm, giúp sinh viên làm quen với hình thức đề thi TOEIC quốc tế, có khả năng giao tiếp ở mức độ cơ bản	4	HK2 21-22	Thi trắc nghiệm tự luận
239.	Tiếp thị số (Internet Marketing)	Có kiến thức cơ bản về tiếp thị số: khái niệm, mô hình tiếp thị số, các kỹ thuật ứng dụng trong tiếp thị số, hiểu được sự khác nhau giữa tiếp thị số và tiếp thị truyền thống, những lợi ích khi thực hiện tiếp thị số, tìm hiểu các chiến lược xây dựng tiếp thị số cho các mô hình tổ chức, doanh nghiệp khác nhau	3	HK2 21-22	Thi trắc nghiệm
240.	Toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế	Cung cấp kiến thức về vấn đề toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của một quốc gia; Những vấn đề về cạnh tranh trong thương mại quốc tế; những cơ hội và thách thức trong hội nhập kinh tế khu vực và toàn cầu, Những vấn đề về khủng hoảng kinh tế quốc tế	2	HK2 21-22	Tự luận
241.	Toán kinh tế	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về toán kinh tế và vận dụng mô hình toán để giải quyết vấn đề của doanh nghiệp. - Cung cấp cho sinh viên kiến thức về việc lập, xây dựng sơ đồ quản lý công việc thông qua sơ đồ mạng CPM	3	HK2 21-22	Thi tự luận
242.	Triết học Mác - Lênin	Giúp sinh viên hiểu và vận dụng trong quá trình học tập về xác định đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp, ý nghĩa của việc học tập môn học.	3	HK2 21-22	Tự luận
243.	Văn hóa doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh	Hiểu rõ những kiến thức cơ bản về đạo đức kinh doanh, văn hóa doanh nghiệp, trách nhiệm xã hội... của một tổ chức, doanh nghiệp trong hoạt động kinh doanh. - Hiểu rõ các vấn đề đạo đức trong kinh doanh, các triết lý đạo đức, cũng như trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, các dạng văn hóa doanh nghiệp điển hình... để vận dụng vào thực tiễn công tác, nhằm hoàn thiện hành vi, ứng xử của mình đối với tổ chức, khách hàng... đúng theo chuẩn mực đạo đức, văn hóa của doanh nghiệp. - Hoàn thành tốt các bài tập nhóm, bài kiểm tra và bài thi kết thúc môn học.	2	HK2 21-22	Thi tự luận
244.	Vận tải bảo hiểm	trang bị những kiến thức về Vận tải, Bảo	3	HK2 21-22	Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	ngoại thương	hiểu và các hợp đồng bảo hiểm thương mại trong thương mại; nắm vững kiến thức và vận dụng được vào thực tế cũng như có được cái nhìn tổng quát trước khi đi vào nghiên cứu chuyên sâu			
245.	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Sinh viên hiểu được nội dung cơ bản của kinh tế chính trị Mác - Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới hiện nay. Hiểu được những nội dung cốt lõi xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Vận dụng quan điểm khoa học kinh tế chính trị Mác - Lênin và đường lối, chủ trương, quan điểm của Đảng, chính sách của Nhà nước vào học tập, công tác và cuộc sống	2	HK3 21-22	Tự luận
246.	Kinh tế vĩ mô	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kinh tế học vĩ mô như hạch toán sản lượng quốc gia, về các biến số kinh tế vĩ mô quan trọng. Hiểu rõ và vận dụng để phân tích, đánh giá, dự báo các biến động trong nền kinh tế. Hiểu và đánh giá được các chính sách tài chính và chính sách tiền tệ đang áp dụng vào mô hình nền kinh tế đóng và nền kinh tế mở	3	HK3 21-22	Thi tự luận
247.	Nguyên lý kế toán	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nguyên lý kế toán, phương pháp chứng từ trong một doanh nghiệp - Cung cấp cho sinh viên về kiến thức hạch toán kế toán	3	HK3 21-22	Thi tự luận
248.	Tâm lý và hành vi khách hàng	Giới thiệu, thảo luận và phân tích vấn đề cơ bản của hành vi người tiêu dùng. Học phần sẽ cung cấp cho SV các kiến thức lý thuyết lẫn các tình huống thực tế về các khía cạnh liên qua đến hành vi và tâm lý của người tiêu dùng	3	HK3 21-22	Thi trắc nghiệm
249.	Tiếng Anh định hướng Toeic 2	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản những kỹ năng chính: Nghe – Nói – Đọc – Viết và kỹ năng phụ Ngữ pháp - Từ vựng – Phát âm, giúp sinh viên làm quen với hình thức đề thi TOEIC quốc tế, có khả năng giao tiếp ở mức độ cơ bản	4	HK3 21-22	Thi trắc nghiệm tự luận
250.	Toán kinh tế	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về toán kinh tế và vận dụng mô hình toán để giải quyết vấn đề của doanh nghiệp.	3	HK3 21-22	Thi tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chi	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Cung cấp cho sinh viên kiến thức về việc lập, xây dựng sơ đồ quản lý công việc thông qua sơ đồ mạng CPM			
251.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Học phần có 7 chương, gồm những tri thức lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học cung cấp cho người học: đối tượng, mục đích, yêu cầu, phương pháp học tập, nghiên cứu môn học; quá trình hình thành, phát triển CNXHKKH; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; CNXH và các vấn đề xã hội, giai cấp, dân tộc, tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên CNXH. Sau khi học xong người học có được năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức về chủ nghĩa xã hội vào việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước liên quan đến CNXH và con đường đi lên CNXH ở nước ta. Người học lý giải và có thái độ đúng đắn với con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	2	HK1	Điểm chuyên cần và quá trình: 30% Thi viết: 70%
252.	Y tế du lịch	- Trình bày được cách sử dụng một số loại thuốc và y cụ thông thường. - Trình bày được cách xử lý một số loại bệnh thường gặp. - Trình bày được cách sơ cứu những trường hợp tai nạn đột xuất khi thực hiện chương trình du lịch. - Sử dụng được một số loại thuốc và y cụ thông thường. - Xử lý được một số loại bệnh thông thường trong khi thực hiện chương trình du lịch - Xử lý được các tình huống tai nạn đột xuất khi thực hiện chương trình du lịch.	2	HK1 HK2	Điểm chuyên cần và quá trình: 30% Thi viết: 70%
253.	Thiết kế và điều hành tour du lịch	- Hiểu được việc lên kế hoạch thiết kế sản phẩm du lịch hoàn thiện với chương trình và bảng giá cụ thể - Nắm bắt được quy trình điều hành một chương trình du lịch - Biết được các biểu mẫu đặt phòng và hồ sơ theo dõi của một chương trình du lịch thông thường.	2	HK1 HK2	Điểm chuyên cần và quá trình: 30% Thi thực hành: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
254.	Địa chính trị thế giới	- Học phần nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức về cơ bản về địa chính trị và ảnh hưởng của địa chính trị đến chính sách đối ngoại các quốc gia.	3	HK1 HK3	Thực hiện nội quy và viết nhật kí hành trình: 30% Thi thực hành: 70%
255.	Quy hoạch du lịch VN	Học phần giúp SV: Hiểu đặc trưng của điểm du lịch, hiểu những vấn đề lý luận về quy hoạch du lịch, phân tích được đề án quy hoạch phát triển du lịch, có thể tham gia vào nhóm quy hoạch du lịch	2	HK1	Điểm chuyên cần và quá trình: 30% Thi viết thu hoạch: 70%
256.	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Nội dung học phần bao gồm 6 chương: Trong đó chương 1 trình bày về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 4 trình bày nội dung cốt lõi của chủ nghĩa Mác –Lênin về hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Chương 5 và chương 6 trình bày những vấn đề chủ yếu về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam	2	HK1 HK3	Điểm chuyên cần và quá trình: 30% Thi viết: 70%
257.	Kỹ năng thuyết minh du lịch	- Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thuyết minh du lịch; giúp sinh viên nhận thức được vai trò của công việc này và phân biệt được các loại hình thuyết minh du lịch. Từ đó, sinh viên có điều kiện rèn luyện kỹ năng xây dựng bài thuyết minh; rèn luyện kỹ năng, phương pháp thuyết minh phù hợp và ứng dụng nó vào trong công tác hướng dẫn du lịch của mình.	2	HK1 HK2	Điểm chuyên cần và quá trình: 30% Thi viết: 70%
258.	Kỹ năng thuyết trình	Môn học giới thiệu một số vấn đề cơ bản liên quan đến thuyết trình và kỹ năng thuyết trình. Ngoài ra, môn học còn cung cấp các kỹ năng thiết yếu để chuẩn bị và trình bày hiệu quả bài thuyết trình cũng như những kỹ năng ứng phó với câu hỏi và tình huống phát sinh trong buổi thuyết trình	2	HK1	Thực hiện nội quy và viết nhật kí hành trình: 30% Thi viết thu hoạch: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
259.	Báo chí và truyền thông đại chúng	Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng viết một số thể loại báo chí như: tin, tường thuật, ghi nhanh, phóng sự... Sinh viên biết tổ chức và tham gia các hoạt động nhóm. Nhận thức sâu sắc về vai trò của báo chí trong xã hội hiện tại Qua môn học, sinh viên có những kiến thức cần thiết về cách viết các thể loại báo chí.	3	HK1	Điểm chuyên cần và quá trình: 30% Thi viết: 70%
260.	Du lịch văn hoá VN	- Cung cấp những quan niệm, đặc trưng của Du lịch. Tìm hiểu về văn hóa du lịch từ đó phân biệt giữa du lịch văn hóa và văn hóa du lịch. - Tìm hiểu khái niệm và phân loại các nhóm tài nguyên du lịch văn hóa. Đi sâu vào phân tích tài nguyên du lịch nhân văn và tài nguyên du lịch xã hội.	2	HK1 HK2	Điểm chuyên cần và quá trình: 30% Thi thực hành: 70%
261.	Kỹ năng thuyết minh – thuyết trình	Sau khi học xong học phần này, sinh viên trang bị được những kiến thức về thuyết minh du lịch như: nguyên tắc, phương pháp thuyết minh du lịch. Từ đó, sinh viên có thể ứng dụng để xây dựng một bài thuyết minh hoàn chỉnh và phân tích, đánh giá, tổng hợp các kỹ năng, phương pháp thuyết minh để thực hành các kỹ năng thuyết minh du lịch cho phù hợp.	2	HK2	Điểm chuyên cần và quá trình: 40% Thi viết: 60%
262.	Hán Nôm	Cung cấp cho sinh viên những nội dung khái quát về chữ Hán và chữ Nôm. Sinh viên nắm được những đặc điểm cơ bản của những loại văn bản Hán Nôm thường xuất hiện trong hoạt động du lịch như: tên gọi, hoành phi, câu đối...	2	HK2	Điểm chuyên cần và quá trình: 35% Thi viết: 65%
263.	Kỹ năng giao tiếp	- Nắm vững những vấn đề cơ bản về giao tiếp và kỹ năng giao tiếp: khái niệm, cách phân chia các loại hình giao tiếp, các loại phong cách giao tiếp... để nhận thấy vị trí và vai trò của việc rèn luyện kỹ năng giao tiếp trong cuộc sống và công việc. - Nắm vững các phương tiện giao tiếp, dành thời gian thực hành để có được kỹ năng sử dụng phương tiện giao tiếp hiệu quả. - Trau dồi các kỹ năng giao tiếp trực tiếp và gián tiếp thành tài sản và thói quen của bản	2	HK2	Điểm chuyên cần và quá trình: 30% Thi thực hành: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thân. - Hoàn thành tốt các bài thực hành kỹ năng và bài thi kết thúc môn học.			
264.	Nghệ thuật biểu diễn truyền thống VN	Nắm vững khái niệm các khái niệm về nghệ thuật, loại hình nghệ thuật. Đặc biệt là các loại hình nghệ thuật ở Việt Nam	2	HK1 HK2	Điểm chuyên cần và quá trình: 30% Thi thực hành: 70%
265.	Nghiep vụ hướng dẫn du lịch	Học phần giúp SV biết được: - Vị trí của hoạt động hướng dẫn du lịch trong chu trình kinh doanh du lịch. - Những hiểu biết về nghề hướng dẫn viên (vai trò, nhiệm vụ, đặc điểm, yêu cầu, quy định...) - Quy trình và cách thức tổ chức hướng dẫn du lịch của hướng dẫn viên (chuẩn bị, tổ chức đoàn, hướng dẫn tham quan, tiễn khách, công tác kết thúc chuyến đi) - Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của hoạt động hướng dẫn du lịch.	2	HK1 HK2	Điểm chuyên cần và quá trình: 30% Thi thực hành: 70%
266.	Lập và phân tích dự án	Học phần Thiết lập &Thẩm định dự án đầu tư được tổ chức giảng dạy theo các phần kiến thức: (1) Tổng quan về đầu tư, dự án đầu tư và Các vấn đề về thiết lập một dự án, (2) Nghiên cứu thị trường của dự án, (3) Nghiên cứu kỹ thuật của dự án (4) Tổ chức nhân sự và quản trị của dự án (5) Phân tích tài chính của dự án (6) Phân tích hiệu quả kinh tế xã hội của dự án (7) Các vấn đề về tổ chức thẩm định dự án đầu tư. (8) Bài tập lớn cho thiết lập & thẩm định dự án đầu tư.	2	HK1 HK2	Thực hiện nội quy và viết nhật kí hành trình: 30% Thi thực hành: 70%
267.	Nghiep vụ nhà hàng khách sạn	Học phần Nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn trang bị cho sinh viên ngành du lịch hiểu rõ về yêu cầu của nghề nhà hàng, khách sạn và các tiêu chuẩn, tiêu trí và yêu cầu của một nhân viên trong ngành phục vụ. Đặc biệt, trang bị cho sinh viên kiến thức chuyên môn về tổ chức, đón tiếp và phục vụ khách tại khách sạn, nhà hàng, quầy bar đáp ứng các yêu cầu về chất lượng, an toàn, an ninh, chu đáo và lịch sự. Rèn luyện kỹ năng, nghiệp vụ chăm sóc và phục vụ khách hàng, khả năng nắm bắt tâm lý khách	2	HK1 HK2	Điểm chuyên cần và quá trình: 30% Thi thực hành: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		hàng trong quá trình phục vụ. Thiết lập được các quy trình thực hiện công việc trong các lĩnh vực: tiếp tân, phục vụ buồng, phục vụ bàn, bar hợp lý khoa học và đúng tiêu chuẩn qui định.			
268.	Tiếng Anh định hướng Toeic 2	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản những kỹ năng chính: Nghe – Nói – Đọc – Viết và 3 kỹ năng phụ Ngữ pháp - Từ vựng – Phát âm giúp sinh viên làm quen với hình thức đề thi TOEIC quốc tế, có khả năng giao tiếp ở mức độ cơ bản.	4	HK2 HK3	Điểm chuyên cần và quá trình: 40% Thi viết: 60 %
269.	Nghị vụ văn phòng (VNH)	Môn học cung cấp kiến thức tổng quát về quản trị hành chính văn phòng, giúp sinh viên có thể thực hiện một số nghiệp vụ văn phòng cơ bản như xây dựng chương trình, kế hoạch và lịch làm việc, tổ chức hội họp, tổ chức các chuyến đi công tác, soạn thảo, ban hành và quản lý văn bản, nghiệp vụ văn thư lưu trữ, giao tiếp hành chính và tổ chức nơi làm việc.	3	HK1	Điểm chuyên cần và quá trình: 30% Thi thực hành: 70 %
270.	Các dân tộc VN	Học phần Các dân tộc Việt Nam sẽ cung cấp những kiến thức cơ bản về sự phân bố địa bàn cư trú và thành phần các dân tộc được phân chia theo ngữ hệ, theo nhóm trên lãnh thổ Việt Nam. Qua đó sinh viên có một cái nhìn khái quát về sự hình thành và phát triển của các dân tộc ở Việt Nam.	2	HK1 HK3	Điểm chuyên cần và quá trình: 30% Thi thực hành: 70%
271.	Địa lý du lịch VN	- Trang bị cho sinh viên những thức cơ bản về du lịch, tài nguyên du lịch, tổ chức lãnh thổ du lịch. - Nắm được hiện trạng và định hướng phát triển du lịch Việt Nam	2	HK1 HK3	Điểm chuyên cần và quá trình: 30% Thi viết: 70 %
272.	Phân tích định lượng trong kinh doanh	- Trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng để sử dụng được một số ứng dụng quan trọng của phân tích định lượng trong quản trị	2	HK1	Điểm chuyên cần và quá trình: 30% Thi viết: 70 %
273.	Các vùng văn hoá VN	Nắm vững các khái niệm về văn hóa, vùng văn hóa, cách phân chia các vùng văn hóa, những khía cạnh đặc trưng của của một vùng văn hóa. Gắn đặc trưng văn hóa với hoạt động hướng dẫn du lịch.	2	HK1	Điểm chuyên cần và quá trình: 30% Thi viết: 70 %

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
274.	Phát triển du lịch bền vững	Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về một vấn đề khoa học du lịch cho sinh viên: vấn đề phát triển du lịch bền vững. Đây là nội dung cấp thiết quan trọng trong giai đoạn hiện nay của ngành du lịch Việt Nam: phát triển làm sao đáp ứng được nhu cầu du lịch của hiện tại mà không làm tổn hại đến nhu cầu du lịch trong tương lai. Bên cạnh việc cung cấp các khái niệm cơ bản về du lịch, du lịch bền vững, phát triển du lịch bền vững học phần còn cung cấp những nội dung về phát triển du lịch bền vững ở những vùng du lịch nhạy cảm: vùng núi, vùng biển, vùng sinh thái hoang sơ. Cuối cùng học phần cung cấp các công cụ và định hướng cho việc lập quy hoạch các điểm, khu du lịch nhằm đạt đến mục tiêu phát triển bền vững.	2	HK1 HK2	Điểm chuyên cần và quá trình: 30% Thi viết: 70%
275.	Tâm lý học đại cương	Nắm được những khái niệm cơ bản về tâm lí. - Hiểu và lí giải được con đường nhận thức thế giới khách quan của con người diễn ra như thế nào, con người đã sử dụng những hoạt động tâm lí nào để có những sáng tạo trong cuộc sống, lao động. - Hiểu rõ được những trạng thái cảm xúc đang diễn bên trong cơ thể con người, và sự vận hành của ý chí để con người có thể thực hiện được những “hoài bão” của bản thân.	2	HK1	Điểm chuyên cần và quá trình: 30% Thi viết: 70%
276.	Cơ sở văn hoá VN	- Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, cần thiết cho việc hiểu về một nền văn hóa nói chung và văn hóa Việt Nam nói riêng. - Giúp cho sinh viên nhận thức đúng đắn về văn hoá, vai trò của văn hoá trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc cũng như đối với sự phát triển của quốc gia.	2	HK1 HK2	Điểm chuyên cần và quá trình: 30% Thi viết: 70%
277.	Nhập môn khu vực học và VNH	Học phần giúp SV tiếp cận: Tổng quan về cách tiếp cận văn hóa khu vực và Việt Nam; Việt Nam học trong tương quan với các ngành khoa học khác; Việt Nam học trong tiến trình lịch sử; Cách người nước ngoài tiếp cận Việt Nam học.	2	HK1	Điểm chuyên cần và quá trình: 30% Thi viết: 70%
278.	Xã hội học đại cương	- Hiểu được những kiến thức cơ bản cơ bản của xã hội học như: khái niệm, đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu của xã	2	HK1 HK2 HK3	Điểm chuyên cần và quá trình: 30%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		hội học, một số lý thuyết xã hội học cơ bản và những khái niệm xã hội học. - Vận dụng được kiến thức của môn học phục vụ cho công việc chuyên môn sau này.			Thi viết: 70%
279.	Tâm lý du khách và nghệ thuật giao tiếp	Giúp Sinh viên nhận biết được những đặc điểm về tính cách, nhu cầu, sở thích cũng như những đặc trưng tâm lý của các nhóm du khách thuộc các quốc gia khác nhau. Có kỹ năng giao tiếp và cách xử lý tình huống trong phục vụ du lịch. Nhờ đó hoạt động hướng dẫn du lịch sẽ đạt được hiệu quả cao hơn	2	HK2	Điểm chuyên cần và quá trình: 30% Thi viết: 70%
280.	Phong tục, tập quán và lễ hội VN	- Sinh viên nắm được kiến thức nền về phong tục tập quán, lễ hội trong đời sống tâm linh của người Việt Nam. Những kiến thức về lễ tết, lễ hội dân gia Việt Nam. Nhận biết được những nét đặc trưng cơ bản của nền văn hóa dân tộc thông qua các phong tục tập quán. - Hoàn thành tốt các bài báo cáo theo nhóm (bài kiểm tra) và bài thi kết thúc môn học.	2	HK2	Điểm chuyên cần và quá trình: 30% Thi thực hành: 70%
281.	Quản trị nhân sự	- Cung cấp sinh viên những nội dung liên quan vấn đề quản trị nhân sự tại một doanh nghiệp. - Cung cấp sinh viên những học thuyết về tạo động lực làm việc, giúp nâng cao hiệu quả quản trị nhân sự.	2	HK1 HK2	Điểm chuyên cần và quá trình: 30% Thi viết: 70%
282.	Tổng quan du lịch	Nắm được các khái niệm cơ bản về du lịch như du lịch, loại hình du lịch, khách du lịch, tài nguyên du lịch... Vận dụng được các kiến thức này vào tìm hiểu thực tế phát triển du lịch ở Việt Nam và thế giới. - Phân tích được mối quan hệ giữa các yếu tố cơ bản trong hoạt động du lịch như khách du lịch, tài nguyên du lịch, cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch, thị trường du lịch và hoạt động kinh doanh du lịch	2	HK1 HK2	Điểm chuyên cần và quá trình: 30% Thi viết: 70%
283.	Quản trị kinh doanh lưu trú	Hiểu biết những vấn đề cơ bản về hoạt động kinh doanh khách sạn, thực hiện các hoạt động thiết kế và tổ chức các sự kiện theo yêu cầu. Áp dụng các kiến thức quản trị kinh doanh vào hoạt động kinh doanh khách sạn, có khả	3	HK2 HK3	Điểm chuyên cần và quá trình: 30% Thi viết: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		năng phân tích, đánh giá và tính toán hiệu quả trong kinh doanh lữ hành. Rèn luyện kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm và có khả năng xử lý các tình huống phát sinh trong quá trình thực hiện các dịch vụ khách sạn. Nhận thức đúng đắn về nghề nghiệp đang theo học, có thái độ tích cực trong việc rèn luyện và học tập, thể hiện phong cách làm việc chuyên nghiệp và khoa học.			
284.	Quản trị kinh doanh dịch vụ du lịch và lữ hành	-Nắm vững những kiến thức cơ bản của khoa học quản lý, quản trị kinh doanh, kinh doanh du lịch (văn hóa du lịch, địa lý du lịch, kinh tế du lịch, quản trị doanh nghiệp du lịch...) cũng như những kiến thức chuyên sâu trong các lĩnh vực khác nhau của hoạt động kinh doanh du lịch như quản trị khách sạn, quản trị lữ hành, quản trị sự kiện... Khả năng thực hiện, quản lý, điều hành và giám sát các nghiệp vụ cơ bản trong các đơn vị kinh doanh du lịch và các đơn vị dịch vụ khác; tham gia điều chỉnh và thực hiện các chiến lược, dự án, kế hoạch sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp cũng như các chính sách tại các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch. Khả năng thực hiện các nghiên cứu độc lập có tính thực tiễn trong du lịch, tham gia nghiên cứu khoa học, giảng dạy về du lịch. Thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo.	3	HK1 HK2	Điểm chuyên cần và quá trình: 30% Thi viết: 70%
285.	Quản trị marketing	- Học phần trang bị tổng thể kiến thức về lĩnh vực marketing, quản trị marketing, quy trình triển khai công tác quản trị marketing tại doanh nghiệp. - Học phần cũng đi sâu giải quyết các yêu cầu đối với việc hoạch định chiến lược marketing, kế hoạch marketing, chương trình marketing và vận dụng cho các doanh nghiệp ở Việt Nam trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế. - Hoàn thành tốt các bài tập nhóm, bài kiểm	3	HK1	Điểm chuyên cần và quá trình: 30% Thi viết: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tra và bài thi kết thúc môn học.			
286.	Quản trị chất lượng	- Hiểu rõ các khái niệm cơ bản về chất lượng và quản trị chất lượng, cũng như vai trò của quản trị chất lượng đối với sự thành công của tổ chức. - Hiểu rõ các nguyên tắc và các chức năng của quản lý chất lượng. - Hiểu và có khả năng sử dụng một số kỹ thuật quản lý chất lượng. - Nhận biết được các phương pháp đánh giá chất lượng, đánh giá hệ thống quản lý chất lượng và có khả năng ứng dụng các phương pháp đánh giá. - Hiểu được bản chất của các phương thức quản lý chất lượng tiên tiến hiện nay, được các doanh nghiệp Việt Nam ưu tiên áp dụng. - Hoàn thành tốt các bài tập nhóm, bài kiểm tra và bài thi kết thúc môn học.	2	HK2	Điểm chuyên cần và quá trình: 30% Thi viết: 70%
287.	Quản lý văn hóa	Học phần bao gồm những kiến thức về văn hóa, các khía cạnh của văn hóa và ảnh hưởng của văn hóa đến hoạt động quản trị và các chiến lược quản trị đa văn hóa. Học phần cũng bao gồm những kiến thức về văn hóa tổ chức của doanh nghiệp và sự khác biệt trong văn hóa tổ chức ở các công ty đa quốc gia cũng như ở một số quốc gia trên thế giới, về ảnh hưởng của văn hóa đến hoạt động giao tiếp và đàm phán thương mại quốc tế, sự khác biệt về phong cách lãnh đạo qua các nền văn hóa.	4	HK1	Thực hiện nội quy và viết nhật ký hành trình: 30% Thi thực hành: 70%
288.	Văn hoá doanh nghiệp và đạo đức kinh doanh	- Hiểu rõ những kiến thức cơ bản về đạo đức kinh doanh, văn hóa doanh nghiệp, trách nhiệm xã hội... của một tổ chức, doanh nghiệp trong hoạt động kinh doanh. - Hiểu rõ các vấn đề đạo đức trong kinh doanh, các triết lý đạo đức, cũng như trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, các dạng văn hóa doanh nghiệp điển hình... để vận dụng vào thực tiễn công tác, nhằm hoàn thiện hành vi, ứng xử của mình đối với tổ chức, khách hàng... đúng theo chuẩn mực đạo đức, văn hóa của doanh nghiệp.	2	HK1 HK3	Điểm chuyên cần và quá trình: 30% Thi viết: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Hoàn thành tốt các bài tập nhóm, bài kiểm tra và bài thi kết thúc môn học.			
289.	Tâm lý và nghệ thuật lãnh đạo	Sau khi học xong môn học này, những người tham gia sẽ có khả năng tốt hơn trong: Thảo luận những khái niệm về lãnh đạo và phát triển những khái niệm lãnh đạo của chính bản thân mình. Nhận ra những phong cách lãnh đạo khác nhau, sự giống và khác nhau của chúng, đồng thời đánh giá được bản thân trên cơ sở các phong cách lãnh đạo này. Phân tích bối cảnh của lãnh đạo để vận dụng những chiến lược gây ảnh hưởng hiệu quả trong công việc.	2	HK1 HK2	Điểm chuyên cần và quá trình: 30% Thi viết: 70%
290.	Quản trị ẩm thực	Học phần trang bị cho người học những nội dung cơ bản và có hệ thống kiến thức liên quan đến ẩm thực Việt Nam và một số nước trên thế giới. Kiến thức bảo quản thực phẩm trong mọi điều kiện – đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; Xây dựng thực đơn; Xác định giá cho thực đơn; Kiến thức quản lý khu vực bếp.	2	HK1	Điểm chuyên cần và quá trình: 30% Thi viết: 70%
291.	Tuyến điểm du lịch	Vận dụng được những kiến thức về văn hóa, lịch sử, địa lí và du lịch trên các chặng đường tour; Hình thành tư duy về không gian địa lí trong thiết kế và điều hành các tour du lịch	3	HK1 HK2	Điểm chuyên cần và quá trình: 30% Thi viết: 70%
292.	Tổ chức sự kiện	Sau khi học xong học phần này, sinh viên có những nhận biết, và hoạt động tổ chức sự kiện. Từ đó, sinh viên có thể phân tích thực tế, tổng hợp các yếu tố lý thuyết và thực tiễn vận dụng vào công tác tổ chức sự kiện. Đồng thời học phần cũng trang bị cho sinh viên cách nhìn nhận, đánh giá công tác tổ chức sự kiện tốt hay chưa.	2	HK1 HK2	Điểm chuyên cần và quá trình: 30% Thi thực hành: 70%
293.	Quản trị điểm đến du lịch	Học phần Quản lý điểm đến du lịch là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Nội dung học phần: Mô tả khái quát điểm đến du lịch ; tổ chức quản lý và các nội dung quản lý điểm đến du lịch; chiến lược và quy hoạch quản lý điểm đến du lịch; các hoạt động marketing và cạnh tranh điểm đến trong du	2	HK1	Điểm chuyên cần và quá trình: 30% Thi viết: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		lịch, phát triển sản phẩm và định vị điểm đến trong du lịch, các hoạt động quảng bá và xúc tiến điểm đến trong du lịch; quản lý chất lượng điểm đến du lịch.			
294.	Tiếng Anh chuyên ngành	Hiểu và vận dụng kiến thức cũng như các kỹ năng thu được từ học phần về tổng quan ngành Du lịch, cách tư vấn và hướng dẫn tour; đặt, nhận và trả phòng ở khách sạn; đặt bàn và phục vụ ở nhà hàng; một vài nét văn hóa đặc trưng cần lưu ý ở một số nước và kỹ năng xử lý các tình huống liên quan. Hoàn thành tốt các bài tập cá nhân, bài tập nhóm, đề án và bài thi kết thúc môn học.	2	HK1	Điểm chuyên cần và quá trình: 30% Thi thực hành: 70 %
295.	Quản trị kinh doanh nhà hàng	Hiểu biết những vấn đề cơ bản về hoạt động kinh doanh nhà hàng, thực hiện các hoạt động thiết kế và tổ chức các sự kiện theo yêu cầu. Áp dụng các kiến thức quản trị kinh doanh vào hoạt động kinh doanh nhà hàng, có khả năng phân tích, đánh giá và tính toán hiệu quả trong kinh doanh lễ hành Rèn luyện kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm và có khả năng xử lý các tình huống phát sinh trong quá trình thực hiện các dịch vụ nhà hàng.	2	HK2	Điểm chuyên cần và quá trình: 30% Thi viết: 70 %
296.	Nghệ thuật quảng cáo	Nắm được những kiến thức chuyên môn về nội dung môn học Nghệ thuật quảng cáo; ngoài ra, qua môn học còn hỗ trợ giúp người học hoàn thiện thêm các kỹ năng mềm về xác định mục tiêu, phương pháp, tư vấn cho các đơn vị liên quan về kiến thức trong môn học.	2	HK1 HK2	Điểm chuyên cần và quá trình: 30% Thi viết: 70 %
297.	Truyền thông và Tiếp thị số	Có kiến thức cơ bản về tiếp thị số: khái niệm, mô hình tiếp thị số, các kỹ thuật ứng dụng trong tiếp thị số, hiểu được sự khác nhau giữa tiếp thị số và tiếp thị truyền thống, những lợi ích khi thực hiện tiếp thị số, tìm hiểu các chiến lược xây dựng tiếp thị số cho các mô hình tổ chức, doanh nghiệp khác nhau.	2	HK1	Điểm chuyên cần và quá trình: 30% Thi viết: 70 %
298.	Quản trị tài chính doanh nghiệp	Môn học đặt trọng tâm vào việc trang bị cho học viên những khái niệm, mô hình, công cụ về tài chính căn bản và tài chính doanh	2	HK1 HK2	Điểm chuyên cần và quá trình: 30%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nghiệp và hướng dẫn cách ứng dụng trong thực tiễn thông qua các nghiên cứu tình huống trên thị trường tài chính Việt Nam.			Thi viết: 70 %
299.	Kinh tế vĩ mô	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kinh tế học vĩ mô như hạch toán sản lượng quốc gia, về các biến số kinh tế vĩ mô quan trọng. Hiểu rõ và vận dụng để phân tích, đánh giá, dự báo các biến động trong nền kinh tế. Hiểu và đánh giá được các chính sách tài chính và chính sách tiền tệ đang áp dụng vào mô hình nền kinh tế đóng và nền kinh tế mở.	2	HK1	Điểm chuyên cần và quá trình: 30% Thi viết: 70 %
300.	Quản trị du lịch MICE	Học phần giới thiệu những kiến thức cơ bản về du lịch Mice và hoạt động tổ chức sự kiện: những khái niệm, đặc điểm, cách phân loại, môi trường và điều kiện phát triển du lịch Mice, tình hình hoạt động và quy trình tổ chức du lịch Mice, tổ chức sự kiện ở Việt Nam và thế giới. Từ đó giúp sinh viên có khả năng sáng tạo, thực hiện công tác tổ chức sự kiện và du lịch Mice trong thực tế	3	HK1 HK2	Điểm chuyên cần và quá trình: 30% Thi viết: 70 %
301.	Phương pháp NCKH	Học phần cung cấp cho Sinh viên Kiến thức tổng quan về phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh. Kiến thức liên quan đến nghiên cứu định tính trong kinh doanh. Kiến thức liên quan đến nghiên cứu định lượng trong kinh doanh. Thông qua học phần sinh viên nhận thức được kiến thức và kỹ năng thực hiện nghiên cứu khoa học trong kinh doanh. Tổ chức về tư duy khoa học, năng lực giải quyết vấn đề và khả năng làm việc nhóm, làm việc độc lập và sự chịu khó trong công việc cũng kỳ vọng được hình thành để đảm nhận được các vị trí công việc liên quan đến nghiên cứu trong kinh doanh trong thực tiễn.	2	HK1 HK2 HK3	Điểm chuyên cần và quá trình: 30% Thi viết: 70 %
302.	Thủ tục xuất nhập cảnh	Nội dung của môn học đề cập đến những vấn đề xoay quanh các quy định của quốc tế và của Nhà nước Việt Nam về hải quan, thủ tục hải quan, kiểm tra giám sát, pháp luật hải quan về thuế xuất nhập khẩu và điều tra chống buôn lậu và gian lận thương mại.	2	HK1	Điểm chuyên cần và quá trình: 30% Thi viết: 70 %

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
303.	Quản lý nhà nước về du lịch	- Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về quản lý, quản lý nhà nước về du lịch. - Hiểu được nội dung chính của Luật du lịch: những quy định chung, các thuật ngữ trong du lịch, chính sách và nguyên tắc phát triển du lịch, tài nguyên du lịch, phát triển sản phẩm du lịch và quy hoạch về du lịch, quản lý nhà nước trên các lĩnh vực lữ hành, lưu trú, vận chuyển, nhân lực du lịch, xúc tiến quảng bá... - Hiểu được những quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch. Hệ thống được sự phát triển của ngành du lịch Việt Nam qua các giai đoạn.	2	HK1 HK2	Điểm chuyên cần và quá trình: 30% Thi viết: 70%
304.	Quản trị học	Môn học này nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về quản trị trong các tổ chức và đặt nền tảng cho sự vận dụng các kiến thức này vào công tác quản trị các hoạt động của doanh nghiệp, làm cơ sở để sinh viên tiếp tục tiếp nhận kiến thức ở các môn quản trị chuyên ngành. - Cung cấp kiến thức cơ bản về quản trị, những kỹ năng cơ bản của một nhà quản trị. - Cung cấp kiến thức về hoạch định, tổ chức, lãnh đạo kiểm tra trong quản trị.	3	HK1	Điểm chuyên cần và quá trình: 30% Thi viết: 70%
305.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Nội dung học phần: Nội dung học phần trình bày về khái niệm, nguồn gốc, quá trình hình thành, nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh. Qua đó cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội tại Việt Nam; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ và xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới.	3	HK1	Điểm chuyên cần và quá trình: 30% Thi viết: 70%
306.	Văn hoá ẩm thực VN	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn hóa ẩm thực nói chung, văn hóa ẩm thực của người Việt nói riêng, sinh viên hiểu	2	HK1 HK2	Điểm chuyên cần và quá trình: 30%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		biết thêm về các giá trị văn hóa ẩm thực của người Việt trên 3 miền đất nước, tinh hoa văn hóa ẩm thực của mỗi vùng miền. Sau khi học xong môn học này, sinh viên càng thêm trân trọng các giá trị của ẩm thực Việt Nam.			Thi viết: 70 %
307.	Đại cương văn hoá VN	- Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về văn hóa: khái niệm, phân biệt với văn minh, văn hiến, văn vật; những qui luật của văn hóa để có thể giải quyết phân tích các vấn đề văn hóa, xã hội. - Nhận biết được những điều kiện hình thành văn hóa Việt Nam: điều kiện tự nhiên, xã hội và tiến trình văn hóa Việt Nam - Nắm được các vùng văn hóa Việt Nam trong không gian văn hóa và không gian lãnh thổ Việt Nam. So sánh được văn hóa tổ chức cộng đồng nông thôn, cộng đồng đô thị Việt Nam, rút ra được cái hay cái tồn tại cần duy trì và sửa đổi; sinh hoạt văn hóa của Việt Nam.	2	HK1	Điểm chuyên cần và quá trình: 30% Thi viết: 70 %
308.	Địa danh Du lịch Việt Nam	Tìm hiểu về địa danh Việt Nam: Định nghĩa và phân loại địa danh; nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu địa danh; cấu tạo của địa danh VN; phân vùng địa danh VN; vấn đề biên soạn từ điển địa danh VN. Tổng quan về họ tên người Việt; họ; tên đệm; tên chính; các nhóm danh hiệu	4	HK2	Điểm chuyên cần và quá trình: 30% - Thi viết: 70 %
309.	Giáo dục thể chất 1 - Bóng chuyền	- Kỹ năng thực hành: Kỹ thuật đệm bóng cơ bản và nâng cao, chuyền bóng cơ bản và nâng cao, phát bóng cơ bản và nâng cao, kỹ thuật di chuyển cơ bản trong môn bóng chuyền, kỹ năng phán đoán và đánh bóng chuẩn xác. Hiểu được một số luật cơ bản và phương pháp trọng tài hiện khóa luận tốt nghiệp.	1	HK2	-Điểm chuyên cần và quá trình: 30% - Thi thực hành: 70 %
310.	Giáo dục thể chất 1 - Bóng đá	Học phần môn bóng đá giúp cho sinh viên có kiến thức về nguồn gốc hình thành và phát triển môn bóng đá. Sinh viên sau khi học sẽ nắm vững các yếu lĩnh kỹ thuật của môn bóng đá như dẫn bóng, tâng bóng, sút bóng, chuyền bóng. Các kỹ thuật này sẽ giúp sinh viên tự tập luyện để nâng cao sức khỏe và hướng dẫn	1	HK2	-Điểm chuyên cần và quá trình: 30% -Thi thực hành: 70 %

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		người khác cùng tập luyện. Ngoài ra, học phần này cũng giúp sinh viên có kiến thức về luật thi đấu môn bóng đá.			
311.	Giáo dục thể chất 1 - Cầu lông	Học phần môn cầu lông giúp cho sinh viên có kiến thức về nguồn gốc hình thành và phát triển môn cầu lông thể giới và Việt Nam. Sinh viên sau khi học xong chương trình môn cầu lông cơ bản sẽ nắm vững các yếu lĩnh kỹ thuật như di chuyển đơn bước và đa bước, kỹ thuật giao cầu trái tay, kỹ thuật phòng thủ cơ bản... Các kỹ thuật này sẽ giúp sinh viên tự tập luyện để nâng cao sức khỏe và hướng dẫn người khác cùng tập luyện. Ngoài ra, học phần này cũng giúp sinh viên có kiến thức về luật thi đấu môn cầu lông.	1	HK2	-Điểm chuyên cần và quá trình: 30% -Thi thực hành: 70 %
312.	Di sản văn hoá với phát triển du lịch	- Phân tích vấn đề khai thác di sản văn hóa phục vụ phát triển du lịch. - Nêu được một số vấn đề về quản lý di sản văn hóa cũng như những nguyên tắc, những nội dung cơ bản của quản lý di sản văn hóa với phát triển du lịch. - Xác định và phân loại được di sản văn hóa, mô tả được di sản văn hóa.	2	HK2	Điểm chuyên cần và quá trình: 30% Thi thu hoạch: 70 %
313.	Địa danh VN	- Nắm được những kiến thức cơ bản về địa danh và đặc điểm địa danh Việt Nam. - Hiểu và vận dụng được cơ sở lý luận để tìm hiểu một số địa danh Việt Nam. - Vận dụng những kiến thức từ môn học phục vụ cho công việc giảng dạy sau này.	2	HK2	Điểm chuyên cần và quá trình: 40% Thi viết thu hoạch: 60%
314.	Đặc điểm văn hoá ĐBSCL	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, cần thiết cho việc hiểu về một nền văn hóa Việt Nam nói chung và văn hóa ĐBSCL nói riêng, từ đó có nhận thức đúng đắn về văn hoá, về vai trò của văn hoá trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc cũng như đối với sự phát triển của quốc gia	2	HK2	Điểm chuyên cần và quá trình: 30% Thi viết: 70%
315.	Nghệ thuật truyền thông	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về dữ liệu trong truyền thông đa phương tiện, các mô hình triển khai hệ thống truyền thông đa phương tiện, và các ứng dụng của đa phương tiện.	3	HK2	Điểm chuyên cần và quá trình: 30% Thi viết: 70 %
316.	Kỹ năng truyền thông sự kiện	Có kỹ năng sáng tạo nội dung truyền thông đa phương tiện: Kỹ năng nhận diện, phân tích và	2	HK2	Điểm chuyên cần và quá

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		đánh giá tiêu chuẩn sản phẩm, các dòng sản phẩm truyền thông đa phương tiện trên cơ sở các tiêu chí được học; Kỹ năng thực hành, sáng tạo nội dung sản phẩm truyền thông đa phương tiện: xây dựng, phát triển ý tưởng, viết kịch bản truyền thông, thiết kế thông điệp và hình ảnh, thiết kế ứng dụng, chụp ảnh, quay phim, dựng phim, biên tập tác phẩm và sản phẩm truyền thông đa phương tiện...			trình: 30% Thi viết: 70 %
317.	Kỹ thuật nhiếp ảnh và quay video	Sau khi hoàn thành học phần nhiếp ảnh – quay phim cobản, sinh viên lĩnh hội và tích lũy được những kiến thức về nhiếp ảnh và kỹ thuật quay phim.Ứng dụng kỹ thuật chụp ảnh, thực hiện kỹ thuật khung ảnh.Lĩnh hội được kiến thức khai thác những bức ảnh đời thường, ứng dụng hiệu quả cho công việc báo chí, truyền hình.Kiến thức về kĩ thuật quay phim căn bản.	2	HK2	Điểm chuyên cần và quá trình: 30% Thi viết: 70 %
318.	Di tích và thắng cảnh VN	Trình bày và phân tích được khái niệm và các tiêu chí phân loại di tích và thắng cảnh. - Hiểu và phân loại được các di tích, có kiến thức về phân cấp di tích. - Khái quát được hệ thống di tích ở Việt Nam, các di sản thế giới và di tích quốc gia đặc biệt. - Hiểu và phân tích được giá trị của hệ thống di tích và thắng cảnh của Việt Nam cũng như vai trò và đặc điểm của loại hình du lịch gắn với hệ thống di tích và thắng cảnh. - Trình bày và phân tích mối quan hệ giữa bảo tồn di tích và thắng cảnh trong phát triển du lịch.	2	HK1 HK2	Điểm chuyên cần và quá trình: 30% Thi thực hành: 70 %
319.	Khởi nghiệp Du lịch	Học phần gồm 3 chương: Nội dung của môn học tập trung vào những kiến thức tổng quan về sáng tạo, đổi mới và hình thành ý tưởng khởi nghiệp, lựa chọn loại hình sở hữu doanh nghiệp, hiểu biết cơ bản về quyền sở hữu trí tuệ. Thêm vào đó, sinh viên còn được cung cấp kiến thức và kỹ năng cơ bản về thị trường như đánh giá thể mạnh, cơ hội, đe dọa, rủi ro thương mại hóa sản phẩm từ ý tưởng kinh doanh , phát hiện tiềm năng kinh doanh và lập kế hoạch khởi nghiệp. Quan trọng hơn, sinh viên có cơ hội được chia sẻ kinh nghiệm khởi nghiệp từ các doanh nhân thành đạt và / hoặc	2	HK2	-Điểm chuyên cần và quá trình: 30% -Thi thực hành: 70 %

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tham quan mô hình khởi nghiệp thành công.			
320.	Du lịch sinh thái VN	- Nắm được khái niệm, phân loại về Du lịch sinh thái, phân biệt loại hình DLST với Du lịch Thiên nhiên, đồng thời hiểu được những tài nguyên của Du lịch sinh thái. Từ đó nắm vững những yêu cầu và nguyên tắc cơ bản để phát triển DLST. Có chiến lược để phát triển bền vững DLST trong tương lai. Đặc biệt nắm được vai trò của các đối tượng khi tham gia hoạt động DLST - Nghiên cứu thực tế phát triển DLST ở Việt Nam để nắm vững những nội dung về tài nguyên cơ bản, tài nguyên đặc thù và văn hóa bản địa để khai thác phát triển hoạt động DLST. Đồng thời nắm vững được thực trạng (thuận lợi và khó khăn) khi phát triển DLST để từ đó biết khai thác và bảo vệ tài nguyên một cách hợp lý.	2	HK1 HK2	Điểm chuyên cần và quá trình: 30% Thi viết: 70 %
321.	Kỹ năng hoạt náo	Cung cấp cho sinh viên ngành du lịch những kiến thức, kỹ năng thực hành về chương trình, trò chơi mang tính tập thể nhằm giúp sinh viên tự tin, bản lĩnh khi thực hiện nghề, tiếp xúc với nhiều đối tượng khách khác nhau.	3	HK2	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
322.	Quan hệ công chúng	Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về quan hệ công chúng, các hoạt động quan hệ công chúng phổ biến, định hướng sinh viên có thể vận dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn công tác kinh doanh.	2	HK1 HK2	Điểm chuyên cần và quá trình: 30% Thi viết: 70 %
323.	Văn hoá phương Đông	- Học phần Văn hóa phương Đông nghiên cứu đặc điểm văn hóa các khu vực, các dân tộc ở phương Đông. Nền văn hóa được các dân tộc ở các nước tích lũy trong một thời gian dài và trong quá trình ấy, các nhân tố văn hóa không ngừng được bảo tồn và lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác cùng với tiếp nhận những văn hóa bên ngoài bổ sung hoàn thiện tạo nên nền văn hóa mang những nét đặc thù riêng, cuối cùng tích lũy thành những tinh túy trong tinh thần của dân tộc đó tạo nên bước tiến chung cho toàn bộ chính thể văn hóa thế giới. - Hoàn thành tốt các bài báo cáo theo nhóm (bài kiểm tra) và bài thi kết thúc môn học.	2	HK2	Điểm chuyên cần và quá trình: 30% Thi thực hành: 70 %

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
324.	Tiếng Anh định hướng Toeic 1	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản những kỹ năng chính: Nghe – Nói – Đọc – Viết và 3 kỹ năng phụ Ngữ pháp - Từ vựng – Phát âm giúp sinh viên làm quen với hình thức đề thi TOEIC quốc tế, có khả năng giao tiếp ở mức độ cơ bản.	4	HK1 HK2	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
325.	Lịch sử VN đại cương	Sinh viên phải nắm được lịch sử dựng nước và giữ nước, cuộc đấu tranh và bảo vệ tổ quốc của nhân dân ta một cách hệ thống theo tiến trình lịch sử. Các giai đoạn xây dựng đất nước và đấu tranh bảo vệ tổ quốc của các triều đại phong kiến Việt Nam	3	HK2	Điểm chuyên cần và quá trình: 30% Thi viết: 70%
326.	Lịch sử văn minh TG	- Học phần Lịch sử văn minh thế giới là học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về văn minh phương Đông và văn minh phương Tây. Biết vận dụng và lĩnh hội được kiến thức về các nền văn minh lớn trên thế giới. Sinh viên sau khi kết thúc môn học phải nắm được nguồn gốc và những thành tựu văn minh tiêu biểu của nhân loại. - Hoàn thành tốt bài kiểm tra trên lớp (điểm quá trình) và bài thi kết thúc môn học.	2	HK2	Điểm chuyên cần và quá trình: 30% Thi viết: 70%
327.	Địa lý VN	Nắm vững các kiến thức cơ bản về địa lý du lịch: khái quát về du lịch, các nhân tố ảnh hưởng đến sự hình và phát triển du lịch, tổ chức lãnh thổ du lịch... để có cái nhìn tổng quan về môn học. Phân tích và hiểu sâu về tiềm năng và thực trạng phát triển du lịch Việt Nam. Nắm vững các vùng du lịch Việt Nam: cách phân chia vùng, đặc trưng khai thác du lịch của vùng. Trang bị các kiến thức liên ngành để có thể quảng bá được những sản phẩm du lịch của vùng. Có trách nhiệm với môn học, có khả năng ứng dụng thực tế.	2	HK1 HK2	Điểm chuyên cần và quá trình: 30% Thi viết: 70%
328.	Môi trường và phát triển bền vững	Giới thiệu cho sinh viên một cái nhìn cơ bản nhất về: môi trường, phát triển, sinh thái; về quan hệ giữa tài nguyên, môi trường và sự phát triển... từ đó giúp sinh viên nhận thức đúng đắn	2	HK2	Điểm chuyên cần và quá trình: 30% Thi viết: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		về mối quan hệ giữa con người và môi trường, những vấn đề về bảo vệ và sử dụng hợp lý tài nguyên phục vụ phát triển bền vững			%
329.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Bao gồm những nội dung cơ bản của Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, giúp cho sinh viên hiểu biết một cách có hệ thống và tương đối toàn diện về sự ra đời, về sứ mệnh lịch sử, tổ chức và lãnh đạo cách mạng của Đảng (bảng Cương lĩnh, chiến lược các định hướng lớn về chính sách chủ trương công tác tuyên truyền, vận động, kiểm tra, tổ chức quần chúng đấu tranh, bằng hành động tiên phong gương mẫu của cán bộ đảng viên...)	2	HK2	Điểm chuyên cần và quá trình: 30% Thi viết: 70%
330.	Tôn giáo, tín ngưỡng VN	Trang bị cho sinh viên những kiến thức chung, cơ bản nhất về tôn giáo, tín ngưỡng, giải quyết vấn đề tôn giáo theo quan điểm chính sách của Đảng, Nhà nước ta hiện nay. Từ đó nâng cao ý thức, trách nhiệm, hiệu quả quán triệt, tuyên truyền, thực hiện quan điểm, chính sách tôn giáo, tín ngưỡng của Đảng, Nhà nước ta, cảnh giác đấu tranh phòng chống sự lợi dụng vấn đề tôn giáo tín ngưỡng của các thế lực thù địch. - Hoàn thành tốt các bài kiểm tra (điểm quá trình) và bài báo cáo thu hoạch cá nhân (thi kết thúc môn học).	2	HK1	Điểm chuyên cần và quá trình: 30% Thi viết: 70%
331.	Marketing căn bản	Marketing căn bản trình bày những kiến thức căn bản về Marketing. Các khái niệm: thị trường, sản phẩm, giá, phân phối, chiêu thị, ý nghĩa, mục tiêu, vai trò, nội dung của chúng trong Marketing. Các bước nghiên cứu thị trường, phân tích các cơ hội thị trường, phân khúc thị trường, chọn thị trường mục tiêu cho phù hợp với mục tiêu và nguồn lực của doanh nghiệp. Giải thích quá trình quyết định mua hàng của người tiêu dùng và các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua hàng. Qua đó thực hiện các chiến lược Marketing hỗn hợp gồm: chiến lược sản phẩm, chiến lược giá, chiến lược phân phối và chiến lược chiêu thị.	2	HK2	Điểm chuyên cần và quá trình: 30% Thi viết: 70%
332.	Nghệp vụ buồng phòng	Nghệp vụ Buồng khách sạn là một môn học cơ sở ngành, trang bị những kiến thức bổ trợ	2	HK2	Điểm chuyên cần và quá

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		cho nghiệp vụ quản lý Khách sạn dành cho sinh viên chuyên ngành Nhà hàng khách sạn. Môn học này bao gồm cả đào tạo lý thuyết và thực hành nhằm giúp cho người học luyện tập và áp dụng ngay những kiến thức, kỹ năng đã học vào thực tế.			trình: 30% Thi viết: 70%
333.	Nghiệp vụ quản lý an toàn vệ sinh trong nhà hàng	Học phần này sẽ giới thiệu tới sinh viên giá trị dinh dưỡng và đặc điểm vệ sinh của từng loại thực phẩm. Các loại ngộ độc thực phẩm cũng như hiện tượng, bản chất của các chất, vi sinh vật gây ra ngộ độc thực phẩm. Và cuối cùng là cách bảo quản thực phẩm an toàn.	2	HK2	Điểm chuyên cần và quá trình: 30% Thi viết: 70%
334.	Phát triển sản phẩm du lịch	Nội dung học phần cung cấp cho sinh viên những khái niệm về du lịch, sản phẩm du lịch, phát triển sản phẩm du lịch. Cũng như phân tích những đặc tính của sản phẩm du lịch Việt Nam. Ngoài ra còn giúp sinh viên phân tích nhu cầu du lịch từ đó xây dựng cơ sở để phát triển du lịch.	2	HK2	Điểm chuyên cần và quá trình: 30% Thi viết: 70%
335.	Quản trị khu du lịch, khu nghỉ dưỡng	Học phần cung cấp các kiến thức về hoạt động quản lý và kinh doanh khu du lịch (Resort): Hoạch định đầu tư xây dựng Resort, Hoạch định các dịch vụ phục vụ, tổ chức các bộ phận đón tiếp, phục vụ ăn uống, nghỉ ngơi và vui chơi giải trí,... trong Resort	4	HK2	Điểm chuyên cần và quá trình: 30% -Thi viết: 70
336.	Tài nguyên và môi trường du lịch Việt Nam	Học phần Tài nguyên và môi trường du lịch Việt Nam được xây dựng nhằm mục đích cung cấp cho người học cơ sở lý luận về tài nguyên và môi trường du lịch Việt Nam , cung cấp kiến thức tổng quát về tài nguyên du lịch tự nhiên , tài nguyên du lịch nhân văn của Việt Nam , phân loại đánh giá môi trường du lịch Việt Nam , những nguyên tắc khai thác tài nguyên du lịch một cách bền vững , giảm thiểu tác động đến môi trường , hướng tới xây dựng môi trường du lịch bền vững	3	HK2	Điểm chuyên cần và quá trình: 30% Thi viết: 70%
337.	Thanh toán quốc tế trong du lịch	Nội dung chính của học phần Thanh Toán Quốc Tế trình bày những vấn đề có liên quan đến tỷ giá hối đoái, các nghiệp vụ hối đoái trên thị trường hối đoái, các phương tiện thanh toán quốc tế, các phương thức thanh toán quốc tế và các chứng từ chủ yếu trong thanh toán quốc tế	2	HK2	Điểm chuyên cần và quá trình: 30% Thi viết: 70%
338.	Tin học căn bản	Môn học cung cấp cho sinh viên những hiểu	2	HK2	Điểm chuyên

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		biết cơ bản nhất về công nghệ thông tin. Thông qua lý thuyết và thực hành, rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng: Sử dụng hệ điều hành Windows: Những hiểu biết cơ bản về tin học, thông tin và cách biểu diễn thông tin trong máy tính; Hệ thống máy tính với phần cứng, phần mềm và dữ liệu; Các khái niệm về hệ điều hành; Sử dụng hệ điều hành Windows; Sử dụng tiếng Việt trong windows, cách bảo vệ thông tin và phòng chống virus máy tính. Soạn thảo văn bản bằng Microsoft Word, Xử lý bảng tính bằng Microsoft Excel. Trình bày báo cáo bằng Microsoft PowerPoint, Sử dụng Internet và E-mail : Trình bày hai dịch vụ quan trọng nhất là WEB và E-MAIL nhằm giúp sinh viên tìm kiếm và trao đổi thông tin trên internet.			cần và quá trình: 30% Thi viết: 70 %
339.	Marketing du lịch	- Nắm vững các khái niệm về Marketing và Marketing Du lịch, hiểu được từng bước để thực hiện Marketing Du lịch như thế nào?. - Biết phân biệt thành phần của sản phẩm du lịch, ứng dụng được các mô hình sản phẩm du lịch trong từng giai đoạn phát triển của hoạt động du lịch. Nắm vững và ứng dụng được các chiến lược đời sống sản phẩm du lịch. - Nghiên cứu thị trường du lịch, phân khúc được từng loại thị trường, xác định được thị trường mục tiêu cho từng giai đoạn gắn với chiến lược của công ty du lịch.	2	HK1 HK2	Điểm chuyên cần và quá trình: 30% Thi thực hành: 70 %
340.	Triết học Mác - Lênin	Học phần là phần thứ nhất của môn học Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin. Nội dung của môn học bao gồm 4 chương, nghiên cứu những quy luật vận động, phát triển chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy; xây dựng thế giới quan, phương pháp luận khoa học, cách mạng, vận dụng vào hoạt động nhận thức khoa học và thực tiễn cách mạng.	2	HK2	Điểm chuyên cần và quá trình: 30% Thi viết: 70 %
341.	Nghiep vụ lễ tân và tiền sảnh	- Sinh viên cần nắm được những vấn đề cơ bản, tổng quát về bộ phận lễ tân khách sạn - Nắm vững những yêu cầu đối với một nhân viên lễ tân, quy trình nhận đặt buồng khách sạn và các vấn đề phát sinh.	2	HK2 HK3	Điểm chuyên cần và quá trình: 30% Thi viết: 70 %

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Nắm được quy trình đón tiếp, phục vụ và làm thủ tục thanh toán, tiễn khách và các phương pháp quản trị bộ phận lễ tân hiệu quả.			
342.	Địa lý du lịch và thắng cảnh VN	Sinh viên được cung cấp các kiến thức cơ bản về địa lý du lịch, di tích danh thắng của Việt Nam: khái quát về du lịch, các nhân tố ảnh hưởng đến sự hình và phát triển du lịch, tổ chức lãnh thổ du lịch, hệ thống di tích và thắng cảnh ở Việt Nam. Phân tích và hiểu sâu về tiềm năng và thực trạng phát triển du lịch Việt Nam, hiểu được giá trị và vai trò của hệ thống di tích và thắng cảnh Việt Nam trong hoạt động du lịch. Nắm vững các vùng du lịch Việt Nam: cách phân chia vùng, đặc trưng khai thác du lịch của vùng, các di tích thắng cảnh nổi bật của mỗi vùng. Trang bị các kiến thức liên ngành để có thể quảng bá được những sản phẩm du lịch của vùng. Có trách nhiệm với môn học, có khả năng ứng dụng kiến thức của học phần vào thực tế.	2	HK1 HK3	Điểm chuyên cần và quá trình: 30% Thi viết: 70%
343.	Ứng dụng CNTT trong kinh doanh	- Giúp sinh viên có kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin - Ứng dụng được công nghệ thông tin trong du lịch - Có tinh thần làm việc công nghệ	2	HK1 HK2 HK3	Điểm chuyên cần và quá trình: 30% Thi viết: 70%
344.	Ứng dụng thương mại điện tử trong kinh doanh lưu trú	Sinh viên hiểu rõ những kiến thức về việc khai thác nguồn thông tin trên mạng liên quan đến chuyên ngành, các khái niệm về internet và website, những kiến thức nền về tạo website như ngôn ngữ tạo website, những giai đoạn tạo website, thực hiện tạo một website tương thích đa thiết bị sử dụng mẫu có sẵn. Phân tích và đánh giá vai trò của người học trong việc ứng dụng công nghệ thông tin, lập kế hoạch xây dựng và e-marketing trong du lịch.	2	HK2	Điểm chuyên cần và quá trình: 30% Thi viết: 70%
345.	Văn hóa biển đảo Việt Nam	Môn học này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức về du lịch biển đảo của Việt Nam, để sinh viên có thể hiểu hơn về tình hình phát triển du lịch ở vùng biển đảo. Sau khi học xong học phần này, sinh viên phải nắm được	2	HK2	Điểm chuyên cần và quá trình: 30% Thi viết: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		những kiến thức về nền tài nguyên biển đảo, nguồn lực phát triển du lịch biển đảo và các vấn đề liên quan đến bảo vệ chủ quyền biển đảo của nước ta để vận dụng vào chuyên ngành mình được học			
346.	Giáo dục thể chất 2 - Bóng chuyền	Kỹ năng thực hành: Kỹ thuật đệm bóng cơ bản và nâng cao, chuyền bóng cơ bản và nâng cao, phát bóng cơ bản và nâng cao, kỹ thuật di chuyển cơ bản trong môn bóng chuyền, kỹ năng phán đoán và đánh bóng chuẩn xác. - Lý thuyết: Hiểu được lịch sử phát triển và luật thi đấu của môn bóng chuyền	1	HK2	-Điểm chuyên cần và quá trình: 30% - Thi thực hành: 70 %
347.	Giáo dục thể chất 2 - Bóng đá	Học phần môn bóng đá giúp cho sinh viên có kiến thức về nguồn gốc hình thành và phát triển môn bóng đá. Sinh viên sau khi học sẽ nắm vững các yếu tố kỹ thuật của môn bóng đá như dẫn bóng, tâng bóng, sút bóng, nhận bóng, chụp bóng. Các kỹ thuật này sẽ giúp sinh viên tự tập luyện để nâng cao sức khỏe và hướng dẫn người khác cùng tập luyện. Ngoài ra, học phần này cũng giúp sinh viên có kiến thức về chiến thuật thi đấu và luật thi đấu môn bóng đá	1	HK2	Điểm chuyên cần và quá trình: 30% -Thi thực hành: 70 %
348.	Giáo dục thể chất 2 - Cầu lông	Giúp cho sinh viên giúp có thể thực hành một số kỹ thuật nâng cao trong môn cầu lông như: Đánh cầu thuận tay cao sâu, đập cầu. Các kỹ thuật này sẽ giúp sinh viên tự tập luyện để nâng cao sức khỏe và hướng dẫn người khác cùng tập luyện	1	HK2	Điểm chuyên cần và quá trình: 30% Thi thực hành: 70 %
349.	Giáo dục thể chất 3 - Bóng chuyền	- Kỹ năng thực hành: Phát triển hoàn thiện kỹ thuật đập bóng cơ bản, hình thức thi đấu, khả năng tổ chức và điều hành trận đấu. - Lý thuyết: Hiểu được một số luật cơ bản và phương pháp trọng tài	1	HK2	Điểm chuyên cần và quá trình: 30% Thi thực hành: 70 %
350.	Giáo dục thể chất 3 - Bóng đá	Học phần môn bóng đá giúp cho sinh viên có kiến thức về nguồn gốc hình thành và phát triển môn bóng đá. Sinh viên sau khi học sẽ nắm vững các yếu tố kỹ thuật của môn bóng đá như dẫn bóng, tâng bóng, sút bóng, ném biên. Các kỹ thuật này sẽ giúp sinh viên tự tập luyện để nâng cao sức khỏe và hướng dẫn người khác cùng tập luyện. Ngoài ra, học phần này cũng giúp sinh viên có kiến thức về chiến thuật thi đấu và phương pháp tổ chức thi đấu môn bóng	1	HK2	Điểm chuyên cần và quá trình: 30% Thi thực hành: 70 %

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		đá.			
351.	Giáo dục thể chất 3 - Cầu lông	Học phần môn cầu lông giúp cho sinh viên có kiến thức về nguồn gốc hình thành và phát triển môn cầu lông thể giới và Việt Nam. Sinh viên sau khi học xong chương trình môn cầu lông nâng cao 2 sẽ nắm vững các yếu lĩnh kỹ thuật đã học đồng thời hoàn thiện các kỹ thuật đó và có thể thi đấu nâng cao trình độ kỹ thuật. Các kỹ thuật này sẽ giúp sinh viên tự tập luyện để nâng cao sức khỏe và hướng dẫn người khác cùng tập luyện. Ngoài ra, học phần này cũng giúp sinh viên có kiến thức rõ hơn về luật thi đấu môn cầu lông.	1	HK2	Điểm chuyên cần và quá trình: 30% Thi thực hành: 70 %
352.	Pháp luật về thương mại điện tử	Pháp luật về thương mại điện tử là môn học thuộc chuyên ngành pháp luật kinh tế, nghiên cứu các vấn đề cơ bản về pháp luật điều chỉnh các quan hệ thương mại được thực hiện thông qua mạng điện tử như: Kế hoạch xây dựng hệ thống thương mại điện tử, ứng dụng công nghệ thông tin trong thương mại điện tử, pháp luật điều chỉnh, vấn đề an ninh và thanh toán trong thương mại điện tử.	2	HK1 năm học 2021-2022	Tự luận
353.	Luật cạnh tranh	Môn học cung cấp các kiến thức pháp luật về bảo vệ cạnh tranh trong kinh doanh. Luật cạnh tranh nghiên cứu các nội dung sau: Những vấn đề lí luận chung về cạnh tranh và pháp luật cạnh tranh; Căn cứ xác định hành vi hạn chế cạnh tranh; Pháp luật về kiểm soát thỏa thuận hạn chế cạnh tranh; Pháp luật về kiểm soát lạm dụng vị trí thống lĩnh, vị thế độc quyền; Pháp luật kiểm soát tập trung kinh tế; Pháp luật về cạnh tranh không lành mạnh; Tổ tụng cạnh tranh, thủ tục miễn trừ và chế tài xử lí đối với hành vi vi phạm pháp luật cạnh tranh.	2	HK1 năm học 2021-2022	Tự luận
354.	Luật sở hữu trí tuệ	Học phần giúp cung cấp hệ thống các khái niệm cơ bản liên quan đến sở hữu trí tuệ (SHTT), nhận diện được các đối tượng và hiệu được đặc trưng cơ bản các đối tượng của quyền SHTT (quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả; quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng). Phân tích được các yếu tố của quan hệ pháp luật về quyền tác giả,	2	HK1 năm học 2021-2022	Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		quyền liên quan, quyền sở hữu công nghệ (SHCN), quyền đối với giống cây trồng (chủ thể; khác thể, nội dung); các căn cứ xác lập, chấm dứt quyền SHTT; thời hạn bảo hộ đối với các đối tượng SHTT.			
355.	Đạo đức nghề luật	Là môn học nghiên cứu về các chuẩn mực, quy tắc đạo đức đặt ra cho những cá nhân và tổ chức hành nghề luật, trong đó trọng tâm nghiên cứu là các tiêu chuẩn đạo đức đối với luật sư và thẩm phán. Môn học cũng nghiên cứu mối quan hệ giữa các chuẩn mực đạo đức nghề luật với sự biến động không ngừng của các hiện tượng xã hội.	2	HK1 năm học 2021-2022	Tự luận
356.	Pháp luật về thi hành án dân sự	Đối với môn pháp luật thi hành án dân sự, sinh viên sẽ được cung cấp những kiến thức pháp lý cơ bản về trình tự, thủ tục thi hành án các bản án, quyết định dân sự của Tòa án và các bản án, quyết định khác theo quy định pháp luật. Đối tượng nghiên cứu của môn học là những vấn đề lý luận về thi hành án dân sự, xã hội hóa thi hành án dân sự, thời hiệu, thẩm quyền và các nguyên tắc cơ bản của thi hành án dân sự, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân về thi hành án dân sự, các biện pháp bảo đảm và cưỡng chế thi hành án dân sự...	2	HK1 năm học 2021-2022	Tự luận
357.	Pháp luật về quản lý nhà nước trong lĩnh vực thương mại	Sinh viên có kiến thức về pháp luật nhà nước trong lĩnh vực thương mại trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về hoạt động kinh doanh, pháp luật về thương mại và những quy trình, thủ tục có liên quan khi tiến hành các hoạt động thuộc lĩnh vực kinh tế.	2	HK1 năm học 2021-2022	Tự luận
358.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ngoài chương mở đầu giới thiệu về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập của môn học và chương I nghiên cứu về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh thì nội dung còn có 6 chương nghiên cứu về những tư tưởng của Người về các vấn đề cụ thể, cơ bản nhất của cách mạng Việt Nam.	2	HK1 năm học 2021-2022	Tự luận
359.	Luật tổ tụng dân sự	Luật Tổ tụng dân sự (Luật hình thức) là môn học cơ bản của chương trình đào tạo luật học, đây là học phần trang bị cho sinh viên những	3	HK1 năm học 2021-2022	Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		kiến thức nền tảng trong việc vận dụng các quy định của pháp luật nội dung để bảo vệ lợi ích hợp pháp cho mình, cho người khác, cho tập thể và nhà nước... khi lợi ích đó bị xâm phạm.			
360.	Công pháp quốc tế	Học phần Luật công pháp quốc tế có những nội dung chính như sau: Nghiên cứu về pháp luật quốc tế mà cụ thể là các điều ước quốc tế, các hiệp định đa phương và song phương giữa các nước trong khu vực và trên thế giới mà Việt Nam là thành viên. Đồng thời nghiên cứu phạm vi điều chỉnh, đối tượng điều chỉnh của quốc gia Việt Nam trong mối quan hệ quốc tế thông qua các điều ước quốc tế, các hiệp định đa phương và song phương.	3	HK1 năm học 2021-2022	Tự luận
361.	Tư pháp quốc tế	Học phần trang bị những kiến thức lý luận và quy định của pháp luật về xung đột pháp luật và áp dụng pháp luật nước ngoài cũng như kiến thức thực tiễn về các vấn đề này. Đồng thời tìm hiểu quy định của pháp luật về thẩm quyền của toà án quốc gia đối với các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài và pháp luật về công nhận và thi hành bản án, quyết định dân sự của toà án nước ngoài, quyết định của trọng tài nước ngoài.	3	HK1 năm học 2021-2022	Tự luận
362.	Luật lao động	Nghiên cứu tổng quan đầy đủ về quyền và nghĩa vụ của các chủ thể trong mối quan hệ lao động như: Hợp đồng lao động; Thỏa ước lao động tập thể; Thời giờ làm việc - Thời giờ nghỉ ngơi; Tiền lương; Bảo hộ lao động; Kỷ luật lao động – Trách nhiệm vật chất; Bảo hiểm xã hội. Đồng thời vấn đề giải quyết tranh chấp lao động cũng được nghiên cứu trong học phần này.	3	HK1 năm học 2021-2022	Tự luận
363.	Luật đầu tư	Là môn học chuyên ngành, cung cấp những kiến thức cơ bản về các hoạt động đầu tư kinh doanh. Sinh viên được tiếp cận nghiên cứu các nội dung chủ yếu sau: Hình thức đầu tư (khái niệm, phạm vi, các nguyên tắc của các hình thức đầu tư, mối quan hệ giữa quy định pháp luật với thực tiễn, giữa các văn bản quy phạm pháp luật. với nhau...); Trình tự thủ tục đầu tư và sự cụ thể hóa của Nhà nước bằng pháp luật. - Các biện pháp đảm bảo, ưu đãi, hỗ trợ đầu tư;	2	HK1 năm học 2021-2022	Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Hoạt động đầu tư vào các tổ chức kinh tế, quy chế pháp lý về các khu kinh tế đặc biệt; Cơ chế điều chỉnh hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài.			
364.	Tiếng Anh định hướng Toeic 1	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản những kỹ năng chính: Nghe-Nói-Đọc-Viết và kỹ năng phụ Ngữ pháp – Từ vựng – Phát âm, giúp sinh viên làm quen với hình thức đề thi Toeic quốc tế, có khả năng giao tiếp ở mức độ cơ bản.	4	HK1 năm học 2021-2022	Trắc nghiệm+Tự luận
365.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Môn học cung cấp kiến thức cơ bản, hệ thống về sự ra đời, các giai đoạn phát triển, đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc học tập, nghiên cứu chủ nghĩa xã hội khoa học, giúp sinh viên có kỹ năng biết vận dụng những tri thức đã học vào vận dụng và giải thích những vấn đề chính trị-xã hội trong đời sống hiện nay cũng như về tư tưởng có thái độ tích cực với việc học tập các môn lý luận chính trị, có niềm tin vào mục tiêu, lý tưởng và sự thành công của cuộc đổi mới do Đảng công sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo.	2	HK1 năm học 2021-2022	Tự luận
366.	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Môn học cung cấp những tri thức cơ bản, cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác – Lê nin trong bối cảnh phát triển của đất nước và thế giới ngày nay, cập nhật tri thức mới, kỹ năng, tư duy, phẩm chất người học, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và góp phần giúp sinh viên xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường.	2	HK1 năm học 2021-2022	Tự luận
367.	Luật Hình sự	Học phần Luật Hình sự có những nội dung chính như sau: Những quy định về tội phạm; những trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự; thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự; hình phạt; các biện pháp tư pháp; quyết định hình phạt; chấp hành hình phạt; xóa án tích; pháp nhân thương mại phạm tội.	3	HK1 năm học 2021-2022	Tự luận
368.	Luật Thương mại 1	Học phần nghiên cứu những quy định của pháp luật về các hoạt động thương mại và chủ thể tham gia hoạt động thương mại là thương nhân. Phân biệt được từng loại hình doanh	3	HK1 năm học 2021-2022	Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		ngành với những đặc điểm pháp lý khác nhau, biết nhận diện ưu điểm hạn chế của từng loại hình doanh nghiệp về cơ cấu tổ chức, hoạt động và giải thể của doanh nghiệp.			
369.	Luật Dân sự 2	Luật dân sự có vai trò quan trọng trong hệ thống pháp luật Việt Nam, là nền tảng cho nhiều chuyên ngành khác và luôn thu hút sự quan tâm của các nhà khoa học, nhà nghiên cứu, người làm công tác trong thực tiễn và đối tượng khác có quan tâm. Với học phần đầu tiên Luật Dân sự 2 này, sinh viên sẽ được trang bị những kiến thức về luật dân sự như: nghĩa vụ dân sự, các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ; Hợp đồng dân sự; Các hợp đồng thông dụng của Việt Nam; Hứa thưởng, thi có giải; Thực hiện công việc không có ủy quyền; nghĩa vụ hoàn trả do chiếm hữu, sử dụng tài sản, được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật.... trong các lĩnh vực thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật dân sự.	2	HK1 năm học 2021-2022	Tự luận
370.	Soạn thảo văn bản pháp luật	Đối với môn soạn thảo văn bản pháp luật sinh viên sẽ được tìm hiểu khái niệm, chức năng và vai trò của văn bản. Đồng thời, sinh viên sẽ phân biệt được văn bản pháp luật với văn bản hành chính. Sinh viên được tìm hiểu các nội dung cơ bản trong nghiệp vụ xây dựng văn bản như: Nội dung, hình thức của văn bản, yêu cầu về phong cách, ngôn ngữ, thể thức trình bày và quy trình xây dựng văn bản. Ngoài ra, sinh viên sẽ được tìm hiểu kỹ năng xây dựng một số văn bản hành chính thông dụng.	2	HK1 năm học 2021-2022	Tự luận
371.	Kinh tế học đại cương	Học phần trang bị cho sinh viên hiểu được bản chất, vai trò của kinh tế học và các mô hình hoạt động của nền kinh tế. Trang bị về kỹ năng vận dụng các lý thuyết xã hội học để lý giải một số hiện tượng kinh tế, phát triển kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá về các vấn đề của kinh tế học được tiếp cận trong thực tế.	3	HK1 năm học 2021-2022	Tự luận
372.	Lý luận Nhà nước và Pháp luật	Là một môn học bắt buộc chung trong chương trình đào tạo cử nhân ngành Luật. Lý luận nhà nước và pháp luật là khoa học pháp lý cơ bản có tính chất phương pháp luận nhằm	3	HK1 năm học 2021-2022	Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trang bị hệ thống kiến thức cơ bản về nhà nước, pháp luật để có thể tiếp cận với các môn khoa học khác cũng như tiếp cận các vấn đề, hiện tượng pháp lý – xã hội nói chung.			
373.	Lịch sử Nhà nước và Pháp luật VN	Học phần Lịch sử Nhà nước và pháp luật Việt Nam trang bị cho người học những nội dung chính như sau: quá trình hình thành nhà nước đầu tiên ở Việt Nam – nhà nước Văn Lang – Âu Lạc; nhà nước và pháp luật giai đoạn đấu tranh chống đồng hóa của phong kiến Trung Quốc (179 tr.cn-938); nhà nước và pháp luật Ngô – Đinh – Tiền Lê giai đoạn củng cố nền độc lập dân tộc và bước đầu xác lập nhà nước Trung ương tập quyền; nhà nước phong kiến quân chủ lập hiến thời Lê sơ (đầu thế kỷ XV – đầu thế kỷ XVIII); pháp luật thế kỷ thứ XV – thế kỷ thứ XVIII, bộ quốc triều hình luật và bộ quốc triều khám tụng điều lệ; chính quyền và điều lệ thời pháp thuộc (1858 – 1945); cách mạng tháng Tám và sự ra đời của nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, nhà nước và pháp luật trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp (1945-1954); nhà nước và pháp luật trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước, thống nhất tổ quốc (1954-1976); sự thành lập nhà nước CHXHCN Việt Nam (1976), nhà nước và pháp luật trong cơ chế tập trung quan liêu – bao cấp (1975-1986); nhà nước và pháp luật thời kỳ đổi mới.	2	HK1 năm học 2021-2022	Tự luận
374.	Thống kê xã hội học	Học phần trang bị kiến thức cơ bản về xác suất như định nghĩa xác suất, công thức cộng xác suất, công thức nhân xác suất, các tham số của đại lượng ngẫu nhiên. Trang bị các kiến thức cơ bản về thống kê như các phương pháp chọn mẫu, các tham số đặc trưng của mẫu, thu thập, tổ chức dữ liệu. Cung cấp các phương pháp thống kê đơn giản như ước lượng có tham số và kiểm định giả thiết thống kê.	2	HK1 năm học 2021-2022	Tự luận
375.	Kỹ năng phân tích và lập luận trong pháp luật	Kỹ năng phân tích và lập luận trong pháp luật là môn học trang bị kỹ năng pháp lý, cung cấp các khía cạnh về pháp lý và những kiến thức từ cơ bản, đến chuyên sâu về phân tích quy phạm pháp luật để từ đó vận dụng khả năng tư duy	2	HK1 năm học 2021-2022	Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		phản biện lập luận các vấn đề trên theo định hướng nghiên cứu pháp luật.			
376.	Khóa luận tốt nghiệp	Khóa luận tốt nghiệp ngành luật là một công trình nghiên cứu pháp luật phù hợp ngành đào tạo, do sinh viên thực hiện dưới sự hướng dẫn của giảng viên, thể hiện kiến thức chuyên môn, sử dụng phương pháp nghiên cứu phù hợp thể hiện khả năng tư duy, sáng tạo và vận dụng kiến thức, kỹ năng đã tiếp thu và rèn luyện trong quá trình học để nghiên cứu khoa học, giải quyết hoàn chỉnh một hoặc một số vấn đề thuộc phạm vi chuyên môn.	12	HK2 năm học 2021-2022	Đánh giá của hội đồng.
377.	Tiểu luận tốt nghiệp	Tiểu luận tốt nghiệp ngành luật là một công trình nghiên cứu pháp luật phù hợp ngành đào tạo, do sinh viên thực hiện dưới sự hướng dẫn của giảng viên, thể hiện kiến thức chuyên môn, sử dụng phương pháp nghiên cứu phù hợp thể hiện khả năng tư duy, sáng tạo và vận dụng kiến thức, kỹ năng đã tiếp thu và rèn luyện trong quá trình học để nghiên cứu khoa học, giải quyết hoàn chỉnh một hoặc một số vấn đề thuộc phạm vi chuyên môn.	8	HK2 năm học 2021-2022	(GV chấm 1+GV chấm 2)/2
378.	Pháp luật về xuất nhập khẩu	Pháp luật về xuất nhập khẩu là môn khoa học pháp lý chuyên ngành, cung cấp những kiến thức cơ bản về địa vị pháp lý của các chủ thể tiến hành hoạt động xuất nhập khẩu, nội dung pháp lý chủ yếu trong điều chỉnh hoạt động xuất nhập khẩu và quản lý nhà nước đối với hoạt động xuất nhập khẩu.	2	HK2 năm học 2021-2022	Tự luận
379.	Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán	Luật chứng khoán là môn khoa học pháp lý chuyên ngành, cung cấp những kiến thức cơ bản về địa vị pháp lý của các chủ thể tiến hành hoạt động kinh doanh chứng khoán, nội dung pháp lý chủ yếu trong kinh doanh chứng khoán và quản lý nhà nước trong lĩnh vực chứng khoán.	2	HK2 năm học 2021-2022	Tự luận
380.	Tiếng Anh chuyên ngành	Học phần anh văn chuyên ngành luật cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tiếng anh trong lĩnh vực pháp luật về thương mại như: Thuật ngữ pháp lý tiếng Anh trong một số lĩnh vực pháp luật cơ bản; Thuật ngữ pháp lý tiếng Anh trong lĩnh vực pháp luật kinh doanh thương mại, từ đó định hướng cho sinh viên kỹ năng soạn thảo một số văn bản, tài liệu	3	HK2 năm học 2021-2022	TN+TL

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		pháp lý cơ bản nhằm đáp ứng yêu cầu của xã hội về nguồn nhân lực có chất lượng cao, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế trong xu thế hội nhập.			
381.	Luật thương mại quốc tế	Môn học luật thương mại quốc tế cung cấp những kiến thức cơ bản về pháp luật thương mại quốc tế. Môn học bao gồm 2 phần chính: Luật thương mại quốc tế giữa các quốc gia và luật thương mại quốc tế giữa các thương nhân. Đối với môn học này, sinh viên sẽ được trang bị các kiến thức về: Khái niệm giao dịch thương mại quốc tế và luật thương mại quốc tế; Các nguyên tắc cơ bản của WTO và ngoại lệ; Thương mại hàng hoá và các hiệp định của WTO; Thương mại dịch vụ và GATS; Quyền sở hữu trí tuệ và Hiệp định TRIPs; Cơ chế giải quyết tranh chấp trong khuôn khổ WTO; Pháp luật điều chỉnh hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế; Pháp luật về thanh toán quốc tế; Giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế giữa các thương nhân.	3	HK2 năm học 2021-2022	Tự luận
382.	Luật ngân sách	Trang bị những quy định của pháp luật về cơ chế lập, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước, cơ chế thanh tra tài chính cũng như phương thức xử lý vi phạm trong lĩnh vực ngân sách nhà nước.	2	HK2 năm học 2021-2022	Tự luận
383.	Luật ngân hàng	Học phần nghiên cứu tổng quan về địa vị pháp lý, cơ cấu tổ chức hoạt động, hệ thống quản lý của Ngân Hàng Nhà nước Việt Nam và Các tổ chức tín dụng. Đồng thời nêu rõ những quy định về chế độ dịch vụ thanh toán thông qua hệ thống Ngân Hàng Nhà nước Việt Nam và Các tổ chức tín dụng. Bên cạnh đó nghiên cứu Pháp luật điều chỉnh hoạt động quản lý Nhà nước về ngoại hối.	2	HK2 năm học 2021-2022	Tự luận
384.	Luật thuế	Học phần Luật Thuế trang bị những quy định của pháp luật về tài chính, về cơ chế lập, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước, cơ chế thanh tra tài chính cũng như phương thức xử lý vi phạm trong lĩnh vực ngân sách nhà nước.	2	HK2 năm học 2021-2022	Tự luận
385.	Phương pháp nghiên cứu khoa học - Luật	Trang bị cho sinh viên cái nhìn tổng quan về khoa học và nghiên cứu khoa học, từ đó xác định và mô tả được vấn đề nghiên cứu. Trang	2	HK2 năm học 2021-2022	Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		bị cho sinh viên phương pháp luận trong nghiên cứu khoa học, phương pháp thu thập, xử lý và phân tích thông tin thu thập được. Từ đó trình bày báo cáo nghiên cứu khoa học.			
386.	Luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán	Luật chứng khoán là môn khoa học pháp lý chuyên ngành, cung cấp những kiến thức cơ bản về địa vị pháp lý của các chủ thể tiến hành hoạt động kinh doanh chứng khoán, nội dung pháp lý chủ yếu trong kinh doanh chứng khoán và quản lý nhà nước trong lĩnh vực chứng khoán.	2	HK2 năm học 2021-2022	Tự luận
387.	Tiếng Anh định hướng Toeic 2	Học phần trang bị cho sinh viên giao tiếp tiếng Anh ở trình độ sơ cấp thấp: Biết nghe nói những chủ đề thiết thân hàng ngày như: hỏi đường, hỏi giá tiền, thời gian. Biết đọc viết những văn bản ngắn và đơn giản như: nội dung bưu thiếp, e-mail thăm hỏi. Bắt đầu có ý thức so sánh văn hoá Việt – Anh	4	HK2 năm học 2021-2022	TN+TL
388.	Giáo dục thể chất 3	Giúp cho sinh viên hoàn thiện một số động tác nâng cao trong bóng chuyền. Sinh viên có kiến thức về phương pháp trọng tài và có thể làm trọng tài trong các giải phong trào của đơn vị; giúp cho sinh viên có khả năng vận dụng thành thạo một số kỹ thuật cơ bản của bóng đá, nắm vững yếu lĩnh kỹ thuật động tác trên cơ sở đó sinh viên tự tập luyện nâng cao sức khỏe cho bản thân và có thể hướng dẫn người chưa biết cùng tham gia tập luyện; giúp sinh viên tập luyện hoàn thiện các kỹ thuật đã học, đồng thời cho các em đấu tập để các em nắm rõ các luật thi đấu trong cầu lông, nhằm nâng cao sức khỏe cho bản thân đạt tiêu chuẩn về rèn luyện thân thể.	2	HK2 năm học 2021-2022	Lý thuyết + Thực hành
389.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Cung cấp những tri thức có tính hệ thống, cơ bản về sự ra đời của ĐCSVN (1920-1930), sự lãnh đạo của Đảng đối với CM VN trong thời kỳ đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975), trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc thời kỳ cả nước quá độ lên CNXH, tiến hành công cuộc đổi mới (1975-nay).	2	HK2 năm học 2021-2022	Tự luận
390.	Luật Hôn nhân và gia đình	Luật hôn nhân và gia đình là trang bị cho sinh viên các vấn đề lý luận và pháp lý cơ bản về hệ	2	HK2 năm học 2021-	Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thống pháp luật hôn nhân và gia đình. Nội dung môn học mang tính ứng dụng cao và gắn với cuộc sống của mỗi cá nhân trong đời sống xã hội với hai phần nội dung chính gồm phần lý luận giới thiệu các hình thái HN&GD trong lịch sử; các khái niệm cơ bản như khái niệm hôn nhân, khái niệm gia đình, khái niệm luật HN&GD, quan hệ pháp luật HN&GD; nhiệm vụ và các nguyên tắc cơ bản của luật HN&GD Việt Nam và phân các chế định pháp lý cụ thể nghiên cứu những quy định của pháp luật hiện hành về kết hôn và hủy kết hôn trái pháp luật; quan hệ vợ chồng; quan hệ cha mẹ và con; nghĩa vụ cấp dưỡng giữa các thành viên trong gia đình; chấm dứt hôn nhân; quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài.		2022	
391.	Luật Thương mại 2	Học phần nghiên cứu một cách đầy đủ về các hoạt động thương mại và phân biệt được từng loại hoạt động thương mại. Tính chất luật định phát sinh từ hoạt động thương mại như: mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ thương mại, xúc tiến thương mại, trung gian thương mại và các hoạt động thương mại khác. Các hình thức và nguyên tắc áp dụng chế tài thương mại trong hoạt động thương mại. Cách thức giải quyết tranh chấp trong thương mại bằng các phương thức khác nhau.	3	HK2 năm học 2021-2022	Tự luận
392.	Luật Hành chính	Học phần Luật Hành chính có những nội dung chính như sau: nội dung, hình thức và phương pháp quản lý hành chính nhà nước; vi phạm hành chính và xử lý vi phạm hành chính; quyết định quản lý hành chính của cơ quan hành chính nhà nước; thủ tục hành chính; những biện pháp bảo đảm pháp chế xhcn và kỷ luật nhà nước trong quản lý hành chính nn; thanh tra; tham nhũng và chống tham nhũng.	3	HK2 năm học 2021-2022	Tự luận
393.	Luật lao động	Nghiên cứu tổng quan đầy đủ về quyền và nghĩa vụ của các chủ thể trong mối quan hệ lao động như: Hợp đồng lao động; Thỏa ước lao động tập thể; Thời giờ làm việc - Thời giờ nghỉ ngơi; Tiền lương; Bảo hộ lao động; Kỷ luật lao động – Trách nhiệm vật chất; Bảo hiểm xã hội. Đồng thời vấn đề giải quyết tranh chấp lao	3	HK2 năm học 2021-2022	Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		động cũng được nghiên cứu trong học phần này.			
394.	Luật môi trường	Luật môi trường là môn học thuộc chuyên ngành pháp luật kinh tế, trang bị cho sinh viên các vấn đề cơ bản về bảo vệ môi trường bằng pháp luật. Nội dung trước tiên mà môn học này đề cập là một số vấn đề mang tính lí luận chung về môi trường, bảo vệ môi trường và luật môi trường. Tiếp đó, môn học nghiên cứu các nội dung về đánh giá môi trường, kiểm soát ô nhiễm môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học như: kiểm soát ô nhiễm không khí, kiểm soát ô nhiễm đất, kiểm soát ô nhiễm nước, bảo vệ rừng, bảo vệ đa dạng sinh học... Ngoài ra, môn học còn đề cập các khía cạnh của việc thực thi các công ước quốc tế trong lĩnh vực bảo vệ môi trường ở Việt Nam cũng như cơ chế giải quyết các tranh chấp nảy sinh trong lĩnh vực này.	2	HK2 năm học 2021-2022	Tự luận
395.	Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán	Luật chứng khoán là môn khoa học pháp lí chuyên ngành, cung cấp những kiến thức cơ bản về địa vị pháp lí của các chủ thể tiến hành hoạt động kinh doanh chứng khoán, nội dung pháp lí chủ yếu trong kinh doanh chứng khoán và quản lí nhà nước trong lĩnh vực chứng khoán.	2	HK2 năm học 2021-2022	Tự luận
396.	Tin học căn bản	Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản nhất về công nghệ thông tin. Thông qua lý thuyết và thực hành, rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng: - Sử dụng hệ điều hành Windows; Sử dụng tiếng Việt trong windows, cách bảo vệ thông tin và phòng chống virus máy tính. Soạn thảo văn bản bằng Microsoft Word. - Xử lý bảng tính bằng Microsoft Excel. - Trình bày báo cáo bằng Microsoft PowerPoint. - Sử dụng Internet và E-mail : Trình bày hai dịch vụ quan trọng nhất là WEB và E-MAIL nhằm giúp sinh viên tìm kiếm và trao đổi thông tin trên internet.	3	HK2 năm học 2021-2022	Trắc nghiệm + TH
397.	Giáo dục thể chất 1	Học phần nhằm trang bị những kiến thức và kỹ năng vận động cơ bản giúp sinh viên biết cách tập luyện và thi đấu các môn thể thao.	1	HK2 năm học 2021-2022	Lý thuyết + Thực hành

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
398.	Triết học Mác - Lênin	Học phần Triết học Mác - Lênin bao gồm 3 chương, trình bày những tri thức cơ bản về triết học, triết học Mác – Lênin, vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội, vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới; những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng; những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử.	3	HK2 năm học 2021-2022	Tự luận
399.	Tiếng Anh định hướng Toeic 1	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản những kỹ năng chính: Nghe-Nói-Đọc-Viết và kỹ năng phụ Ngữ pháp – Từ vựng – Phát âm, giúp sinh viên làm quen với hình thức đề thi Toeic quốc tế, có khả năng giao tiếp ở mức độ cơ bản.	4	HK2 năm học 2021-2022	TN+TL
400.	Luật Hiến pháp	Học phần Luật Hiến pháp có những nội dung chính như sau: những khái niệm chung về luật hiến pháp; sự ra đời và phát triển của luật hiến pháp trong lịch sử; sự ra đời và phát triển của nền lập hiến Việt Nam; chế độ chính trị nước CHXHCN Việt Nam; chế độ kinh tế; chế độ văn hóa, giáo dục, khoa học và công nghệ; chính sách đối ngoại, quốc phòng và an ninh quốc gia; quốc tịch Việt Nam; quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam.	3	HK2 năm học 2021-2022	Tự luận
401.	Luật Hôn nhân và gia đình	Luật hôn nhân và gia đình là trang bị cho sinh viên các vấn đề lý luận và pháp lý cơ bản về hệ thống pháp luật hôn nhân và gia đình. Nội dung môn học mang tính ứng dụng cao và gắn với cuộc sống của mỗi cá nhân trong đời sống xã hội với hai phần nội dung chính gồm phân lý luận giới thiệu các hình thái HN&GD trong lịch sử; các khái niệm cơ bản như khái niệm hôn nhân, khái niệm gia đình, khái niệm luật HN&GD, quan hệ pháp luật HN&GD; nhiệm vụ và các nguyên tắc cơ bản của luật HN&GD Việt Nam và phần các chế định pháp lý cụ thể nghiên cứu những quy định của pháp luật hiện hành về kết hôn và hủy kết hôn trái pháp luật; quan hệ vợ chồng; quan hệ cha mẹ và con; nghĩa vụ cấp dưỡng giữa các thành viên trong gia đình; chấm dứt hôn nhân; quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài.	2	HK2 năm học 2021-2022	Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
402.	Giáo dục thể chất 2	Học phần nhằm trang bị những kiến thức và kỹ năng vận động cơ bản giúp sinh viên biết cách tập luyện và thi đấu các môn thể thao. Trên cơ sở nắm vững kỹ thuật, phương pháp tập luyện và thi đấu các môn thể thao theo nội dung chương trình, giúp sinh viên biết vận dụng chúng trong các hoạt động vui chơi giải trí cũng như trong quá trình tự rèn luyện. Phát triển một cách toàn diện các tố chất thể lực, giáo dục tính tự giác, tích cực, ý thức tổ chức kỷ luật và đặc biệt là thói quen tập luyện TDTT thường xuyên trong sinh viên, góp phần cùng với Nhà trường đào tạo nên lớp người có ý chí, phẩm chất đạo đức, sức khỏe tốt, không bệnh tật phục vụ cho công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc.	1	HK2 năm học 2021-2022	Lý thuyết + Thực hành
403.	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Học phần trang bị cho người học những kiến thức về điều kiện tự nhiên và xã hội chi phối sự hình thành văn hóa Việt Nam. Cơ sở hình thành và quá trình định hình bản sắc văn hóa truyền thống Việt Nam. Đặc trưng bản sắc của văn hóa truyền thống Việt Nam, văn hóa truyền thống Việt Nam trong quá trình công nghiệp hóa và hội nhập toàn cầu hóa. Các vùng văn hóa Việt Nam.	3	HK2 năm học 2021-2022	Tự luận
404.	Soạn thảo văn bản hành chính	Giúp SV nắm rõ hơn các loại hình thức văn bản hiện hành, cách trình bày và các quy định mới về thể thức văn bản	2	HK1	Điểm chuyên cần và quá trình: 30%, thi tự luận: 70 %
405.	Tác phẩm và thể loại báo chí	Môn học đi vào những vấn đề lý luận về tác phẩm báo chí (đặc điểm nội dung, hình thức của tác phẩm báo chí, tiêu chí đánh giá chất lượng tác phẩm báo chí...) và những vấn đề về thể loại báo chí (tiêu chí nhận diện thể loại, cách phân chia loại và thể loại tác phẩm báo chí, các nhóm thể loại báo chí cơ bản (thông tấn, ký, chính luận). Môn học cũng đi vào nghiên cứu đặc điểm của tác phẩm báo chí (cấu trúc và tổ chức tác phẩm, các thể loại điển hình, cách thể hiện tác phẩm...) trên các loại hình báo in, báo nói, báo hình, báo trực tuyến.	2	HK1	Điểm chuyên cần và quá trình: 30%, bài thu hoạch: 70 %
406.	Toeic 1	SV nắm rõ các hình thức thi toeic hiện nay và	4	HK1	Điểm chuyên

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		các dạng bài có trong đề thi			cần và quá trình: 40%, thi tự luận và TN: 60 %
407.	Văn học Việt Nam đại cương	hệ thống toàn bộ toàn bộ nền văn học Việt Nam từ trung đại đến hiện đại, giới thiệu những tác giả tiêu biểu của nền văn học trong giai đoạn rất dài.	2	HK1	Điểm chuyên cần và quá trình: 30%, thi tự luận: 70 %
408.	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Cung cấp cho sinh viên các tri thức lí luận căn bản về văn hóa và văn hóa học và cung cấp các tri thức cơ bản về văn hóa Việt Nam: diễn trình văn hóa Việt Nam, thành tố cơ bản của văn hóa, các vùng văn hóa Việt Nam	2	HK1	Điểm chuyên cần và quá trình: 30%, thi tự luận: 70 %
409.	Mĩ học đại cương	Giúp SV những vấn đề chung về Mỹ học ĐC: khái niệm, đối tượng, chức năng, đặc điểm chủ thể thẩm mỹ...	2	HK1	Điểm chuyên cần và quá trình: 30%, thi tự luận: 70 %
410.	Tâm lý học ĐC	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản nhất về đời sống tâm lý con người. Trên cơ sở đó người học có thể vận dụng để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong cuộc sống, cũng như hoạt động nghề nghiệp sau này	2	HK1	Điểm chuyên cần và quá trình: 30%, thi tự luận: 70 %
411.	Tiếng việt thực hành	SV nắm được những vấn đề chung về các loại lỗi và cách sửa các lỗi thường gặp: lỗi chính tả, dung từ, đặt câu tạo lập đoạn văn, tóm tắt văn bản, tạo lập đề cương văn bản	2	HK1	Điểm chuyên cần và quá trình: 30%, thi tự luận: 70 %
412.	Các thể thơ VN	Giới thiệu các vấn đề về khái niệm , đặc điểm của các thể thơ và sự phát triển của các thể thơ qua các giai đoạn văn học trong tiến trình Văn học VN	2	HK1	Điểm chuyên cần và quá trình: 30%, thi tự luận: 70 %
413.	Lịch sử phê bình văn học	Cung cấp cho sinh viên những vấn đề chung về phê bình văn học như: khái niệm, đối tượng chức năng, đặc điểm của phê bình văn học. Trên cơ sở đó trình bày những kiến thức cơ bản nhất về sự ra đời, quá trình phát triển của phê bình văn học Việt nam gắn liền với một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu	2	HK1	Điểm chuyên cần và quá trình: 30%, thi tự luận: 70 %
414.	Ngôn ngữ văn chương	Cung cấp những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ văn chương như: văn bản và các văn bản	2	HK1	Điểm chuyên cần và quá

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		chức năng, đặc trưng của ngôn ngữ văn chương, ngôn ngữ thơ và ngôn ngữ văn xuôi			trình: 30%, thi tự luận: 70 %
415.	Văn học Mĩ Latinh	Giới thiệu những kiến thức cơ bản về văn học châu Mĩ: diện mạo, tiến trình, trào lưu, thể loại và một số tác giả tiêu biểu	2	HK1	Điểm chuyên cần và quá trình: 30%, thi tự luận: 70 %
416.	Văn học VN hiện đại 3	Khái quát văn học Việt Nam giai đoạn từ 1945 – 1975 là mảng kiến thức có tính văn học sử, gồm những tiểu mục được sắp xếp theo kết cấu có tính truyền thống: bối cảnh lịch sử, tình hình văn học, những chặng đường phát triển	3	HK1	Điểm chuyên cần và quá trình: 30%, thi tự luận: 70 %
417.	Văn học VN hiện đại 4	Cung cấp cho sinh viên kiến thức về bối cảnh – lịch sử - xã hội Việt từ 1975 – 2000 và những ảnh hưởng của nó đối với tiến trình văn học cả về nội dung thể hiện, cũng như phương thức thể hiện. Bên cạnh đó, môn học còn hướng đến việc trình bày những kiến thức cơ bản nhất về một số tác giả tiêu biểu của Văn học Việt nam 1975 – 2022	2	HK1	Điểm chuyên cần và quá trình: 30%, thi tự luận: 70 %
418.	Đối thoại truyền hình	Học phần sẽ cung cấp các kiến thức khái quát về chương trình đối thoại nói chung và đối thoại truyền hình nói riêng. Đối thoại và phỏng vấn có những nét tương đồng và khác biệt với nhau thế nào. Thông qua các tư liệu về các chương trình đối thoại tiêu biểu sinh viên sẽ hiểu rõ các đặc trưng của đối thoại truyền hình và các dạng chương trình đối thoại khác nhau. Một nội dung rất quan trọng của học phần chính là việc hướng dẫn sinh viên các bước tiến hành sản xuất một chương trình đối thoại hoàn chỉnh. Từ đó, sinh viên sẽ đảm nhận các công đoạn và sản xuất một chương trình đối thoại truyền hình như một bài thi kết thúc học phần.	2	HK2	Điểm chuyên cần và quá trình: 30%, bài thu hoạch: 70 %
419.	Kỹ thuật photoshop	Học phần xử lý ảnh với photoshop để phục vụ ngành sau in, quảng cáo, truyền thông. Bao gồm: 6 chương lý thuyết và 6 bài thực hành, hai học phần này hỗ trợ cho sinh viên những kiến thức cơ bản về vùng chọn ảnh số, vẽ hình, tô màu, sử dụng các hiệu ứng và bộ lọc ảnh, các phương pháp ghép ảnh, tạo chữ nghệ thuật, tạo ảnh động, các phương pháp xuất bản ảnh.	3	HK2	Điểm chuyên cần và quá trình: 30%, bài thu hoạch: 70 %

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
420.	Kỹ thuật quay phim, chụp ảnh và xử lý hậu kỳ	Học phần giúp người học nắm được những cấu tạo cơ bản của máy ảnh cũng như các thiết bị máy quay phim kỹ thuật số; các nguyên tắc cơ bản trong kỹ thuật nhiếp ảnh, nghệ thuật chụp ảnh; nắm được các kỹ thuật quay phim, xây dựng kịch bản phim. Ngoài ra, học phần còn giúp người học biết cách xử lý hình ảnh bằng photoshop, ứng dụng những kỹ thuật photoshop trong nhiếp ảnh.	3	HK2	Điểm chuyên cần và quá trình: 30%, bài thu hoạch: 70 %
421.	Mô hình truyền thông hội tụ	Học phần sẽ cung cấp các kiến thức khái quát về truyền thông hội tụ, các mô hình truyền thông hội tụ tại các cơ quan báo chí trên thế giới và tại Việt Nam, mô hình tòa soạn hội tụ vận hành như thế nào và vai trò của người làm báo ra sao trong mô hình hội tụ đó. Ngoài ra, học phần cũng đề cập đến những thách thức đối với truyền thông hiện đại, sự vận động và phát triển của báo chí hiện đại trong môi trường truyền thông hội tụ, sử dụng truyền thông xã hội cho báo chí hiện đại.	2	HK2	Điểm chuyên cần và quá trình: 30%, bài thu hoạch: 70 %
422.	Nghệ thuật chữ	Nghệ thuật chữ (Typography) bằng những kỹ thuật và thủ pháp nghệ thuật khác nhau không chỉ tạo ra sự lôi cuốn bắt mắt và sự tập trung thị giác cao (lực thị giác) mà còn tạo ra những câu truyện bằng những con chữ thông qua sự sáng tạo về tạo hình chữ, có bố cục và màu sắc hấp dẫn, dắt người xem dõi theo nội dung và chủ đề mà tác giả đã thiết kế. Ngoài ra, nó còn ẩn chứa cả tình cảm, ý tưởng, tính xã hội, không gian và thời gian sâu sắc. Đây là môn học nền tảng nhằm trang bị người học hệ kiến thức chuyên nghiệp làm cơ sở tiếp nhận những kiến thức và kỹ năng cơ bản, hệ thống về lĩnh vực được đào tạo báo chí truyền thông và mỹ thuật trang trí.	2	HK2	Điểm chuyên cần và quá trình: 30%, thi tự luận: 70 %
423.	Nghệ thuật quảng cáo	SV nắm được cách quản bá thương hiệu, các cách để truyền đến người xem	2	HK2	Điểm chuyên cần và quá trình: 30%, thi tự luận: 70 %
424.	Tiếng Anh định hướng Toeic 2	Học phần giúp cho người học ôn lại kiến thức cơ bản các kỹ năng chính và kỹ năng phụ	4	HK2	Điểm chuyên cần và quá trình: 40%,

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					thi tự luận + TN: 60 %
425.	Tin và cách viết tin đa phương tiện	Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng cơ bản về tin tức và thông tin truyền thông đa phương tiện. Gồm các khái niệm, các dạng tin, cách quan sát, thu thập, khai thác thông tin, phương pháp xử lý nguồn tin, cấu trúc của tin; cách viết và ứng dụng đa phương tiện trong các thể loại tin báo chí. Môn học còn hướng dẫn sinh viên cách khai thác và làm mới thông tin.	2	HK2	Điểm chuyên cần và quá trình: 30%, bài thu hoạch: 70 %
426.	Tổ chức sự kiện	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về tổ chức sự kiện như: công tác lập kế hoạch, quy trình tổ chức, triển khai, giám sát cho một sự kiện,... Từ đó, sinh viên có thể phân tích thực tế, tổng hợp các yếu tố lý thuyết và thực tiễn vận dụng vào công tác tổ chức đánh giá sự kiện.	2	HK2	Điểm chuyên cần và quá trình: 30%, bài thu hoạch: 70 %
427.	Ngôn ngữ truyền thông	Học phần giới thiệu khái quát đặc điểm, bản chất cơ bản của ngôn ngữ truyền thông. Kỹ năng viết các loại hình báo chí và một số thể loại báo chí truyền thông, quảng bá, PR,...	2	HK2	Điểm chuyên cần và quá trình: 30%, thi tự luận: 70 %
428.	Pháp luật và đạo đức báo chí truyền thông	Môn học <i>Pháp luật và Đạo đức báo chí truyền thông</i> trang bị cho người học những kiến thức cơ bản, có hệ thống pháp luật về báo chí truyền thông như: khái niệm, nhiệm vụ, các nguyên tắc cơ bản... Đồng thời cung cấp những quy định về đạo đức nghề nghiệp của nhà báo Việt Nam như quy tắc, chuẩn mực quy định thái độ và hành vi của nhà báo vì mục tiêu “ dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ văn minh” trong bối cảnh xã hội Việt Nam phát triển năng động, nhiều nguồn thông tin đa chiều,...; Môn học cũng giúp người học hiểu biết, vận dụng và thực hiện hài hòa mối quan hệ giữa đạo đức và pháp luật báo chí truyền thông trong hoạt động thực tiễn nghề nghiệp.	2	HK2	Điểm chuyên cần và quá trình: 30%, thi tự luận: 70 %
429.	Quan hệ công chúng đại cương	Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức đại cương và kỹ thuật cơ bản về quan hệ công chúng. Các nội dung chủ yếu bao gồm: Định nghĩa, lịch sử ra đời, vai trò, phân biệt PR với quảng cáo, các yêu cầu đối với người làm PR; các hoạt động PR nội bộ, quan hệ với	2	HK2	Điểm chuyên cần và quá trình: 30%, thi tự luận: 70 %

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		cộng đồng, mối quan hệ với giới truyền thông; cách tổ chức họp báo, cáchs tổ chức hội nghị khách hàng, cách viết thông cáo báo chí; quản trị khủng hoảng, cách hoạch định chiến lược PR cho tổ chức.			
430.	Tác phẩm và thể loại báo chí	Môn học đi vào những vấn đề lý luận về tác phẩm báo chí (đặc điểm nội dung, hình thức của tác phẩm báo chí, tiêu chí đánh giá chất lượng tác phẩm báo chí...) và những vấn đề về thể loại báo chí (tiêu chí nhận diện thể loại, cách phân chia loại và thể loại tác phẩm báo chí, các nhóm thể loại báo chí cơ bản (thông tấn, ký, chính luận). Môn học cũng đi vào nghiên cứu đặc điểm của tác phẩm báo chí (cấu trúc và tổ chức tác phẩm, các thể loại điển hình, cách thể hiện tác phẩm...) trên các loại hình báo in, báo nói, báo hình, báo trực tuyến.	2	HK2	Điểm chuyên cần và quá trình: 30%, thi tự luận: 70 %
431.	Tiếng Anh định hướng Toeic 1	Học phần giúp cho người học ôn lại kiến thức cơ bản các kỹ năng chính và kỹ năng phụ	4	HK2	Điểm chuyên cần và quá trình: 40%, thi tự luận + TN: 60 %
432.	Tin học căn bản	Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản nhất về công nghệ thông tin. Thông qua nội dung lý thuyết và thực hành, rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng: - Sử dụng hệ điều hành Windows: Những hiểu biết cơ bản về tin học, thông tin và cách biểu diễn thông tin trong máy tính; Hệ thống máy tính với phần cứng, phần mềm và dữ liệu; Các khái niệm về hệ điều hành; Sử dụng hệ điều hành Windows; Sử dụng tiếng Việt trong windows, cách bảo vệ thông tin và phòng chống virus máy tính. - Soạn thảo văn bản bằng Microsoft Word. - Xử lý bảng tính bằng Microsoft Excel. -Trình bày báo cáo bằng Microsoft PowerPoint. - Sử dụng Internet và E-mail: Trình bày hai dịch vụ quan trọng nhất là WEB và E-MAIL nhằm giúp sinh viên tìm kiếm và trao đổi thông tin trên Internet.	3	HK2	
433.	Biên tập văn bản	Học phần cung cấp cho sinh viên những nội	2	HK2	Điểm chuyên

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	báo chí	dung cơ bản về công tác biên tập; phân tích được mối quan hệ của biên tập với các bộ phận khác trong tòa soạn. Từ đó hình thành kỹ năng đọc và phân tích tác phẩm truyền thông một cách có ý thức.			cần và quá trình: 30%, bài thu hoạch: 70 %
434.	Kỹ năng thực hiện phóng sự theo hướng đa phương tiện	Học phần trang bị cho SV những kiến thức cơ bản về phóng sự, những yêu cầu cũng như những kỹ năng khi thực hiện phóng sự. Đặc biệt là những kỹ năng khi thực hiện phóng sự theo hướng đa phương tiện. Từ lý thuyết áp dụng vào thực hành một số dạng phóng sự tiêu biểu.	2	HK2	Điểm chuyên cần và quá trình: 30%, bài thu hoạch: 70 %
435.	Văn học dân gian ĐBSCL	Cung cấp cho SV các kiến thức về văn học dân gian ở mảnh đất Nam Bộ	2	HK2	Điểm chuyên cần và quá trình: 30%, thi tự luận: 70 %
436.	Văn xuôi Quốc ngữ Nam Bộ	Nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về những chặng đường phát triển của văn xuôi Quốc ngữ Nam Bộ, cũng như những tác giả và tác phẩm tiêu biểu làm nên diện mạo văn học cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX	2	HK2	Điểm chuyên cần và quá trình: 30%, thi tự luận: 70 %
437.	Cơ sở ngôn ngữ học	SV có được những cơ sở và tri thức nền tảng của ngôn ngữ học. các lý thuyết và các phương pháp nghiên cứu, miêu tả đặc thù của ngôn ngữ học và các ngôn ngữ thế giới.	2	HK2	Điểm chuyên cần và quá trình: 30%, thi tự luận: 70 %
438.	Đặc điểm văn hóa ĐBSCL	Cung cấp hai khối kiến thức cơ bản về các đặc trưng văn hóa tiêu biểu ở ĐBSCL như: văn hóa Chăm, văn hóa người Việt miền tây Nam Bộ	2	HK2	Điểm chuyên cần và quá trình: 30%, thi tự luận: 70 %
439.	Lí luận văn học 1	Cung cấp cho SV những vấn đề chung về tiến trình văn học như: khái niệm, cơ sở hình thành, nguyên tắc sáng tác, tác giả - tác phẩm tiêu biểu và vấn đề phương pháp sáng tác ở Việt Nam	2	HK2	Điểm chuyên cần và quá trình: 30%, thi tự luận: 70 %
440.	Phương pháp nghiên cứu khoa học - VH	Cung cấp cho SV những vấn đề chung về phương pháp luận nghiên cứu văn học và một số phương pháp nghiên cứu cơ bản về những vấn đề thường gặp nhất về nội dung tư tưởng của tác phẩm, của một trào lưu, giai đoạn, thời kì văn học...	2	HK2	Điểm chuyên cần và quá trình: 30%, thi tự luận: 70 %

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
441.	Tiếng Anh định hướng Toeic 1	Học phần giúp cho người học ôn lại kiến thức cơ bản các kỹ năng chính và kỹ năng phụ	4	HK2	Điểm chuyên cần và quá trình: 40%, thi tự luận + TN: 60 %
442.	Văn học dân gian Việt Nam 1	Nhằm trang bị các kiến thức có liên quan đến quá trình phát triển của bộ phận văn học dân gian VN, cung cấp cho SV những đặc điểm nội dung và nghệ thuật của các thể loại tự sự dân gian: thần thoại, sử thi, truyền thuyết, cổ tích....	2	HK2	Điểm chuyên cần và quá trình: 30%, thi tự luận: 70 %
443.	Biên tập Audio	Môn học giới thiệu và trang bị cho sinh viên các khái niệm, các kiến thức cơ bản về Audio và Video, các bước cơ bản trong sản xuất hậu kỳ, cách hiệu chỉnh audio, chỉnh sửa video và biên tập video thành một sản phẩm hoàn chỉnh. Với các kiến thức cơ bản này, sinh viên có thể thực hiện biên tập âm thanh và hình ảnh, sử dụng các hiệu ứng cần thiết để chỉnh sửa các đoạn clip cá nhân, đoạn phim tư liệu, tài liệu...theo nội dung kịch bản	2	HK3	Điểm chuyên cần và quá trình: 30%, bài thu hoạch: 70 %
444.	Kỹ thuật dựng phim tuyến	Học phần sẽ cung cấp các kiến thức khái quát, những thao tác, các bước sử dụng cơ bản, cần thiết nhất trong kỹ thuật dựng phi tuyến bằng phần mềm Adobe Premiere. Ngoài ra còn có các kỹ năng để công tác dựng phim trở nên chuyên nghiệp, tiếp cận gần hơn với tiêu chuẩn của truyền hình hiện đại ngày nay. Học phần không chỉ có lý thuyết mà có cả thực hành khi sinh viên phải hoàn thành một sản phẩm với yêu cầu của các cơ quan báo chí hiện nay.	2	HK3	Điểm chuyên cần và quá trình: 30%, bài thu hoạch: 70 %
445.	Kỹ thuật quay phim, chụp ảnh và xử lý hậu kỳ	Học phần giúp người học nắm được những cấu tạo cơ bản của máy ảnh cũng như các thiết bị máy quay phim kỹ thuật số; các nguyên tắc cơ bản trong kỹ thuật nhiếp ảnh, nghệ thuật chụp ảnh; nắm được các kỹ thuật quay phim, xây dựng kịch bản phim. Ngoài ra, học phần còn giúp người học biết cách xử lý hình ảnh bằng photoshop, ứng dụng những kỹ thuật photoshop trong nhiếp ảnh.	3	HK3	Điểm chuyên cần và quá trình: 30%, bài thu hoạch: 70 %
446.	Nhập môn truyền thông đa phương	Môn học cung cấp những kiến thức lý luận cơ bản về truyền thông và truyền thông đại chúng;	2	HK3	Điểm chuyên cần và quá

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	tiện	về báo chí và các loại hình báo chí, về các phương tiện, hình thức hoạt động và lịch sử phát triển của các phương tiện truyền thông đại chúng Quan niệm chung về báo chí; Báo chí với chức năng, vai trò, vị trí của nó trong xã hội, những đặc thù của báo chí và nhà báo trong mối quan hệ với các hình thái ý thức xã hội khác; các nguyên tắc hoạt động báo chí, đặc trưng lao động của nhà báo và các vấn đề quan yếu như tính hiệu quả của báo chí, tự do báo chí, xu hướng phát triển báo chí... Đây là môn học nền tảng nhằm trang bị người học hệ kiến thức chuyên nghiệp làm cơ sở tiếp nhận những kiến thức và kỹ năng cơ bản, hệ thống về lĩnh vực được đào tạo báo chí truyền thông, PR... Cung cấp Cơ sở lý luận BC – TT nhằm hình thành thể giới quan, phương pháp luận và ý thức tự giác về hoạt động nghề nghiệp cho SV.			trình: 30%, bài thu hoạch: 70 %
447.	Tiếng Anh định hướng Toeic 2	Học phần giúp cho người học ôn lại kiến thức cơ bản các kỹ năng chính và kỹ năng phụ	4	HK3	Điểm chuyên cần và quá trình: 40%, thi tự luận + TN: 60 %
448.	Văn học Việt Nam đại cương	hệ thống toàn bộ toàn bộ nền văn học Việt Nam từ trung đại đến hiện đại, giới thiệu những tác giả tiêu biểu của nền văn học trong giai đoạn rất dài.	2	HK3	Điểm chuyên cần và quá trình: 30%, bài thu hoạch: 70 %
449.	Ngữ âm học tiếng Việt	Vị trí của ngữ âm học trong các phân ngành Ngôn ngữ học, các đối tượng chính của Ngữ âm học	2	HK3	Điểm chuyên cần và quá trình: 30%, thi tự luận: 70 %
450.	Từ vựng học tiếng Việt	Cung cấp sơ bộ những khái niệm cơ bản về từ vựng như: từ và yếu tố cấu tạo từ, các phương thức cấu tạo từ; nghĩa và các thành phần của nghĩa	2	HK3	Điểm chuyên cần và quá trình: 30%, thi tự luận: 70 %
451.	Văn bản và lưu trữ đại cương	Giúp SV nắm rõ hơn các loại hình thức văn bản hiện hành, cách trình bày và các quy định mới về thể thức văn bản	2	HK3	Điểm chuyên cần và quá trình: 30%,

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
					thi tự luận: 70 %
452.	Văn học Việt Nam trung đại 1	Cung cấp cho SV các vấn đề chung về văn học trung đại Việt nam, khái quát các giai đoạn văn học từ thế kỷ X đến giữa đầu thế kỷ XVIII	3	HK3	Điểm chuyên cần và quá trình: 30%, thi tự luận: 70 %
453.	Cơ lý thuyết	Cơ học lý thuyết là môn học cơ sở ngành cung cấp kiến thức cơ sở cho các học phần Sức bền vật liệu, Cơ kết cấu cũng như các học phần chuyên ngành khác. Nội dung của học phần này bao gồm 02 phần chính là tĩnh học và động lực học. Phần tĩnh học nghiên cứu các trạng thái cân bằng của vật rắn tuyệt đối dưới tác dụng của hệ lực. Ngoài ra, phần tĩnh học còn cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nội lực trong vật rắn biến dạng. Phần động lực học nghiên cứu chuyển động của vật rắn tuyệt đối dưới tác dụng của hệ lực.	2	HK2	Tự luận
454.	Hình họa vẽ kỹ thuật xây dựng	Môn học này trang bị cho người kỹ sư khả năng tư duy không gian, kỹ năng sử dụng các công cụ vẽ thông thường cũng như các phần mềm và thiết bị vẽ tự động nhằm biểu diễn và đọc được các ý tưởng kỹ thuật trên bản vẽ theo đúng các tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN) và quốc tế (ISO).	3	HK1	Tự luận
455.	Sức bền vật liệu	Nắm vững các kiến thức, phân tích được nội lực, ngoại lực tác dụng lên vật thể từ đó giải quyết được các bài toán kết cấu trong chuyên ngành xây dựng tính đúng, đủ, chính xác.	4	HK1	Tự luận
456.	Thủy lực cơ sở	Thủy lực cơ sở hay thủy lực nói chung là môn khoa học ứng dụng nghiên cứu các đặc trưng cơ bản, quy luật cân bằng và chuyển động của chất lỏng, đặc biệt là nước để giải quyết các vấn đề thực tế trong kỹ thuật, phương pháp chủ yếu của việc nghiên cứu trong học phần Thủy lực cơ sở là sử dụng các công cụ toán học phức tạp. Kiến thức về khoa học thủy lực rất cần cho người cán bộ kỹ thuật ở nhiều ngành, lĩnh vực như thủy lợi, giao thông, cấp thoát nước.	3	HK1	Tự luận
457.	Trắc địa đại cương	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về phương pháp chiếu hình, biểu diễn bề mặt trái đất lên mặt phẳng bản đồ giấy; các sai số	2	HK2	Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trong đo đạc; các hệ tọa độ dùng trong trắc địa; các nguyên lý, phương pháp đo góc, đo độ dài, đo độ cao. định hướng đường thẳng; lưới khống chế trắc địa; đo vẽ thành lập bản đồ; sử dụng bản đồ địa hình.			
458.	Thực tập Trắc địa đại cương	Sử dụng thành thạo các loại máy trắc đạc như: máy thủy bình, máy kinh vĩ, máy toàn đạc, hiểu và vận dụng kỹ năng khảo sát, đo đạc thành lập bản đồ tỉ lệ lớn; Có khả năng phân tích và đánh giá để đưa ra các phương án kỹ thuật đo đạc để thành lập bản đồ một cách hiệu quả; Có kỹ năng tính toán xử lý các kết quả đo đạc.	1	HK2	Thi thực hành
459.	Vật liệu xây dựng	Giới thiệu các loại vật liệu xây dựng thông dụng. Cung cấp những kiến thức về cách xác định những tính chất chủ yếu, cách tính toán, lựa chọn và sử dụng các loại vật liệu xây dựng nhằm đảm bảo các yêu cầu kinh tế-kỹ thuật	2	HK2	Tự luận
460.	Thực tập Vật liệu xây dựng	Cung cấp cho sinh viên biết cách thực hành xác định các tính chất chủ yếu, biết tính toán, biết lựa chọn và sử dụng vật liệu vật liệu vào cho từng công trình, và tổ chức thực hiện thi công công trình cho từng công trường cụ thể, nhằm đảm bảo tuổi thọ và các yêu cầu khác của công trình. để vừa đạt hiệu quả về kinh tế và đạt các yêu cầu về kỹ thuật	1	HK2	Thi thực hành
461.	Cơ học kết cấu	Giả thuyết sơ đồ tính kết cấu. Phân tích cấu tạo hình học của kết cấu phẳng. Xác định các phản lực. Xác định nội lực tại một tiết diện bất kỳ trong kết cấu. Vẽ biểu đồ nội lực. Tính chuyển vị tại một tiết diện. Xác định vị trí bất lợi của tải trọng và cách đặt tải trọng để gây ra nội lực bất lợi nhất.	4	HK2	Tự luận
462.	Thủy văn công trình	Môn học Thủy văn công trình cung cấp cho người học phương pháp cơ bản về thu thập, đo đạc và phân tích tính toán các yếu tố lượng mưa, khí tượng thủy văn, lưu lượng và mực nước tính toán để thiết kế khẩu độ thoát nước công trình cầu, cống, cao độ nền đường và các công trình giao thông khác.	2	HK2	Tự luận
463.	Phương pháp nghiên cứu và viết BCKH	Trong quá trình đào tạo ở trường Đại học, sinh viên không chỉ lĩnh hội tri thức từ phía giáo viên, mà học còn phải tự học và tự nghiên	2	HK2	Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		cứu. Học phần này chứa đựng những nội dung về các khái niệm, qui trình và cấu trúc của phương pháp nghiên cứu khoa học. Để từ đó sinh viên định hướng được việc lựa chọn đề tài nghiên cứu, soạn được đề cương và áp dụng được các phương pháp nghiên cứu trong khi thu thập và xử lý thông tin hợp lý trong khi tiến hành công trình nghiên cứu khoa học. Sinh viên sẽ chủ động trong việc đăng ký thực hiện đề tài nghiên cứu cấp trường cũng như tiến hành luận văn tốt nghiệp hay đồ án tốt nghiệp một cách khoa học và thành công.			
464.	Kỹ thuật điện xây dựng	Học phần Kỹ Thuật Điện - XD được thiết riêng cho sinh viên không chuyên ngành Kỹ Thuật Điện, Nội dung chính cấp cho sinh viên chuyên ngành kỹ thuật xây dựng những kiến thức cơ bản về mạch điện một chiều, mạch điện xoay chiều một pha, mạch điện xoay chiều ba pha và các phương pháp sử dụng Điện an toàn. Hơn nữa còn cung cấp cho sinh viên chuyên ngành kỹ thuật xây dựng những kiến thức cơ bản về kỹ thuật chiếu sáng trong nhà (Indoor) và Kỹ Thuật chiếu sáng ngoài trời (Outdoor). Thêm vào đó môn học còn cung cấp các kiến thức cơ bản và các bước Thiết kế cung cấp điện cho một công trình xây dựng quy mô vừa và nhỏ như là: Nhà ở dân dụng, Khu nhà chung cư, trường học, phân xưởng sản xuất, công trình chiếu sáng đường giao thông...	2	HK2	Tự luận
465.	Nguyên lý qui hoạch	Cung cấp cho sinh viên kiến thức về các nguyên tắc và công cụ cơ bản được sử dụng trong công tác lập quy hoạch hiện nay, là kiến thức nền cho các học phần quy hoạch chuyên môn tiếp theo.	2	HK2	Trắc nghiệm + Tự luận
466.	Cơ học đất	Cơ học đất là học phần cơ sở ngành, cung cấp kiến thức cơ sở cho các học phần Nền móng công trình, công trình trên đất yếu. Nội dung chính của học phần Cơ học đất gồm có: Tính chất vật lý của đất, phân bố ứng suất trong đất, biến dạng của đất nền, sức chịu tải của đất nền và áp lực ngang của đất và tường chắn.	3	HK1	Tự luận
467.	Thực tập Cơ học đất	Cung cấp cho sinh viên biết cách thực hành xác định các tính chất chủ yếu, biết tính toán,	1	HK1	Thi thực hành

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		biết lựa chọn và sử dụng vật liệu vật liệu vào cho từng công trình, và tổ chức thực hiện thi công công trình cho từng công trường cụ thể, nhằm đảm bảo tuổi thọ và các yêu cầu khác của công trình. để vừa đạt hiệu quả về kinh tế và đạt các yêu cầu về kỹ thuật			
468.	Địa chất công trình	Là cơ sở cho các môn học cơ học đất, nền móng, nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản khi sử dụng các tài liệu địa chất để thiết kế và xây dựng công trình. Đồng thời, giúp sinh viên nhận biết được các khoáng vật và các mẫu đất đá trong tự nhiên. Thực hiện các quy trình thí nghiệm ngoài trời cũng như trong phòng, giúp sinh viên hệ thống lại những kiến thức đã được học trên lớp, biết được quy trình thí nghiệm các thông số cơ bản của đất, đá trong phòng thí nghiệm, biết được quy trình và lập được báo cáo địa chất.	3	HK1	Tự luận
469.	Thực tập Địa chất công trình	Nhận biết được các khoáng vật và các mẫu đất đá trong tự nhiên; Có kiến thức về việc thu thập thông tin địa chất phục vụ cho công tác nền móng công trình. Xây dựng, phân tích và đánh giá các phương án liên quan đến vấn đề về thu thập thông tin địa chất công trình cũng như các kết quả khảo sát địa chất thu được một cách khách quan, trung thực, phục vụ công tác thiết kế nền móng theo các tiêu chuẩn hiện hành. - Thực hiện các quy trình thí nghiệm ngoài trời cũng như trong phòng, giúp sinh viên hệ thống lại những kiến thức đã được học trên lớp, đồng thời biết được quy trình thí nghiệm các thông số cơ bản của đất, đá trong phòng thí nghiệm; Biết được quy trình và lập được báo cáo địa chất;	1	HK1	Thi thực hành
470.	Kiến trúc công trình	Môn học Kiến trúc công trình giúp Sinh viên Ngành Xây dựng nắm bắt được hai vấn đề lớn: Cấu tạo Kiến trúc và Nguyên lý thiết kế Kiến trúc. Giới thiệu các yêu cầu của từng thể loại kiến trúc trong bối cảnh chung và ngành kiến trúc. Nắm được cấu tạo của các bộ phận cơ bản	2	HK1	Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		của một công trình kiến trúc, những nguyên tắc cơ bản để làm cơ sở đề xuất cho các giải pháp về cấu tạo cho công trình phù hợp với từng điều kiện cụ thể. Giới thiệu các đặc điểm của thể loại công trình như nhà ở, nhà công cộng. Trình tự thiết kế các công trình kiến trúc, phương pháp đánh giá về hiệu quả kinh tế trong thiết kế của một công trình.			
471.	Đồ án kiến trúc	Giảng viên cho đầu đề theo 2 cách: - Cho trước khu đất, các yêu cầu sử dụng, người học có nhiệm vụ phân tích nhu cầu, các giải pháp để thiết kế một công trình hoàn chỉnh, gồm: mặt đứng, mặt bằng, mặt cắt, vài chi tiết, có thể thêm phân phối cảnh hình khối. Đầu đề này chỉ áp dụng cho dạng nhà ở. - Dạng công trình công cộng khác, cho trước nhu cầu sử dụng, người học tìm hiểu một công trình có sẵn, phân tích, thiết kế hoàn chỉnh công trình theo yêu cầu.	1	HK1	Viết báo cáo + bảo vệ đồ án
472.	Kết cấu thép - Gỗ	Kết cấu thép là học phần chuyên ngành cung cấp cho sinh viên kiến thức để tính toán thiết kế các loại liên kết, cấu kiện dầm, cột dầm của các công trình xây dựng làm hoàn toàn bằng thép và gỗ dân dụng và công nghiệp.	2	HK1	Tự luận
473.	Tin học ứng dụng - Kỹ thuật	Tin học ứng dụng – xây dựng gồm 02 phần là AutoCAD và SAP2000. Trong đó AutoCAD là một phần mềm quan trọng trong lĩnh vực cơ khí, xây dựng và một số lĩnh vực khác. Autocad được dùng để thực hiện các bản vẽ kỹ thuật trong các ngành: Xây dựng, Cơ khí, Kiến trúc, Điện, Bản đồ. Sử dụng AutoCAD có thể vẽ thiết kế các bản vẽ hai chiều (2D: two dimension), mô hình hóa hình học (thiết kế ba chiều – 3D: three dimension) và tạo hình ảnh thực vật thể (tô bóng – Render). Đặc biệt, khi sử dụng phần mềm này người thiết kế có thể in được bản vẽ chính xác theo đúng tỉ lệ. Phần mềm SAP2000 (Structural Analysis Program) là một bước đột phá của họ phần mềm SAP, mà theo CSI tuyên bố SAP2000 là công nghệ ngày nay cho tương	2	HK1	Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		lai. SAP2000 đã tích hợp các chức năng phân tích kết cấu bằng phương pháp phần tử hữu hạn và chức năng thiết kế kết cấu thành một. Ngoài khả năng phân tích các bài toán thường gặp của kết cấu công trình, SAP 2000 đã bổ sung thêm các loại phần tử mẫu và tính năng phân tích kết cấu phi tuyến.			
474.	Quy hoạch đô thị	Quy hoạch đô thị là học phần chuyên ngành cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quy hoạch đô thị cho sinh viên các ngành có liên quan nhằm vận dụng trong công tác thiết kế quy hoạch, giao thông và quản lý xây dựng đô thị.	2	HK1	Tự luận
475.	Kết cấu bê tông 1	Giúp người học hiểu biết và vận dụng được những nguyên tắc tính toán kết cấu bê-tông cốt thép của các dạng cấu kiện chịu lực uốn, nén, kéo, xoắn; tính toán biến dạng (võng, nứt) theo tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành, để vận dụng vào tính toán hệ kết cấu công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp (môn kết cấu bê-tông – CTDD).	3	HK1	Tự luận
476.	Cấp thoát nước	Đây là học phần cơ bản của lĩnh vực cấp thoát nước, nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hệ thống cấp thoát nước trong nhà và đô thị. Từ đó hướng dẫn sinh viên cách thiết kế hệ thống cấp thoát nước trong nhà đồng thời đánh giá hiện trạng và đề ra các giải pháp thiết kế hệ thống cấp nước và thoát nước thải cho đô thị.	2	HK2	Tự luận
477.	Máy xây dựng	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức về máy thiết bị xây dựng, giúp sinh viên nắm được các tính năng và nguyên lý làm việc, cách chọn thiết bị xây dựng phù hợp với yêu cầu công việc. an toàn lao động giúp sinh viên nắm vững quy định pháp lý hiện hành của nhà nước về quản lý an toàn lao động, công tác an toàn lao động, vệ sinh môi trường và phòng cháy chữa cháy trong công tác quản lý và thi công xây dựng công trình.	2	HK2	Tự luận
478.	Kết cấu bê tông 2	Hệ chịu lực của công trình xây dựng dân dụng bằng bê tông cốt thép bao gồm: sàn, dầm, cột, móng và các chi tiết phụ khác (bể nước, cầu thang,...) được phân tích, tính toán trong	3	HK2	Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		môn học này, giúp người học giải quyết được bài toán tính toán nội lực các kết cấu trên, kết hợp với học phần <i>Kết cấu bê tông cơ sở</i> để tính toán cốt thép, bố trí thép, thể hiện qua bản vẽ kỹ thuật hoàn thiện một công trình xây dựng bằng bê tông cốt thép.			
479.	Đồ án kết cấu bê tông	Mô hình hóa, phân tích tải và nội lực, tính toán cốt thép cho kết cấu sàn, dầm, khung công trình xây dựng dân dụng bằng bê tông cốt thép.	1	HK2	Viết báo cáo + bảo vệ đồ án
480.	Nền móng công trình	Nền móng công trình là học phần chuyên ngành cung cấp cho sinh viên kiến thức để tính toán thiết kế các loại móng cho công trình xây dựng như: móng đơn, móng băng, móng bè, móng cọc. Nội dung chính của học phần <i>Nền móng công trình</i> gồm có: Khái niệm về nền móng, móng nông, móng cọc, kiểm tra chất lượng cọc, xử lý và gia cố đất nền.	3	HK2	Tự luận
481.	Đồ án nền móng công trình	Mô hình hóa, phân tích tải và nội lực, tính toán kết cấu cho móng: tính kết cấu đài móng, tiết diện và độ dài cọc, tính toán kết cấu thép cho cọc và đài móng.	1	HK2	Viết báo cáo + bảo vệ đồ án
482.	Kết cấu thép 2 (Nhà CN)	Thiết kế kiến trúc nhà thép công nghiệp: lựa chọn các kích thước, bản vẽ mặt bằng kiến trúc, mặt đứng kiến trúc, các mặt cắt kiến trúc. Giả thuyết sơ đồ tính toán thiết kế kết cấu một nhà thép công nghiệp. Thiết kế kết cấu chịu lực của nhà thép công nghiệp: thiết kế tiết diện của các cấu kiện chịu lực chính trong công trình như cột, vì kèo, xà gồ, dầm cầu trục và các chi tiết liên kết... Hoàn chỉnh bộ hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công một công trình nhà thép công nghiệp: thuyết minh và các bản vẽ cấu tạo kết cấu.	2	HK2	Tự luận
483.	Đồ án kết cấu thép	- Thiết kế kiến trúc nhà thép công nghiệp một tầng, một nhịp: lựa chọn các kích thước, bản vẽ mặt bằng kiến trúc, mặt đứng kiến trúc, các mặt cắt kiến trúc - Giả thuyết sơ đồ tính toán thiết kế kết cấu một nhà thép công nghiệp một tầng, một nhịp. - Thiết kế kết cấu chịu lực của nhà thép công nghiệp một tầng, một nhịp: thiết kế tiết diện của các cấu kiện chịu lực chính trong công trình như cột, vì kèo, xà gồ, dầm cầu trục và	1	HK2	Viết báo cáo + bảo vệ đồ án

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		các chi tiết liên kết... - Hoàn chỉnh bộ hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công một công trình nhà thép công nghiệp một tầng, một nhịp: thuyết minh và các bản vẽ cấu tạo kết cấu, các bản vẽ chi tiết kết cấu.			
484.	Kỹ thuật thi công	Kỹ thuật thi công là một học phần trang bị kiến thức thi công cơ bản, quy trình, nguyên tắc khi thi công các công tác cơ bản trong thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp: Thi công đất và công trình đất, thi công nền móng và cọc cừ, thi công công tác cốt pha, giàn giáo, cốt thép, bê tông và bê tông cốt thép toàn khối, công tác xây trát và hoàn thiện. Trang bị kiến thức lý luận và thực hành, phân tích và vận dụng, ứng xử khi học các học phần tiếp theo: Đồ án thi công, thực tập tốt nghiệp cuối khóa, Đồ án tốt nghiệp.	3	HK2	Tự luận
485.	Chuyên đề thí nghiệm công trình	Cung cấp cho sinh viên chuyên ngành xây dựng một số kiến thức về thí nghiệm công trình ở ngoài hiện trường cũng như trong phòng thí nghiệm như: Đo độ chặt cát san lấp, đo biến dạng, đo lún...	1	HK1	Viết báo cáo
486.	Thực tế chuyên đề	Chuyên đề thực tế giúp cho sinh viên nắm được công việc thực tế của ngành xây dựng như: sản xuất VLXD, thiết kế, thi công, quản lý dự án xây dựng ...	1	HK1	Viết báo cáo
487.	Chuyên đề công nghệ bê tông xi măng	Cung cấp cho sinh viên chuyên ngành xây dựng một số kiến thức về thí nghiệm công trình ở ngoài hiện trường cũng như trong phòng thí nghiệm như: Đo độ chặt cát san lấp, đo biến dạng, đo lún...	1	HK1	Viết báo cáo
488.	Công trình trên đất yếu	Giúp sinh viên hiểu được các tính chất cơ bản của đất yếu, các phương pháp gia cố nền đất và thiết kế nền móng trên vùng đất yếu, phục vụ xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông và thủy lợi	2	HK1	Tự luận
489.	Tổ chức thi công	Những khái niệm cơ bản về môn học; thiết kế tổ chức xây dựng, thiết kế tổ chức thi công; Tính toán và lập tiến độ thi công theo sơ đồ ngang; Tính toán và lập tiến độ thi công theo phương pháp dây chuyền; Tính toán và lập tiến độ thi công theo sơ đồ mạng; Thiết kế được tổng mặt bằng thi công trong từng giai đoạn	2	HK1	Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		xây dựng.			
490.	Đồ án thi công	Củng cố sinh viên những kiến thức thực hiện: Thiết kế tổng mặt bằng tổ chức thi công, tính khối lượng và khả năng chịu lực của cốt pha cây chống trong quá trình thi công, tính khối lượng các công tác thi công, tính thời gian thi công, lập tiến độ quá trình thi công....	1	HK1	Viết báo cáo + bảo vệ đồ án
491.	Quản lý dự án xây dựng	Quản lý dự án xây dựng là học phần lý thuyết thuộc nhóm kiến thức kinh tế và quản lý trong xây dựng. Học phần này trang bị cho người học những kiến thức căn bản về quản lý dự án bao gồm việc lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và kiểm soát một dự án xây dựng từ giai đoạn hình thành dự án cho đến khi kết thúc dự án: Cách thức ra quyết định và thực hiện công việc trong điều kiện ràng buộc về thời gian, chi phí và nhân lực, các hình thức tổ chức quản lý dự án, phương pháp lập kế hoạch, tiến độ, kiểm soát dự án và phân phối tài nguyên.	3	HK1	Tự luận
492.	Kết cấu bê tông 3 (Cấu kiện đặc biệt)	Những khái niệm cơ bản về môn học; Tính toán cầu thang các loại, tính bể nước ngầm, bể nước mái, tường chắn đất nhà cao tầng....	3	HK1	Tự luận
493.	Công trình giao thông	Cung cấp cho sinh viên hiểu rõ những kiến thức cơ bản về Khái niệm về giao thông đô thị; Quy hoạch mạng lưới đường trong đô thị; Thiết kế các yếu tố hình học của tuyến đường; Thiết kế kết cấu áo đường mềm; Thiết kế kết cấu áo đường cứng (BTXM); Cấu tạo nền đường; Thiết kế hệ thống thoát nước đường phố; Cấu tạo công trình phụ trợ như cây xanh, chiếu sáng, bãi đậu xe...; Đo bóc khối lượng công trình giao thông và công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị.	2	HK1	Tự luận
494.	Tiếng Anh chuyên ngành - XD	Tiếng anh chuyên ngành - XD là học phần chuyên ngành, giúp sinh viên có thể đọc hiểu các tài liệu bằng tiếng anh liên quan đến ngành xây dựng. Ngoài ra sinh viên cũng có thể trình bày và bảo vệ một vấn đề xây dựng bằng tiếng anh trước đám đông.	3	HK1	Tự luận+ trắc nghiệm
495.	Công trình thủy	Công trình thủy là một ngành học lớn, tuy nhiên trong phạm vi nhỏ của học phần này nhằm giúp cho sinh viên ngành xây dựng dân dụng & công nghiệp có kiến thức cơ bản về	2	HK1	Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		phân bố áp lực đất lên tường chắn và có khả năng phân tích thiết kế một số loại tường chắn thường gặp trong thực tiễn.			
496.	Nhà nhiều tầng	Nhà nhiều tầng là học phần mở rộng và chuyên sâu của nhóm môn học kết cấu bê tông cốt thép. Học phần này cung cấp cho sinh viên với những kiến thức kỹ thuật về nhà nhiều tầng. Nội dung chính của học phần gồm: Khái niệm và những giải pháp thiết kế nhà nhiều tầng; Xác định các tải trọng đặc biệt tác dụng lên nhà cao tầng (Tải trọng gió động, tải trọng động đất, tải trọng trục thẳng, tải trọng thang máy); Phân tích kết cấu nhà cao tầng. Ngoài ra, học phần giới thiệu các phần mềm ứng dụng trong thiết kế kết cấu nhà cao tầng như Etabs, Safe.	3	HK1	Tự luận
497.	Thực tập thực tế	Học phần Thực tập thực tế nhằm tạo cơ hội cho sinh viên làm việc trực tiếp tại cơ quan, công ty, công trường, để sinh viên hiểu rõ vận dụng các kiến thức đã học vào trong thực tế bằng cách đến tại công ty để làm việc thực tập thực tế. Từ đó, sinh viên có thể vận dụng những kiến thức đã học vào thực tế; sinh viên cũng có thể bổ sung, cập nhật thêm kiến thức mới từ việc tiếp cận trực tiếp với các công việc thiết kế, thi công, giám sát, quản lý dự án.	2	HK2	Viết báo cáo
498.	Khóa luận tốt nghiệp	Khóa luận tốt nghiệp. Cung cấp cho sinh viên những nội dung học phần như: Nội dung và nhiệm vụ đồ án: Giới thiệu công trình, tổng quan kiến trúc. Mục đích, diện tích, công năng sử dụng. Điện, nước, phòng cháy chữa cháy... Xác định tải trọng tính toán: Xác định tải trọng tính toán. Tính toán sàn điển hình và sàn mái. Tính toán dầm dọc (nếu không giải khung KG). Tính toán cầu thang Xác định tải trọng tính móng: Lựa chọn phương án móng. Tính toán một số móng điển hình dưới khung. Kiểm tra chọc thủng đài, kiểm tra lún móng. Lựa chọn thi công móng hoặc sàn: Chọn máy thi công. Tính toán khả năng chịu tải cốt pha, chống. Tính khối lượng các công tác thi	10	HK2	Bảo vệ khóa luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		công. Mặt bằng thi công, tiến độ Thể hiện bản vẽ - thuyết minh tính toán: Khung tên và tỉ lệ bản vẽ theo qui định Trường. Nội dung bản vẽ đúng yêu cầu đề tài khóa luận. Bản vẽ thể hiện trên khổ giấy A1. Trình bày bản vẽ đúng kí hiệu kỹ thuật. Thuyết minh giấy A4, bìa, font chữ theo qui định của Trường.			
499.	Tiểu luận tốt nghiệp	Phần kiến trúc: Thuyết minh sơ lược về giải pháp mặt bằng, tổng mặt bằng, giải pháp kết cấu, giải pháp điện, nước, PCCC. Bản vẽ kiến trúc Phần kết cấu: Thiết kế tối thiểu 1 sàn tầng điển hình. Thiết kế tối thiểu 1 cầu thang bộ điển hình. Thiết kế tối thiểu 1 khung phẳng điển hình hoặc khung không gian. Bản vẽ kết cấu Phần nền móng: Phân tích số liệu địa chất. Chọn phương án móng. Thiết kế móng theo tối thiểu 1 phương án và tính tối thiểu 2 móng có tải trọng khác nhau. Bản vẽ thiết kế móng	6	HK2	Phân công GV chấm điểm luận Chấm tiểu
500.	Kết cấu gạch đá	Môn học này giúp người học nắm vững các tính chất vật liệu trong khối xây gạch đá, những vấn đề cơ bản về tính toán cũng như cấu tạo của kết cấu gạch đá, gạch đá cốt thép và kết cấu gỗ. Những phương pháp tính toán và cấu tạo dựa vào tiêu chuẩn thiết kế, quy trình quy phạm đã được nhà nước ban hành và có tham khảo các tài liệu mới nhất của nước ngoài.	2	HK2	Tự luận
501.	Luật xây dựng	Cung cấp cho sinh viên hiểu rõ những kiến thức cơ bản về pháp luật trong hoạt động xây dựng thông qua luật, các nghị định và thông tư liên quan, nghiên cứu vận dụng sáng tạo luật xây dựng trong thực tiễn. Sau khi học xong môn học sinh viên phải nắm vững kiến thức pháp luật xây dựng và tham gia hoạt động xây dựng đạt hiệu quả.	2	HK2	Trắc nghiệm
502.	Kinh tế ngành XD	Học phần kinh tế xây dựng là học phần lý thuyết thuộc nhóm kiến thức kinh tế và quản lý trong xây dựng. Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản, tổng quát về đặc điểm kinh tế của ngành xây dựng, cung cấp các phương pháp xác định chi phí xây dựng cũng như những cơ sở lý luận về kinh tế, kỹ thuật	2	HK2	Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nhằm đánh giá, so sánh, lựa chọn phương án kỹ thuật, các dự án đầu tư cũng như các giải pháp thiết kế tốt nhất. Học phần còn cung cấp kiến thức để sinh viên tính toán được chi phí xây dựng (dự toán) cho 1 công trình xây dựng vừa và nhỏ theo những quy định của pháp luật Việt Nam. Ngoài ra, học phần này giúp cho sinh viên thấy được sự tác động của các yếu tố kinh tế, xã hội tác động lên dự án xây dựng			
503.	Toán kỹ thuật	Học phần này nhằm cung cấp cho người học kiến thức cơ sở về toán áp dụng trong việc phân giải, tính toán các bài toán thuộc các lĩnh vực: phân giải mạch điện, phân tích và biểu diễn tín hiệu trong miền thời gian và miền tần số. Bên cạnh đó, người học cũng được làm quen với việc sử dụng phần mềm trên máy tính như là một công cụ để giải các bài toán.	2	HK2	Tự luận
504.	Lý thuyết mạch	Học phần bao gồm các kiến thức cơ bản và một số khái niệm mới trong mạch điện; các định luật và định lý như: Kirchhoff, Millman, Chồng chất, Thevenin và Norton, Kennely; mạch điện một chiều có chứa các phần tử tích trữ năng lượng RL và RC; các mạch xoay chiều LC. Các công cụ toán học để phân giải mạch như: phương trình mạch điện, số phức, phép biến đổi Laplace; khái niệm về tần số phức, đáp ứng tần số của mạch; tứ cực. Sinh viên được hình thành một số kỹ năng, phương pháp phân giải mạch, mô hình toán của mạch điện; hiểu ý nghĩa một số loại mạch hoạt động trong mạch điện một chiều cũng như xoay chiều.	3	HK4	Tự luận
505.	Linh kiện điện tử	Phần chính của học phần là khảo sát cấu tạo, cơ chế hoạt động của các linh kiện điện tử như Diode, BJT, FET, các linh kiện điều khiển, linh kiện quang điện tử... và một số ứng dụng đơn giản. Phần cuối của học phần sẽ giới thiệu sự hình thành và phát triển của vi mạch (IC).	3	HK1	Tự luận
506.	Mạch điện tử Analog	Giúp cho sinh viên có số kiến thức tương đối đầy đủ về các mạch điện tử tương tự thông dụng như khuếch đại, dao động, biến	4	HK5	Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		đổi tín hiệu... Sinh viên sẽ có đủ kiến thức nền để đọc hiểu các tài liệu chuyên môn. Có khả năng phân tích, ứng dụng các kiến thức đã học để thiết kế các thiết bị điện tử thông dụng trong đời sống.			
507.	Mạch số (Kỹ thuật số)	Học phần nhằm trang bị kiến thức về hệ thống số đếm và mã số học, các lý thuyết cơ sở về đại số logic, các bước thiết kế hệ tổ hợp, các bước thiết kế hệ tuần tự, cụ thể như hệ giải mã, mã hóa, dồn kênh, phân kênh, các mạch số học, Flipflop, thanh ghi, hệ đếm không đồng bộ, đồng bộ, máy trạng thái, cuối cùng sinh viên có khả năng thực hiện logic các hệ thống trên bằng công logic, bằng mạch giải mã, MUX, PLDs. Các kiến thức trên giúp sinh viên trong việc thực hiện đồ án, TLTN hoặc LVTN. Ngoài ra, học phần còn trang bị cho sinh viên kỹ năng chủ động sáng tạo, độc lập và phối hợp nghiên cứu.	4	HK5	Tự luận
508.	Kỹ thuật xung	Phần 1: Nêu giải pháp để dự đoán và tính toán xác định dạng tín hiệu đáp ứng khi cho tín hiệu xung qua một mạch điện tử, đặc biệt quan tâm đến thời gian quá độ trước khi mạch điện đạt tới chế độ thường trực. Phần 2: Khảo sát các mạch điện kinh điển tạo các xung điện như: Mạch đa hài phi ổn, mạch đa hài đơn ổn, mạch đa hài lưỡng ổn, mạch tạo xung hẹp đánh dấu, mạch Schmitt Trigger...	2	HK4	Tự luận
509.	Lập trình căn bản – Điện tử	Môn học lập trình căn bản điện tử cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về ngôn ngữ lập trình, kiểu dữ liệu, kiểu dữ liệu có cấu trúc (cấu trúc dữ liệu). Các khái niệm về thuật toán, ngôn ngữ biểu diễn thuật toán. Giúp sinh viên có thể sử dụng một trong các ngôn ngữ này để trình bày thuật toán giải bài toán trên máy tính. Đồng thời, sinh viên cũng được trang bị một khối lượng kiến thức tương đối lớn và đầy đủ về ngôn ngữ lập trình C, ngôn ngữ lập trình được sử dụng phổ biến trong kỹ thuật hiện nay. Từ đó, giúp sinh viên hiểu được vai trò quan trọng và cần thiết của thuật toán và ngôn ngữ C. Với kiến thức tốt và kỹ	4	HK5	Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		năng lập trình thuần thực bằng ngôn ngữ C, sinh viên có thể tiếp cận dễ dàng và nhanh chóng sử dụng tốt ngôn ngữ C trong việc học tập và nghiên cứu trong lĩnh vực chuyên môn sau này.			
510.	Tiếng anh chuyên ngành	Học phần nhằm bổ sung cho sinh viên chuyên ngành Điện - điện tử một số cấu trúc văn phạm thường gặp trong anh văn kỹ thuật. Thông qua các bài học được thiết kế gắn với chuyên ngành Điện điện tử, giúp cho sinh viên nhanh chóng phát triển vốn từ vựng chuyên ngành, từ đó tăng cơ hội để truy cứu các tài liệu ngoại văn phục vụ cho việc học tập và hoạt động nghề nghiệp sau khi ra trường.	3	HK6	Tự luận
511.	Kỹ thuật vi xử lý	Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản về kiến trúc họ vi điều khiển MSP430 của hãng Texas Instrument; môi trường phát triển phần mềm và sử dụng các công cụ hỗ trợ để lập trình phát triển phần mềm nhúng cho thiết bị; Nắm hoạt động và lập trình ứng dụng các ngoại vi của họ vi điều khiển MSP430; minh họa đầy đủ một ứng dụng thực tế sử dụng vi điều khiển.	4	HK6	Tự luận
512.	Khí cụ điện - An toàn điện	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khí cụ điện như các đặc tính cơ điện, nhiệt điện, hồ quang điện, tiếp xúc điện. Kiến thức về cấu tạo, nguyên lý hoạt động, đấu nối, vận hành và các thông số kỹ thuật cơ bản của một số khí cụ điện hạ áp thông dụng (như CB, ACB, nút ấn, công tắc tơ, các loại rơ le, timer, các loại cảm biến, biến tần, khởi động mềm, ...), khí cụ điện trung áp và cao áp (như: dao cách ly DS, LTD, máy cắt tự đóng lại Recloser, máy cắt tải LBS, thiết bị chống sét LA, cầu chì tự rơi FCO, LBFCO, biến áp TU, biến dòng TI,). Có kiến thức về tính toán phụ tải điện, lựa chọn các loại khí cụ điện hạ thế cho một mạch điện công nghiệp, lựa chọn các khí cụ điện trung thế cho đường dây trung áp 22kV và trạm biến áp phân phối 22/0.4kV. Trên cơ sở đó có được những hiểu biết cần thiết để lắp đặt, đấu nối, vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa khí cụ điện. Đặc biệt môn học cũng trang bị	2	HK4	Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		cho sinh viên những hiểu biết cần thiết về khả năng phân tích, lựa chọn, xử lý và thiết kế các mạch điện tự động điều khiển trong dây chuyền sản xuất công nghiệp.			
513.	Kỹ thuật điện	Cung cấp cho sinh viên kiến thức về nguyên lý biến đổi năng lượng điện – cơ, nguyên lý và chế độ làm việc của máy biến áp, máy điện không đồng bộ; Giúp sinh viên nắm vững và phân tích các chế độ làm việc của máy biến áp và máy điện không đồng bộ;	4	HK4	Tự luận
514.	Hệ thống điện 1, 2	Giới thiệu chung về hệ thống điện bao gồm các khâu sản xuất, truyền tải và phân phối điện năng, thị trường điện, các tham số của mạng điện, các loại tổn thất có trong hệ thống điện, điều chỉnh điện áp trên đường dây..., xác định được các thông số chính của các phần tử chính trong hệ thống điện, tính toán tổn thất điện áp, tổn thất công suất, tổn thất điện năng, tính phân bố công suất và phân tích chế độ xác lập của hệ thống điện...	2	HK6	Tự luận
515.	Kỹ thuật Audio và Video	Học phần này giúp cho sinh viên có số kiến thức tương đối đầy đủ về các mạch điện tử tương tự thông dụng như khuếch đại, dao động, biến đổi tín hiệu...Sinh viên có khả năng thiết kế, thực hiện được các thiết bị điện tử tương tự thông dụng và bước đầu có thể kiểm tra, sửa chữa được các thiết bị nhỏ. Người học có khả năng phân tích, xây dựng được những tính năng kỹ thuật hệ thống kỹ thuật video, nắm được phương pháp thiết kế hệ thống kỹ thuật video. Hiểu biết về những ứng dụng của kỹ thuật công nghệ phục vụ cho con người. Môn học cung cấp kiến thức về kỹ thuật truyền hình (tương tự và số), các tùy chọn trong kỹ thuật truyền hình, các định dạng hình ảnh, nguyên lý của truyền hình, các loại nguồn điện, mạch quét ngang, quét dọc, tuner, audio...	4	HK7	Tự luận
516.	Điện Tử Công Suất	Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức chủ yếu về linh kiện điện tử công suất, kỹ năng phân tích mạch, nắm được nguyên lý	4	HK7	Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		và hoạt động các mạch điện tử công suất thông dụng. Song song đó, sinh viên được thực hành trên mô hình thực và mô phỏng trên phần mềm, từ đó sinh viên có thể phát huy khả năng tự nghiên cứu và có kỹ năng thực hành sau khi hoàn thành học phần.			
517.	TT. Tay Nghề Điện – Điện tử	Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức về thiết kế lắp đặt hệ thống điều khiển các thiết bị Điện công nghiệp trong nhà máy. Tính toán, thiết kế khuôn mẫu, tính tiết diện dây và kỹ năng quấn dây máy điện. Vận hành các loại động cơ điện ba pha, một pha, nguyên lý khởi động động cơ theo sao - tam giác, vận hành đổi chiều quay động cơ, vận hành động cơ ba pha trong nguồn một pha và một số động cơ khác. Thiết kế và vận hành các loại mạch điện sinh hoạt nổi, mạch điện sinh hoạt chìm, thiết kế mạch vận hành các loại đèn chiếu sáng dân dụng, thiết kế tủ điện một pha, ba pha.	2	HK7	Tự luận
518.	Thiết kế Hệ thống điện	Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức tổng quan về thiết kế hệ thống điện, đặc tính phụ tải, các thông số đường dây và tính toán tham số đường dây. Từ đó thiết kế đường dây, thiết kế mạng phân phối trung áp và hạ áp. Áp dụng tụ bù trong hệ thống điện. Truyền tải điện một chiều cao áp HVDC. Tính toán kinh tế trong hệ thống điện	3	HK8	Tự luận
519.	Truyền dữ liệu	Cung cấp một phần kiến thức chuyên ngành cho sinh viên ngành kỹ thuật Điện tử Truyền thông về bản chất môi trường truyền, tác dụng của nhiễu, giới thiệu qua một số chuẩn giao tiếp vật lý, các nghi thức truyền và kết nối mạng thông tin số.	3	HK8	Tự luận
520.	Kỹ thuật điện lạnh	Trang bị những kiến thức cơ bản về các phương pháp làm lạnh cơ bản trong các hệ thống lạnh hiện nay, cấu tạo, nguyên lý làm việc và công dụng của các thiết bị chính và các thiết bị phụ trong hệ thống lạnh và nguyên lý làm lạnh. Đồng thời học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về thiết bị điện dùng trong hệ thống lạnh, ... Những kiến thức về nguyên lý điều khiển điện cho hệ thống lạnh như; các thiết bị điện	3	HK10	Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trong hệ thống lạnh, nguyên lý điều khiển tự động hóa hệ thống máy nén, hệ thống thiết bị ngưng tụ, thiết bị bay hơi, các mạch điện của các thiết bị lạnh cụ thể như tủ lạnh, kho lạnh công nghiệp, máy lạnh, điều khiển lạnh trung tâm, ... Từ đó sinh viên có kiến thức về tính toán phụ tải điện, lựa chọn các loại khí cụ điện hạ thế cho một mạch điện công nghiệp, kiến thức về lắp đặt, đấu nối, vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa mạch điện trang bị cho hệ thống lạnh.			
521.	Điều khiển logic lập trình	Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên sẽ có kiến thức chung về PLC, một số hệ thống có sử dụng PLC, đồng thời có kỹ năng phân tích, lập trình PLC cho các dạng qui trình điều khiển trong công nghiệp. Qua đó, người học có khả năng tiếp cận, phân tích, thiết kế được các hệ thống khác nhau có sử dụng PLC	3	HK10	Tự luận
522.	Cảm biến	Học phần này nhằm trang bị cho người học các kiến thức liên quan đến bộ cảm biến như: đặc tính tĩnh của cảm biến; cấu tạo và nguyên lý hoạt động của các cảm biến dựa trên sự biến đổi điện trở, điện cảm, hay điện dung; các mạch giao tiếp chuyển đổi tín hiệu trong cảm biến; và một số nguyên lý cơ bản khác. Ngoài ra, qua phần thực hành người học có điều kiện tiếp xúc các thiết bị, công cụ đo lường phân tích hiện đại dựa trên nền tảng máy tính.	3	HK9	Trắc nghiệm + Tự luận
523.	Lý thuyết điều khiển tự động hệ tuyến tính	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quan về hệ thống điều khiển và cách thức mô hình hóa hệ thống điều khiển. Bên cạnh đó, học phần còn giúp sinh viên có thể đánh giá tính ổn định và thiết kế các bộ điều khiển cho hệ thống điều khiển tuyến tính liên tục bằng các bộ điều khiển kinh điển như bộ điều khiển sớm pha, trễ pha, PID, Ngoài ra, sinh viên còn được hướng dẫn sử dụng phần mềm MATLAB để hỗ trợ trong quá trình tính toán, phân tích hệ thống hay thiết kế các bộ điều khiển.	3	HK8	Tự luận
524.	Matlab và LabVIEW	Học phần này cung cấp các khái niệm và kiến thức cơ bản về phần mềm LabVIEW, lập trình và mô phỏng trong LabVIEW; các khái niệm và kiến thức cơ bản về ngôn ngữ lập trình	3	HK8	Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Matlab, mô phỏng hệ thống tự động sử dụng Simulink.			
525.	Năng lượng tái tạo	Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: năng lượng và năng lượng tái tạo, nguồn gốc các loại năng lượng tự nhiên; khai thác các nguồn năng lượng tái tạo: mặt trời, gió, sinh khối, thủy điện, thủy triều, sóng biển, pin nhiên liệu; đánh giá khí thải vòng đời (LCA), cơ chế phát triển sạch (CDM).	2	HK10	Tự luận
526.	Cơ sở và ứng dụng IOTs	Học phần này cung cấp cho sinh viên các khái niệm về IoT trong đó tập trung vào các nền tảng (nền tảng phần cứng và phần mềm ứng dụng có thể ứng dụng trong IoT), các giao thức M2M (các giao thức truyền thông có thể ứng dụng trong IoT : Zigbee, Bluetooth, IEEE 802.15.4, IEEE 802.15.6, IEEE 802.15.11) và các cơ chế xử lý dữ liệu và thông tin.	3	HK10	Tự luận
527.	Kỹ thuật Robot.	Giúp cho người học có khả năng tính toán phép biến đổi hệ tọa độ, phân tích hệ tọa độ của máy hoàn chỉnh công nghiệp. Có khả năng giải bài toán động học thuận, động học nghịch, phương trình vận tốc, gia tốc, biến đổi Jacobian và thiết lập quỹ đạo chuyển động tay máy, Áp dụng các kiến thức về phép biến đổi tọa độ để mô phỏng một tay máy chuẩn công nghiệp	2	HK11	Tự luận
528.	Kỹ thuật máy tính và xử lý tín hiệu hệ thống điện	Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức về cấu trúc, phân loại, ứng dụng của hệ thống thu thập dữ liệu và điều khiển, cách thức xử lý và hoạt động của khối xử lý tín hiệu, các khối xử lý dữ liệu trong thực tế, kỹ thuật lập trình để thu thập dữ liệu trong thực tế Ngoài ra, sinh viên còn được trang bị kiến thức về OPC và hệ SCADA, các thành phần và chức năng của nó trong hệ SCADA	3	HK9	Tự luận
529.	Kỹ thuật điều khiển tự động công nghiệp	Học phần trang bị các kiến thức về thiết bị cảm biến công nghiệp, nguyên lý và cách thiết kế các ngắt điện bán dẫn, tìm hiểu và sử dụng các thiết bị chấp hành công nghiệp như động cơ DC, động cơ AC, động cơ bước, Solenoid. Các thiết bị đo lường công nghiệp như đo lưu lượng , áp suất, lực, . . . Các phương pháp điều khiển tuần tự trong công nghiệp, phương pháp	3	HK11	Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		phân tích thiết kế các quá trình tuần tự, quá trình ngẫu nhiên			
530.	Thiết kế mạch in	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức nhập môn về thiết kế vi mạch và kỹ năng cơ bản trong việc sử dụng các phần mềm hỗ trợ trên máy tính (CAD) trong việc thiết kế và kiểm thử vi mạch tích hợp.	3	HK6	Tự luận
531.	CAD trong kỹ thuật điện	Môn học này trang bị các kiến thức người học các nguyên tắc cơ bản nâng cao trong thiết kế và mô phỏng, các phương pháp giải các bài toán kỹ thuật chuyên ngành trong thiết kế và vẽ điện. Người học sẽ có kiến thức chuyên môn trong lãnh vực thiết kế và mô phỏng cung cấp điện cũng như vẽ các bản vẽ Kỹ Thuật Điện. Khả năng sử dụng các phần mềm chuyên nghiệp trong thiết kế, tính toán công suất tính toán, thiết kế hệ thống điện động lực, hệ thống tủ điện phân phối, hệ thống chiếu sáng, hệ thống nâng cao hệ số công suất.	3	HK9	Tự luận
532.	Ngắn mạch và ổn định hệ thống điện	Cung cấp cho người học các khái niệm, mô tả và phân tích được hiện tượng ngắn mạch, ổn định hệ thống điện. Có thể biết được vai trò của việc phân tích ổn định trong thiết kế và vận hành hệ thống điện.	2	HK12	Tự luận
533.	Kỹ thuật cao áp	Học phần này bao gồm các nội dung sau: Giới thiệu chung về kỹ thuật cao áp, tổng quan về hệ thống cách điện, ứng suất điện trường; phóng điện trong chân không; phóng điện trong chất lỏng; phóng điện trong chất rắn; hệ thống cách điện khí-rắn; hệ thống cách điện giấy-dầu; tính tản mạn của sự phóng điện và quá điện áp.	2	HK12	Tự luận
534.	Điện tử công nghiệp	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về vật liệu dùng trong điện tử công nghiệp, linh kiện điện tử tương tự, các linh kiện điện tử số, các bộ chỉnh lưu, các bộ khuếch đại, các bộ tạo tín hiệu, các bộ nguồn, các bộ cảm biến, mạch điều khiển thyristo và các bộ biến tần.....	2	HK12	Tự luận
535.	Cơ sở viễn thông	Học phần sẽ cung cấp cho sinh viên kiến thức về các hệ thống thông tin tương tự như: Điều chế biên độ(AM), Điều chế góc gồm điều chế tần số(FM) và điều chế pha(PM), Điều chế	2	HK12	Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		xung gồm PAM, PWM và PPM. Sau cùng sơ lược về viễn thông số(Digital Communications) gồm các đề mục như: Biến đổi tương tự-số và ngược lại, các loại điều chế trong viễn thông số: Điều chế mã xung(PCM), Điều chế Delta.			
536.	Hệ thống viễn thông	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức tổng hợp về hệ thống viễn thông, các công nghệ viễn thông, dịch vụ viễn thông và cả hệ thống viễn thông. Do đặc điểm của môn học có tính hệ thống cao, là sự kết hợp của nhiều vấn đề kỹ thuật khác nhau (chẳng hạn như : hệ thống phân tích tín hiệu, hệ thống biến đổi tín hiệu, môi trường truyền thông,...) nên SV cần có kỹ năng phân tích hệ thống cao, kỹ năng tư duy, tìm tòi, phát hiện những vấn đề mới phát sinh, kỹ năng lựa chọn và ra quyết định xây dựng hệ thống theo hướng tối ưu hóa,....	2	HK12	Tự luận
537.	Công nghệ thủy lực và khí nén	Người học sẽ có những kiến thức sâu rộng về cấu tạo - nguyên lý hoạt động các cơ cấu chấp hành, các phần tử khí nén thủy lực, nguồn khí nén thủy lực. Từ đó sinh viên có thể thiết kế một hệ thống mới chạy bằng khí nén và thủy lực cũng như sửa chữa các máy móc về khí nén và thủy lực	3	HK11	Tự luận
538.	Lập trình nhúng	Cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về công nghệ phần mềm nhúng: vi điều khiển và lập trình hệ thống nhúng. Có khả năng phân tích, thiết kế giải thuật, viết chương trình cho hệ thống nhúng. Biết được qui trình khởi động timer trong thời gian thực	3	HK11	Tự luận
539.	Điều khiển mờ	Học phần nhằm trang bị kiến thức về tập mờ và logic mờ; các kỹ thuật điều khiển mờ cơ bản; một số ứng dụng của logic mờ trong cuộc sống; một số định hướng nghiên cứu, giúp sinh viên có thể phát triển thành các TLTN hoặc LVTN. Ngoài ra, học phần còn trang bị cho sinh viên kỹ năng thiết kế hệ thống điều khiển mờ bằng phần mềm MATLAB; chủ động sáng tạo, độc lập và phối hợp nghiên cứu; viết báo cáo khoa học.	3	HK11	Tự luận
540.	Đo lường thông minh	Học phần là sự tổng hợp và vận dụng kiến thức các môn Vi điều khiển, Cảm biến, Lý	3	HK11	Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thuyết điều khiển tự động và kỹ năng lập trình máy tính. Người học có kiến thức về các chuẩn giao tiếp trên máy tính và các phương pháp lập trình điều khiển bằng máy tính thông qua các công giao tiếp nhằm mục đích chính là để đo lường, xử lý và điều khiển trở lại thiết bị giao tiếp bên ngoài. Ngoài ra, còn cung cấp các kiến thức lập trình giao tiếp và điều khiển thiết bị trên Windows, giới thiệu các chuẩn giao tiếp công nghiệp Modbus, Ethernet, ...			
541.	Mạng nơ-ron nhân tạo	Học phần giới thiệu về sự hình thành hướng nghiên cứu mạng neuro cũng như điểm mạnh, điểm yếu của mạng neuron. Bên cạnh đó, học phần trang bị các kiến thức về kiến trúc một số dạng mạng neuron khác nhau như: Hamming, Hopfield, MLP ... Ngoài ra, cung cấp các kiến thức về quy tắc học tương ứng với từng loại mạng như: Perceptron, Hebb, Widrow-Hoff,... Phần cuối của học phần giới thiệu một số ứng dụng của mạng neuron trong nhiều lĩnh vực như: nhận dạng, kinh tế xã hội...	3	HK11	Tự luận
542.	Kỹ Thuật chiếu sáng	Học phần Kỹ Thuật Chiếu Sáng cấp cho người học những kiến thức cơ bản về các đại lượng đo ánh sáng, nguồn phát sáng, sự phân bố ánh sáng. Thêm vào đó còn cung cấp cho Sinh viên những kiến thức cơ bản về kỹ thuật chiếu sáng trong nhà (Indoor) và Kỹ Thuật chiếu sáng ngoài trời (Outdoor). Hơn nữa còn đào tạo cho SV có kỹ năng lập bản vẽ thiết kế, lập bảng dự toán công trình chiếu sáng.	2	HK9	Tự luận
543.	Nhà máy điện	Học phần cung cấp cho người học những khái niệm nhà máy nhiệt điện, thủy điện, năng lượng tái tạo. Có thể phân tích được đặc tính của nhà máy điện. Phân tích được cấu tạo qui trình hoạt động của lò hơi, tuabin, máy phát.	2	HK9	Tự luận
544.	Niên luận 1	Học phần này giúp sinh viên hệ thống hoá lại kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành trước khi tốt nghiệp và ứng dụng kiến thức của toàn bộ các môn đã học để giải quyết hoàn chỉnh một vấn đề kỹ thuật cụ thể thuộc chuyên ngành như: Thiết kế	1	HK7	Viết báo cáo + mô hình thực tế

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		cung cấp điện; Thiết kế mạch điều khiển và vận hành động cơ điện, thiết bị điện; Thiết kế trạm biến áp hoặc đường dây tải điện; Sản xuất, truyền tải và phân phối điện năng; Quy hoạch và phát triển hệ thống điện; Đánh giá độ tin cậy trong hệ thống điện; Tính toán và mô phỏng các đặc tính, hiện tượng của hệ thống truyền tải, phối điện năng, máy điện,...			
545.	Niên luận 2	Học phần này giúp sinh viên hệ thống hoá lại kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành trước khi tốt nghiệp và ứng dụng kiến thức của toàn bộ các môn đã học để giải quyết hoàn chỉnh một vấn đề kỹ thuật cụ thể thuộc chuyên ngành như: Thiết kế cung cấp điện; Thiết kế mạch điều khiển và vận hành động cơ điện, thiết bị điện; Thiết kế trạm biến áp hoặc đường dây tải điện; Sản xuất, truyền tải và phân phối điện năng; Quy hoạch và phát triển hệ thống điện; Đánh giá độ tin cậy trong hệ thống điện; Tính toán và mô phỏng các đặc tính, hiện tượng của hệ thống truyền tải, phối điện năng, máy điện,...	1	HK10	Viết báo cáo + mô hình thực tế
546.	Tham quan thực tế	Tìm hiểu tổ chức, quy trình sản xuất điện năng tại các nhà máy thủy điện, nhà máy nhiệt điện; Các công ty, xí nghiệp sản xuất các thiết bị điện, dây dẫn và cáp điện; Quy trình phản ứng hạt nhân ở viện nghiên cứu về hạt nhân. Tìm hiểu quy mô sản xuất của các nhà máy điện: công suất khả dụng, sản lượng điện sản xuất trung bình hàng năm, ...; Nguyên liệu sử dụng; Đặc tính vận hành, đặc tính làm mát của các kiểu turbine, máy phát, máy biến áp,... Tổng hợp các kiến thức cơ sở và chuyên ngành để hoàn thành một công việc được giao mang tính định hướng nghề nghiệp. Sinh viên thực hiện dưới sự hướng dẫn của giảng viên và cán bộ ngoài doanh nghiệp viết báo cáo thực tập.	1	HK9	Viết báo cáo
547.	Thực tập thực tế	Học phần Thực tập thực tế nhằm tạo cơ hội	6	HK12	Viết báo cáo

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		cho sinh viên làm việc trực tiếp tại cơ quan, để có thể tìm hiểu về các nội quy công ty, quy trình sản xuất, các dây chuyền công nghệ hiện đại trong thực tế bằng cách đến tại công ty để làm việc thực tập thực tế. Từ đó, sinh viên có thể vận dụng những kiến thức đã học vào thực tế; sinh viên cũng có thể bổ sung, cập nhật thêm kiến thức mới từ việc tiếp cận trực tiếp với các thiết bị, nhà máy ở công ty.			
548.	Tiểu luận tốt nghiệp	Học phần giúp sinh viên hệ thống hoá lại kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành trước khi tốt nghiệp và ứng dụng kiến thức của toàn bộ các môn đã học để giải quyết hoàn chỉnh một vấn đề kỹ thuật cụ thể thuộc chuyên ngành như: Thiết kế cung cấp điện; Thiết kế mạch điều khiển và vận hành động cơ điện, thiết bị điện; Thiết kế trạm biến áp hoặc đường dây tải điện; Sản xuất, truyền tải và phân phối điện năng; Quy hoạch và phát triển hệ thống điện; Đánh giá độ tin cậy trong hệ thống điện; Tính toán và mô phỏng các đặc tính, hiện tượng của hệ thống truyền tải, phối điện năng, máy điện,...	6	HK12	Viết báo cáo + mô hình thực tế
549.	Khóa luận tốt nghiệp – ĐĐT	Học phần giúp sinh viên hệ thống hoá lại kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành trước khi tốt nghiệp và ứng dụng kiến thức của toàn bộ các môn đã học để giải quyết hoàn chỉnh một vấn đề kỹ thuật cụ thể thuộc chuyên ngành như: Thiết kế cung cấp điện; Thiết kế mạch điều khiển và vận hành động cơ điện, thiết bị điện; Thiết kế trạm biến áp hoặc đường dây tải điện; Sản xuất, truyền tải và phân phối điện năng; Quy hoạch và phát triển hệ thống điện; Đánh giá độ tin cậy trong hệ thống điện; Tính toán và mô phỏng các đặc tính, hiện tượng của hệ thống truyền tải, phối điện năng, máy điện,...	10	HK12	Báo cáo trước hội đồng bảo vệ khóa luận
550.	Toán rời rạc 1	Kiến thức: về mệnh đề và các phép toán liên quan đến mệnh đề Sự tương đương logic và các luật trong toán học Dịch một phát biểu sang các phép toán về	3	HK2	Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		mệnh đề Hàm bool, mạch logic, bản đồ Karnaugh và các phương pháp Quine – McClusky Nguyên lý cơ bản của phép đếm, chỉnh hợp và tổ hợp Suy luận toán học Lý thuyết tập mờ và logic mờ được ứng dụng trong tin học Kỹ năng: Kỹ năng làm bài tập và giải quyết vấn đề Triển khai các kiến thức đã học vào suy luận tính toán logic Thái độ: Nghiên túc trong học tập Trách nhiệm: hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao đúng kỳ hạn Tự trọng, trung thực trong thi cử, đánh giá			
551.	Cấu trúc dữ liệu	Hiểu nguyên tắc thực hiện từ bài toán đến chương trình. Hiểu khái niệm về kiểu dữ liệu trừu tượng, cấu trúc dữ liệu. Hiểu cấu trúc danh sách với các cách cài đặt khác nhau. Hiểu cấu trúc ngăn xếp với các cách cài đặt khác nhau. Hiểu cấu trúc hàng đợi với các cách cài đặt khác nhau. Hiểu cấu trúc cây tổng quát, cây nhị phân và cây tìm kiếm nhị phân. Hiểu cấu trúc tập hợp. Biết cấu trúc đồ thị. Hiểu và vận dụng được nguyên tắc thực hiện từ bài toán thực tế đến chương trình. Hiểu khái niệm các kiểu dữ liệu trừu tượng, cấu trúc dữ liệu. Cài đặt được các kiểu dữ liệu trừu tượng bao gồm khai báo để lưu trữ kiểu dữ liệu trừu tượng và các phép toán cơ bản trên kiểu dữ liệu trừu tượng đó. Có khả năng phân tích bài toán và xác định được kiểu dữ liệu trừu tượng cần sử dụng và giải thuật cần thiết cho bài toán.	4	HK1	Thực hành + tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Vận dụng được các kiểu dữ liệu trừu tượng cơ bản để giải quyết các bài toán thực tế. Khi có một bài toán thì luôn có ý thức phân tích bài toán đó để quyết định lựa chọn kiểu dữ liệu trừu tượng phù hợp để giải quyết bài toán. Có ý thức xây dựng giải thuật để giải quyết bài toán bằng cách sử dụng các phép toán cơ bản để giải thuật được trong suốt đối với các cách cài đặt kiểu dữ liệu trừu tượng khác nhau. Có ý thức tìm kiếm nhiều hướng giải quyết bài toán bằng nhiều cách khác nhau tùy theo khác nhau như: sử dụng kiểu dữ liệu trừu tượng khác, giải thuật khác			
552.	Toán rời rạc 2	Kiến thức: Những khái niệm cơ bản của lý thuyết đồ thị Phương pháp biểu diễn đồ thị trên máy tính Nắm được các thuật toán tìm kiếm trên đồ thị Nắm được chu trình Euler và chu trình Hamilton Hiểu được định nghĩa cây và cây khung của đồ thị, các phương pháp giải quyết vấn đề trên đồ thị. Giải quyết được các bài toán liên quan đến tìm đường đi ngắn nhất Giải quyết được các bài toán tìm luồng cực đại trong mạng. Kỹ năng: Kỹ năng làm bài tập và giải quyết vấn đề Triển khai các kiến thức đã học vào suy luận tính toán logic Thái độ: Nghiêm túc trong học tập Trách nhiệm: hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao đúng kỳ hạn Tự trọng, trung thực trong thi cử, đánh giá	3	HK1	Tự luận
553.	Phân tích và thiết kế thuật toán	Kiến thức: Hiểu được sự cần thiết phải phân tích đánh giá các thuật toán. Nhớ (biết) được các tiêu chuẩn để đánh giá một thuật toán. Hiểu khái niệm độ phức tạp của thuật toán.	2	HK1	Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Hiểu được yêu cầu của bài toán sắp xếp. Hiểu các thuật toán sắp xếp. Hiểu các lưu đồ của các thuật toán sắp xếp. Hiểu các chương trình sắp xếp. Hiểu nội dung kỹ thuật chia để trị. Hiểu nội dung kỹ thuật tham ăn. Hiểu nội dung kỹ thuật nhánh cận. Hiểu nội dung kỹ thuật quy hoạch động. Hiểu nội dung kỹ thuật quay lui. Hiểu nội dung kỹ thuật tìm kiếm địa phương. Hiểu mô hình xử lý ngoài. Hiểu tiêu chuẩn để đánh giá thuật toán xử lý ngoài. Hiểu thuật toán sắp xếp trộn, sắp xếp trộn cải tiến và sắp xếp trộn nhiều đường. Hiểu các mô hình tổ chức lưu trữ thông tin trong tập tin. Kỹ năng: Phân tích được các chương trình không không đệ quy (có hoặc không có chương trình con). Phân tích được các chương trình đệ quy. Đánh giá được các phương pháp giải phương trình đệ quy. Vận dụng được thuật toán để minh họa việc sắp xếp. Đánh giá được các thuật toán sắp xếp. Có khả năng lựa chọn thuật toán sắp xếp phù hợp áp dụng vào trong việc phát triển ứng dụng thực tế. Vận dụng kỹ thuật chia để trị để giải một số bài toán thực tế. Vận dụng kỹ thuật tham ăn để giải một số bài toán tối ưu tổ hợp. Vận dụng kỹ thuật nhánh cận để giải một số bài toán tối ưu tổ hợp. Vận dụng kỹ thuật quy hoạch động để giải một số bài toán thực tế. Vận dụng kỹ thuật quay lui để giải bài toán cây trò chơi Vận dụng kỹ thuật tìm kiếm địa phương để giải một số bài toán tối ưu tổ hợp.			

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Phân tích được các bài toán thực tế, từ đó mô hình hóa bài toán và vận dụng kỹ thuật phù hợp để thiết kế thuật toán. Vận dụng được thuật toán để minh họa sắp xếp trộn, sắp xếp trộn cải tiến và sắp xếp trộn nhiều đường. Đánh giá được các thuật toán sắp xếp trộn, sắp xếp trộn cải tiến và sắp xếp trộn nhiều đường. Vận dụng được các thuật toán tìm kiếm, xen, xóa thông tin để minh họa trên các mô hình lưu trữ thông tin trong tập tin. Đánh giá được thuật toán tìm kiếm thông tin trên các mô hình lưu trữ thông tin trong tập tin. Thái độ: Khi có một thuật toán (tự thiết kế hoặc tham khảo) thì luôn có ý thức phân tích thuật toán đó để quyết định lựa chọn hoặc cải tiến thuật toán. Có ý thức sưu tầm các phiên bản cải tiến hoặc/và cải tiến các thuật toán đã biết			
554.	Kiến trúc máy tính	Kiến thức: Biết được lịch sử phát triển của máy tính Hiểu và thực hiện các phép biểu diễn và biến đổi hệ thống số dùng trên máy tính. Hiểu được cơ bản về kiến trúc phần mềm và tổ chức của bộ xử lý máy tính Hiểu được chức năng và nguyên lý hoạt động của các thành phần chính của của một hệ thống máy tính: bộ nhớ, các hệ thống xuất nhập Hiểu được nguyên lý hoạt động của các cơ chế RAID (<i>Redundant Array of Independent Disks</i>) Kỹ năng: Thành thạo các phép biểu diễn và biến đổi số dùng trên máy tính và các hệ thống số Hiểu được các ô chức và hoạt động cơ bản của một bộ xử lý điển hình Hiểu được kiến trúc phần mềm và nguyên lý thực hiện lệnh trong tập lệnh cơ bản của một hệ thống máy tính	2	HK2	Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Hiểu và giải thích được nguyên lý hoạt động của các cấp bộ nhớ trong hệ thống máy tính Vận dụng kiến thức về RAID để thực hiện thiết lập và cài đặt các hệ thống tăng tốc độ truy xuất đĩa hoặc đảm bảo an toàn dữ liệu trên mảng nhiều đĩa cứng Kỹ năng mềm: kỹ năng thuyết trình; kỹ năng lắng nghe; kỹ năng tìm kiếm, tổng hợp, phân tích và đánh giá thông tin; kỹ năng giải quyết vấn đề; kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông; kỹ năng sử dụng ngôn ngữ; kỹ năng khám phá Thái độ: Nghiêm túc trong học tập, nghiên cứu tìm tòi, tích cực tìm kiếm thêm thông tin liên quan về kiến trúc mới của một hệ thống máy tính hiện đại Thực hành toàn bộ bài tập có trong chương trình. Tìm kiếm thêm nhiều bài tập liên quan để hiểu và nắm chắc các kỹ năng tính toán dùng trong máy tính Trải nghiệm thực tế để tích lũy kinh nghiệm và làm giàu kiến thức bản thân			
555.	Lập trình hướng đối tượng C++	Kiến thức: Học phần này cung cấp cho sinh viên một khối lượng kiến thức tương đối hoàn chỉnh về kỹ thuật lập trình hướng đối tượng minh họa bằng ngôn ngữ C++ và trang bị cho sinh viên các kiến thức về: Phương pháp lập trình hướng đối tượng. Các đặc điểm, kỹ thuật trong lập trình hướng đối tượng C++ Kỹ năng: Phân tích giải quyết vấn đề theo hướng đối tượng Thái độ: Tự giác trong rèn kỹ năng lập phân tích giải quyết yêu cầu về website.	3	HK2	Thực hành
556.	Tin học lý thuyết	Kiến thức: Hiểu ngôn ngữ và ngôn ngữ hình thức, phân lớp ngôn ngữ	3	HK2	Tự luận + thực hành

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Hiểu ngôn ngữ chính quy, automates hữu hạn và nhận biết ngôn ngữ chính quy bởi các automates hữu hạn Hiểu ngôn ngữ phi ngữ cảnh, pushdown automates và nhận biết ngôn ngữ phi ngữ cảnh bởi các pushdown automates Vận dụng kiến thức về automate để hiểu rõ về ngôn ngữ lập trình và lập trình điều khiển Hiểu máy Turing, kiến trúc máy tính Von Neumann, khả năng tính toán của máy tính dựa trên các mô hình này Kỹ năng: Khả năng tự học , tự nghiên cứu Phân tích, thiết kế cách giải quyết bài toán Thái độ: Nghiêm túc trong học tập Trách nhiệm: hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao đúng kỳ hạn Tự trọng, trung thực trong thi cử, đánh giá			
557.	Thiết kế và lập trình Web	Kiến thức: Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về: Qui trình thiết kế một website. Các ngôn ngữ script hỗ trợ lập trình Web. Ứng dụng giải các bài toán thực tiễn. Kỹ năng: Phân tích yêu cầu của một website Thiết kế website Lập trình dựng website hoàn chỉnh theo yêu cầu Thái độ: Tự giác trong rèn kỹ năng lập phân tích giải quyết yêu cầu về website.	3	HK1	Tự luận + thực hành
558.	Hệ điều hành	Kiến thức: Khái niệm Hệ điều hành, các loại Hệ điều hành Các thành phần của Hệ điều hành Dịch vụ và lời gọi Hệ thống, chương trình hệ thống Cấu trúc của Hệ điều hành Tiến trình, lịch biểu tiến trình Thao tác trên tiến trình, liên lạc giữa các	3	HK2	Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tiến trình Luồng, các mô hình đa luồng, thao tác trên luồng Tiêu chuẩn điều phối CPU, giải thuật điều phối Đồng bộ hóa tiến trình Deadlock Một số giải thuật xử lý Deadlock Quản lý bộ nhớ, bộ nhớ ảo Các vấn đề về trang Các khái niệm tập tin, thư mục Cài đặt và quản lý hệ thống tập tin, thư mục Phần cứng nhập xuất Phần mềm nhập xuất Kỹ năng: Nhận biết loại và cấu trúc của Hệ điều hành Mô tả được quá trình quản lý của Hệ điều hành đối với các tiến trình và luồng Nhận biết lịch biểu CPU, các giải thuật điều phối và đánh giá Mô tả được một số giải thuật để đồng bộ hóa các tiến trình, xử lý Deadlock Giải thích được việc quản lý của Hệ điều hành đối với các tài nguyên máy tính như bộ nhớ ảo, các thiết bị nhập xuất, hệ thống tập tin và thư mục, ... Viết, phân tích và kiểm tra các chương trình chạy đồng bộ trên máy tính Kỹ năng giải quyết vấn đề Kỹ năng làm việc nhóm Kỹ năng khám phá Thái độ: Có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn. Có tinh thần ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp; khả năng làm việc khoa học và hợp tác nhóm. Có phương pháp suy nghĩ và làm việc khoa học, đầu tư và sáng tạo và ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ đời sống. Có ý thức học tập và học tập suốt đời.			

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Lên lớp đầy đủ và chuẩn bị theo yêu cầu của giáo viên.			
559.	Mạng máy tính	Kiến thức: Hiểu được các khái niệm liên quan đến mạng máy tính Hiểu được những vấn đề liên quan đến truyền dữ liệu trong mạng máy tính; Hiểu được nguyên tắc thiết kế phân tầng trong các hệ thống mạng máy tính; Hiểu được chức năng, nhiệm vụ của các thành phần trong một hệ thống mạng máy tính; Hiểu được các giao thức thường được sử dụng trong mạng máy tính. Kỹ năng: Trình bày được cấu trúc tổng quát của một mạng máy tính; Trình bày được lợi ích của mạng máy tính; Phân loại được các loại mạng khác nhau; Trình bày được các khái niệm liên quan đến các thành phần trong kiến trúc phần mềm của mạng máy tính như giao thức, dịch vụ và giao diện; Mô tả về mô hình OSI; chức năng nhiệm vụ của các tầng trong mô hình OSI; Trình bày được nguyên tắc hoạt động của các giao thức phổ biến tương ứng với từng tầng trong mô hình OSI. Cài đặt và quản trị được một hệ điều hành mạng phổ biến. Thái độ: Có ý thức khai thác các thế mạnh của hệ thống mạng máy tính vào các lĩnh vực khác nhau của đời sống kinh tế xã hội.	3	HK1	Tự luận+thực hành
560.	Nhập môn công nghệ phần mềm	Kiến thức: Nhớ được các thuật ngữ dùng trong công nghệ phần mềm. Hiểu (giải thích được) tầm quan trọng của công nghệ phần mềm. Nhớ các giai đoạn làm ra một sản phẩm phần mềm và các vai trò trong một dự án	2	HK1	Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		phát triển phần mềm. Hiểu (diễn giải được) các mô hình về tiến trình phần mềm. Hiểu (giải thích được) các hoạt động cần có trong quản lý một dự án phần mềm: quản lý nhân sự, quản lý chất lượng, quản lý cấu hình, quản lý rủi ro. Hiểu các bước trong quy trình xác định các yêu cầu. Hiểu các nội dung cần thiết kế. Nhớ những lưu ý để tạo ra một thiết kế tốt. Hiểu các nội dung liên quan đến giai đoạn lập trình như: chọn ngôn ngữ lập trình, nguyên tắc lập trình. Hiểu (mô tả được) các bước và các phương pháp kiểm thử phần mềm như: kiểm thử chương trình, kiểm thử hệ thống, kiểm thử hộp đen, kiểm thử hộp trắng. Hiểu được các hoạt động cần thực hiện khi triển khai hệ thống phần mềm. Hiểu được các hoạt động cần thực hiện khi bảo trì một hệ thống phần mềm. Hiểu các loại đánh giá phần mềm. Hiểu cách ước lượng chi phí phần mềm theo các mô hình thông số. Kỹ năng: Sinh viên có kỹ năng trong: Xây dựng được mô hình phát triển phần mềm phù hợp cho một dự án thực tế dựa trên sự so sánh, tranh luận về các mô hình phát triển phần mềm đã học. (Đánh giá) Vận dụng kiến thức trong quản lý phần mềm vào một dự án thực tế. (Ứng dụng) Phân tích các yêu cầu của một dự án phần mềm cụ thể. (Phân tích) Thiết kế kiến trúc, dữ liệu, giao diện và thuật toán cho một dự án phần mềm cụ thể. (Tổng hợp) Lập trình cho một dự án phần mềm cụ thể. (Tổng hợp) Xây dựng các trường hợp kiểm thử cho một dự án phần mềm cụ thể. (Tổng hợp)			

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Dự đoán chi phí phát triển phần mềm. (Ứng dụng) Lập kế hoạch và các tài liệu kỹ thuật cho dự án phát triển phần mềm. Làm việc nhóm. Thái độ: Có ý thức phát triển một sản phẩm phần mềm theo quy trình và có chất lượng.			
561.	Kỹ thuật đồ họa – Công nghệ thông tin	Kiến thức: Hiểu cơ bản về đồ họa máy tính Kỹ Năng: Vận dụng kiến thức tạo sản phẩm đồ họa hữu dụng Thái độ: Hợp tác yêu nghề, hòa nhập cộng đồng, đảm bảo thẳng tiến	2		TN
562.	Kế toán đại cương	Kiến thức: Hiểu cơ bản về kế toán Kỹ Năng: Vận dụng kiến thức áp dụng vào CNTT các loại kế toán: Hành chính, sản xuất, dịch vụ Thái độ: Hợp tác yêu nghề, hòa nhập cộng đồng, đảm bảo thẳng tiến	2	HK1	Tự luận
563.	Qui hoạch tuyến tính – Công nghệ thông tin	Kiến thức: Hiểu cơ bản về các dạng công việc qui hoạch công nghệ thông tin Kỹ Năng: Vận dụng kiến thức áp dụng vào CNTT Thái độ: Hợp tác yêu nghề, hòa nhập cộng đồng, đảm bảo thẳng tiến	2	HK2	Tự luận
564.	Lý thuyết thông tin	Kiến thức: Định nghĩa thông tin, entropy, entropy của một phân phối, entropy của nhiều phân phối, entropy có điều kiện và độ đo lượng tin. Vận dụng khối kiến thức trên để giải quyết các bài toán về xác định lượng tin. ... Trình bày các vấn đề về sinh mã tách được và sinh mã không tách được, khái niệm bảng mã	2	HK2	Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tối ưu tuyệt đối và tương đối, các định lý Kraft (1949), Shannon (1948), sinh mã Huffman và phương pháp sinh mã Huffman, nhận diện được bảng mã tối ưu và vận dụng để viết các chương trình sinh mã, giải mã (hay viết chương trình nén và giải nén). Có thể tự nghiên cứu các loại bảng mã khác giúp cải tiến hiệu quả việc mã hóa và bảo mật thông tin. Nêu khái niệm kênh truyền rời rạc không nhớ và liệt kê các loại kênh truyền rời rạc không nhớ. Trình bày cách xác định dung lượng của từng loại kênh truyền và phương pháp xây dựng lược đồ giải mã tối ưu cùng cách tính các loại xác suất truyền sai trên kênh truyền. Định nghĩa khoảng cách Hamming, nguyên lý khoảng cách Hamming, định lý cận Hamming. Vận dụng được các phương pháp sinh mã kiểm tra chẵn lẻ, mã Hamming, bảng mã xoay vòng và phương pháp xây dựng lược đồ sửa lỗi tối ưu để giải các bài tập. Kỹ năng: Kỹ năng vận dụng các kiến thức học được để thiết kế một hệ thống truyền nhận dữ liệu với quy trình cơ bản (mã hóa và giải mã) với yêu cầu đảm bảo tính an toàn và bảo mật thông tin. Kỹ năng phân tích và đánh giá một hệ thống truyền tin thông qua các tiêu chuẩn về độ tin cậy của thông tin và tốc độ truyền tin của kênh truyền. Kỹ năng tra cứu, tham khảo và liên kết các khối kiến thức cơ sở cần thiết để làm nền tảng cho việc nghiên cứu một học phần mới. Kỹ năng làm việc nhóm cũng như kỹ năng thuyết trình vấn đề và thảo luận giữa các thành viên trong nhóm thông qua các buổi làm bài tập trên lớp. Kỹ năng lập kế hoạch và sắp xếp công việc theo thời gian một cách hợp lý để có những buổi tự học đạt hiệu quả cao. Thái độ: Có thái độ tích cực trong việc học tập và nghiên cứu chuyên môn nhất là đối với các học phần mới đòi hỏi phải trang bị nhiều kiến thức			

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nền tảng. Có ý thức trách nhiệm đối với học phần đang theo học thông qua việc tự tìm hiểu thông tin (từ sách vở, thầy cô, bạn bè, cùng các nguồn trên internet) để bổ sung vào khối kiến thức cần thiết mà mình còn khiếm khuyết. Có tinh thần tập thể và ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong học tập qua những buổi làm việc nhóm trên lớp cũng như những buổi tự học.			
565.	Phương pháp tính - CNTT	Kiến thức: Hiểu cơ bản về các phương pháp tính công nghệ thông tin Kỹ Năng: Vận dụng kiến thức áp dụng vào CNTT Thái độ: Hợp tác yêu nghề, hòa nhập cộng đồng, đảm bảo thẳng tiến	2	HK2	Tự luận
566.	Mô phỏng	Kiến thức: Ý nghĩa của các luật phân phối ngẫu nhiên. Các phương pháp mô phỏng ngẫu nhiên cơ bản và các tình huống mô phỏng. Phương pháp thiết kế đa tác tử từ một hệ thống mô phỏng. Ứng dụng thiết kế đa tác tử và mô phỏng để xử lý một số tình huống cơ bản: Hệ thống Hàng chờ, Hệ thống Quản lý kho hàng và Hệ thống Quản trị thiết bị. Kỹ năng: Mô phỏng được các giá trị ngẫu nhiên phát sinh trong hầu hết các tình huống thực tế. Thiết kế mô phỏng các hệ thống cơ bản: Hệ thống có hàng chờ, Hệ thống Kho hàng, Hệ thống Sử dụng thiết bị. Thái độ: Nghiêm túc và nhận thức được giá trị của các hệ thống ảo trong nghiên cứu phân tích và ra quyết định đối với hệ thống thực.	2	HK1	Tự luận
567.	Lý thuyết xếp hàng	Kiến thức: Xích Markov và các phương pháp dự báo ngắn hạn. Trạng thái dừng của các quá trình ngẫu	2	HK1	Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nhiên, trong đó trường hợp đặc biệt đối với Xích Markov. Ký pháp Kendall như mô hình hóa một hệ thống hàng chờ tổng quát ở chế độ dừng và các hệ thống hàng chờ đã được nghiên cứu hoàn chỉnh, gồm: M/M/s, M/G/1 và M/G/1 có ưu tiên. Ứng dụng các mô hình M/M/s, M/G/1 và M/G/1 có ưu tiên như là các giải pháp nghiên cứu quy hoạch hệ thống có hàng chờ. Mạng các hàng chờ và mô hình hóa các hệ thống trực tuyến cùng các phép tính cơ bản để đánh giá hiệu năng. Kỹ năng: Mô hình hóa dịch vụ làm phát sinh hàng chờ dưới dạng hệ thống xếp hàng và tính toán các tham số đánh giá dịch vụ. Mô hình hóa mạng tin học trực tuyến với nhiều dịch vụ kết nối dưới dạng Mạng các hàng chờ và tính toán các tham số đánh giá hiệu năng của mạng. Thái độ: Nhìn nhận một cách khoa học các hiện tượng lộn xộn trong một hệ thống để có thể tìm giải pháp phân tích và đánh giá khách quan.			
568.	Hệ cơ sở dữ liệu	Khái niệm về hệ quản trị cơ sở dữ liệu Những đặc điểm của hệ quản trị cơ sở dữ liệu Oracle Quản trị dữ liệu trên Oracle Kết nối, quản lý cơ sở dữ liệu (tạo/xóa/khởi động/tắt CSDL) . Thực hiện các thao tác cơ bản trên CSDL (tạo bảng, cài đặt ràng buộc trên bảng, thêm, sửa, xóa dữ liệu) Quản lý và cấp quyền cho người dùng. Sao lưu và phục hồi CSDL. Thực hiện các truy vấn nâng cao. Lập trình tạo view, hàm, thủ tục, trigger với ngôn ngữ PL/SQL Cài đặt điều khiển cạnh tranh giữa các giao dịch	3	HK2	Tự luận+ thực hành

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Cài đặt các biện pháp bảo vệ hệ thống CSDL Nắm được tầm quan trọng của việc xây dựng và quản trị một hệ cơ sở dữ liệu để có thái độ nghiêm túc, cẩn trọng trong công việc, luôn trước những rủi ro cho dữ liệu mình quản lý để có giải pháp ngăn chặn hoặc phòng ngừa.			
569.	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	Kiến thức: Hiểu cơ bản về phân tích thiết kế hệ thống thông tin Kỹ Năng: Vận dụng kiến thức áp dụng vào CNTT Thái độ: Hợp tác yêu nghề, hòa nhập cộng đồng, đảm bảo thăng tiến	3	HK1	Lý thuyết + Thực hành
570.	Lập trình truyền thông	Kiến thức: Sau khi hoàn thành môn học, sinh viên phải nắm được các vấn đề sau: Khái niệm về truyền thông và lập trình truyền thông Làm quen ngôn ngữ Java Truyền thông: Ống dẫn (Pipe) Truyền thông: Socket Truyền thông: RPC Truyền thông: RMI Kỹ năng: Lập trình hướng đối tượng sử dụng Java Lập trình truyền thông Thái độ: Tự giác trong rèn kỹ năng lập trình truyền thông, lệnh giao tiếp trên mạng.	3	HK1	Tự luận + Thực hành
571.	Tiếng Anh chuyên ngành	Kiến thức: Củng cố từ vựng chuyên ngành CNTT. Tổng quát kiến thức liên quan CNTT qua bài đọc tiếng Anh Kỹ năng: Đọc hiểu tài liệu chuyên ngành CNTT. Thái độ: Nhìn nhận một cách khoa học về tầm quan trọng của kỹ năng đọc hiểu tài liệu bằng tiếng Anh giúp hòa nhập môi trường CNTT thế	3	HK1	Trắc nghiệm + Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		giới.			
572.	Trí tuệ nhân tạo	Kiến thức: Hiểu rõ mục tiêu của trí tuệ nhân tạo, các đặc điểm của chương trình trí tuệ nhân tạo Hiểu rõ các phương pháp mô hình hoá bài toán trong không gian trạng thái (đồ thị/đồ thị And-Or) Hiểu rõ các giải thuật tìm kiếm Hiểu rõ vai trò của tri thức trong giải quyết bài toán. Hiểu rõ các phương pháp biểu diễn tri thức, các ưu, nhược điểm của mỗi cách biểu diễn, các phương pháp suy luận dựa trên biểu diễn tri thức Kỹ năng: Phân tích, thiết kế cách giải quyết bài toán theo phương pháp trí tuệ nhân tạo Lập trình trí tuệ nhân tạo Vận dụng các giải thuật tìm kiếm lời giải Thu lượm tri thức lĩnh vực Vận dụng các phương pháp biểu diễn tri thức vào lĩnh vực cụ thể Viết báo cáo khoa học Thái độ: Nghiêm túc trong học tập Trách nhiệm: hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao đúng kỳ hạn Tự trọng, trung thực trong thi cử, đánh giá	3	HK2	Lý thuyết
573.	Thiết kế cài đặt mạng	Kiến thức: Củng cố hệ thống lý thuyết chuyên ngành CNTT. Tổng quát kiến thức liên quan CNTT cài đặt và thiết kế Kỹ năng: Cài đặt hệ thống các dạng mạng Thái độ: Nhìn nhận một cách khoa học về tầm quan trọng thiết kế và cài đặt mạng giúp hòa nhập môi trường CNTT thế giới.	2	HK2	Tự luận+ thực hành
574.	Phân tích hệ thống	Kiến thức:	3	HK1	Tự luận +

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	hướng đối tượng	Giải quyết được bài toán phân tích thiết kế hệ thống thông tin theo hướng đối tượng Kỹ năng: Sử dụng thành thạo công cụ UML. Phân tích giải quyết vấn đề quản lý thông tin theo hướng đối tượng Thái độ: Có ý thức tìm hiểu, nghiên cứu để xây dựng mô hình hệ thống thông tin theo hướng đối tượng			thực hành
575.	Xử lý ảnh	Kiến thức: Cấu trúc ảnh số và biểu diễn ảnh số Các phép xử lý xác định thông tin trên ảnh và làm rõ các đối tượng ảnh. Các phép xử lý phân đoạn tách các đối tượng quan trọng trong ảnh. Các độ đo đặc trưng của một đối tượng trên ảnh. Biểu diễn đường biên của đối tượng. Kỹ năng: Hiểu và sử dụng được các chức năng quan trọng trong tất cả các loại phần mềm về xử lý ảnh. Có khả năng phân tích ảnh thành các điểm ảnh màu đơn (Pixel) và ngược lại biểu diễn một ảnh từ các điểm ảnh màu đơn. Có khả năng thiết kế một hệ thống xử lý ảnh đặc thù ứng dụng trong các lĩnh vực sử dụng ảnh: Phân tích ảnh viễn thám, Phân tích ảnh trong sinh học /nông nghiệp, Dự báo thời tiết, Phân tích nghệ thuật nhiếp ảnh, ... Có khả năng hướng dẫn cho cộng đồng không chuyên sử dụng các hệ thống xử lý ảnh thông dụng. Thái độ: Có ý thức học tập và có phương pháp suy nghĩ, làm việc khoa học, sáng tạo trong lĩnh vực Công nghệ thông tin. Trung thực, chính xác, tinh thần trách nhiệm cao trong công tác, phối hợp làm việc, hợp tác tốt với đồng nghiệp và cộng đồng. Có trách nhiệm, đạo đức, tác phong nghề	3	HK1	Trắc nghiệm+ thực hành

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nghiệp đúng đắn, thể hiện ý thức và trách nhiệm công dân, thái độ làm việc hòa nhã, hợp tác và thân thiện với các thành viên trong nhóm.			
576.	Chương trình dịch	Kiến thức: Hiểu nguyên lý của một chương trình dịch, tổng quan về các loại chương trình dịch. Kỹ năng: Hiểu nguyên lý của một chương trình dịch, tổng quan về các loại chương trình dịch. Khả năng tự học, tự nghiên cứu Phân tích, thiết kế cách giải quyết bài toán Thái độ: Hiểu lý thuyết chung về chương trình dịch; các lý thuyết về cấu tạo, thuật toán, phương pháp xây dựng các thành phần trong cấu trúc một chương trình dịch: Phân tích từ vựng sử dụng biểu thức chính qui và otomat hữu hạn trạng thái, Phân tích cú pháp bằng các thuật toán LL, LR, dịch dựa trên văn phạm. Khả năng tự học, tự nghiên cứu Phân tích, thiết kế cách giải quyết bài toán	2	HK2	Tự luận
577.	Pháp luật chuyên ngành CNTT	Kiến thức: Hiểu về cơ bản pháp luật CNTT Tổng quát kiến thức liên quan CNTT Kỹ năng: Thực hành đúng theo hiến pháp và pháp luật Thái độ: Nhìn nhận một cách khoa học về tầm quan trọng pháp luật trong cuộc sống và làm việc, giúp hòa nhập môi trường CNTT thế giới.	2	HK2	Trắc nghiệm
578.	Quản lý dự án Tin học	Kiến thức: Nhớ được các thuật ngữ dùng trong quản lý dự án. Nhớ những lưu ý để có thể quản lý tốt dự án. Nhớ các giai đoạn quản lý một dự án và các cách thức tổ chức trong quản lý một dự	2	HK2	Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chi	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		án. Hiểu (giải thích được) tầm quan trọng của quản lý dự án. Hiểu (diễn giải được) sự cần thiết và lý giải của từng lĩnh vực tri thức trong quản lý dự án. Hiểu (giải thích được) các tiến trình/hoạt động quản lý cần có trong quản lý một dự án. Hiểu các dạng dự án phần mềm. Hiểu cách ước lượng chi phí phần mềm theo các mô hình thông số. Kỹ năng: Xây dựng/phát triển được mô hình quản lý dự án phần mềm phù hợp cho một dự án thực tế. (Tổng hợp) So sánh các mô hình quản lý dự án phần mềm và tranh luận để tìm ra mô hình phù hợp cho một dự án thực tế. (Đánh giá) Vận dụng kiến thức trong quản lý phần mềm vào một dự án thực tế. (Ứng dụng) Phân tích các yêu cầu của một dự án phần mềm cụ thể. (Phân tích) Sử dụng công cụ để quản lý cho một dự án phần mềm cụ thể. (Tổng hợp) Xây dựng các trường hợp kiểm soát cho một dự án phần mềm cụ thể. (Tổng hợp) Xác định chi phí quản lý dự án phần mềm. (Ứng dụng) Lập kế hoạch và các tài liệu kỹ thuật cho quản lý dự án phần mềm. Làm việc nhóm. Thái độ: Có ý thức quản lý một dự án phần mềm theo các lĩnh vực tri thức quản lý dự án, các giai đoạn phát triển của dự án và khung kế hoạch quản lý dự án phần mềm. Nghiêm túc trong học tập Trách nhiệm: hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao đúng kỳ hạn Tự trọng, trung thực trong thi cử, đánh giá			
579.	Phương pháp	Kiến thức:	2	HK1	Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	nguyên cứu và viết BCKH	Hiểu về cơ bản phương pháp nghiên cứu và viết BCKH thức liên quan CNTT Kỹ năng: Thực hành đúng phương pháp nghiên cứu và viết BCKH Thái độ: Nhìn nhận một cách khoa học về Phương pháp nghiên cứu và viết BCKH			
580.	Chuyên đề về một hệ quản trị CSDL 1	Kiến thức: Khái niệm về hệ quản trị cơ sở dữ liệu Những đặc điểm của hệ quản trị cơ sở dữ liệu Oracle Quản trị dữ liệu trên Oracle Tạo cơ sở dữ liệu Phân quyền người dùng Lập trình PL/SQL Kỹ năng: Kết nối, quản lý cơ sở dữ liệu (tạo/xóa/khởi động/tắt CSDL) . Thực hiện các thao tác cơ bản trên CSDL (tạo bảng, cài đặt ràng buộc trên bảng, thêm, sửa, xóa dữ liệu) Quản lý và cấp quyền cho người dùng. Sao lưu và phục hồi CSDL. Thực hiện các truy vấn nâng cao. Lập trình tạo view, hàm, thủ tục, trigger với ngôn ngữ PL/SQL Cài đặt điều khiển cạnh tranh giữa các giao dịch Cài đặt các biện pháp bảo vệ hệ thống CSDL Thái độ: Nắm được tầm quan trọng của việc xây dựng và quản trị một hệ cơ sở dữ liệu để có thái độ nghiêm túc, cẩn trọng trong công việc, lường trước những rủi ro cho dữ liệu mình quản lý để có giải pháp ngăn chặn hoặc phòng ngừa.	2	HK1	Thực hành + trắc nghiệm
581.	Chuyên đề về một hệ quản trị CSDL 2	Kiến thức: Khái niệm về hệ quản trị cơ sở dữ liệu Những đặc điểm của hệ quản trị cơ sở dữ liệu Microsoft SQL Server Quản trị dữ liệu trên Microsoft SQL Server Tạo cơ sở dữ liệu Phân quyền người dùng	2	HK1	Trắc nghiệm+ thực hành

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Lập trình PL/SQL Kỹ năng: Kết nối, quản lý cơ sở dữ liệu (tạo/xóa/khởi động/tắt CSDL) . Thực hiện các thao tác cơ bản trên CSDL (tạo bảng, cài đặt ràng buộc trên bảng, thêm, sửa, xóa dữ liệu) Quản lý và cấp quyền cho người dùng. Sao lưu và phục hồi CSDL. Thực hiện các truy vấn nâng cao. Lập trình tạo view, hàm, thủ tục, trigger với ngôn ngữ PL/SQL Cài đặt điều khiển cạnh tranh giữa các giao dịch Cài đặt các biện pháp bảo vệ hệ thống CSDL Thái độ: Nắm được tầm quan trọng của việc xây dựng và quản trị một hệ cơ sở dữ liệu để có thái độ nghiêm túc, cẩn trọng trong công việc, lường trước những rủi ro cho dữ liệu mình quản lý để có giải pháp ngăn chặn hoặc phòng ngừa.			
582.	Chuyên đề ngôn ngữ lập trình	Kiến thức: Hiểu về các dạng ngôn ngữ lập trình Kỹ năng: Đôi sánh có chọn lọc khi dùng ngôn ngữ lập trình Thái độ: Tự giác trong rèn kỹ năng nghiên cứu về ngôn ngữ lập trình	2	HK1	Tự luận + thực hành
583.	Chuyên đề ngôn ngữ lập trình web	Kiến thức: Framework. Lập trình web bằng Zend Frameworks Kỹ năng: Khả năng dùng các framework có sẵn để xây dựng website Thái độ: Tự giác trong rèn kỹ năng nghiên cứu lập trình với Framework.	2	HK1	Tự luận + thực hành
584.	Lập trình thiết bị di động	Biết được lịch sử phát triển và hiện trạng. Biết được khái niệm, giải pháp, kỹ thuật và công nghệ. Biết SDE/IDE/FrameWork/platform và có khả năng vận dụng.	2	HK2	Trắc nghiệm+ thực hành

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Hiểu vấn đề, cách giải quyết vấn đề, có khả năng thực hiện. Biết các API (Application Programming Interface), hiểu các thuật toán, và có khả năng lập trình. Vận dụng được kiến thức trong việc phát triển phần mềm. Phân tích chọn lựa thuật toán, chương trình. Xây dựng thuật toán và có khả năng phát triển ứng dụng. Đánh giá được phương pháp, thuật toán. Tự học và nghiên cứu. Tích cực tìm hiểu, học hỏi, nghiên cứu, cố gắng tự giải quyết vấn đề. Tiếp tục tự học để nắm bắt công nghệ mới.			
585.	Thương mại điện tử - CNTT	Kiến thức: Hiểu được khái niệm thương mại điện tử. So sánh các mô hình khác nhau của thương mại điện tử. Phân tích, đánh giá được ưu nhược điểm của thương mại điện tử so với kinh doanh truyền thống. Phân tích được mức độ phát triển TMĐT của một tổ chức, một quốc gia. Tổng hợp, đánh giá các yếu tố liên quan đến vấn đề triển khai, vận hành một hệ thống thương mại điện tử. Phân tích tổng hợp được các tiêu chí đánh giá một hệ thống TMĐT tốt. Đánh giá sự ảnh hưởng của hạ tầng kỹ thuật đến chiến lược phát triển một hệ thống TMĐT. Kỹ năng: Khả năng phát triển một hệ thống TMĐT trên nền CMS mã nguồn mở Kỹ năng phân tích, xác định chức năng của hệ thống TMĐT phù hợp với nhu cầu doanh nghiệp. Kỹ năng lựa chọn, ứng dụng các thành phần mở rộng phù hợp yêu cầu hệ thống. Thái độ: Thái độ đúng đắn về sự cần thiết của hình thức kinh doanh điện tử	2	HK1	Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Xây dựng đạo đức nghề nghiệp khi tham gia lĩnh vực kinh doanh điện tử. Xây dựng ý thức học tập suốt đời.			
586.	Phát triển phần mềm mã nguồn mở	Kiến thức: Hiểu khái niệm Giấy phép phần mềm, các loại giấy phép phần mềm phổ biến Hiểu khái niệm phần mềm tự do, phần mềm mã nguồn mở Biết được lịch sử phát triển của hệ điều hành Linux Hiểu về kiến trúc của Hạt nhân Linux, Hệ điều hành Linux, Bản phân phối Linux, Nhà phân phối Linux Hiểu vai trò của Trình thông dịch lệnh và cơ chế lập trình kịch bản trên Linux Hiểu về mô hình phát triển phần mềm mã nguồn mở Hiểu về vai trò và cơ chế hoạt động của các hệ thống quản lý phiên bản Kỹ năng: Trình bày được bốn yếu tố của phần mềm tự do Trình bày được 10 tiêu chí của giấy phép phần mềm mã nguồn mở Liệt kê được một số giấy phép thuộc loại Phần mềm tự do và Phần mềm mã nguồn mở Phân biệt được sự khác nhau giữa Hạt nhân Linux và hệ điều hành Linux Trình bày được các chức năng cơ bản của các thành phần trong Hạt nhân Linux Trình bày được kiến trúc cơ bản của một hệ điều hành Linux Cài đặt và sử dụng được một hệ điều hành Linux Desktop Có khả năng áp dụng ngôn ngữ lập trình kịch bản để tự động hóa các thao tác quản trị máy tính Linux Có thể phát triển và quản lý các dự án phần mềm phát triển bằng ngôn ngữ C trên Linux với tiện ích make Trình bày được sự khác biệt giữa mô hình phát triển phần mềm truyền thống với mô hình phát triển phần mềm mã nguồn mở	2	HK1	Thực hành + trắc nghiệm

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Sử dụng được một hệ thống quản lý phiên bản mã nguồn mở để quản lý mã nguồn cho một dự án phát triển phần mềm mã nguồn mở. Thái độ: Có ý thức không vi phạm bản quyền phần mềm khi cài đặt phần mềm lên máy tính. Có ý thức sử dụng và quảng bá việc sử dụng phần mềm mã nguồn mở thay cho các phần mềm thương mại không mua giấy phép sử dụng.			
587.	Giao diện người - máy	Kiến thức: Các kiến thức về AI, neural network Kỹ năng: Khả năng dùng các gói Opencv để mô phỏng và hiểu nguyên lý hoạt động của nó Thái độ: Tự giác trong rèn kỹ năng nghiên cứu lập trình với AI, neural network, Machine Learning	2	HK1	Tự luận
	Khai khoáng dữ liệu	Kiến thức: Hiểu rõ ý nghĩa của khai khoáng dữ liệu và các lĩnh vực ứng dụng Nắm được các kỹ thuật tiền xử lý dữ liệu trước khi thực hiện khai khoáng Hiểu biết một số kỹ thuật cơ bản sử dụng trong khai phá dữ liệu, xây dựng và huấn luyện các mô hình để giải quyết vấn đề thực tế. Phân loại các tình huống để áp dụng các kỹ thuật khai phá dữ liệu khác nhau: giải thuật cây quyết định, K láng giềng, gom cụm, luật kết hợp... Kỹ năng: Phân tích, thiết kế và xây dựng các hệ thống khai khoáng dữ liệu Sử dụng ngôn ngữ R trong khai khoáng dữ liệu Vận dụng được các giải thuật cơ bản và từ đó đề xuất các giải pháp khai phá dữ liệu cho các ứng dụng khác nhau Đánh giá hiệu quả của các thuật toán khai phá dữ liệu khác nhau	3	HK1	Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Thái độ: Nghiêm túc trong học tập Trách nhiệm: hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao đúng kỳ hạn Tự trọng, trung thực trong thi cử, đánh giá			
589.	Nguyên lý máy học	Kiến thức: Phát biểu định nghĩa về máy học, các thành phần của một hệ thống máy học. Phân biệt các phương pháp học: giám sát, không giám sát, bán giám sát Trình bày ý tưởng và giải thuật cây quyết định Trình bày mô hình mạng nơ-ron, perceptron, mạng nơ-ron đa tầng Áp dụng giải thuật huấn luyện mạng nơ-ron để huấn luyện một mạng nơron với tập dữ liệu cho trước Áp dụng luật Bayes để tính các xác suất có điều kiện Áp dụng giải thuật Bayes ngây thơ để huấn luyện và dự báo trên một tập dữ liệu nhỏ Áp dụng giải thuật k láng giềng để dự báo trên một tập dữ liệu nhỏ Trình bày phương pháp giải thuật di truyền Kỹ năng: Vận dụng kiến thức để giải các bài toán thực tế Viết báo cáo và trình bày các nội dung đã thực hành Cài đặt giải thuật cây quyết định ID3 Cài đặt giải thuật huấn luyện Perceptron Cài đặt giải thuật bayes ngây thơ Cài đặt giải thuật k láng giềng Thái độ: Nghiêm túc trong học tập Có thái độ tích cực và chủ động trong việc tìm kiếm tài liệu, cập nhật thông tin chuyên ngành. Trách nhiệm: hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao đúng kỳ hạn Tự trọng, trung thực trong thi cử, đánh giá	2	HK1	Tự luận
590.	Quản trị mạng Microsoft	Kiến thức: Hiểu về lịch sử hệ điều hành Microsoft	2	HK2	Trắc nghiệm + Thực hành

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	Window	Windows. Hiểu các mô hình mạng trong hệ thống Microsoft Windows: mô hình workgroup – peer – to – peer, mô hình domain – client/server. Hiểu các khái niệm trong mô hình mạng domain Active Directory. Hiểu và quản trị tài khoản người dùng, nhóm người dùng, chính sách nhóm, dịch vụ cài đặt từ xa, triển khai phần mềm. Hiểu và quản trị các kiến trúc mạng Active Directory: domain – site - forest. Cấu hình IP trong Microsoft Windows, nối kết đến các mạng. Cấu hình và quản trị các dịch vụ: DNS, DHCP. Cấu hình và quản trị IP Routing, Public Key Infrastructure – PKI. Bảo mật giao thông mạng với IP Security. Cấu hình và quản trị Microsoft Windows Firewall và Network Access Protection. Cấu hình, quản trị, bảo mật Web, FTP server. Quản trị cập nhật – Giám sát máy tính – Quản trị tập tin. Cấu hình, quản trị dịch vụ cơ sở hạ tầng Terminal service. Kỹ năng: Nắm vững lịch sử hệ điều hành Microsoft Windows. Phân tích, thiết kế và cài đặt được các mô hình mạng Microsoft Windows. Nắm vững kiến trúc hệ điều hành Microsoft Windows Server, Workstation các phiên bản phổ biến. Cài đặt, cấu hình, xây dựng kiến trúc mạng domain Active Directory. Tạo ra các tài khoản người dùng, nhóm người dùng. Lập kế hoạch, tạo ra và quản trị các đối tượng chính sách nhóm. Quản trị IP Routing. Xây dựng và quản trị các dịch vụ: DNS,			

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		DHCP, WWW, FTP, Firewall, Terminal Service, bảo mật mạng với IP Security. Quản trị cập nhật – Giám sát máy tính – Quản trị tập tin. Xây dựng một hệ thống mạng, liên mạng Microsoft Windows hoàn chỉnh. Thái độ: Khi gặp các tình huống khác nhau: Thiết kế và cài đặt một hệ thống mạng, liên mạng với hệ điều hành Microsoft Windows hoàn toàn mới hoặc nâng cấp, mở rộng và tối ưu một hệ thống mạng, liên mạng Microsoft Windows, người thực hiện (nhà thiết kế, cài đặt và quản trị) có đủ kiến thức, kỹ năng để thực hiện. Có ý thức tự cập nhật kiến thức về kiến trúc, chức năng, dịch vụ các hệ điều hành Microsoft Windows đang tồn tại trong thực tế.			
591.	Niên luận 1 Tin học	Kiến thức: Sinh viên tự tổng hợp các kiến thức đã học về lập trình để tạo sản phẩm hoàn chỉnh theo hướng dẫn của giáo viên Kỹ năng: Lập trình tạo sản phẩm phần mềm đơn giản Kỹ năng làm việc nhóm Thái độ: Có trách nhiệm, chia sẻ trong làm việc nhóm. Chủ động nghiên cứu nâng cao để giải quyết vấn đề	1	HK2	Thực hành
592.	Niên luận 2 Tin học	Kiến thức: Sinh viên tự tổng hợp các kiến thức đã học về lập trình để tạo phần mềm quản lý thông tin hoàn chỉnh theo hướng dẫn của giáo viên Kỹ năng: Lập trình tạo sản phẩm phần mềm quản lý Kỹ năng làm việc nhóm Thái độ: Có trách nhiệm, chia sẻ trong làm việc nhóm. Chủ động nghiên cứu nâng cao để giải quyết vấn đề	1	HK1	Thực hành
593.	Niên luận 3 Tin	Kiến thức:	1	HK1	Thực hành

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	học	Sinh viên tự tổng hợp các kiến thức đã học về lập trình để tạo sản phẩm hoàn chỉnh cho thiết bị di động theo hướng dẫn của giáo viên Kỹ năng: Lập trình tạo sản phẩm phần mềm quản lý Kỹ năng làm việc nhóm Thái độ: Có trách nhiệm, chia sẻ trong làm việc nhóm. Chủ động nghiên cứu nâng cao để giải quyết vấn đề			
594.	Lập trình nhúng IoT	Kiến thức: Hiểu được các thuật ngữ cơ bản về IoT Hiểu kiến trúc một số ứng dụng IoT trong thực tế Biết đến các loại cảm biến và cơ cấu chấp hành phổ biến Hiểu và phân biệt được các loại mạng truyền thông dùng trong hệ thống IoT Biết đến các dịch vụ tính toán đám mây như AWS IoT và ThinkSpeak Hiểu nguyên tắc của kiến trúc kiểu REST, CoAP, MQTT trong việc trao đổi dữ liệu Kỹ Năng Lập trình với ngôn ngữ Python Sử dụng các loại cảm biến và cơ cấu chấp hành Thiết kế ứng dụng theo kiểu REST, CoAP, hoặc MQTT Sử dụng các dịch vụ tính toán đám mây cho IoT Xây dựng và đánh giá mô hình theo hệ thống IoT cho ứng dụng cụ thể nào đó Kỹ năng tự học và làm việc nhóm Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trung thực và trách nhiệm về công việc, có khả năng làm việc độc lập Làm việc nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm Tự học tập nâng cao trình độ và học tập suốt đời			

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chi	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
595.	Thực tập thực tế	Kiến thức: Nhận biết được cơ cấu tổ chức và vận hành của một số loại hình hoạt động của công ty nơi làm việc. Nêu được một số ứng dụng của các kiến thức đã được trang bị trong giải quyết các vấn đề thực tế. Nêu được một số giải pháp, công nghệ được vận dụng tại cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, nơi sinh viên thực tập. Kỹ năng: Kỹ năng thực hành, kỹ năng lập trình, kỹ năng giải quyết vấn đề thực tiễn tại đơn vị thực tập, kỹ năng làm việc nhóm Kỹ năng vận dụng các giải pháp CNTT và lựa chọn giải pháp phù hợp để giải quyết các vấn đề thực tế. Rèn luyện kỹ năng trình bày, giao tiếp và ứng xử tốt trong môi trường công việc. Kỹ năng sáng tạo, nghiên cứu và tự học để nâng cao trình độ. Thái độ: Có ý thức và trách nhiệm trong công việc. Rèn luyện tác phong nghề nghiệp, ý thức chấp hành kỷ luật trong lao động, thái độ giao tiếp với mọi người, phát huy tinh thần học hỏi, chủ động sáng tạo trong việc giải quyết các vấn đề của thực tiễn sản xuất, lao động và cuộc sống. Có ý thức học tập suốt đời.	2	HK2	Thực tập
596.	Tiểu luận tốt nghiệp Tin học	Kiến thức: Nhận biết được cơ cấu tổ chức và vận hành các hệ thống CNTT Nêu được một số ứng dụng của các kiến thức đã được trang bị trong giải quyết các vấn đề thực tế. Nêu được một số giải pháp, công nghệ được vận dụng trong các bài tập này Kỹ năng: Kỹ năng thực hành, kỹ năng lập trình, kỹ năng giải quyết vấn đề thực tiễn tại đơn vị thực	6	HK2	Thực hành

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tập, kỹ năng làm việc nhóm Kỹ năng vận dụng các giải pháp CNTT và lựa chọn giải pháp phù hợp để giải quyết các vấn đề thực tế. Rèn luyện kỹ năng trình bày, giao tiếp và ứng xử tốt trong môi trường công việc. Kỹ năng sáng tạo, nghiên cứu và tự học để nâng cao trình độ. Thái độ: Có ý thức và trách nhiệm trong công việc. Rèn luyện tác phong nghề nghiệp, ý thức chấp hành kỷ luật trong lao động, thái độ giao tiếp với mọi người, phát huy tinh thần học hỏi, chủ động sáng tạo trong việc giải quyết các vấn đề của thực tiễn sản xuất, lao động và cuộc sống. Có ý thức học tập suốt đời.			
597.	Cơ lý thuyết	Cơ học lý thuyết là môn học cơ sở ngành cung cấp kiến thức cơ sở cho các học phần Sức bền vật liệu, Cơ kết cấu cũng như các học phần chuyên ngành khác. Nội dung của học phần này bao gồm 02 phần chính là tĩnh học và động lực học. Phần tĩnh học nghiên cứu các trạng thái cân bằng của vật rắn tuyệt đối dưới tác dụng của hệ lực. Ngoài ra, phần tĩnh học còn cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nội lực trong vật rắn biến dạng. Phần động lực học nghiên cứu chuyển động của vật rắn tuyệt đối dưới tác dụng của hệ lực.	2	HK2	Tự luận
598.	Hình họa vẽ kỹ thuật xây dựng	Môn học này trang bị cho người kỹ sư khả năng tư duy không gian, kỹ năng sử dụng các công cụ vẽ thông thường cũng như các phần mềm và thiết bị vẽ tự động nhằm biểu diễn và đọc được các ý tưởng kỹ thuật trên bản vẽ theo đúng các tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN) và quốc tế (ISO).	3	HK1	Tự luận
599.	Sức bền vật liệu	Nắm vững các kiến thức, phân tích được nội lực, ngoại lực tác dụng lên vật thể từ đó giải quyết được các bài toán kết cấu trong chuyên ngành xây dựng tính đúng, đủ, chính xác.	4	HK1	Tự luận
600.	Thủy lực cơ sở	Thủy lực cơ sở hay thủy lực nói chung là môn khoa học ứng dụng nghiên cứu các đặc trưng cơ bản, quy luật cân bằng và chuyển động của	3	HK1	Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		chất lỏng, đặc biệt là nước để giải quyết các vấn đề thực tế trong kỹ thuật, phương pháp chủ yếu của việc nghiên cứu trong học phần Thủy lực cơ sở là sử dụng các công cụ toán học phức tạp. Kiến thức về khoa học thủy lực rất cần cho người cán bộ kỹ thuật ở nhiều ngành, lĩnh vực như thủy lợi, giao thông, cấp thoát nước.			
601.	Trắc địa đại cương	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về phương pháp chiếu hình, biểu diễn bề mặt trái đất lên mặt phẳng bản đồ giấy; các sai số trong đo đạc; các hệ tọa độ dùng trong trắc địa; các nguyên lý, phương pháp đo góc, đo độ dài, đo độ cao. định hướng đường thẳng; lưới khống chế trắc địa; đo vẽ thành lập bản đồ; sử dụng bản đồ địa hình.	2	HK2	Tự luận
602.	Thực tập Trắc địa đại cương	Sử dụng thành thạo các loại máy trắc đạc như: máy thủy bình, máy kinh vĩ, máy toàn đạc, hiểu và vận dụng kỹ năng khảo sát, đo đạc thành lập bản đồ tỉ lệ lớn; Có khả năng phân tích và đánh giá để đưa ra các phương án kỹ thuật đo đạc để thành lập bản đồ một cách hiệu quả; Có kỹ năng tính toán xử lý các kết quả đo đạc.	1	HK2	Thi hành thực
603.	Vật liệu xây dựng	Giới thiệu các loại vật liệu xây dựng thông dụng. Cung cấp những kiến thức về cách xác định những tính chất chủ yếu, cách tính toán, lựa chọn và sử dụng các loại vật liệu xây dựng nhằm đảm bảo các yêu cầu kinh tế-kỹ thuật	2	HK2	Tự luận
604.	Thực tập Vật liệu xây dựng	Cung cấp cho sinh viên biết cách thực hành xác định các tính chất chủ yếu, biết tính toán, biết lựa chọn và sử dụng vật liệu vật liệu vào cho từng công trình, và tổ chức thực hiện thi công công trình cho từng công trường cụ thể, nhằm đảm bảo tuổi thọ và các yêu cầu khác của công trình. để vừa đạt hiệu quả về kinh tế và đạt các yêu cầu về kỹ thuật	1	HK2	Thi hành thực
605.	Cơ học kết cấu	Giả thuyết sơ đồ tính kết cấu. Phân tích cấu tạo hình học của kết cấu phẳng. Xác định các phản lực. Xác định nội lực tại một tiết diện bất kỳ trong kết cấu. Vẽ biểu đồ nội lực. Tính chuyên vị tại một tiết diện. Xác định vị trí bất lợi của tải trọng và cách đặt tải trọng để gây ra nội lực bất lợi nhất.	4	HK2	Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
606.	Thủy văn công trình	Môn học Thủy văn công trình cung cấp cho người học phương pháp cơ bản về thu thập, đo đạc và phân tích tính toán các yếu tố lượng mưa, khí tượng thủy văn, lưu lượng và mực nước tính toán để thiết kế khẩu độ thoát nước công trình cầu, cống, cao độ nền đường và các công trình giao thông khác.	2	HK2	Tự luận
607.	Phương pháp nghiên cứu và viết BCKH	Trong quá trình đào tạo ở trường Đại học, sinh viên không chỉ lĩnh hội tri thức từ phía giáo viên, mà học còn phải tự học và tự nghiên cứu. Học phần này chứa đựng những nội dung về các khái niệm, qui trình và cấu trúc của phương pháp nghiên cứu khoa học. Để từ đó sinh viên định hướng được việc lựa chọn đề tài nghiên cứu, soạn được đề cương và áp dụng được các phương pháp nghiên cứu trong khi thu thập và xử lý thông tin hợp lý trong khi tiến hành công trình nghiên cứu khoa học. Sinh viên sẽ chủ động trong việc đăng ký thực hiện đề tài nghiên cứu cấp trường cũng như tiến hành luận văn tốt nghiệp hay đồ án tốt nghiệp một cách khoa học và thành công.	2	HK2	Tự luận
608.	Kỹ thuật điện xây dựng	Học phần Kỹ Thuật Điện - XD được thiết riêng cho sinh viên không chuyên ngành Kỹ Thuật Điện, Nội dung chính cấp cho sinh viên chuyên ngành kỹ thuật xây dựng những kiến thức cơ bản về mạch điện một chiều, mạch điện xoay chiều một pha, mạch điện xoay chiều ba pha và các phương pháp sử dụng Điện an toàn. Hơn nữa còn cung cấp cho sinh viên chuyên ngành kỹ thuật xây dựng những kiến thức cơ bản về kỹ thuật chiếu sáng trong nhà (Indoor) và Kỹ Thuật chiếu sáng ngoài trời (Outdoor). Thêm vào đó môn học còn cung cấp các kiến thức cơ bản và các bước Thiết kế cung cấp điện cho một công trình xây dựng quy mô vừa và nhỏ như là: Nhà ở dân dụng, Khu nhà chung cư, trường học, phân xưởng sản xuất, công trình chiếu sáng đường giao thông...	2	HK2	Tự luận
609.	Nguyên lý qui hoạch	Cung cấp cho sinh viên kiến thức về các nguyên tắc và công cụ cơ bản được sử dụng trong công tác lập quy hoạch hiện nay, là kiến thức nền cho các học phần quy hoạch chuyên	2	HK2	Trắc nghiệm + Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		môn tiếp theo.			
610.	Cơ học đất	Cơ học đất là học phần cơ sở ngành, cung cấp kiến thức cơ sở cho các học phần Nền móng công trình, công trình trên đất yếu. Nội dung chính của học phần Cơ học đất gồm có: Tính chất vật lý của đất, phân bố ứng suất trong đất, biến dạng của đất nền, sức chịu tải của đất nền và áp lực ngang của đất và tường chắn.	3	HK1	Tự luận
611.	Thực tập Cơ học đất	Cung cấp cho sinh viên biết cách thực hành xác định các tính chất chủ yếu, biết tính toán, biết lựa chọn và sử dụng vật liệu vật liệu vào cho từng công trình, và tổ chức thực hiện thi công công trình cho từng công trường cụ thể, nhằm đảm bảo tuổi thọ và các yêu cầu khác của công trình. để vừa đạt hiệu quả về kinh tế và đạt các yêu cầu về kỹ thuật	1	HK1	Thi hành thực
612.	Địa chất công trình	Là cơ sở cho các môn học cơ học đất, nền móng, nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản khi sử dụng các tài liệu địa chất để thiết kế và xây dựng công trình. Đồng thời, giúp sinh viên nhận biết được các khoáng vật và các mẫu đất đá trong tự nhiên. Thực hiện các quy trình thí nghiệm ngoài trời cũng như trong phòng, giúp sinh viên hệ thống lại những kiến thức đã được học trên lớp, biết được quy trình thí nghiệm các thông số cơ bản của đất, đá trong phòng thí nghiệm, biết được quy trình và lập được báo cáo địa chất.	3	HK1	Tự luận
613.	Thực tập Địa chất công trình	Nhận biết được các khoáng vật và các mẫu đất đá trong tự nhiên; Có kiến thức về việc thu thập thông tin địa chất phục vụ cho công tác nền móng công trình. Xây dựng, phân tích và đánh giá các phương án liên quan đến vấn đề về thu thập thông tin địa chất công trình cũng như các kết quả khảo sát địa chất thu được một cách khách quan, trung thực, phục vụ công tác thiết kế nền móng theo các tiêu chuẩn hiện hành. - Thực hiện các quy trình thí nghiệm ngoài trời cũng như trong phòng, giúp sinh viên hệ thống lại những kiến thức đã được học trên lớp, đồng thời biết được quy trình thí nghiệm các thông	1	HK1	Thi hành thực

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		số cơ bản của đất, đá trong phòng thí nghiệm; Biết được quy trình và lập được báo cáo địa chất;			
614.	Kiến trúc công trình	Môn học Kiến trúc công trình giúp Sinh viên Ngành Xây dựng nắm bắt được hai vấn đề lớn: Cấu tạo Kiến trúc và Nguyên lý thiết kế Kiến trúc. Giới thiệu các yêu cầu của từng thể loại kiến trúc trong bối cảnh chung và ngành kiến trúc. Nắm được cấu tạo của các bộ phận cơ bản của một công trình kiến trúc, những nguyên tắc cơ bản để làm cơ sở đề xuất cho các giải pháp về cấu tạo cho công trình phù hợp với từng điều kiện cụ thể. Giới thiệu các đặc điểm của thể loại công trình như nhà ở, nhà công cộng. Trình tự thiết kế các công trình kiến trúc, phương pháp đánh giá về hiệu quả kinh tế trong thiết kế của một công trình.	2	HK1	Tự luận
615.	Đồ án kiến trúc	Giảng viên cho đầu đề theo 2 cách: - Cho trước khu đất, các yêu cầu sử dụng, người học có nhiệm vụ phân tích nhu cầu, các giải pháp để thiết kế một công trình hoàn chỉnh, gồm: mặt đứng, mặt bằng, mặt cắt, vài chi tiết, có thể thêm phân phối cảnh hình khối. Đầu đề này chỉ áp dụng cho dạng nhà ở. - Dạng công trình công cộng khác, cho trước nhu cầu sử dụng, người học tìm hiểu một công trình có sẵn, phân tích, thiết kế hoàn chỉnh công trình theo yêu cầu.	1	HK1	Viết báo cáo + bảo vệ đồ án
616.	Kết cấu thép - Gỗ	Kết cấu thép là học phần chuyên ngành cung cấp cho sinh viên kiến thức để tính toán thiết kế các loại liên kết, cấu kiện dầm, cột dầm của các công trình xây dựng làm hoàn toàn bằng thép và gỗ dân dụng và công nghiệp.	2	HK1	Tự luận
617.	Tin học ứng dụng - Kỹ thuật	Tin học ứng dụng – xây dựng gồm 02 phần là AutoCAD và SAP2000. Trong đó AutoCAD là một phần mềm quan trọng trong lĩnh vực cơ khí, xây dựng và một số lĩnh vực khác. Autocad được dùng để thực hiện các bản vẽ kỹ thuật trong các ngành: Xây dựng, Cơ khí, Kiến trúc, Điện, Bản đồ. Sử dụng AutoCAD có thể	2	HK1	Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		vẽ thiết kế các bản vẽ hai chiều (2D: two dimension), mô hình hóa hình học (thiết kế ba chiều – 3D: three dimension) và tạo hình ảnh thực vật thể (tô bóng – Render). Đặc biệt, khi sử dụng phần mềm này người thiết kế có thể in được bản vẽ chính xác theo đúng tỉ lệ. Phần mềm SAP2000 (Structural Analysis Program) là một bước đột phá của họ phần mềm SAP, mà theo CSI tuyên bố SAP2000 là công nghệ ngày nay cho tương lai. SAP2000 đã tích hợp các chức năng phân tích kết cấu bằng phương pháp phần tử hữu hạn và chức năng thiết kế kết cấu thành một. Ngoài khả năng phân tích các bài toán thường gặp của kết cấu công trình, SAP 2000 đã bổ sung thêm các loại phần tử mẫu và tính năng phân tích kết cấu phi tuyến.			
618.	Quy hoạch đô thị	Quy hoạch đô thị là học phần chuyên ngành cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quy hoạch đô thị cho sinh viên các ngành có liên quan nhằm vận dụng trong công tác thiết kế quy hoạch, giao thông và quản lý xây dựng đô thị.	2	HK1	Tự luận
619.	Kết cấu bê tông 1	Giúp người học hiểu biết và vận dụng được những nguyên tắc tính toán kết cấu bê-tông cốt thép của các dạng cấu kiện chịu lực uốn, nén, kéo, xoắn; tính toán biến dạng (võng, nứt) theo tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành, để vận dụng vào tính toán hệ kết cấu công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp (môn kết cấu bê-tông – CTDD).	3	HK1	Tự luận
620.	Cấp thoát nước	Đây là học phần cơ bản của lĩnh vực cấp thoát nước, nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hệ thống cấp thoát nước trong nhà và đô thị. Từ đó hướng dẫn sinh viên cách thiết kế hệ thống cấp thoát nước trong nhà đồng thời đánh giá hiện trạng và đề ra các giải pháp thiết kế hệ thống cấp nước và thoát nước thải cho đô thị.	2	HK2	Tự luận
621.	Máy xây dựng	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức về máy thiết bị xây dựng, giúp sinh viên nắm được các tính năng và nguyên lý làm việc, cách chọn thiết bị xây dựng phù hợp với yêu	2	HK2	Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		cầu công việc. an toàn lao động giúp sinh viên nắm vững quy định pháp lý hiện hành của nhà nước về quản lý an toàn lao động, công tác an toàn lao động, vệ sinh môi trường và phòng cháy chữa cháy trong công tác quản lý và thi công xây dựng công trình.			
622.	Kết cấu bê tông 2	Hệ chịu lực của công trình xây dựng dân dụng bằng bê tông cốt thép bao gồm: sàn, dầm, cột, móng và các chi tiết phụ khác (bể nước, cầu thang,...) được phân tích, tính toán trong môn học này, giúp người học giải quyết được bài toán tính toán nội lực các kết cấu trên, kết hợp với học phần <i>Kết cấu bê tông cơ sở</i> để tính toán cốt thép, bố trí thép, thể hiện qua bản vẽ kỹ thuật hoàn thiện một công trình xây dựng bằng bê tông cốt thép.	3	HK2	Tự luận
623.	Đồ án kết cấu bê tông	Mô hình hóa, phân tích tải và nội lực, tính toán cốt thép cho kết cấu sàn, dầm, khung công trình xây dựng dân dụng bằng bê tông cốt thép.	1	HK2	Viết báo cáo + bảo vệ đồ án
624.	Nền móng công trình	Nền móng công trình là học phần chuyên ngành cung cấp cho sinh viên kiến thức để tính toán thiết kế các loại móng cho công trình xây dựng như: móng đơn, móng băng, móng bè, móng cọc. Nội dung chính của học phần Nền móng công trình gồm có: Khái niệm về nền móng, móng nông, móng cọc, kiểm tra chất lượng cọc, xử lý và gia cố đất nền.	3	HK2	Tự luận
625.	Đồ án nền móng công trình	Mô hình hóa, phân tích tải và nội lực, tính toán kết cấu cho móng: tính kết cấu đài móng, tiết diện và độ dài cọc, tính toán kết cấu thép cho cọc và đài móng.	1	HK2	Viết báo cáo + bảo vệ đồ án
626.	Kết cấu thép 2 (Nhà CN)	Thiết kế kiến trúc nhà thép công nghiệp: lựa chọn các kích thước, bản vẽ mặt bằng kiến trúc, mặt đứng kiến trúc, các mặt cắt kiến trúc. Giả thuyết sơ đồ tính toán thiết kế kết cấu một nhà thép công nghiệp. Thiết kế kết cấu chịu lực của nhà thép công nghiệp: thiết kế tiết diện của các cấu kiện chịu lực chính trong công trình như cột, vì kèo, xà gồ, dầm cầu trục và các chi tiết liên kết... Hoàn chỉnh bộ hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công một công trình nhà thép công nghiệp: thuyết minh và các bản vẽ cấu tạo kết cấu.	2	HK2	Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
627.	Đồ án kết cấu thép	- Thiết kế kiến trúc nhà thép công nghiệp một tầng, một nhịp: lựa chọn các kích thước, bản vẽ mặt bằng kiến trúc, mặt đứng kiến trúc, các mặt cắt kiến trúc - Giả thuyết sơ đồ tính toán thiết kế kết cấu một nhà thép công nghiệp một tầng, một nhịp. - Thiết kế kết cấu chịu lực của nhà thép công nghiệp một tầng, một nhịp: thiết kế tiết diện của các cấu kiện chịu lực chính trong công trình như cột, vì kèo, xà gồ, dầm cầu trục và các chi tiết liên kết... - Hoàn chỉnh bộ hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công một công trình nhà thép công nghiệp một tầng, một nhịp: thuyết minh và các bản vẽ cấu tạo kết cấu, các bản vẽ chi tiết kết cấu.	1	HK2	Viết báo cáo + bảo vệ đồ án
628.	Kỹ thuật thi công	Kỹ thuật thi công là một học phần trang bị kiến thức thi công cơ bản, quy trình, nguyên tắc khi thi công các công tác cơ bản trong thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp: Thi công đất và công trình đất, thi công nền móng và cọc cừ, thi công công tác cốt pha, giàn giáo, cốt thép, bê tông và bê tông cốt thép toàn khối, công tác xây trát và hoàn thiện. Trang bị kiến thức lý luận và thực hành, phân tích và vận dụng, ứng xử khi học các học phần tiếp theo: Đồ án thi công, thực tập tốt nghiệp cuối khóa, Đồ án tốt nghiệp.	3	HK2	Tự luận
629.	Chuyên đề thí nghiệm công trình	Cung cấp cho sinh viên chuyên ngành xây dựng một số kiến thức về thí nghiệm công trình ở ngoài hiện trường cũng như trong phòng thí nghiệm như: Đo độ chặt cát san lấp, đo biến dạng, đo lún...	1	HK1	Viết báo cáo
630.	Thực tế chuyên đề	Chuyên đề thực tế giúp cho sinh viên nắm được công việc thực tế của ngành xây dựng như: sản xuất VLXD, thiết kế, thi công, quản lý dự án xây dựng ...	1	HK1	Viết báo cáo
631.	Chuyên đề công nghệ bê tông xi măng	Cung cấp cho sinh viên chuyên ngành xây dựng một số kiến thức về thí nghiệm công trình ở ngoài hiện trường cũng như trong phòng thí nghiệm như: Đo độ chặt cát san lấp, đo biến dạng, đo lún...	1	HK1	Viết báo cáo
632.	Công trình trên đất yếu	Giúp sinh viên hiểu được các tính chất cơ bản của đất yếu, các phương pháp gia cố nền đất và	2	HK1	Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thiết kế nền móng trên vùng đất yếu, phục vụ xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông và thủy lợi			
633.	Tổ chức thi công	Những khái niệm cơ bản về môn học; thiết kế tổ chức xây dựng, thiết kế tổ chức thi công; Tính toán và lập tiến độ thi công theo sơ đồ ngang; Tính toán và lập tiến độ thi công theo phương pháp dây chuyền; Tính toán và lập tiến độ thi công theo sơ đồ mạng; Thiết kế được tổng mặt bằng thi công trong từng giai đoạn xây dựng.	2	HK1	Tự luận
634.	Đồ án thi công	Cùng cố sinh viên những kiến thức thực hiện: Thiết kế tổng mặt bằng tổ chức thi công, tính khối lượng và khả năng chịu lực của cốt pha cây chống trong quá trình thi công, tính khối lượng các công tác thi công, tính thời gian thi công, lập tiến độ quá trình thi công....	1	HK1	Viết báo cáo + bảo vệ đồ án
635.	Quản lý dự án xây dựng	Quản lý dự án xây dựng là học phần lý thuyết thuộc nhóm kiến thức kinh tế và quản lý trong xây dựng. Học phần này trang bị cho người học những kiến thức căn bản về quản lý dự án bao gồm việc lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và kiểm soát một dự án xây dựng từ giai đoạn hình thành dự án cho đến khi kết thúc dự án: Cách thức ra quyết định và thực hiện công việc trong điều kiện ràng buộc về thời gian, chi phí và nhân lực, các hình thức tổ chức quản lý dự án, phương pháp lập kế hoạch, tiến độ, kiểm soát dự án và phân phối tài nguyên.	3	HK1	Tự luận
636.	Kết cấu bê tông 3 (Cấu kiện đặc biệt)	Những khái niệm cơ bản về môn học; Tính toán cầu thang các loại, tính bể nước ngầm, bể nước mái, tường chắn đất nhà cao tầng....	3	HK1	Tự luận
637.	Công trình giao thông	Cung cấp cho sinh viên hiểu rõ những kiến thức cơ bản về Khái niệm về giao thông đô thị; Quy hoạch mạng lưới đường trong đô thị; Thiết kế các yếu tố hình học của tuyến đường; Thiết kế kết cấu áo đường mềm; Thiết kế kết cấu áo đường cứng (BTXM); Cấu tạo nền đường; Thiết kế hệ thống thoát nước đường phố; Cấu tạo công trình phụ trợ như cây xanh, chiếu sáng, bãi đậu xe...; Đo bóc khối lượng công trình giao thông và công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị.	2	HK1	Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
638.	Tiếng Anh chuyên ngành - XD	Tiếng anh chuyên ngành - XD là học phần chuyên ngành, giúp sinh viên có thể đọc hiểu các tài liệu bằng tiếng anh liên quan đến ngành xây dựng. Ngoài ra sinh viên cũng có thể trình bày và bảo vệ một vấn đề xây dựng bằng tiếng anh trước đám đông.	3	HK1	Tự luận+ trắc nghiệm
639.	Công trình thủy	Công trình thủy là một ngành học lớn, tuy nhiên trong phạm vi nhỏ của học phần này nhằm giúp cho sinh viên ngành xây dựng dân dụng & công nghiệp có kiến thức cơ bản về phân bố áp lực đất lên tường chắn và có khả năng phân tích thiết kế một số loại tường chắn thường gặp trong thực tiễn.	2	HK1	Tự luận
640.	Nhà nhiều tầng	Nhà nhiều tầng là học phần mở rộng và chuyên sâu của nhóm môn học kết cấu bê tông cốt thép. Học phần này cung cấp cho sinh viên với những kiến thức kỹ thuật về nhà nhiều tầng. Nội dung chính của học phần gồm: Khái niệm và những giải pháp thiết kế nhà nhiều tầng; Xác định các tải trọng đặc biệt tác dụng lên nhà cao tầng (Tải trọng gió động, tải trọng động đất, tải trọng trục thẳng, tải trọng thang máy); Phân tích kết cấu nhà cao tầng. Ngoài ra, học phần giới thiệu các phần mềm ứng dụng trong thiết kế kết cấu nhà cao tầng như Etabs, Safe.	3	HK1	Tự luận
641.	Thực tập thực tế	Học phần Thực tập thực tế nhằm tạo cơ hội cho sinh viên làm việc trực tiếp tại cơ quan, công ty, công trường, để sinh viên hiểu rõ vận dụng các kiến thức đã học vào trong thực tế bằng cách đến tại công ty để làm việc thực tập thực tế. Từ đó, sinh viên có thể vận dụng những kiến thức đã học vào thực tế; sinh viên cũng có thể bổ sung, cập nhật thêm kiến thức mới từ việc tiếp cận trực tiếp với các công việc thiết kế, thi công, giám sát, quản lý dự án.	2	HK2	Viết báo cáo
642.	Khóa luận tốt nghiệp	Khóa luận tốt nghiệp. Cung cấp cho sinh viên những nội dung học phần như: Nội dung và nhiệm vụ đồ án: Giới thiệu công trình, tổng quan kiến trúc. Mục đích, diện tích, công năng sử dụng. Điện, nước, phòng cháy chữa cháy... Xác định tải trọng tính toán: Xác định tải	10	HK2	Bảo vệ khóa luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trọng tính toán. Tính toán sàn điển hình và sàn mái. Tính toán dầm dọc(nếu không giải khung KG). Tính toán cầu thang Xác định tải trọng tính móng: Lựa chọn phương án móng. Tính toán một số móng điển hình dưới khung. Kiểm tra chọc thủng đài, kiểm tra lún móng. Lựa chọn thi công móng hoặc sàn: Chọn máy thi công. Tính toán khả năng chịu tải cốt pha, chống. Tính khối lượng các công tác thi công. Mặt bằng thi công, tiến độ Thể hiện bản vẽ - thuyết minh tính toán: Khung tên và tỉ lệ bản vẽ theo qui định Trường. Nội dung bản vẽ đúng yêu cầu đề tài khóa luận. Bản vẽ thể hiện trên khổ giấy A1. Trình bày bản vẽ đúng kí hiệu kỹ thuật. Thuyết minh giấy A4, bìa, font chữ theo qui định của Trường.			
643.	Tiểu luận tốt nghiệp	Phần kiến trúc: Thuyết minh sơ lược về giải pháp mặt bằng, tổng mặt bằng, giải pháp kết cấu, giải pháp điện, nước, PCCC. Bản vẽ kiến trúc Phần kết cấu: Thiết kế tối thiểu 1 sàn tầng điển hình. Thiết kế tối thiểu 1 cầu thang bộ điển hình. Thiết kế tối thiểu 1 khung phẳng điển hình hoặc khung không gian. Bản vẽ kết cấu Phần nền móng: Phân tích số liệu địa chất. Chọn phương án móng. Thiết kế móng theo tối thiểu 1 phương án và tính tối thiểu 2 móng có tải trọng khác nhau. Bản vẽ thiết kế móng	6	HK2	Phân công GV chấm điểm luận
644.	Kết cấu gạch đá	Môn học này giúp người học nắm vững các tính chất vật liệu trong khối xây gạch đá, những vấn đề cơ bản về tính toán cũng như cấu tạo của kết cấu gạch đá, gạch đá cốt thép và kết cấu gỗ. Những phương pháp tính toán và cấu tạo dựa vào tiêu chuẩn thiết kế, quy trình quy phạm đã được nhà nước ban hành và có tham khảo các tài liệu mới nhất của nước ngoài.	2	HK2	Tự luận
645.	Luật xây dựng	Cung cấp cho sinh viên hiểu rõ những kiến thức cơ bản về pháp luật trong hoạt động xây dựng thông qua luật, các nghị định và thông tư liên quan, nghiên cứu vận dụng sáng tạo luật xây dựng trong thực tiễn. Sau khi học xong	2	HK2	Trắc nghiệm

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		môn học sinh viên phải nắm vững kiến thức pháp luật xây dựng và tham gia hoạt động xây dựng đạt hiệu quả.			
646.	Kinh tế ngành XD	Học phần kinh tế xây dựng là học phần lý thuyết thuộc nhóm kiến thức kinh tế và quản lý trong xây dựng. Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản, tổng quát về đặc điểm kinh tế của ngành xây dựng, cung cấp các phương pháp xác định chi phí xây dựng cũng như những cơ sở lý luận về kinh tế, kỹ thuật nhằm đánh giá, so sánh, lựa chọn phương án kỹ thuật, các dự án đầu tư cũng như các giải pháp thiết kế tốt nhất. Học phần còn cung cấp kiến thức để sinh viên tính toán được chi phí xây dựng (dự toán) cho 1 công trình xây dựng vừa và nhỏ theo những quy định của pháp luật Việt Nam. Ngoài ra, học phần này giúp cho sinh viên thấy được sự tác động của các yếu tố kinh tế, xã hội tác động lên dự án xây dựng	2	HK2	Tự luận
647.	Hệ thống thông tin kế toán 1	Giúp SV hiểu về tổ chức phân tích, tổ chức xử lý, đánh giá và kiểm soát thông tin kế toán trong điều kiện xử lý thủ công hoặc đã tin học hóa.	3	HK1	Điểm quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%
648.	Kế toán tài chính 2	Sv nắm được công tác kế toán thực tế các phân hành: các khoản thanh toán, quá trình tiêu thụ, quá trình xác định kết quả kinh doanh, vốn chủ sở hữu, lập báo cáo tài chính và pháp luật liên quan	3	HK1	Điểm quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%
649.	Kiểm toán 1	Mục đích cung cấp các kiến thức cơ bản về hoạt động kiểm toán độc lập nhằm phục vụ cho nội dung đào tạo ngành Kế toán ở bậc Đại học.	3	HK1	Điểm quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%
650.	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại 1	Trang bị cho SV kiến thức tổng quát về hoạt động của ngân hàng thương mại SV nắm một số quy định, nội dung liên quan đến các nghiệp vụ huy động vốn và cho vay của ngân hàng thương mại; hiểu, vận dụng một số nghiệp vụ cho vay thông thường	3	HK1	Điểm quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%
651.	Quản trị rủi ro tài chính	Cung cấp những kiến thức cơ bản về rủi ro tài chính và những công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả đứng trên góc độ doanh nghiệp và ngân hàng.	3	HK1	Điểm quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%
652.	Tư tưởng Hồ Chí	Sinh viên có thể trình bày khái niệm tư tưởng	2	HK1	Điểm quá

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	Minh	Hồ Chí Minh và những tư tưởng, luận điểm, quan điểm cơ bản diễn ra trong tiến trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh.			trình: 30% Thi kết thúc: 70%
653.	Tin học ứng dụng kế toán	Giúp SV hiểu cách ứng dụng tin học để thực hành hạch toán và lập sổ sách kế toán bằng excel.	3	HK1	Điểm quá trình: 50% Thi kết thúc: 50%
654.	Phân tích tài chính	Trang bị cho học viên những kiến thức và kỹ năng cần thiết trong vấn đề lập, phân tích báo cáo tài chính	3	HK1	Điểm quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%
655.	Hệ thống thông tin kế toán 2	Hiểu về tổ chức phân tích, tổ chức xử lý, đánh giá và kiểm soát thông tin kế toán trong điều kiện xử lý thủ công hoặc đã tin học hóa. Hiểu và thực hiện tốt công việc kế toán trong điều kiện doanh nghiệp sử dụng phần mềm kế toán. Thực hiện công tác của chuyên viên phân tích hệ thống trong các doanh nghiệp, thực hiện dịch vụ tư vấn, thiết kế và tin học hóa công tác kế toán, các doanh nghiệp sản xuất cung cấp phần mềm kế toán.	3	HK2	Điểm quá trình: 50% Thi kết thúc: 50%
656.	Kế toán chi phí	SV nắm được quy trình kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành theo mô hình thực tế, mô hình định mức, mô hình ABC, cách lập và tổng hợp báo cáo chi phí, pháp luật kế toán liên quan.	3	HK2	Điểm quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%
657.	Kế toán ngân hàng thương mại	Trang bị kiến thức cơ bản về công tác tổ chức, thực hiện nghiệp vụ kế toán trong ngân hàng, chủ yếu là tại các ngân hàng thương mại, cụ thể như: Tổ chức công tác kế toán trong hoạt động ngân hàng; Kế toán nghiệp vụ huy động vốn; Kế toán các nghiệp vụ cho vay; Kế toán các nghiệp vụ thanh toán không dùng tiền mặt; Kế toán thanh toán vốn giữa các ngân hàng; Kế toán TSCĐ và công cụ lao động; Kế toán các nghiệp vụ liên quan đến ngoại tệ; Kế toán chi phí, thu nhập, xác định và phân phối kết quả kinh doanh.	3	HK2	Điểm quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%
658.	Kế toán quản trị	SV nắm được kế toán quản trị tổng quan, ứng dụng các phương pháp phân loại chi phí và lập báo cáo, mô hình C-V-P, lập dự toán ngân sách, báo cáo bộ phận, ứng dụng thông tin	3	HK2	Điểm quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thích hợp ra quyết định			
659.	Tiếng Anh chuyên ngành kế toán	Cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản của lĩnh vực Kế toán, giúp sinh viên xây dựng được vốn từ vựng kế toán thông qua các bài đọc hiểu trong giáo trình, các bài báo chuyên ngành sưu tầm. Bên cạnh đó, kỹ năng nghe nói của sinh viên cũng được cải thiện thông qua các bài nghe, các chủ đề thảo luận nhóm xoay quanh kế toán. Sinh viên cũng sẽ vận dụng được những kiến thức đã học bằng các bài thuyết trình, nhập vai trước lớp với chủ đề tự chọn trong lĩnh vực Kế toán.	2	HK2	Điểm quá trình: 40% Thi kết thúc: 60%
660.	Chuyên đề kế toán	Vận dụng, tuân thủ các chuẩn mực và Pháp luật về tài chính – kế toán trong công tác kế toán và thống kê. Thu thập, phân loại, xử lý và tổ chức hạch toán được các nghiệp vụ kinh tế phát sinh phù hợp với chuẩn mực kế toán. Tham gia tổ chức được hệ thống kế toán bao gồm: tổ chức triển khai hệ thống thông tin kế toán, hệ thống chứng từ – sổ sách kế toán, báo cáo tài chính, báo cáo kế toán quản trị; Tổ chức được công tác kế toán tại doanh nghiệp, đơn vị HCSN và các chương trình/dự án kinh tế – xã hội. Thực hiện báo cáo thuế, thống kê và lưu trữ thông tin kế toán theo quy định của Pháp luật. Vận dụng, thiết kế được thông tin kế toán phục vụ cho công tác ra quyết định của Lãnh đạo. Sử dụng được các phần mềm kế toán	6	HK2	100% bài tập lớp cuối kỳ
661.	Đạo đức ngành kế toán	Trang bị cho sinh viên kiến thức về chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán và kiểm toán. Vai trò của đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động kế toán, kiểm toán trong các doanh nghiệp. Nêu lên một số hành vi phi đạo đức nghề nghiệp hiện nay.	2	HK1	Điểm quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%
662.	Nguyên lý kế toán	Giúp Sv xác định được các đối tượng kế toán, hệ thống văn bản pháp quy liên quan, vận dụng các phương pháp kế toán giải quyết các nghiệp vụ kinh tế trong DN	3	HK1	Điểm quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%
663.	Xác suất thống kê (Khối ngành Kinh tế và Kỹ thuật)	Hiểu các khái niệm về xác suất, biến ngẫu nhiên, qui luật phân phối xác suất của biến ngẫu nhiên, tổng thể và mẫu Hiểu về các tham số đặc trưng của biến ngẫu nhiên và các tham số đặc trưng của mẫu	3	HK1	Điểm quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Hiểu các công thức tính xác suất Vận dụng kiến thức xác suất thống kê cho việc tư vấn và dự báo			
664.	Kinh tế vĩ mô	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kinh tế học vĩ mô, nhằm giúp cho sinh viên thấy được bức tranh toàn cảnh của nền kinh tế và biết cách vận dụng lý thuyết để giải thích những vấn đề kinh tế vĩ mô mà thực tế đặt ra.	3	HK1	Điểm quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%
665.	Tiếng Anh định hướng Toeic 1	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản những kỹ năng chính: nghe, nói, đọc, viết và kỹ năng phụ ngữ pháp, từ vựng, phát âm, giúp sinh viên làm quen với hình thức đề thi Toeic quốc tế, có khả năng giao tiếp ở mức độ cơ bản	4	HK1	Điểm quá trình: 40% Thi kết thúc: 60%
666.	Tiếng Anh định hướng Toeic 2	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản những kỹ năng chính: nghe, nói, đọc, viết và kỹ năng phụ ngữ pháp, từ vựng, phát âm, giúp sinh viên làm quen với hình thức đề thi Toeic quốc tế, có khả năng giao tiếp ở mức độ cơ bản	4	HK1	Điểm quá trình: 40% Thi kết thúc: 60%
667.	Phương pháp nghiên cứu khoa học - Kế toán	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản những kỹ năng chính: nghe, nói, đọc, viết và kỹ năng phụ ngữ pháp, từ vựng, phát âm, giúp sinh viên làm quen với hình thức đề thi Toeic quốc tế, có khả năng giao tiếp ở mức độ cơ bản	2	HK1	Điểm quá trình: 40% Thi kết thúc: 60%
668.	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản những kỹ năng chính: nghe, nói, đọc, viết và kỹ năng phụ ngữ pháp, từ vựng, phát âm, giúp sinh viên làm quen với hình thức đề thi Toeic quốc tế, có khả năng giao tiếp ở mức độ cơ bản	2	HK1	Điểm quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%
669.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các phương pháp tiến hành một nghiên cứu một cách có hệ thống và mang tính khoa học. Sinh viên sẽ được giới thiệu về các bước thực hiện một nghiên cứu, từ đặt vấn đề, tổng quan tài liệu, thu thập thông tin, cho đến hoàn thành và báo cáo đề án nghiên cứu. Sinh viên sẽ được giới thiệu về những thiết kế nghiên cứu khác nhau, về cách chọn mẫu, cách đo đạc, và cách thức tổ chức nghiên cứu để có thể tự mình	2	HK1	Điểm quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		áp dụng vào các đề án nghiên cứu của mình sau này.			
670.	Kế toán tài chính 1	Cung cấp cho SV kiến thức: Tổng quát về tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp Quy trình kế toán thực tế các phần hành: Vốn bằng tiền và khoản ứng trước; Hàng tồn kho; Tài sản cố định; Tiền lương – Các khoản trích theo lương – Trích trước tiền lương nghỉ phép của công nhân sản xuất; Đầu tư tài chính.	3	HK2	Điểm quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%
671.	Kiểm toán 1	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về kiểm toán, hiểu được vai trò, chức năng của kiểm toán đối với nền kinh tế. Người học sẽ nắm được phương thức hoạt động của kiểm toán độc lập, phương pháp nghiên cứu các chuẩn mực kiểm toán và các văn bản pháp luật có liên quan cũng như cách thức vận dụng chúng vào công việc kiểm toán thực tế	3	HK2	Điểm quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%
672.	Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tài chính, tiền tệ, tín dụng, bảo hiểm, ngân sách nhà nước, tài chính doanh nghiệp, thị trường tài chính và các tổ chức trung gian, hệ thống ngân hàng trong nền kinh tế thị trường, lạm phát và chính sách tiền tệ, quan hệ thanh toán và tín dụng quốc tế	3	HK2	Điểm quá trình: 40% Thi kết thúc: 60%
673.	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại 1	Trang bị cho SV kiến thức tổng quát về hoạt động của ngân hàng thương mại SV nắm một số quy định, nội dung liên quan đến các nghiệp vụ huy động vốn và cho vay của ngân hàng thương mại; hiểu, vận dụng một số nghiệp vụ cho vay thông thường	3	HK2	Điểm quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%
674.	Nguyên lý thống kê kinh tế	Nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản liên quan đến thống kê; đồng thời vận dụng các phương pháp thống kê để phân tích các đặc trưng của tổng thể nghiên cứu và xem xét mối quan hệ của chúng thông qua dữ liệu từ các quan sát được thu thập trong mẫu nghiên cứu.	3	HK2	Điểm quá trình: 40% Thi kết thúc: 60%
675.	Tiếng Anh định hướng Toeic 2	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản những kỹ năng chính: nghe, nói, đọc, viết và kỹ năng phụ ngữ pháp, từ vựng, phát âm, giúp sinh viên làm quen với hình thức đề thi Toeic quốc tế, có khả năng giao tiếp ở mức độ cơ bản	4	HK2	Điểm quá trình: 40% Thi kết thúc: 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
676.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về đối tượng, phương pháp nghiên cứu môn Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam; Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng	2	HK2	Điểm quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%
677.	Hệ thống thông tin kế toán 1	Giúp SV hiểu về tổ chức phân tích, tổ chức xử lý, đánh giá và kiểm soát thông tin kế toán trong điều kiện xử lý thủ công hoặc đã tin học hóa.	3	HK2	Điểm quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%
678.	Kinh tế vi mô	Trang bị cho học sinh kiến thức cơ bản về hoạt động của thị trường, luật cung cầu, làm nền tảng cho các môn học về chuyên ngành kế toán, tài chính, quản trị kinh doanh và kinh tế đối ngoại	3	HK1	Điểm quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%
679.	Marketing căn bản	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức căn bản về Marketing; ý nghĩa, vai trò của Marketing trong hoạt động quản trị sản xuất kinh doanh. Từ đó, học viên vận dụng lập kế hoạch Marketing cho doanh nghiệp trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ du lịch và lữ hành	2	HK1	Điểm quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%
680.	Quản trị học căn bản	Học phần Quản trị học căn bản được thiết kế nhằm cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng về quản trị. Nội dung của học phần sẽ giới thiệu các khái niệm về quản trị, những chức năng cơ bản của quản trị, những kỹ năng cần thiết của nhà quản trị. Học phần Quản trị học căn bản cũng đề cập đến lịch sử ra đời và phát triển của các học thuyết quản trị; Giới thiệu về các yếu tố môi trường hoạt động của một tổ chức. Thêm vào đó, học phần này cũng cung cấp cho người học kiến thức về quá trình thông đạt và quản trị thông tin. Một nội dung nữa của học phần là trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng trong việc làm quyết định quản trị.	3	HK1	Điểm quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%
681.	Tin học căn bản	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức và thao tác cơ bản sử dụng máy vi tính và các phần mềm tin học văn phòng	3	HK1	Điểm quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%
682.	Luật kinh tế	Trang bị kiến thức những quy định chung về kinh doanh thương mại của chủ thể kinh doanh từ đăng ký thành lập doanh nghiệp đến giao kết hợp đồng, giải quyết tranh chấp và chấm dứt	2	HK2	Điểm quá trình: 50% Thi kết thúc: 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		hợp đồng.			
683.	Tổ chức công tác kế toán	Giúp Sv xác định được khâu tổ chức thu thập dữ liệu, chính sách kế toán, tổ chứng chứng từ, sổ sách, báo cáo, bộ máy kế toán, phần mềm kế toán và pháp luật về kế toán	2	HK2	Điểm quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%
684.	Toán cao cấp (Khối ngành Kinh tế)	Cung cấp cho SV kiến thức cơ bản về đạo hàm, vi phân, hàm số..., qua đó có thể ứng dụng trong các học phần cơ sở ngành tiếp theo	4	HK2	Điểm quá trình: 40% Thi kết thúc: 60%
685.	Tiếng Anh định hướng Toeic 1	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản những kỹ năng chính: nghe, nói, đọc, viết và kỹ năng phụ ngữ pháp, từ vựng, phát âm, giúp sinh viên làm quen với hình thức đề thi Toeic quốc tế, có khả năng giao tiếp ở mức độ cơ bản	4	HK2	Điểm quá trình: 40% Thi kết thúc: 60%
686.	Tin học căn bản	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức và thao tác cơ bản sử dụng máy vi tính và các phần mềm tin học văn phòng	3	HK2	Điểm quá trình: 50% Thi kết thúc: 50%
687.	Triết học Mác - Lênin	Nắm được những tri thức cơ bản về triết học, triết học Mác – Lênin, vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội, vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới	3	HK2	Điểm quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%
688.	Kế toán ngân hàng	Trang bị kiến thức cơ bản về công tác tổ chức, thực hiện nghiệp vụ kế toán trong ngân hàng, chủ yếu là tại các ngân hàng thương mại, cụ thể như: Tổ chức công tác kế toán trong hoạt động ngân hàng; Kế toán nghiệp vụ huy động vốn; Kế toán các nghiệp vụ cho vay; Kế toán các nghiệp vụ thanh toán không dùng tiền mặt; Kế toán thanh toán vốn giữa các ngân hàng; Kế toán TSCĐ và công cụ lao động; Kế toán các nghiệp vụ liên quan đến ngoại tệ; Kế toán chi phí, thu nhập, xác định và phân phối kết quả kinh doanh.	3	HK1	Điểm quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%
689.	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại 1	Trang bị cho SV kiến thức tổng quát về hoạt động của ngân hàng thương mại SV nắm một số quy định, nội dung liên quan đến các nghiệp vụ huy động vốn và cho vay của ngân hàng thương mại; hiểu, vận dụng một số nghiệp vụ cho vay thông thường	3	HK1	Điểm quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%
690.	Tài chính doanh	Cung cấp lý thuyết về quản trị tài chính trong	3	HK1	Điểm quá

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	ngành	doanh nghiệp. Mục tiêu của môn học là nghiên cứu các vấn đề liên quan tới thẩm định dự án đầu tư, lợi suất - rủi ro và định giá tài sản, lý thuyết thị trường hiệu quả, lý thuyết xác định cơ cấu vốn, quyết định cổ tức.			trình: 40% Thi kết thúc: 60%
691.	Tài chính quốc tế	Nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức về các lý thuyết kinh điển trong tài chính quốc tế thể hiện mối quan hệ giữa lạm phát, lãi suất và tỷ giá; nghiên cứu dòng dịch chuyển các nguồn lực tài chính trên phạm vi toàn cầu thông qua việc tìm hiểu về thị trường ngoại hối; cân cân thanh toán quốc tế; các chính sách kinh tế mà các chính phủ có thể áp dụng để tác động đến dòng lưu chuyển tài chính quốc tế.	3	HK1	Điểm quá trình: 40% Thi kết thúc: 60%
692.	Thị trường tài chính	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thị trường tài chính, bao gồm thị trường tiền tệ và thị trường vốn, đồng thời giới thiệu với sinh viên về thị trường chứng khoán và hoạt động của thị trường chứng khoán Việt Nam.	3	HK1	Điểm quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%
693.	Tin học ứng dụng TCNH	Môn học Tin học ứng dụng tài chính-ngân hàng trình bày tổng quan các ứng dụng cơ bản của tin học phục vụ cho khối ngành tài chính-ngân hàng. Sau khi kết thúc môn học, sinh viên sẽ có các kỹ năng về sử dụng các hàm Excel phục vụ cho công tác phân tích, thống kê các hệ thống thông tin tài chính - ngân hàng.	3	HK1	Điểm quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%
694.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Sinh viên có thể trình bày khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh và những tư tưởng, luận điểm, quan điểm cơ bản diễn ra trong tiến trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh.	2	HK1	Điểm quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%
695.	Kiểm toán 1	Mục đích cung cấp các kiến thức cơ bản về hoạt động kiểm toán độc lập nhằm phục vụ cho nội dung đào tạo ngành Kế toán ở bậc Đại học.	2	HK1	Điểm quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%
696.	Đầu tư tài chính	Giúp sinh viên phát triển suy duy logic, khả năng phán đoán, tác phong làm việc nghiêm túc, khoa học và trách nhiệm; có định hướng tích lũy kiến thức chuyên môn cho nghề nghiệp về sau ngay từ khi còn là sinh viên; trau dồi, phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá; tạo cho sinh viên thích thú với lĩnh vực đầu tư chứng khoán và thị trường chứng khoán; có sự	3	HK1	Điểm quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tự tin vào kiến thức thu nhận để tự tin vào những nhận định, đánh giá thị trường cũng như trong đầu tư.			
697.	Phân tích hoạt động kinh doanh	Trang bị cho sinh viên những kiến thức lý luận về báo cáo tài chính, cũng như về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh của doanh nghiệp	3	HK1	Điểm quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%
698.	Quản trị ngân hàng thương mại	Học phần Quản trị Ngân hàng thương mại gồm 3 tín chỉ (30 tiết lý thuyết và 30 tiết thực hành) Học phần này giúp sinh viên nắm được những kiến thức về quản trị ngân hàng thương mại ở các lĩnh vực như: quản trị chiến lược kinh doanh ngân hàng, quản trị vốn, quản trị nợ, quản trị tài sản, quản trị rủi ro và quản trị kết quả tài chính trong kinh doanh ngân hàng.	3	HK1	Điểm quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%
699.	Quản trị rủi ro tài chính	Cung cấp những kiến thức cơ bản về rủi ro tài chính và những công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả đứng trên góc độ doanh nghiệp và ngân hàng.	3	HK1	Điểm quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%
700.	Thẩm định tín dụng ngân hàng	Trang bị cho SV kiến thức tổng quát về hoạt động thẩm định tín dụng của NHTM; SV nắm một số nội dung, quy định cụ thể liên quan đến các nghiệp vụ thẩm định tín dụng của NHTM; hiểu, vận dụng thẩm định một số nội dung cho vay thông thường.	3	HK1	Điểm quá trình: 40% Thi kết thúc: 60%
701.	Tiếng Anh chuyên ngành - TCNH	Nhằm cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản của lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng, giúp sinh viên xây dựng được vốn từ vựng tài chính thông qua các bài đọc hiểu trong giáo trình, các bài báo chuyên ngành sưu tầm. Bên cạnh đó, kỹ năng nghe nói của sinh viên cũng được cải thiện thông qua các bài nghe, các chủ đề thảo luận nhóm xoay quanh lĩnh vực tài chính và thương mại thông dụng	2	HK1	Điểm quá trình: 40% Thi kết thúc: 60%
702.	Chuyên đề Tài chính - Ngân hàng	Sinh viên đạt được các kiến thức chung về kinh tế, xã hội, kiến thức chuyên sâu về tài chính-ngân hàng; Sinh viên có kỹ năng thực hành chuyên môn nghiệp vụ tài chính-ngân hàng; Sinh viên có kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng giao tiếp; Sinh viên có khả năng học tập suốt đời;	5	HK1	100% bài tập lớn cuối kỳ

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Sinh viên có trách nhiệm cá nhân với cộng đồng.			
703.	Kinh tế vi mô	Trang bị cho học sinh kiến thức cơ bản về hoạt động của thị trường, luật cung cầu, làm nền tảng cho các môn học về chuyên ngành kế toán, tài chính, quản trị kinh doanh và kinh tế đối ngoại	3	HK1	Điểm quá trình: 40% Thi kết thúc: 60%
704.	Lý thuyết bảo hiểm	Nắm rõ những vấn đề cơ bản về lĩnh vực bảo hiểm, các phương thức xử lý rủi ro, nguy cơ, tổn thất, những vấn đề cơ bản của một hợp đồng bảo hiểm để từ đó có thể áp dụng cho các môn học và vận dụng vào thực tế sau này	2	HK1	Điểm quá trình: 40% Thi kết thúc: 60%
705.	Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tài chính, tiền tệ, tín dụng, bảo hiểm, ngân sách nhà nước, tài chính doanh nghiệp, thị trường tài chính và các tổ chức trung gian, hệ thống ngân hàng trong nền kinh tế thị trường, lạm phát và chính sách tiền tệ, quan hệ thanh toán và tín dụng quốc tế	3	HK1	Điểm quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%
706.	Nguyên lý kế toán	Giúp Sv xác định được các đối tượng kế toán, hệ thống văn bản pháp quy liên quan, vận dụng các phương pháp kế toán giải quyết các nghiệp vụ kinh tế trong DN	3	HK1	Điểm quá trình: 40% Thi kết thúc: 60%
707.	Tiếng Anh định hướng Toeic 1	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản những kỹ năng chính: nghe, nói, đọc, viết và kỹ năng phụ ngữ pháp, từ vựng, phát âm, giúp sinh viên làm quen với hình thức đề thi Toeic quốc tế, có khả năng giao tiếp ở mức độ cơ bản	4	HK1	Điểm quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%
708.	Tiếng Anh định hướng Toeic 2	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản những kỹ năng chính: nghe, nói, đọc, viết và kỹ năng phụ ngữ pháp, từ vựng, phát âm, giúp sinh viên làm quen với hình thức đề thi Toeic quốc tế, có khả năng giao tiếp ở mức độ cơ bản	4	HK1	Điểm quá trình: 40% Thi kết thúc: 60%
709.	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Giúp cho SV vận dụng kiến thức chuyên ngành để chủ động, tích cực trong các vấn đề kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội theo đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước	2	HK1	Điểm quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%
710.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Nắm được những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác – Lênin.	2	HK1	Điểm quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
711.	Thuế và khai báo thuế	Giúp SV hiểu rõ nội dung các Luật thuế hiện hành và vận dụng vào tình hình thực tế của Doanh nghiệp để lập các báo cáo thuế, quyết toán thuế cho doanh nghiệp đúng qui định. Sử dụng thành thạo được các phần mềm khai thuế, quyết toán thuế của cơ quan thuế cung cấp.	2	HK1	Điểm quá trình: 40% Thi kết thúc: 60%
712.	Kế toán tài chính 1	SV nắm được tổ chức công tác kế toán tại DN, công tác kế toán thực tế các phần hành: vốn bằng tiền, hàng tồn kho, lương và các khoản trích, tài sản cố định, các khoản đầu tư tài chính	3	HK2	Điểm quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%
713.	Lý thuyết bảo hiểm	Nắm rõ những vấn đề cơ bản về lĩnh vực bảo hiểm, các phương thức xử lý rủi ro, nguy cơ, tổn thất, những vấn đề cơ bản của một hợp đồng bảo hiểm để từ đó có thể áp dụng cho các môn học và vận dụng vào thực tế sau này	2	HK2	Điểm quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%
714.	Nghệp vụ ngân hàng thương mại 1	Trang bị cho SV kiến thức tổng quát về hoạt động của ngân hàng thương mại SV nắm một số quy định, nội dung liên quan đến các nghiệp vụ huy động vốn và cho vay của ngân hàng thương mại; hiểu, vận dụng một số nghiệp vụ cho vay thông thường	3	HK2	Điểm quá trình: 40% Thi kết thúc: 60%
715.	Nguyên lý thống kê kinh tế	Nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản liên quan đến thống kê; đồng thời vận dụng các phương pháp thống kê để phân tích các đặc trưng của tổng thể nghiên cứu và xem xét mối quan hệ của chúng thông qua dữ liệu từ các quan sát được thu thập trong mẫu nghiên cứu.	3	HK2	Điểm quá trình: 40% Thi kết thúc: 60%
716.	Quản trị tài chính	Trang bị cho SV kiến thức tổng quát về quản trị tài chính doanh nghiệp; SV nắm được một số nội dung liên quan đến quản trị tài chính doanh nghiệp; Hiểu và biết vận dụng để ra các quyết định tài chính cơ bản theo mục tiêu doanh nghiệp	3	HK2	Điểm quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%
717.	Thị trường tài chính	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thị trường tài chính, bao gồm thị trường tiền tệ và thị trường vốn, đồng thời giới thiệu với sinh viên về thị trường chứng khoán và hoạt động của thị trường chứng khoán Việt Nam	3	HK2	Điểm quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%
718.	Kinh tế vĩ mô	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ	3	HK2	Điểm quá

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		bản về kinh tế học vĩ mô, nhằm giúp cho sinh viên thấy được bức tranh toàn cảnh của nền kinh tế và biết cách vận dụng lý thuyết để giải thích những vấn đề kinh tế vĩ mô mà thực tế đặt ra.			trình: 30% Thi kết thúc: 70%
719.	Tiếng Anh định hướng Toeic 2	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản những kỹ năng chính: nghe, nói, đọc, viết và kỹ năng phụ ngữ pháp, từ vựng, phát âm, giúp sinh viên làm quen với hình thức đề thi Toeic quốc tế, có khả năng giao tiếp ở mức độ cơ bản	4	HK2	Điểm quá trình: 40% Thi kết thúc: 60%
720.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về đối tượng, phương pháp nghiên cứu môn Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam; Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng	2	HK2	Điểm quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%
721.	Kinh tế quốc tế	Trình bày các lý thuyết về thương mại và những mô hình kinh tế, nghiên cứu mối quan hệ kinh tế giữa các nước, các nền kinh tế và các khu vực kinh tế trên thế giới. Những vấn đề về phân phối và sử dụng tài nguyên giữa các nền kinh tế thông qua con đường trao đổi hàng hóa, dịch vụ, các yếu tố sản xuất, chuyển đổi tiền tệ và thanh toán giữa các quốc gia	2	HK1	Điểm quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%
722.	Kinh tế vi mô	Trang bị cho học sinh kiến thức cơ bản về hoạt động của thị trường, luật cung cầu, làm nền tảng cho các môn học về chuyên ngành kế toán, tài chính, quản trị kinh doanh và kinh tế đối ngoại	3	HK1	Điểm quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%
723.	Marketing căn bản	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức căn bản về Marketing; ý nghĩa, vai trò của Marketing trong hoạt động quản trị sản xuất kinh doanh. Từ đó, học viên vận dụng lập kế hoạch Marketing cho doanh nghiệp trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ du lịch và lữ hành	2	HK1	Điểm quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%
724.	Quản trị học căn bản	Học phần Quản trị học căn bản được thiết kế nhằm cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng về quản trị. Nội dung của học phần sẽ giới thiệu các khái niệm về quản trị, những chức năng cơ bản của quản trị, những kỹ năng cần thiết của nhà quản trị. Học phần Quản trị học căn bản cũng đề cập đến lịch sử ra đời và phát triển của các học thuyết quản trị; Giới	3	HK1	Điểm quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thiệu về các yếu tố môi trường hoạt động của một tổ chức. Thêm vào đó, học phần này cũng cung cấp cho người học kiến thức về quá trình thông đạt và quản trị thông tin. Một nội dung nữa của học phần là trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng trong việc làm quyết định quản trị.			
725.	Quản trị học căn bản	Học phần Quản trị học căn bản được thiết kế nhằm cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng về quản trị. Nội dung của học phần sẽ giới thiệu các khái niệm về quản trị, những chức năng cơ bản của quản trị, những kỹ năng cần thiết của nhà quản trị. Học phần Quản trị học căn bản cũng đề cập đến lịch sử ra đời và phát triển của các học thuyết quản trị; Giới thiệu về các yếu tố môi trường hoạt động của một tổ chức. Thêm vào đó, học phần này cũng cung cấp cho người học kiến thức về quá trình thông đạt và quản trị thông tin. Một nội dung nữa của học phần là trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng trong việc làm quyết định quản trị.	3	HK1	Điểm quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%
726.	Tin học căn bản	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức và thao tác cơ bản sử dụng máy vi tính và các phần mềm tin học văn phòng	3	HK1	Điểm quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%
727.	Luật kinh tế	Trang bị kiến thức những quy định chung về kinh doanh thương mại của chủ thể kinh doanh từ đăng ký thành lập doanh nghiệp đến giao kết hợp đồng, giải quyết tranh chấp và chấm dứt hợp đồng.	2	HK2	Điểm quá trình: 50% Thi kết thúc: 50%
728.	Toán cao cấp (Khối ngành Kinh tế)	Cung cấp cho SV kiến thức cơ bản về đạo hàm, vi phân, hàm số..., qua đó có thể ứng dụng trong các học phần cơ sở ngành tiếp theo	4	HK2	Điểm quá trình: 40% Thi kết thúc: 60%
729.	Tiếng Anh định hướng Toeic 1	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản những kỹ năng chính: nghe, nói, đọc, viết và kỹ năng phụ ngữ pháp, từ vựng, phát âm, giúp sinh viên làm quen với hình thức đề thi Toeic quốc tế, có khả năng giao tiếp ở mức độ cơ bản	4	HK2	Điểm quá trình: 40% Thi kết thúc: 60%
730.	Marketing ngân hàng	Học phần gồm 7 chương, chương 1 giới thiệu tổng quan về marketing ngân hàng, chương 2 là	2	HK2	Điểm quá trình: 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		khách hàng của ngân hàng và phân đoạn thị trường dịch vụ ngân hàng. Ngoài ra, chính sách dịch vụ ngân hàng và chính sách giá cả dịch vụ ngân hàng cũng được nhắc đến. Chính sách phân phối và chiêu thị dịch vụ ngân hàng được giới thiệu trong chương 5. Chiến lược cạnh tranh ngân hàng và Hoạch định chiến lược kinh doanh ngân hàng được giới thiệu ở chương 6 và chương 7.			Thi kết thúc: 50%
731.	Tin học căn bản	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức và thao tác cơ bản sử dụng máy vi tính và các phần mềm tin học văn phòng	3	HK2	Điểm quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%
732.	Triết học Mác - Lênin	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức và thao tác cơ bản sử dụng máy vi tính và các phần mềm tin học văn phòng	3	HK2	Điểm quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%
733.	KT Bảo quản và chế biến thủy sản	Học phần này giới thiệu những vấn đề quan trọng về nguyên liệu và công nghệ chế biến thủy hải sản như: thành phần hóa học, tính chất của nguyên liệu thủy - hải sản sau thu hoạch, những biến đổi của động vật thủy sản sau khi chết, các phương pháp bảo quản sản phẩm thủy hải sản, quy trình công nghệ chế biến nước mắm và các sản phẩm khác chế biến từ nguồn nguyên liệu thủy - hải sản. Thông qua học phần này sinh viên có thể lựa chọn nguyên liệu thủy hải sản phù hợp với mục đích chế biến các dòng sản phẩm khác nhau, phân tích được các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm và đề xuất được các giải pháp kiểm soát chất lượng thực phẩm thủy sản.	2	HK I	Quá trình: 40% Thi kết thúc: 60%
734.	TT giáo trình chuyên môn sản xuất giống thủy sản nước lợ	Nhằm giúp sinh viên nắm được kỹ năng thực hành quản lý trại giống và sản xuất giống một số đối tượng thủy sản quan trọng như tôm sú, tôm càng xanh, cua biển để củng cố lý thuyết và ứng dụng vào thực tế sản xuất. Bên cạnh đó, sinh viên cũng được rèn luyện tinh thần tự giác, tự học và làm việc tập thể trong thời gian thực tập tại trại thực nghiệm	6	HK II	Quá trình: 40% Thi kết thúc: 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
735.	TT giáo trình chuyên môn sản xuất giống thủy sản nước ngọt	Giúp sinh viên biết được quy trình quản lý trại sản xuất giống cá, kế hoạch sản xuất giống các đối tượng cá nước ngọt. Hiểu cơ chế vận hành các trang thiết bị. Biện pháp kỹ thuật ương cá từ giai đoạn lên giống. Trình bày được quy trình sinh sản một số loài cá nước ngọt phổ biến. Quy trình kỹ thuật sản xuất giống và nuôi thương phẩm một số loài cá trong mô hình nuôi phổ biến. Biết một số giải pháp phòng và điều trị bệnh trên cá	6	HK II	Quá trình: 50% Thi kết thúc: 50%
736.	Tổng hợp kiến thức cơ sở NTTS	Giúp sinh viên hệ thống hoá những kiến thức cơ sở ngành đã học, nắm chắc kiến thức cơ bản sau khi ra trường nhằm phục vụ cho quá trình nghiên cứu và ứng dụng trong nuôi thủy sản.	2	HK II	Thi kết thúc: 100%
737.	Tổng hợp kiến thức kỹ thuật NTTS	Tổng hợp kiến thức kỹ thuật – nuôi trồng thủy sản là môn học được hình thành trên cơ sở kết nối, tổng hợp giữa các mảng kiến thức chuyên ngành quan trọng về kỹ thuật sản xuất giống và nuôi thủy sản nước ngọt và lơ nhằm mục tiêu tiếp tục cung cấp và củng cố một cách có hệ thống các khối kiến thức chuyên môn kỹ thuật cho sinh viên chuyên ngành góp phần hoàn thiện và nâng cao kỹ năng chuyên môn cho sinh viên có khả năng ứng dụng đạt hiệu quả sự đa dạng và phát triển bền vững các mô hình nuôi thủy sản trong thực tiễn sản xuất	2	HK II	Quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%
738.	Khóa luận tốt nghiệp	Giúp sinh viên rèn luyện và hoàn thiện kỹ năng chuyên môn sâu, nâng cao và giúp sinh viên ứng dụng trong thực tiễn sản xuất NTTS	12	HK II	Thi kết thúc: 100%
739.	Tiểu luận tốt nghiệp	Giúp sinh viên rèn luyện và hoàn thiện kỹ năng chuyên môn sâu, nâng cao và giúp sinh viên ứng dụng trong thực tiễn sản xuất NTTS	8	HK II	Thi kết thúc: 100%
740.	Di truyền và chọn giống thủy sản	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cơ chế di truyền và các các phương pháp chọn giống thủy sản. Sinh viên sẽ vận dụng những kiến thức đã học vào trong vấn đề quản lý trại giống, cải thiện chất lượng con giống và quản lý nguồn gen đối với	2	HK I	Quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		động vật thủy sản.			
741.	Thuốc và hóa chất thủy sản	Trang bị cho sinh viên kiến thức và cách sử dụng thuốc hóa chất trong NTTS và ứng dụng trong thực tiễn sản xuất và nuôi trồng.	2	HK I	Quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%
742.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Giúp sinh viên hiểu và vận dụng trong quá trình học tập về xác định đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp, ý nghĩa của việc học tập môn học. Lý giải và cung cấp cho sinh viên hiểu được những giá trị khoa học, cách mạng, nhân văn về cuộc đời, sự nghiệp Hồ Chí Minh. Cung cấp những kiến thức cơ bản về khái niệm, nguồn gốc, quá trình hình thành, nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh; sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và trong cách mạng xã hội chủ nghĩa.	2	HK I	Quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%
743.	Tiếng Anh chuyên ngành NTTS	Biết và nắm được các thuật ngữ tiếng Anh chuyên ngành về các lãnh vực sinh học, sinh thái các đối tượng thủy sản, Biết và nắm được các thuật ngữ tiếng Anh chuyên ngành về các lãnh vực kỹ thuật nuôi và quản lý môi trường nuôi các đối tượng thủy sản và các lãnh vực liên quan đến thủy sản	2	HK I	Quá trình: 40% Thi kết thúc: 60%
744.	Kỹ thuật Bảo quản và chế biến thủy sản	Học phần này giới thiệu những vấn đề quan trọng về nguyên liệu và công nghệ chế biến thủy hải sản như: thành phần hóa học, tính chất của nguyên liệu thủy - hải sản sau thu hoạch, những biến đổi của động vật thủy sản sau khi chết, các phương pháp bảo quản sản phẩm thủy hải sản, quy trình công nghệ chế biến nước mắm và các sản phẩm khác chế biến từ nguồn nguyên liệu thủy - hải sản. Thông qua học phần này sinh viên có thể lựa chọn nguyên liệu thủy hải sản phù hợp với mục đích chế biến các dòng sản phẩm khác nhau, phân tích được các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm và đề xuất được các giải pháp kiểm soát chất lượng thực phẩm thủy sản.	2	HK I	Quá trình: 40% Thi kết thúc: 60%
745.	Kỹ thuật nuôi và sản xuất giống	Giúp cho sinh viên có kiến thức về đặc điểm sinh học, kỹ thuật nuôi, kỹ thuật sản	2	HK I	Quá trình: 40%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	thủy đặc sản	xuất giống cũng như cách phòng và trị bệnh cho các loài thủy đặc sản có giá trị kinh tế như: baba, ếch đồng, lươn đồng, cá sấu, cá ngừ..và một số loài cá cảnh. Ngoài ra còn mở rộng áp dụng kiến thức với một số đối tượng có giá trị kinh tế khác.			Thi kết thúc: 60%
746.	Thực tập giáo trình cơ sở thủy sản	Học phần Thực tập giáo trình cơ sở nhằm tạo điều kiện cho sinh viên tiếp cận với thực tế nghiên cứu, củng cố những kiến thức cơ sở đã học, đồng thời giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng thu và phân tích các yếu tố môi trường, nguồn lợi, thủy sinh vật trong các thủy vực tự nhiên và các ao - đầm nuôi trồng thủy sản để có thể tham gia nghiên cứu, quản lý môi trường nuôi trồng thủy sản, nguồn lợi thủy sinh vật sau khi ra trường.	6	HK II	Quá trình: 20% Thi kết thúc: 80%
747.	Kỹ thuật sản xuất giống cá nước ngọt	Cung cấp cho sinh viên những thông tin cần thiết có tính quy luật về sự thành thực và sự ảnh hưởng của các yếu tố môi trường tới sự thành thực sinh dục của cá. - Giúp sinh viên có khả năng ứng dụng tổng hợp kiến thức các học phần cơ sở để thiết lập quy trình sản xuất cá giống nhân tạo (tuyển chọn cá bố mẹ, biện pháp nuôi vỗ, kỹ thuật kích thích cá đẻ, ương ấp trứng và cá con) cũng như một số kỹ năng chuyên môn khác	2	HK II	Quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%
748.	Kỹ thuật sản xuất giống và nuôi cá biển	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sinh học, những kỹ thuật cơ bản về sản xuất giống và nuôi thương phẩm một số loài cá biển có giá trị kinh tế hiện nay như: cá chẽm, cá mú, cá kèo, cá chim vây vàng, cá măng, cá đối,...	2	HK II	Quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%
749.	Kỹ thuật sản xuất giống và nuôi giáp xác	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sinh học, những kỹ thuật cơ bản về sản xuất giống và nuôi thương phẩm một số loài giáp xác có giá trị kinh tế hiện nay như tôm sú, tôm càng xanh và cua biển	3	HK II	Quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%
750.	Thống kê sinh học	Trang bị cho sinh viên lý thuyết sử dụng phần mềm thống kê để xử lý dữ liệu, các kỹ	3	HK II	Quá trình: 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thuật xây dựng sơ đồ bố trí thí nghiệm; kết hợp các kiến thức ước lượng, kiểm định của thống kê để đánh giá kết quả thu được.			Thi kết thúc: 50%
751.	Phương pháp nghiên cứu khoa học - NTTS	Giúp học viên biết cách bố trí thí nghiệm và phân tích số liệu để thực hiện các thí nghiệm phục vụ cho luận văn tốt nghiệp và phục vụ việc nghiên cứu khoa học.	2	HK II	Quá trình: 50% Thi kết thúc: 50%
752.	Kinh tế thủy sản	Sinh viên sẽ thực hiện được các công việc sau: nhận thức các lý thuyết cung cầu hàng hóa và giá cả thị trường, lý thuyết về hành vi người tiêu dùng, hành vi sản xuất; Xây dựng phương trình, đồ thị trạng thái cân bằng kinh tế; Những khái niệm cơ bản về kinh tế ứng dụng trong nuôi trồng thủy sản; Các phương pháp phân tích kinh tế trong thủy sản; Nghiên cứu thị trường trong ngành thủy sản; Quản lý rủi ro trong sản xuất kinh doanh thủy sản.	3	HK II	Quá trình: 50% Thi kết thúc: 50%
753.	Bệnh cá	Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các khái niệm chung của bệnh trên cá, nguyên nhân gây bệnh, đặc điểm và diễn biến của bệnh cá, cách nhận biết những bệnh thường gặp trên cá, những thiệt hại khi cá mắc bệnh nghiêm trọng, các phương pháp chẩn đoán bệnh cá, cách phòng và trị bệnh trên cá... Từ những kiến thức của môn học sẽ giúp cho sinh viên trong nghiên cứu khoa học hoặc thực tiễn nuôi cá để phục vụ cho ngành nuôi trồng thủy sản đạt hiệu quả hơn.	3	HK II	Quá trình: 40% Thi kết thúc: 60%
754.	Quản lý sức khỏe động vật thủy sản	Giúp sinh viên nắm được các khái niệm về quản lý sức khỏe vật nuôi. Các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe ĐVTS. Phương pháp chuẩn đoán bệnh cũng như các con đường lây truyền bệnh trên tôm, cá.	2	HK II	Quá trình: 40% Thi kết thúc: 60%
755.	Tiếng Anh định hướng Toeic 1	Giúp sinh viên Có kiến thức về danh động từ, động từ nguyên mẫu, trợ động từ, sự hòa hợp giữa chủ từ và động từ, thì động từ và các hình thức của động từ, tính từ, giới từ, ... cung cấp một số lượng nhất định những từ vựng thường gặp trong bài thi TOEIC. Đọc tìm kiếm thông tin cụ thể, chi tiết. Thảo luận về chủ đề nghề các tình huống	4	HK I	Quá trình: 40% Thi kết thúc: 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		hàng ngày như: du lịch, điện thoại di động, việc làm, thư viện trường, chuẩn bị cho chuyến đi du lịch, thời trang - quần áo. Viết câu đơn và viết t			
756.	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Trên cơ sở thế giới quan và phương pháp luận Triết học Mác- Lê Nin. Từ đó, cung cấp cơ sở lý luận để nắm được những nội dung cơ bản Kinh tế chính trị Mác- Lê Nin trong bối cảnh phát triển nền kinh tế đất nước và thế giới ngày nay. Nghiên cứu kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế ở Việt Nam.	2	HK I	Quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%
757.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Nội dung học phần gồm 7 chương : Chương 1, trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của Chủ nghĩa xã hội Khoa học (quá trình hình thành, phát triển của Chủ nghĩa xã hội Khoa học); từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của CNXHKKH theo mục tiêu môn học.	2	HK I	Quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%
758.	Hình thái PL giáp xác – nhuyễn thể	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hình thái cấu tạo và giải phẫu, đặc điểm sinh học cơ bản của đối tượng Giáp xác - nhuyễn thể. Qua đó sinh viên có thể vận dụng kiến thức đã học vào nghề nuôi cũng như chẩn đoán và phòng trị bệnh. Ngoài ra sinh viên còn được trang bị thêm kiến thức về đa dạng thành phần giống loài tôm, cua và những loài nhuyễn thể có giá trị kinh tế cũng như sự phân bố của chúng ở các loại hình thủy vực khác nhau ở Đồng Bằng Sông Cửu long (ĐBSCL).	2	HK I	Quá trình: 50% Thi kết thúc: 50%
759.	Nhập môn nghiên cứu khoa học	Cung cấp cho sinh viên kiến thức về phương pháp chọn đề tài khoa học, phương pháp xây dựng đề cương đề tài nghiên cứu khoa học, những nội dung chính của một báo cáo khoa học và khâu chuẩn bị cho việc trình bày một báo cáo khoa học	2	HK I	Quá trình: 40% Thi kết thúc: 60%
760.	Thực vật thủy sinh	Xác định được đặc điểm để phân biệt thực vật phiêu sinh và thực vật bậc cao thủy sinh, các kiểu hình thái cơ bản, các nhóm thực vật phiêu sinh. Nắm được thành phần cấu tạo chung của phiêu sinh thực vật. Phân biệt	2	HK I	Quá trình: 50% Thi kết thúc: 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		được các hình thức sinh sản khác nhau, các phương thức dinh dưỡng. Xác định được các phương pháp thu mẫu định và thu mẫu định lượng. Biết cách phân tích mẫu định tính và phân tích mẫu định lượng			
761.	Công trình và thiết bị thủy sản	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kỹ thuật đo đạc, khảo sát, lập kế hoạch và thi công một số công trình phục vụ cơ sở sản xuất giống và nuôi thương phẩm một số đối tượng thủy sản	2	HK II	Quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%
762.	TT. Hóa phân tích ứng dụng thủy sản	Cung cấp kiến thức về Phương pháp thu mẫu và bảo quản mẫu và nguyên lý vật lý, hóa học trong nuôi trồng thủy sản, khả năng phân tích số liệu phân tích đạt được, đánh giá được những tác động của sai số trong phân tích. Cung cấp kiến thức về đánh giá và bảo đảm chất lượng trong phân tích hóa học của phòng thí nghiệm.	1	HK II	Thi kết thúc: 100%
763.	TT. Sinh hoá B	Nắm được các biến đổi về mặt sinh hoá trong thực phẩm. Biết được cơ bản các kỹ thuật ứng dụng trong công nghệ sinh hoá. Biết cách thực hiện các thí nghiệm sinh hoá đơn giản như đánh giá hoạt tính của enzyme. Soạn báo cáo, báo cáo và làm việc nhóm	1	HK II	Thi kết thúc: 100%
764.	Giáo dục thể chất 3	Giúp cho sinh viên có khả năng nhận biết một số kỹ thuật cơ bản của cầu lông/bóng đá/bóng chuyền, nắm vững yếu lĩnh kỹ thuật động tác để trên cơ sở đó sinh viên tự tập luyện nâng cao sức khỏe cho bản thân và có thể hướng dẫn người chưa biết cùng tham gia tập luyện.	1	HK II	Thi kết thúc: 100%
765.	Tiếng Anh định hướng Toeic 2	Giúp sinh viên Có kiến thức về danh động từ, động từ nguyên mẫu, trợ động từ, sự hòa hợp giữa chủ từ và động từ, thì động từ và các hình thức của động từ, tính từ, giới từ, ... cung cấp một số lượng nhất định những từ vựng thường gặp trong bài thi TOEIC. Đọc tìm kiếm thông tin cụ thể, chi tiết. Thảo luận về chủ đề nghề các tình huống hàng ngày như: du lịch, điện thoại di động, việc làm, thư viện trường, chuẩn bị cho chuyến đi du lịch, thời trang - quần áo. Viết	4	HK II	Quá trình: 40% Thi kết thúc: 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		câu đơn và viết thư điện tử.			
766.	Sinh lý động vật thủy sản	Giúp sinh viên nắm được chức năng của các cơ quan cá và giáp xác. Giúp sinh viên tăng cường khả năng tư duy về nghề nuôi trồng thủy sản.	2	HK II	Quá trình: 40% Thi kết thúc: 60%
767.	TT. Sinh lý động vật	giúp sinh viên củng cố kiến thức lý thuyết trên lớp. Có khả năng tự bố trí thí nghiệm các vấn đề có liên quan sinh lý của cá, tôm. Giúp sinh viên có khả năng giải thích các hiện tượng sinh lý trên ĐVTS, từ đó có thể ứng dụng trong thực tế sản xuất .	1	HK2	Thi kết thúc: 100%
768.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	- <i>Về nội dung:</i> Cung cấp những tri thức có tính hệ thống, cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920- 1930), sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đấu tranh giành chính quyền (1930- 1945), trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945- 1975), trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới (1975- 2018). - <i>Về tư tưởng:</i> Thông qua các sự kiện lịch sử và các kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng để xây dựng ý thức tôn trọng sự thật khách quan, nâng cao lòng tự hào, niềm tin của sinh viên vào sự lãnh đạo của Đảng trong quá khứ và hiện tại.	2	HK II	Quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%
769.	TT. Hình thái PL giáp xác – nhuyễn thể	4.1. Hiểu được kiến thức cơ bản về hình thái giải phẫu cơ thể Giáp xác (Shrimp, Crab) và Nhuyễn thể, vai trò của các cơ quan trong cơ thể Giáp xác và Nhuyễn thể (Gastropoda, Bivalvia và Cephalopoda). 4.2. Có kiến thức về hệ thống phân loại về đặc điểm, dấu hiệu dùng trong phân loại Giáp xác - Nhuyễn thể có giá trị kinh tế về đặc điểm phân bố và đặc điểm sinh thái. 4.3. Có kỹ năng thực hành nghiên cứu và có thể vận dụng kiến thức đã học vào nghề nuôi, khai thác và phát triển nguồn lợi thủy sản. 4.4. Sử dụng được kỹ năng làm việc độc lập trong quá trình tự học và tự nghiên cứu 4.5. Sử dụng được kỹ năng làm việc nhóm trong	1	HK II	Quá trình: 50% Thi kết thúc: 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		quá trình thảo luận trên lớp và thực hành.			
770.	Động vật thủy sinh	- Môn học nhằm cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản đi sâu từng nhóm về hình thái cấu trúc, dinh dưỡng, tiêu hóa, bài tiết, điều hòa áp suất thẩm thấu, vận động, sinh sản, vòng đời, chỉ thị sinh học, kiểm soát sinh học và ưu thế loài. - Khái quát chung về tính đa dạng sinh học và vai trò của động vật thủy sinh, trên cơ sở đó giúp sinh viên xác định được một số nhóm ngành động vật thủy sinh có lợi và có tiềm năng cần nghiên cứu phát triển và khả năng kiểm soát những nhóm ngành gây hại, Sinh viên có khả năng tổng hợp kiến thức đã học để ứng dụng vào thực tiễn sản xuất	2	HK II	Quá trình: 50% Thi kết thúc: 50%
771.	TT. Động vật thủy sinh	- Giới thiệu kiến thức về đặc điểm sinh học, sinh thái và vai trò động vật thủy sinh sống trong môi trường nước - Nghiên cứu các nhóm động vật có lợi và gây hại cho nghề nuôi trồng thủy sản bao gồm: động vật nguyên sinh, trùng bánh xe, giáp xác râu ngành, giáp xác chân chèo, giáp xác chân đều, giáp xác bơi nghiêng và một vài nhóm động vật đáy như giun đốt, giáp xác và thân mềm - Nghiên cứu mối quan hệ giữa động vật - môi trường và mối quan hệ giữa động vật - động vật cũng như động vật và thực vật - Trên cơ sở đó giúp sinh viên phân tích, đánh giá và tổng hợp kiến thức đã học để điều khiển quần thể của chúng theo mong muốn, qua đó giúp sinh viên có thể nghiên cứu và áp dụng vào thực tế sản xuất của ngành	1	HK II	Quá trình: 50% Thi kết thúc: 50%
772.	Dinh dưỡng và thức ăn thủy sản	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về dinh dưỡng và thức ăn trong nuôi trồng thủy sản, nhu cầu dinh dưỡng và phương pháp xây dựng công thức thức ăn cho các đối tượng nuôi thủy sản ở giai đoạn ương ấu trùng, nuôi thịt hay nuôi vỗ bổ mẹ và những vấn đề có liên quan.	3	HK II	Quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%
773.	TT. Dinh dưỡng	là cung cấp cho sinh viên có được những	1	HK II	Thi kết thúc:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	và thức ăn thủy sản	kiến thức cơ bản về: nguyên tắc thiết lập khẩu phần thức ăn cho động vật thủy sản; phương pháp đánh giá, chọn và tính tỷ lệ các loại nguyên liệu cần thiết trong chế biến thức ăn cho động vật thủy sản; phương pháp chế biến và đánh giá chất lượng của thức ăn cho tôm cá. Kiến thức của môn học sẽ giúp cho sinh viên trong nghiên cứu khoa học hoặc thực tiễn sản xuất thức ăn để phục vụ cho ngành nuôi trồng thủy sản đạt hiệu quả hơn.			100%
774.	Quản lý chất lượng nước ao nuôi thủy sản	Nắm vững đặc tính của môi trường nước, động thái và ý nghĩa sinh thái học của các yếu tố như vật lý, hoá học và sinh học của nước đối với đời sống của thủy sinh vật, Nắm vững quá trình tích lũy, quá trình phân hủy vật chất hữu cơ ở nền đáy thủy vực và ảnh hưởng của chúng đối với đời sống của thủy sinh vật. Hiểu rõ và giải thích được các quá trình chuyển hóa vật chất dinh dưỡng trong thủy vực. Hiểu rõ và giải thích được sự ô nhiễm nguồn nước và khả năng tự làm sạch của nguồn nước. Nắm vững kiến thức về phương pháp thu mẫu, phương pháp phân tích và đánh giá các yếu tố chất lượng nước	2	HKII	Quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%
775.	TT. Quản lý chất lượng nước ao nuôi thủy sản	Rèn cho sinh viên kiến thức và kỹ năng như vận dụng thuyết phân tử ánh sáng trong phân tích một số chỉ tiêu môi trường nước; Nguyên tắc thu mẫu và bảo quản mẫu nước, mẫu bùn; Nguyên lý và phương pháp xác định các chỉ tiêu oxy hòa tan, độ kiềm, độ cứng tổng cộng, COD, các muối dinh dưỡng nitơ, phosphor trong nước.	1	HK2	Thi kết thúc: 100%
776.	Nhập môn nghiên cứu khoa học	Cung cấp cho sinh viên kiến thức về phương pháp chọn đề tài khoa học, phương pháp xây dựng đề cương đề tài nghiên cứu khoa học, những nội dung chính của một báo cáo khoa học và khâu chuẩn bị cho việc trình bày một báo cáo khoa học	2	HK I	Quá trình: 40% Thi kết thúc: 60%
777.	Ngư loại học	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngư loại học thông qua những hiểu biết về hình thái giải phẫu cơ thể cá và chức năng của các cơ quan; Hệ thống phân loại	2	HK I	Quá trình: 50% Thi kết thúc: 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		cá; Những loài cá nước ngọt và nước lợ thường gặp ở Đồng bằng sông Cửu Long. Trang bị cho sinh viên những kỹ năng về giải phẫu cá; Nhận dạng và phân loại một số nhóm cá chính; Phân tích các đặc điểm sinh học cá (sinh trưởng, dinh dưỡng, sinh sản)			
778.	Thủy sản đại cương	Mục tiêu chính của học phần là cung cấp cho sinh viên cách nhìn tổng hợp về sự phát triển nghề cá nói chung (khai thác, nuôi trồng, chế biến, bảo vệ nguồn lợi thủy sản) trên toàn thế giới và ở Việt Nam.	2	HK I	Quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%
779.	Sinh học đại cương	Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về sinh học tế bào, di truyền tế bào cũng như tổ chức tế bào trong cơ thể sinh vật, các kiến thức dựa trên nền tảng kiến thức sinh học phổ thông và được nâng cao hơn một chút giúp sinh viên dễ dàng tiếp thu hơn.	2	HK I	Quá trình: 40% Thi kết thúc: 60%
780.	Pháp luật đại cương	Học phần Pháp luật đại cương nhằm trang bị những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật, thông qua học phần, người học cũng có thể vận dụng kiến thức nền tảng từ môn học vào trong thực tế cuộc sống và công việc sau này	2	HK I	Quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%
781.	Sinh hoá B	Nắm được các kiến thức về các quá trình sinh hoá trong cơ thể sống Biết được vai trò và chức năng của các đại phân tử trong sinh vật như carbohydrate, protein, lipid và enzyme. Vitamin. Nắm được các biến đổi về mặt sinh hoá trong thủy sản. Biết được cơ bản các kỹ thuật ứng dụng trong công nghệ sinh hoá	2	HK 2	Quá trình: 40% Thi kết thúc: 60%
782.	Xã hội học đại cương	Nắm những vấn đề chung về xã hội học: Lịch sử nghiên cứu, khái niệm, đối tượng nghiên cứu.... để hình thành phương pháp học và nghiên cứu môn học. Nắm vững một số vấn đề chuyên sâu về xã hội học chuyên ngành: nông thôn, đô thị, gia đình... Hiểu rõ về tổ chức và thiết chế xã hội để nắm vững cách hình thành, hoạt động và khả năng tham gia vào tổ chức xã hội. Ứng dụng những kiến thức vào học vào nhìn nhận thực tế những vấn đề xã hội hiện nay.	2	HK 2	Quá trình: 30% Thi kết thúc: 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
783.	Di truyền học đại cương	Nắm được cơ sở di truyền các tính trạng từ bố, mẹ sang con cái như thế nào. Có những hình thức và phương pháp nghiên cứu di truyền nào. Con người đã ứng dụng những nghiên cứu di truyền vào trong thực tế nghiên cứu di truyền và chọn giống nông nghiệp. Có thể biết được một số tính trạng, bệnh liên quan đến di truyền như thế nào	2	HK 2	Quá trình: 40% Thi kết thúc: 60%
784.	Tiếng Anh định hướng Toeic 1	Giúp sinh viên Có kiến thức về danh động từ, động từ nguyên mẫu, trợ động từ, sự hòa hợp giữa chủ từ và động từ, thì động từ và các hình thức của động từ, tính từ, giới từ, ... cung cấp một số lượng nhất định những từ vựng thường gặp trong bài thi TOEIC. Đọc tìm kiếm thông tin cụ thể, chi tiết. Thảo luận về chủ đề nghề các tình huống hàng ngày như: du lịch, điện thoại di động, việc làm, thư viện trường, chuẩn bị cho chuyến đi du lịch, thời trang - quần áo. Viết câu đơn và viết thư điện tử	4	HK 2	Quá trình: 40% Thi kết thúc: 60%
785.	Triết học Mác - Lênin	Giúp sinh viên hiểu và vận dụng trong quá trình học tập về xác định đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp, ý nghĩa của việc học tập môn học. Giúp sinh viên hiểu được sự ra đời của triết học và triết học Mác – Lênin. Cung cấp những kiến thức cơ bản cho người học những nội dung cơ bản về những nguyên lý, cặp phạm trù, quy luật, vận động, phát triển chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy; xây dựng thế giới quan, phương pháp luận khoa học, cách mạng, vận dụng vào hoạt động nhận thức khoa học và thực tiễn cách mạng giai đoạn hiện nay	3	HK 2	Quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%
786.	Giáo dục thể chất 1	Giúp cho sinh viên có khả năng nhận biết một số kỹ thuật cơ bản của cầu lông/bóng đá/bóng chuyền, nắm vững yếu lĩnh kỹ thuật động tác để trên cơ sở đó sinh viên tự tập luyện nâng cao sức khỏe cho bản thân và có thể hướng dẫn người chưa biết cùng tham gia tập luyện.	1	HK 2	Thi kết thúc: 100%
787.	Giáo dục thể chất 2	Giúp cho sinh viên có khả năng nhận biết một số kỹ thuật cơ bản của cầu lông/bóng	1	HK 2	Thi kết thúc: 100%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		đá/bóng chuyền, nắm vững yếu lĩnh kỹ thuật động tác để trên cơ sở đó sinh viên tự tập luyện nâng cao sức khỏe cho bản thân và có thể hướng dẫn người chưa biết cùng tham gia tập luyện.			
788.	TT. Sinh học đại cương	Giúp SV biết cách sử dụng được các thiết bị, dụng cụ trong phòng thực hành Biết cách sử dụng KHV để quan sát vi mẫu. Thực hiện các tiêu bản, các thí nghiệm quan sát tế bào, quá trình trao đổi chất, phân bào Hoàn thiện kỹ năng làm việc nhóm, tìm và tổng hợp, viết báo cáo.	1	HK 2	Thi kết thúc: 100%
789.	Tin học căn bản	Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản nhất về công nghệ thông tin. Thông qua nội dung lý thuyết và thực hành, rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng: - Sử dụng hệ điều hành Windows: Những hiểu biết cơ bản về tin học, thông tin và cách biểu diễn thông tin trong máy tính; Hệ thống máy tính với phần cứng, phần mềm và dữ liệu; Các khái niệm về hệ điều hành; Sử dụng hệ điều hành Windows; Sử dụng tiếng Việt trong windows, cách bảo vệ thông tin và phòng chống virus máy tính. - Soạn thảo văn bản bằng Microsoft Word. - Xử lý bảng tính bằng Microsoft Excel.	3	HK 2	Quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%
790.	Công trình và thiết bị thủy sản	Kỹ thuật đo đạc, khảo sát cho một cơ sở sản xuất giống hay nuôi thủy sản. Lập kế hoạch, thiết kế một cơ sở sản xuất giống. Lập kế hoạch, thiết kế một cơ sở nuôi thủy sản. Chọn loại vật liệu, tính toán lượng vật liệu cần sử dụng trong các công trình thủy sản. Tự trang bị một số trang thiết bị cần thiết cho sản xuất giống hay nuôi thủy sản	2	HK3	Quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%
791.	Hóa phân tích ứng dụng thủy sản	Cung cấp kiến thức về phản ứng hóa học và chuẩn bị dung dịch trong phòng thí nghiệm. Trang bị kiến thức về phương pháp thu và bảo quản mẫu môi trường nước trong ao nuôi thủy sản. Nguyên lý các phương pháp phân tích các yếu tố lý, hóa học của khoa học môi trường nước bao gồm phương	2	HK3	Quá trình: 40% Thi kết thúc: 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		pháp điện thế, phương pháp trọng lượng, phương pháp chuẩn độ, phương pháp so màu quang phổ. Cung cấp kiến thức về phương pháp đánh giá số liệu phân tích, đánh giá và bảo đảm chất lượng QA&QC cho phòng thí nghiệm. Trang bị cho sinh viên các kiến thức về an toàn phòng thí nghiệm.			
792.	Sinh thái thủy sinh vật	Hiểu được đặc điểm của thủy sinh vật cũng như vai trò, chức năng của thủy sinh vật sống trong nước. Hiểu được vai trò, chức năng cơ bản của quần thể thủy sinh vật và các quy luật phân bố, biến đổi của thủy sinh vật. Nắm được cấu trúc hệ sinh thái và chu kỳ biến đổi một số chất diễn ra trong nước. Nắm được vai trò của các bậc dinh dưỡng và các yếu tố có ảnh hưởng tới năng suất thủy vực.	2	HK3	Quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%
793.	TT. Sinh hoá B	Nắm được các biến đổi về mặt sinh hoá trong thực phẩm. Biết được cơ bản các kỹ thuật ứng dụng trong công nghệ sinh hoá. Biết cách thực hiện các thí nghiệm sinh hoá đơn giản như đánh giá hoạt tính của enzyme. Soạn báo cáo, báo cáo và làm việc nhóm.	1	HK3	Thi kết thúc: 100%
794.	Tiếng Anh định hướng Toeic 2	Giúp sinh viên Có kiến thức về danh động từ, động từ nguyên mẫu, trợ động từ, sự hòa hợp giữa chủ từ và động từ, thì động từ và các hình thức của động từ, tính từ, giới từ, ... cung cấp một số lượng nhất định những từ vựng thường gặp trong bài thi TOEIC. Đọc tìm kiếm thông tin cụ thể, chi tiết. Thảo luận về chủ đề nghề các tình huống hàng ngày như: du lịch, điện thoại di động, việc làm, thư viện trường, chuẩn bị cho chuyến đi du lịch, thời trang - quần áo. Viết câu đơn và viết thư điện tử.	4	HK3	Quá trình: 40% Thi kết thúc: 60%
795.	TT. Di truyền học đại cương	Mục đích của các bài thực tập DTĐC nhằm cung cấp cho SV các phương pháp thực hiện mẫu để quan sát dưới KHV một số hiện tượng di truyền cơ bản và giúp SV củng cố những kiến thức cơ bản trong học phần lý thuyết DTĐC thông qua những quan	1	HK3	Thi kết thúc: 100%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		sát dưới KHV và các mô hình thí nghiệm. Hoàn thiện kỹ năng làm việc nhóm, tìm và tổng hợp, viết báo cáo			
796.	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Trên cơ sở thế giới quan và phương pháp luận Triết học Mác- Lê Nin. Từ đó, cung cấp cơ sở lý luận để nắm được những nội dung cơ bản Kinh tế chính trị Mác- Lê Nin trong bối cảnh phát triển nền kinh tế đất nước và thế giới ngày nay. Nghiên cứu kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế ở Việt Nam.	2	HK3	Quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%
797.	Hình thái PL giáp xác – nhuyễn thể	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hình thái cấu tạo và giải phẫu, đặc điểm sinh học cơ bản của đối tượng Giáp xác - nhuyễn thể. Qua đó sinh viên có thể vận dụng kiến thức đã học vào nghề nuôi cũng như chẩn đoán và phòng trị bệnh. Ngoài ra sinh viên còn được trang bị thêm kiến thức về đa dạng thành phần giống loài tôm, cua và những loài nhuyễn thể có giá trị kinh tế cũng như sự phân bố của chúng ở các loại hình thủy vực khác nhau ở Đồng Bằng Sông Cửu Long (ĐBSCL).	2	HK3	Quá trình: 50% Thi kết thúc: 50%
798.	Công nghệ CB chè, cà phê, ca cao	Nắm được quy trình công nghệ chế biến trà, cà phê, và cacao. Ưu nhược điểm của từng quy trình. Sinh viên hiểu được ứng dụng và ảnh hưởng của các sản phẩm này đối với sức khỏe (cả khía cạnh tốt và xấu).	2	HK 1	Quá trình: 40% Thi kết thúc: 60%
799.	Công nghệ CB sữa & sản phẩm sữa	Giúp cho sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản trong việc thu hoạch, xử lý, tồn trữ cũng như công nghệ chế biến những sản phẩm từ sữa, hiểu được giá trị sử dụng cũng như giá trị dinh dưỡng của nguồn nguyên liệu này đối với đời sống của con người. Giúp cho sinh viên có thể hiểu rõ và vận dụng các học phần đã học vào việc giải thích các hiện tượng xảy ra khi chế biến, tồn trữ sữa và các sản phẩm từ sữa.	2	HK 1	Quá trình: 40% Thi kết thúc: 60%
800.	Công nghệ CB thịt & sản phẩm thịt	Môn học cung cấp cho sinh viên một sự mô tả bao quát về sản phẩm động vật, khoa học thịt, những tiến bộ mới nhất trong công	2	HK 1	Quá trình: 40% Thi kết thúc:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nghệ, các quy trình sản xuất để tạo ra các nhóm sản phẩm đặc trưng trong chế biến thịt như ướp muối, xông khói, nhũ tương hóa... - Giúp cho sinh viên vận dụng được kiến thức của môn học trong đời sống và các môn khác.			60%
801.	Công nghệ chế biến đường và bánh kẹo	Trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên môn trong lĩnh vực công nghệ chế biến bánh kẹo như: Nguyên liệu và qui trình sản xuất đường và bánh kẹo, phân loại các sản phẩm bánh kẹo, quy trình công nghệ chế biến một số sản phẩm bánh kẹo. Sinh viên có khả năng phân tích, giải thích và lập luận giải quyết các vấn đề kỹ thuật trong chế biến đường, bánh, kẹo. Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể thiết kế và quản lý tốt qui trình công nghệ, tính toán cân bằng vật chất trong sản xuất đường và sản phẩm bánh kẹo.	2	HK 1	Quá trình: 40% Thi kết thúc: 60%
802.	Công nghệ chế biến thủy - hải sản	Giới thiệu những vấn đề quan trọng về nguyên liệu và công nghệ chế biến thủy hải sản như: Thành phần hóa học, tính chất của nguyên liệu thủy - hải sản sau thu hoạch, những biến đổi của động vật thủy sản sau khi chết, các phương pháp bảo quản sản phẩm thủy hải sản, qui trình công nghệ chế biến nước mắm và các sản phẩm khác chế biến từ nguồn nguyên liệu thủy - hải sản.	2	HK 1	Quá trình: 40% Thi kết thúc: 60%
803.	Niên luận chuyên ngành CNTP	Cung cấp kiến thức tổng hợp về hoạt động nghiên cứu và chế biến thực phẩm. Biết viết và trình bày một báo cáo khoa học. Sinh viên có khả năng tự học, tự tham khảo tài liệu phục vụ cho mục tiêu của mình.	2	HK 1	Thi kết thúc: 100%
804.	TT. Công nghệ thực phẩm (nhà máy)	Cung cấp các kiến thức chuyên môn về chuyên ngành thực tế (ngũ cốc, rau quả, thịt, thủy sản, lên men...). Đồng thời cung cấp các kiến thức về quá trình và thiết bị ứng dụng trong bảo quản và chế biến thực phẩm. Tham gia vào dây chuyền sản xuất thực phẩm của nhà máy. Rèn luyện kỹ năng, nâng cao tay nghề và biết cách xử lý các công việc, áp dụng các kiến thức đã học vào thực tế.	3	HK 1	Thi kết thúc: 100%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
805.	TT. Kỹ thuật thực phẩm (nhà máy)	Thực tập tại nhà máy là một trong những môn học rất quan trọng đối với sinh viên ngành Công nghệ thực phẩm. Trong quá trình thực tập thực tế tại các cơ sở, sinh viên tìm hiểu các vấn đề liên quan đến các quá trình và thiết bị như cấu tạo, nguyên tắc hoạt động, các thông số kỹ thuật trong vận hành thiết bị và các yếu tố như hướng đến các quá trình xảy ra trong thiết bị.	2	HK 1	Thi kết thúc: 100%
806.	Bổ sung kiến thức chuyên ngành - CNTP	Giúp sinh viên có kiến thức tổng quát về thực phẩm chức năng, phân loại. Cung cấp kiến thức về những nguyên nhân gây ô nhiễm thực phẩm và ngộ độc thực phẩm. Các loại thực phẩm chức năng có nguồn gốc khác nhau, quy định chung về quản lý thực phẩm chức năng trên thị trường, những nguyên nhân chủ yếu ảnh hưởng đến tính an toàn lao động và các kỹ thuật để đảm bảo an toàn lao động.	2	HK 2	Quá trình: 40% Thi kết thúc: 60%
807.	Bổ sung kiến thức cơ sở ngành - CNTP	Giúp sinh viên có kiến thức về các nguyên liệu cơ bản (nước, protein, lipid, glucid, chất màu,...), sự biến đổi phẩm chất thực phẩm và sự ảnh hưởng của các quá trình công nghệ đến sự chuyển hóa các hợp phần trên. Giúp sinh viên nắm được các kiến thức về các quá trình sinh hoá trong cơ thể sống; Biết được vai trò và chức năng của các đại phân tử trong sinh vật như carbohydrate, protein, lipid và enzyme. Vitamin; Các biến đổi về mặt sinh hoá trong thủy sản.	2	HK 2	Quá trình: 40% Thi kết thúc: 60%
808.	TT.Công nghệ thực phẩm (PTN)	Cung cấp các kiến thức chuyên môn về chuyên ngành thực tế (ngũ cốc, rau quả, thịt, thủy sản, lên men,...). Đồng thời cung cấp các kiến thức về quá trình và thiết bị ứng dụng trong bảo quản và chế biến sau thu hoạch. Tính toán nguyên liệu, phụ gia và hóa chất chuẩn bị cho quá trình chế biến và bảo quản. Thao tác vận hành các máy móc thiết bị trong quá trình bảo quản và chế biến. Phân tích, so sánh và giải thích các biến đổi trong quá trình bảo quản và chế biến sau thu hoạch.	3	HK 2	Thi kết thúc: 100%
809.	Khóa luận tốt	Có kiến thức tổng quan tổng hợp về hoạt	12	HK 2	Thi kết thúc:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	ngiệp - CNTP	động nghiên cứu và chế biến thực phẩm. Biết phân tích, xử lý số liệu liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu. Biết viết và trình bày một nghiên cứu khoa học. Sinh viên có khả năng tự học, tham khảo tài liệu và bố trí thí nghiệm phục vụ cho mục tiêu nghiên cứu.			100%
810.	Tiểu luận tốt nghiệp - CNTP	Có kiến thức tổng quan tổng hợp về hoạt động nghiên cứu và chế biến thực phẩm. Biết phân tích, xử lý số liệu liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu. Biết viết và trình bày một nghiên cứu khoa học. Sinh viên có khả năng tự học, tham khảo tài liệu và bố trí thí nghiệm phục vụ cho mục tiêu nghiên cứu.	8	HK 2	Thi kết thúc: 100%
811.	Anh văn chuyên ngành CNTP	Cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng, ngữ pháp, các thuật ngữ, qua đó sinh viên nắm được các kỹ năng đọc, viết và cách phát âm, cách tạo từ theo thuật ngữ chuyên ngành	2	HK1	Quá trình: 40% Thi kết thúc: 60%
812.	Bao bì thực phẩm	Giúp cho sinh viên hiểu được các tính chất của bao gói và sự tiến bộ nhanh chóng của bao bì hiện đại góp phần vào sự tiến bộ trong sản xuất thực phẩm. Học phần còn giúp sinh viên ứng dụng chọn lựa vật liệu, nêu các yêu cầu thiết kế để thỏa mãn các mục tiêu sản xuất, bảo quản, tiếp thị. Sau các tiến trình công nghệ, đóng gói có một vai trò hết sức quan trọng trong sản xuất thực phẩm hiện đại. Ngày nay hầu hết các sản phẩm thực phẩm đều dùng nhiều loại bao bì ăn được hay không ăn được, bao bì cổ điển, bao bì thông minh ... để bao gói, vận chuyển, tiếp thị, cải thiện phẩm chất, bảo quản, trợ giúp quản lý các sản phẩm thực phẩm ... Học phần này nhằm giới thiệu, bên cạnh các yếu tố liên quan đến tâm lý xã hội trong tiêu thụ thực phẩm, đặc biệt chú ý đến vai trò khoa học kỹ thuật của bao bì như một phương tiện điều chỉnh các mối quan hệ giữa sự ổn định phẩm chất thực phẩm với các yếu tố của môi trường. Học phần còn giúp sinh viên có khả năng chọn lựa vật liệu bao gói thích hợp, tính toán thiết kế, sử dụng bao bì, để đạt các nhiều mục tiêu trên.	2	HK1	Quá trình: 50% Thi kết thúc: 50%
813.	Công nghệ CB	Nắm được quy trình công nghệ chế biến trà,	2	HK1	Quá trình:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	chè, cà phê, ca cao	cà phê, và cacao. Ưu nhược điểm của từng quy trình. Sinh viên hiểu được ứng dụng và ảnh hưởng của các sản phẩm này đối với sức khỏe (cả khía cạnh tốt và xấu).			40% Thi kết thúc: 60%
814.	Nguyên lý bảo quản và chế biến TP	Sinh viên biết các nguyên nhân gây hư hỏng thực phẩm, các phương pháp bảo quản thực phẩm và các quá trình cơ bản trong chế biến thực phẩm. Phân tích và giải thích được nguyên nhân gây hư hỏng thực phẩm từ đó áp dụng các phương pháp bảo quản phù hợp nhất.	2	HK1	Quá trình: 40% Thi kết thúc: 60%
815.	Nước cấp, nước thải kỹ nghệ	Thực tập tại nhà máy là một trong những môn học rất quan trọng đối với sinh viên ngành Công nghệ thực phẩm. Trong quá trình thực tập thực tế tại các cơ sở, sinh viên tìm hiểu các vấn đề liên quan đến các quá trình và thiết bị như cấu tạo, nguyên tắc hoạt động, các thông số kỹ thuật trong vận hành thiết bị và các yếu tố như hướng đến các quá trình xảy ra trong thiết bị.	2	HK1	Quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%
816.	Quản lý chất lượng và luật thực phẩm	Các định nghĩa, khái niệm, nguyên tắc cơ bản trong quản lý chất lượng thực phẩm. Nội dung, phương pháp thực hiện, các thủ tục, yêu cầu và mối quan hệ giữa các hệ thống quản lý chất lượng: HACCP, GMP, SSOP, ISO	2	HK1	Quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%
817.	TT. Kỹ thuật thực phẩm (nhà máy)	Sinh viên biết được các kiến thức đại cương về nguồn nước cấp, nước thải, các chỉ tiêu đánh giá chất lượng nước cấp và nước thải. Các phương pháp xử lý nước cấp cho sinh hoạt và sản xuất, chế biến và các biện pháp xử lý và công nghệ xử lý nước thải đang được áp dụng tại Việt Nam.	2	HK1	Thi kết thúc: 100%
818.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Sinh viên có thể trình bày khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh và những tư tưởng, luận điểm, quan điểm cơ bản diễn ra trong tiến trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh. Sinh viên có thể phân tích, giải thích về những nội dung tư tưởng, quan điểm cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh.	2	HK1	Quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%
819.	Công nghệ sau thu hoạch và chế biến ngũ cốc	Môn học giúp sinh viên tìm hiểu về cấu tạo, tính chất vật lý, những biến đổi sinh lý, sinh hóa hạt ngũ cốc sau thu hoạch. Đánh giá	2	HK1	Quá trình: 40% Thi kết thúc:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		những nguyên nhân gây tổn thất ngũ cốc trong quá trình thu hoạch và sau thu hoạch, đồng thời nêu ra các biện pháp thực hiện nhằm hạn chế tổn thất này. Sinh viên biết được các phương pháp bảo quản nhằm duy trì chất lượng và kéo dài thời gian bảo quản của hạt ngũ cốc. Công nghệ sản xuất một số sản phẩm từ các nguyên liệu ngũ cốc như tinh bột, bánh mì, mì sợi, mì ăn liền...			60%
820.	Công nghệ chế biến đường và bánh kẹo	Trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên môn trong lĩnh vực công nghệ chế biến bánh kẹo như: Nguyên liệu và qui trình sản xuất đường và bánh kẹo, phân loại các sản phẩm bánh kẹo, quy trình công nghệ chế biến một số sản phẩm bánh kẹo. Sinh viên có khả năng phân tích, giải thích và lập luận giải quyết các vấn đề kỹ thuật trong chế biến đường, bánh, kẹo. Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể thiết kế và quản lý tốt qui trình công nghệ, tính toán cân bằng vật chất trong sản xuất đường và sản phẩm bánh kẹo.	2	HK1	Quá trình: 40% Thi kết thúc: 60%
821.	Độc chất học thực phẩm	Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cần thiết liên quan đến lĩnh vực độc chất học trong sử dụng, chế biến và bảo quản thực phẩm. Nội dung môn học chủ yếu đề cập đến các khái niệm liên quan đến độc chất học thực phẩm, phân loại các chất độc, nguồn gây nhiễm của chất độc, cơ chế gây độc và con đường chuyển hóa của chất độc trong cơ thể, các chất độc thường gặp trong thực phẩm và các ảnh hưởng của các chất độc trên đối với cơ thể người bị ngộ độc, biện pháp đề phòng ngộ độc thực phẩm.	2	HK2	Quá trình: 40% Thi kết thúc: 60%
822.	Niên luận chuyên ngành CNTP	Cung cấp kiến thức tổng hợp về hoạt động nghiên cứu và chế biến thực phẩm. Biết viết và trình bày một báo cáo khoa học. Sinh viên có khả năng tự học, tự tham khảo tài liệu phục vụ cho mục tiêu của mình.	2	HK2	Thi kết thúc: 100%
823.	Phát triển sản phẩm mới	Trang bị cho sinh viên khả năng vận dụng các kiến thức về: Quy trình các bước trong nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới	2	HK2	Quá trình: 50% Thi kết thúc: 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Nghiên cứu thị trường, người tiêu dùng để khảo sát, phân tích, sàng lọc, tổng hợp, lập kế hoạch và thực hiện dự án phát triển sản phẩm.			
824.	Phương pháp nghiên cứu khoa học - CNTP	Giúp học viên biết cách bố trí thí nghiệm và phân tích số liệu để thực hiện các thí nghiệm phục vụ cho luận văn tốt nghiệp và phục vụ việc nghiên cứu khoa học.	2	HK2	Quá trình: 40% Thi kết thúc: 60%
825.	Tham quan thực tế nhà máy	công ty TNHH nhà máy bia Heineken Việt Nam, công ty Ajinomoto Việt Nam, công ty Yakult Việt Nam, nông trại rau, quả Đà Lạt, cơ sở rượu cần Đà Lạt, nhà máy trà atiso & rượu vang Vĩnh Tiến, trang trại chè và nhà máy chế biến chè Đà Lạt	2	HK2	Thi kết thúc: 100%
826.	Công nghệ sản xuất nước chấm và gia vị	Trình bày được các bước tiến hành và thông số công nghệ; phân tích được các yếu tố ảnh hưởng, giải thích được các biến đổi diễn ra trong quy trình sản xuất một số sản phẩm nước chấm, gia vị. Chủ động tính toán, cân đối nguyên vật liệu, thực hiện chính xác các công đoạn trong qui trình sản xuất một số sản phẩm nước chấm, gia vị. Lựa chọn đúng phương pháp và thiết bị trong quy trình sản xuất một số sản phẩm nước chấm, gia vị; đề ra các biện pháp nâng cao chất lượng sản phẩm. Kỹ thuật pha chế đồ uống 2TC Trang bị cho sinh viên kiến thức lịch sử cocktail, khái niệm cơ bản cocktail, kiến thức cơ bản về nguyên phụ liệu, dụng cụ trang thiết bị cần thiết trong quầy bar, các nguyên tắc, kỹ thuật pha chế một loại nước uống, các nguyên tắc bảo quản phù hợp, với yêu cầu của từng loại thức uống, công thức pha chế quốc tế cơ bản. Quản lý và tận dụng phụ phẩm trong chế biến thực phẩm 2TC	2	HK2	Quá trình: 40% Thi kết thúc: 60%
827.	Kỹ thuật pha chế đồ uống	Sinh viên nhận diện được các loại trang thiết bị, dụng cụ sử dụng tại bộ phận pha chế đồ uống và công dụng của chúng. Phân loại và mô tả được các loại đồ uống có cồn và không cồn như đặc điểm, tính chất, nguyên liệu, phương pháp sản xuất và nguyên tắc pha chế và phục vụ. Trình bày được các nội quy, quy định của bộ phận pha chế đồ uống. Nguyên tắc của kỹ thuật pha chế đồ uống.	2	HK2	Quá trình: 40% Thi kết thúc: 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chi	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
828.	TT. Kỹ thuật pha chế đồ uống	Sinh viên nhận diện được các dụng cụ và thiết bị được sử dụng trong pha chế. Biết cách bố trí, các dụng cụ và thiết bị cho phù hợp. Thực hiện được các thao tác pha chế chế cơ bản. Pha chế được một số công thức các sản phẩm đồ uống có cồn và không cồn.	1	HK2	Thi kết thúc: 100%
829.	Quản lý và tận dụng phụ phẩm trong chế biến thực phẩm	Giới thiệu tình hình phụ phẩm trong ngành sản xuất thực phẩm, tính chất và môi nguy phụ phẩm, qua đó cho thấy cần thiết của việc quản lý làm giảm thiểu phế phẩm và tận dụng phụ phẩm. Tối ưu hóa quá trình sản xuất nhằm giảm thiểu phế phẩm và tiết kiệm nguồn năng lượng. Cung cấp kiến thức về phân loại phụ phẩm, phế phẩm. Từ đó đề ra phương pháp và công nghệ xử lý phù hợp.	2	HK2	Quá trình: 40% Thi kết thúc: 60%
830.	Hoá học thực phẩm	Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về thành phần hóa học của thực phẩm, các biến đổi và tương tác xảy ra trong suốt tiến trình chế biến và bảo quản nông sản thực phẩm. Sinh viên sẽ được nghiên cứu về các nguyên liệu cơ bản (nước, protein, lipid, glucid, chất màu,...), sự biến đổi phẩm chất thực phẩm và sự ảnh hưởng của các quá trình công nghệ đến sự chuyển hóa các hợp phần trên.	2	HK1	Quá trình: 40% Thi kết thúc: 60%
831.	Kỹ thuật thực phẩm 1	Trang bị cho sinh viên các tính chất cơ bản của lưu chất và vật liệu rời, quá trình và thiết bị phân ly, các hình thức truyền nhiệt và ứng dụng trong chế biến thực phẩm. Tổng kê vật chất và năng lượng trong tính toán quá trình vận chuyển lưu chất. Tính toán các thiết bị truyền nhiệt, quản lý năng lượng và các thiết bị hỗ trợ.	3	HK1	Quá trình: 40% Thi kết thúc: 60%
832.	Sinh hoá B	Nắm được các kiến thức về các quá trình sinh hoá trong có thể sống Biết được vai trò và chức năng của các đại phân tử trong sinh vật như carbohydrate, protein, lipid và enzyme. Vitamin. Nắm được các biến đổi về mặt sinh hoá trong thủy sản. Biết được cơ bản các kỹ thuật ứng dụng trong công nghệ sinh hoá	2	HK1	Quá trình: 40% Thi kết thúc: 60%
833.	Tiếng Anh định	Giúp sinh viên Có kiến thức về danh động từ,	4	HK1	Quá trình:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	hướng Toeic 1	động từ nguyên mẫu, trợ động từ, sự hòa hợp giữa chủ từ và động từ, thì động từ và các hình thức của động từ, tính từ, giới từ, ... cung cấp một số lượng nhất định những từ vựng thường gặp trong bài thi TOEIC. Đọc tìm kiếm thông tin cụ thể, chi tiết. Thảo luận về chủ đề nghề các tình huống hàng ngày như: du lịch, điện thoại di động, việc làm, thư viện trường, chuẩn bị cho chuyến đi du lịch, thời trang - quần áo. Viết câu đơn và viết thư điện tử			40% Thi kết thúc: 60%
834.	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Học phần gồm có 6 chương : Trong đó, chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác Lê-Nin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác Lê-Nin theo mục tiêu của môn học. Cụ thể các vấn đề như : Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường, cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế của Việt Nam.	2	HK1	Quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%
835.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Nội dung học phần gồm 7 chương : Chương 1, trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của Chủ nghĩa xã hội Khoa học (quá trình hình thành, phát triển của Chủ nghĩa xã hội Khoa học) ; từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của CNXHKKH theo mục tiêu môn học.	2	HK1	Quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%
836.	Nhập môn nghiên cứu khoa học	Cung cấp cho sinh viên kiến thức về phương pháp chọn đề tài khoa học, phương pháp xây dựng đề cương đề tài nghiên cứu khoa học, những nội dung chính của một báo cáo khoa học và khâu chuẩn bị cho việc trình bày một báo cáo khoa học	2	HK1	Quá trình: 40% Thi kết thúc: 60%
837.	Anh văn chuyên ngành CNTP	Trang bị phương pháp và khả năng đọc hiểu, dịch thuật và trình bày bằng tiếng anh chuyên ngành liên quan đến các kiến thức về thành phần dinh dưỡng thực phẩm, an toàn vệ sinh thực phẩm, công nghệ chế biến thực phẩm, kỹ	4	HK 2	Quá trình: 40% Thi kết thúc: 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thuật chế biến thực phẩm, kỹ thuật bảo quản thực phẩm. Kiến thức về dịch thuật và viết tóm tắt bằng tiếng Anh.			
838.	Bao bì thực phẩm	Giúp cho sinh viên hiểu được các tính chất của bao gói và sự tiến bộ nhanh chóng của bao bì hiện đại góp phần vào sự tiến bộ trong sản xuất thực phẩm. Học phần còn giúp sinh viên ứng dụng chọn lựa vật liệu, nêu các yêu cầu thiết kế để thỏa mãn các mục tiêu sản xuất, bảo quản, tiếp thị. Sau các tiến trình công nghệ, đóng gói có một vai trò hết sức quan trọng trong sản xuất thực phẩm hiện đại. Ngày nay hầu hết các sản phẩm thực phẩm đều dùng nhiều loại bao bì ăn được hay không ăn được, bao bì cổ điển, bao bì thông minh ... để bao gói, vận chuyển, tiếp thị, cải thiện phẩm chất, bảo quản, trợ giúp quản lý các sản phẩm thực phẩm ... Học phần này nhằm giới thiệu, bên cạnh các yếu tố liên quan đến tâm lý xã hội trong tiêu thụ thực phẩm, đặc biệt chú ý đến vai trò khoa học kỹ thuật của bao bì như một phương tiện điều chỉnh các mối quan hệ giữa sự ổn định phẩm chất thực phẩm với các yếu tố của môi trường. Học phần còn giúp sinh viên có khả năng chọn lựa vật liệu bao gói thích hợp, tính toán thiết kế, sử dụng bao bì, để đạt các nhiều mục tiêu trên.	2	HK 2	Quá trình: 50% Thi kết thúc: 50%
839.	Đánh giá cảm quan thực phẩm	Học phần cung cấp kiến thức chung về các khái niệm và lịch sử phát triển của đánh giá cảm quan, các nguyên tắc và những điều kiện cần thiết để tiến hành đánh giá cảm quan thực phẩm. Cơ sở khoa học của quá trình đánh giá cảm quan bằng vị giác, khứu giác, thị giác, thính giác và xúc giác. Giới thiệu mục đích, phương pháp tiến hành và xử lý kết quả của các phép thử phân biệt, các phép thử mô tả, các phép thử thị hiếu. Mô tả các điều kiện cần thiết để tiến hành đánh giá cảm quan và cách thực hành đánh giá cảm quan tốt.	2	HK 2	Quá trình: 40% Thi kết thúc: 60%
840.	Dinh dưỡng người	- Cung cấp cho SV kiến thức về cấu trúc	2	HK 2	Quá trình:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		cơ thể người và nhu cầu năng lượng cho cơ thể. Vai trò của các chất dinh dưỡng đa lượng và vi lượng đối với sức khỏe con người. - SV có khả năng phân tích và đánh giá được nhu cầu năng lượng, và các chất dinh dưỡng cho từng đối tượng khác nhau (độ tuổi, giới tính, tình trạng sinh lý đặc biệt). - Trang bị cho SV nắm được kiến thức cơ bản về vai trò của các chất dinh dưỡng đa lượng và vi lượng đối với sức khỏe liên quan đến sự biến đổi và xáo trộn xảy ra trong cơ thể. - Phân tích và đánh giá được các yếu tố ảnh hưởng đến thành phần dinh dưỡng trong thực phẩm - Giúp cho SV xây dựng được chế độ ăn cân đối-hợp lý cho các đối tượng khác nhau.			40% Thi kết thúc: 60%
841.	Kỹ thuật thực phẩm 2	Môn học Tổng kê vật chất và năng lượng trình bày các kiến thức có liên quan đến các đại lượng thường được sử dụng trong tính toán những quá trình truyền nhiệt, truyền khối và cơ học lưu chất. Nội dung trọng tâm của học phần là đi sâu vào phương pháp tính toán các quá trình kỹ thuật vừa nêu trong chế biến thực phẩm dựa trên cơ sở các định luật bảo toàn vật chất và định luật bảo toàn năng lượng. - Khái niệm quá trình truyền khối giới thiệu những khái niệm cần thiết và nhắc lại những kiến thức có liên quan đến môn học. - Trình bày cơ chế sự di chuyển phân tử từ pha này sang pha khác (sự khuếch tán) và sự cân bằng pha của hệ thống nhiều cấu tử. - Lý thuyết tính toán các quá trình và thiết bị truyền khối (khuếch tán) dựa trên sự cân bằng pha như các quá trình chưng cất, hấp thu (cân bằng lỏng - hơi), quá trình trích ly chất lỏng (cân bằng lỏng - lỏng), quá trình trích ly chất rắn (cân bằng lỏng - rắn), quá trình sấy (cân bằng rắn	3	HK 2	Quá trình: 40% Thi kết thúc: 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- hơi)			
842.	Niên luận kỹ thuật thực phẩm	Một trong những nhiệm vụ của người kỹ sư công nghệ thực phẩm là thiết kế các trang thiết bị cần thiết trong sản xuất thực phẩm. Học phần niên luận kỹ thuật thực phẩm trang bị kỹ năng tính toán và thể hiện kết quả tính toán bằng bản vẽ chi tiết cấu tạo thiết bị cần thiết kể. Kết quả tính toán và bản vẽ chi tiết phải báo cáo và được đánh giá thông qua hội đồng của tổ chuyên môn.	2	HK 2	Thi kết thúc: 100%
843.	TT Vi sinh học thực phẩm	Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực phân tích vi sinh để phân tích các chỉ tiêu vi sinh, giải thích các vấn đề liên quan để ứng dụng trong thực tế kiểm nghiệm, hiểu biết các thiết bị trong phòng thí nghiệm vi sinh; khả năng giải thích được các bước thực hiện; khả năng nhận biết, giải thích được kết quả phân tích	1	HK 2	Thi kết thúc: 100%
844.	TT. Kỹ thuật thực phẩm (nhà máy)	Thực tập tại nhà máy là một trong những môn học rất quan trọng đối với sinh viên ngành Công nghệ thực phẩm. Trong quá trình thực tập thực tế tại các cơ sở, sinh viên tìm hiểu các vấn đề liên quan đến các quá trình và thiết bị như cấu tạo, nguyên tắc hoạt động, các thông số kỹ thuật trong vận hành thiết bị và các yếu tố như hưởng đến các quá trình xảy ra trong thiết bị .	2	HK 2	Thi kết thúc: 100%
845.	TT. Sinh hoá B	Nắm được các biến đổi về mặt sinh hoá trong thực phẩm. Biết được cơ bản các kỹ thuật ứng dụng trong công nghệ sinh hoá. Biết cách thực hiện các thí nghiệm sinh hoá đơn giản như đánh giá hoạt tính của enzyme. Soạn báo cáo, báo cáo và làm việc nhóm.	1	HK 2	Thi kết thúc: 100%
846.	TT. Kỹ thuật thực phẩm 1 (PTN)	Sinh viên hiểu biết các thiết bị đo đạc, cấu tạo và vận hành các thiết bị thí nghiệm. Sinh viên biết cách tìm và tra cứu các số liệu cần thiết trong các tài liệu tham khảo, biết tính toán các quá trình, có thể đọc và hiểu các tài liệu bằng tiếng nước ngoài	1	HK 2	Thi kết thúc: 100%
847.	TT. Kỹ thuật thực phẩm 2 (PTN)	Môn học gồm các nội dung chính như sau: Các bài thực tập được bố trí liên quan đến các môn học: Tổng kê vật chất và năng	1	HK 2	Thi kết thúc: 100%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		lượng, Truyền vật chất trong chế biến thực phẩm.			
848.	Vi sinh học thực phẩm	Giúp cho sinh viên nhận thức được vai trò của vi sinh vật trong chế biến cũng như bảo quản thực phẩm. Cũng như những tác hại của vi sinh vật khi chúng nhiễm vào thực phẩm	2	HK 2	Quá trình: 40% Thi kết thúc: 60%
849.	Giáo dục thể chất 3	Giúp cho sinh viên có khả năng nhận biết một số kỹ thuật cơ bản của cầu lông/bóng đá/bóng chuyền, nắm vững yếu lĩnh kỹ thuật động tác để trên cơ sở đó sinh viên tự tập luyện nâng cao sức khỏe cho bản thân và có thể hướng dẫn người chưa biết cùng tham gia tập luyện.	1	HK 2	Thi kết thúc: 100%
850.	Tiếng Anh định hướng Toeic 2	Giúp sinh viên Có kiến thức về danh động từ, động từ nguyên mẫu, trợ động từ, sự hòa hợp giữa chủ từ và động từ, thì động từ và các hình thức của động từ, tính từ, giới từ, ... cung cấp một số lượng nhất định những từ vựng thường gặp trong bài thi TOEIC. Đọc tìm kiếm thông tin cụ thể, chi tiết. Thảo luận về chủ đề nghề các tình huống hàng ngày như: du lịch, điện thoại di động, việc làm, thư viện trường, chuẩn bị cho chuyến đi du lịch, thời trang - quần áo. Viết câu đơn và viết thư điện tử	4	HK 2	Quá trình: 40% Thi kết thúc: 60%
851.	TT. Hóa học thực phẩm	Giúp cho sinh viên nhận thức được vai trò của vi sinh vật trong chế biến cũng như bảo quản thực phẩm. Cũng như những tác hại của vi sinh vật khi chúng nhiễm vào thực phẩm	1	HK 2	Thi kết thúc: 100%
852.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là môn học cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về đối tượng, phương pháp nghiên cứu môn Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam; Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng; Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới từ năm 1975 đến	2	HK 2	Quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		2018. Giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng, vận dụng kiến thức đã học trong quá trình học tập và công tác.			
853.	TT.Đánh giá cảm quan thực phẩm	Giúp cho sinh viên nhận thức được vai trò của vi sinh vật trong chế biến cũng như bảo quản thực phẩm. Cũng như những tác hại của vi sinh vật khi chúng nhiễm vào thực phẩm	1	HK 2	Thi kết thúc: 100%
854.	Nhập môn nghiên cứu khoa học	Cung cấp cho sinh viên kiến thức về phương pháp chọn đề tài khoa học, phương pháp xây dựng đề cương đề tài nghiên cứu khoa học, những nội dung chính của một báo cáo khoa học và khâu chuẩn bị cho việc trình bày một báo cáo khoa học	2	HKI	Quá trình: 50% Thi kết thúc: 50%
855.	Toán cao cấp (ngành QLDD,QLTNMT, CNTP)	Cung cấp cho SV kiến thức cơ bản về đạo hàm, vi phân, hàm số..., qua đó có thể ứng dụng trong các học phần cơ sở ngành tiếp theo	3	HKI	Quá trình: 50% Thi kết thúc: 50%
856.	Cơ nhiệt đại cương	Giúp sinh viên nắm được các định luật của cơ học và nhiệt học, giải được cá bài tập theo yêu cầu và nội dung trong chương trình, vận dụng lý thuyết giải thích một số hiện tượng cơ nhiệt thường gặp.	2	HKI	Quá trình: 50% Thi kết thúc: 50%
857.	Hóa học đại cương	Trang bị cho sv kiến thức cơ bản về hóa học vô cơ, hữu cơ làm nền tảng cho học các môn tiếp theo như hóa phân tích, Sinh hóa	2	HKI	Quá trình: 50% Thi kết thúc: 50%
858.	Pháp luật đại cương	Học phần Pháp luật đại cương nhằm trang bị những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật, thông qua học phần, người học cũng có thể vận dụng kiến thức nền tảng từ môn học vào trong thực tế cuộc sống và công việc sau này	2	HKI	Quá trình: 50% Thi kết thúc: 50%
859.	Nhiệt kỹ thuật	Học phần KTN sẽ giới thiệu các kiến thức cơ bản về nhiệt động học và truyền nhiệt và các ứng dụng của nó trong tính toán kỹ thuật.	2	HKII	Quá trình: 40% Thi kết thúc: 60%
860.	Xã hội học đại cương	Nắm những vấn đề chung về xã hội học: Lịch sử nghiên cứu, khái niệm, đối tượng nghiên cứu.... để hình thành phương pháp học và nghiên cứu môn học. Nắm vững một số vấn đề chuyên sâu về xã hội học chuyên ngành: nông thôn, đô thị, gia đình... Hiểu rõ	2	HKII	Quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		về tổ chức và thiết chế xã hội để nắm vững cách hình thành, hoạt động và khả năng tham gia vào tổ chức xã hội. Ứng dụng những kiến thức vào học vào nhìn nhận thực tế những vấn đề xã hội hiện nay.			
861.	TT. Cơ nhiệt đại cương	Học phần thực tập các nội dung đến việc sử dụng các dụng cụ đo lường cơ bản. Các nội dung liên quan đến việc kiểm chứng các định luật bảo toàn trong cơ học, xác định một số đại lượng vật lý và khảo sát hiện tượng liên quan đến nhiệt học, quang học.	1	HKII	Thi kết thúc: 100%
862.	Tiếng Anh định hướng Toeic 1	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản những kỹ năng chính: Nghe – Nói – Đọc – Viết và 3 kỹ năng phụ Ngữ pháp - Từ vựng – Phát âm giúp sinh viên làm quen với hình thức đề thi TOEIC quốc tế, có khả năng giao tiếp ở mức độ cơ bản.	4	HKII	Quá trình: 40% Thi kết thúc: 60%
863.	Hóa phân tích (CNTP, QLTNMT)	Cung cấp kiến thức tổng quan về hóa phân tích ứng dụng trong thực phẩm Trang bị kiến thức về phương pháp thu và bảo quản mẫu thực phẩm; Nguyên lý các phương pháp phân tích các yếu tố lý, hóa học của thực phẩm, phương pháp trọng lượng, phương pháp thể tích, phương pháp so màu quang phổ, phương pháp AAS và ICP, phương pháp sắc ký lỏng, sắc ký khí. Cung cấp kiến thức về phương pháp đánh giá số liệu phân tích, đánh giá và bảo đảm chất lượng QA&QC cho phòng thí nghiệm	2	HKII	Quá trình: 40% Thi kết thúc: 60%
864.	Triết học Mác - Lênin	Giúp sinh viên hiểu và vận dụng trong quá trình học tập về xác định đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp, ý nghĩa của việc học tập môn học. Giúp sinh viên hiểu được sự ra đời của triết học và triết học Mác – Lênin. Cung cấp những kiến thức cơ bản cho người học những nội dung cơ bản về những nguyên lý, cặp phạm trù, quy luật, vận động, phát triển chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy; xây dựng thế giới quan, phương pháp luận khoa học, cách mạng, vận dụng vào hoạt động nhận thức khoa học và thực tiễn cách mạng giai đoạn hiện nay	3	HKII	Quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
865.	Giáo dục thể chất 1	Giúp cho sinh viên có khả năng nhận biết một số kỹ thuật cơ bản của cầu lông/bóng đá/bóng chuyền, nắm vững yếu lĩnh kỹ thuật động tác để trên cơ sở đó sinh viên tự tập luyện nâng cao sức khỏe cho bản thân và có thể hướng dẫn người chưa biết cùng tham gia tập luyện.	1	HKII	Thi kết thúc: 100%
866.	TT. Hóa học đại cương	Sinh viên sẽ học thực hành các thí nghiệm liên quan đến vận tốc phản ứng, điện phân, ăn mòn kim loại, chuẩn độ.	1	HKII	Thi kết thúc: 100%
867.	Tin học căn bản	Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản nhất về công nghệ thông tin. Thông qua nội dung lý thuyết và thực hành, rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng: - Sử dụng hệ điều hành Windows: Những hiểu biết cơ bản về tin học, thông tin và cách biểu diễn thông tin trong máy tính; Hệ thống máy tính với phần cứng, phần mềm và dữ liệu; Các khái niệm về hệ điều hành; Sử dụng hệ điều hành Windows; Sử dụng tiếng Việt trong windows, cách bảo vệ thông tin và phòng chống virus máy tính. - Soạn thảo văn bản bằng Microsoft Word. - Xử lý bảng tính bằng Microsoft Excel.	3	HKII	Quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%
868.	Hình họa – Vẽ kỹ thuật - CNTP	- Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về vẽ kỹ thuật, bồi dưỡng khả năng lập và đọc bản vẽ, đồng thời rèn luyện cho sinh viên tác phong làm việc khoa học, có ý thức tổ chức kỷ luật, tính cẩn thận, kiên nhẫn của người làm công tác kỹ thuật. - Giúp cho sinh viên vận dụng được kiến thức của môn học trong đời sống và các môn khác.	2	HK 3	Quá trình: 50% Thi kết thúc: 50%
869.	Kỹ thuật thực phẩm 1	Trang bị cho sinh viên các tính chất cơ bản của lưu chất và vật liệu rời, quá trình và thiết bị phân ly, các hình thức truyền nhiệt và ứng dụng trong chế biến thực phẩm. Tổng kê vật chất và năng lượng trong tính toán quá trình vận chuyển lưu chất. Tính toán các thiết bị truyền nhiệt, quản lý năng lượng và các thiết bị hỗ trợ.	3	HK 3	Quá trình: 40% Thi kết thúc: 60%
870.	Sinh hoá B	Nắm được các kiến thức về các quá trình sinh hoá trong cơ thể sống. Biết được vai trò và	2	HK 3	Quá trình: 40%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		chức năng của các đại phân tử trong sinh vật như carbohydrate, protein, lipid và enzyme. Vitamin.. Nắm được các biến đổi về mặt sinh hoá trong thực phẩm. Biết được cơ bản các kỹ thuật ứng dụng trong công nghệ sinh hoá			Thi kết thúc: 60%
871.	TT. Sinh hoá B	Nắm được các biến đổi về mặt sinh hoá trong thực phẩm. Biết được cơ bản các kỹ thuật ứng dụng trong công nghệ sinh hoá. Biết cách thực hiện các thí nghiệm sinh hoá đơn giản như đánh giá hoạt tính của enzyme. Soạn báo cáo, báo cáo và làm việc nhóm.	1	HK 3	Thi kết thúc: 100%
872.	Tiếng Anh định hướng Toeic 2	Giúp sinh viên Có kiến thức về danh động từ, động từ nguyên mẫu, trợ động từ, sự hòa hợp giữa chủ từ và động từ, thì động từ và các hình thức của động từ, tính từ, giới từ, ... cung cấp một số lượng nhất định những từ vựng thường gặp trong bài thi TOEIC. Đọc tìm kiếm thông tin cụ thể, chi tiết. Thảo luận về chủ đề nghề các tình huống hàng ngày như: du lịch, điện thoại di động, việc làm, thư viện trường, chuẩn bị cho chuyến đi du lịch, thời trang - quần áo Viết câu đơn và viết thư điện tử.	4	HK 3	Quá trình: 40% Thi kết thúc: 60%
873.	TT. Hóa phân tích (CNTP, QLTNMT)	Thực hành về phản ứng hóa học và chuẩn bị dung dịch trong phòng thí nghiệm Thực hành phân tích mẫu và đánh giá kết quả thu được tại PTN Trang bị cho sinh viên các kiến thức về an toàn phòng thí nghiệm	1	HK 3	Thi kết thúc: 100%
874.	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Học phần gồm có 6 chương : Trong đó, chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác Lê-Nin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác Lê-Nin theo mục tiêu của môn học. Cụ thể các vấn đề như : Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường, cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các	2	HK 3	Quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế của Việt Nam.			
875.	Thực tập giáo trình ở trang trại	Sau khi học xong học phần này sinh viên có khả năng: Thực hiện được qui trình tiêm phòng các bệnh cho gia súc, gia cầm; Quản lý được tình hình quản lý dịch bệnh trong đàn vật nuôi; Kiểm soát được tình hình sử dụng thuốc thú y trong phòng, trị bệnh cho gia súc, gia cầm ở các trại chăn nuôi	5	HKI	Thi kết thúc: 100%
876.	Thực hành bệnh xá Thú y	Sau khi học xong học phần này sinh viên có khả năng: Thực hiện được qui trình tiêm phòng các bệnh cho gia súc, gia cầm ở bệnh xá thú y cũng như ở trại chăn nuôi Quản lý được tình hình quản lý dịch bệnh trong đàn vật nuôi; Kiểm soát được tình hình sử dụng thuốc thú y trong phòng, trị bệnh cho gia súc, gia cầm	5	HKI	Thi kết thúc: 100%
877.	Bệnh chó mèo	Học phần Bệnh Chó Mèo nhằm cung cấp cho sinh viên ngành Bác sỹ thú y kiến thức tổng quát về nguyên nhân gây bệnh, cách sinh bệnh, triệu chứng, cách chẩn đoán, điều trị và phòng ngừa giúp sinh viên có đủ trình độ và khả năng chẩn đoán, điều trị và phòng ngừa các bệnh thường xảy ra trên chó mèo	2	HK 2	Quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%
878.	Bệnh dinh dưỡng vật nuôi	Học phần bệnh dinh dưỡng gia súc nhằm cung cấp những nội dung về nguyên nhân gây bệnh, cơ chế gây bệnh, triệu chứng, bệnh tích, phương pháp chẩn đoán và phòng – trị một số bệnh do thiếu dinh dưỡng.	2	HK 2	Quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%
879.	Khóa luận tốt nghiệp - Thú y	Học phần thực hiện khóa luận, trang bị cho sinh viên ngành Thú Y kỹ năng tổng hợp kiến thức đã học, ứng dụng trong thực tiễn Thú Y, phân tích và đánh giá kết quả đạt được, từ đó đưa ra kết luận và đề nghị phù hợp phục vụ cho sản xuất hoặc tạo tiền đề cho các nghiên cứu tiếp theo. 2 Sau thời gian thực hiện khóa luận, sinh viên được trang bị kỹ năng giao tiếp, làm	12	HK 2	Thi kết thúc: 100%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		việc nhóm, tạo một văn bản khoa học, tổng hợp và trình bày một vấn đề, vận dụng kiến thức chuyên ngành vào thực tiễn sản xuất			
880.	Tiểu luận tốt nghiệp - Thú y	Học phần thực hiện tiểu luận, trang bị cho sinh viên ngành Thú Y kỹ năng tổng hợp kiến thức đã học, ứng dụng trong thực tiễn Thú Y, phân tích và đánh giá kết quả đạt được, từ đó đưa ra kết luận và đề nghị phù hợp phục vụ cho sản xuất hoặc tạo tiền đề cho các nghiên cứu tiếp theo. Sau thời gian thực hiện tiểu luận, sinh viên được trang bị kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, tạo một văn bản khoa học, tổng hợp và trình bày một vấn đề, vận dụng kiến thức chuyên ngành vào thực tiễn sản xuất.	8	HK 2	Thi kết thúc: 100%
881.	Chăn nuôi gia súc nhai lại	Học phần Chăn nuôi gia súc nhai lại nhằm cung cấp những nội dung về vai trò, phương pháp, kỹ thuật chăn nuôi gia súc nhai lại ứng với từng giai đoạn phát triển của gia súc nhai lại cũng như cách quản lý, chăm sóc và nuôi dưỡng phù hợp với từng phương thức chăn nuôi gia súc nhai lại.	2	HKI	Quá trình: 50% Thi kết thúc: 50%
882.	Kiểm nghiệm sản phẩm động vật	Học phần Kiểm nghiệm sản phẩm động vật gồm những nội dung về trình tự về khám thú sống, giết mổ, khám thịt và phủ tạng tại cơ sở giết mổ, các chất tồn dư, phương pháp xét nghiệm vệ sinh sản phẩm động vật và các biến đổi của thịt sau khi giết mổ	2	HKI	Quá trình: 40% Thi kết thúc: 60%
883.	Bệnh dinh dưỡng vật nuôi	Học phần bệnh dinh dưỡng gia súc nhằm cung cấp những nội dung về nguyên nhân gây bệnh, cơ chế gây bệnh, triệu chứng, bệnh tích, phương pháp chẩn đoán và phòng – trị một số bệnh do thiếu dinh dưỡng.	2	HKI	Quá trình: 50% Thi kết thúc: 50%
884.	Kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh động vật hoang dã	Học phần Kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh động vật hoang dã gồm những nội dung về kỹ thuật nuôi động vật hoang dã và phòng trị bệnh ở thú ăn thịt (bao gồm họ mèo, họ gấu, họ chồn), một số loài linh trưởng (khỉ, vượn), hươu nai, chim hoang dã và lớp bò sát (bộ cá sấu).	2	HKI	Quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%
885.	Niên luận thú y	Cung cấp kiến thức cho các bước thực hiện bài niên luận bao gồm: (1) phân tích chuyên đề cần	2	HKI	Thi kết thúc: 100%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		báo cáo, trình bày; (2) chuẩn bị thông tin cho bài niên luận và thuyết trình; (3) xây dựng bố cục/cấu trúc cho bài báo cáo; (4) thực hiện bài thuyết trình trước khán giả và cách giải đáp các câu hỏi phát sinh			
886.	Ngoại khóa thú y	Tạo điều kiện cho sinh viên tham quan nhà máy chế biến thức ăn gia súc gia cầm, công ty sản xuất thuốc thú y, vaccin, lò giết mổ gia súc, gia cầm qui mô công nghiệp, trại chăn nuôi gia súc, gia cầm	2	HKI	Thi kết thúc: 100%
887.	Ứng dụng tin học trong thú y	-Cung cấp cho sinh viên kiến thức về ứng dụng tin học phục vụ cho ngành Chăn nuôi, Thú y trong học tập và NCKH. -Trang bị cho sinh viên có kỹ năng thực hiện các thao tác trên máy tính với các phần mềm cơ bản Word, Excel, Minitab, Powerpoint,... để thu thập, tính toán, xử lý thống kê số liệu; thiết kế các thành phần khóa luận/tiểu luận tốt nghiệp; báo cáo KH và trình bày khóa luận/tiểu luận tốt nghiệp của ngành TY, CN	2	HKI	Quá trình: 50% Thi kết thúc: 50%
888.	Thống kê phép thí nghiệm - Thú y	Nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức về các khái niệm, thuật ngữ về thống kê mô tả của mẫu và tổng thể, cũng như nắm bắt được kỹ thuật thu thập dữ liệu, các phương pháp tính toán, xử lý, phân tích, so sánh thống kê và từ đó tổng hợp trình bày các kết quả số liệu trong các cuộc khảo sát, điều tra hay tổ chức thí nghiệm trong lĩnh vực Thú y.	2	HK2	Quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%
889.	Dược liệu thú y	Học phần Dược liệu thú y nhằm cung cấp những nội dung về vai trò, tác dụng của các nhóm dược liệu nguồn gốc thực, động vật, khoáng chất dùng làm thuốc phòng, trị bệnh cho gia súc, gia cầm; Nguyên lý, cơ sở khoa học sử dụng; Phân bố, phương pháp khai thác, bảo quản, chế biến bảo quản dược liệu thú y.	2	HKII	Quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%
890.	Độc chất học Thú y	Học phần độc chất học thú y nhằm cung cấp những khái niệm chung về độc chất học; Thuốc bảo vệ thực vật; Một số chất độc vô cơ; Chất độc có nguồn gốc thực vật; Kháng sinh; Độc tố nấm mốc và vi khuẩn; Một số chất khí độc trong chuồng nuôi	2	HKII	Quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
891.	Bảo quản chế biến sản phẩm động vật	Học phần Bảo quản và chế biến sản phẩm động vật nhằm cung cấp những nội dung thành phần dinh dưỡng của thịt, những biến đổi của thịt sau khi giết mổ, hình thức giảm phẩm chất thịt và sự hư hỏng và phương pháp bảo quản và chế biến các sản phẩm chăn nuôi (thịt, trứng và sữa).	2	HKII	Quá trình: 40% Thi kết thúc: 60%
892.	TT. Kiểm nghiệm sản phẩm động vật	Thực hiện được quy trình kiểm tra thịt ở lò giết mổ; Kiểm nghiệm được các sản phẩm động vật ở phòng thí nghiệm một cách thành thạo, nhanh nhẹn, khéo léo và chính xác; Phát hiện được thân thịt bị bệnh, sản phẩm động vật bị nhiễm vi sinh vật và có hướng xử lý phù hợp.	1	HKII	Thi kết thúc: 100%
893.	Kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh chó, mèo	Học phần Kỹ thuật nuôi và phòng trị bệnh chó mèo nhằm cấp cho sinh viên ngành Bác sỹ thú y kiến thức về kỹ thuật nuôi chó mèo, xác định nguyên nhân gây bệnh, cách sinh bệnh, triệu chứng, cách chẩn đoán, điều trị và phòng ngừa giúp sinh viên có đủ trình độ và khả năng chẩn đoán, điều trị và phòng ngừa các bệnh thường xảy ra trên chó mèo	2	HKII	Quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%
894.	TT. Độc chất học thú y	Ứng dụng được vào khám và định dạng chất độc gây bệnh cho vật nuôi là chó, heo qua xác định các gene độc lực của vi khuẩn bằng sinh học phân tử (PCR); Khảo sát được đặc tính gây ngộ độc của độc tố vi khuẩn, nấm mốc trên động vật thí nghiệm; Phát hiện được chất độc trong thịt, sữa tươi và các sản phẩm súc sản;	1	HKII	Thi kết thúc: 100%
895.	Chăn nuôi lợn	Học phần Chăn nuôi lợn nhằm cung cấp những nội dung về vai trò, phương pháp, kỹ thuật chăn nuôi lợn ứng với từng giai đoạn phát triển của lợn cũng như cách quản lý, chăm sóc và nuôi dưỡng phù hợp với từng phương thức chăn nuôi lợn.	2	HKII	Quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%
896.	Phương pháp nghiên cứu khoa học - Chăn nuôi - Thú y	-Cung cấp cho SV kiến thức về các nguyên tắc cơ bản trong nghiên cứu khoa học. -Ứng dụng các kỹ năng cơ bản vào qui trình nghiên cứu. -Trang bị cho SV biết ứng dụng qui trình nghiên cứu để xây dựng Đề cương NCKH- 1	2	HKII	Quá trình: 40% Thi kết thúc: 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Đề tài khóa luận hay tiểu luận tốt nghiệp đại học ngành Thú y -Hướng dẫn SV cách trình bày đề cương NCKH lên Powerpoint và báo cáo đề cương NCKH/báo cáo ĐC khóa luận/ tiểu luận trước hội đồng. -Hướng dẫn SV phương pháp viết khóa luận/ tiểu luận -Phương pháp viết bài báo khoa học đăng trên tạp chí			
897.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Sinh viên có thể trình bày khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh và những tư tưởng, luận điểm, quan điểm cơ bản diễn ra trong tiến trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh. Sinh viên có thể phân tích, giải thích về những nội dung tư tưởng, quan điểm cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh.	2	HKI	Quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%
898.	Tiếng anh chuyên ngành - Thú Y	Cung cấp cho SV kiến thức/Thuật ngữ chuyên ngành Thú y, chăn nuôi trong các lĩnh vực như: Giải phẫu bệnh, sinh lý tiêu hóa, hô hấp, tuần hoàn, thần kinh, sinh dục và tiết niệu, bệnh truyền nhiễm, bệnh sản khoa, bệnh ký sinh trên gia súc, gia cầm; dược lý Thú y. Vận dụng những kiến thức/thuật ngữ đã học trong việc đọc hiểu, viết báo khoa học và giao tiếp trong lĩnh vực thú y. Khả năng nghiên cứu chuyên môn, làm việc nhóm, lập kế hoạch, báo cáo thuyết trình trước tập thể.	2	HKI	Quá trình: 40% Thi kết thúc: 60%
899.	Miễn dịch học thú y	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về đáp ứng miễn dịch, các tế bào và cơ quan đáp ứng miễn dịch trong cơ thể, các đặc tính của kháng nguyên - kháng thể, chức năng và cơ chế miễn dịch chống lại các bệnh vsv, ứng dụng miễn dịch trong chẩn đoán và phòng trị bệnh	2	HKI	Quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%
900.	Bệnh nội khoa Thú y	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về điều trị bệnh học cũng như xác định nguyên nhân, nhận dạng triệu chứng, chẩn đoán và điều trị được những bệnh thông thường trên gia súc.	3	HKI	Quá trình: 40% Thi kết thúc: 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
901.	Ngoại khoa Thú y	Cung cấp cho sinh viên các nguyên tắc của phẫu thuật, nguyên tắc vô trùng trong phẫu thuật, cách sử dụng các dụng cụ phẫu thuật, chuẩn bị phẫu thuật viên, chuẩn bị thú trước khi mổ và các loại thuốc tê/mê và một số trường hợp ngoại khoa thường gặp trên gia súc	2	HKI	Quá trình: 40% Thi kết thúc: 60%
902.	TT. Dinh dưỡng và thức ăn vật nuôi	Sau khi học xong học phần TT. Dinh dưỡng và thức ăn vật nuôi sinh viên có khả năng: Phân tích được thành phần hóa học của các loại thức ăn chăn nuôi; Xác định được nhu cầu dinh dưỡng của vật nuôi; Đánh giá được chất lượng thức ăn chăn nuôi.	1	HKII	Thi kết thúc: 100%
903.	Giải phẫu bệnh Thú y	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về những thay đổi của cơ quan hay bộ máy trong cơ thể và ghi nhận những thay đổi bệnh lý góp phần vào việc đánh giá kết quả chẩn đoán bệnh	2	HKII	Quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%
904.	Dịch tễ học Thú y	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về dịch tễ học, mô tả các loại dịch bệnh, các phương pháp nghiên cứu và điều tra dịch bệnh, đánh giá kết quả thử nghiệm, đề ra biện pháp không chế và thanh toán dịch bệnh	2	HKII	Quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%
905.	Chăn nuôi gia cầm	- Cung cấp cho sinh viên những kiến thức chung về tầm quan trọng, những đặc điểm cơ bản của gia cầm. Đặc điểm sinh trưởng, sức sản xuất của các giống và công tác giống gia cầm. Nhu cầu dinh dưỡng và các loại thức ăn trong chăn nuôi gia cầm. - Kỹ thuật nuôi các loại gia cầm, kỹ thuật ấp trứng và hệ thống chăn nuôi gia cầm an toàn sinh học, hệ thống chăn nuôi gia cầm hữu cơ trên thế giới và tại Việt Nam. - Trang bị cho sinh viên về cách phòng bệnh và điều trị một số bệnh thường gặp trên gia cầm và xử lý chất thải gia cầm. Người học có thể vận dụng kiến thức chuyên ngành vào thực tế nghiên cứu và sản xuất gia cầm trong cơ chế thị trường, theo điều kiện và qui mô chăn nuôi đa dạng hiện nay.	2	HKII	Quá trình: 40% Thi kết thúc: 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
906.	Luật Thú y	Cung cấp cho sinh viên những nội dung về những quy định của luật pháp về chuyên ngành Thú y và những hướng dẫn thi hành Luật thú y năm 2015	2	HKII	Thi kết thúc: 100%
907.	TT. Ngoại khoa Thú y	Sử dụng đúng các dụng cụ ngoại khoa; Xử lý được các tình huống cần can thiệp ngoại khoa trên gia súc, gia cầm.	1	HKII	Thi kết thúc: 100%
908.	TT. Chẩn đoán bệnh thú y	Sau khi học xong học phần TT. Chẩn đoán bệnh thú y sinh viên có khả năng: Chọn được phương pháp khám bệnh phù hợp cho gia súc, gia cầm; Chẩn đoán được đúng bệnh của gia súc, gia cầm;	1	HKII	Thi kết thúc: 100%
909.	Sản khoa và thụ tinh nhân tạo gia súc	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về sinh lý sinh sản gia súc đực và cái, cách xác định gia súc lên giống, phương pháp chẩn đoán gia súc có thai, đỡ đẻ, can thiệp đẻ khó ở gia súc cũng như phương pháp lấy tinh, kiểm tra – đánh giá chất lượng tinh dịch, kỹ thuật gieo tinh nhân tạo, công nghệ sản xuất tinh đông lạnh và công nghệ bảo tồn tinh dịch	3	HKII	Quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%
910.	Bệnh truyền nhiễm gia súc, gia cầm	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về các nguyên nhân truyền nhiễm gây bệnh trên động vật, cơ chế lây bệnh, sự phát sinh dịch bệnh, tính miễn dịch của cơ thể động vật đối với VSV, biện pháp phòng chống và điều trị bệnh truyền nhiễm	3	HKII	Quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%
911.	TT miễn dịch học thú y	Thực hành ứng dụng miễn dịch trong phòng bệnh, chẩn đoán và điều trị bệnh cho vật nuôi;	1	HKII	Thi kết thúc: 100%
912.	TT Bệnh Nội khoa thú y	Chẩn đoán được các bệnh ở cơ quan tiêu hoá, tuần hoàn, hô hấp, tiết niệu, thần kinh và bệnh dinh dưỡng trao đổi chất, trúng độc ở gia súc; Điều trị được các bệnh ở cơ quan tiêu hoá, tuần hoàn, hô hấp, tiết niệu, thần kinh và bệnh dinh dưỡng trao đổi chất, trúng độc ở gia súc đạt hiệu quả.	1	HKII	Thi kết thúc: 100%
913.	Ngoại khóa thú y	Tạo điều kiện cho sinh viên tham quan nhà máy chế biến thức ăn gia súc gia cầm, công ty sản xuất thuốc thú y, vaccin, lò giết mổ gia súc, gia cầm qui mô công nghiệp, trại	2	HKII	Thi kết thúc: 100%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		chăn nuôi gia súc, gia cầm			
914.	Niên luận CNTY	Cung cấp kiến thức cho các bước thực hiện bài niên luận bao gồm: (1) phân tích chuyên đề cần báo cáo, trình bày; (2) chuẩn bị thông tin cho bài niên luận và thuyết trình; (3) xây dựng bố cục/cấu trúc cho bài báo cáo; (4) thực hiện bài thuyết trình trước khán giả và cách giải đáp các câu hỏi phát sinh	2	HKII	Thi kết thúc: 100%
915.	Xã hội học đại cương	Nắm những vấn đề chung về xã hội học: Lịch sử nghiên cứu, khái niệm, đối tượng nghiên cứu.... để hình thành phương pháp học và nghiên cứu môn học. Nắm vững một số vấn đề chuyên sâu về xã hội học chuyên ngành: nông thôn, đô thị, gia đình... Hiểu rõ về tổ chức và thiết chế xã hội để nắm vững cách hình thành, hoạt động và khả năng tham gia vào tổ chức xã hội. Ứng dụng những kiến thức vào học vào nhìn nhận thực tế những vấn đề xã hội hiện nay.	2	HKI	Quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%
916.	Tiếng Anh định hướng Toeic 1	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản những kỹ năng chính: Nghe – Nói – Đọc – Viết và 3 kỹ năng phụ Ngữ pháp - Từ vựng – Phát âm giúp sinh viên làm quen với hình thức đề thi TOEIC quốc tế, có khả năng giao tiếp ở mức độ cơ bản	4	HKI	Quá trình: 40% Thi kết thúc: 60%
917.	Hóa phân tích - Thú y	Cung cấp kiến thức về phản ứng hóa học và chuẩn bị dung dịch trong phòng thí nghiệm. Trang bị kiến thức về phương pháp thu và bảo quản mẫu môi trường nước trong ao nuôi thủy sản. Nguyên lý các phương pháp phân tích các yếu tố lý, hóa học của khoa học môi trường nước bao gồm phương pháp điện thế, phương pháp trọng lượng, phương pháp chuẩn độ, phương pháp so màu quang phổ. Cung cấp kiến thức về phương pháp đánh giá số liệu phân tích, đánh giá và bảo đảm chất lượng QA&QC cho phòng thí nghiệm. Trang bị cho sinh viên các kiến thức về an toàn phòng thí nghiệm	2	HKI	Quá trình: 40% Thi kết thúc: 60%
918.	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Học phần gồm có 6 chương : Trong đó, chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính	2	HKI	Quá trình: 30% Thi kết thúc:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trị Mác Lê- Nin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác Lê-Nin theo mục tiêu của môn học. Cụ thể các vấn đề như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường, cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế của Việt Nam.			70%
919.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Nội dung học phần gồm 7 chương: Chương 1, trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của Chủ nghĩa xã hội Khoa học (quá trình hình thành, phát triển của Chủ nghĩa xã hội Khoa học); từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của CNXHKKH theo mục tiêu môn học	2	HKI	Quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%
920.	Nhập môn nghiên cứu khoa học	Cung cấp cho sinh viên kiến thức về phương pháp chọn đề tài khoa học, phương pháp xây dựng đề cương đề tài nghiên cứu khoa học, những nội dung chính của một báo cáo khoa học và khâu chuẩn bị cho việc trình bày một báo cáo khoa học	2	HKI	Quá trình: 40% Thi kết thúc: 60%
921.	Tiếng Anh định hướng Toeic 2	Giúp sinh viên Có kiến thức về danh động từ, động từ nguyên mẫu, trợ động từ, sự hòa hợp giữa chủ từ và động từ, thì động từ và các hình thức của động từ, tính từ, giới từ, ... cung cấp một số lượng nhất định những từ vựng thường gặp trong bài thi TOEIC. Đọc tìm kiếm thông tin cụ thể, chi tiết. Thảo luận về chủ đề nghề các tình huống hàng ngày như: du lịch, điện thoại di động, việc làm, thư viện trường, chuẩn bị cho chuyến đi du lịch, thời trang - quần áo. Viết câu đơn và viết thư điện tử	4	HKII	Quá trình: 40% Thi kết thúc: 60%
922.	Giáo dục thể chất 3	Giúp cho sinh viên có khả năng nhận biết một số kỹ thuật cơ bản của cầu lông/bóng đá/bóng chuyền, nắm vững yếu lĩnh kỹ thuật động tác để trên cơ sở đó sinh viên tự tập luyện nâng cao sức khỏe cho bản thân và có thể hướng dẫn người chưa biết cùng tham gia tập luyện	1	HKII	Thi kết thúc: 100%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
923.	Sinh thái môi trường	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về môi trường sinh thái và các nhân tố môi trường, nhân tố sinh thái, các mối quan hệ tương tác giữa sinh thái học, sinh vật, các quy luật sinh thái học với các từng loại môi trường và biện pháp bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học và phát triển bền vững	2	HKII	Quá trình: 40% Thi kết thúc: 60%
924.	Vi sinh vật đại cương	Cung cấp cho SV những nội dung về cấu tạo, đặc điểm sinh trưởng, phát triển, sự phân bố của vi sinh vật trong tự nhiên và ứng dụng các đặc tính của vi sinh vật vào nông nghiệp, cải tạo môi trường, chế biến và bảo quản thực phẩm.	2	HKII	Quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%
925.	Dược lý Thú y	Cung cấp những nội dung về hóa dược, cách sử dụng, phối hợp và bảo quản các loại thuốc như vaccin, thuốc kháng sinh, thuốc trị ký sinh trùng, thuốc sát trùng, thuốc hạ sốt, giảm đau và chống viêm, thuốc kích thích sinh sản và các loại vitamin để ứng dụng trong phòng bệnh và trị bệnh.	2	HKII	Quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%
926.	Miễn dịch học thú y	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về đáp ứng miễn dịch, các tế bào và cơ quan đáp ứng miễn dịch trong cơ thể, các đặc tính của kháng nguyên - kháng thể, chức năng và cơ chế miễn dịch chống lại các bệnh vsv, ứng dụng miễn dịch trong chẩn đoán và phòng trị bệnh	2	HKII	Quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%
927.	TT. Sinh hóa động vật	Cung cấp cho sinh viên các kỹ năng cần thiết để thực hiện các thí nghiệm định tính, định lượng về sinh hóa, cũng như các thao tác trong phòng thí nghiệm và trong quá trình làm thí nghiệm.	1	HKII	Thi kết thúc: 100%
928.	Thực tập Giải phẫu động vật	Sau khi học xong học phần Thực tập Giải phẫu động vật sinh viên có khả năng: Xác định được vị trí của các cơ quan trong cơ thể vật nuôi; Nhận biết được cấu tạo, hình thái của các cơ quan trong cơ thể vật nuôi;	1	HKII	Thi kết thúc: 100%
929.	TT. Vi sinh vật đại cương	Chọn được môi trường nuôi cấy vi sinh vật phù hợp; Nhận biết được sự sinh trưởng và phát triển của vi sinh vật và ảnh hưởng của các yếu tố bên ngoài lên sinh trưởng và phát	1	HKII	Thi kết thúc: 100%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		triển của vi sinh vật;			
930.	TT.Dược lý thú y	Xác định được các dạng thuốc, tính chất, tác dụng, công dụng và cách sử dụng các loại thuốc thú y; Chọn được đường đưa thuốc vào cơ thể con vật phù hợp với dạng thuốc; Sử dụng được đơn thuốc và các loại thuốc để điều trị bệnh gia súc đạt hiệu quả cao.	1	HKII	Thi kết thúc: 100%
931.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là môn học cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về đối tượng, phương pháp nghiên cứu môn Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam; Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng; Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới từ năm 1975 đến 2018. Giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng, vận dụng kiến thức đã học trong quá trình học tập và công tác	2	HKII	Quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%
932.	Sinh học phân tử - Thú y	Học phần Sinh học phân tử cung cấp về cấu trúc, chức năng của bốn đại phân tử quan trọng trong tế bào: carbohydrat, lipid, protein và acid nucleic (DNA và RNA), tế bào và các bào quan của nó; vai trò của màng sinh học và sự vận chuyển của các vật liệu xuyên qua màng. Cơ chế biến dưỡng của các đại phân tử, cơ chế tổng hợp năng lượng ATP. Sẽ có một sự nhấn mạnh đặc biệt về cơ chế phân tử của di truyền; cấu trúc và liên kết của DNA, enzyme biến đổi DNA, sao chép DNA, sửa chữa DNA, phiên mã, xử lý RNA, dịch mã và các mã di truyền. Sự điều hòa biểu hiện của gen.	2	HKII	Quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%
933.	Thực tập hóa phân tích – Thú y	Cung cấp kiến thức về an toàn phòng thí nghiệm, phân tích các chỉ tiêu về lĩnh vực thú y	1	HKII	Thi kết thúc: 100%
934.	Giải phẫu động vật	Mô tả được vị trí, hình thái và cấu tạo của các cơ quan, bộ máy trong cơ thể động vật; Phân tích được mối liên hệ giữa vị trí,	3	HKI	Quá trình: 50% Thi kết thúc: 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		hình thái, cấu tạo của các cơ quan trong cơ thể động vật;			
935.	Sinh học và di truyền động vật	Giúp SV trình bày được những khái niệm cơ bản về di truyền học như tính toán các quy luật di truyền Mendel, tần số gen cũng như các mối quan hệ di truyền của các cá thể. Qua đó SV có thể giải thích được một số quá trình di truyền ở động vật và ứng dụng được công nghệ di truyền, công nghệ gen ở động vật.	2	HKI	Quá trình: 50% Thi kết thúc: 50%
936.	Pháp luật đại cương	Học phần Pháp luật đại cương nhằm trang bị những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật, thông qua học phần, người học cũng có thể vận dụng kiến thức nền tảng từ môn học vào trong thực tế cuộc sống và công việc sau này	2	HKI	Quá trình: 50% Thi kết thúc: 50%
937.	Nhập môn nghiên cứu khoa học	Cung cấp cho sinh viên kiến thức về phương pháp chọn đề tài khoa học, phương pháp xây dựng đề cương đề tài nghiên cứu khoa học, những nội dung chính của một báo cáo khoa học và khâu chuẩn bị cho việc trình bày một báo cáo khoa học	2	HKI	Quá trình: 50% Thi kết thúc: 50%
938.	Giáo dục thể chất 1	Giúp cho sinh viên có khả năng nhận biết một số kỹ thuật cơ bản của cầu lông, nắm vững yếu lĩnh kỹ thuật động tác để trên cơ sở đó sinh viên tự tập luyện nâng cao sức khỏe cho bản thân và có thể hướng dẫn người chưa biết cùng tham gia tập luyện.	1	HKII	Thi kết thúc: 100%
939.	Tin học căn bản	Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản nhất về công nghệ thông tin. Thông qua nội dung lý thuyết và thực hành, rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng: - Sử dụng hệ điều hành Windows: Những hiểu biết cơ bản về tin học, thông tin và cách biểu diễn thông tin trong máy tính; Hệ thống máy tính với phần cứng, phần mềm và dữ liệu; Các khái niệm về hệ điều hành; Sử dụng hệ điều hành Windows; Sử dụng tiếng Việt trong windows, cách bảo vệ thông tin và phòng chống virus máy tính. - Soạn thảo văn bản bằng Microsoft Word. - Xử lý bảng tính bằng Microsoft Excel.	3	HKII	Quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%
940.	Giáo dục thể chất	Giúp cho sinh viên có khả năng nhận biết	1	HKII	Thi kết thúc:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	2	một số kỹ thuật nâng cao của cầu lông/ bóng đá/ bóng chuyền, nắm vững yếu lĩnh kỹ thuật động tác để trên cơ sở đó sinh viên tự tập luyện nâng cao sức khỏe cho bản thân và có thể hướng dẫn người chưa biết cùng tham gia tập luyện.			100%
941.	Tiếng Anh định hướng Toeic 1	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản những kỹ năng chính: Nghe – Nói – Đọc – Viết và 3 kỹ năng phụ Ngữ pháp - Từ vựng – Phát âm giúp sinh viên làm quen với hình thức đề thi TOEIC quốc tế, có khả năng giao tiếp ở mức độ cơ bản	4	HKII	Quá trình: 40% Thi kết thúc: 60%
942.	Hóa học đại cương	Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về thành phần hóa học của thực phẩm, các biến đổi và tương tác xảy ra trong suốt tiến trình chế biến và bảo quản nông sản thực phẩm. Sinh viên sẽ được nghiên cứu về các nguyên liệu cơ bản (nước, protein, lipid, glucid, chất màu,...), sự biến đổi phẩm chất thực phẩm và sự ảnh hưởng của các quá trình công nghệ đến sự chuyển hóa các hợp phần trên	2	HKII	Quá trình: 40% Thi kết thúc: 60%
943.	Sinh lý động vật	-Cung cấp cho SV những kiến thức về các hoạt động sinh lý ở các tổ chức, cơ quan trong cơ thể của các loài gia súc, gia cầm. -Trang bị cho SV nắm được những đặc trưng sinh lý của từng loài gia súc, gia cầm và các qui luật hoạt động sống của chúng để cải thiện chế độ nuôi dưỡng chăm sóc, phòng, trị bệnh, cải tạo con giống để chúng phát triển theo hướng có lợi, cho năng suất cao, đáp ứng với mục tiêu kinh tế của con người. -Ứng dụng kiến thức sinh lý trong phát hiện, chẩn đoán và điều trị bệnh vật nuôi.	3	HKII	Quá trình: 40% Thi kết thúc: 60%
944.	Triết học Mác - Lênin	Giúp sinh viên hiểu và vận dụng trong quá trình học tập về xác định đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp, ý nghĩa của việc học tập môn học. Giúp sinh viên hiểu được sự ra đời của triết học và triết học Mác – Lênin. Cung cấp những kiến thức cơ bản cho người học những nội dung cơ bản về những nguyên lý, cặp phạm trù, quy luật, vận động, phát triển chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy; xây dựng thế giới quan, phương	3	HKII	Quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		pháp luận khoa học, cách mạng, vận dụng vào hoạt động nhận thức khoa học và thực tiễn cách mạng giai đoạn hiện nay.			
945.	Thực tập Sinh học và di truyền động vật	Thực tập về cấu tạo tế bào động vật, các giai đoạn của quá trình phân bào tế bào. Ứng dụng di truyền tong lai tạo giống động vật	1	HKII	Thi kết thúc: 100%
946.	Xã hội học đại cương	Nắm những vấn đề chung về xã hội học: Lịch sử nghiên cứu, khái niệm, đối tượng nghiên cứu.... để hình thành phương pháp học và nghiên cứu môn học. Nắm vững một số vấn đề chuyên sâu về xã hội học chuyên ngành: nông thôn, đô thị, gia đình... Hiểu rõ về tổ chức và thiết chế xã hội để nắm vững cách hình thành, hoạt động và khả năng tham gia vào tổ chức xã hội. Ứng dụng những kiến thức vào học vào nhìn nhận thực tế những vấn đề xã hội hiện nay.	2	HK3	Quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%
947.	Tiếng Anh định hướng Toeic 2	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản những kỹ năng chính: Nghe – Nói – Đọc – Viết và 3 kỹ năng phụ Ngữ pháp - Từ vựng – Phát âm giúp sinh viên làm quen với hình thức đề thi TOEIC quốc tế, có khả năng giao tiếp ở mức độ cơ bản	4	HK3	Quá trình: 40% Thi kết thúc: 60%
948.	Sinh hóa động vật	Cung cấp cho SV những kiến thức về thành phần hóa học của tế bào và dịch thể ở cơ thể động vật. Vai trò và quá trình trao đổi chất của protein, glucid, lipid, và enzym. Mối quan hệ giữa các quá trình trao đổi chất ở động vật.	2	HK3	Quá trình: 40% Thi kết thúc: 60%
949.	Vi sinh vật đại cương	Cung cấp cho SV những nội dung về cấu tạo, đặc điểm sinh trưởng, phát triển, sự phân bố của vi sinh vật trong tự nhiên và ứng dụng các đặc tính của vi sinh vật vào nông nghiệp, cải tạo môi trường, chế biến và bảo quản thực phẩm.	2	HK3	Quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%
950.	TT. Hóa học đại cương	Sinh viên sẽ học thực hành các thí nghiệm liên quan đến vận tốc phản ứng, điện phân, ăn mòn kim loại, chuẩn độ.	1	HK3	Thi kết thúc: 100%
951.	Thực tập Giải phẫu động vật	Sau khi học xong học phần Thực tập Giải phẫu động vật sinh viên có khả năng: Xác định được vị trí của các cơ quan trong cơ thể vật nuôi;		HK3	Thi kết thúc: 100%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Nhận biết được cấu tạo, hình thái của các cơ quan trong cơ thể vật nuôi;			
952.	TT. Vi sinh vật đại cương	Chọn được môi trường nuôi cấy vi sinh vật phù hợp; Nhận biết được sự sinh trưởng và phát triển của vi sinh vật và ảnh hưởng của các yếu tố bên ngoài lên sinh trưởng và phát triển của vi sinh vật;		HK3	Thi kết thúc: 100%
953.	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Học phần gồm có 6 chương : Trong đó, chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác Lê- Nin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác Lê-Nin theo mục tiêu của môn học. Cụ thể các vấn đề như : Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường, cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường ; kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế của Việt Nam.		HK3	Quá trình: 30% Thi kết thúc: 70%
954.	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	Giúp cho SV vận dụng kiến thức chuyên ngành để chủ động, tích cực trong các vấn đề kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội theo đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước	2	HK1	Điểm giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 70%
955.	Biến đổi khí hậu và thích ứng	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan về biến đổi khí hậu. Các tác động của biến đổi khí hậu đến kinh tế, xã hội và môi trường. Các giải pháp thích ứng với thiên tai do tác động của biến đổi khí hậu. Các kiến thức bản địa trong thích ứng biến đổi khí hậu trên thế giới và ở Việt Nam.	2	HK1	Điểm giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 70%
956.	Luật đất đai	Môn học trang bị những kiến thức cơ bản về Luật đất đai, giúp sinh viên nhận thức được chế độ sở hữu toàn dân đối với đất đai ở Việt Nam, về khái niệm luật đất đai, đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của luật đất đai, các nguyên tắc cơ bản của luật đất đai, quan hệ pháp luật đất đai, nguồn của luật đất đai. Chế độ quản lý nhà nước đối với đất đai như hệ thống cơ quan quản lý nhà nước đối với đất đai, nội dung quản lý nhà nước đối với đất đai, quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất, chế	3	HK1	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		độ sử dụng đất, giải quyết tranh chấp đất đai. Những kiến thức này cần thiết cho việc tổ chức thực hiện; bảo đảm quản lí có hiệu quả và bảo hộ tích cực các quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức trong quản lí nhà nước về đất đai.			
957.	Trắc địa đại cương	Trắc địa là một môn khoa học về đo đạc mặt đất để xác định hình dáng, kích thước Trái Đất, biểu diễn mặt đất thành bản đồ, đo đạc bố trí các công trình. Người học được trang bị các kiến thức cơ bản về trái đất, hệ tọa độ, độ cao. Các phương pháp đo đạc, cách thức thiết kế khu đo, cách xử lý tính toán giá trị đo đạc thực địa.	2	HK1	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
958.	Trắc địa ảnh	Trang bị cho sinh viên kiến thức về phương pháp đo ảnh: Cơ sở toán học, nguyên lý hình lập thể, phương pháp đoán đọc điều vẽ ảnh hàng không	2	HK1	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
959.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Sinh viên nắm được những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác - Lênin	2	HK1	Điểm giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 70%
960.	Tiếng Anh định hướng Toeic 1	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản những kỹ năng chính: Nghe – Nói – Đọc – Viết và 3 kỹ năng phụ Ngữ pháp - Từ vựng – Phát âm giúp sinh viên làm quen với hình thức đề thi TOEIC quốc tế, có khả năng giao tiếp ở mức độ cơ bản.	4	HK1	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
961.	Nhập môn NCKH	Cung cấp cho sinh viên kiến thức về phương pháp chọn đề tài khoa học, phương pháp xây dựng đề cương đề tài nghiên cứu khoa học, những nội dung chính của một báo cáo khoa học và khâu chuẩn bị cho việc trình bày một báo cáo khoa học	2	HK1	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
962.	Giáo dục thể chất 3	Ôn lại GDTC 1 và GDTC 2 đã học và tập luyện kỹ thuật trên lưới (chặn cầu và bỏ nhỏ cầu). chuẩn về rèn luyện thân thể. -Giúp cho sinh viên hoàn thiện một số động tác nâng cao trong bóng chuyền. Sinh viên có kiến thức về phương pháp trọng tài và có thể làm trọng tài trong các giải phong trào của đơn vị.		HK1	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		-Giúp cho sinh viên có khả năng vận dụng thành thạo một số kỹ thuật cơ bản của bóng đá, nắm vững yếu lĩnh kỹ thuật động tác để trên cơ sở đó sinh viên tự tập luyện nâng cao sức khỏe cho bản thân và có thể hướng dẫn người chưa biết cùng tham gia tập luyện.			
963.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Cung cấp những tri thức có tính hệ thống, cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920- 1930), sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đấu tranh giành chính quyền (1930- 1945), trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945- 1975), trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới (1975- nay).	2	HK2	Điểm giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 70%
964.	Kỹ thuật bản đồ địa chính	Trang bị cho các em các kiến thức về bản đồ, và cả phương pháp chung cho việc thành lập Bản đồ địa chính không thể thiếu trong quản lý đất đai, việc nắm được cơ sở toán học bản đồ địa chính, quy phạm thành lập bản đồ địa chính là hết sức cần thiết cho sinh viên ngành quản lý đất đai, đồng thời hướng dẫn việc chỉnh lý biên động thành lập hồ sơ thửa đất phục vụ cập nhật hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.	2	HK2	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
965.	Nông nghiệp sạch và bền vững	Môn học nhằm trang bị cho sinh viên các vấn đề sản phẩm nông nghiệp sạch và quy trình sản xuất để đảm bảo được chất lượng của sản phẩm, bảo vệ môi trường	2	HK2	Điểm giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 70%
966.	Tiếng Anh định hướng Toeic 2	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản những kỹ năng chính: Nghe – Nói – Đọc – Viết và 3 kỹ năng phụ Ngữ pháp – Từ vựng – Phát âm giúp sinh viên làm quen với hình thức đề thi TOEIC quốc tế, có khả năng giao tiếp ở mức độ cơ bản.	4	HK2	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
967.	Thiết lập, lưu trữ và quản lý hồ sơ địa chính	Trang bị cho các em các kiến thức về công tác lưu trữ, các đặc điểm và ý nghĩa của tài liệu lưu trữ, phong lưu trữ và công tác lưu trữ. Các phương pháp lập hồ sơ lưu trữ, các văn bản quản lý nhà nước về đất đai và đo đạc bản đồ, đồng thời hướng dẫn cho sinh viên biết công	2	HK2	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tác lưu trữ và bảo quản tài liệu địa chính Công tác lưu trữ và bảo quản hồ sơ địa chính là bảo quản tài liệu không bị hư hỏng, đảm bảo nguyên vẹn là điều bắt buộc, ngoài ra việc cung cấp dữ liệu địa chính cho các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong việc đăng ký đất đai, thanh tra và giải quyết tranh chấp đất đai,...là hết sức cần thiết trong ngành quản lý đất đai			
968.	Quản lý nhà nước về đất đai	Nắm được những kiến thức cơ bản trong công tác quản lý hành chính nhà nước, quản lý nhà nước về đất đai, quá trình phát triển công tác quản lý nhà nước về đất đai qua các thời kỳ. Hiểu và nắm vững 13 nội dung quản lý nhà nước về đất đai. Rèn luyện kỹ năng vận dụng luật đất đai trong công tác quản lý nhà nước về đất đai. Triển khai các văn bản pháp luật và áp dụng trong điều kiện tình huống cụ thể từ đó có ý thức đúng trong việc học tập, tích lũy các kiến thức cơ bản về sử dụng công cụ pháp luật đất đai trong công tác quản lý nhà nước đối với đất đai.	2	HK2	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
969.	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu địa chính	Phân lý thuyết gồm các nội dung liên quan về hệ quản trị cơ sở dữ liệu; quản lý người dùng trên hệ quản trị SQL Server; phương pháp tổ chức dữ liệu quản lý hồ sơ địa chính trên SQL Server; lý thuyết về xuất nhập dữ liệu ViLIS qua mạng máy tính. Phân thực tập gồm 5 bài thực tập với 3 nội dung chính: (i) Xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và quản lý người dùng trên SQL Server; (ii) Cài đặt, thiết lập cấu hình cho phần mềm quản lý hồ sơ địa chính ViLIS. (iii) Khai thác nâng cao cơ sở dữ liệu địa chính bằng các công cụ quản lý dữ liệu trực tiếp.	2	HK2	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
970.	Quy hoạch phát triển đô thị	Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản trong công tác lập quy hoạch đô thị; Nắm vững các bước trong công tác lập quy hoạch, vận dụng kiến thức vào quy hoạch đô thị mang lại hiệu quả cao giúp người học rèn luyện ý thức trách nhiệm trong nghề nghiệp, rèn luyện tính tỉ mỉ và cẩn thận trong công việc được giao	2	HK2	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
971.	Pháp luật về kinh	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ	2	HK2	Điểm giữa kỳ

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	doanh bất động sản	bàn về thị trường bất động sản. Nắm được những qui định của pháp luật về kinh doanh bất động sản ở Việt Nam; các qui trình, thủ tục pháp lý trong kinh doanh bất động sản; Hình thành kỹ năng phân tích đánh giá và vận dụng các qui định của pháp luật về kinh doanh bất động sản			30% Điểm thi kết thúc học phần 70%
972.	Đăng ký đất đai và bất động sản	Giúp sinh viên nắm được những kiến thức cần thiết và quan trọng về nghiệp vụ đăng ký đất đai, bất động sản như quy định pháp luật, trình tự, thủ tục đăng ký đất đai, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và cấp Giấy chứng nhận lần đầu; đăng ký biến động đất đai, thẩm định giá và các quyền bất động sản.	2	HK2	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
973.	Môi trường và quản lý tài nguyên thiên nhiên	Sau khi kết thúc học phần sinh viên đạt được các mục tiêu về nhận biết hiện trạng môi trường, các nguồn tài nguyên thiên nhiên, mối quan hệ giữa phát triển kinh tế ảnh hưởng đến môi trường đất nước không khí, bên cạnh đó sinh viên còn hiểu biết về cách thức quản lý môi trường tại Việt Nam	2	HK2	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
974.	Giáo dục thể chất 3	-Ôn lại GDTC 1 và GDTC 2 đã học và tập luyện kỹ thuật trên lưới (chặn cầu và bỏ nhỏ cầu). chuẩn về rèn luyện thân thể. -Giúp cho sinh viên hoàn thiện một số động tác nâng cao trong bóng chuyền. Sinh viên có kiến thức về phương pháp trọng tài và có thể làm trọng tài trong các giải phong trào của đơn vị. -Giúp cho sinh viên có khả năng vận dụng thành thạo một số kỹ thuật cơ bản của bóng đá, nắm vững yếu lĩnh kỹ thuật động tác để trên cơ sở đó sinh viên tự tập luyện nâng cao sức khỏe cho bản thân và có thể hướng dẫn người chưa biết cùng tham gia tập luyện.	2	HK2	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
975.	Pháp luật đại cương	Môn học sẽ trình bày về các vấn đề về nguồn gốc, bản chất, vai trò, các kiểu và hình thức của nhà nước và pháp luật, về hệ thống các cơ quan nhà nước của Việt Nam, về quy phạm pháp luật như: khái niệm, hình thức, cơ cấu, quan hệ của quy phạm pháp luật. Về vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý như khái niệm, dấu hiệu, mối quan hệ của vi phạm pháp luật và trách	2	HK1	Điểm giữa kỳ 50% Điểm thi kết thúc học phần 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nhiệm pháp lý... Và các ngành luật cơ bản trong hệ thống pháp luật Việt Nam hiện nay như Luật Hiến pháp, Luật Dân sự, Luật Hình sự, Luật Hành chính, Luật Lao động, Luật đất đai, Luật thương mại...			
976.	Đại cương về Trái đất	Khoa học về Trái Đất cung cấp cho sinh viên các kiến thức về Vũ trụ (quan niệm về vũ trụ, một số thuyết về vũ trụ, các mô hình vũ trụ, sự hình thành các thiên hà, các giả thuyết về nguồn gốc Hệ Mặt Trời và Trái Đất, ...), Hệ Mặt Trời (đặc điểm chung của Hệ, các thiên thể trong Hệ Mặt Trời); Trái Đất (quá trình nhận thức về hình dạng của Trái Đất và ý nghĩa về mặt địa lí và địa vật lí về hình dạng và kích thước của Trái Đất, cấu trúc và trạng thái vật chất bên trong Trái Đất, một số đặc điểm của Trái Đất, các vận động của Trái Đất – Vận động tự quay, vận động quanh Mặt Trời, vận động của hệ thống Trái Đất-Mặt Trăng và hệ quả của các vận động) và lớp vỏ địa lí của Trái Đất (các lớp vỏ bộ phận, những quy luật đang tồn tại và chi phối các lớp vỏ, môi trường địa lí và ảnh hưởng của môi trường địa lí tới đời sống xã hội và các dạng tài nguyên trong môi trường địa lí)	2	HK1	Điểm giữa kỳ 50% Điểm thi kết thúc học phần 50%
977.	Biến đổi khí hậu và thích ứng	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan về biến đổi khí hậu. Các tác động của biến đổi khí hậu đến kinh tế, xã hội và môi trường. Các giải pháp thích ứng với thiên tai do tác động của biến đổi khí hậu. Các kiến thức bản địa trong thích ứng biến đổi khí hậu trên thế giới và ở Việt Nam.	2	HK1	Điểm giữa kỳ 50% Điểm thi kết thúc học phần 50%
978.	Địa chất	Học phần địa chất đại cương sẽ cung cấp cho SV những kiến thức cơ bản về cấu tạo của Trái Đất, cấu tạo vỏ Trái Đất, các đặc tính nhận diện của tinh khoáng và đá, cũng như các dấu hiệu để nhận diện đá và tinh khoáng, từ đó SV có thể phân biệt được tinh khoáng và đá; các loại tinh khoáng; các loại đá với nhau. Học phần này còn cung cấp cho SV những kiến thức để có thể giải thích các hiện tượng trong tự nhiên có liên quan đến địa chất như tác dụng của dòng nước chảy trên mặt; tác dụng của biển	2	HK1	Điểm giữa kỳ 50% Điểm thi kết thúc học phần 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		hay tác dụng của không khí đối với đá và tinh khoáng.			
979.	Kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn	Học phần giảng dạy cho sinh viên ngành không chuyên về kinh tế: Phát triển Nông thôn, Quản lý Đất đai, Trồng Trọt, Nông học, Chăn nuôi-Thú Y, Môi trường, Thủy sản... ; hệ đào tạo: chính quy và không chính quy. Ngoài ra đây cũng là tài liệu tham khảo cho các đối tượng khác muốn tìm hiểu và tham khảo về cách tiếp cận về Kinh tế Phát triển Nông thôn.	2	HK1	Điểm giữa kỳ 50% Điểm thi kết thúc học phần 50%
980.	Nhập môn NCKH	Cung cấp cho sinh viên kiến thức về phương pháp chọn đề tài khoa học, phương pháp xây dựng đề cương đề tài nghiên cứu khoa học, những nội dung chính của một báo cáo khoa học và khâu chuẩn bị cho việc trình bày một báo cáo khoa học	2	HK1	Điểm giữa kỳ 50% Điểm thi kết thúc học phần 50%
981.	Triết học Mác-Lênin	Giúp sinh viên hiểu và vận dụng trong quá trình học tập về xác định đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp, ý nghĩa của việc học tập môn học	3	HK2	Điểm giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 70%
982.	Văn bản lưu trữ đại cương	Giúp sinh viên sau khi ra trường sinh viên có thể soạn thảo được các loại văn bản hành chính, phát biểu cảm nghĩ của cá nhân, cũng như lưu trữ các loại giấy tờ của một tổ chức và các cơ quan nhà nước.	2	HK2	Điểm giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 70%
983.	Toán cao cấp	Học phần này dành cho sinh viên các ngành Quản lý đất đai, Công nghệ thực phẩm, Tài nguyên môi trường. Học phần nhằm giới thiệu kiến thức cần thiết của toán học cao cấp. Từ những kiến thức cơ sở này, sinh viên có thể học và nghiên cứu các học phần chuyên ngành ở các năm học sau.	3	HK2	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
984.	Tin học căn bản			HK2	
985.	Môi trường và quản lý tài nguyên thiên nhiên	Sau khi kết thúc học phần sinh viên đạt được các mục tiêu về nhận biết hiện trạng môi trường, các nguồn tài nguyên thiên nhiên, mối quan hệ giữa phát triển kinh tế ảnh hưởng đến môi trường đất nước không khí, bên cạnh đó sinh viên còn hiểu biết về cách thức quản lý môi trường tại Việt Nam	2	HK2	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
986.	Giáo dục thể chất 1	Giúp cho sinh viên có khả năng nhận biết một số kỹ thuật cơ bản của cầu lông/bóng	1	HKII	Thi kết thúc: 100%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		đá/bóng chuyền, nắm vững yếu lĩnh kỹ thuật động tác để trên cơ sở đó sinh viên tự tập luyện nâng cao sức khỏe cho bản thân và có thể hướng dẫn người chưa biết cùng tham gia tập luyện.			
987.	Kinh tế chính trị	Giúp cho SV vận dụng kiến thức chuyên ngành để chủ động, tích cực trong các vấn đề kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội theo đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước	3	HK2.2021-2022	Điểm giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 70%
988.	Tiếng Anh định hướng Toeic 2	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản những kỹ năng chính: Nghe – Nói – Đọc – Viết và 3 kỹ năng phụ Ngữ pháp – Từ vựng – Phát âm giúp sinh viên làm quen với hình thức đề thi TOEIC quốc tế, có khả năng giao tiếp ở mức độ cơ bản.	4	HK2	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
989.	Luật đất đai	Môn học trang bị những kiến thức cơ bản về Luật đất đai, giúp sinh viên nhận thức được chế độ sở hữu toàn dân đối với đất đai ở Việt Nam, về khái niệm luật đất đai, đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của luật đất đai, các nguyên tắc cơ bản của luật đất đai, quan hệ pháp luật đất đai, nguồn của luật đất đai. Chế độ quản lý nhà nước đối với đất đai như hệ thống cơ quan quản lý nhà nước đối với đất đai, nội dung quản lý nhà nước đối với đất đai, quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất, chế độ sử dụng đất, giải quyết tranh chấp đất đai. Những kiến thức này cần thiết cho việc tổ chức thực hiện; bảo đảm quản lý có hiệu quả và bảo hộ tích cực các quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức trong quản lý nhà nước về đất đai.	3	HK1	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết thúc học phần 60%
990.	Thổ nhưỡng	Học phần cung cấp kiến thức cho sinh viên liên quan đến phân loại và khảo sát lập bản đồ đất. khả năng tự phân tích và đánh giá các chỉ tiêu lý, hóa đất cơ bản cũng như nhận diện được một hình thái phẫu diện đất, trong đó tập trung nhận diện tầng phèn và tầng sinh phèn.	3	HK3	Điểm giữa kỳ 30% Điểm thi kết thúc học phần 70%
991.	Trắc địa đại cương	Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về trắc địa; các hệ tọa độ dùng trong trắc địa, sai số trong đo đạc, mặt thủy	2	HK3	Điểm giữa kỳ 40% Điểm thi kết

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		chuẩn, góc phương vị, bài toán trắc địa thuận, nghịch; các kiến thức về máy kinh vĩ, máy thủy chuẩn, máy toàn đạc, phương pháp đo góc, đo khoảng cách và đo chênh cao; các mạng lưới khống chế trắc địa, phương pháp bình sai mạng lưới trắc địa.			thức học phần 60%
992.	Ngữ pháp 1	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản để viết những câu đơn giản, đúng ngữ pháp.	2	HK1	Trên lớp: 40% Thi cuối kỳ: 60%
993.	Đọc 1	Giúp Sinh viên có năng lực đọc hiểu thành thạo các loại văn bản tiếng Anh, tăng vốn từ vựng, cấu trúc ngữ pháp, kiến thức văn hoá, xã hội của các nước trên thế giới.	2	HK1	Trên lớp: 40% Thi cuối kỳ: 60%
994.	Ngữ âm TH 1	Giúp SV xác định và thực hành lưu loát Bảng phiên âm âm vị, các nguyên âm, nguyên âm đôi của tiếng Anh và nhấn từ, các dạng nối âm, ngữ điệu và nhấn câu.	2	HK1	Trên lớp: 40% Thi cuối kỳ: 60%
995.	Nghe nói 1	Giúp SV rèn luyện khả năng giao tiếp lưu loát bằng tiếng Anh về những chủ đề cơ bản trong cuộc sống	3	HK2	Trên lớp: 40% Thi cuối kỳ: 60%
996.	Viết 1	Giúp SV có khả năng viết câu chủ đề, viết các ý bổ sung để hoàn thành một đoạn văn theo chủ đề yêu cầu.	2	HK2	Trên lớp: 40% Thi cuối kỳ: 60%
997.	Xã hội học đại cương	Giúp SV biết những vấn đề chung về xã hội; dân số, gia đình, thiết chế xã hội, chuẩn mực xã hội, những vấn đề về nông thôn, thành thị...	2	HK2	Trên lớp: 40% Thi cuối kỳ: 60%
998.	Ngữ pháp 2	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản để viết được nhiều câu theo từng chủ đề khác nhau, đúng ngữ pháp.	2	HK2 HK3	Trên lớp: 40% Thi cuối kỳ: 60%
999.	Đọc 2	Giúp Sinh viên có năng lực đọc hiểu thành thạo các loại văn bản tiếng Anh, tăng vốn từ vựng, cấu trúc ngữ pháp, kiến thức văn hoá, xã hội của các nước trên thế giới.	2	HK2 HK3	Trên lớp: 40% Thi cuối kỳ: 60%
1000.	Ngữ âm TH 2	Giúp SV xác định và thực hành lưu loát Bảng phiên âm âm vị, các nguyên âm, nguyên âm đôi của tiếng Anh và nhấn từ, các dạng nối âm, ngữ điệu và nhấn câu.	2	HK2 HK3	Trên lớp: 40% Thi cuối kỳ: 60%
1001.	Viết 2 (Các thể	Trang bị cho sinh viên có kiến thức cơ bản về	2	HK3	Trên lớp:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	loại luận 1)	cách phát triển ý từ viết đoạn văn thành một bài luận với nhiều thể loại khác nhau như: argument (advantages and disadvantages), compare and contrast, descriptive, và narrative.			40% Thi cuối kỳ: 60%
1002.	TA Du lịch	Trang bị cho SV những kiến thức về Ngành du lịch và những công việc liên quan đến du lịch	3	HK3	Trên lớp: 40% Thi cuối kỳ: 60%
1003.	Pháp văn 1	Trang bị cho người học hệ thống kiến thức pháp văn căn bản, trang bị tri thức lí thuyết, rèn luyện, phát triển kĩ năng viết câu, giao tiếp cơ bản bằng tiếng Pháp giúp cho người học dễ dàng vận dụng một cách có hiệu quả trong quá trình học tập ở trường đại học cũng như trong cộng đồng việc ngoài xã hội sau này.	3	HK3	Trên lớp: 40% Thi cuối kỳ: 60%
1004.	Nghe nói 2	Giúp SV rèn luyện khả năng giao tiếp lưu loát bằng tiếng Anh về những chủ đề cơ bản trong cuộc sống	3	HK3	Trên lớp: 40% Thi cuối kỳ: 60%
1005.	Ngữ pháp 3	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản để viết được nhiều câu theo từng chủ đề khác nhau, đúng ngữ pháp.	2	HK3	Trên lớp: 40% Thi cuối kỳ: 60%
1006.	Pháp văn 3	Trang bị cho người học hệ thống kiến thức pháp văn căn bản, trang bị tri thức lí thuyết, rèn luyện, phát triển kĩ năng viết câu, giao tiếp cơ bản bằng tiếng Pháp giúp cho người học có thể vận dụng một cách có hiệu quả trong quá trình học tập ở trường đại học cũng như trong cộng đồng việc ngoài xã hội sau này.	4	HK4	Trên lớp: 40% Thi cuối kỳ: 60%
1007.	Đọc 3	Giúp Sinh viên có năng lực đọc hiểu thành thạo các loại văn bản tiếng Anh, tăng vốn từ vựng, cấu trúc ngữ pháp, kiến thức văn hoá, xã hội của các nước trên thế giới.	2	HK4	Trên lớp: 40% Thi cuối kỳ: 60%
1008.	Viết 3	Trang bị cho sinh viên có kiến thức cơ bản về cách phát triển ý từ viết đoạn văn thành một bài luận với nhiều thể loại khác nhau như: argument (advantages and disadvantages), compare and contrast, descriptive, và narrative.	2	HK4	Trên lớp: 40% Thi cuối kỳ: 60%
1009.	Ngữ âm TH 3	Giúp SV xác định và thực hành lưu loát Bảng phiên âm âm vị, các nguyên âm, nguyên âm đôi của tiếng Anh và nhân từ, các dạng nối âm, ngữ điệu và nhấn câu.	2	HK4	Trên lớp: 40% Thi cuối kỳ: 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1010.	Nghe nói 3	Giúp SV rèn luyện khả năng giao tiếp lưu loát bằng tiếng Anh về những chủ đề cơ bản trong cuộc sống	3	HK4	Trên lớp: 40% Thi cuối kỳ: 60%
1011.	Lý thuyết dịch	Trang bị cho sinh viên kiến thức Khái quát về dịch thuật, các loại hình, đặc điểm, yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng bài dịch .	3	HK4	Trên lớp: 40% Thi cuối kỳ: 60%
1012.	Văn hóa các nước nói tiếng Anh	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nền văn hoá- văn học Anh qua việc tìm hiểu những vấn đề lớn chi phối đời sống văn hoá- xã hội. Sinh viên sẽ có cơ hội làm giàu thêm tri thức văn hóa – xã hội, đồng thời rèn luyện thêm khả năng cảm thụ văn hóa phong phú, với nhiều thành tựu có giá trị cao. Trang bị cho SV những kiến thức về, những điểm nổi bật trong lịch sử nước Mỹ, những biểu tượng của nước Mỹ; một số vị tổng thống có ảnh hưởng lớn đối với nước Mỹ; hệ thống chính trị của Mỹ; đất nước, con người và văn hoá của nước Mỹ; hệ thống giáo dục của Mỹ	2	HK4	Trên lớp: 40% Thi cuối kỳ: 60%
1013.	Đọc 4	Giúp Sinh viên có năng lực đọc hiểu thành thạo các loại văn bản tiếng Anh, tăng vốn từ vựng, cấu trúc ngữ pháp, kiến thức văn hoá ,xã hội của các nước trên thế giới.	2	HK5	Trên lớp: 40% Thi cuối kỳ: 60%
1014.	Viết 4	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ và phương pháp để luyện tập và nâng cao kỹ năng viết một số loại đoạn văn cơ bản trong tiếng Anh tạo nền tảng để phát triển kỹ năng viết bài luận sau này.	2	HK5	Trên lớp: 40% Thi cuối kỳ: 60%
1015.	Nghe nói 4	Giúp SV rèn luyện khả năng giao tiếp lưu loát bằng tiếng Anh về những chủ đề chuyên sâu trong cuộc sống	3	HK5	Trên lớp: 40% Thi cuối kỳ: 60%
1016.	TA Thương mại	Trang bị cho SV những kiến thức về lĩnh vực kinh doanh hơn và có khả năng giao tiếp tốt trong thương mại.	3	HK5	Trên lớp: 40% Thi cuối kỳ: 60%
1017.	Kỹ năng thuyết trình	Giúp SV nắm được các bước chuẩn bị và thực hiện một buổi thuyết trình hiệu quả.	3	HK5	Trên lớp: 40% Thi cuối kỳ: 60%
1018.	Dẫn luận NN	Trang bị cho sinh viên kiến thức khái quát về	3	HK5	Trên lớp:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		ngôn ngữ, đặc điểm, chức năng của ngôn ngữ loài người và động vật.			40% Thi cuối kỳ: 60%
1019.	Dịch TH 1	Học phần giúp cho người học ôn lại các kiến thức cơ bản về các loại hình biên dịch, kỹ thuật biên dịch và những sai lầm cần tránh khi dịch cụm từ và câu, thành ngữ, .	3	HK5	Trên lớp: 40% Thi cuối kỳ: 60%
1020.	Dẫn luận văn chương	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nền cách học và phân tích một tác phẩm văn học thông qua phong cách diễn đạt ngôn ngữ văn chương	3	HK5	Trên lớp: 40% Thi cuối kỳ: 60%
1021.	Viết 5 (Văn bản khoa học)	Trang bị cho SV những kiến thức để có thể viết 1 bài báo khoa học bằng tiếng Anh	3	HK6	Trên lớp: 40% Thi cuối kỳ: 60%
1022.	PPNC Khoa học	Giúp SV hình thành đề tài nghiên cứu. Giới thiệu các phương pháp nghiên cứu và các bước tiến hành nghiên cứu	3	HK6	Trên lớp: 40% Thi cuối kỳ: 60%
1023.	Dịch TH 2	Học phần giúp cho người học ôn lại các kiến thức cơ bản về các loại hình biên dịch, kỹ thuật biên dịch và những sai lầm cần tránh khi dịch văn bản.	3	HK6	Trên lớp: 40% Thi cuối kỳ: 60%
1024.	Thực tế ngoài trường	Sau chuyến đi thực tế ngoài trường, sinh viên có thể áp dụng các kiến thức, kỹ năng ngôn ngữ Anh vào công việc thực tế cũng như trau dồi kiến thức về ngôn ngữ (Anh, Việt) trong giao tiếp. Bên cạnh đó cũng giúp sinh viên có cơ hội làm việc độc lập, làm việc nhóm và phát triển các kỹ năng mềm như: kỹ năng trình bày, diễn đạt, thuyết trình, giao tiếp bằng cả Tiếng Anh và Tiếng Việt, áp dụng công nghệ trong việc tìm kiếm thông tin cũng như phương hướng, trau dồi kỹ năng tìm kiếm, phân tích, đánh giá và tổng hợp thông tin. Rèn luyện kỹ năng đọc, viết và trình bày báo cáo, viết báo cáo bằng tiếng Anh.	1	HK6	Tham gia chuyến thực tế + Hoạt động nhóm: 40% Bài thu hoạch: 60%
1025.	Từ pháp học	Học phần giúp sinh viên nắm được các khái niệm trong từ pháp học, có kiến thức về cấu tạo từ, và có khả năng phân tích cấu tạo từ tiếng Anh	2	HK6	Trên lớp: 40% Thi cuối kỳ: 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1026.	Cú pháp học 1	Trang bị cho sinh viên kiến thức về , khái quát về cấu trúc trong tiếng Anh, các loại từ, vị trí và chức năng ngữ pháp, cụm từ: cấu tạo và đặc điểm chức năng, mệnh đề, câu; các chức năng ngữ pháp của các đơn vị trong câu, mối quan hệ giữa các đơn vị trong câu, các vị trí mà các cụm từ có thể nắm giữ	2	HK6	Trên lớp: 40% Thi cuối kỳ: 60%
1027.	Văn học Anh	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nền văn hoá- văn học Anh qua việc tìm hiểu những vấn đề lớn chi phối đời sống văn hoá- xã hội gắn liền với từng giai đoạn văn học với các dấu ấn sâu sắc để lại trong các tác phẩm tiêu biểu của những nhà văn lớn.	2	HK6	Trên lớp: 40% Thi cuối kỳ: 60%
1028.	Nói trước công chúng	Trang bị cho SV những kiến thức cần thiết để có một bài phát biểu hiệu quả	3	HK7	Trên lớp: 40% Thi cuối kỳ: 60%
1029.	Ngữ nghĩa học	Trang bị cho sinh viên kiến thức về nghĩa của từ một cách chi tiết	2	HK7	Trên lớp: 40% Thi cuối kỳ: 60%
1030.	Âm vị học	Trang bị cho sinh viên kiến thức về âm vị, vai trò và tầm quan trọng của việc nghiên cứu âm vị cũng như vị thế của môn học trong biểu đồ nghiên cứu ngôn ngữ học	2	HK7	Trên lớp: 40% Thi cuối kỳ: 60%
1031.	Ngôn ngữ học đối chiếu	Trang bị cho sinh viên kiến thức về đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ học đối chiếu (Phân biệt với nghiên cứu miêu tả, ngôn ngữ học so sánh – lịch sử, ngữ vực học, loại hình học). Xác định được khách thể, đối tượng, mục đích nghiên cứu; tìm ra sự giống và khác nhau giữa tiếng Anh và tiếng Việt.	3	HK7	Trên lớp: 40% Thi cuối kỳ: 60%
1032.	Dịch TH 3 (nâng cao)	Học phần giúp cho người học ôn lại các kiến thức cơ bản về các loại hình biên dịch, kỹ thuật biên dịch và những sai lầm cần tránh khi dịch các chủ đề chính trị, kinh tế, môi trường, du lịch và hội thoại nhằm trang bị cho người học vốn từ và kỹ năng cần thiết cho công việc dịch thuật thực tế	3	HK7	Trên lớp: 40% Thi cuối kỳ: 60%
1033.	Nghe dịch (Nghe và dịch các bản tin)	Học phần giúp cho người học ôn lại các kiến thức cơ bản về các loại hình nghe dịch, kỹ thuật nghe dịch và những sai lầm cần tránh khi	3	HK7	Trên lớp: 40% Thi cuối kỳ:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		dịch cụm từ và câu, thành ngữ, .			60%
1034.	Dịch TH nâng cao	Học phần giúp cho người học ôn lại các kiến thức cơ bản về các loại hình biên dịch, kỹ thuật biên dịch và những sai lầm cần tránh khi dịch các chủ đề chính trị, kinh tế, môi trường, du lịch và hội thoại nhằm trang bị cho người học vốn từ và kỹ năng cần thiết cho công việc dịch thuật thực tế.	2	HK8	Trên lớp: 40% Thi cuối kỳ: 60%
1035.	Kỹ năng giao tiếp nâng cao (T.A)	Trang bị cho SV những kiến thức để có thể thảo luận tích cực để tìm ra hướng giải quyết cho một vấn đề; Xử lý tình huống khó xử hay gặp trong các mối quan hệ gia đình, bạn bè, đồng nghiệp và tranh luận thuyết phục và đóng vai để giải quyết tình huống	2	HK8	Trên lớp: 40% Thi cuối kỳ: 60%
1036.	Ngữ nghĩa 2	Trang bị cho SV những kiến thức về nghĩa của câu và nghĩa phát ngôn	2	HK8	Trên lớp: 40% Thi cuối kỳ: 60%

D. Công khai thông tin về giáo trình, tài liệu tham khảo do cơ sở giáo dục tổ chức biên soạn

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)
1.	Giáo trình Phương pháp NCKH	2021	
2.	Giáo trình Nhận thức dược liệu	2021	
3.	Giáo trình Dược học cổ truyền	2021	
4.	Điều dưỡng Cơ bản 1	2021	
5.	Sách chuyên khảo Tác dụng cải thiện trí nhớ của một số loài trong họ Thạch tùng	2021	
6.	Sách chuyên khảo Mù u (Calophyllum Inophyllum) và ứng dụng trong y dược cổ truyền Việt Nam. Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ	2021	
7.	Giáo trình Thực vật dược (tái bản)	2020	
8.	Giáo trình Dược lý 1	2019	
9.	Giáo trình Dược lâm sàng và điều trị	2019	
10.	Giáo trình Anh văn chuyên ngành	2019	
11.	Giáo trình Hóa dược 1	2018	
12.	Giáo trình Dược lâm sàng 1	2018	
13.	Giáo trình dược lâm sàng 2	2018	
14.	Giáo trình Điều dưỡng chuyên khoa hệ ngoại	2018	
15.	Giáo trình Dược liệu học	2017	
16.	Giáo trình Thực vật dược	2017	
17.	Giáo trình Kiểm nghiệm thuốc	2017	
18.	Giáo trình Sinh học di truyền	2018 (NT)	
19.	Giáo trình Hóa hữu cơ	2017 (NT)	
20.	Giáo trình Sinh học đại cương	2017 (NT)	
21.	Giáo trình Hóa sinh	2017 (NT)	
22.	Giáo trình Sức khỏe môi trường	2017 (NT)	
23.	Giáo trình Vi sinh vật	2016 (NT)	
24.	Giáo trình Hóa Đại cương – vô cơ	2016 (NT)	
25.	Giáo trình Bệnh học cơ sở	2016 (NT)	
26.	Chăm sóc sức khỏe Người lớn bệnh Nội khoa 1	2015 (NT)	
27.	Chăm sóc sức khỏe người lớn bệnh Nội khoa 2	2016 (NT)	
28.	Chăm sóc người bệnh chuyên khoa Hệ nội	2015 (NT)	
29.	Quản trị học	2014	
30.	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	2014	
31.	Quản trị sự thay đổi	2015	
32.	Hành vi tổ chức	2016	
33.	Quản trị nguồn nhân lực	2016	

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)
34.	Toán kinh tế	2016	
35.	Quản trị chiến lược	2016	
36.	Marketing căn bản	2016	
37.	Kinh tế vi mô	2016	
38.	Nghiên cứu Marketing	2015	
39.	Hành vi tổ chức	2016	
40.	Giao tiếp và đàm phán trong kinh doanh trong xu thế hội nhập Quốc tế	2017	
41.	Thanh toán quốc tế	2016	
42.	Giáo trình Du lịch văn hóa VN	2019	
43.	Giáo trình Tổng quan du lịch	2016	
44.	Giáo trình Địa lí du lịch VN	2016	
45.	Giáo trình Tài nguyên và môi trường du lịch VN	2016	
46.	Giáo trình Du lịch sinh thái	2016	
47.	Giáo trình Tâm lí du khách và nghệ thuật giao tiếp	2016	
48.	Giáo trình Văn hóa phương Đông	2017	
49.	Giáo trình Lịch sử văn minh thế giới	2016	
50.	Giáo trình Văn hóa VN trong Đông Nam Á	2016	
51.	Giáo trình Nghệ thuật quảng cáo	2016	
52.	Giáo trình thị trường chứng khoán	2013	
53.	Tiến trình hội nhập thị trường chứng khoán Việt Nam vào thị trường chứng khoán Asean đến năm 2020	2013	
54.	Phân tích chứng khoán bài tập và bài giải	2009	
55.	Giáo trình một số hợp đồng đặc thù trong lĩnh vực thương mại và kỹ năng đàm phán soạn thảo	2012	
56.	Những Biện Pháp Phòng Chống Rủi Ro Khi Soạn Thảo, Ký Kết Hợp Đồng – Tuyển Chọn, Tham Khảo Các Mẫu Hợp Đồng Thường Dùng	2017	
57.	Tìm Hiểu Kinh Nghiệm Soạn Thảo Và Xử Lý Tranh Chấp Khi Thực Hiện Hợp Đồng	2016	
58.	Giáo trình Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam	2017	
59.	Giáo trình Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam	2009	
60.	Luật Hôn Nhân Và Gia Đình (Được Quốc Hội Thông Qua Khóa XIII) & Các Văn Bản Hướng	2015	

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)
	Dẫn Công Tác Hoạt Động Vì Sự Tiến Bộ Của Phụ Nữ Và Bảo Vệ Chăm Sóc Trẻ Em		
61.	Giáo trình bảo hiểm	2008	
62.	Pháp luật về hoạt động bảo hiểm tiền gửi ở VN	2013	
63.	Bảo hiểm và giám định hàng hóa xuất nhập khẩu vận chuyển bằng đường biển	2009	
64.	Giáo trình quản trị xuất nhập khẩu	2017	
65.	Pháp luật về xuất nhập khẩu	2009	
66.	Thanh toán & tín dụng xuất nhập khẩu	2009	
67.	Giáo trình Luật Lao động	2017	
68.	Pháp luật về giải quyết tranh chấp lao động tập thể-Kinh nghiệm của một số nước đối với VN	2011	
69.	Pháp luật về quyền quản lý lao động của người sử dụng lao động ở VN	2016	
70.	Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam phần chung	2016	
71.	Luật Hình sự Việt Nam (phần chung)	2009	
72.	Luật Hình sự Việt Nam (phần các tội phạm)	2012	
73.	Giáo trình Luật Tổ tụng Hình sự Việt Nam	2017	
74.	Những điểm mới của Bộ luật Tổ tụng Hình sự năm 2015	2016	
75.	Chế định chứng cứ trong luật tố tụng hình sự Việt Nam	2008	
76.	Giáo trình tư pháp quốc tế	2013	
77.	Tư pháp quốc tế Việt Nam	2010	
78.	Tư pháp quốc tế	2016	
79.	Giáo trình Xây dựng văn bản pháp luật	2012	
80.	Giáo trình Xây dựng văn bản pháp luật	2016	
81.	Kỹ thuật soạn thảo và quản lý văn bản	2011	
82.	Lý luận về Nhà nước và Pháp luật Quyển 1-2	2016 2013	
83.	Lý luận nhà nước và pháp luật	2009	
84.	Giáo trình lý luận chung về nhà nước và pháp luật	2010	
85.	Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam	2017	
86.	Bình luận khoa học các Điều của Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam năm 2013	2016	
87.	Bình luận khoa học Hiến pháp nước CHXHCN	2016	

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)
	Việt Nam năm 2013		
88.	Giáo trình Luật hành chính Việt Nam	2017	
89.	Luật Hành chính Việt Nam – Những vấn đề cơ bản, câu hỏi và tình huống	2011	
90.	Bình luận khoa học Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012	2017	
91.	Giáo trình Quản lý thuế		
92.	Cẩm nang pháp luật về thuế nhà thầu nước ngoài và hiệp định tránh đánh thuế hai lần	2014	
93.	Giáo trình thuế và hệ thống thuế ở Việt Nam		
94.	Giáo trình pháp luật về thương mại hàng hoá và dịch vụ	2017	
95.	Chế định trách nhiệm sản phẩm trong pháp luật Việt Nam	2013	
96.	Pháp luật về đấu giá hàng hóa trong thương mại Việt Nam	2013	
97.	Pháp luật về chủ thể kinh doanh	2017	
98.	Luật Doanh nghiệp Việt Nam, Tình huống – Dẫn giải – Bình luận	2017	
99.	Giáo trình Luật tổ tụng dân sự	2017	
100.	Kỹ năng nghiên cứu hồ sơ vụ án dân sự và chỉ dẫn áp dụng PL tổ tụng dân sự	2013	
101.	Bình luận khoa học những điểm mới của Bộ luật Dân sự năm 2015	2016	
102.	Giáo trình luật thương mại quốc tế	2016	
103.	Tuyển tập một số điều ước quốc tế về giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế ...	2013	
104.	Giáo trình Luật thương mại quốc tế (Phần 1, 2)	2017	
105.	Giáo trình Luật Dân sự Việt Nam (Tập 1,2)	2017	
106.	Bình luận khoa học Bộ luật dân sự năm 2015 của nước CHXHCN Việt Nam	2017	
107.	Bình luận những điểm mới của Bộ luật dân sự 2015	2016	
108.	Những vấn đề cần biết về Luật Đầu tư năm 2014	2017	
109.	Giáo trình luật Đầu tư quốc tế	2017	
110.	Giáo trình luật đầu tư	2009	

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)
111.	Quản trị ngân hàng thương mại hiện đại	2012	
112.	Giáo trình luật ngân hàng	2017	
113.	Hệ thống văn bản Pháp luật ngân hàng	2014	
114.	Giáo trình Luật Đất đai	2017	
115.	Giáo trình Luật Đất đai	2016	
116.	Luật Đất đai 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành	2017	
117.	Giải quyết tranh chấp thương mại WTO	2010	
118.	Tìm hiểu luật WTO qua một số vụ kiện về chống bán phá giá	2013	
119.	Quyền con người và WTO	2014	
120.	Tìm hiểu luật WTO qua một số vụ kiện về trợ cấp	2014	
121.	Giáo trình pháp luật về cạnh tranh và giải quyết tranh chấp thương mại	2017	
122.	Pháp luật cạnh tranh chuyên giao công nghệ và Hiệp định TRIPS kinh nghiệm cho VN	2010	
123.	Cẩm nang tra cứu pháp luật về cạnh tranh	2016	
124.	Giáo trình luật môi trường	2015	
125.	Trách nhiệm bồi thường thiệt hại đối với hành vi làm ô nhiễm môi trường ở Việt Nam hiện nay	2016	
126.	Giáo trình luật môi trường	2007	
127.	Giáo trình luật sở hữu trí tuệ	2017	
128.	Tình huống luật Sở hữu trí tuệ	2017	
129.	Quyền tác giả: đường hội nhập không trái hoa hồng	2017	
130.	Phương pháp, quy trình và kỹ thuật nghiên cứu cơ bản trong khoa học pháp lý	2016	
131.	Giáo trình phương pháp và kỹ năng nghiên cứu khoa học	2016	
132.	Giáo trình kỹ năng nghiên cứu và lập luận	2017	
133.	Giáo trình Kinh tế phát triển	2008	
134.	Phương pháp xử lý tình huống và nội dung cơ bản trong hoạt động quản lý hành chính	2014	
135.	Cẩm nang pháp luật về giao kết hợp đồng điện tử	2006	
136.	Thương mại điện tử	2011	

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)
137.	Tìm hiểu các quy định pháp luật về bán hàng qua mạng internet	2015	
138.	Luật mẫu của UNCITRAL về thương mại điện tử 1996		
139.	English for Lawyer	2001	
140.	Hoàn thiện tiếng Anh chuyên ngành Luật	2004	
141.	C.Paul Verghese	2003	
142.	Giáo trình lịch sử nhà nước và pháp luật thế giới	2016	
143.	Các bảng niên pháp làm nên lịch sử	2012	
144.	Lịch sử thế giới Trung đại	2014	
145.	Giáo trình lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam	2017	
146.	Đại việt sử ký toàn thư	2013	
147.	Xã Hội Việt Nam Thời Pháp Thuộc – nhân vật và sự kiện lịch sử	2017	
148.	Giáo trình Luật So Sánh	2009	
149.	Hiến Pháp Việt Nam Qua Các Thời Kỳ	2017	
150.	Luật 101: Mọi Điều Bạn Cần Biết Về Pháp Luật Hoa Kỳ	2014	
151.	Giáo trình luật ngân sách nhà nước	2015	
152.	Tài chính công và phân tích chính sách thuế	2010	
153.	Giáo trình luật thuế	2017	
154.	Giáo trình công pháp quốc tế -Phần I, II	2017 2016	
155.	Văn bản luật quốc tế - Một số vấn đề cơ bản của luật quốc tế	2013	
156.	Quyền con người trong luật quốc tế và pháp luật Việt Nam	2014	
157.	Đăng ký bất động sản - Những vấn đề lý luận và thực tiễn	2011	
158.	Những vấn đề pháp lý về thị trường quyền sử dụng đất	2016	
159.	Chính sách phát triển thị trường bất động sản ở Việt Nam	2011	
160.	Từ điển luật học	2006	
161.	Đề hoàn thành tốt luận văn ngành luật	2016	
162.	Đề hoàn thành tốt luận văn ngành Luật	2019	

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)
163.	Giáo trình Luật Hiến Pháp	2018	
164.	Giáo trình Luật Đất đai	2018	
165.	Giáo trình Lý luận Nhà nước và Pháp luật	2018	
166.	Giáo trình Tư pháp quốc tế	2020	
167.	Giáo trình Luật Thương mại quốc tế	2020	
168.	Giáo trình Luật Môi trường	2019	
169.	Giáo trình Luật Cạnh tranh	2020	
170.	Giáo trình Luật Chứng khoán	2021	
171.	Giáo trình Luật Kinh tế	2021	
172.	Giáo trình Luật so sánh	2021	
173.	Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam	2021	
174.	Giáo trình Luật Tố tụng hình sự Việt Nam	2021	
175.	Giáo trình Luật Lao động Việt Nam	2021	
176.	Giải quyết tranh chấp hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai - Phát hiện vi phạm và xử lý vướng mắc (Sách chuyên khảo)	2021	
177.	Pháp Luật Về Hợp Đồng Trong Thương Mại Đầu Tư – Những Vấn Đề Pháp Lý Cơ Bản	2022	
178.	Tài Sản Và Vật Quyền	2021	
179.	Cẩm nang pháp luật ngân hàng (Nhận diện những vấn đề pháp lý) (Tái bản có sửa chữa, bổ sung)	2021	
180.	Pháp Lý M&A Căn Bản (Tái Bản 2021)	2021	
181.	Giải Quyết Tranh Chấp Kinh Doanh, Thương Mại - Phát Hiện Vi Phạm Và Kinh Nghiệm Phòng Ngừa	2022	
182.	Pháp chế doanh nghiệp - Những kỹ năng cơ bản	2021	
183.	Giáo trình pháp luật đại cương	2021	
184.	Giáo Trình Chủ Nghĩa Xã Hội Khoa Học (Dành Cho Bậc Đại Học Hệ Không Chuyên Lý Luận Chính Trị)	2021	
185.	Giáo trình logic học hình thức (Xuất bản lần thứ ba)	2021	
186.	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2020	
187.	Lịch sử văn minh thế giới	2020	
188.	Sách Giáo Trình Lý Luận Chung Về Nhà Nước Và Pháp Luật (Tái Bản Năm 2022)	2022	

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)
189.	Giáo Trình Lý Luận Chung Về Nhà Nước Và Pháp Luật (Tái Bản Năm 2022)	2022	
190.	Bình luận Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 được sửa đổi, bổ sung năm 2020 và áp dụng pháp luật trong xử lý vi phạm hành chính	2021	
191.	Giáo trình luật sở hữu trí tuệ (tái bản có sửa chữa, bổ sung)	2022	
192.	Giáo trình pháp luật về hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng (Tái bản lần thứ 1, có sửa đổi và bổ sung)	2021	
193.	Giáo Trình Quản Trị Xuất Nhập Khẩu (GS. TS. Đoàn Thị Hồng Vân) - Tái Bản 2021 1 đánh giá	2021	
194.	Giáo trình thị trường chứng khoán	2013	
195.	Cảm nhận bản sắc Nam Bộ	2006	
196.	Từ điển Từ ngữ Nam Bộ	2007	
197.	Văn hoá Khmer Nam Bộ	2011	
198.	Văn chương miền sông nước Nam Bộ	2012	
199.	Ấn tượng văn hoá đồng bằng Nam Bộ	2012	
200.	Đặc trưng văn hoá Nam Bộ qua phương ngữ	2013	
201.	Đồng dao trong đời sống văn hoá Vĩnh Long	2014	
202.	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2016	
203.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2016	
204.	Chuyện địa danh và chữ nghĩa Nam Bộ	2017	
205.	Đặc điểm văn hoá ĐBSCL	2017	
206.	Văn học dân gian An Giang	2021	
207.	Bức tranh ngôn ngữ về sông nước trong tâm thức của người Việt	2021	
208.	Phong cách học tiếng Việt	2022	
209.	Văn học Việt Nam 1975 - 2000	2016	
210.	Văn học dân gian Việt Nam	2016	
211.	Giáo trình Ngữ âm tiếng Việt	2015	
212.	Giáo trình Mĩ học đại cương	2017	
213.	Hán văn cơ sở	2016	
214.	Chữ nôm	2016	
215.	GT Khí cụ điện	2015	
216.	BG Khí cụ điện	2015	

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)
217.	Kỹ thuật siêu cao tần	2015	
218.	Thiết kế hệ thống điện	2015	
219.	Điện tử công suất	2013	
220.	Tập BG Điện tử công suất	2015	
221.	BG Kỹ thuật điện (bậc ĐH)	2015	
222.	GT Kỹ thuật điện	2008	
223.	Kỹ thuật Video	2015	
224.	Tập BG TT.Kỹ thuật Video	2015	
225.	Kỹ thuật Video	2015	
226.	Tài liệu TT.Kỹ thuật Video	2015	
227.	Mạch điện tử Analog (hệ ĐH)	2015	
228.	Tập BG Thực hành Mạch điện tử Analog (hệ ĐH)	2015	
229.	Tập BG Kỹ thuật Audio (hệ ĐH)	2015	
230.	Tập BG TT Kỹ thuật Audio (hệ ĐH)	2015	
231.	Kỹ thuật audio	2015	
232.	Tập BG Kỹ thuật vi xử lý	2015	
233.	Tập BG Trường điện từ(hệ ĐH)	2015	
234.	Tập BG Cơ sở viễn thông	2015	
235.	Truyền dữ liệu	2015	
236.	Tập BG Hàm phức (hệ ĐH)	2015	
237.	Hệ thống viễn thông	2015	
238.	Anh văn chuyên ngành điện tử (ĐH)	2015	
239.	BG Điện tử nhập môn	2009	
240.	Cơ sở kỹ thuật		
241.	Tập BG truyền động điện (ĐH)	2015	
242.	Tập BG mạch số (ĐH)		
243.	Tập BG TT. mạch số (ĐH)		
244.	GT mạch số	2015	
245.	GT TT. mạch số	2015	
246.	Thủy lực và nhiệt động công trình	2011	
247.	Tập BG cơ học kết cấu (trung cấp)	2015	
248.	Tập BG cơ học kết cấu (ĐH)	2015	
249.	Tập BG cơ học kết cấu (CĐ)	2015	
250.	Tập BG lý thuyết tín hiệu (ĐH)	2015	
251.	Tập BG Kỹ thuật đo	2015	
252.	Kỹ thuật đo	2015	

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)
253.	Kỹ thuật đo	2009	
254.	Lý thuyết điều khiển tự động	2005	
255.	Tập BG lý thuyết điều khiển tự động hệ tuyến tính		
256.	Tập BG điện tử công nghiệp (hệ ĐH)	2015	
257.	Tập BG Lập trình căn bản điện tử (ĐH)	2015	
258.	Giáo trình kỹ thuật xung		
259.	Tập BG kỹ thuật xung	2015	
260.	Tập BG thực hành mạch điện tử kỹ thuật xung	2015	
261.	Tập BG xử lý tín hiệu số	2015	
262.	Tập BG điều khiển logic lập trình	2015	
263.	Tập BG Anten và truyền sóng	2015	
264.	Tập BG vật liệu kỹ thuật điện	2015	
265.	Tập BG kỹ thuật cao áp	2015	
266.	Giáo trình kỹ thuật cao áp	2015	
267.	Giáo trình kỹ thuật cao áp	2015	
268.	GT Khí cụ điện	2015	
269.	BG Khí cụ điện	2015	
270.	Kỹ thuật siêu cao tần	2015	
271.	Thiết kế hệ thống điện	2015	
272.	Điện tử công suất	2013	
273.	Tập BG Điện tử công suất	2015	
274.	BG Kỹ thuật điện (bậc ĐH)	2015	
275.	GT Kỹ thuật điện	2008	
276.	Kỹ thuật Video	2015	
277.	Tập BG TT.Kỹ thuật Video	2015	
278.	Kỹ thuật Video	2015	
279.	Tài liệu TT.Kỹ thuật Video	2015	
280.	Mạch điện tử Analog (hệ ĐH)	2015	
281.	Tập BG Thực hành Mạch điện tử Analog (hệ ĐH)	2015	
282.	Tập BG Kỹ thuật Audio (hệ ĐH)	2015	
283.	Tập BG TT Kỹ thuật Audio (hệ ĐH)	2015	
284.	Kỹ thuật audio	2015	
285.	Tập BG Kỹ thuật vi xử lý	2015	
286.	Tập BG Trường điện từ(hệ ĐH)	2015	

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)
287.	Tập BG Cơ sở viễn thông	2015	
288.	Truyền dữ liệu	2015	
289.	Tập BG Hàm phức (hệ ĐH)	2015	
290.	Hệ thống viễn thông	2015	
291.	Ảnh văn chuyên ngành điện tử (ĐH)	2015	
292.	BG Điện tử nhập môn	2009	
293.	Cơ sở kỹ thuật		
294.	Tập BG truyền động điện (ĐH)	2015	
295.	Tập BG mạch số (ĐH)		
296.	Tập BG TT. mạch số (ĐH)		
297.	GT mạch số	2015	
298.	Hệ cơ sở dữ liệu tập 1	2008	
299.	Tập BG Hệ cơ sở dữ liệu (ĐH)	2015	
300.	Tập BG Hệ cơ sở dữ liệu (CĐ)	2015	
301.	Lý thuyết xếp hàng (ĐH)	2015	
302.	Hệ điều hành (CĐ)	2015	
303.	Hệ điều hành (ĐH)	2015	
304.	GT hệ điều hành	2015	
305.	Tập BT quy hoạch tuyến tính (hệ ĐH)		
306.	Phân tích và thiết kế thuật toán (hệ ĐH)	2015	
307.	Phân tích và thiết kế thuật toán (hệ ĐH)	2013	
308.	Toán rời rạc 2 (CĐ)	2015	
309.	Toán rời rạc 2 (ĐH)	2015	
310.	Toán rời rạc 1 (ĐH)	2015	
311.	Toán rời rạc 1 (CĐ)	2015	
312.	TT cấu trúc dữ liệu	2013	
313.	Cấu trúc dữ liệu (data structures)	2012	
314.	Cấu trúc dữ liệu (ĐH)	2015	
315.	Thiết kế cài đặt mạng máy tính (ĐH)	2015	
316.	Thiết kế cài đặt mạng máy tính (CĐ)	2015	
317.	Thiết kế cài đặt mạng máy tính (trung cấp)	2015	
318.	BG môn học nhập môn công nghệ phần mềm		
319.	BG Trí tuệ nhân tạo	2015	
320.	GT phân tích thiết kế hệ thống thông tin	2012	
321.	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin (ĐH)	2015	
322.	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin (CĐ)	2015	
323.	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin (trung cấp)	2015	

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)
324.	BG nhập môn công nghệ phần mềm		
325.	Kỹ thuật đồ họa	2003	
326.	Kỹ thuật đồ họa (ĐH)	2015	
327.	Kỹ thuật đồ họa (CĐ)	2015	
328.	Mạng máy tính (ĐH)	2015	
329.	Mạng máy tính (CĐ)	2015	
330.	Mạng máy tính (trung cấp)	2015	
331.	Trình biên dịch	2015	
332.	Chương trình dịch	2015	
333.	TL tham khảo môn xử lý ảnh		
334.	Xử lý ảnh (ĐH)	2015	
335.	GT Lý thuyết thông tin		
336.	Lý thuyết thông tin (ĐH)	2015	
337.	Internet (ĐH)	2015	
338.	BG Internet (ĐH)	2012	
339.	BG Pháp luật chuyên ngành CNTT	2014	
340.	TL tham khảo về văn bản pháp luật về CNTT	2014	
341.	An toàn và bảo mật thông tin (ĐH)	2015	
342.	Tập BG tin học căn bản	2015	
343.	GT hướng dẫn thực hành môn Tin học căn bản	2015	
344.	GT tin học căn bản	2015	
345.	BG lập trình web		
346.	Tập BG Thiết kế và lập trình web (ĐH)	2015	
347.	Tập BG Thiết kế và lập trình web (CĐ)	2015	
348.	Lập Trình căn bản (ĐH)	2015	
349.	Lập Trình căn bản (CĐ)	2015	
350.	GT lập trình hệ thống Tviện	2008	
351.	GT TH lập trình hệ thống	2008	
352.	BG ngôn ngữ hệ thống	2009	
353.	BG môn học quản lý dự án tin học		
354.	Tập BG môn học quản lý dự án tin học	2015	
355.	BG ngôn ngữ lập trình	2010	
356.	Ngôn ngữ lập trình	2013	
357.	GT tin học lý thuyết	2003	
358.	Tập BG tin học lý thuyết (ĐH)	2015	
359.	Tập BG lập trình hướng đối tượng C++ (hệ ĐH)	2015	
360.	Tập BG lập trình hướng đối tượng C++ (hệ CĐ)	2015	

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)
361.	Lập trình hướng đối tượng C++	2003	
362.	BG Lập trình truyền thông	2012	
363.	Tập BG hệ quản trị CSDL oracle (ĐH)	2015	
364.	Tập BG hệ quản trị CSDL oracle (CĐ)	2015	
365.	GT phân tích hệ thống hướng đối tượng	2013	
366.	Tập BG phân tích hệ thống hướng đối tượng (ĐH)	2015	
367.	Tập BG phân tích hệ thống hướng đối tượng (CĐ)	2015	
368.	Tập BG tiếng Anh chuyên ngành (ĐH)	2015	
369.	Tập BG tiếng Anh chuyên ngành (CĐ)	2015	
370.	Thủy lực và nhiệt động công trình	2011	
371.	Tập BG cơ học kết cấu (trung cấp)	2015	
372.	Tập BG cơ học kết cấu (ĐH)	2015	
373.	Tập BG cơ học kết cấu (CĐ)	2015	
374.	Tập BG kỹ thuật điện xây dựng (ĐH)		
375.	Tập BG kỹ thuật điện xây dựng (CĐ)		
376.	Tập BG thủy văn công trình (ĐH)	2015	
377.	Tập BG thủy văn công trình (CĐ)	2015	
378.	BG địa chất thủy văn	2010	
379.	BG môn học tin học trong địa chất thủy văn ứng dụng	2012	
380.	Tập BG kỹ thuật thi công (ĐH)	2015	
381.	Tập BG kỹ thuật thi công (CĐ)	2015	
382.	Tập BG địa chất công trình(ĐH)		
383.	Tập BG địa chất công trình(CĐ)		
384.	Tập BG PP nghiên cứu và viết báo cáo khoa học (ĐH)	2014	
385.	Kết cấu thép nhà công nghiệp (kết cấu thép 2) (ĐH)	2015	
386.	Tập BG nền móng công trình (ĐH)		
387.	Tập BG nền móng công trình (CĐ)		
388.	Tập BG Anh văn chuyên ngành xây dựng	2015	
389.	Tập BG Kết cấu bê tông cơ sở (ĐH)	2015	
390.	Tập BG Kết cấu bê tông cơ sở (CĐ)	2015	
391.	Tập BG Kết cấu bê tông cơ sở (TC)	2015	
392.	Tập BG sức bền vật liệu (CĐ)	2015	

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)
393.	BG sức bền vật liệu (ĐH)	2015	
394.	Giáo trình sức bền vật liệu		
395.	BG Kết cấu thép 2 (Kết cấu thép nhà công nghiệp) (ĐH)		
396.	Tập BG kết cấu gỗ (ĐH)	2015	
397.	Tập BG kết cấu gỗ (CĐ)	2015	
398.	Tập BG Vật liệu xây dựng (ĐH)	2015	
399.	Tập BG Vật liệu xây dựng (CĐ)	2015	
400.	Tập BG Vật liệu xây dựng (TC)	2015	
401.	Giáo trình quy hoạch đô thị	2005	
402.	Bài giảng quy hoạch đô thị	2015	
403.	BG kết cấu thép (ĐH)	2015	
404.	BG kết cấu thép (CĐ)	2015	
405.	BG tin học ứng dụng kỹ thuật 1 (AUTOCAD) (ĐH)	2015	
406.	BG tin học ứng dụng kỹ thuật 1 (AUTOCAD) (CĐ)	2015	
407.	BG tin học ứng dụng kỹ thuật 1 (AUTOCAD) (TC)	2015	
408.	BG AUTOCAD 2007	2010	
409.	BG tin học ứng dụng SAP 2000 V.9	2015	
410.	Tập BG tin học ứng dụng SAP 2000 (ĐH)	2015	
411.	BG thực tập trắc địa đại cương	2014	
412.	Tập BG trắc địa đại cương (ĐH)	2015	
413.	Tập BG trắc địa đại cương (CĐ)	2015	
414.	Tập BG thực tập trắc địa đại cương (ĐH)	2015	
415.	Tập BG thực tập trắc địa đại cương (CĐ)	2015	
416.	Tập BG cơ học đất (ĐH)	2015	
417.	Tập BG cơ học đất (CĐ)	2015	
418.	BG cơ học lý thuyết (ĐH)	2015	
419.	Tập BG luật xây dựng (ĐH)	2015	
420.	Tập BG luật xây dựng (CĐ)	2015	
421.	Tập BG luật xây dựng (TC)	2015	
422.	Tập BG kinh tế xây dựng	2015	
423.	Tập BG kiến trúc công trình	2015	
424.	Tập BG bê tông cấu kiện đặc biệt		
425.	Tập BG bê tông công trình dân dụng	2015	

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)
426.	Tập BG quản lý dự án xây dựng	2014	
427.	BG hình học và vẽ kỹ thuật xây dựng (ĐH)	2015	
428.	BG hình học và vẽ kỹ thuật xây dựng (CĐ)	2015	
429.	BG địa chất thủy văn ứng dụng	2008	
430.	Giáo trình cấp thoát nước	2009	
431.	Tập BG cấp thoát nước và XLNT	2014	
432.	BG kết cấu gạch đá	2014	
433.	Tập BG kết cấu gạch đá (ĐH)		
434.	Tập BG kết cấu gạch đá (CĐ)		
435.	BG kết cấu gỗ		
436.	Tập BG nhà nhiều tầng	2014	
437.	Tập BG công trình thủy	2015	
438.	Tập BG công trình giao thông	2015	
439.	Tập BG máy xây dựng (ĐH)	2015	
440.	Tập BG máy xây dựng (CĐ)	2015	
441.	Tập BG tổ chức thi công (ĐH)	2015	
442.	Tập BG tổ chức thi công (CĐ)	2015	
443.	Tập BG tổ chức thi công (TC)	2015	
444.	Tập BG công trình trên đất yếu (ĐH)	2015	
445.	Tập BG công trình trên đất yếu (CĐ)	2015	
446.	Kế toán tài chính 1	2014	
447.	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	2014	
448.	Nguyên lý kế toán	2014	
449.	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính ngân hàng	2016	
450.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2016	
451.	Tin học ứng dụng trong kế toán	2016	
452.	Tài chính quốc tế	2016	
453.	Thị trường tài chính	2016	
454.	Quản trị tài chính	2016	
455.	Thanh toán quốc tế	2016	
456.	Kế toán quản trị	2016	
457.	Kiểm toán 1	2016	
458.	Tin học ứng dụng trong tài chính	2016	
459.	Kế toán tài chính	2016	
460.	Tiền tệ ngân hàng	2017	
461.	Kiểm soát nội bộ	2017	
462.	Tổ chức công tác kế toán	2022	

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)
463.	Tiếng Anh Du lịch	2019	
464.	Văn hóa Xã hội Mỹ	2019	
465.	Tiếng Anh chuyên ngành Dược	2019	
466.	Viết 5	2019	
467.	Ngữ Pháp 1	2019	
468.	English for pharmacy	2020	
469.	MBA English	2020	
470.	Vi sinh đại cương	2016	
471.	Sinh học đại cương	2016	
472.	Sinh thái thủy sinh vật	2016	
473.	Kỹ thuật nuôi cá nước ngọt	2016	
474.	Kỹ thuật sản xuất giống và nuôi giáp xác	2016	
475.	Quản lý chất lượng nước ao nuôi thủy sản	2016	
476.	Dinh dưỡng và thức ăn thủy sản	2016	
477.	Đánh giá cảm quan thực phẩm	2016	
478.	Hóa học thực phẩm	2016	
479.	Sinh lý vật nuôi.	2022	

E. Công khai thông tin về đồ án, khóa luận, luận văn, luận án tốt nghiệp

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1.	Đại học	Xác định hàm lượng kim loại nặng arsen, crom trong mẫu nước sinh hoạt thuộc huyện Long Hồ tỉnh Vĩnh Long	Lê Thị Kim Yên	Nguyễn Chí Toàn	Xác định hàm lượng kim loại nặng arsen, crom trong mẫu nước sinh hoạt thuộc huyện Long Hồ tỉnh Vĩnh Long
2.	Đại học	Xác định hàm lượng kim loại nặng chì và cadimi trong gạo trồng tại huyện hòn đất, tỉnh Kiên Giang	Trần Thị Thu Em	Nguyễn Chí Toàn	Xác định hàm lượng kim loại nặng chì và cadimi trong gạo trồng tại huyện hòn đất, tỉnh Kiên Giang
3.	Đại học	Xác định hàm lượng kim loại nặng chì và cadimi trong đất nông	Huỳnh Thị Hà Phương	Nguyễn Chí Toàn	Xác định hàm lượng kim loại nặng chì và cadimi trong đất nông nghiệp trên địa bàn huyện

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		nghiệp trên địa bàn huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh			Càng Long, tỉnh Trà Vinh
4.	Đại học	Xác định hàm lượng ethanol, methanol, acetaldehyd, kim loại nặng trong mẫu rượu trắng và rượu thương phẩm lưu thông tại các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long bằng các phương pháp so màu, UV-Vis và sắc ký khí	Huỳnh Như	Nguyễn Ngọc Linh	Xác định hàm lượng ethanol, methanol, acetaldehyd, kim loại nặng trong mẫu rượu trắng và rượu thương phẩm lưu thông tại các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long bằng các phương pháp so màu, UV-Vis và sắc ký khí
5.	Đại học	Xác định hàm lượng Methanol, Formaldehyde và pH trong mẫu nước rửa tay lưu thông tại địa bàn thành phố Cần Thơ bằng các phương pháp so màu, UV-Vis và sắc ký khí	Trương Mỹ Duyên	Nguyễn Ngọc Linh	Xác định hàm lượng Methanol, Formaldehyde và pH trong mẫu nước rửa tay lưu thông tại địa bàn thành phố Cần Thơ bằng các phương pháp so màu, UV-Vis và sắc ký khí
6.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc tăng huyết áp ở Trung tâm Y tế Chợ mới An Giang	Cao Hiếu Nhi	Quách Thị Thu Hằng	Tình hình sử dụng thuốc tăng huyết áp ở Trung tâm Y tế Chợ mới An Giang
7.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc đái tháo đường tại TTYT huyện Kế Sách tỉnh Sóc Trăng	Trần Thị Ngọc Hân	Quách Thị Thu Hằng	tình hình sử dụng thuốc đái tháo đường tại TTYT huyện Kế Sách tỉnh Sóc Trăng
8.	Đại học	Tổng hợp và đánh giá hoạt tính sinh học các dẫn xuất dị vòng 1,3,4-oxadiazole	Nguyễn Thanh Tâm	Nguyễn Phú Quý	Tổng hợp và đánh giá hoạt tính sinh học các dẫn xuất dị vòng 1,3,4-oxadiazole

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
9.	Đại học	Tổng hợp và đánh giá hoạt tính sinh học các dẫn xuất dị vòng benzimidazole	Võ Thông Thái	Nguyễn Phú Quý	Tổng hợp và đánh giá hoạt tính sinh học các dẫn xuất dị vòng benzimidazole
10.	Đại học	Tổng hợp và đánh giá hoạt tính sinh học các dẫn xuất dị vòng kết hợp chứa khung 1,3,4-oxadiazole	Nguyễn Trần Thúy Ngọc	Nguyễn Phú Quý	Tổng hợp và đánh giá hoạt tính sinh học các dẫn xuất dị vòng kết hợp chứa khung 1,3,4-oxadiazole
11.	Đại học	Tổng hợp và đánh giá hoạt tính sinh học các dẫn xuất dị vòng kết hợp chứa khung benzimidazole	Lê Sơn hải	Dương Thị Bích Nguyễn Phú Quý	Tổng hợp và đánh giá hoạt tính sinh học các dẫn xuất dị vòng kết hợp chứa khung benzimidazole
12.	Đại học	Tổng hợp và đánh giá hoạt tính sinh học các dẫn xuất dị vòng kết hợp 1,3,4-oxadiazole/benzimidazole	Nguyễn Thị Trà Giang	Dương Thị Bích Nguyễn Phú Quý	Tổng hợp và đánh giá hoạt tính sinh học các dẫn xuất dị vòng kết hợp 1,3,4-oxadiazole/benzimidazole
13.	Đại học	Tổng hợp và đánh giá hoạt tính sinh học các dẫn xuất dị vòng chứa khung 1,3,4-oxadiazole	Võ Thị Mỹ Chi	Dương Thị Bích Nguyễn Phú Quý	Tổng hợp và đánh giá hoạt tính sinh học các dẫn xuất dị vòng chứa khung 1,3,4-oxadiazole
14.	Đại học	Nghiên cứu tổng hợp <i>in vitro</i> gel vuốt tóc Clotrimazol	Nguyễn Thị Hồng Sương	Hà Thanh Mỹ Phương	Nghiên cứu tổng hợp <i>in vitro</i> gel vuốt tóc Clotrimazol
15.	Đại học	Nghiên cứu tổng hợp <i>in vitro</i> dầu gội trị gàu tinh dầu trầm có khả năng kháng khuẩn	Huỳnh Thị Tuyết Nga	Hà Thanh Mỹ Phương	Nghiên cứu tổng hợp <i>in vitro</i> dầu gội trị gàu tinh dầu trầm có khả năng kháng khuẩn
16.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị đái tháo đường type 2 ở	Lại Thị Cẩm Tiên	Lâm Thị Thu Quyên	Tình hình sử dụng thuốc điều trị đái tháo đường type 2 ở bệnh nhân ngoại trú tại BV Đa khoa

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		bệnh nhân ngoại trú tại BV Đa khoa Trà Vinh			Trà Vinh
17.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng kháng sinh vancomycin trong điều trị nội trú tại bệnh viện Nhi Đồng Thành Phố Cần Thơ	Phạm Ngọc Mai	Lâm Thị Thu Quyên	Tình hình sử dụng kháng sinh vancomycin trong điều trị nội trú tại bệnh viện Nhi Đồng Thành Phố Cần Thơ
18.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng kháng sinh linezolid trong điều trị nội trú tại bệnh viện Nhi Đồng Thành Phố Cần Thơ	Tổng Nhất Linh	Lâm Thị Thu Quyên	Tình hình sử dụng kháng sinh linezolid trong điều trị nội trú tại bệnh viện Nhi Đồng Thành Phố Cần Thơ
19.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị tăng huyết áp tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Kiên Giang	Trần Thị Hương lan	Lê Phú Nguyên Thảo	Tình hình sử dụng thuốc điều trị tăng huyết áp tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Kiên Giang
20.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng kháng sinh trong điều trị viêm phổi cộng đồng ở trẻ em từ 2 tháng đến 5 tuổi tại bệnh viện đa khoa Vĩnh Long”	Trương Ngọc Khánh	Lê Phú Nguyên Thảo	Tình hình sử dụng kháng sinh trong điều trị viêm phổi cộng đồng ở trẻ em từ 2 tháng đến 5 tuổi tại bệnh viện đa khoa Vĩnh Long”
21.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc trên phụ nữ có thai tại Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Kiên Giang	Huỳnh My	Lê Phú Nguyên Thảo	Tình hình sử dụng thuốc trên phụ nữ có thai tại Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Kiên Giang
22.	Đại học	Định lượng polyphenol, flavonoid và khảo sát tác dụng chống oxy hóa, ức chế	Trần Thị Ngọc An	Tri Kim Ngọc Phạm Thành Trọng	Định lượng polyphenol, flavonoid và khảo sát tác dụng chống oxy hóa, ức chế enzym α -glucosidase của các cao chiết lá

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		enzym α -glucosidase của các cao chiết lá Bằng lăng (<i>Folium Lagerstroemiae speciosae</i>)			Bằng lăng (<i>Folium Lagerstroemiae speciosae</i>)
23.	Đại học	Nghiên cứu bào chế kem chống nắng titandioxid và avobenzone	Phạm Thị Thu Ngân	Đoàn Thanh Trúc Ngô Hồng Phong	Nghiên cứu bào chế kem chống nắng titandioxid và avobenzone
24.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị rối loạn lipid máu trên bệnh nhân nội trú tại bệnh viện Đa khoa Trung Ương Cần Thơ.	Lê Thị Chúc Ly	Võ Huỳnh Như	Tình hình sử dụng thuốc điều trị rối loạn lipid máu trên bệnh nhân nội trú tại bệnh viện Đa khoa Trung Ương Cần Thơ.
25.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị bệnh đái tháo đường typ 2 trên bệnh nhân nội trú tại bệnh viện Đa khoa Trung ương Cần Thơ	Hoàng Đức Hiền	Võ Huỳnh Như	Tình hình sử dụng thuốc điều trị bệnh đái tháo đường typ 2 trên bệnh nhân nội trú tại bệnh viện Đa khoa Trung ương Cần Thơ
26.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc trong bệnh lý viêm loét dạ dày - tá tràng ở bệnh nhân điều trị nội trú tại bệnh viện Đa Khoa Trung ương Thành Phố Cần Thơ	Trần Gia Mỹ	Võ Huỳnh Như	Tình hình sử dụng thuốc trong bệnh lý viêm loét dạ dày - tá tràng ở bệnh nhân điều trị nội trú tại bệnh viện Đa Khoa Trung ương Thành Phố Cần Thơ
27.	Đại học	Định lượng polyphenol, flavonoid và khảo sát tác dụng chống oxy hóa, ức chế enzym α -glucosidase của các cao chiết hoa	Nguyễn Thị Hạnh Nguyên	Trì Kim Ngọc	Định lượng polyphenol, flavonoid và khảo sát tác dụng chống oxy hóa, ức chế enzym α -glucosidase của các cao chiết hoa Muồng hoàng yến (<i>Flos Cassiae fistulae</i>)

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		Muồng hoàng yến (<i>Flos Cassiae fistulae</i>)			
28.	Đại học	Định lượng polyphenol, flavonoid và khảo sát tác dụng chống oxy hóa, ức chế enzym α -glucosidase của các cao chiết hoa Bằng lăng (<i>Flos Lagerstroemiae speciosae</i>)	Chung Thanh Trâm	Trì Kim Ngọc	Định lượng polyphenol, flavonoid và khảo sát tác dụng chống oxy hóa, ức chế enzym α -glucosidase của các cao chiết hoa Bằng lăng (<i>Flos Lagerstroemiae speciosae</i>)
29.	Đại học	Xác định tên khoa học cây Lạc tiên trồng tại một số tỉnh miền Tây bằng chỉ thị hình thái và giải trình tự gen DNA	Lê Thúy Nhi	Thiều Văn Đường	Xác định tên khoa học cây Lạc tiên trồng tại một số tỉnh miền Tây bằng chỉ thị hình thái và giải trình tự gen DNA
30.	Đại học	Xác định tên khoa học cây Nghệ vàng trồng tại một số tỉnh miền Tây bằng chỉ thị hình thái và giải trình tự gen DNA	Nguyễn Thị Thúy Ngân	Thiều Văn Đường	Xác định tên khoa học cây Nghệ vàng trồng tại một số tỉnh miền Tây bằng chỉ thị hình thái và giải trình tự gen DNA
31.	Đại học	Nghiên cứu, khảo sát sự thay đổi hoạt chất trong quá trình sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe từ nguyên liệu củ nghệ	Ngô Hoàng Oanh	Tào Việt Hà	Khảo sát sự thay đổi hoạt chất trong quá trình sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe từ nguyên liệu củ nghệ
32.	Đại học	Nghiên cứu, khảo sát sự thay đổi hoạt chất trong quá trình sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe từ nguyên liệu củ Nga Truật	Thạch Thị Mộng Nghi	Tào Việt Hà	Khảo sát sự thay đổi hoạt chất trong quá trình sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe từ nguyên liệu củ Nga Truật

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
33.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị bệnh tim mạch của bệnh nhân tại trung tâm y tế huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, năm 2021	Nguyễn Thị Kim Dung	Nghị Ngô Lan Vi	Tình hình sử dụng thuốc điều trị bệnh tim mạch của bệnh nhân tại trung tâm y tế huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, năm 2021
34.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị bệnh đái tháo đường type 2 của bệnh nhân tại trung tâm y tế huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, năm 2021	Dương Nguyễn Trọng Duy	Nghị Ngô Lan Vi	Tình hình sử dụng thuốc điều trị bệnh đái tháo đường type 2 của bệnh nhân tại trung tâm y tế huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, năm 2021
35.	Đại học	Nghiên cứu quy trình điều chế trà túi lọc từ cây Cúc vạn thọ vàng (<i>Tagetes erecta</i> L.) có tác dụng chống oxy hóa và hạ đường huyết	Lâm Minh Nghi	Huỳnh Ngọc Trung Dung	Nghiên cứu quy trình điều chế trà túi lọc từ cây Cúc vạn thọ vàng (<i>Tagetes erecta</i> L.) có tác dụng chống oxy hóa và hạ đường huyết
36.	Đại học	Khảo sát hàm lượng polyphenol, flavonoid và một số hoạt tính sinh học của cao chiết từ cây sao nhái tím (<i>Cosmos bipinnatus</i>)	Ngô Thu Thảo	Huỳnh Ngọc Trung Dung	Khảo sát hàm lượng polyphenol, flavonoid và một số hoạt tính sinh học của cao chiết từ cây sao nhái tím (<i>Cosmos bipinnatus</i>)
37.	Đại học	Khảo sát tác dụng tăng lực của hai chế phẩm từ đông trùng hạ thảo do công ty Lavite sản xuất	Nguyễn Thế Ngọc	Huỳnh Ngọc Trung Dung	Khảo sát tác dụng tăng lực của hai chế phẩm từ đông trùng hạ thảo do công ty Lavite sản xuất
38.	Đại học	Nghiên cứu thành phần hóa học của lá cây	Dương Hồng Ngọc	Nguyễn Hữu Phúc	Nghiên cứu thành phần hóa học của lá cây Muồng trâu thu hái tại

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		Muồng trâu thu hái tại Cần Thơ (<i>Cassia alata</i> L., họ Fabaceae)			Cần Thơ (<i>Cassia alata</i> L., họ Fabaceae)
39.	Đại học	Chiết xuất và tinh chế α -mangostin đạt tiêu chuẩn làm chất chuẩn trong nhựa thân cây măng cụt (<i>Garcinia mangostana</i> L.) và so sánh hàm lượng α -mangostin trong nhựa thân ở các độ tuổi khác nhau bằng máy sắc ký lỏng hiệu năng cao.	Kiều Thị Hường	Nguyễn Phước Định	Chiết xuất và tinh chế α -mangostin đạt tiêu chuẩn làm chất chuẩn trong nhựa thân cây măng cụt (<i>Garcinia mangostana</i> L.) và so sánh hàm lượng α -mangostin trong nhựa thân ở các độ tuổi khác nhau bằng máy sắc ký lỏng hiệu năng cao.
40.	Đại học	Nghiên cứu chiết xuất saponin từ quả bồ hòn và ứng dụng sản xuất nước rửa tay	Trần Thị Đà Ni	Nguyễn Ngọc Yến	Nghiên cứu chiết xuất saponin từ quả bồ hòn và ứng dụng sản xuất nước rửa tay
41.	Đại học	Nghiên cứu sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh từ chế phẩm sinh học IMO	Hà Phương	Nguyễn Ngọc Yến	Nghiên cứu sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh từ chế phẩm sinh học IMO
42.	Đại học	Nghiên cứu quy trình điều chế trà hòa tan từ cây Cúc vạn thọ vàng (<i>Tagetes erecta</i> L.) có tác dụng chống oxy hóa và hạ đường huyết	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	Nguyễn Ngọc Yến Huỳnh Ngọc Trung Dung	Nghiên cứu quy trình điều chế trà hòa tan từ cây Cúc vạn thọ vàng (<i>Tagetes erecta</i> L.) có tác dụng chống oxy hóa và hạ đường huyết
43.	Đại học	Nghiên cứu đặc điểm hình thái, vi phẫu và hoạt tính kháng oxy hóa của cây Hương thảo <i>Rosmarinus officinalis</i> L.	Bùi Kim Phượng	Nguyễn Ngọc Yến (R) Trì Kim Ngọc	Nghiên cứu đặc điểm hình thái, vi phẫu và hoạt tính kháng oxy hóa của cây Hương thảo <i>Rosmarinus officinalis</i> L.

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
44.	Đại học	Khảo sát tình trạng dinh dưỡng và chế độ nuôi dưỡng bệnh nhân phẫu thuật đường tiêu hoá tại khoa Ngoại tổng hợp Bệnh viện Đa khoa Thành phố Cần Thơ năm 2022	Võ Hồ Khánh Uyên	Nguyễn Thị Hồng Nguyên	Tình trạng dinh dưỡng và chế độ nuôi dưỡng bệnh nhân phẫu thuật đường tiêu hoá tại khoa Ngoại tổng hợp Bệnh viện Đa khoa Thành phố Cần Thơ năm 2022
45.	Đại học	Khảo sát kiến thức, thái độ, thực hành về bệnh mụn trứng cá của học sinh trường Trung học Phổ thông Nguyễn Việt Dũng, thành phố Cần Thơ năm 2022	Châu Thiên Phú	Trần Trúc Linh	Khảo sát kiến thức, thái độ, thực hành về bệnh mụn trứng cá của học sinh trường Trung học Phổ thông Nguyễn Việt Dũng, thành phố Cần Thơ năm 2022
46.	Đại học	Thực trạng dinh dưỡng và một số yếu tố liên quan đến dinh dưỡng đúng ở người bệnh Đái tháo đường type 2 đang điều trị tại bệnh viện Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp năm 2022	Nguyễn Thị Huyền Ngân	Nguyễn Thị Đào	Thực trạng dinh dưỡng và một số yếu tố liên quan đến dinh dưỡng đúng ở người bệnh Đái tháo đường type 2 đang điều trị tại bệnh viện Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp năm 2022
47.	Đại học	Khảo sát kiến thức về bệnh đái tháo đường type 2 trên bệnh nhân điều trị ngoại trú tại Bệnh viện Đa khoa Thành phố Cần Thơ năm 2022	Nguyễn Mỹ Xuyên	TNguyễn Thị Hồng Nguyên	Khảo sát kiến thức về bệnh đái tháo đường type 2 trên bệnh nhân điều trị ngoại trú tại Bệnh viện Đa khoa Thành phố Cần Thơ năm 2022
48.	Đại học	Phân tích hoạt động kinh doanh ống nhựa của Cty TNHH TMDV Minh Nghi tại TPCT	Võ Thị Thúy Huỳnh	Đào Duy Tùng	Để thực hiện được nghiên cứu, đề tài sử dụng phương pháp thống kê mô tả để vẽ biểu đồ về tình hình hoạt động của công ty qua các năm. Sử dụng phương

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					pháp so sánh tuyệt đối, tương đối để phân tích tình hình doanh thu, chi phí và lợi nhuận của công ty trong giai đoạn 2019 – 2021. Các phương pháp so sánh, thống kê và vẽ biểu đồ dựa vào các chỉ tiêu tài chính để đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty được thể hiện đầy đủ trong đề tài. Sau khi phân tích hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH TM & DV Minh Nghi thấy được kết quả hoạt động của công ty còn một số hạn chế như chi phí còn cao, hoạt động Marketing chưa được chú trọng..., nguyên nhân là do công ty chưa có biện pháp kiểm soát chi phí hợp lý, qua phân tích đưa ra kết luận và một số giải pháp nhằm khắc phục nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, năng lực cạnh tranh của Công ty trong thời gian tới.
49.	Đại học	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của Cty TNHH Hoàng Thắng quận Ninh Kiều TPCT	Võ Bảo Trang	Đào Duy Tùng	Công ty TNHH Hoàng Thắng là một doanh nghiệp vừa và nhỏ nằm tại 243, Cái Sơn Hàng Bàng, Phường An Bình, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ. Lĩnh vực xây dựng nhà ở các loại và các công trình dân dụng. Trong ba năm qua, Công ty TNHH

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					Hoàng Thắng đã nỗ lực hết mình để duy trì hoạt động của công ty và trụ vững trên thị trường. Bằng kiến thức đã học, tôi đã nghiên cứu về đề tài: “Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của công ty TNHH Hoàng Thắng, quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ”. Để thực hiện nghiên cứu đề tài sử dụng phương pháp so sánh tương đối và tuyệt đối để phân tích tình hình doanh thu, chi phí, lợi nhuận của công ty qua 3 năm 2019 – 2021. Phân tích các thông số tài chính và các chỉ tiêu sinh lời để đánh giá về kết quả hoạt động kinh doanh của công ty. Tìm ra những điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội cũng như những thách thức. Sau khi phân tích kết quả hoạt động kinh doanh, có thể thấy được những hạn chế của công ty, từ đó đề ra một số giải pháp nhằm nâng cao kết quả hoạt động kinh doanh của công ty TNHH Hoàng Thắng trong thời gian tới.
50.	Đại học	Nâng cao hiệu quả tiêu thụ sản phẩm bất động sản tại Cty CP ĐT&PT SC Holding Cần Thơ	Phạm Tường Vi	Võ Khắc Huy	Phân tích thực trạng về kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tiêu thụ sản phẩm của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển SC Holding trong giai đoạn 2019-2021. Đồng thời, phân tích những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động tiêu thụ sản phẩm của

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					Công ty từ đó đưa ra những điểm mạnh và những điểm còn hạn chế. Từ những kết quả phân tích được, đưa ra một số giải pháp nâng cao hiệu quả tiêu thụ sản phẩm bất động sản của tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển SC Holding trong thời gian tới giúp Công ty chinh phục và mở rộng thị trường kinh doanh, khẳng định vị thế là sản giao dịch uy tín, chuyên nghiệp. Xác định những điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức của Công ty để từ đó điều chỉnh hoạt động tiêu thụ sản phẩm bất động sản phù hợp với nhu cầu thị trường khắc phục những điểm yếu, tiếp tục duy trì và phát huy điểm mạnh. Kết quả nghiên cứu đã ứng dụng các lý thuyết về tiêu thụ sản phẩm đưa ra những giải pháp nâng cao hiệu quả tiêu thụ sản phẩm tại Công ty SC Holding để thực hiện những định hướng phát triển mà Công ty đề ra.
51.	Đại học	Hoạch định chiến lược marketing sản phẩm ống nhựa của Cty TNHH TM&DV Minh Nghi giai đoạn 2022-2026	Dương Thị Mỹ Quyên	Nguyễn Huỳnh Phước Thiện	Đề tài “Hoạch định chiến lược Marketing sản phẩm ống nhựa của công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Nghi giai đoạn 2022 – 2026” được xây dựng nhằm phân tích môi trường vĩ mô, vi mô, các yếu tố về điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và nguy cơ tác động đến hoạt động kinh

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					doanh sản phẩm ống nhựa của công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Nghi. Từ đó hoạch định chiến lược Marketing sản phẩm ống nhựa của công ty trong giai đoạn 2022 - 2026 và đề xuất tổ chức xây dựng, đánh giá chiến lược Marketing phù hợp.
52.	Đại học	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh cty xi măng Cần Thơ Hậu Giang giai đoạn 2019-2021	Trần Văn Khanh	Huỳnh Thị Kiều Thu	Nội dung đề tài tập trung vào các vấn đề sau : - Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty thông qua tình hình doanh thu, chi phí, lợi nhuận và hiệu quả hoạt động kinh doanh qua một số chỉ tiêu tài chính cơ bản của Công ty trong 3 năm 2019, 2020 và 2021. - Phân tích các nhân tố môi trường ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. - Dựa vào các nhân tố môi trường phân tích ma trận SWOT của Công ty. - Đánh giá và đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong những năm tiếp theo.
53.	Đại học	Giải pháp hoàn thiện hoạt động marketing sản phẩm áo sơ mi của Cty CP May Tây Đô tại thị trường nội địa	Nguyễn Văn Nhí	Nguyễn Huỳnh Phước Thiện	Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần May Tây Đô giai đoạn 2019 - 2021. Phân tích thực trạng hoạt động marketing sản phẩm áo sơ mi của Công ty Cổ phần may Tây Đô tại thị trường nội địa trong thời gian

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					qua. Phân tích các yếu tố môi trường marketing tác động đến hoạt động marketing sản phẩm áo sơ mi của Công ty cổ phần may Tây Đô tại thị trường nội địa. Đề xuất các giải pháp hoàn thiện hoạt động marketing sản phẩm áo sơ mi của Công ty cổ phần may Tây Đô tại thị trường nội địa. Qua kết quả phân tích môi trường marketing có thể thấy được các cơ hội của Công ty: Chính phủ quan tâm và ưu tiên phát triển ngành dệt may, sự hỗ trợ của Nhà nước về hoạt động xúc tiến thương mại và vốn đầu tư sản xuất kinh doanh, thị trường nội địa có nhiều tiềm năng để khai thác, sự phát triển của khoa học và công nghệ, nguồn cung cấp nguyên vật liệu đầu vào ổn định. Ngoài ra còn có các nguy cơ: áp lực cạnh tranh từ các đối thủ hiện tại, yêu cầu của khách hàng ngày càng cao và đa dạng, giá cả nguyên vật liệu đầu vào gia tăng, sự gia nhập ngành của các đối thủ tiềm ẩn, lao động trong ngành dệt may có trình độ chuyên môn còn thấp. Ngoài cơ hội và nguy cơ thì công ty cũng có các điểm mạnh như: thương hiệu của Công ty trên thị trường, chất lượng sản phẩm áo sơ mi,

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					khả năng cạnh tranh về giá sản phẩm áo sơ mi, tổ chức hệ thống kênh phân phối sản phẩm áo sơ mi, hoạt động xúc tiến kinh doanh, hoạt động quản trị chất lượng, khả năng tài chính, điều kiện cơ sở vật chất và kỹ thuật. Bên cạnh đó còn những điểm yếu như: Công tác nghiên cứu thị trường, chất lượng nhân sự thực hiện hoạt động marketing, sự đa dạng các loại sản phẩm áo sơ mi, hoạt động nghiên cứu và phát triển, hình thức kiểu mẫu các loại áo sơ mi. Ngoài ra, từ những điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, nguy cơ đã kết hợp với nhau trong ma trận SWOT đã đưa ra được những giải pháp cụ thể: Giải pháp phát triển thị trường, giải pháp nâng cao chất lượng nhân sự thực hiện hoạt động Marketing, giải pháp nâng cao chất lượng sản phẩm, giải pháp về nguồn nguyên liệu đầu vào, giải pháp về nghiên cứu thị trường, giải pháp về cải tiến hình thức kiểu mẫu.
54.	Đại học	Phân tích hoạt động tín dụng của ngân hàng TMCP An Bình - phòng giao dịch Cái Răng	Bùi Minh Nhật	Nguyễn Huỳnh Phước Thiện	Thông qua các phương pháp phân tích các dữ liệu thứ cấp được thu thập. Nội dung của đề tài tập trung vào các vấn đề sau: (1) Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng TMCP An Bình – Phòng giao

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					dịch Cái Răng giai đoạn 2019 – 2021; (2) Phân tích thực trạng hoạt động tín dụng của Ngân hàng TMCP An Bình – Phòng giao dịch Cái Răng thời gian qua; (3) Phân tích tác động của các yếu tố môi trường kinh doanh đến hoạt động tín dụng của Ngân hàng TMCP An Bình – Phòng giao dịch Cái Răng; (4) Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động tín dụng của Ngân hàng TMCP An Bình trong thời gian tới.
55.	Đại học	Hoạch định chiến lược marketing dịch vụ lưu trữ thực phẩm đông lạnh của chi nhánh tổng Cty TM SG TNHH MTV - kho lạnh satra giai đoạn 2022-2026	Phạm Thị Loan	Nguyễn Huỳnh Phước Thiện	Để thúc đẩy hiệu quả hoạt động kinh doanh của Dịch vụ lưu trữ thực phẩm đông lạnh ngày càng tốt hơn, là vấn đề hiện tại đang được Ban lãnh đạo chi nhánh Tổng công ty Thương Mại Sài Gòn TNHH MTV - Kho Lạnh Satra quan tâm trước sự cạnh tranh gay gắt từ nhiều đối thủ cạnh tranh đang hoạt động trên địa bàn. Do đó, đề tài này sẽ góp phần giúp Kho lạnh Satra hoạch định chiến lược Marketing dịch vụ lưu trữ thực phẩm đông lạnh giai đoạn 2022-2026, thông qua đó đề xuất một số giải pháp và cách thức thực hiện các chiến lược góp phần giúp Kho lạnh Satra nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển bền

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					vững của Kho lạnh trong thời gian tới.
56.	Đại học	Phân tích hoạt động cho vay khách hàng cá nhân tại ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong chi nhánh Kiên Giang	Thạch Đức Em	Nguyễn Thị Thanh Trúc	Giai đoạn năm 2019 – 2021 là giai đoạn Việt Nam bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi đại dịch Covid – 19 và dự đoán sẽ tiếp tục chịu ảnh hưởng trong năm 2022. Trong bối cảnh dịch Covid – 19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng tiêu cực tới mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội, đời sống của người dân thì các Ngân hàng nhà nước nói chung và Ngân hàng TPBank chi nhánh Kiên Giang nói riêng cũng bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Chính vì thế việc phân tích hoạt động cho vay khách hàng cá nhân tại Ngân hàng TMCP TPBank chi nhánh Kiên Giang giai đoạn 2019 -2021 là điều cần thiết với tình hình thực tế. Đề tài nghiên cứu này được thực hiện dựa trên các số liệu của Ngân hàng TMCP TPBank chi nhánh Kiên Giang qua 3 năm 2019 – 2021 để phân tích hoạt động huy động vốn và cho vay khách hàng cá nhân của Ngân hàng từ đó đề ra những giải pháp để giúp nâng cao hiệu quả hoạt động cho vay khách hàng cá nhân
57.	Đại học	Phân tích hoạt động tín dụng tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt - chi nhánh Kiên Giang	Trương Anh Thư	Nguyễn Kim Thắm	Trong lĩnh vực hoạt động Ngân hàng, hoạt động tín dụng là hoạt động quan trọng nhất, nó chiếm tỉ trọng đa số trong hoạt động

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					kinh doanh của Ngân hàng thương mại. Tín dụng có ý nghĩa quyết định đến sự phát triển của nền kinh tế quốc dân và nó cũng quyết định đến sự phát triển hay thất bại của một NHTM. Đề tài này nhằm mục đích phân tích hoạt động tín dụng của Ngân hàng TMCP Bảo Việt – Chi nhánh Kiên Giang, thông qua việc phân tích chi tiết các yếu tố ảnh hưởng mạnh mẽ đến hoạt động tín dụng như: nguồn vốn, doanh số thu nợ, dư nợ và nợ quá hạn của Ngân hàng. Qua quá trình phân tích, Ngân hàng TMCP Bảo Việt – Chi nhánh Kiên Giang năm 2019-2021 đã đạt được kết quả kinh doanh đáng khích lệ mặc dù tình hình dịch bệnh Ngân hàng cũng bị ảnh hưởng không hề nhỏ, tuy nhiên kết quả kinh doanh không được tăng trưởng liên tục, tình hình kinh tế bị khủng hoảng, lạm phát Ngân hàng phát sinh nợ quá hạn, nhưng đây là một vấn đề hiển nhiên, vì bất cứ một khoản vay nào cũng có một xác suất rủi ro nhất định, việc kiểm soát được hay không là nhờ vào năng lực, kinh nghiệm và sự phân đoán của Ngân hàng.
58.	Đại học	Phân tích hoạt động tín dụng có tài sản đảm	Nguyễn Duy Phương	Nguyễn Thị Thanh Trúc	Đề tài tập trung nghiên cứu và đánh giá về thực trạng hoạt động

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		bảo của cá nhân tại Ngân hàng Vpbank - PGD Lý Tự Trọng chi nhánh Cần Thơ			tín dụng có tài sản đảm bảo của cá nhân tại ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Phòng giao dịch Lý Tự Trọng - Chi nhánh Cần Thơ giai đoạn 2019 - 2021. Qua đó, đề tài đã mang lại những kết quả nghiên cứu chính như sau: - Nắm được cơ sở lý luận chung về hệ thống Ngân hàng thương mại , hoạt động tín dụng có tài sản đảm bảo tại các Ngân hàng thương mại cũng như các tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động tín dụng có tài sản đảm bảo tại ngân hàng VPbank – PGD Lý Tự Trọng – Chi nhánh Cần Thơ. - Nhìn nhận được về thực trạng tín dụng có tài sản đảm bảo của cá nhân tại ngân hàng VPbank– Phòng giao dịch Lý Tự Trọng – Chi nhánh Cần Thơ. Những kết quả đạt được cũng như những giải pháp để mở rộng hoạt động cho vay có tài sản đảm bảo của Ngân hàng. - Nhận biết định hướng hoạt động tín dụng có tài sản đảm bảo của ngân hàng, đưa ra một số kiến nghị đối với nhà nước cũng như ngân hàng VPbank – Phòng giao dịch Lý Tự Trọng – Chi nhánh Cần Thơ nhằm nâng cao hiệu quả tín dụng có tài sản đảm bảo của cá nhân tại Ngân hàng.

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					- Trên cơ sở đó tác giả đã đề xuất một số giải pháp để cải thiện tình hình hoạt động tín dụng có tài sản đảm bảo của cá nhân tại Ngân hàng.
59.	Đại học	Phân tích hoạt động cho vay tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội chi nhánh Sóc Trăng	Đặng Thị Ngọc Lan	Phòng Thị Huỳnh Mai	Hiện nay tình hình cho vay tại Việt Nam luôn có sự cạnh tranh gay gắt giữa các ngân hàng. Hoạt động cho vay đóng vai trò quan trọng và mang lại nguồn lợi rất lớn cho Ngân hàng. Ban lãnh đạo Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội Chi nhánh Sóc Trăng luôn đặt biệt chú trọng đến việc định hướng phát triển trong thời gian tới của hoạt động cho vay. Chính vì thế đề tài này nhằm phân tích hoạt động cho vay và đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động cho vay của Ngân hàng. Số liệu thứ cấp được thu thập tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội Chi nhánh Sóc Trăng thông qua các báo cáo tài chính, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh từ năm 2019 – 2021. Các nguồn thông tin khác được thu thập từ website của Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội, ngoài ra còn thu thập từ các báo, tạp chí,... và các bài viết có giá trị. Từ các số liệu thu thập được tiến hành các phương pháp phân tích, so sánh số liệu để nhìn nhận,

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					đánh giá thực trạng hoạt động kinh doanh, các chỉ tiêu trong hoạt động cho vay của Ngân hàng trong giai đoạn từ năm 2019 – 2021. Từ đó đề xuất một số giải pháp để phát triển hoạt động cho vay tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội Chi nhánh Sóc Trăng trong thời gian tới. Qua kết quả nghiên cứu đề tài cho thấy hoạt động cho vay của Ngân hàng thường là các khoản vay ngắn hạn, khách hàng chủ yếu là các doanh nghiệp kinh doanh. Doanh số cho vay tại Ngân hàng trong giai đoạn này phát triển không ổn định. Thay vào đó các chỉ tiêu doanh số thu nợ, dư nợ, nợ quá hạn điều tăng.
60.	Đại học	Lập kế hoạch marketing cho hoạt động kinh doanh bất động sản của Cty CPĐT và PT SC Holding tại TPCT năm 2022 đến năm 2023	Lê Thị Ánh Thư	Đào Duy Tùng	Thị trường bất động sản tại Việt Nam đang cạnh tranh ngày càng khốc liệt. Một phân khúc bất động sản mới nhưng đầy tiềm năng đã kéo theo hàng loạt Công ty bất động sản nhảy vào đầu tư và phân phối. Kế hoạch Marketing đóng vai trò vô cùng quan trọng trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Khóa luận “Lập kế hoạch Marketing cho hoạt động kinh doanh Bất động sản của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển SC Holding tại Thành phố Cần Thơ năm

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					2022 đến năm 2023” được thực hiện nhằm khai thác các nguồn thông tin từ phía thị trường, khách hàng, nội bộ Công ty SC Holding để giúp Công ty có những thay đổi trong hoạt động Marketing phù hợp với thực tiễn hoạt động và đặc thù Công ty. Hiện nay, Công ty SC Holding đang hướng đến những dự án Bất động sản cao cấp, đối tượng khách hàng mục tiêu của Công ty là những người có thu nhập rất cao, có tài chính từ 7 tỷ trở lên nhưng hiện tại thị trường này đang “hạ nhiệt” do các Ngân hàng nhà nước yêu cầu các tổ chức tín dụng hạn chế cho vay đầu tư bất động sản cao cấp. Trước tình hình đó, phân khúc này không có nhiều khách hàng tiềm năng. Qua báo cáo của Tổng cục Thống kê, Việt Nam đang ở giai đoạn cơ cấu dân số vàng với 69% trong độ tuổi lao động nhu cầu đối với Bất động sản tầm trung được dự báo sẽ tiếp tục tăng mạnh, mở ra cơ hội chiếm lĩnh thị trường. Tác giả đã kết hợp các điểm mạnh-điểm yếu, cơ hội-thách thức để hình thành nên ma trận SWOT để từ đó lựa chọn thị trường mục tiêu phù hợp với nhu cầu thực tế của thị trường và

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					đồng thời tận dụng những điểm mạnh, hạn chế những yếu điểm của Công ty. Từ đó đưa ra được các kế hoạch Marketing để góp phần gia tăng thị phần của SC Holding trong phân khúc thị trường bất động sản tầm trung.
61.	Đại học	Thực trạng và giải pháp marketing mix cho dòng sơn Rambo của Cty CP Quốc tế Sao Phương Nam	Bùi Nguyễn Kiều Oanh	Nguyễn Kim Thắm	Nhận thấy được mức độ quan trọng của hoạt động Marketing đối với doanh nghiệp trong thời kì công nghiệp hiện đại như ngày nay, việc thực hiện đề tài “thực trạng và giải pháp Marketing cho dòng sơn Rambo của Công ty CP Quốc tế Sao Phương Nam” với mục tiêu sẽ phân tích được các yếu tố môi trường ảnh hưởng đến hoạt động Marketing, những hoạt động Marketing hiện nay của Công ty có hiệu quả hay không? Từ đó đưa ra những giải pháp kịp thời cho doanh nghiệp. Đề tài sử dụng các phương pháp: (1) so sánh số tuyệt đối và tương đối về phân tích thực trạng sản xuất kinh doanh và hoạt động bán hàng của Công ty trong giai đoạn 2019-2021; (2) Sử dụng phương pháp phân tích hoạt động Marketing của Công ty bao gồm 4P: sản phẩm (Product), giá (Price), chiêu thị (Promotion), phân phối (Promotion); (3) Phương pháp chuyên gia tham khảo ý kiến của ban lãnh đạo

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					cũng như nhân viên Công ty về sản phẩm sơn nước Rambo, sau đó đưa vào ma trận SWOT. Trên ma trận SWOT ta kết hợp các yếu tố để đưa ra các chiến lược SO, ST, WO, WT để làm cơ sở cho việc đưa ra các chiến lược sau này.
62.	Đại học	Phân tích hoạt động cho vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Mỹ Tú Sóc Trăng	Hà Thị Diễm Sương	Phòng Thị Huỳnh Mai	Đề tài nghiên cứu về “hoạt động cho vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Agribank – chi nhánh Mỹ Tú tỉnh Sóc Trăng” được dựa trên số liệu thứ cấp hằng năm của NH NN và PTNTVN chi nhánh Mỹ Tú trong 3 năm 2019-2021. Đề tài hoàn thành các mục tiêu nghiên cứu như sau: đó là tóm lược một số lý luận về hoạt động cho vay tại ngân hàng, từ đó làm cơ sở cho việc phân tích, vận dụng làm rõ vấn đề nghiên cứu. Sau đó đi sâu phân tích, đánh giá chất lượng hoạt động cho vay tại NH NN và PTNTVN chi nhánh Mỹ Tú dựa trên chỉ tiêu thu thập và phân tích số liệu. Từ thực trạng hoạt động, đề tài rút ra những thành quả đạt được, đồng thời chỉ ra những hạn chế còn tồn tại và nguyên nhân dẫn đến những tồn tại đó trong hoạt động cho vay tại ngân hàng. Cuối cùng đề xuất những giải pháp dựa trên tình hình thực tế

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					của chi nhánh nhằm góp phần hoàn thiện công tác hoạt động cho vay tại chi nhánh trong thời gian sắp tới. Cùng với sự tích cực nghiên cứu để đạt được những kết quả trên, khóa luận cũng không tránh khỏi một số hạn chế do nhiều nguyên nhân khách quan, trong đó chủ yếu hạn chế về mặt thời gian và vốn kiến thức hạn hẹp. Một số hạn chế của đề tài có thể kể ra như sau: - Khóa luận chỉ sử dụng thông tin từ phía chi nhánh cung cấp mà chưa kết hợp được nguồn thông tin của khách hàng nhiều. Do đó những đánh giá, nhận xét còn hạn chế chưa được khách quan. - Những hạn chế về thông tin từ phía ngân hàng do một số thông tin liên quan tới kế hoạch kinh doanh trong tương lai và những thông tin nội bộ
63.	Đại học	Hoạch định chiến lược kinh doanh Cty TNHH Tân Thành	Bùi Thị Mỹ Anh	Thái Ngọc Vũ	Đề tài “ Hoạch định chiến lược kinh doanh sản phẩm thuốc bảo vệ thực vật của Công ty TNHH Thương Mại Tân Thành” được thực hiện với mục tiêu tìm ra những giải pháp phù hợp để nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh sản phẩm thuốc bảo vệ thực vật của công ty, phát huy những điểm mạnh của công ty và khắc phục những hạn chế, rủi ro.

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					Đề có định hướng đúng đắn trong hoạt động kinh doanh là quan tâm hàng đầu của Công ty TNHH Thương Mại Tân Thành. Thế nên, môn học này nhằm giúp hoạch định chiến lược kinh doanh đến năm 2026 phù hợp với tình hình hoạt động kinh tế thực tế trong nước ta và đề xuất các giải pháp nhằm thực hiện chiến lược đã đề ra làm tiền đề thúc đẩy sự phát triển của Công ty TNHH TM Tân Thành thông qua các phương pháp phân tích, thu thập dữ liệu sơ cấp và thứ cấp với mục tiêu nghiên cứu của đề tài là: Phân tích, đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Thương Mại Tân Thành năm 2019 – 2021 Phân tích các yếu tố môi trường tác động đến kinh doanh sản phẩm thuốc bảo vệ thực vật của Công ty TNHH Thương Mại Tân Thành Hoạch định chiến lược kinh doanh sản phẩm ống nhựa của Công ty TNHH Thương Mại Tân Thành năm 2022 – 2026 và đề xuất các giải pháp thực hiện chiến lược kinh doanh.
64.	Đại học	Hoàn thiện hoạt động marketing mix cho sản phẩm Hòa Bình	Trần Thị Mỹ Thuận	Võ Khắc Huy	Khóa luận giải quyết các vấn đề nghiên cứu sau: Thứ nhất, đề tài đưa ra các cơ sở

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		Riverside của Cty CPDV và ĐT Đất Xanh Miền Tây tại VPBL tỉnh Bạc Liêu từ tháng 2/2022 đến 5/2022			lý luận của thị trường bất động sản. Thứ hai, đề tài phân tích thực trạng hoạt động Marketing mix cho sản phẩm Hòa Bình Riverside của Công ty Cổ Phần Dịch Vụ và Đầu Tư Đất Xanh Miền Tây tại Văn phòng Đất Xanh tỉnh Bạc Liêu từ tháng 2/2022 đến tháng 5/2022. Thứ ba, phát hiện vấn đề, xác định nguyên nhân và đề xuất giải pháp hoàn thiện hoạt động Marketing mix cho sản phẩm Hòa Bình Riverside của Công ty Cổ Phần Dịch Vụ và Đầu Tư Đất Xanh Miền Tây tại Văn phòng Đất Xanh tỉnh Bạc Liêu từ tháng 2/2022 đến tháng 5/2022 để công ty có những giải pháp kịp thời để đáp ứng được nhu cầu khách hàng và đưa sản phẩm chất lượng đến khách hàng đầu tư. Bên cạnh đó, nâng cao được thương hiệu, uy tín của Công ty và sản phẩm Hòa Bình Riverside truyền bá được rộng rãi trên thị trường bất động sản miền tây nói chung và Bạc Liêu nói riêng.
65.	Đại học	Hoạch định chiến lược kinh doanh dịch vụ mạng 4G cho Vinaphone tại địa bàn Thành phố Cần Thơ đến năm 2027	Lê Thanh Bình	Thái Ngọc Vũ	Xây dựng và hoạch định chiến lược kinh doanh là một vấn đề không thể thiếu trong bất kỳ một doanh nghiệp nào, đặc biệt trong thời điểm cạnh tranh của nền kinh tế mở. Trên cơ sở nghiên

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					cứu lý thuyết và tiếp cận thực tiễn tại Vinaphone thành phố Cần Thơ, đề tài đã bước đầu nêu lên được những giải pháp nhằm hình thành hoạch định chiến lược kinh doanh dịch vụ 4G cho Vinaphone thành phố Cần Thơ đến năm 2027. Với ý tưởng như vậy, đề tài đã nêu lên được các vấn đề sau đây: Thứ nhất, đề tài đã nêu lên được những khái niệm cơ bản nhất về hoạch định chiến lược kinh doanh, tầm quan trọng và vai trò của chiến lược kinh doanh trong nền kinh tế thị trường. Thứ hai, đề tài đã đưa ra nội dung của quá trình xây dựng và hoạch định chiến lược kinh doanh, các chiến lược mà công ty thường áp dụng. Thứ ba, là đề tài đã phân tích được môi trường kinh doanh tác động đến hoạt động kinh doanh của Vinaphone thành phố Cần Thơ từ đó nêu ra được những điểm mạnh và điểm yếu cũng như cơ hội và thách thức của Công ty.
66.	Đại học	Hoạch định chiến lược kinh doanh cty CPĐT&PT SC Holding tại TPCT đến năm 2028	Phan Trọng Nghĩa	Thái Ngọc Vũ	Công ty muốn hoạt động tốt và đạt được những mục tiêu thì cần phải có chiến lược kinh doanh cụ thể. Để đạt được điều đó thì công tác hoạch định chiến lược phải được xem trọng hàng đầu. Hoạch

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					định chiến lược tốt đồng nghĩa với việc công ty có được những bước đi cụ thể và đúng đắn. Vì vậy, đề tài này nhằm giúp hoạch định chiến lược kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển SC Holding đến năm 2028 phù hợp với thực tiễn hoạt động và tình hình kinh tế trong nước. Bên cạnh đó cũng đề xuất các giải pháp nhằm thực hiện chiến lược đã đề ra làm tiền đề thúc đẩy sự phát triển của Công ty thông qua các phương pháp phân tích, thu thập số liệu sơ cấp và thứ cấp.
67.	Đại học	Hoạch định chiến lược kinh doanh của Cty TNHH Nhựt Thanh giai đoạn 2022-2026	Trần Thị Như Ý	Đinh Vũ Long	Xây dựng và hoạch định chiến lược kinh doanh là một vấn đề không thể thiếu trong bất kỳ một doanh nghiệp nào. Đặc biệt, trong thời điểm cạnh tranh của một nền kinh tế mở. Trên cơ sở nghiên cứu lý thuyết và tiếp cận thực tiễn tại công ty TNHH Nhựt Thanh đề tài đã bước đầu nêu lên được những định hướng để hình thành “ Hoạch định chiến lược của Công ty TNHH Nhựt Thanh đến năm 2026”. Bên cạnh đó, đề xuất giải pháp nhằm thực hiện chiến lược đã được đề xuất, làm tiền đề góp phần đẩy mạnh sự phát triển của Công ty. Nghiên cứu chính thức là nghiên cứu định tính. Nghiên cứu tham

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					khảo các tài liệu, chính sách và những quy định tại Công ty TNHH Nhựt Thanh. Thông qua một số phương pháp phân tích, thu thập dữ liệu sơ cấp và thứ cấp, nội dung đề tài nghiên cứu tập trung vào 4 vấn đề sau: Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh của Nhựt Thanh giai đoạn năm 2019 - 2021. Phân tích môi trường nội bộ, môi trường bên ngoài, xác định đối thủ cạnh tranh trên cùng địa bàn Hoạch định chiến lược kinh doanh cho Công ty đến năm 2026 Đề xuất một số giải pháp thực hiện các chiến lược đã chọn nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của Nhựt Thanh.
68.	Đại học	Phân tích tình hình xuất khẩu tôm của Cty CP Thủy sản Sóc Trăng giai đoạn 2019-2021	Võ Thị Ngoán	Phòng Thị Huỳnh Mai	Đề tài “Phân tích tình hình xuất khẩu tôm của Công ty Cổ phần Thủy sản Sóc Trăng giai đoạn từ năm 2019 đến năm 2021”. Đề tài cho thấy những thông tin về Công ty và tình hình xuất khẩu thực tế của Công ty Cổ phần Thủy sản Sóc Trăng trong giai đoạn từ năm 2019 đến năm 2021. Đề tài phản ánh được sự biến đổi về sản lượng xuất khẩu, tổng giá trị kim ngạch xuất khẩu của Công ty trong giai đoạn từ năm 2019 đến năm 2021. Bên cạnh

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					đó, đề tài phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động xuất khẩu tôm của Công ty như: Yếu tố thuộc môi trường nội bộ, yếu tố thuộc môi trường bên ngoài.
69.	Đại học	Thực trạng và giải pháp nâng cao hoạt động marketing mix tại Cty CPĐT và PT SC Holding	Châu Thị Yến Linh	Đinh Vũ Long	Đề tài “Thực trạng và giải pháp nâng cao hoạt động Marketing Mix của Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Phát Triển SC Holding” nhằm phân tích tình hình hoạt động Marketing Mix tại Công ty từ đó đưa ra đánh giá ưu điểm, nhược điểm. Dựa trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp nâng cao hoạt động Marketing Mix tại Công ty. Tác giả tiến hành phân tích môi trường Marketing vi mô và vĩ mô ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Đề tài sử dụng phương pháp phân tích đánh giá các hoạt động Marketing cùng với phương pháp phỏng vấn chuyên gia, xây dựng ma trận đánh giá các yếu tố bên trong (IFE), bên ngoài (EFE), và ma trận hình ảnh cạnh tranh để thấy được những điểm mạnh, điểm yếu cũng như là những cơ hội và nguy cơ mà Công ty đang đối mặt trên thị trường. Sau đó xây dựng ma trận SWOT để làm cơ sở cho việc đề xuất giải pháp. Qua đề tài tác giả đề xuất một số giải pháp: Giải pháp về sản phẩm; Giải pháp kiểm soát giá;

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					Giải pháp chiêu thị; Giải pháp về con người.
70.	Đại học	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi mua sắm của khách hàng tại TPCT khi mua sắm trên sân thương mại điện tử shopee	Kiều Như Ly	Đinh Vũ Long	Thực hiện đề tài nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi mua sắm trên Shopee của khách hàng tại thành phố Cần Thơ nhằm mục tiêu nhận thấy được các những nhân tố ảnh hưởng đến tâm lí, hành vi của khách hàng khi mua sắm thông qua Shopee từ đó có những kế hoạch, chiến lược định hướng cho Shopee để có thể làm hài lòng khách hàng và khắc phục cũng như sửa đổi các vấn đề mà khách hàng không hài lòng, hạn chế được nguy cơ khách hàng thay đổi hành vi mua sắm chuyển sang sử dụng các ứng dụng mua sắm khác. Nghiên cứu được thực hiện tại thành phố Cần Thơ bằng cách khảo sát khách hàng có sử dụng Shopee để mua sắm, khảo sát trực tiếp thông qua bảng câu hỏi giấy và gián tiếp thông qua biểu mẫu của google. Quá trình khảo sát thu được 209 mẫu hợp lệ và tiến hành xây dựng mô hình nghiên cứu dựa trên việc tham khảo những nghiên cứu sẵn có và được bổ sung cũng như thay đổi từ chính tác giả. Tiến hành xây dựng mô hình nghiên cứu với 6 nhân tố và 35 câu hỏi khảo sát.

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					Sau đó thực hiện các phương pháp phân tích trên phần mềm SPSS 23.0. Tiến hành phương pháp thống kê mô tả bao gồm thống kê tần số và thống kê trung bình để có thể tiện lợi cho việc nhìn nhận vấn đề cũng như làm nền tảng cho việc phân tích các bước tiếp theo. Sau đó, thực hiện việc kiểm định Chi-bình phương, kiểm định T-test và kiểm định ANOVA để làm rõ các giả thuyết mà tác giả nghi ngờ giữa các biến định tính với định tính và các biến định tính với định lượng. Tiến hành việc đo lường độ tin cậy của từng thang đo biến độc lập và thang đo biến phụ thuộc, làm cơ sở cho việc phân tích nhân tố khám phá EFA, kết quả thu được sau phân tích, các nhóm biến được nhóm lại theo từng nhóm nhân tố phù hợp và không có tính hội tụ, mô hình có ý nghĩa và tiếp tục phân tích sự tương quan giữa các cặp biến, thể hiện rõ được mối quan hệ tuyến tính giữa các cặp biến độc lập với biến phụ thuộc và kiểm tra trước hiện tượng đa cộng tuyến giữa các biến độc lập. Loại bỏ được những biến độc lập không có sự tương quan với biến phụ thuộc để làm nền tảng cho việc phân tích hồi quy và mô hình nghiên cứu

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					có ý nghĩa hơn. Cuối cùng thực hiện việc phân tích hồi quy để xem xét được sự tác động mạnh hay yếu của các biến độc lập với biến phụ thuộc từ đó có thể đưa ra được những đề xuất và kiến nghị hợp lí. Sau các bước phân tích mô hình nghiên cứu còn lại 5 nhân tố với 33 biến quan sát. Sau quá trình phân tích sẽ thấy được yếu tố nào có tác động đến hành vi mua sắm trên Shopee của khách hàng tại thành phố Cần Thơ, từ đó có thể đưa ra được những chiến lược và kế hoạch phù hợp để tăng lợi nhuận, tiết kiệm được chi phí và thời gian cho Shopee.
71.	Đại học	Đánh giá sự hài lòng của khách hàng về sản phẩm dịch vụ tiền gửi của ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn VN chi nhánh Mỹ Tú - Sóc Trăng	Ngô Huỳnh Yến Linh	Huỳnh Thị Kiều Thu	Nghiên cứu này nhằm xác định và phân tích mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến sự hài lòng chất lượng dịch vụ tiền gửi Agribank của người dân tại huyện Mỹ Tú, từ đó rút ra một số giải pháp hữu ích. Ngoài ra, kết quả nghiên cứu còn đem lại ý nghĩa quan trọng, giúp nhà quản trị hiểu rõ hơn về sự hài lòng giữa các nhóm khách hàng mà đề tài đã nghiên cứu, từ đó đưa ra những chiến lược phù hợp nhất cho từng nhóm đối tượng khách hàng. Để làm tốt những điều kể trên, đề tài tập trung vào các mục tiêu như sau:

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					Mục tiêu 1: Phân tích thực trạng tình hình cung cấp dịch vụ tiền gửi của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh Mỹ Tú – Sóc Trăng. Mục tiêu 2: Phân tích, đánh giá sự hài lòng của khách hàng đối với chất lượng dịch vụ tiền gửi tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh Mỹ Tú – Sóc Trăng. Mục tiêu 3: Đề xuất giải pháp nhằm nâng cao sự hài lòng của khách hàng đối với dịch vụ tiền gửi của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh Mỹ Tú – Sóc Trăng.
72.	Đại học	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến ý định đi du lịch sau dịch covid -19 của người dân sinh sống tại TPCT	Lê Thị Kiều Trang	Phòng Thị Huỳnh Mai	Bài viết nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng đến ý định đi du lịch sau dịch Covid-19 của người dân sinh sống tại thành phố Cần Thơ. Tác giả đã đưa ra mô hình nghiên cứu đề xuất gồm 5 yếu tố ảnh hưởng đến ý định đi du lịch sau dịch Covid-19: Thái độ, Chuẩn chủ quan, Nhận thức kiểm soát hành vi, Nhận thức rủi ro, Hình ảnh điểm đến. Kết quả cho thấy 3 yếu tố tác động cùng chiều đến ý định đi du lịch, trong đó yếu tố “Nhận thức kiểm soát hành vi” có tác động nhiều nhất, còn lại yếu tố “Nhận thức rủi ro” có tác

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					động ngược chiều đến ý định đi du lịch. Từ đó, tác giả đã đưa ra hàm ý quản trị nhằm làm gia tăng ý định đi du lịch sau dịch Covid-19.
73.	Đại học	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp sinh viên trường hợp ngành quản trị kinh doanh	Lê Nguyễn Ngọc Châu	Phòng Thị Huỳnh Mai	Mục đích của bài luận văn là xác định các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên trường hợp: Ngành quản trị kinh doanh trường Đại học Tây Đô. Nghiên cứu dựa trên lý thuyết hành vi dự định của Ajzen (1991) kết hợp với các nghiên cứu liên quan để xây dựng mô hình nghiên cứu đề xuất gồm sáu nhân tố tác động đến ý định khởi nghiệp. Nghiên cứu định tính nhằm điều chỉnh mô hình và thang đo sơ bộ, hình thành mô hình và thang đo nghiên cứu chính thức. Nghiên cứu định lượng được tiến hành để kiểm định độ tin cậy thang đo và đo lường mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến ý định khởi nghiệp thông qua phân tích hồi quy tuyến tính đa biến. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng có sáu nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên, sắp xếp theo mức độ ảnh hưởng giảm dần là: (1) Thái độ, (2) Nhận thức kiểm soát hành vi, (3) Chuẩn chủ quan, (4) Nguồn vốn, (5) Đặc điểm tính cách, (6) Môi

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					trường giáo dục đại học. Dựa trên kết quả nghiên cứu, một số hàm ý quản trị liên quan đến sáu nhân tố ảnh hưởng cũng được đưa ra nhằm nâng cao ý định khởi nghiệp của sinh viên nhà trường, đồng thời đề xuất hướng nghiên cứu cho tương lai
74.	Đại học	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi mua sắm trực tuyến của khách hàng tại siêu thị GO! Ở TPCT	Hồ Thị Quỳnh Như	Nguyễn Kim Thắm	Nghiên cứu này tập trung “Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi mua sắm trực tuyến của khách hàng tại siêu thị GO! ở thành phố Cần Thơ” từ việc khảo sát gián tiếp 225 khách hàng đã từng mua sắm trực tuyến ở siêu thị GO! Cần Thơ thông qua bảng câu hỏi khảo sát. Với mục tiêu xác định được các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi mua sắm trực tuyến của khách hàng và mức độ sẵn lòng chi trả cho việc mua sắm trực tuyến qua ứng dụng GO! tại siêu thị GO! Cần Thơ. Đề tài sử dụng các phương pháp: Thống kê mô tả và phân tích tần số để tìm hiểu các thông tin của đáp viên, thông qua đó sử dụng kiểm định trung bình mẫu để xem xét sự khác nhau giữa các nhóm giới tính về một số đặc điểm trong hành vi mua sắm. Đồng thời, sử dụng hệ số Cronbach's Alpha để kiểm định sự phù hợp của thang đo cho từng nhân tố chứa các biến quan

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					sát, làm cơ sở nhận diện các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi mua sắm trực tuyến của khách hàng với nhân tố được đề cập. Cuối cùng, để đánh giá về hành vi mua sắm trực tuyến của khách hàng tác giả dùng phương pháp phân tích nhân tố khám phá (EFA) và phân tích hồi quy tuyến tính bội với 4 biến quan sát là: Lợi ích, Thái độ, Tính đáp ứng, Độ lo lắng.
75.	Đại học	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự gắn kết của người lao động tại Mobifone Cần Thơ	Trần Anh Thư	Nguyễn Thị Thanh Trúc	Mục tiêu nghiên cứu là phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự gắn kết trong công việc của nhân viên đối với Mobifone Cần Thơ - Công ty Dịch vụ Mobifone Khu vực 9 tại Thành phố Cần Thơ. Nghiên cứu được thực hiện bằng Phương pháp nghiên cứu định tính để xác định mô hình và định lượng để đánh giá mức độ ảnh hưởng các nhân tố ảnh hưởng đến sự gắn kết. Từ các tài liệu lược khảo, tiến hành khảo sát đáp viên, dùng phần mềm SPSS xử lý cho ra kết quả: Công việc có ý nghĩa, Cơ hội đào tạo và thăng tiến, Phong cách lãnh đạo, Quan hệ với đồng nghiệp, Lương, thưởng và phúc lợi và Điều kiện làm việc là các nhân tố được rút ra với phương sai trích trên 50%, cho thấy giá trị hội tụ và tính phân biệt của thang đo. Trên cơ

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					sở kết quả thu được, nghiên cứu đưa ra các hàm ý quản trị, nhằm tăng sự gắn kết của nhân viên đối với Mobifone Cần Thơ - Công ty dịch vụ Mobifone khu vực 9 tại Thành phố Cần Thơ, nâng cao chất lượng và hiệu quả nguồn nhân lực của công ty.
76.	Đại học	Đánh giá mức độ nhận biết thương hiệu Tôn Hoa Sen của khách hàng trên địa bàn quận Cái Răng, TPCT	Nguyễn Thanh Hằng	Trịnh Bửu Nam	Đề tài với mục tiêu Đánh giá mức độ nhận biết thương hiệu Tôn Hoa Sen của khách hàng trên địa bàn Quận Cái Răng - Thành Phố Cần Thơ tác động đến quyết định chọn sử dụng sản phẩm của khách hàng. Trên cơ sở đó tác giả đề xuất một số giải pháp để gia tăng quyết định mua sắm, sử dụng sản phẩm của khách hàng trong thời gian tới, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty. Quá trình nghiên cứu được thực hiện gồm các thang đo định lượng, định danh, thang đo Likert. Nghiên cứu được xây dựng dựa trên các lý thuyết về thương hiệu và nhận biết thương hiệu. Số liệu trong nghiên cứu được thu thập từ kết quả khảo sát phỏng vấn trực tiếp khách hàng, đối tác và nhân viên cũng như người dân đang sinh sống trên địa bàn Thành phố Cần Thơ, sau đó làm sạch dữ liệu và xử lý bằng phần mềm SPSS 26. Dữ

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					liệu nghiên cứu gồm 6 nhân tố và 26 biến quan sát thực hiện bằng phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên thuận tiện. Phương pháp phân tích bao gồm: Thống kê mô tả nhân tố tác động đến thương hiệu, kiểm định thang đo Cronbach's alpha, phân tích nhân tố khám phá (EFA), phân tích hồi quy tuyến tính và kiểm định giá trị trung bình của các thuộc tính trong thang đo nhận biết thương hiệu, kiểm định giá trị trung bình các nhân tố trong thang đo nhận biết thương hiệu.
77.	Đại học	Đánh giá mức độ nhận biết của khách hàng đối với thương hiệu Tân Huê Viên tại TP Sóc Trăng	Huỳnh Hồ Anh Kiệt	Trịnh Bửu Nam	Nhận biết được thương hiệu của một Công ty chuyên sản xuất kinh doanh là điểm nhấn rất quan trọng trong tiến trình ra quyết định chọn sử dụng sản phẩm của khách hàng. Nhận diện thương hiệu là sự diễn đạt bản sắc của Công ty thông qua các hình ảnh, ngôn ngữ, màu sắc, cách thức quảng cáo,... Qua đó tạo sự nhận biết, sự khác biệt, tác động đến nhận thức của khách hàng về tính chuyên nghiệp và quy mô của Công ty. Trong thị trường kinh doanh các loại bánh đặc sản tại Việt Nam nói chung và tại Thành phố Sóc Trăng nói riêng ấn tượng của một thương hiệu về ngành sản xuất và

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					kinh doanh Bánh Pía vẫn còn hạn chế. Nó chịu ảnh hưởng từ những nhân tố nào đến sự nhận biết thương hiệu. Đây là vấn đề chưa có nhiều nghiên cứu cụ thể và để các doanh nghiệp có thể nâng cao khả năng cạnh tranh với nhau trên thị trường, do đó trong lĩnh vực kinh doanh này cần có những số liệu thống kê rõ ràng để có thể nhận biết thương hiệu. Đề tài “Đánh giá mức độ nhận biết của khách hàng đối với thương hiệu Tân Huê Viên tại Thành phố Sóc Trăng” với mục đích đánh giá mức độ nhận biết thương hiệu tác động đến các quyết định sử dụng sản phẩm của Công ty. Trên cơ sở đó, tác giả cũng đề ra những giải pháp nhằm gia tăng quyết định mua sắm, sử dụng sản phẩm của khách hàng trong thời gian tới, góp phần nâng cao kết quả hoạt động kinh doanh của công ty.
78.	Đại học	Nghiên cứu giá trị thương hiệu FPT của lĩnh vực viễn thông tại Cty CP Viễn thông FPT chi nhánh Cần Thơ	Lê Bình Nhã Lan	Trịnh Bửu Nam	Hiện nay, thị trường viễn thông Việt Nam đang chịu sự cạnh tranh gay gắt giữa các thương hiệu. Khách hàng mất nhiều thời gian để có thể lựa chọn các dịch vụ trong hàng loạt các thương hiệu ở thị trường, nếu không có sẵn một thương hiệu mà mình yêu thích. Chính vì vậy, để có thể cạnh tranh được với các đối thủ

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					cùng ngành thì việc nâng cao giá trị thương hiệu của doanh nghiệp là vô cùng quan trọng. Giá trị thương hiệu chính là yếu tố vô hình có vai trò quan trọng tạo nên lợi thế cho doanh nghiệp giữa nhiều thương hiệu cạnh tranh khác trên thị trường. Vì vậy, nghiên cứu này nhằm giúp nâng cao giá trị thương hiệu FPT trong tâm trí khách hàng, để khi có nhu cầu người tiêu dùng sẽ lựa chọn ngay dịch vụ mà họ đánh giá cao nhất. Với cỡ mẫu quan sát là 208, các phương pháp thống kê mô tả, giá trị trung bình, phân tích Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố EFA và phân tích ANOVA để kiểm định sự khác biệt được sử dụng. Các thành phần tác động giá trị thương hiệu bao gồm: Nhận biết thương hiệu, liên tưởng thương hiệu, chất lượng cảm nhận và trung thành thương hiệu. Kết quả nghiên cứu góp phần giúp cho FPT Chi nhánh Cần Thơ hiểu rõ hơn về giá trị thương hiệu, từ đó có thể đưa ra những chiến lược truyền thông phù hợp, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.
79.	Đại học	Nghiên cứu mức độ nhận biết thương hiệu FPT Telecom của Cty	Trần Thị Thể	Trịnh Bửu Nam	Nhận biết được thương hiệu của một Công ty Viễn thông là điểm nhấn rất quan trọng trong tiến

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		CP Viễn thông FPT chi nhánh Cần Thơ			trình ra quyết định chọn sử dụng dịch vụ khách hàng. Sự nhận biết thương hiệu góp phần nâng cao giá trị của loại tài sản vô hình, cũng là linh hồn của Công ty - thương hiệu. Trong lĩnh vực viễn thông hiện nay tại Việt Nam nói chung và đặc biệt là tại Cần Thơ nói riêng ấn tượng của một thương hiệu về viễn thông còn nhiều hạn chế, nó chịu sự ảnh hưởng từ những yếu tố nào để hình thành nên nhận biết về thương hiệu đối với khách hàng. Đây là vấn đề chưa có nhiều nghiên cứu cụ thể và để các doanh nghiệp có thể nâng cao khả năng cạnh tranh với nhau trước sức ép thị trường, do đó trong lĩnh vực viễn thông cần có những số liệu thống kê rõ ràng và thực tế về mức độ nhận biết thương hiệu. Đề tài “Nghiên cứu mức độ nhận biết thương hiệu FPT Telecom của Công ty Cổ phần Viễn thông FPT – Chi nhánh Cần Thơ” với mục tiêu đánh giá mức độ nhận biết thương hiệu Công ty Cổ phần Viễn thông FPT tác động đến quyết định chọn sử dụng dịch vụ viễn thông của khách hàng. Trên cơ sở đó tác giả đề ra những giải pháp để gia tăng quyết định chọn sử dụng dịch vụ

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					viễn thông đối với thương hiệu FPT Telecom trong thời gian tới từ đó góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty.
80.	Đại học	Đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến sự lựa chọn hòa mạng Vinaphone của khách hàng cá nhân tại Cái Răng Cần Thơ	Trần Tấn Thành	Võ Khắc Huy	Bài nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng, tác động đến việc lựa chọn nhà cung cấp viễn thông của khách hàng sử dụng dịch vụ di động Vinaphone tại chi nhánh VNPT Vinaphone Cái Răng, Thành Phố Cần Thơ. Thời gian nghiên cứu là từ tháng 02 - 4/2022, phạm vi nghiên cứu được giới hạn là các khách hàng tại địa bàn Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ đang sử dụng dịch vụ di động Vinaphone. Trong nghiên cứu, bài viết sử dụng kỹ thuật thu thập dữ liệu là phỏng vấn qua bảng câu hỏi dựa trên quan điểm, ý kiến đánh giá của 207 khách hàng, trong đó có 140 khách hàng sử dụng VinaPhone. Với những đóng góp của các đáp viên cùng với kiến thức của tác giả, đề tài đã nêu lên được các vấn đề sau đây: Thứ nhất, đề tài đã nêu lên được những khái niệm cơ bản có liên và lý thuyết về các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi mua hàng cùng với nhu cầu, động cơ mua hàng của khách hàng. Thứ hai, đề tài đã đưa ra được

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					mô tả khái quát về tổng mẫu quan sát cũng như là thực trạng sử dụng VinaPhone của người dân tại Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ. Thứ ba, ngoài việc mô tả về nhóm đối tượng sử dụng VinaPhone, đề tài còn mô tả phần nhỏ về mục đích cũng như là lý do của khách hàng khi sử dụng những nhà cung cấp viễn thông khác. Cuối cùng, đề tài đánh giá tổng quan về các yếu tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn nhà mạng VinaPhone và đưa ra một số giải pháp cho doanh nghiệp.
81.	Đại học	Hoạch định chiến lược kinh doanh sản phẩm xe Ford Everest của cty CP ĐTTMDV Sài Gòn Ô tô Cần Thơ giai đoạn 2021-2025	Trần Phương Thanh	Nguyễn Huỳnh Phước Thiện	
82.	Đại học	Hoạch định chiến lược Marketing sản phẩm xe bán tải Ford Ranger của cty CP ĐT TMDV Sài Gòn Ô tô Cần Thơ giai đoạn 2021-2025	Nguyễn Thị Mỹ Yên	Nguyễn Huỳnh Phước Thiện	
83.	Đại học	Hoạch định chiến lược Marketing DV môi giới bất động sản tại thị trường TP. Cần Thơ của cty CP DV bất động sản Danh	Nguyễn Châu Quốc Đại	Nguyễn Huỳnh Phước Thiện	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		Khôi - DKRS giai đoạn 2021-2025			
84.	Đại học	Hoạch định chiến lược kinh doanh của Ngân hàng TMCP Phương Đông chi nhánh An Giang giai đoạn 2021-2025	Phạm Thị Kim Anh	Nguyễn Huỳnh Phước Thiện	
85.	Đại học	Hoạch định chiến lược Marketing sản phẩm pin năng lượng mặt trời của cty TNHH Tập đoàn năng lượng Quốc tế giai đoạn 2021-2025	Nguyễn Thị Hồng Hai	Nguyễn Huỳnh Phước Thiện	
86.	Đại học	Hoạch định chiến lược Marketing dịch vụ thẻ của Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - chi nhánh Tây Đô - PGD Xuân Khánh giai đoạn 2021-2025	Tạ Thị Hồng Nhung	Nguyễn Huỳnh Phước Thiện	
87.	Đại học	Hoạch định chiến lược kinh doanh sản phẩm ống nhựa của cty CP Nhựa Đồng Nai giai đoạn 2021-2025	Lâm Thị Huyền Trang	Nguyễn Huỳnh Phước Thiện	
88.	Đại học	Lập kế hoạch Marketing sản phẩm Thép của cty Hamaco giai đoạn năm 2022	Hồ Thế Nhiệm	Đinh Vũ Long	- Khóa luận của tác giả tiến hành lập kế hoạch Marketing cho sản phẩm thép của Công ty Hamaco năm 2022. Kết cấu khóa luận được trình bày thành 5 chương. Mỗi chương trình bày nội dung phù hợp. Các chương được sắp xếp hợp lý và có sự liên kết với nhau.

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					- Đề tài đưa ra được những mục tiêu cụ thể, kết hợp với quá trình phân tích, đánh giá đã giải quyết được những mục tiêu đề ra. Đề tài mang ý nghĩa thực tiễn sử dụng Marketing vào hoạt động của doanh nghiệp.
89.	Đại học	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn sử dụng dịch vụ của cty CP Cảng Cần Thơ	Bùi Thị Xuân Linh	Phòng Thị Huỳnh Mai	
90.	Đại học	Hoạch định chiến lược kinh doanh cho cty TNHH Sáu Con giai đoạn 2022-2026	Trương Thảo Nguyên	Phòng Thị Huỳnh Mai	
91.	Đại học	Hoạch định chiến lược kinh doanh sản phẩm gạo cho thị trường nội địa tại cty CP NN Công nghệ cao Đại Tài giai đoạn 2021-2025	Trần Thanh Phước	Trịnh Bửu Nam	
92.	Đại học	Lập kế hoạch marketing cho nhãn hiệu trà khô qua rừng Mudaru tại cty CP TNB Việt Nam giai đoạn tháng 6 năm 2021 đến tháng 5 năm 2022	Nguyễn Thị Kim Tuyền	Trịnh Bửu Nam	
93.	Đại học	Đánh giá mức độ nhận biết của khách hàng về thương hiệu Agribank chi nhánh An Minh - Kiên Giang II	Khuru Phương Quyên	Trịnh Bửu Nam	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
94.	Đại học	Hoạch định chiến lược kinh doanh dịch vụ Internet cáp quang của cty CP Viễn thông FPT - chi nhánh Cần Thơ	Nguyễn Thương Tín	Võ Khắc Huy	
95.	Đại học	Hoạch định chiến lược kinh doanh cho dịch vụ internet cáp quang của cty CP Viễn thông TT kinh doanh FPT Châu Đốc giai đoạn 2021-2025	Đặng Thị Kim Ngân	Nguyễn Kim Thắm	Đề tài gồm 5 chương, kết cấu hợp lý, chặt chẽ, theo trình tự hợp lý. + Đề tài phù hợp với sinh viên chuyên ngành Quản trị Kinh doanh. + Đề tài là nguồn tài liệu tham khảo cho công ty như xác định các yếu tố ảnh hưởng đến môi trường kinh doanh của công ty, trên cơ sở đó có định hướng khai thác một cách có hiệu quả hơn các chiến lược trong tương lai về hoạt động kinh doanh của công ty.
96.	Đại học	Phân tích thực trạng và giải pháp bán hàng cho sản phẩm Ô tô tại cty Cần Thơ Ford	Huỳnh Tiểu Long	Nguyễn Thị Thanh Trúc	
97.	Đại học	Hoạch định chiến lược kinh doanh sản phẩm FPT Play Box của cty CP Viễn Thông PFT chi nhánh Cần Thơ giai đoạn 2022-2026	Văn Thế Hải	Phùng Thị Huỳnh Mai	
98.	Đại học	Hoạch định chiến lược kinh doanh cho CTCP Vitop Media Mekong giai đoạn 2021-2025	Lê Võ Anh Thư	Thái Ngọc Vũ	Đề tài Hoạch định chiến lược kinh doanh cho công ty cổ phần VITOP Media Mekong Giai đoạn 2021 - 2025 được tác giả xây

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					dụng gồm chương (chương 1: Tổng quan; chương 2: Tổng quan công ty cổ phần VITOP Media Mekong 2; chương 3: Cơ sở lý luận; chương 4: Phân tích môi trường kinh doanh và hoạch định chiến lược; chương 5: Kết luận và kiến nghị) như vậy là hợp lý với kết cấu của một đề tài nghiên cứu khoa học.
99.	Đại học	Phân tích hoạt động tín dụng ngân hàng NN&PTNT Việt Nam năm 2018-2020	Dương Thị Hào	Thái Ngọc Vũ	Đề tài Phân tích hoạt động tín dụng tại Ngân hàng Nông nghiệp & PT Nông Thôn Việt Nam – Cái Răng Cần Thơ được tác giả xây dựng gồm 6 chương (chương 1: Tổng quan; chương 2: Tổng quan Ngân hàng; chương 3: Cơ sở lý luận; chương 4: Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh; chương 5: Giải pháp; chương 6: Kết luận và kiến nghị) như vậy là hợp lý với kết cấu của một đề tài nghiên cứu khoa học.
100.	Đại học	Hoạch định chiến lược kinh doanh của khách sạn Ninh Kiều 2 giai đoạn 2021-2025	Tô Ngọc Như	Thái Ngọc Vũ	Đề tài Hoạch định chiến lược kinh doanh khách sạn Ninh Kiều 2 giai đoạn 2021 – 2025 được tác giả xây dựng gồm 6 chương (chương 1: Tổng quan; chương 2: Tổng quan khách sạn Ninh Kiều 2; chương 3: Cơ sở lý luận; chương 4: Phân tích môi trường kinh doanh. Chương 5: hoạch định chiến lược; chương 6: Kết luận và kiến nghị) như vậy là hợp lý với kết cấu của một đề tài

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					nghiên cứu khoa học
101.	Đại học	Lập kế hoạch marketing cho cty CP TNB Việt Nam	Nguyễn Văn Thịnh	Trịnh Bửu Nam	
102.	Đại học	Nâng cao hiệu quả cho vay tín dụng tại Ngân hàng Sacombank chi nhánh Cần Thơ đối với khối doanh nghiệp	Dương Thế Hiền	Võ Khắc Huy	Tín dụng là hoạt động rất quan trọng của ngân hàng. Hoạt động này đóng góp lớn vào việc trực tiếp tạo ra doanh thu. Vì vậy, không nói quá khi xem bộ phận này là xương sống của ngân hàng. Hiểu được tầm quan trọng của hoạt động này, ngân hàng luôn có những đầu tư và chính sách phát triển bộ phận tín dụng một cách thoả đáng và phù hợp với từng giai đoạn phát triển kinh tế của một quốc gia. Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) chi nhánh Cần Thơ cũng không nằm ngoài quy luật này. Nguồn vốn là nguồn lực quan trọng trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Nguồn vốn dồi dào là một lợi thế của doanh nghiệp vì giúp doanh nghiệp mạnh dạn tiếp cận với công nghệ mới, thị trường mới. Tuy vậy, tiềm lực của mỗi doanh nghiệp là giới hạn, bao gồm nguồn vốn. Một trong những kênh để có được nguồn vốn nhanh nhất với lãi suất chấp nhận nhất là vay ngân hàng Nắm bắt được nhu cầu vay vốn

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					phục vụ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và nhu cầu cho vay của ngân hàng. Tác giả chọn đề tài “Nâng cao hiệu quả hoạt động cho vay tín dụng tại Sacombank, chi nhánh Cần Thơ đối với khối doanh nghiệp” để làm đề tài khóa luận. Dữ liệu thứ cấp và sơ cấp được sử dụng để phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động tín dụng như hệ số thu nợ, dư nợ trên tổng nguồn vốn, vòng quay vốn tín dụng, tỉ lệ nợ xấu. Ngoài ra, ảnh hưởng từ các yếu tố bên ngoài, đặc biệt là từ phía khách hàng và phân tích SWOT được áp dụng nhằm phân tích kỹ lưỡng, phục vụ mục tiêu của đề tài một cách tốt nhất.
103.	Đại học	Hoạch định chiến lược Marketing sản phẩm xe VinFast tại cty CP Ô tô Sài Gòn Cửu Long Cần Thơ giai đoạn 2021-2026	Phạm Thị Yên Nhi	Đào Duy Tùng	Dựa trên đề tài nghiên cứu, tác giả đã phân tích các yếu tố thuộc môi trường Marketing gồm môi trường vi mô và vĩ mô để làm nền tảng đưa ra chiến lược phù hợp cho sản phẩm xe VinFast. Ngoài ra, tác giả còn đề xuất tổ chức thực hiện các hoạt động và đánh giá các chiến lược Marketing phù hợp với giai đoạn năm 2021 -2026.
104.	Đại học	Định hướng và giải pháp phát triển du lịch TP Cần Thơ hậu covid.	Hồ Thị Trương Kim Ngân	Lê Thị Mai Hương	Đề tài “ Định hướng và giải pháp phát triển du lịch TP Cần Thơ hậu covid” là sự nghiên cứu của tác giả về xu hướng phát triển du lịch sau thời kỳ covid ngoài ra

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					còn nhìn nhận thực trạng phát triển du lịch của thành phố từ đó đưa ra định hướng và giải pháp triển cho du lịch thành phố Cần Thơ
105.	Đại học	Định hướng và giải pháp phát triển du lịch biển, đảo tỉnh Kiên Giang	Huỳnh Thị Thanh Lam	Lê Thị Mai Hương	Đề tài “Định hướng và giải pháp phát triển du lịch biển, đảo tỉnh Kiên Giang” là cần thiết thực hiện để tìm ra giải pháp khai thác có hiệu quả những tiềm năng và lợi thế của vùng ven biển và hải đảo của tỉnh Kiên Giang. Đồng thời xác định mục tiêu, định hướng và giải pháp phát triển du lịch biển đảo Kiên Giang trên cơ sở phát huy vai trò, thế mạnh tài nguyên du lịch biển, sử dụng hiệu quả và tiết kiệm các nguồn lực về du lịch biển, đẩy nhanh tốc độ phát triển của du lịch Kiên Giang nói chung, du lịch biển đảo nói riêng.
106.	Đại học	Nghiên cứu hoạt động phát triển du lịch homestay tại huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ	Nguyễn Thúy An	Dương Thanh Xuân	Huyện Phong Điền trực thuộc thành phố Cần Thơ có vị trí địa lý thuận lợi, đồng thời có nguồn tài nguyên du lịch phong phú và đa dạng tạo nên những lợi thế cho sự phát triển ngành du lịch nói chung và loại hình du lịch homestay nói riêng. Trên thực tế, trong những năm qua thì du lịch homestay của huyện Phong Điền đã có những bước2 phát triển mạnh mẽ, thu hút nhiều du khách và đóng góp vào sự tăng

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					trường kinh tế địa phương, đem lại nhiều hiệu quả kinh tế- xã hội- môi trường. Tuy nhiên, trong sự phát triển ấy vẫn còn tồn tại một số hạn chế ảnh hưởng đến tính bền vững của du lịch homestay, cụ thể là những hạn chế về sản phẩm du lịch, các điều kiện tạo nên sự phát triển du lịch, cơ sở hạ tầng – cơ sở vật chất hay thậm chí là nguồn nhân lực. Chính vì vậy, mà tác giả đã chọn đề tài: “Nghiên cứu phát triển du lịch homestay ở huyện Phong Điền thành phố Cần Thơ” làm đề tài khóa luận tốt nghiệp nhằm tìm ra hướng du lịch mới lạ, giúp tập trung nghiên cứu và tìm ra những sản phẩm du lịch homestay của huyện Phong Điền..
107.	Đại học	Thực trạng và giải pháp phát triển du lịch cộng đồng tại cù lao An Bình, tỉnh Vĩnh Long	Nguyễn Ngọc Bích	Dương Thanh Xuân	đề tài góp phần củng cố những lý luận về DLCĐ và có thể là tài liệu tham khảo về thực trạng, tình hình và giải pháp để phát triển DLCĐ cho các đề tài nghiên cứu liên quan tiếp theo cũng như trở thành nguồn tài liệu tham khảo cho công tác giảng dạy, học tập của giảng viên và sinh viên ngành du lịch. Về ý nghĩa thực tiễn: việc tìm ra giải pháp phát triển DLCĐ nhằm giảm áp lực cho môi trường tự nhiên do chính

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					cộng đồng tạo nên, tạo thêm sinh kế, cơ hội việc làm cho cộng đồng có ý nghĩa hết sức quan trọng trong nghiên cứu khoa học, góp phần phát triển kinh tế xã hội, khảo sát về nhu cầu cho phát triển DLCĐ và khảo sát đánh giá nguồn lực thực tiễn phát triển DLCĐ tại cù lao An Bình. Phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức của địa phương trong phát triển DLCĐ, từ đó đánh giá thực trạng phát triển từ đó nhằm khai thác được các thế mạnh về du lịch tại cù lao An Bình, đảm bảo sự đóng góp tích cực của du lịch vào phát triển kinh tế địa phương. Cũng như nhằm quảng bá hình ảnh du lịch nói chung và DLCĐ nói riêng để thu hút nhiều khách du lịch hơn, giúp khách hiểu biết rõ hơn về loại hình DLCĐ tại cù lao An Bình và những nét thú vị từ loại hình du lịch này
108.	Đại học	Giải pháp phát triển du lịch cộng đồng Thành phố Cần Thơ giai đoạn 2022-2026	Nguyễn Trường Giang	Cao Thị Sen	đề tài làm rõ nét những vấn đề lý luận và thực tiễn về phát triển du lịch cộng đồng trong bối cảnh toàn cầu hóa và có cái nhìn tổng quan về du lịch cộng đồng tại Cần Thơ,

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					nhìn nhận một cách khách quan về những thế mạnh và hạn chế trong phát triển du lịch cộng đồng tại đây. Đề từ đó, đánh giá đúng tiềm năng và thực trạng của loại hình du lịch cộng đồng của Cần Thơ trong thời gian qua làm cơ sở đề xuất giải pháp nhằm thúc đẩy phát triển du lịch Cần Thơ nói chung và du lịch cộng đồng Cần Thơ nói riêng.
109.	Đại học	Nâng cao chất lượng hoạt động du lịch MICE tại thành phố Cần Thơ tầm nhìn 2025 - 2030	Nguyễn Thị Kim Thor	Cao Thị Sen	đề tài “Nâng cao chất lượng hoạt động du lịch MICE tại thành phố Cần Thơ tầm nhìn 2025 - 2030” nhằm nghiên cứu hoạt động du lịch Mice ở thành phố CT để đánh giá những thuận lợi và khó khăn, từ đó đưa ra những giải pháp thiết thực nâng cao chất lượng hoạt động du lịch Mice ở TP Cần Thơ trong tương lai.
110.	Đại học	Hoạch định chiến lược marketing dịch vụ lưu trú tại khách sạn Solby Melia Phú Quốc giai đoạn 2022-2026	Trần Thiên Phụng	Lê Thị Nhà Ca	Trong quá trình thực hiện đề tài này, tác giả đã sử dụng phương pháp phân tích để xử lý các số liệu, phương pháp so sánh số liệu qua các năm và phương pháp tổng hợp đề ra nhận xét kết quả hoạt động kinh doanh giai đoạn 2019 – 2021. Ngoài ra,

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					tác giả cũng sử dụng phương pháp phỏng vấn chuyên gia để cho điểm phân loại đánh giá các yếu tố bên trong, các yếu tố bên ngoài, ma trận hình ảnh cạnh tranh và sử dụng công cụ ma trận SWOT để hoạch định chiến lược marketing. Từ đó, đưa ra giải pháp thực hiện chiến lược giúp khách sạn thực hiện vào hoàn thành tốt chiến lược góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh
111.	Đại học	Thực trạng và giải pháp hoàn thiện hoạt động Marketing tại Victoria Can Tho Resort	Đinh Trí Anh Thư	Lê Thị Nhã Ca	Đề tài " <i>Giải pháp hoàn thiện hoạt động Marketing tại Victoria Can Tho Resort</i> " đề ra với mục tiêu là phân tích thực trạng hoạt động Marketing và các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động Marketing của Victoria Can Tho Resort, phân tích ma trận SWOT, ma trận IFE, ma trận EFE, ma trận hình ảnh cạnh tranh từ đó đưa ra giải pháp Marketing cho Victoria Can Tho Resort nhằm thu hút khách, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh và khẳng định vị thế trên thị trường.
112.	Đại học	Thực trạng và giải pháp phát triển du lịch tại thành phố đảo Phú Quốc	Huỳnh Ngọc Nhu	Lê Thị Nhã Ca	Đề tài được thực hiện nhằm phân tích thực trạng thu hút khách du lịch nội địa và tác động của các yếu tố môi trường đối với việc thu hút khách

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					du lịch nội địa của Phú Quốc. Từ đó, đề xuất một số giải pháp góp phần thu hút khách du lịch nội địa du lịch tại Thành phố Phú Quốc trong thời gian tới.
113.	Đại học	Thực trạng và đề xuất một số giải pháp marketing cho thành phố Cần Thơ sau dịch bệnh.	Trần Thị Kim Ngân	Nguyễn Trương Lai	Đề tài “Thực trạng và giải pháp khai thác tài nguyên du lịch thành phố Cần Thơ giai đoạn 2022 – 2025” được nghiên cứu và thực hiện với mục tiêu tìm ra giải pháp phù hợp cho hoạt động Marketing của TP. Cần Thơ, trên cơ sở phát huy những điểm mạnh và khắc phục những hạn chế trong quá trình hoạt động Marketing của thành phố. Để thực hiện ba nhiệm vụ lớn nhất của thành phố là lợi nhuận, vị thế và an toàn thì việc xây dựng các giải pháp Marketing là nhiệm vụ vô cùng quan trọng. Để đạt được mục tiêu trên, cần tiến hành nghiên cứu phân tích thực trạng hoạt động Marketing cho du lịch thành phố, những nhân tố môi trường vĩ mô, môi trường vĩ mô ảnh hưởng đến hoạt động du lịch của TP. Cần Thơ; Từ đó, đưa ra giải pháp về các chiến lược sản phẩm, giá, phân phối, chiêu thị để giúp TP. Cần Thơ nâng cao quả hoạt động Marketing và nâng cao ưu thế

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					cạnh tranh của bản thân trên thị trường cạnh tranh khốc liệt và khó khăn như hiện nay.
114.	Đại học	Thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ buồng phòng tại Victoria Cần Thơ Resort	Phạm Đỗ Phương Trang	Nguyễn Tương Lai	Đề tài “ Thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ buồng phòng tại Khu nghỉ dưỡng Victoria Cần Thơ giai đoạn 2022 - 2025 ” đề ra với mục tiêu là phân tích thực trạng hoạt động buồng phòng và các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ buồng phòng của Victoria Cần Thơ trong giai đoạn 2019 - 2021, từ đó đưa ra giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ buồng phòng trong giai đoạn 2022 - 2025 nhằm thu hút khách, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh và khẳng định vị thế trên thị trường.
115.	Đại học	Thực trạng và giải pháp marketing của công ty TNHH dịch vụ và du lịch Seven	Nguyễn Thị Cẩm Trúc	Nguyễn Tương Lai	Với mong muốn vận dụng những kiến thức đã học và những kinh nghiệm thực tế trong quá trình thực tập để phần nào cải thiện hiệu quả hoạt động kinh doanh Marketing cho Công ty TNHH Dịch vụ & Du lịch Seven phát huy những điểm mạnh và khắc phục những hạn chế trong quá trình hoạt động Marketing của doanh nghiệp, cũng như góp phần nhỏ vào việc xây dựng nền du lịch vững mạnh cho đất nước.

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					Để thực hiện ba nhiệm vụ lớn nhất của doanh nghiệp là lợi nhuận, vị thế và an toàn thì việc xây dựng các giải pháp Marketing là nhiệm vụ vô cùng quan trọng. Để đạt được mục tiêu trên, cần tiến hành nghiên cứu phân tích thực trạng hoạt động Marketing của công ty, những nhân tố môi trường vi mô, môi trường vĩ mô ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; Từ đó, đưa ra giải pháp về sản phẩm, giá, phân phối, chiêu thị, con người, quy trình cung ứng, cơ sở vật chất để giúp công ty nâng cao hiệu quả hoạt động Marketing và nâng cao ưu thế cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường cạnh tranh khốc liệt như hiện nay.
116.	Đại học	Thực trạng và sự hài lòng của du khách đối với hình ảnh điểm đến du lịch Miếu Bà Chúa Xứ Núi Sam tại Châu Đốc - An Giang	Lê Hoàng Ân	Trần Minh Hùng	đề tài khóa luận “ Thực trạng và sự hài lòng của du khách đối với hình ảnh điểm đến du lịch Miếu Bà Chúa Xứ Núi Sam tại Châu Đốc - An Giang ” bằng những dữ liệu sơ cấp và thứ cấp sẽ thể hiện các nội dung về thực trạng hoạt động khai thác của Miếu Bà Chúa Xứ Núi Sam hiện nay; phân tích, đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến hình ảnh của

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					Miếu Bà Chúa Xứ Núi Sam thông qua khảo sát sự hài lòng của du khách. Trên cơ sở kết quả đạt được sau khi phân tích, đánh giá thì nghiên cứu này sẽ tiến hành đề xuất các khuyến nghị đối với các cơ quan đang khai thác, vận hành của Miếu Bà Chúa Xứ Núi Sam nhằm nâng cao hình ảnh cũng như nâng cao lợi thế cạnh tranh, hiệu quả kinh tế xã hội. Trong nghiên cứu này, tác giả sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng kết hợp với phương pháp thống kê mô tả, kiểm định độ tin cậy Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố khám phá (EFA), kiểm định các thang đo bằng phương pháp hồi quy tuyến tính bội trên phần mềm SPSS 26 với dữ liệu thu thập từ 149 du khách đã tham quan Miếu Bà Chúa Xứ Núi Sam tại Châu Đốc – An Giang
117.	Đại học	Giải pháp nhằm nâng cao chất lượng phục vụ của bộ phận lễ tân tại khách sạn TTC Premium Cần Thơ	Phan Thị Tuyết Nhi	Trần Minh Hùng	Giới thiệu về khách sạn TTC Premium Cần Thơ và tình hình kinh doanh của khách sạn trong giai đoạn 2019 - 2021. Và bằng kết quả điều tra thực tế chúng ta thấy được thực trạng chất lượng phục vụ tại bộ phận Lễ tân khách sạn TTC Premium Cần Thơ.

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					Thực hiện khảo sát khách hàng bằng phương pháp phát phiếu khảo sát tại khách sạn, từ đó thống kê bằng phần mềm SPSS 26 nhằm biết được các yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến chất lượng phục vụ của bộ phận lễ tân tại khách sạn TTC Premium Cần Thơ. Dựa trên cỡ mẫu thu thập 150 khách hàng lưu trú tại khách sạn và bằng phương pháp phân tích nhân tố khám phá kết hợp với phương pháp hồi quy tuyến tính, kết quả nghiên cứu cho thấy có 4 nhân tố có tác động tích cực đến chất lượng phục vụ của bộ phận lễ tân bao gồm: Tính hữu hình, Khả năng đáp ứng, Sự đảm bảo, Sự cảm thông. Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng phục vụ tại bộ phận Lễ tân khách sạn TTC Premium Cần Thơ.
118.	Đại học	Giải pháp khai thác E-Marketing cho công ty TNHH Thương Mại Du lịch và Sự kiện IDO giai đoạn 2022 - 2025	Tăng Lữ Ái Quỳnh	Trần Minh Hùng	Đề tài <i>“Giải pháp khai thác E-Marketing cho Công ty TNHH Thương Mại Du Lịch và Sự Kiện IDO giai đoạn 2022 - 2025”</i> được tác giả nghiên cứu và thực hiện với mục tiêu tìm ra giải pháp phù hợp cho hoạt động Marketing online phù hợp cho công ty, trên cơ sở phát huy

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					những điểm mạnh hiện có và khắc phục những hạn chế trong quá trình hoạt động Marketing của doanh nghiệp trong 3 năm vừa qua để từ đó góp phần định hướng giúp công ty giải quyết với những khó khăn và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh trong thời gian tới.
119.	Đại học	Thực trạng và sự hài lòng của du khách đối với điểm du lịch Làng Hoa Sa Đéc	Quách Minh Khương	Trần Minh Hùng	Với đề tài “Thực trạng và sự hài lòng của du khách đối với Làng hoa Sa Đéc” sẽ cung cấp thông tin chi tiết về nơi đây như quá trình hình thành, phát triển ra sao. Từ đó cũng nêu lên được thực trạng của Làng hoa còn nhiều bất cập. Ngoài ra, mục tiêu của nghiên cứu nhằm xác định các thuộc tính điểm đến du lịch tác động đến sự hài lòng của du khách đến với Làng hoa Sa Đéc TP. Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp. Dữ liệu của nghiên cứu được thu thập qua cuộc khảo sát 150 du khách đã đến Làng hoa Sa Đéc. Các phương pháp kiểm định Cronbach's Alpha, phương pháp phân tích nhân tố khám phá (EFA) và hồi quy tuyến tính đa biến được sử dụng cho phân tích số liệu. Kết quả nghiên cứu cho thấy có bảy biến độc lập được đưa vào mô hình, trong đó còn

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					năm biến độc lập là Thái độ, Môi trường, Chất lượng các dịch vụ, Giá cả, An ninh trật tự ảnh hưởng đến sự hài lòng của du khách có ý nghĩa thống kê. Trên cơ sở này, một số hàm ý quản trị điểm đến du lịch được đề xuất đến địa phương, các doanh nghiệp và cư dân nơi đây góp phần phát triển thêm Làng hoa Sa Đéc để có thể giữ gìn làng nghề truyền thống hàng ngàn năm tuổi này.
120.	Đại học	Hoạch định chiến lược Marketing dịch vụ lưu trú tại khách sạn Holiday One Cần Thơ giai đoạn 2022-2026	Trịnh Thanh Tuyền	Lê Thị Nhã Ca	Đề tài "Hoạch định chiến lược Marketing dịch vụ lưu trú tại khách sạn Holiday One Cần Thơ giai đoạn 2022 - 2026" đề ra với mục tiêu là hoạch định chiến lược Marketing dịch vụ lưu trú, phân tích môi trường vi mô, vĩ mô, phân tích ma trận SWOT, từ đó đưa ra chiến lược Marketing cho khách sạn trong giai đoạn 2022 – 2026 nhằm thu hút khách du lịch, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh và khẳng định vị thế trên thị trường.
121.	Đại học	Định hướng và giải pháp phát triển du lịch TP Cần Thơ hậu covid.	Hồ Thị Trương Kim Ngân	Lê Thị Mai Hương	Đề tài “ Định hướng và giải pháp phát triển du lịch TP Cần Thơ hậu covid” là sự nghiên cứu của tác giả về xu hướng phát triển du lịch sau thời kỳ covid ngoài ra còn nhìn nhận thực trạng phát triển du lịch của thành phố từ đó

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					đưa ra định hướng và giải pháp triển cho du lịch thành phố Cần Thơ
122.	Đại học	Định hướng và giải pháp phát triển du lịch biển, đảo tỉnh Kiên Giang	Huỳnh Thị Thanh Lam	Lê Thị Mai Hương	Đề tài “Định hướng và giải pháp phát triển du lịch biển, đảo tỉnh Kiên Giang” là cần thiết thực hiện để tìm ra giải pháp khai thác có hiệu quả những tiềm năng và lợi thế của vùng ven biển và hải đảo của tỉnh Kiên Giang. Đồng thời xác định mục tiêu, định hướng và giải pháp phát triển du lịch biển đảo Kiên Giang trên cơ sở phát huy vai trò, thế mạnh tài nguyên du lịch biển, sử dụng hiệu quả và tiết kiệm các nguồn lực về du lịch biển, đẩy nhanh tốc độ phát triển của du lịch Kiên Giang nói chung, du lịch biển đảo nói riêng.
123.	Đại học	Nghiên cứu hoạt động phát triển du lịch homestay tại huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ	Nguyễn Thúy An	Dương Thanh Xuân	Huyện Phong Điền trực thuộc thành phố Cần Thơ có vị trí địa lý thuận lợi, đồng thời có nguồn tài nguyên du lịch phong phú và đa dạng tạo nên những lợi thế cho sự phát triển ngành du lịch nói chung và loại hình du lịch homestay nói riêng. Trên thực tế, trong những năm qua thì du lịch homestay của huyện Phong Điền đã có những bước2 phát triển mạnh mẽ, thu hút nhiều du khách và đóng góp vào sự tăng trưởng kinh tế địa phương, đem lại nhiều hiệu quả kinh tế- xã

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					hội- môi trường. Tuy nhiên, trong sự phát triển ấy vẫn còn tồn tại một số hạn chế ảnh hưởng đến tính bền vững của du lịch homestay, cụ thể là những hạn chế về sản phẩm du lịch, các điều kiện tạo nên sự phát triển du lịch, cơ sở hạ tầng – cơ sở vật chất hay thậm chí là nguồn nhân lực. Chính vì vậy, mà tác giả đã chọn đề tài: “Nghiên cứu phát triển du lịch homestay ở huyện Phong Điền thành phố Cần Thơ” làm đề tài khóa luận tốt nghiệp nhằm tìm ra hướng du lịch mới lạ, giúp tập trung nghiên cứu và tìm ra những sản phẩm du lịch homestay của huyện Phong Điền..
124.	Đại học	Thực trạng và giải pháp phát triển du lịch cộng đồng tại cù lao An Bình, tỉnh Vĩnh Long	Nguyễn Ngọc Bích	Dương Thanh Xuân	đề tài góp phần củng cố những lý luận về DLCĐ và có thể là tài liệu tham khảo về thực trạng, tình hình và giải pháp để phát triển DLCĐ cho các đề tài nghiên cứu liên quan tiếp theo cũng như trở thành nguồn tài liệu tham khảo cho công tác giảng dạy, học tập của giảng viên và sinh viên ngành du lịch. Về ý nghĩa thực tiễn: việc tìm ra giải pháp phát triển DLCĐ nhằm giảm áp lực cho môi trường tự nhiên do chính cộng đồng tạo nên, tạo thêm sinh kế, cơ hội việc làm

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					cho cộng đồng có ý nghĩa hết sức quan trọng trong nghiên cứu khoa học, góp phần phát triển kinh tế xã hội, khảo sát về nhu cầu cho phát triển DLCĐ và khảo sát đánh giá nguồn lực thực tiễn phát triển DLCĐ tại cù lao An Bình. Phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức của địa phương trong phát triển DLCĐ, từ đó đánh giá thực trạng phát triển từ đó nhằm khai thác được các thế mạnh về du lịch tại cù lao An Bình, đảm bảo sự đóng góp tích cực của du lịch vào phát triển kinh tế địa phương. Cũng như nhằm quảng bá hình ảnh du lịch nói chung và DLCĐ nói riêng để thu hút nhiều khách du lịch hơn, giúp khách hiểu biết rõ hơn về loại hình DLCĐ tại cù lao An Bình và những nét thú vị từ loại hình du lịch này
125.	Đại học	Giải pháp phát triển du lịch cộng đồng Thành phố Cần Thơ giai đoạn 2022-2026	Nguyễn Trường Giang	Cao Thị Sen	đề tài làm rõ nét những vấn đề lý luận và thực tiễn về phát triển du lịch cộng đồng trong bối cảnh toàn cầu hóa và có cái nhìn tổng quan về du lịch cộng đồng tại Cần Thơ, nhìn nhận một cách khách quan về những thế mạnh

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					và hạn chế trong phát triển du lịch cộng đồng tại đây. Để từ đó, đánh giá đúng tiềm năng và thực trạng của loại hình du lịch cộng đồng của Cần Thơ trong thời gian qua làm cơ sở đề xuất giải pháp nhằm thúc đẩy phát triển du lịch Cần Thơ nói chung và du lịch cộng đồng Cần Thơ nói riêng.
126.	Đại học	Nâng cao chất lượng hoạt động du lịch MICE tại thành phố Cần Thơ tầm nhìn 2025 - 2030	Nguyễn Thị Kim Thơ	Cao Thị Sen	đề tài “ <i>Nâng cao chất lượng hoạt động du lịch MICE tại thành phố Cần Thơ tầm nhìn 2025 - 2030</i> ” nhằm nghiên cứu hoạt động du lịch Mice ở thành phố CT để đánh giá những thuận lợi và khó khăn, từ đó đưa ra những giải pháp thiết thực nâng cao chất lượng hoạt động du lịch Mice ở TP Cần Thơ trong tương lai.
127.	Đại học	Hoạch định chiến lược marketing dịch vụ lưu trú tại khách sạn Solby Melia Phú Quốc giai đoạn 2022-2026	Trần Thiên Phượng	Lê Thị Nhã Ca	Trong quá trình thực hiện đề tài này, tác giả đã sử dụng phương pháp phân tích để xử lý các số liệu, phương pháp so sánh số liệu qua các năm và phương pháp tổng hợp đề ra nhận xét kết quả hoạt động kinh doanh giai đoạn 2019 – 2021. Ngoài ra, tác giả cũng sử dụng phương pháp phỏng vấn chuyên gia để

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					cho điểm phân loại đánh giá các yếu tố bên trong, các yếu tố bên ngoài, ma trận hình ảnh cạnh tranh và sử dụng công cụ ma trận SWOT để hoạch định chiến lược marketing. Từ đó, đưa ra giải pháp thực hiện chiến lược giúp khách sạn thực hiện vào hoàn thành tốt chiến lược góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh
128.	Đại học	Thực trạng và giải pháp hoàn thiện hoạt động Marketing tại Victoria Can Tho Resort	Đinh Trí Anh Thư	Lê Thị Nhã Ca	Đề tài " <i>Giải pháp hoàn thiện hoạt động Marketing tại Victoria Can Tho Resort</i> " đề ra với mục tiêu là phân tích thực trạng hoạt động Marketing và các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động Marketing của Victoria Can Tho Resort, phân tích ma trận SWOT, ma trận IFE, ma trận EFE, ma trận hình ảnh cạnh tranh từ đó đưa ra giải pháp Marketing cho Victoria Can Tho Resort nhằm thu hút khách, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh và khẳng định vị thế trên thị trường.
129.	Đại học	Thực trạng và giải pháp phát triển du lịch tại thành phố đảo Phú Quốc	Huỳnh Ngọc Nhu	Lê Thị Nhã Ca	Đề tài được thực hiện nhằm phân tích thực trạng thu hút khách du lịch nội địa và tác động của các yếu tố môi trường đối với việc thu hút khách du lịch nội địa của Phú Quốc. Từ đó, đề xuất một số

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					giải pháp góp phần thu hút khách du lịch nội địa du lịch tại Thành phố Phú Quốc trong thời gian tới.
130.	Đại học	Thực trạng và đề xuất một số giải pháp marketing cho thành phố Cần Thơ sau dịch bệnh.	Trần Thị Kim Ngân	Nguyễn Trương Lai	Đề tài “Thực trạng và giải pháp khai thác tài nguyên du lịch thành phố Cần Thơ giai đoạn 2022 – 2025” được nghiên cứu và thực hiện với mục tiêu tìm ra giải pháp phù hợp cho hoạt động Marketing của TP. Cần Thơ, trên cơ sở phát huy những điểm mạnh và khắc phục những hạn chế trong quá trình hoạt động Marketing của thành phố. Để thực hiện ba nhiệm vụ lớn nhất của thành phố là lợi nhuận, vị thế và an toàn thì việc xây dựng các giải pháp Marketing là nhiệm vụ vô cùng quan trọng. Để đạt được mục tiêu trên, cần tiến hành nghiên cứu phân tích thực trạng hoạt động Marketing cho du lịch thành phố, những nhân tố môi trường vi mô, môi trường vĩ mô ảnh hưởng đến hoạt động du lịch của TP. Cần Thơ; Từ đó, đưa ra giải pháp về các chiến lược sản phẩm, giá, phân phối, chiêu thị để giúp TP. Cần Thơ nâng cao quả hoạt động Marketing và nâng cao ưu thế cạnh tranh của bản thân trên thị trường cạnh tranh khốc liệt và

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					khó khăn như hiện nay.
131.	Đại học	Thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ buồng phòng tại Victoria Cần Thơ Resort	Phạm Đỗ Phương Trang	Nguyễn Tương Lai	Đề tài “ Thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ buồng phòng tại Khu nghỉ dưỡng Victoria Cần Thơ giai đoạn 2022 - 2025 ” đề ra với mục tiêu là phân tích thực trạng hoạt động buồng phòng và các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ buồng phòng của Victoria Cần Thơ trong giai đoạn 2019 - 2021, từ đó đưa ra giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ buồng phòng trong giai đoạn 2022 - 2025 nhằm thu hút khách, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh và khẳng định vị thế trên thị trường.
132.	Đại học	Thực trạng và giải pháp marketing của công ty TNHH dịch vụ và du lịch Seven	Nguyễn Thị Cẩm Trúc	Nguyễn Tương Lai	Với mong muốn vận dụng những kiến thức đã học và những kinh nghiệm thực tế trong quá trình thực tập để phân nào cải thiện hiệu quả hoạt động kinh doanh Marketing cho Công ty TNHH Dịch vụ & Du lịch Seven phát huy những điểm mạnh và khắc phục những hạn chế trong quá trình hoạt động Marketing của doanh nghiệp, cũng như góp phần nhỏ vào việc xây dựng nền du lịch vững mạnh cho đất nước. Để thực hiện ba nhiệm vụ lớn nhất của doanh nghiệp là lợi

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					nhuận, vị thế và an toàn thì việc xây dựng các giải pháp Marketing là nhiệm vụ vô cùng quan trọng. Để đạt được mục tiêu trên, cần tiến hành nghiên cứu phân tích thực trạng hoạt động Marketing của công ty, những nhân tố môi trường vĩ mô, môi trường vĩ mô ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; Từ đó, đưa ra giải pháp về sản phẩm, giá, phân phối, chiêu thị, con người, quy trình cung ứng, cơ sở vật chất để giúp công ty nâng cao hiệu quả hoạt động Marketing và nâng cao ưu thế cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường cạnh tranh khốc liệt như hiện nay.
133.	Đại học	Thực trạng và sự hài lòng của du khách đối với hình ảnh điểm đến du lịch Miếu Bà Chúa Xứ Núi Sam tại Châu Đốc - An Giang	Lê Hoàng Ân	Trần Minh Hùng	đề tài khóa luận “ Thực trạng và sự hài lòng của du khách đối với hình ảnh điểm đến du lịch Miếu Bà Chúa Xứ Núi Sam tại Châu Đốc - An Giang ” bằng những dữ liệu sơ cấp và thứ cấp sẽ thể hiện các nội dung về thực trạng hoạt động khai thác của Miếu Bà Chúa Xứ Núi Sam hiện nay; phân tích, đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến hình ảnh của Miếu Bà Chúa Xứ Núi Sam thông qua khảo sát sự hài lòng

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					của du khách. Trên cơ sở kết quả đạt được sau khi phân tích, đánh giá thì nghiên cứu này sẽ tiến hành đề xuất các khuyến nghị đối với các cơ quan đang khai thác, vận hành của Miếu Bà Chúa Xứ Núi Sam nhằm nâng cao hình ảnh cũng như nâng cao lợi thế cạnh tranh, hiệu quả kinh tế xã hội. Trong nghiên cứu này, tác giả sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng kết hợp với phương pháp thống kê mô tả, kiểm định độ tin cậy Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố khám phá (EFA), kiểm định các thang đo bằng phương pháp hồi quy tuyến tính bội trên phần mềm SPSS 26 với dữ liệu thu thập từ 149 du khách đã tham quan Miếu Bà Chúa Xứ Núi Sam tại Châu Đốc – An Giang
134.	Đại học	Giải pháp nhằm nâng cao chất lượng phục vụ của bộ phận lễ tân tại khách sạn TTC Premium Cần Thơ	Phan Thị Tuyết Nhi	Trần Minh Hùng	Giới thiệu về khách sạn TTC Premium Cần Thơ và tình hình kinh doanh của khách sạn trong giai đoạn 2019 - 2021. Và bằng kết quả điều tra thực tế chúng ta thấy được thực trạng chất lượng phục vụ tại bộ phận Lễ tân khách sạn TTC Premium Cần Thơ. Thực hiện khảo sát khách hàng bằng phương pháp phát phiếu

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					khảo sát tại khách sạn, từ đó thống kê bằng phần mềm SPSS 26 nhằm biết được các yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến chất lượng phục vụ của bộ phận lễ tân tại khách sạn TTC Premium Cần Thơ. Dựa trên cỡ mẫu thu thập 150 khách hàng lưu trú tại khách sạn và bằng phương pháp phân tích nhân tố khám phá kết hợp với phương pháp hồi quy tuyến tính, kết quả nghiên cứu cho thấy có 4 nhân tố có tác động tích cực đến chất lượng phục vụ của bộ phận lễ tân bao gồm: Tính hữu hình, Khả năng đáp ứng, Sự đảm bảo, Sự cảm thông. Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng phục vụ tại bộ phận Lễ tân khách sạn TTC Premium Cần Thơ.
135.	Đại học	Giải pháp khai thác E-Marketing cho công ty TNHH Thương Mại Du lịch và Sự kiện IDO giai đoạn 2022 - 2025	Tăng Lữ Ái Quỳnh	Trần Minh Hùng	Đề tài <i>“Giải pháp khai thác E-Marketing cho Công ty TNHH Thương Mại Du Lịch và Sự Kiện IDO giai đoạn 2022 - 2025”</i> được tác giả nghiên cứu và thực hiện với mục tiêu tìm ra giải pháp phù hợp cho hoạt động Marketing online phù hợp cho công ty, trên cơ sở phát huy những điểm mạnh hiện có và khắc phục những hạn

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					chế trong quá trình hoạt động Marketing của doanh nghiệp trong 3 năm vừa qua để từ đó góp phần định hướng giúp công ty giải quyết với những khó khăn và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh trong thời gian tới.
136.	Đại học	Thực trạng và sự hài lòng của du khách đối với điểm du lịch Làng Hoa Sa Đéc	Quách Minh Khương	Trần Minh Hùng	Với đề tài “Thực trạng và sự hài lòng của du khách đối với Làng Hoa Sa Đéc” sẽ cung cấp thông tin chi tiết về nơi đây như quá trình hình thành, phát triển ra sao. Từ đó cũng nêu lên được thực trạng của Làng Hoa còn nhiều bất cập. Ngoài ra, mục tiêu của nghiên cứu nhằm xác định các thuộc tính điểm đến du lịch tác động đến sự hài lòng của du khách đến với Làng Hoa Sa Đéc TP. Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp. Dữ liệu của nghiên cứu được thu thập qua cuộc khảo sát 150 du khách đã đến Làng Hoa Sa Đéc. Các phương pháp kiểm định Cronbach's Alpha, phương pháp phân tích nhân tố khám phá (EFA) và hồi quy tuyến tính đa biến được sử dụng cho phân tích số liệu. Kết quả nghiên cứu cho thấy có bảy biến độc lập được đưa vào mô hình, trong đó còn năm biến độc lập là Thái độ, Môi trường, Chất lượng các dịch vụ,

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					Giá cả, An ninh trật tự ảnh hưởng đến sự hài lòng của du khách có ý nghĩa thống kê. Trên cơ sở này, một số hàm ý quản trị điểm đến du lịch được đề xuất đến địa phương, các doanh nghiệp và cư dân nơi đây góp phần phát triển thêm Làng hoa Sa Đéc để có thể giữ gìn làng nghề truyền thống hàng ngàn năm tuổi này.
137.	Đại học	Hoạch định chiến lược Marketing dịch vụ lưu trú tại khách sạn Holiday One Cần Thơ giai đoạn 2022-2026	Trịnh Thanh Tuyền	Lê Thị Nhã Ca	Đề tài "Hoạch định chiến lược Marketing dịch vụ lưu trú tại khách sạn Holiday One Cần Thơ giai đoạn 2022 - 2026" đề ra với mục tiêu là hoạch định chiến lược Marketing dịch vụ lưu trú, phân tích môi trường vĩ mô, vĩ mô, phân tích ma trận SWOT, từ đó đưa ra chiến lược Marketing cho khách sạn trong giai đoạn 2022 – 2026 nhằm thu hút khách du lịch, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh và khẳng định vị thế trên thị trường.
138.	Đại học Luật kinh tế 13A	Pháp luật về chế độ tài sản của vợ chồng theo luật định.	Trương Thị Tường Vi	Ths. Nguyễn Anh Thư	
139.	Đại học Luật kinh tế 13A	Pháp luật về hợp đồng thương mại điện tử. Thực trạng và hướng hoàn thiện.	Đào Thị Hoàng Quyên	Ths. Trương Kim Phụng	
140.	Đại học	Quy định pháp luật về	Lê Thị Cẩm	Ths. Nguyễn	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
	Luật kinh tế 13A	các biện pháp bảo đảm Thi hành án dân sự.	My	Hồng Chi	
141.	Đại học Luật kinh tế 13A	Pháp luật về Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất bị vô hiệu. Lý luận và thực tiễn.	Nguyễn Diễm Trang	Ths. Trương Kim Phụng	
142.	Đại học Luật kinh tế 13A	Pháp luật về bảo vệ quyền lợi của cổ đông thiểu số trong công ty cổ phần ở Việt Nam.	Nguyễn Huỳnh Ngọc Mai	Ths. Trương Kim Phụng	
143.	Đại học Luật kinh tế 13B	Bảo hộ quyền tác giả trong lĩnh vực âm nhạc – Thực trạng và giải pháp hoàn thiện.	Tạ Mộng Nghi	Ths. Võ Hồng Lĩnh	
144.	Đại học Luật kinh tế 13B	Pháp luật về hoạt động công chứng, chứng thực giao dịch quyền sử dụng đất. Thực tiễn trên địa bàn thành phố Cần Thơ.	Phạm Nhựt Thư	Ths. Lâm Hồng Loan Chi	
145.	Đại học Luật kinh tế 13B	Pháp luật về bảo vệ người lao động chưa thành niên ở Việt Nam. Bất cập và giải pháp hoàn thiện.	Ngô Nguyễn Phương Thùy	Ths. Lâm Hồng Loan Chi	
146.	Đại học Luật kinh tế 13B	Quy định và đề xuất hoàn thiện về Tội đầu cơ theo quy định của pháp luật Hình sự Việt Nam.	Phan Hoàng Sơn Tây	Ths. Lâm Hồng Loan Chi	
147.	Đại học Luật kinh tế 13B	Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định của pháp luật hình sự. Thực trạng và giải	Võ Thị Ngọc Thùy	Ths. Nguyễn Minh Nhật	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		pháp.			
148.	Đại học Luật kinh tế 13B	Áp dụng pháp luật về tội đánh bạc trong bộ luật hình sự Việt Nam. Thực trạng và giải pháp.	Đỗ Nhật Nam	Ths. Nguyễn Minh Nhật	
149.	Đại học Luật kinh tế 13B	Tội buôn lậu theo quy định của pháp luật Hình sự Việt Nam.	Võ Khánh Bằng	Ths. Nguyễn Hồng Chi	
150.	Đại học Luật kinh tế 13B	Giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại bằng phương thức tòa án.	Đinh Bảo Trân	Ths. Trương Kim Phụng	
151.	Đại học Luật kinh tế 13B	Trách nhiệm bồi thường thiệt hại do cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự gây ra.	Huỳnh Thị Thúy An	Ths. Nguyễn Hồng Chi	
152.	Đại học Luật kinh tế 13B	Pháp luật về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu - Thực trạng và giải pháp hoàn thiện.	Trần Thùy Dương	Ths. Võ Hồng Lĩnh	
153.	Đại học Luật kinh tế 13B	Pháp luật Việt Nam về xử lý đối với hành vi mua bán và sử dụng trái phép chất ma túy - Thực trạng và giải pháp hoàn thiện.	Lê Thị Thanh Nhi	Ths. Võ Hồng Lĩnh	
154.	Đại học	Tính cách văn hóa người Việt vùng Tây Nam Bộ qua truyện ngắn của Nguyễn	Lê Hồ Nhựt An	Nguyễn Thúy Diễm	Công trình nghiên cứu tính cách văn hóa của người Việt qua bộ truyện ngắn của nhà văn NNT. Một trong những tích cách văn hóa đặc trưng được thể hiện như

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		Ngọc Tư			tính thẳng thắn, bộc trực, trọng nghĩa của người Nam Bộ hay còn gọi là tính cách văn hóa sông nước Tây Nam Bộ. Công trình góp phần nhận diện phong cách sáng tác của nhà văn NNT.
155.	Đại học	Đời sống vật chất của con người qua tục ngữ Việt Nam	Nguyễn Thảo Trâm	Phạm Thu Hằng	Đề tài “Văn hóa vật chất trong tục ngữ Việt Nam” giúp người đọc có cái nhìn trọn vẹn đời sống vật chất của con người Việt Nam như: quan niệm về ăn uống, trang phục, tiền bạc, của cải, nhà cửa, phương tiện di chuyển, kinh nghiệm trong lao động sản xuất...
156.	Đại học	Truyện ngắn Bình Nguyên Lộc nhìn từ thi pháp nghệ thuật không gian và thời gian	Phan Thị Thúy Ngọc	Nguyễn Minh Ca	Nghiên cứu thi pháp học về mặt không gian và thời gian trong truyện ngắn Bình Nguyên Lộc là nghiên cứu những đặc điểm bên ngoài của tác phẩm văn chương. Công trình lí giải cho vấn đề: nhà văn đã sử dụng các biện pháp nghệ thuật nào về mặt KG và TG để làm bật nổi lên những tính cách của nhân vật, làm bật nổi không gian và thời gian văn hóa của vùng đất Nam Bộ. Đồng thời, công trình góp phần nhận được đặc trưng về phong cách của nhà văn.
157.	Đại học	Tìm hiểu một số địa danh tiêu biểu tại TPCT dưới góc độ ngôn ngữ và văn hóa	Mai Nguyễn Thảo Nguyên	Tăng Tấn Lộc	Đề tài tiến hành nghiên cứu tìm hiểu các địa danh tiêu biểu trên địa bàn TPCT dưới góc nhìn ngôn ngữ và văn hóa. Ở góc độ ngôn ngữ, khảo sát địa danh chỉ

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					thực vật, địa danh chỉ địa hình, địa danh chỉ nghề nghiệp. Ở góc độ văn hóa, khảo sát địa danh là di tích lịch sử, văn hóa, địa danh là danh lam thắng cảnh.
158.	Đại học KT Điện – Điện tử 13	Nghiên cứu chế tạo mô hình nhà thông minh.	Lê Huỳnh Ngọc Phú	ThS. Nguyễn Vĩnh Thành	
159.	Đại học KT Điện – Điện tử 13	Cải tiến hệ thống giám sát các thông số chất lượng nước cho ao nuôi trồng thủy sản.	Đoàn Thị Thúy Duy	ThS. Lê Tấn Mỹ	
160.	Đại học KT Điện – Điện tử 13	Nghiên cứu chế tạo mô hình nhà thông minh.	Lê Quốc Vinh	ThS. Nguyễn Vĩnh Thành	
161.	Đại học KT Điện – Điện tử 13	Cải tiến hệ thống giám sát các thông số chất lượng nước cho ao nuôi trồng thủy sản.	Nguyễn Phước Tấn	ThS. Lê Tấn Mỹ	
162.	Đại học CNTT 13	Hệ thống cứu hộ ô tô (Module 01)	Lê Vũ Linh	ThS. Lâm Tấn Phương	
163.	Đại học CNTT 13	Nghiên cứu và xây dựng hệ thống truy vết Covid ứng dụng cho trường Đại học Tây Đô (Module 02)	Nguyễn Minh Nhuận	ThS. Lâm Tấn Phương	
164.	Đại học CNTT 13	Hệ thống chia sẻ Xe Ô tô	Nguyễn Thành Đạt	ThS. Lâm Tấn Phương	
165.	Đại học CNTT	Nghiên cứu và xây dựng hệ thống truy vết	Nguyễn Trường An	ThS. Lâm Tấn Phương	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
	13	Covid ứng dụng cho trường Đại học Tây Đô (Module 01)			
166.	Đại học CNTT 13	Hệ thống cứu hộ ô tô (Module 02)	Âu Nguyễn Khôi Nguyên	ThS. Lâm Tấn Phương	
167.	Đại học CNKTC T Xây dựng 13	TKKT Chung cư A4 Phan Xích Long , Quận Phú Nhuận, TP HCM	Nguyễn Ngọc Thuận	ThS. Lã Hồng Hải	
168.	Đại học CNKTC T Xây dựng 13	TKKT Trường THCS Trần Hưng Đạo TP Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	Mai Văn Kỳ	ThS. Nguyễn Trường Giang	
169.	Đại học CNKTC T Xây dựng 13	TKKT chi nhánh ngân hàng BIDV Ninh Thuận	Ngô Thanh Quý	ThS. Lã Hồng Hải	
170.	Đại học CNKTC T Xây dựng 13	TKKT trụ sở công an quận Thốt Nốt, TP Cần Thơ.	Lâm Ngọc Thơ	ThS. Đỗ Trần Như Vân	
171.	Đại học CNKTC T Xây dựng 13	TKKT Trụ sở VNPT Tiền Giang	Phạm Trương Phước Anh	ThS. Đỗ Trần Như Vân	
172.	Đại học	Kế toán và phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh tại chi nhánh Vĩnh Long - Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải	Nguyễn Thị Hoàng Yến	ThS. Thái Thị Bích Trân	Đề doanh nghiệp phân tích được các chi phí và doanh thu, lợi nhuận và các tỷ số tài chính nhằm cung cấp thông tin cho nhà quản lý để đưa ra các quyết định để tối đa hóa lợi nhuận và chính sách điều chỉnh chi phí phù hợp để phát triển doanh nghiệp. Xác định kết quả kinh doanh và phân

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					tích hiệu quả hoạt động kinh doanh tại doanh nghiệp giúp doanh nghiệp nhận thức đúng về tình trạng hoạt động kinh doanh tại doanh nghiệp. So sánh báo cáo kết quả kinh doanh của doanh nghiệp tại 3 năm liên tiếp để thấy rõ được hoạt động của doanh nghiệp.
173.	Đại học	Các nhân tố ảnh hưởng đến vận dụng chế độ kế toán trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Thành phố Cần Thơ	Phạm Huỳnh Minh Thư	ThS. Huỳnh Thị Cẩm Thơ	Đề tài được thực hiện nhằm mục tiêu phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến việc vận dụng chế độ kế toán của doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Thành phố Cần Thơ. Nghiên cứu này, rút ra một số nhân tố tiêu biểu phản ánh việc vận dụng chế độ kế toán được trình bày theo các nhóm sau đây: Hệ thống văn bản kế toán; Trình độ của kế toán viên; Quy mô và đặc điểm của doanh nghiệp; Ảnh hưởng của thuế; Nhận thức của chủ doanh nghiệp và Người sử dụng thông tin kế toán. Kết quả nghiên cứu thu được đảm bảo cơ sở khoa học và đáng tin cậy. Qua kết quả kiểm định, đánh giá thang đo 05 yếu tố ảnh hưởng đến việc vận dụng chế độ kế toán của doanh nghiệp nhỏ và vừa tại trên địa bàn quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ lần lượt là: Nhân tố Hệ thống văn bản pháp luật và

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					kế toán có tác động mạnh nhất với hệ số $B = 0,224$, tiếp đến là nhân tố Trình độ của kế toán viên với hệ số $B = 0,207$, Quy mô của doanh nghiệp với hệ số $B = 0,174$, nhận thức của chủ doanh nghiệp với hệ số $B = 0,150$ và cuối cùng là Người sử dụng thông tin kế toán với hệ số $B = 0,083$.
174.	Đại học	Các yếu tố quyết định đến lựa chọn dịch vụ kế toán của các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại địa bàn TP. Cần Thơ	Đinh Ngọc Nhật Hạ	ThS. Đinh Công Hiến	Nghiên cứu này được thực hiện nhằm: (1) Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn DVKT của các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại thành phố Cần Thơ; (2) Xác định mức độ tác động của các yếu tố đến quyết định DVKT của các DNNVV tại TPCT; (3) Đánh giá sự khác nhau về giới tính, chức vụ, đối tượng cung cấp dịch vụ, đến quyết định lựa chọn DVKT của các DNNVV tại TP. Cần Thơ. Dựa trên những phân tích về vấn đề nghiên cứu và các lý thuyết có liên quan về quyết định lựa chọn DV của tác giả trong và ngoài nước. Kết hợp nghiên cứu định tính và nghiên cứu sơ bộ định lượng, mô hình nghiên cứu đã được xây dựng gồm 6 yếu tố tác động đến quyết định lựa chọn DVKT của các DNNVV tại khu vực TPCT. Nghiên cứu được tiến hành qua 2 bước là nghiên cứu sơ

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					bộ và nghiên cứu chính thức. Nghiên cứu sơ bộ (định tính và định lượng) được thực hiện qua kỹ thuật thảo luận nhóm lấy ý kiến chuyên gia (n=9). Từ kết quả nghiên cứu sơ bộ, nghiên cứu định lượng chính thức được thực hiện bằng việc khảo sát chính thức với 270 mẫu doanh DNNVV tại khu vực TPCT. Kết quả nghiên cứu chính thức cho thấy: Sau khi kiểm định hệ số Crobach's Alpha và phân tích yếu tố EFA, thang đo quyết định lựa chọn DVKT của các DNNVV gồm 6 yếu tố là: (1) Đối tượng cung cấp dịch vụ, (2) Lợi ích chuyên môn, (3) Lợi ích cảm nhận, (4) Giá phí, (5) Khả năng đáp ứng, (6) Ảnh hưởng của xã hội. Phân tích tương quan, hồi quy cho thấy 6 yếu tố trên ảnh hưởng có ý nghĩa đến quyết định lựa chọn DVKT, trong đó yếu tố “Ảnh hưởng của xã hội” có sự ảnh hưởng mạnh nhất. Tiếp theo, tác giả kiểm định giả thuyết và kiểm định sự khác biệt về quyết định lựa chọn DVKT các thông tin chung. Từ kết quả phân tích hồi quy và kết quả thống kê quyết định lựa chọn DVKT của các doanh nghiệp nhỏ và vừa theo từng yếu tố, qua đó tác giả đã đưa ra những kiến nghị nhằm

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					giúp cho đối tượng cung cấp dịch vụ kế toán hiểu được những vấn đề quan tâm của khách hàng về lợi ích mà dịch vụ kế toán có thể đem lại cho họ để từ đó nâng cao chất lượng dịch vụ, mở rộng thị trường dịch vụ góp phần đưa thị trường DVKT phát triển sâu và rộng trở thành ngành dịch vụ mang lại thu nhập cao và đóng góp đáng kể vào GDP của thành phố Cần Thơ nói riêng và cả nước nói chung
175.	Đại học	Giải pháp hoàn thiện công tác thu chi Ngân sách Nhà nước tại Ủy ban Nhân dân thị xã Long Mỹ Hậu Giang	Hồ Thị Thúy Vi	TS. Nguyễn Thiện Phong	Nghiên cứu Kế toán nguồn kinh phí hoạt động tại đơn vị từ khâu lập dự toán cho đến khâu thực tế phân bổ và quyết toán, với ba phần cơ bản là Kế toán nguồn kinh phí các khoản thu, chi ngân sách và các giải pháp hoàn thiện công tác thu, chi tại Ủy ban nhân dân thị xã Long Mỹ. thực trạng công tác kế toán đối với nguồn kinh phí hoạt động, các khoản thu, chi ngân sách. Tác giả đã đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác thu, chi NSNN tại thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang luận và kiến nghị nhằm nâng cao hơn nữa sự hiệu quả của công tác kế toán tại Phòng Tài chính – Kế hoạch thị xã Long Mỹ. Tuy nhiên nghiên cứu này chỉ thực hiện được ở một nhóm mẫu choja đại diện hết cho

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					tất cả các Phòng Tài chính - Kế hoạch tại tỉnh Hậu Giang nói riêng và toàn quốc nói chung.
176.	Đại học	Các yếu tố ảnh hưởng đến tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ tại Công ty TNHH Thanh Khôi	Nguyễn Thị Thảo Quyên	ThS. Huỳnh Thị Cẩm Thơ	Nghiên cứu nhằm xác định tác động ảnh hưởng của các yếu tố lên hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị, đề xuất một số kiến nghị để hoàn thiện hơn nữa hệ thống kiểm soát nội bộ và đạt được tính hữu hiệu một cách tốt nhất cho hoạt động kinh doanh của công ty. Kết quả cho thấy, các yếu tố có ảnh hưởng đến tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ lần lượt là: thông tin và truyền thông có tác động mạnh nhất với hệ số $B = 0,361$, tiếp đến là yếu tố đánh giá rủi ro và hoạt động kiểm soát đều có cùng hệ số $B = 0,235$, giám sát với hệ số $B = 0,193$ và cuối cùng là yếu tố môi trường kiểm soát với hệ số $B = 0,173$. Bên cạnh đó, dựa trên kết quả nghiên cứu, tác giả đã đề xuất một số khuyến nghị để doanh nghiệp xem xét về những lợi ích mà KSNB mang lại, nhằm nâng cao tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ tại công ty.
177.	Đại học	Các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng BCTC của các công ty thuộc nhóm ngành xây dựng trên địa bàn tỉnh Kiên	Nguyễn Thảo Vy	ThS. Đinh Công Hiến	Đề tài được thực hiện nhằm mục tiêu phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến thông tin trên báo cáo tài chính của các công ty xây dựng trên địa bàn tỉnh Kiên

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		Giang			Giang và đề xuất một số khuyến nghị khả thi nhằm hỗ trợ cho các công ty xây dựng lập báo cáo tài chính hiệu quả hơn. Kết quả nghiên cứu sẽ trả lời các câu hỏi: “ Các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng thông tin kế toán trên báo cáo tài chính của các công ty xây dựng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang”, “ Mức độ của các nhân tố này ảnh hưởng đến chất lượng thông tin kế toán trên báo cáo tài chính của các công ty xây dựng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang”. Qua kết quả kiểm định, đánh giá thang đo 06 nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng thông tin kế toán trên báo cáo tài chính của các công ty xây dựng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang lần lượt là: Nhân tố đặc điểm của công ty xây dựng có tác động mạnh nhất với hệ số $\beta = 0,298$, tiếp đến là nhân tố chính sách thuế với hệ số $\beta = 0,231$, ứng dụng công nghệ thông tin với hệ số $\beta = 0,182$, hệ thống kiểm soát nội bộ với hệ số $\beta = 0,172$, nhà quản trị với hệ số $\beta = 0,170$ và cuối cùng là trình độ nhân viên kế toán với hệ số $\beta = 0,133$. Dựa trên kết quả nghiên cứu, tác giả đã đề xuất một số khuyến nghị đề công ty xem xét về những lợi ích mà thông tin kế toán trên BCTC mang lại, giúp

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					cho công ty lập BCTC
178.	Đại học	Các nhân tố ảnh hưởng đến rủi ro tín dụng của cá nhân tại ngân hàng TMCP Kiên Long chi nhánh Cần Thơ	Nguyễn Thùy Dương	Ts. Tất Duyên Thư	Nghiên cứu “Các nhân tố ảnh hưởng đến rủi ro tín dụng khách hàng cá nhân tại ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Kiên Long chi nhánh Cần Thơ” được phân tích qua mô hình Logistic.. Kết quả nghiên cứu của đề tài dựa trên số liệu thu nhập từ 150 KHCN vay thế chấp tại ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Kiên Long chi nhánh Cần Thơ, cho thấy rủi ro tín dụng của KHCN phụ thuộc vào 4 yếu tố là: nghề nghiệp, thu nhập hàng tháng, thời hạn vay, mục đích sử dụng vốn của khách hàng với mức ý nghĩa thống kê 5%,10%. Dựa vào kết quả nghiên cứu có được tác giả đã đưa ra một số giải pháp và kiến nghị nhằm giúp hoạt động tín dụng cá nhân của ngân hàng thương mại cổ
179.	Đại học	Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng dịch vụ Mobile Banking của Khách hàng cá nhân tại Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Cần Thơ - Phòng Giao dịch Cái Răng	Nguyễn Thị Ngọc Trúc	Ths. Nguyễn Trí Dũng	Nghiên cứu này nhằm mục tiêu là nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng dịch vụ Mobile Banking của khách hàng cá nhân tại Ngân hàng TMCP An Bình – Chi nhánh Cần Thơ – Phòng Giao dịch Cái Răng, từ đó đề xuất các hàm ý quản trị phù hợp nhằm thu hút hơn khách hàng đến với dịch vụ Mobile Banking của Ngân hàng tại Chi nhánh Cần Thơ –

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					Phòng Giao dịch Cái Răng. Nghiên cứu này đã xác định được 6 nhân tố tác động đến quyết định sử dụng Mobile Banking tại Ngân hàng TMCP – Chi nhánh Cần Thơ – Phòng Giao dịch Cái Răng gồm: Sự dễ dàng sử dụng, Cảm nhận sự hữu ích, Ảnh hưởng xã hội, Lợi ích tài chính, Cảm nhận rủi ro và Hình ảnh về ngân hàng cung cấp dịch vụ. Thông qua bảng câu hỏi khảo sát, sử dụng phân tích hồi quy tuyến tính bội thông qua phần mềm SPSS 20.0 với cỡ mẫu là 160 quan sát. Bằng phương pháp phân kiểm định độ tin cậy của thang đo bằng hệ số Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố khám phá (EFA), phân tích hồi quy đa biến và kiểm định sự khác biệt (ANOVA) để sử dụng trong nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu thấy có 5 nhân tố sự dễ dàng sử dụng, cảm nhận sự hữu ích, ảnh hưởng xã hội, lợi ích tài chính và hình ảnh về ngân hàng cung cấp dịch vụ ảnh hưởng thuận chiều đến quyết định sử dụng dịch vụ, riêng nhân tố cảm nhận về rủi ro có tác động ngược chiều đến quyết định sử dụng dịch vụ. Đồng thời, qua phân tích cho thấy rằng nhân tố tác động mạnh nhất là nhân tố Ảnh hưởng xã hội

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					và nhân tố có ảnh hưởng thấp nhất là Cảm nhận sự hữu ích.
180.	Đại học	Các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng trả nợ đúng hạn của Khách hàng cá nhân vay vốn tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Giồng Riềng Kiên Giang II	Nguyễn Thị Ngọc Diễm	Ths. Phan Ngọc Bảo Anh	Nội dung nghiên cứu của đề tài là phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của KHCN tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Giồng Riềng Kiên Giang II thông qua mô hình hồi quy nhị phân Binary Logistic. Từ đó, đề xuất một số giải pháp có liên quan để giúp chi nhánh nâng cao hiệu quả hoạt động tín dụng cá nhân, đồng thời hạn chế được rủi ro tín dụng cá nhân đến mức thấp nhất. Kết quả nghiên cứu của đề tài dựa trên số liệu thu thập được từ 135 KHCN vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Giồng Riềng Kiên Giang II, cho thấy khả năng trả nợ của KHCN phụ thuộc vào 5 nhân tố: tình trạng hôn nhân, nghề nghiệp, số tiền vay, mục đích vay, vốn tự có, với ý nghĩa thống kê cao. Trong đó, nhân tố: tình trạng hôn nhân, nghề nghiệp, mục đích vay, vốn tự có là tác động cùng chiều; nhân tố: số tiền vay là tác động ngược chiều đến khả năng trả nợ vay của KHCN. Dựa vào kết quả nghiên cứu có được, tác giả đã đưa ra một số

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					giải pháp và kiến nghị nhằm giúp hoạt động tín dụng cá nhân của Chi nhánh được hiệu quả hơn và an toàn hơn.
181.	Đại học	Các nhân tố ảnh hưởng đến rủi ro tín dụng của khách hàng cá nhân tại NH TMCP Á Châu Chi nhánh Cần Thơ - PGD Tây Đô	Võ Thế Văn	Ths. Phan Ngọc Bảo Anh	Trong nghiên cứu này, phương pháp định lượng được sử dụng để phân tích và xác định mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến rủi ro tín dụng. Từ đó đánh giá sự biến động trong giá trị của các chỉ tiêu phản ánh hoạt động tín dụng nói chung và các chỉ tiêu phản ánh rủi ro tín dụng nói riêng. Kết quả hồi quy Binary Logistic cho thấy 6 nhân tố tác động đến rủi ro tín dụng của KHCN tại PGD Tây Đô gồm: <i>Kiểm tra mục đích vốn vay, Trình độ học vấn, Kinh nghiệm của khách hàng vay, Mức CV/TSDB, Người phụ thuộc, Trình độ học vấn</i> với mức ý nghĩa thống kê cao. Trong đó, nhân tố <i>Nguồn thu nhập</i> là nhân tố tác động mạnh nhất, các nhân tố còn lại xếp theo mức độ tác động giảm dần gồm: <i>Người phụ thuộc, Kiểm tra mục đích vốn vay, Trình độ học vấn, Kinh nghiệm của khách hàng vay, Mức CV/TSDB</i>. Các nhân tố chưa có ý nghĩa thống kê trong mô hình này bao gồm: <i>Tuổi, Giới tính, Tình trạng hôn nhân, Kinh nghiệm của cán bộ</i>
182.	Đại học	Các nhân tố ảnh hưởng	Trần Kim Nghị	Ths. Phan	Đề tài " <i>Các nhân tố ảnh hưởng</i>

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		đến khả năng tiếp cận tín dụng của Doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ	Em	Ngọc Bảo Anh	đến khả năng tiếp cận tín dụng của các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ” được thực hiện thông qua khảo sát 120 doanh nghiệp nhỏ và vừa có đến xin vay vốn tại VietinBank Cần Thơ năm 2020. Mục tiêu của đề tài là phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận tín dụng ngân hàng của các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại VietinBank Cần Thơ. Đề tài được thực hiện từ tháng 02/2021 đến tháng 05/2021. Phương pháp nghiên cứu được sử dụng trong đề tài là thống kê mô tả, so sánh số tuyệt đối, tương đối, phân tích hồi quy Binary Logistic và phân tích tổng hợp. Kết quả của nghiên cứu đã xác định được 4 nhân tố tác động đến khả năng tiếp cận vốn của DNNVV tại VietinBank Cần Thơ trong 7 nhân tố được đưa vào mô hình. Các nhân tố tác động theo mức độ giảm dần là Tổng tài sản, Lịch sử giao dịch, Tiếp cận chính sách và Tỷ số nợ trên tổng tài sản. Trong đó, biến Tỷ số nợ trên tổng tài sản tác động trái chiều với biến phụ thuộc, 3 biến còn lại tác động cùng chiều với biến phụ thuộc. Qua kết quả phân tích, tác

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					giả đã đưa ra các hàm ý quản trị để nâng cao khả năng tiếp cận vốn của DNNVV theo các nhân tố tác động đến mô hình nghiên cứu cũng như các hàm ý quản trị cho VietinBank Cần Thơ và các cơ quan quản
183.	Đại học	Các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng trả nợ vay của học sinh sinh viên tại Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Mỏ Cày Nam tỉnh Bến Tre	Đoàn Thị Trâm Anh	Ths. Phan Ngọc Bảo Anh	Đề tài “ Các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng trả nợ vay của học sinh sinh viên tại Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Mỏ Cày Nam tỉnh Bến Tre” được tiến hành nghiên cứu trên 115 khách hàng vay vốn học sinh sinh viên tại Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Mỏ Cày Nam trong giai đoạn 2019 - 2021. Mục đích chung nhằm nghiên cứu, xác định các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng trả nợ vay của học sinh sinh viên tại Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Mỏ Cày Nam và mức độ tác động của các nhân tố đó. Tác giả sử dụng mô hình hồi quy Binary Logistic để thực hiện nghiên cứu, xác định các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng trả nợ vay của học sinh sinh viên. Kết quả phân tích hồi quy cho thấy có 5 biến có ảnh hưởng đến khả năng trả nợ vay của HSSV tại Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Mỏ Cày Nam với mức ý nghĩa thống kê cao gồm: việc

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					làm của học sinh sinh viên, hệ đào tạo của học sinh sinh viên, học vấn của người vay, tỷ lệ người phụ thuộc và tiền tiết kiệm. Trong đó, biến tiền tiết kiệm là biến có tác động mạnh nhất, các biến còn lại được sắp xếp theo thứ tự tác động giảm dần là Hệ đào tạo của HSSV, Việc làm của HSSV sau khi ra trường, Học vấn của người vay, Tỷ lệ người phụ thuộc. Qua kết quả đạt được, đề tài đưa ra một số hàm ý quản trị và kiến nghị nhằm nâng cao khả năng trả nợ vay của học sinh sinh viên tại Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Mỏ Cày Nam.
184.	Đại học	Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định vay vốn của khách hàng cá nhân tại NH TMCP Á Châu – PGD Ninh Kiều	Trương Ngọc Toán	Ths. Nguyễn Trí Dũng	Đề tài “Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định vay vốn của khách hàng cá nhân tại Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu - Phòng Giao dịch Ninh Kiều trên địa bàn thành phố Cần Thơ” nhằm mục đích xác định mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đối với người đi vay. Nghiên cứu được thực hiện bằng cách khảo sát 170 khách hàng tại ACB Ninh Kiều bằng bảng câu hỏi và thu về 150 quan sát phù hợp, từ các dữ liệu thu thập được tác giả xử lý bằng phần mềm SPSS 20.0 để định lượng từng yếu tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					dịch vụ cho vay tại ACB Ninh Kiều. Kết quả phân tích hồi quy cho thấy có 5 nhân tố đề xuất ảnh hưởng đến quyết định sử dụng dịch vụ cho vay tại ACB Ninh Kiều. Mô hình giải thích được 58,3% biến thiên. Nhân tố ảnh hưởng mạnh đến quyết định sử dụng dịch vụ cho vay mà Ngân hàng cần quan tâm là “Nhân viên ngân hàng”, “Lợi ích tài chính”, “Ảnh hưởng của người thân quen”, “Sự thuận tiện”, “Mức độ đáp ứng” để có sự cạnh tranh tốt hơn.
185.	Đại học	Các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của khách hàng cá nhân tại Ngân hàng TMCP Phương Đông - PGD Rạch Giá	Phạm Thị Thu Thủy	Ths. Phan Ngọc Bảo Anh	Khóa luận này được thực hiện với mục tiêu tìm hiểu “ Các nhân tố ảnh hưởng đến KNTN vay của KHCN tại Ngân hàng TMCP Phương Đông – PGD Rạch Giá ”. Trong 6 biến tác động thì có 4 biến có tác động cùng chiều với KNTN bao gồm số tiền vay, tình trạng hôn nhân, trình độ học vấn của người vay, độ tuổi và 2 biến thời hạn vay, số người phụ thuộc có tác động nghịch chiều đến KNTN. Từ kết quả nghiên cứu, tác giả đã đưa ra kết luận và đề xuất một số giải pháp nâng cao KNTN vay của KHCN tại Ngân hàng TMCP Phương Đông – PGD Rạch Giá, tập trung vào các nhóm giải pháp gồm giải

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					pháp hạn chế KNTN không đúng hạn đề xuất thông qua kết quả nghiên cứu, giải pháp nâng cao chất lượng gồm giải pháp hạn chế KNTN không đúng hạn đề xuất thông qua kết quả nghiên cứu, giải pháp nâng cao chất lượng phân tích, thẩm định hồ sơ vay và giải pháp chú trọng công tác quản lý, kiểm tra, giám sát chặt chẽ quá trình cho vay, sử dụng vốn vay và trả nợ của khách hàng
186.	Đại học	Các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng trả nợ vay của hộ nghèo tại Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Mô Cày Nam tỉnh Bến Tre	Lê Hạnh Nguyên	Ths. Phan Ngọc Bảo Anh	Đề tài “Các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng trả nợ vay của hộ nghèo tại Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Mô Cày Nam tỉnh Bến Tre”. Kết quả kiểm định mô hình hồi quy cho thấy có 8 biến có ý nghĩa thống kê gồm: giới tính của người đi vay, trình độ học vấn của người đi vay, tỷ lệ thành viên có thu nhập, thu nhập hàng tháng của hộ, số tiền vay, tỷ lệ vốn tự có trong dự án, tiết kiệm của hộ và thời hạn vay có ảnh hưởng đến khả năng trả nợ vay của hộ nghèo tại Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Mô Cày Nam tỉnh Bến Tre. Trong đó, biến tiết kiệm của hộ có tác động mạnh nhất đến

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					biến phụ thuộc “khả năng trả nợ vay hộ nghèo”. Các biến độc lập như: giới tính của người đi vay, trình độ học vấn của người đi vay, tỷ lệ thành viên có thu nhập, số tiền vay, tỷ lệ vốn tự có trong dự án, tiết kiệm của hộ có ý nghĩa thống kê với mức ý nghĩa 5%, hai biến còn lại là biến thu nhập hàng tháng của hộ và thời hạn vay có ý nghĩa thống kê với mức ý nghĩa 10%.
187.	Đại học	Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng thẻ tín dụng của khách hàng cá nhân tại Thành phố Cần Thơ	Hà Thị Kiều Anh	Ths. Phan Ngọc Bảo Anh	Đề tài "Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng thẻ tín dụng của KHCN tại Thành phố Cần Thơ" được thực hiện nhằm xác định và đo lường mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến quyết định sử dụng thẻ tín dụng của KHCN tại Thành phố Cần Thơ. Các phương pháp phân tích được sử dụng trong đề tài gồm thống kê mô tả, kiểm định độ tin cậy bằng hệ số Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố khám phá, phân tích hồi quy đa biến và kiểm định T - test, ANOVA. Kết quả nghiên cứu cho thấy có 4 nhân tố ảnh hưởng tích cực đến quyết định sử dụng thẻ tín dụng của KHCN tại Thành phố Cần Thơ với thứ tự ảnh hưởng giảm dần, đó là: X2 - Chuẩn chủ quan, X3 - Nhận thức

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					về kiểm soát hành vi sử dụng thẻ, X1 - Thái độ đối với hành vi sử dụng thẻ, X4 - Cảm nhận về chi phí sử dụng thẻ với mức ý nghĩa thống kê cao. Nghiên cứu không tìm thấy sự khác biệt có ý nghĩa thống kê trong quyết định sử dụng thẻ tín dụng của KHCN tại Thành phố Cần Thơ giữa các nhóm nhân tố kiểm soát (nhân khẩu học). Dựa trên kết quả nghiên cứu đạt được, tác giả đã đề xuất một số hàm ý quản trị nhằm làm tăng quyết định sử dụng thẻ tín dụng của KHCN tại Thành phố Cần Thơ, đồng thời đề xuất các giải pháp một cách hiệu quả góp phần nâng
188.	Đại học	Khảo sát ảnh hưởng của một số yếu tố chế biến đến chất lượng vỏ chanh dây dạng sợi sấy dẻo	Đoàn Văn Toán	ThS. Nguyễn Thị Thu Thảo	Khảo sát ảnh hưởng của pH và hàm lượng chất khô hòa tan của dịch ngâm đến chất lượng sản phẩm vỏ chanh dây dạng sợi sấy dẻo. Khảo sát ảnh hưởng của nhiệt độ sấy và độ ẩm của sản phẩm đến chất lượng sản phẩm vỏ chanh dây dạng sợi sấy dẻo
189.	Đại học	Khảo sát ảnh hưởng của một số yếu tố chế biến đến chất lượng cider chanh dây - cà rốt	Đinh Ngọc Nhớ	ThS. Nguyễn Thị Thu Thảo	Khảo sát ảnh hưởng của tỷ lệ cà rốt/ chanh dây trong quá trình phối chế đến quá trình lên men và chất lượng sản phẩm. Khảo sát ảnh hưởng của hàm lượng chất khô hòa tan và pH của dịch quả đến chất lượng

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					sản phẩm.
190.	Đại học	Khảo sát ảnh hưởng của một số yếu tố chế biến đến chất lượng cam sành cắt lát sấy dẻo	Lý Chúc Huỳnh	ThS. Nguyễn Thị Thu Thảo	Khảo sát ảnh hưởng của tỷ lệ cam: đường sucrose trong quá trình phối trộn và thời gian ngâm thấm thấu đến chất lượng cam sành gọt vỏ cắt lát sấy dẻo. Đồng thời khảo sát ảnh hưởng của nhiệt độ và độ ẩm sản phẩm đến chất lượng cam sấy thành phẩm.
191.	Đại học	Khảo sát ảnh hưởng của quá trình trích ly, pH và hàm lượng chất khô hòa tan của dịch lên men đến chất lượng cider cà rốt	Võ Cẩm Nhân	ThS. Nguyễn Thị Thu Thảo	Khảo sát ảnh hưởng của tỷ lệ cà rốt và nước đến chất lượng cider cà rốt. Khảo sát ảnh hưởng của hàm lượng chất khô hòa tan và pH của dịch cà rốt đến quá trình lên men.
192.	Đại học	Nghiên cứu chế biến bánh tráng xoài ăn liền	Trần Thị Mỹ Quyên	ThS. Võ Thị Kiên Hào	Khảo sát ảnh hưởng của điều kiện chế biến xoài sấy dạng miếng từ puree xoài gồm: tỷ lệ đường và pectin bổ sung, chiều dày lớp puree và nhiệt độ sấy đến a_w , hàm lượng vitamin C, màu sắc, cấu trúc và chất lượng cảm quan của sản phẩm bánh tráng xoài để sản phẩm chất lượng tốt nhất.
193.	Đại học	Khảo sát ảnh hưởng của chế độ tiên xử lý và nồng độ đường, canxi clorua ngâm thấm thấu đến chất lượng xoài sấy dẻo	Huỳnh Nhã Thư	ThS. Võ Thị Kiên Hào	Khảo sát ảnh hưởng chiều dày nguyên liệu, nhiệt độ nước chần, nồng độ đường và nồng độ canxi clorua bổ sung trong quá trình thấm đến màu sắc, cấu trúc và hàm lượng vitamin C của xoài sấy dẻo. Qua thí

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					nghiệm xác định điều kiện chế biến xoài sấy dẻo thích hợp để sản phẩm có chất lượng tốt.
194.	Đại học	Nghiên cứu chế biến kẹo dẻo chuối già	Phan Ngân Quỳnh	ThS. Võ Thị Kiên Hào ThS. Lê Nguyễn Tường Vi	Đánh giá ảnh hưởng của điều kiện chế biến kẹo dẻo từ chuối già (tỷ lệ nguyên liệu và gelatin, tỷ lệ đường và acid citric) đến các đặc tính chất lượng kẹo thành phẩm (a_w , màu sắc, cấu trúc và chất lượng cảm quan).
195.	Đại học	Xây dựng phương pháp xác định cadimi, chì và asen trong hoa đậu biếc bằng phương pháp hấp thu nguyên tử aas	Phạm Huyền Trang	Nguyễn Kim Đông Hà Phương Thảo	-Xây dựng phương pháp xác định Cd, Pb, As bằng phương pháp hấp thu nguyên tử (AAS). -Ứng dụng xác định Cd, Pb, As trong một số mẫu hoa đậu biếc
196.	Đại học	Khảo sát ảnh hưởng của tỷ lệ phối trộn 4 loại men rượu đến chất lượng rượu gạo	Nguyễn Văn Duy	ThS. Hà Phương Thảo	Khảo sát ảnh hưởng của tỷ lệ phối trộn 4 loại men rượu là Hương Nếp, Hương Lúa, Nàng Thơm và Hải Anh Quang đến chất lượng rượu gạo, từ đó chọn được tỷ lệ phối trộn tối ưu nhất để sản xuất thử nghiệm ở quy mô lò rượu
197.	Đại học	Khảo sát ảnh hưởng của 4 loại phụ gia đến chất lượng sản phẩm chả cá lóc	Trần Thị Thùy Linh	ThS. Hà Phương Thảo	Khảo sát ảnh hưởng của 4 loại phụ gia là Sodium tripolyphosphate (STTP), carageenan, bột bắp, bột năng đến độ dai sản phẩm chả cá lóc, từ đó chọn được loại phụ gia thích hợp nhất để sản

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					phẩm chả cá lóc đạt giá trị cảm quan cao nhất
198.	Đại học	Khảo sát ảnh hưởng của tỷ lệ mít thái bổ sung đến chất lượng sản phẩm tàu hủ non	Lê Phú Quý	ThS. Hà Phương Thảo	Khảo sát ảnh hưởng của tỷ lệ mít thái bổ sung lần lượt là 3, 5, 7 và 9% vào dịch sữa đậu nành đến chất lượng sản phẩm tàu hủ non, từ đó chọn được tỷ lệ mít thái bổ sung tối ưu nhất để sản phẩm tàu hủ non đạt giá trị cảm quan cao nhất
199.	Đại học	Khảo sát ảnh hưởng của thời gian gia nhiệt đến chất lượng sản phẩm màng tàu hủ ky	Phạm Lưu Tâm Đoàn	ThS. Hà Phương Thảo	Khảo sát ảnh hưởng của thời gian gia nhiệt dịch sữa đậu nành lần lượt là 10, 15, 20 và 25 phút đến khối lượng màng tàu hủ ky thu được, từ đó chọn được thời gian gia nhiệt tối ưu nhất để sản phẩm tàu hủ non đạt giá trị cảm quan cao nhất
200.	Đại học	Khảo sát tỷ lệ phối chế trong quy trình sản xuất nước ép táo - cần tây	Nguyễn Thế Nguyễn	ThS. Lê Nguyễn Tường Vi	Khảo sát ảnh hưởng của tỷ lệ phối chế dịch nước ép táo và cần tây đến chất lượng sản phẩm nước ép táo - cần tây, từ đó chọn được tỷ lệ phối chế thích hợp cho sản phẩm nước ép táo - cần tây có giá trị cảm quan cao nhất
201.	Đại học	Khảo sát ảnh hưởng của hàm lượng đường đến chất lượng sản phẩm mứt dừa dẻo bổ sung gừng	Trần Việt Thái	ThS. Lê Nguyễn Tường Vi	Khảo sát ảnh hưởng của hàm lượng đường bổ sung đến sản phẩm mứt dừa dẻo bổ sung gừng, từ đó chọn được hàm lượng đường thích hợp cho sản phẩm mứt dừa dẻo bổ sung gừng có giá trị cảm quan cao nhất
202.	Đại học	Khảo sát tỷ lệ phối chế trong quy trình	Lâm Thái Di	ThS. Lê Nguyễn Tường	Khảo sát ảnh hưởng của tỷ lệ phối chế dịch sữa bắp và yến

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		sản xuất sữa bắp yến mạch		Vi	mạch đến chất lượng sản phẩm sữa bắp yến mạch, từ đó chọn được tỷ lệ phối chế dịch sữa bắp và yến mạch thích hợp cho sản phẩm sữa bắp yến mạch có giá trị cảm quan cao nhất
203.	Đại học	Khảo sát ảnh hưởng của thời gian lên men trong quy trình sản xuất rượu vang xoài	Phạm Nhật Bằng	ThS. Lê Nguyễn Tường Vi	Khảo sát ảnh hưởng của thời gian lên men rượu đến chất lượng sản phẩm rượu vang xoài, từ đó chọn được thời gian lên men thích hợp cho sản phẩm rượu vang xoài có giá trị cảm quan cao nhất
204.	Đại học	Khảo sát tỷ lệ sữa bột bổ sung trong quy trình sản xuất trà sữa đóng chai	Nguyễn Tấn Duy	ThS. Lê Nguyễn Tường Vi	Khảo sát ảnh hưởng của tỷ lệ sữa bột bổ sung đến chất lượng sản phẩm trà sữa, từ đó chọn được tỷ lệ sữa bột thích hợp nhất cho sản phẩm trà sữa đóng chai có giá trị cảm quan cao nhất
205.	Đại học	Khảo sát ảnh hưởng của hàm lượng enzyme pectinase và thời gian thủy phân đến quá trình trích ly dịch quả trong từ xơ mít	Tạ Ngọc Kiều Phương	PGs.TS Nguyễn Văn Bá	Khảo sát ảnh hưởng của hàm lượng enzyme pectinase và thời gian thủy phân đến quá trình trích ly dịch quả trong từ xơ mít nhằm thu nhận dịch quả trong từ xơ mít nhiều nhất.
206.	Đại học	Khảo sát ảnh hưởng của pH và hàm lượng nước chan trong quá trình lên men đến chất lượng rượu nếp than	Nguyễn Tiến Đạt	PGs.TS Nguyễn Văn Bá	Khảo sát ảnh hưởng của pH của dịch lên men đến quá trình lên men và chất lượng rượu nếp than. Khảo sát ảnh hưởng của tỷ lệ nước chan đến quá trình lên men và chất lượng rượu nếp than. Từ đó xác định pH của dịch lên men

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					và tỷ lệ nước chan thích hợp để quá trình lên men đạt hiệu quả cao và sản phẩm có độ cồn và giá trị cảm quan cao
207.	Đại học	Khảo sát ảnh hưởng của tỷ lệ dịch xoài bổ sung đến chất lượng sữa chua xoài	Điền Thị Ngọc Hiếu	PGs.TS Nguyễn Văn Bá	Khảo sát ảnh hưởng của tỷ lệ dịch xoài bổ sung đến chất lượng sữa chua xoài. Trên cơ sở đó xác định tỷ lệ dịch xoài bổ sung để sản phẩm có giá trị cảm quan cao nhất
208.	Đại học	Khảo sát ảnh hưởng của tỷ lệ nấm men và độ Brix của dịch xoài đến quá trình lên men rượu vang xoài	Nguyễn Huỳnh Điền	PGs.TS Nguyễn Văn Bá	Khảo sát ảnh hưởng của tỷ lệ nấm men và các độ Brix của dịch xoài đến quá trình lên men rượu vang xoài nhằm xác định tỷ lệ nấm men bổ sung và độ brix thích hợp để sản phẩm rượu vang xoài có độ cồn cao và mùi vị đặc trưng.
209.	Đại học	Khảo sát ảnh hưởng của độ brix dịch sago và tỷ lệ nấm men bổ sung đến chất lượng của rượu vang sago	Trần Thu Thảo	PGs.TS Nguyễn Văn Bá	Khảo sát ảnh hưởng của các mức độ của tỷ lệ nấm men bổ sung và độ Brix của dịch sago đến chất lượng của rượu vang sago về độ rượu và đánh giá cảm quan. Từ đó, xác định độ Brix của dịch sago và tỷ lệ nấm men bổ sung để lên men rượu vang sago có chất lượng cao
210.	Đại học	Khảo sát ảnh hưởng của quá trình ngâm thẩm thấu đến chất lượng xoài sấy dẻo	Quách Văn Trung	ThS. Võ Thị Kiên Hào	Khảo sát ảnh hưởng của tỉ lệ nguyên liệu: dịch ngâm và thời gian ngâm thẩm thấu đến chất lượng xoài sấy dẻo đến hiệu quả tách nước cũng như chất lượng sản phẩm xoài sấy

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					đẻo, từ đó xác định được tỉ lệ nguyên liệu: dịch ngâm và thời gian ngâm thẩm thấu thích hợp cho chế biến xoài sấy dẻo.
211.	Đại học	Khảo sát ảnh hưởng của pH và thời gian gia nhiệt đến chất lượng kẹo dẻo chuối già	Nguyễn Tú Trân	ThS. Võ Thị Kiên Hào	Đánh giá ảnh hưởng của pH và thời gian gia nhiệt đến aw, màu sắc, cấu trúc và chất lượng cảm quan của sản phẩm kẹo dẻo chuối già, từ đó lựa chọn được thông số chế biến thích hợp để sản phẩm có chất lượng tốt.
212.	Đại học	Khảo sát Ảnh hưởng của các mức độ khác nhau của natri clorua và natri tripolyphosphat cấu trúc của thịt dê	Nguyễn Hiếu Nghĩa	ThS. Nguyễn Kim Đông	Khảo sát ảnh hưởng của các mức độ khác nhau của, natri clorua và natri tripolyphosphat cấu trúc của thịt dê
213.	Đại học	Khảo sát ảnh hưởng của tỷ lệ bột yến mạch đến chất lượng sản phẩm xúc xích surimi	Lê Thị Thùy Quyên	ThS. Nguyễn Kim Đông	Khảo sát ảnh hưởng của tỷ lệ bột yến mạch đến chất lượng sản phẩm
214.	Đại học	Khảo sát ảnh hưởng của nấm rom đến chất lượng thịt trâu viên	Nguyễn Thị Anh Thư	ThS. Nguyễn Kim Đông	Khảo sát ảnh hưởng của nấm rom đến chất lượng thịt trâu viên
215.	Đại học	Khảo sát tỷ lệ mật ong và hoa bụt giấm bổ sung vào sữa chua	Nguyễn Ngọc Dung	ThS. Nguyễn Kim Đông	Khảo sát tỷ lệ mật ong và hoa bụt giấm bổ sung vào sữa chua
216.	Đại học	Khảo sát tỷ lệ mật ong và hoa đậu biếc bổ sung vào sữa chua	Lê Hải Vy	ThS. Nguyễn Kim Đông	Khảo sát tỷ lệ mật ong và hoa đậu biếc bổ sung vào sữa chua.
217.	Đại học	Nghiên cứu ảnh hưởng của bột bắp với tỷ lệ khác nhau	Phan Văn Lê	Trần Ngọc Tuyền	1. So sánh ảnh hưởng của tỷ lệ bột bắp khác nhau lên tăng trưởng và tỷ lệ sống của lươn

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		lên tăng trưởng, tỷ lệ sống và hàm lượng carotenoid trong cơ thịt lương đồng (Monopterus albus)".			2. So sánh ảnh hưởng của tỷ lệ bột bắp khác nhau lên hàm lượng carotenoid trong thịt lươn. 3. Xác định hiệu quả của mô hình nuôi
218.	Đại học	Ảnh hưởng của các loại kích thích tố lên quá trình sinh sản nhân tạo cá bống trướng (Eleotris melanosoma, Bleeker, 1853)	Nguyễn Minh Tài	Trần Ngọc Tuyền	So sánh ảnh hưởng của HCG và LRHa với các liều lượng khác nhau lên quá trình sinh sản của cá bống trướng
219.	Đại học	Khảo sát hiện trạng sản xuất giống cua bể (Scylla paramamosain) tại Năm Căn- Cà Mau	Nguyễn Thị Nghi	Tạ Văn Phương	1. Phân tích khía cạnh kỹ thuật của mô hình khảo sát 2. Phân tích khía cạnh kinh tế tài chính của mô hình khảo sát 3. Phân tích đa nhân tố ảnh hưởng đến năng suất sản xuất
220.	Đại học	Thực nghiệm nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh 3 giai đoạn trong ao tròn nổi tại Đầm Dơi - Cà Mau	Nguyễn Kiều Trang	Nguyễn Lê Hoàng Yến	Đánh giá sự biến động các yếu tố môi trường nuôi, tỉ lệ sống, sự tăng trưởng, năng suất, hiệu quả kinh tế của vụ nuôi
221.	Đại học	Đánh giá quy trình ương giống tôm sú (Penaeus monodon) tại trại giống Minh Tuấn – Đông Hải - Bạc Liêu	Nguyễn Quang Tường	Tạ Văn Phương	1. Theo dõi và ghi nhận sự biến động các yếu tố môi trường. 2. Theo dõi và ghi nhận tỷ lệ sống, tỷ lệ biến thái theo từng giai đoạn ấu trùng. 3. Thể hiện Hình thái các giai đoạn ấu trùng bằng Poster
222.	Đại học	Nghiên cứu ảnh hưởng	Đặng Thị Ngọc	Trần Ngọc	1. So sánh ảnh hưởng của thời

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		của thời điểm bổ sung bột bắp lên tăng trưởng và tỷ lệ sống của cá Trê vàng giai đoạn nuôi thương phẩm		Tuyền	điểm bổ sung bột bắp lên tăng trưởng và tỷ lệ sống của cá 2. So sánh ảnh hưởng của thời điểm bổ sung bột bắp lên hàm lượng carotenoid trong thịt cá. 3. Xác định hiệu quả của mô hình nuôi
223.	Đại học	Xác định thời gian sử dụng hiệu quả thức ăn công nghiệp cho cá trê vàng các ngày tuổi khác nhau	Nguyễn Phú Hộ	Trần Ngọc Huyền	Xác định thời gian sử dụng thức ăn hiệu quả thức ăn công nghiệp cá trê vàng ở các ngày tuổi khác nhau (3, 5, 7, 9, 12 ngày tuổi...). Theo dõi kích cỡ miệng cá trong quá trình ương cá.
224.	Đại học	Ảnh hưởng của thức ăn khác nhau lên chế độ nuôi vỗ cá chột trắng nuôi trong bể	Nguyễn Hoàng Nguyễn	Trần Ngọc Huyền	1. Ảnh hưởng của các loại thức ăn khác nhau (tép, cá tạp, thức ăn công nghiệp) lên chế độ nuôi vỗ cá chột 2. kích thích cá sinh sản với kích thích tố LH hoặc HCG để đánh giá ảnh hưởng thức ăn lên các chỉ tiêu sinh sản
225.	Đại học	Thực nghiệm nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh trong ao đất san thưa 2 giai đoạn tại Trà Cú - Trà Vinh	Thái Văn Vàng	ThS. Tăng Minh Khoa	1. Nuôi tôm thẻ chân trắng theo mô hình san thưa 2 giai đoạn với mật độ 100 con/m ² 2. Đánh giá hiệu quả kinh tế của mô hình
226.	Đại học	Nghiên cứu một số đặc điểm sinh học sinh sản của cá Ngát <i>Plotosus canius</i> phân bố tại Kiên Giang	Lâm Đức Huy	ThS. Phạm Thị Mỹ Xuân	1/ Phân tích đặc điểm sinh trưởng của cá Ngát <i>Plotosus canius</i> phân bố tại Kiên Giang 2/ Phân tích đặc điểm sinh học sinh sản của cá Ngát <i>Plotosus canius</i> phân bố tại Kiên Giang
227.	Đại học	Thực nghiệm nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh trong ao lót bạt	Châu Nhật Nam	ThS. Tăng Minh Khoa	1. Nuôi tôm thẻ chân trắng theo mô hình san thưa 5 giai đoạn 2. Đánh giá hiệu quả kinh tế của

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		san thưa 5 giai đoạn tại Vĩnh Châu - Sóc Trăng			mô hình
228.	Đại học	Đánh giá quy trình ương giống cua biển (<i>Scylla paramamosain</i>) tại trại giống Minh Tuấn – Đông Hải - Bạc Liêu	Đặng Vĩnh Bình	TS. Tạ Văn Phương	1. Theo dõi và ghi nhận sự biến động các yếu tố môi trường. 2. Theo dõi và ghi nhận tỷ lệ sống, tỷ lệ biến thái theo từng giai đoạn ấu trùng. 3. Thể hiện Hình thái các giai đoạn ấu trùng bằng Poster
229.	Đại học	Ảnh hưởng của khẩu phần ăn lên tăng trưởng và tỷ lệ sống của cá rô đồng giai đoạn nuôi thương phẩm	Nguyễn Thảo Như	ThS. Trần Ngọc Tuyên	1. So sánh ảnh hưởng của khẩu phần cho ăn lên tăng trưởng và tỷ lệ sống của cá 2. Xác định hiệu quả của mô hình
230.	Đại học	Sử dụng đường cát trong ương giống tôm càng xanh (<i>Macrobrachium rosenbergii</i>) toàn đực theo quy trình Biofloc.	Trần Kiều Anh	TS. Tạ Văn Phương	1. Theo dõi và ghi nhận sự biến động các yếu tố môi trường. 2. Theo dõi và ghi nhận tỷ lệ sống, tỷ lệ biến thái theo từng giai đoạn ấu trùng. 3. Thể hiện Hình thái các giai đoạn ấu trùng bằng Poster
231.	Đại học	Ảnh hưởng của mật độ ăn lên tăng trưởng và tỷ lệ sống của cá rô đồng giai đoạn nuôi thương phẩm	Đỗ Trọng Nghĩa	ThS. Trần Ngọc Tuyên	1. So sánh ảnh hưởng của mật độ lên tăng trưởng và tỷ lệ sống của cá 2. Xác định hiệu quả của mô hình
232.	Đại học	Ảnh hưởng của độ mặn lên quá trình phát triển phôi cá chép	Nguyễn Hoàng Hạ	ThS. Trần Ngọc Huyền	1. Ảnh hưởng của độ mặn lên quá trình phát triển phôi cá 2. Xác định tỷ lệ nở ở các độ mặn khác nhau 3. Xác định tỷ lệ dị hình cá ở các độ mặn khác nhau
233.	Đại học	Ảnh hưởng của độ mặn lên quá trình phát	Trần Ngọc Hà	ThS. Trần Ngọc Huyền	1. Ảnh hưởng của độ mặn lên quá trình phát triển phôi cá

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		triển phôi cá sặc rằn			2. Xác định tỷ lệ nở ở các độ mặn khác nhau 3. Xác định tỷ lệ dị hình cá ở các độ mặn khác nhau
234.	Đại học	Thử nghiệm ương cá Két Panda với các mật độ khác nhau	Nguyễn Huy Bình	ThS.Trần Ngọc Tuyền	So sánh ảnh hưởng của mật độ ương lên tăng trưởng và tỷ lệ sống của cá Két Panda từ 20-50 ngày tuổi
235.	Đại học	Thực nghiệm nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh trong ao đất san thưa 2 giai đoạn tại Cù Lao Dung - Sóc Trăng với các mật độ khác nhau	Phan Minh Nhật	ThS. Tăng Minh Khoa	1. Nuôi tôm thẻ chân trắng theo mô hình san thưa 2 giai đoạn với mật độ ban đầu là 80 và 100 con/m ² sau đó san thưa 50% lượng tôm có trong ao 2. Đánh giá hiệu quả kinh tế của mô hình
236.	Đại học	Khảo sát thành phần loài còng (<i>Uca</i> spp.) tại Cù Lao Dung - Sóc Trăng	Nguyễn Chí Hợp	TS. Tạ Văn Phương	1. Khảo sát thành phần loài còng (<i>Uca</i> spp.) 2. Đánh giá tính đa dạng thành phần loài 3. Hình thái thành phần loài bằng Poster (Hình)
237.	Đại học	Xác định thời gian sử dụng hiệu quả thức ăn công nghiệp cho lươn đồng ở các ngày tuổi khác nhau	Trần Chí Phái	ThS. Trần Ngọc Huyền	Xác định thời gian sử dụng thức ăn hiệu quả thức ăn công nghiệp lươn đồng ở các ngày tuổi khác nhau (7, 9, 12, 15, 18 ngày tuổi...)
238.	Đại học	Khảo sát tình hình bệnh trên cá Lóc nuôi thương phẩm tại Châu Đốc- An Giang	Huỳnh Nhật Tuấn	ThS. Nguyễn Lê Hoàng Yến	1. Khảo sát và đánh giá về tình hình bệnh xuất hiện trên cá lóc nuôi thương phẩm ao đất tại Châu Đốc - An Giang. 2. Nhận định mối liên quan giữa chế độ chăm sóc, quản lý với các biểu hiện bệnh trên cá lóc nuôi thương phẩm ao đất
239.	Đại học	Khảo sát hiệu quả kinh	Phan Thủy	ThS. Phạm Thị	1/ Khảo sát đánh giá khía cạnh

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		tế - kỹ thuật trong nuôi Tôm càng xanh quảng canh cải tiến tại huyện Thới Bình - tỉnh Cà Mau	Ngân	Mỹ Xuân	kỹ thuật trong nuôi Tôm càng xanh quảng canh cải tiến tại huyện Thới Bình - tỉnh Cà Mau 2/ Khảo sát đánh giá khía cạnh kinh tế trong nuôi Tôm càng xanh quảng canh cải tiến tại huyện Thới Bình - tỉnh Cà Mau
240.	Đại học	Thực nghiệm ương ấu trùng cua biển với mật độ khác nhau theo qui trình san thưa 3 giai đoạn	Nguyễn Trung Kiên	ThS. Tăng Minh Khoa	Ương ấu trùng cua biển với mật độ khác nhau theo qui trình san thưa 3 giai đoạn
241.	Đại học	Phân tích đặc điểm dinh dưỡng của cá Phèn vàng <i>Polynemus paradiseus</i> (Linnaeus, 1758) phân bố tại Cần Thơ	Nguyễn Văn Dũng	ThS. Phạm Thị Mỹ Xuân	1/ Phân tích đặc điểm hệ tiêu hóa của cá Phèn vàng <i>Polynemus paradiseus</i> (Linnaeus, 1758) phân bố tại Cần Thơ 2/ Phân tích phổ dinh dưỡng của cá Phèn vàng <i>Polynemus paradiseus</i> (Linnaeus, 1758) phân bố tại Cần Thơ
242.	Đại học	Thử nghiệm cho sinh sản nhân tạo cá rô biển bằng các loại kích thích tố với liều lượng khác nhau	Nguyễn Thanh Hoài	ThS. Tăng Minh Khoa	Kích thích cho cá rô biển sinh sản nhân tạo bằng hai loại kích thích tố HCG và LH với các nồng độ khác nhau (2000, 3000, 4000 UI và 200, 300 và 400 mg/kg cá mẹ)
243.	Đại học	Thực nghiệm ương ấu trùng tôm càng xanh toàn đực với mật độ khác nhau	Nguyễn Văn Vĩ	ThS. Tăng Minh Khoa	Ương ấu trùng tôm càng xanh toàn đực với mật độ 25, 50, 75 và 100 con/lít theo qui trình nước trong hồ
244.	Đại học	Khảo sát thành phần Phytoplankton phân bố trong ao nuôi cá tra tại Cao Lãnh - Đồng Tháp	Dương Tú Quyên	ThS. Phạm Thị Mỹ Xuân	1/ Phân tích định tính, định lượng thành phần giống loài Phytoplankton phân bố trong ao nuôi cá tra tại Cao Lãnh, Đồng Tháp.

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					2/ Môi quan hệ giữa các yếu tố môi trường và thành phần giống loài Phytoplankton chủ yếu phân bố trong ao nuôi cá tra tại Cao Lãnh, Đồng Tháp.
245.	Đại học	Phân tích dinh dưỡng của cá ngát <i>Plotosus canius</i> phân bố tại Kiên Giang	Phạm HoàngHuy	ThS. Phạm Thị Mỹ Xuân	1/ Phân tích đặc điểm hệ tiêu hóa của cá Ngát <i>Plotosus canius</i> phân bố tại Kiên Giang 2. Phân tích phổ dinh dưỡng của cá Ngát <i>Plotosus canius</i> phân bố tại Kiên Giang
246.	Đại học	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc và hóa chất trong nuôi tôm thẻ chân trắng tại huyện Hồng Dân - Bạc Liêu	Trần BảoVy	ThS. Nguyễn Lê Hoàng Yến	1/ Khảo sát đánh giá khía cạnh kinh tế, kỹ thuật của mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh tại Hồng Dân - Bạc Liêu 2/ Đánh giá tình hình sử dụng thuốc và hóa chất trong nuôi tôm thẻ chân trắng tại huyện Hồng Dân - Bạc Liêu
247.	Đại học	Đánh giá quy trình nuôi tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaeus vannamei</i>) ba giai đoạn tại Đông Hải - Bạc Liêu	Quách LâmKha	TS. Tạ Văn Phương	1. Theo dõi chỉ tiêu môi trường, tăng trưởng, tỷ lệ sống và năng suất từng giai đoạn nuôi theo mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh 3 giai đoạn trên ao lót bạt. 2. Đánh giá hiệu quả kinh tế của mô hình nuôi
248.	Đại học	Thực nghiệm nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh trong ao lót bạt san thưa 4 giai đoạn tại Vĩnh Hậu - Bạc Liêu	Võ ChíThiện	ThS. Tăng Minh Khoa	1. Nuôi tôm thẻ chân trắng theo mô hình san thưa 4 giai đoạn 2. Đánh giá hiệu quả kinh tế của mô hình
249.	Đại học	Khảo sát điều kiện kinh tế kỹ thuật của mô hình nuôi tôm thẻ	Nguyễn VănQuân	ThS. Nguyễn Lê Hoàng Yến	1/ Khảo sát đánh giá khía cạnh kinh tế, kỹ thuật của mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng thâm

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		chân trắng thâm canh trong ao nuôi lột bạt có sử dụng quy trình xử lý nước nhanh tại Đông Hải - Bạc Liêu			canh trong ao nuôi lột bạt có sử dụng quy trình xử lý nước nhanh 2/ Đánh giá tính ổn định về năng suất tôm, hiệu quả kinh tế sau vụ nuôi khi sử dụng quy trình xử lý nước nhanh trong nuôi tôm thâm canh
250.	Đại học	Nghiên cứu một số đặc điểm sinh học sinh sản của cá Phèn vàng <i>Polynemus paradiseus</i> (Linnaeus, 1758) phân bố tại Cần Thơ	Nguyễn Văn Lộc	ThS. Phạm Thị Mỹ Xuân	1/ Phân tích đặc điểm sinh trưởng của cá Phèn vàng <i>Polynemus paradiseus</i> (Linnaeus, 1758) phân bố tại Cần Thơ 2/ Phân tích đặc điểm sinh học sinh sản của cá Phèn vàng <i>Polynemus paradiseus</i> (Linnaeus, 1758) phân bố tại Cần Thơ
251.	Đại học	Đánh giá khả năng cải thiện hàm lượng nitrogen vô cơ trong nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh bằng phương pháp MAP ở qui mô phòng thí nghiệm	Phó Hùng Khôi	TS. Tạ Văn Phương	1. Đánh giá các yếu tố môi trường ảnh hưởng đến khả năng cải thiện hàm lượng nitrogen vô cơ bằng phương pháp MAP. 2. Đánh giá phương pháp MAP đến khả năng cải thiện hàm lượng nitrogen vô cơ trong nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh.
252.	Đại học	Đánh giá quy trình nuôi tôm thẻ chân trắng (<i>Litopenaeus vannamei</i>) một giai đoạn tại Đầm Dơi-Cà Mau	Trần Văn Kha	TS. Tạ Văn Phương	1. Theo dõi chỉ tiêu môi trường, tăng trưởng, tỷ lệ sống và năng suất từng giai đoạn nuôi theo mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh 2 giai đoạn trên ao lột bạt. 2. Đánh giá hiệu quả kinh tế của mô hình nuôi
253.	Đại học	Khảo sát đánh giá hiệu quả kinh tế - kỹ thuật nuôi cá Tra ao đất tại	Nguyễn Văn An	ThS. Phạm Thị Mỹ Xuân	1/ Khảo sát đánh giá khía cạnh kỹ thuật trong nuôi cá Tra ao đất tại Cao Lãnh – Đồng Tháp

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		Cao Lãnh – Đồng Tháp			2/ Khảo sát đánh giá khía cạnh kinh tế trong nuôi cá Tra ao đất tại Cao Lãnh – Đồng Tháp 3/ Phân tích một số yếu tố kỹ thuật ảnh hưởng đến năng suất và lợi nhuận trong nuôi cá tra ao đất tại Cao Lãnh – Đồng Tháp
254.	Đại học	Khảo sát đánh giá hiệu quả kinh tế - kỹ thuật nuôi cá tra ao đất tại Tân Thạnh – Long An	Nguyễn Thị Nguyệt Tú	ThS. Phạm Thị Mỹ Xuân	1/ Khảo sát đánh giá khía cạnh kỹ thuật trong nuôi cá tra ao đất tại Tân Thạnh – Long An 2/ Khảo sát đánh giá khía cạnh kinh tế của mô hình nuôi cá tra ao đất tại Tân Thạnh – Long An 3/ Phân tích một số yếu tố kỹ thuật ảnh hưởng đến năng suất và lợi nhuận trong nuôi cá tra tại Tân Thạnh – Long An
255.	Đại học	Thực nghiệm nuôi trùn quế bằng cây lục bình với tỉ lệ phối trộn khác nhau	Võ Thành Ân	ThS. Nguyễn Lê Hoàng Yến	Đánh giá sự tăng trưởng sinh khối của trùn quế khi nuôi bằng lục bình phối trộn cùng phân bò với các tỉ lệ khác nhau
256.	Đại học	Khảo sát thành phần loài thuộc họ tôm tít (Squillaidea) tại Đồng Hải – Bạc Liêu.	Trần Lý Bình Chiếu	TS. Tạ Văn Phương	1. Mẫu được thu mua từ các ghe cào và các chợ cảng ở Đồng Hải - Bạc Liêu. 2. Nhằm đánh giá sự đa dạng của thành phần loài một số loài của tôm Tít biển (Squillaidea). 3. Thể hiện Hình thái thành phần loài bằng Poster
257.	Đại học	Ảnh hưởng của các loại kích thích tố lên quá trình sinh sản nhân tạo của Cá Nanh heo (<i>Botia Modesta</i>)	Đặng Chí Bình	ThS. Trần Ngọc Tuyền	1. So sánh ảnh hưởng của HCG với các liều lượng khác nhau lên quá trình sinh sản của cá Nanh heo 2. So sánh ảnh hưởng của LRHa với các liều lượng khác nhau lên

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					quá trình sinh sản của cá Nanh heo
258.	Đại học	Đánh giá hiệu quả nuôi tôm thẻ chân trắng theo quy trình hai giai đoạn với mật độ nuôi khác nhau tại Long Điền Đông - Bạc Liêu	Nguyễn Hiếu Rìl	TS. Tạ Văn Phương	1. Theo dõi chỉ tiêu môi trường, tăng trưởng, tỷ lệ sống và năng suất từng giai đoạn nuôi theo mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh 2 giai đoạn trên ao lót bạt. 2. Đánh giá hiệu quả kinh tế của mô hình nuôi
259.	Đại học	Khảo sát hiện trạng sản xuất giống cua biển (<i>Scylla paramamosain</i>) tại Ngọc Hiển - Cà Mau	Từ Chí Thuận	TS. Tạ Văn Phương	1. Phân tích khía cạnh kỹ thuật của mô hình khảo sát 2. Phân tích khía cạnh tài chính của mô hình khảo sát 3. Phân tích đa nhân tố ảnh hưởng đến năng suất sản xuất
260.	Đại học	Xác định tỷ lệ cảm nhiễm và cường độ cảm nhiễm ký sinh trùng trên cá Tra	Nguyễn Thị Tiểu My	ThS. Trần Ngọc Huyền	1. Xác định tỷ lệ cảm nhiễm ký sinh trùng trên cá 2. Xác định cường độ cảm nhiễm ký sinh trùng trên cá
261.	Đại học	Xác định thời gian sử dụng hiệu quả thức ăn công nghiệp cho cá rô đầu vuông ở các ngày tuổi khác nhau	Nguyễn Văn Thịnh	ThS. Trần Ngọc Huyền	Xác định thời gian sử dụng thức ăn hiệu quả thức ăn công nghiệp cho cá rô đầu vuông ở các ngày tuổi khác nhau (7, 9, 12, 15, 18 ngày tuổi...)
262.	Đại học	Thử nghiệm kích thích sinh sản cá rô phi đỏ (<i>Oreochromis</i>)	Đặng Quang Linh	ThS. Trần Ngọc Huyền	1. So sánh ảnh hưởng của HCG với các liều lượng khác nhau lên quá trình sinh sản của cá rô phi đỏ 2. So sánh ảnh hưởng của HCG với các liều lượng khác nhau lên quá trình sinh sản của cá rô phi đỏ.
263.	Đại học	Thử nghiệm nuôi cua biển (<i>Scylla</i>)	Trần Trọng Tín	TS. Tạ Văn Phương	1. Theo dõi tăng trưởng và tỷ lệ sống của nuôi

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		paramamosain) trong Chai nhựa với khẩu phần ăn khác nhau			2. Xác định khẩu phần ăn của cua biển nuôi trong chai nhựa 3. Đánh giá tiềm năng phát triển của mô hình
264.	ĐH	Ảnh hưởng của việc bổ sung lúa mì ủ Lactozyme trong khẩu phần đến dinh dưỡng, tỷ lệ sống và hiệu quả kinh tế của gà ác	Huỳnh Hồng Vân	Nguyễn Thị Kim Đông	Thí nghiệm gồm 150 gà ác, được bố trí hoàn toàn ngẫu nhiên với 5 nghiệm thức là 5 mức độ bổ sung lúa mì ủ Lactozyme (0, 1.5, 3, 4.5 6%) vào KP TAHH nuôi gà ác từ 3-8 tuần tuổi. Kết quả cho thấy ở mức bổ sung 3% LMU Lactozyme gà ác đạt tăng khối lượng, các chỉ tiêu thân thịt và hiệu quả kinh tế cao nhất.
265.	ĐH	Ảnh hưởng của sự bổ sung tằm ủ men rượu trong khẩu phần đến dinh dưỡng, tỷ lệ sống và hiệu quả kinh tế của gà ác	Võ Thị Hồng Nhung	Nguyễn Thị Kim Đông	Thí nghiệm gồm 150 gà ác, được bố trí hoàn toàn ngẫu nhiên với 5 nghiệm thức là 5 mức độ bổ sung tằm ủ men rượu (0, 1.5, 3, 4.5 6%) vào KP TAHH nuôi gà ác từ 3-8 tuần tuổi. Kết quả đạt được ở mức bổ sung 4.5% tằm ủ men rượu, gà ác cho tăng khối lượng, các chỉ tiêu thân thịt và hiệu quả kinh tế cao nhất
266.	ĐH	Ảnh hưởng của sự bổ sung Vime-Senic EH đến các chỉ tiêu sinh lý máu và sinh lý sinh sản của thỏ New Zealand hậu bị	Nguyễn Thanh Hạnh Nguyên	Nguyễn Thị Kim Đông	Thí nghiệm được bố trí hoàn toàn ngẫu nhiên với 5 nghiệm thức là 5 mức độ bổ sung Vime-Senic EH (0, 0.1, 0.2, 0.3 và 0.4%) vào KP thức ăn cơ bản của thỏ New Zealand hậu bị. Kết quả đạt được ở mức bổ sung 0,4% (DM) cho tỷ lệ đậu thai, số con sơ sinh,

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					khối lượng sơ sinh/ổ cao nhất. Các chỉ tiêu sinh lý thông thường, sinh lý sinh sản và sinh lý máu ổn định.
267.	ĐH	Ảnh hưởng của lúa mì ủ với Probiotic đến chỉ tiêu dinh dưỡng và sinh sản của thỏ tơ New Zealand	Nguyễn Ngọc Mai	Nguyễn Văn Thu	Kết quả thí nghiệm đạt được như sau: Hàm lượng dưỡng chất và năng lượng trao đổi tiêu thụ của thỏ giai đoạn mang thai cao nhất ở nghiệm thức LU_P4,5 khác biệt có ý nghĩa thống kê ($P<0,05$) so với các nghiệm thức còn lại. Lượng DM, CP, NDF và ME tiêu thụ của thỏ ở nghiệm thức LU_P4,5 lần lượt là 135; 27,5; 55,5 g/con/ngày và 1,43 MJ/con/ngày. Khẩu phần có bổ sung lúa mì ủ ở mức 4,5% cho các chỉ tiêu về khối lượng thỏ con cai sữa, lượng sữa thỏ mẹ và tăng khối lượng thỏ con/ngày cao hơn so với các nghiệm thức khác.
268.	ĐH	Ảnh hưởng của việc bổ sung tằm ủ men rượu trong khẩu phần đến dinh dưỡng và tăng khối lượng của bò lai Charolais	Phan Trí Tân	Nguyễn Văn Thu	Kết quả thí nghiệm cho thấy: Lượng CP tiêu thụ (kg/con/ngày) ở các nghiệm thức trong khoảng 0,467 - 0,484 khác biệt không có ý nghĩa thống kê ($P>0,05$). Năng lượng trao đổi tiêu thụ (MJ/con/ngày) giữa các nghiệm thức là khác biệt không có ý nghĩa thống kê ($P>0,05$), tuy nhiên (%) cao ở các nghiệm thức được bổ sung tằm ủ với men rượu. Tỷ lệ tiêu hóa; DM, OM,

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					CP và NDF khác biệt không có ý nghĩa thống kê ($P>0,05$) nhưng có xu thế cao hơn ở các nghiệm thức có bổ sung nấm men rượu. Tăng khối lượng của bò (g/con/ngày) trong khoảng 491 - 830 , trong đó nghiệm thức TUMR6 cho thấy hiệu quả tăng khối lượng cao nhất là 830 g/con/ngày. Kết luận của thí nghiệm này là khi sử dụng nấm men rượu (<i>Saccharomyces cerevisiae</i>) được cho vào tấm đệm ủ sau đó bổ sung vào khẩu phần nuôi bò, nghiệm thức TUMR6 cho kết quả tốt nhất về tăng khối lượng.
269.	ĐH	Khảo sát tình hình nhiễm, phòng và điều trị bệnh Parvovirus trên chó tại phòng khám Thú y Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang	Trần Thị Tuyết Ngân	Trịnh Thị Hồng Mơ	Đề tài khảo sát số chó bệnh <i>Parvovirus</i> tại Phòng khám Thú y Rạch Giá, thông qua bệnh sử, triệu chứng lâm sàng và test <i>Parvovirus</i> qua bộ kit Canine <i>Parvovirus</i> Ag Test của Mỹ để xác định bệnh <i>Parvovirus</i> trên chó. Đồng thời đưa ra phát đồ điều trị và theo dõi hiệu quả điều trị
270.	ĐH	Khảo sát bệnh tiêu chảy máu trên chó tại phòng mạch thú y quận Ô Môn, thành phố Cần thơ	Nguyễn Thị Mỹ Hòa	Trịnh Thị Hồng Mơ	Đề tài khảo sát số chó bệnh tiêu chảy máu tại Phòng mạch thú y quận Ô Môn, thành phố Cần thơ thông qua bệnh sử, triệu chứng lâm sàng và test nhanh bằng kit để xác định bệnh tiêu chảy máu trên chó. Đồng thời đưa ra phát đồ điều

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					trị và theo dõi hiệu quả điều trị
271.	ĐH	Khảo sát tình hình bệnh mò bao lông (Demodex canis) trên chó và hiệu quả điều trị tại phòng khám thú y pet care Sa Đéc tỉnh Đồng Tháp	Lê Hồng Anh	Nguyễn Thị Chúc	Đề tài khảo sát số chó bệnh <i>Demodex Canis</i> tại Phòng khám Thú y thành phố Cần Thơ, thông qua bệnh sử, triệu chứng lâm sàng và chẩn đoán xét nghiệm để xác định bệnh Demodex Canis trên chó. Đồng thời đưa ra phát đồ điều trị bệnh <i>Demodex Canis</i> gây ra cho chó.
272.	ĐH	Hiệu quả điều trị của triệt sản trên chó, mèo cái tại phòng khám thú y Pet care Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp	Phương Tiểu Du	Nguyễn Thị Chúc	Đề tài khảo sát số chó đến triệt sản tại Phòng khám Thú y thành phố Cần Thơ, Đồng thời đưa ra phát đồ điều trị và theo dõi hiệu quả điều trị.
273.	ĐH	Ảnh hưởng của sự bổ sung acid hữu cơ trong khẩu phần đến dinh dưỡng, tỷ lệ sống và hiệu quả kinh tế của gà ác	Huỳnh Thiên Ân	Nguyễn Thị Kim Đông	Thí nghiệm gồm 150 gà ác, được bố trí hoàn toàn ngẫu nhiên với 5 nghiệm thức là 5 mức độ bổ sung acid hữu cơ (0, 0.1, 0.2, 0.3 và 0.4%) vào KP TAHH nuôi gà ác từ 3-8 tuần tuổi. Kết quả đạt được ở mức bổ sung 0.4% acid hữu cơ cho tăng khối lượng, năng suất thân thịt và hiệu quả kinh tế cao nhất.
274.	ĐH	Ảnh hưởng của việc bổ sung men vi sinh S120 đến dinh dưỡng và tăng khối	Dương Quách Nhật Linh	Nguyễn Thị Kim Đông	Thí nghiệm được bố trí hoàn toàn ngẫu nhiên với 5 nghiệm thức là 5 mức bổ sung men vi sinh S120 (0, 1/50, 1/100,

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		lượng của heo Yorkshire từ 6 đến 14 tuần tuổi			1/150, 1/200 kg) vào KP TAHH nuôi heo Yorkshire từ 6-14 tuần tuổi. Kết quả. Kết quả đạt được ở mức bổ sung 1 kg S120/ 50 kg TAHH cho khối lượng, tang khối lượng, FCR tốt nhảy và các chỉ tiêu sinh hóa, sinh lý máu ổn định.
275.	ĐH	Khảo sát và điều trị bệnh viêm da trên chó do ngoại kí sinh trùng tại phòng khám thú y Song Hân thành phố Cần Thơ	Trần Đình Khương	Nguyễn Thị Kim Đông	Đề tài được theo dõi trên 263 chó bệnh trong đó có 76 chó mắc bệnh viêm da do ve, rận, bọ chét, chiếm tỷ lệ 28,9%. Tỷ lệ bệnh viêm da cao (42,1%) ở chó < 1-6 tháng tuổi, thấp hơn (34,2%) ở chó < 12 tháng tuổi và thấp nhất (23,7%) ở chó > 6 năm tuổi; tỷ lệ bệnh ở chó đực cao hơn hco1 cái, chó nuôi thả cao hơn nuôi nhốt và chó giống nội cao hơn giống ngoại. Hiệu quả điều trị khỏi bệnh đạt 81, 6%, tỷ lệ chó tái bệnh là 18,4%.
276.	ĐH	Khảo sát và điều trị bệnh viêm tai trên chó tại phòng khám thú y Song Hân thành phố Cần Thơ	Ngô Hồng Quân	Nguyễn Thị Kim Đông	Khảo sát được thực hiện trên 586 chó qua khảo sát lâm sàng về bệnh viêm tai theo kiểu hình tai, giống, tuổi và giới tính. Đã xác định được chó bệnh viêm tai chiếm 5,63%, kết quả này thấp so với các bệnh khác. Bệnh viêm tai ở giống chó nội (6,5%) cao hơn chó ngoại (4,98%); chó ở nhóm dưới 6 tháng tuổi thấp nhất (2,94%), từ 6-24 tháng là

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					4,11% và nhóm hơn 24 tháng tuổi cao nhất (8,75%); chó đực (8,66%) cao hơn chó cái và chó tai xù cao hơn chó tai đứng. Kết quả điều trị đạt 100% sau 2 tuần bằng phác đồ điều trị kết hợp kháng sinh và kháng viêm.
277.	ĐH	Khảo sát bệnh đường hô hấp mãn tính (CRD) trên gà nòi lai được nuôi bán chăn thả tại nông hộ huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre	Bùi Minh Thu	Nguyễn Thị Kim Đông	Đề tài được khảo sát trên 1000 con gà Nòi lai, được chia làm hai lô, theo phương thức nuôi bán chăn thả tại nông hộ. Kết quả gà Nòi lai (Nòi x LP) có tỷ lệ nhiễm bệnh (9,10%) cao hơn gà Nòi lai (Nòi x BD) (8,69%); tỷ lệ bệnh ở gà 6 tuần tuổi cao nhất, giảm dần ở 7, 8 tuần tuổi và thấp nhất ở gà 9 tuần tuổi. Điều trị bệnh CRD bằng thuốc Tilmicox solution cho kết quả khỏi bệnh cao đạt từ 91,4% - 93,1%.
278.	ĐH	Ảnh hưởng của lúa mì ủ với Lactozyme đến chỉ tiêu dinh dưỡng và sinh sản của thỏ tơ New Zealand	Võ Minh Tuấn	Nguyễn Văn Thu	Kết quả thí nghiệm cho phép kết luận là thỏ cái được bổ sung Probiotic (Lactozyme) ủ với lúa mì 3,0% (vật chất khô) có các chỉ số về tăng khối lượng trung bình, khối lượng cai sữa/con, khối lượng cai sữa/ổ, lượng sữa thỏ mẹ/ngày và tăng khối lượng thỏ con/ngày tốt hơn so với các thí nghiệm thức khác. Đề nghị bổ sung Lactozyme ủ với lúa mì vào trong khẩu phần nuôi thỏ sinh

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					sản ở mức độ bổ sung 3,0% (vật chất khô) để nâng cao năng suất sinh sản của thỏ.
279.	ĐH	Ảnh hưởng của các khẩu phần khác nhau đến dinh dưỡng và tăng khối lượng của bò lai Charolais	Nguyễn Minh Đức	Nguyễn Văn Thu	Thí nghiệm được tiến hành trên 40 bò lai charolais 16-21 tháng tuổi. Bò được theo dõi lượng tiêu thụ thức ăn trong 14 ngày, trong đó 7 ngày đầu là cho bò tập làm quen với các khẩu phần thí nghiệm và 7 ngày sau là thu thập số liệu. Kết quả nghiên cứu về bò lai charolais 16-21 tháng tuổi như sau: + Lượng DM, CP, NDF tiêu thụ và Năng lượng trao đổi được tính trên khối lượng của bò lượt là $21,6 \pm 0,663$; $2,36 \pm 0,114$; $11,9 \pm 0,342$ g/kg khối lượng và $0,194 \pm 0,008$ MJ/kg khối lượng. + Khối lượng trung bình của bò là $268 \pm 13,5$ kg và cho tăng khối lượng là 637 g/con/ngày với hệ số chuyển hóa thức ăn là 9,67.
280.	ĐH	Ảnh hưởng của việc bổ sung tằm ủ men rượu trong khẩu phần đến dinh dưỡng, tăng khối lượng và hiệu quả kinh tế của dê lai Bách Thảo	Nguyễn Anh Hào	Nguyễn Văn Thu	Kết quả thí nghiệm cho thấy lượng vật chất khô tiêu thụ (gDM/con/ngày) của dê tiêu thụ ở các nghiệm thức TUMR0, TUMR1,5, TUMR3,0, TUMR4,5 theo thứ tự là 420, 425, 415 và 420. Lượng CP tiêu thụ (g/con/ngày) ở các nghiệm thức trong khoảng 69,3-70,4. Năng lượng trao đổi (MJ/con/ngày)

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					giữa các nghiệm thức là khác biệt không lớn nằm trong khoảng 5,33 – 5,37. Tăng khối lượng của dê (g/con/ngày) ở dê cái trong khoảng 63-75,2; dê đực là 68,1-85,2 và trung bình dê đực và cái là 65,5-81,3 trong đó nghiệm thức TUMR1.5 cho thấy hiệu quả tăng khối lượng cao nhất, tăng khối lượng ở các nghiệm thức còn lại giảm dần theo thứ tự TUMR0, TUMR3. Kết luận của thí nghiệm này là khi sử dụng men rượu ủ với tấm bổ sung vào khẩu phần nuôi dê, nghiệm thức LU P1. 5 cho kết quả tốt nhất về sử dụng thức ăn, tăng khối lượng của dê và hiệu quả kinh tế.
281.	ĐH	Mức tiêu thụ dưỡng chất, năng lượng trao đổi và chỉ tiêu sinh sản của dê cái Bách Thảo	Trần Văn Đình	Nguyễn Văn Thu	Kết quả nghiên cứu như sau: + Lượng dưỡng chất và năng lượng tiêu thụ ở dê giai đoạn khô là 33,8 gDM/kg KL; 4,57 gCP/kg KL; 0,315 MJ/kg KL + Lượng dưỡng chất và năng lượng tiêu thụ trung bình của dê cái mang thai tháng 1-4 là 36,7 gDM/kg KL; 4,81 gCP/kg KL; 0,338 MJ/kg KL. + Vòng bụng và nhiệt độ cơ thể của dê cái mang thai tháng 1 là (83,1±6,53cm, 38,36±0.073C⁰), tháng 2 là (87,2±7.20cm và 38,46±0.115C⁰), tháng 3 là (91,2±4.99cm và

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					$38,64 \pm 0.135C^0$), tháng 4 là $(93,1 \pm 8.54cm$ và $38,73 \pm 0.133C^0)$
282.	ĐH	Mức tiêu thụ dưỡng chất, năng lượng và tăng khối lượng của bò lai Ongole và bò lai Sind	Trần Vương Linh	Nguyễn Văn Thu	Kết quả nghiên cứu như sau: + Lượng dưỡng chất tiêu thụ và năng lượng trao đổi ở bò lai ONGOLE là $16,9 \pm 0,41$ gDM/kg KL; $2,09 \pm 0,035$ gCP/kg KL; $8,57 \pm 0,29$ gNDF/kg KL và $0,145 \pm 0,06$ MJ/kg KL. + Lượng dưỡng chất và năng lượng trao đổi ở bò LAI SIND là $16,3 \pm 0,52$ gDM/kg KL; $1,37 \pm 0,083$ gCP/kg KL; $9,52 \pm 0,38$ gNDF/kg KL và $0,130 \pm 0,006$ MJ/kg KL. - Khối lượng trung bình của bò lai ONGOLE là $252 \pm 9,80$ kg với tăng khối lượng là $489 \pm 30,0$ g/con/ngày khác biệt không có ý nghĩa thống kê ($P > 0,05$) so với bò LAI SIND các giá trị này lần lượt là $254 \pm 6,5$ kg và $418 \pm 32,0$ g/con/ngày.
283.	ĐH	Khảo sát tình hình bệnh carré trên chó và hiệu quả điều trị tại phòng khám thú y Happy Pets, thành phố Cà Mau	Huỳnh Xuân Mai	Nguyễn Thị Chúc	Đề tài khảo sát số chó bệnh carré tại Phòng khám Thú y Rạch Giá, thông qua bệnh sử, triệu chứng lâm sàng và test nhanh để xác định bệnh carré trên chó. Đồng thời đưa ra phác đồ điều trị và theo dõi hiệu quả điều trị
284.	ĐH	Khảo sát bệnh nấm da trên chó và theo	Bùi Minh Hiếu	Trịnh Thị Hồng Mơ	Đề tài khảo sát số chó bệnh nấm da tại phòng khám thú y

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		đổi hiệu quả điều trị tại phòng khám thú y Pet care Sa đéc, tỉnh Đồng Tháp			Pet care Sa đéc, tỉnh Đồng Tháp thông qua bệnh sử, triệu chứng lâm sàng. Đồng thời đưa ra phát đồ điều trị và theo dõi hiệu quả điều trị
285.	ĐH	Theo dõi bệnh viêm ruột tiêu chảy ở chó do <i>Parvovirus</i> tại phòng khám thú y KT pets thành phố Cần Thơ và hiệu quả điều trị	Huỳnh Ngọc Thu	Trịnh Thị Hồng Mơ	Đề tài khảo sát số chó bệnh viêm ruột do <i>Parvovirus</i> tại Phòng khám Thú y KT pets thành phố Cần Thơ và theo dõi hiệu quả điều trị.
286.	ĐH	Khảo sát bệnh <i>Parvovirus</i> trên chó tại phòng khám thú y Dung Thái, thành phố Long Xuyên	Đặng Ngọc Anh Thu	Trịnh Thị Hồng Mơ	Đề tài khảo sát số chó bệnh <i>Parvovirus</i> tại Phòng khám Thú y Dung Thái, thành phố Long Xuyên, thông qua bệnh sử, triệu chứng lâm sàng và test <i>Parvovirus</i> để xác định bệnh <i>Parvovirus</i> trên chó. Đồng thời đưa ra phát đồ điều trị và theo dõi hiệu quả điều trị
287.	ĐH	Tình hình mắc bệnh rận <i>octodecte cynotis</i> gây ra ở mèo và hiệu quả điều trị tại phòng khám thú y KT Pets, thành phố Cần Thơ	Lê Phương Anh	Trịnh Thị Hồng Mơ	Đề tài khảo sát tình hình mắc bệnh rận <i>octodecte cynotis</i> gây ra ở mèo và theo dõi hiệu quả điều trị tại phòng khám thú y KT Pets, thành phố Cần Thơ
288.	ĐH	Tình hình nhiễm cầu trùng và biện pháp phòng trị tại cơ sở Chăn nuôi gà đá quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ	Dương Tuấn Thanh	Nguyễn Thị Chúc	Đề tài khảo sát tình hình nhiễm cầu trùng và biện pháp phòng trị tại cơ sở Chăn nuôi gà đá quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
289.	ĐH	Khảo sát và điều trị bệnh <i>Parvovirus</i> trên chó tại phòng khám Thú y Thanh Hưng, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang	Trần Minh Thái	Trịnh Thị Hồng Mơ	Đề tài khảo sát số chó bệnh <i>Parvovirus</i> tại Phòng khám Thú y Thanh Hưng, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, thông qua bệnh sử, triệu chứng lâm sàng và test <i>Parvovirus</i> qua bộ kit để xác định bệnh <i>Parvovirus</i> trên chó. Đồng thời đưa ra phát đồ điều trị và theo dõi hiệu quả điều trị
290.		Tình hình bệnh <i>Parvovirus</i> trên chó và theo dõi kết quả điều trị tại phòng khám thú y Pet Center, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ	Vũ Ngọc Bảo Trâm	Trịnh Thị Hồng Mơ	Đề tài khảo sát số chó bệnh <i>Parvovirus</i> tại Phòng khám Thú y Pet Center, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ, thông qua bệnh sử, triệu chứng lâm sàng và test <i>Parvovirus</i> qua bộ kit để xác định bệnh <i>Parvovirus</i> trên chó. Đồng thời đưa ra phát đồ điều trị và theo dõi hiệu quả điều trị
291.	ĐH	Khảo sát bệnh rận tại trên mèo và theo dõi hiệu quả điều trị của Spreadlind tại phòng khám thú y Thanh Hưng, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang	Nguyễn Chí Hiếu	Trịnh Thị Hồng Mơ	Đề tài khảo sát bệnh rận tại trên mèo thông qua bệnh sử, triệu chứng lâm sàng và theo dõi hiệu quả điều trị của Spreadlind tại phòng khám thú y Thanh Hưng, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
292.	ĐH	Khảo sát bệnh tiêu chảy trên heo con theo mẹ và theo dõi hiệu quả điều trị tại trại heo tư nhân, xã Ngọc Tố, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh	Huỳnh Phước Khánh	Nguyễn Thị Chúc	Đề tài nhằm khảo sát số heo con theo mẹ tiêu chảy và đưa ra phát đồ điều trị và theo dõi hiệu quả điều trị tại trại heo tư nhân, xã Ngọc Tố, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		Sóc Trăng			
293.	ĐH	Khảo sát tình hình nhiễm ve và hiệu quả điều trị của thuốc Nexgard trên chó tại phòng khám thú y Dung Thái, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang	Lê Quốc Đình	Nguyễn Thị Chúc	Đề tài khảo sát số chó nhiễm ve và hiệu quả điều trị của thuốc Nexgard tại Phòng khám Thú y Dung Thái, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
294.	ĐH	Khảo sát bệnh <i>Parvovirus</i> trên chó và theo dõi kết quả điều trị tại trạm thú y liên quận Ninh Kiều - Bình Thủy, thành phố Cần Thơ	Nguyễn Khánh Vinh	Nguyễn Thị Chúc	Đề tài khảo sát số chó bệnh <i>Parvovirus</i> tại trạm thú y liên quận Ninh Kiều - Bình Thủy, thành phố Cần Thơ, thông qua bệnh sử, triệu chứng lâm sàng và test <i>Parvovirus</i> để xác định bệnh <i>Parvovirus</i> trên chó. Đồng thời đưa ra phát đồ điều trị và theo dõi hiệu quả điều trị
295.	ĐH	Khảo sát tình hình nhiễm bệnh <i>Parvovirus</i> trên chó và hiệu quả điều trị ở phòng khám thú y Như Mai, tỉnh Sóc Trăng	Nguyễn Thị Khánh Đoan	Nguyễn Thị Chúc	Đề tài khảo sát số chó bệnh <i>Parvovirus</i> tại Phòng khám Thú y Như Mai, tỉnh Sóc Trăng, thông qua bệnh sử, triệu chứng lâm sàng và test <i>Parvovirus</i> để xác định bệnh <i>Parvovirus</i> trên chó. Đồng thời đưa ra phát đồ điều trị và theo dõi hiệu quả điều trị
296.	ĐH	Khảo sát tình hình bệnh nấm da trên chó và theo dõi hiệu quả điều trị tại phòng khám thú y Trương Dung Pet, thành phố Cần Thơ	Đỗ Phước Lộc	Nguyễn Thị Chúc	Đề tài khảo sát số chó bệnh nấm da tại phòng khám thú y Trương Dung Pet, thành phố Cần Thơ thông qua bệnh sử, triệu chứng lâm sàng. Đồng thời đưa ra phát đồ điều trị và theo dõi hiệu quả điều trị

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
297.	ĐH	Khảo sát bệnh tiêu chảy trên heo con theo mẹ và theo dõi hiệu quả điều trị tại trại heo tư nhân, xã Song Phú, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long	Nguyễn Thái Phúc	Nguyễn Thị Chúc	Đề tài nhằm khảo sát số heo con theo mẹ tiêu chảy và đưa ra phát đồ điều trị và theo dõi hiệu quả điều trị tại trại heo tư nhân, xã Song Phú, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long
298.	Đại học	Ứng dụng GIS và viễn thám xác định biến động lớp thực phủ huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, năm 2019	Trần Ngọc Xuân Mai	Mai Linh Cảnh	- Sử dụng, giải đoán ảnh vệ tinh Landsat-8 xác định hiện trạng sử dụng đất huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre năm 201. - Khảo sát, thu thập, đối chiếu thực tế về hiện trạng sử dụng đất. - Điều tra nông hộ, xác định các nhân tố chính gây nên sự biến động và xu hướng biến động, ảnh hưởng của biến động tình hình sử dụng đất đai đến tài nguyên môi trường khu vực nghiên cứu.
299.	Đại học	Đánh giá kết quả quy hoạch sử dụng đất tại quận Cái Răng, Thành Phố Cần Thơ giai đoạn 2015 – 2020 và kế hoạch sử dụng đất hàng năm	Lâm Mộng Chúc	Võ Văn Bình	- Điều tra thu thập tài liệu, số liệu có liên quan đến quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ giai đoạn 2015 đến 2020; - Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2015 đến 2020 của quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ; - Đề xuất giải pháp nhằm nâng cáo tính khả thi của quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của quận Cái Răng, thành phố

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					Cần Thơ;
300.	Đại học	Đánh giá đô thị hóa và sự hài lòng của người dân về cơ sở hạ tầng kỹ thuật tại thị trấn Một Ngàn, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang	Trần Thị Ngọc Thảo	Mai Linh Cảnh	Thu thập số liệu về sử dụng đất, bản đồ hiện trạng sử dụng đất các năm; Điều tra, khảo sát người dân về cơ sở hạ tầng kinh tế kỹ thuật.
301.	Đại học	Đánh giá quy hoạch sử dụng đất huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang năm 2011 đến năm 2020	Trần Thiện Toàn	Võ Văn Bình	Thu thập số liệu thứ cấp so sánh với số liệu sơ cấp thông qua khảo sát để đánh giá công tác quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Đánh giá những khó khăn, thuận lợi trong công tác quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất và đề xuất giải pháp khắc phục.
302.	Đại học	So sánh kết quả giải đoán ảnh viễn thám với kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất tại huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau	Dương Minh Khiêm	Mai Linh Cảnh	Đánh giá hiện trạng sử dụng đất tại huyện Cái Nước tỉnh Cà Mau . Nghiên cứu áp dụng quy trình kiểm kê và thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất phù hợp điều kiện thực tế địa phương. So sánh kết quả diện tích được từ việc giải đoán viễn thám với số liệu kiểm kê và đánh giá khả năng ứng dụng viễn thám vào thực tiễn.
303.	Đại học	Đánh giá thực trạng công tác quản lý nhà nước đất đai tại phường Bình	Võ Đăng Khoa	Mai Linh Cảnh	Tìm hiểu các quy định của Nhà nước, ngành, địa phương về công tác đăng ký đất đai (ĐKDD), cấp giấy chứng

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		Thanh, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2017 - 2021			nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDD), thu hồi đất, quản lý nguồn tài nguyên đất đai đạo Tìm hiểu thực tế về công tác đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thu hồi đất, quản lý nguồn tài nguyên đất đai, trên địa bàn phường Bình Thạnh, thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang Đánh giá tình hình đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, quản lý nguồn tài nguyên đất đai trên địa bàn rồi từ đó tìm ra các tồn tại, hạn chế và nguyên nhân trong công ty đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, quản lý nguồn tài nguyên đất đai.
304.	Đại học	Đánh giá công tác giải quyết tranh chấp, khiếu nại tố cáo về đất đai trên địa bàn huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ, giai đoạn 2017-2020	Nguyễn Hồng Hưng	Võ Văn Bình	- Khảo sát thực trạng giải quyết khiếu nại, tố cáo và tranh chấp đất đai trên địa bàn huyện Phong Điền năm 2020. - Phân tích đánh giá kết quả thực hiện giải quyết khiếu nại, tố cáo và tranh chấp đất đai tại huyện Phong Điền năm 2020. - Phân loại các dạng khiếu nại và tranh chấp trên địa bàn huyện Phong Điền. - Đánh giá thuận lợi, khó khăn cũng như những vướng mắc

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					trong giải quyết tranh chấp đất đai trên địa bàn. - Tìm phương án nâng cao hiệu quả công trong công tác giải quyết tranh chấp đất đai.
305.	Đại học	Quy trình hợp thửa, tách thửa cấp GCNQSDĐ tại Huyện Giồng Riềng, Tỉnh Kiên Giang năm 2021	Phạm Duy Khoa	Võ Văn Bình	Thu thập số liệu thứ cấp so sánh với số liệu sơ cấp thông qua khảo sát để phân tích, đánh giá thực trạng quy trình hợp thửa, tách thửa trên địa bàn huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Đánh giá những khó khăn, thuận lợi và đề xuất giải pháp khắc phục Quy trình hợp thửa, tách thửa tại cơ quan có chức năng.
306.	Đại học	Quy trình chuyển đổi mục đích sử dụng đất tại huyện Cái Nước tỉnh Cà Mau	Đặng Lý Hải	Võ Văn Bình	- Tìm hiểu khái quát điều kiện tự nhiên kinh tế - xã hội của huyện Cái Nước. - Phân tích được 1 số yếu tố tác động đến chuyển đổi mục đích sử dụng đất trên địa bàn Huyện Cái Nước.
307.	Đại học	Quy trình chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau giai đoạn 2017-2020	Phan Phương Nam	Võ Văn Bình	- Tìm hiểu tình hình, đánh giá thực trạng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại Thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau giai đoạn 2017 – 2020. - Phân tích đánh giá kết quả thực hiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại Thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau giai đoạn 2017 – 2020. - Phân loại các dạng chuyển nhượng trên địa bàn Thị trấn Sông Đốc
308.	Đại học	Đánh giá công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho tổ chức, doanh nghiệp tại quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ giai đoạn 2017 - 2020	Đỗ Thị Kim Xoàn	Võ Văn Bình	Đánh giá hiện trạng sử dụng đất trên địa bàn quận Bình Thủy. Thực trạng công tác cấp GCN trên địa bàn quận Bình Thủy. Đánh giá tồn tại và đề xuất các giải pháp để đẩy nhanh công tác cấp GCN.
309.	Đại học	Thực trạng quản lý và khai thác tài nguyên đất đai tại tỉnh An Giang giai đoạn 2017 - 2020	Cao Phước An	Mai Linh Cảnh	Thu thập số liệu, thông tin về quản lý và khai thác tài nguyên đất đai tại cơ quan Tài nguyên và Môi trường trong tỉnh An Giang; - Đánh giá công tác quản lý và khai thác nguồn tài nguyên đất sét, cát lòng sông trong địa bàn tỉnh An Giang.
310.	Đại học	Ứng dụng GIS xây dựng cơ sở dữ liệu du lịch tỉnh Kiên Giang.	Lê Thuận Tài	Mai Linh Cảnh	Sử dụng phần mềm MapInfo và ngôn ngữ MapBasic thiết kế hệ thống quản lý thông tin di lịch tỉnh Kiên Giang.
311.	Đại học	Quy trình đo đạc phục vụ công tác	Trần Tây Đô	Võ Văn Bình	- Nghiên cứu tổng quan về quy trình đo đạc phục vụ công tác

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại văn phòng đăng ký đất đai thành phố Cần Thơ			cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại văn phòng đăng ký đất đai thành phố Cần Thơ. - Thu thập, tài liệu số liệu, thu thập chính xác, đầy đủ về cơ sở dữ liệu hiện trạng công tác quản lý về quy trình đo đạc phục vụ công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại văn phòng đăng ký đất đai thành phố Cần Thơ. - Đánh giá, phân tích quy trình đo đạc, phục vụ công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại văn phòng đăng ký đất đai thành phố Cần Thơ.
312.	Đại học	Ứng dụng GIS đánh giá biến động sử dụng đất 2015, 2020 và dự báo nhu cầu sử dụng đất đến năm 2025 tại quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ	Đặng Thị Thảo Trang	Mai Linh Cảnh	Sử dụng công nghệ GIS biên tập bản đồ hiện trạng sử dụng đất theo kết quả kiểm kê đất đai năm 2019 tại quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.
313.	Đại học	Xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính tại xã Núi Voi, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang	Nguyễn Văn Việt	Võ Văn Bình	Chuẩn bị tài liệu, dữ liệu (phần mềm, bản đồ, thông tin về người và quyền...) Tiến hành tách lớp trên bản đồ microstation. Xây dựng dữ liệu không gian địa chính, dữ liệu thuộc tính địa chính, sau đó tiến hành liên kết các dữ liệu. Biên tập, hoàn thiện CSDLHSDC.

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
					Viết báo cáo.
314.	Đại học	An investigation into the effects of watching English Ted Talk videos on presentation skill of English majored seniors at TDU	Đồng Thị Ngọc Ánh	ThS. Phan Thị Minh Uyên	Nghiên cứu được thực hiện để tìm hiểu ảnh hưởng của việc xem video Ted Talk bằng tiếng Anh đối với kỹ năng thuyết trình của sinh viên năm cuối chuyên ngành tiếng Anh tại Đại học Tây Đô
315.	Đại học	A study of vocabulary learning strategies by first-year English majors at Tay Do University	Phạm Trúc Hậu	ThS. Nguyễn Thị Thúy Hằng	Nghiên cứu được thực hiện để tìm hiểu chiến lược học từ vựng của sinh viên năm nhất chuyên Anh tại Đại học Tây Đô
316.	Đại học	How to improve Listening skills for first year English majors at Tay Do university	Võ Thái Linh	ThS. Huỳnh Nguyễn Bảo Ngọc	Nghiên cứu được thực hiện để tìm hiểu cách cải thiện kỹ năng Nghe cho sinh viên năm nhất chuyên ngành tiếng Anh tại Đại học Tây Đô
317.	Đại học	An investigation into common difficulties in listening of English majored sophomores at Tay Do University	Lê Thị Thảo Nguyên	ThS. Huỳnh Nguyễn Bảo Ngọc	Nghiên cứu được thực hiện để tìm hiểu những khó khăn sinh viên năm hai chuyên ngành tiếng Anh thường gặp khi nghe tiếng Anh tại Đại học Tây Đô
318.	Đại học	An investigation into the Difficulties in Listening Comprehesion of English majored Sophomores at Tay Do University	Võ Bé Sang	ThS. Bùi Thị Trúc Ly	Nghiên cứu điều tra những khó khăn trong luyện nghe của sinh viên năm thứ hai chuyên ngành tiếng Anh tại Đại học Tây Đô
319.	Đại học	A research on using English songs to motivate students' learning English at Tay Do university	Trương Ngọc Yên	ThS. Đặng Thị Hạnh	Nghiên cứu sử dụng các bài hát tiếng Anh để thúc đẩy việc học tiếng Anh của sinh viên trường Đại học Tây Đô

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
320.	Đại học	Motivating factors in learning speaking of English majored sophomores at Tay Do University	Nguyễn Nhật Hào	ThS. Huỳnh Thị Mỹ Duyên	Nghiên cứu tìm hiểu các yếu tố thúc đẩy việc học nói tiếng Anh của sinh viên năm thứ hai chuyên ngành tiếng Anh tại Đại học Tây Đô
321.	Đại học	The difficulties in speaking of English majored sophomores at TDU	Lê Thành Duy	ThS. Huỳnh Thị Mỹ Duyên	Nghiên cứu tìm hiểu các khó khăn khi nói tiếng Anh của sinh viên năm hai chuyên Anh tại Đại học Tây Đô
322.	Đại học	An investigation into difficulties in writing encountered by English-majored sophomores at Tay Do University	Phan Bé Non	TS. Đặng Thị Bảo Dung	Nghiên cứu tìm hiểu những khó khăn sinh viên năm hai chuyên ngữ gặp phải khi viết tiếng Anh tại Đại học Tây Đô
323.	Đại học	A study on problems in speaking of English-majored freshmen at Tay Do University and some suggested solutions	Đặng Thị Kiều Hương	TS. Đặng Thị Bảo Dung	Nghiên cứu tìm hiểu các khó khăn sinh viên năm nhất chuyên ngành tiếng Anh Đại học Tây Đô gặp phải khi nói và một số giải pháp
324.	Đại học	An investigation into the perceptions of watching English movies in developing listening and speaking skills of English majored sophomores at TDU.	Phan Ngọc Thảo	ThS. Lê Văn Lành	Nghiên cứu tìm hiểu nhận thức của sinh viên năm hai chuyên ngành tiếng Anh tại TDU về việc xem phim tiếng Anh để phát triển kỹ năng nghe và nói
325.	Đại học	An investigation into common problems in speaking skills of English majored freshmen at Tay Do University	Trần Thị Thanh Trúc	ThS. Lý Thị Trà My	Nghiên cứu tìm hiểu các khó khăn thường gặp khi nói của sinh viên năm nhất chuyên ngành tiếng Anh tại Đại học Tây Đô

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
326.	Đại học	An investigation into difficulties in writing essay of English-majored sophomores at Tay Do University	Trần Tuấn Duy	ThS. Lý Thị Trà My	Nghiên cứu tìm hiểu những khó khăn khi viết luận của sinh viên năm hai chuyên Anh trường Đại học Tây Đô

G. Công khai thông tin đào tạo theo đơn đặt hàng của nhà nước, địa phương và doanh nghiệp

STT	Tên đơn vị đặt hàng đào tạo	Số lượng	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Kết quả đào tạo
1					
2					

H. Công khai hội nghị, hội thảo khoa học do cơ sở giáo dục tổ chức

STT	Tên chủ đề hội nghị, hội thảo khoa học	Thời gian tổ chức	Địa điểm tổ chức	Số lượng đại biểu tham dự
1	Hội thảo “Nâng cao chất lượng đào tạo sau đại học ngành Quản trị kinh doanh tại Trường Đại học Tây Đô”	Ngày 19 tháng 03 năm 2022	Trường Đại học Tây Đô	130
2	Hội thảo hướng nghiệp Dược với Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội, chủ đề "Lên thuyền vượt sóng"	Ngày 06 tháng 05 năm 2022	Trường Đại học Tây Đô	180
3	Hội thảo “Tác động của liên kết đến sự phát triển của vùng Đồng bằng sông Cửu Long và thành phố Cần Thơ”	Ngày 24 tháng 12 năm 2022	Trường Đại học Tây Đô	250

I. Công khai thông tin về các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất thử và tư vấn

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
1.	Xác định hàm lượng kim loại nặng arsen, crom trong mẫu nước sinh hoạt thuộc huyện Long Hồ tỉnh Vĩnh Long	Ths. Nguyễn Chí Toàn Lê Thị Kim Yến	Không	2022	90	
2.	Xác định hàm lượng ethanol, methanol, acetaldehyd, kim loại nặng trong mẫu rượu trắng và rượu thương phẩm lưu thông tại các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long bằng các phương pháp so màu, UV-Vis và sắc ký khí	Ths. Nguyễn Ngọc Linh Huỳnh Như	Không	2022	90	
3.	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc đái tháo đường tại TTYT huyện Kế Sách tỉnh Sóc Trăng	Ths. Quách Thị Thu Hằng Trần Thị Ngọc Hân	Không	2022	90	
4.	Tổng hợp và đánh giá hoạt tính sinh học các dẫn xuất dị vòng benzimidazole	Ths. Nguyễn Phú Quý Võ Thông Thái	Không	2022	90	
5.	Tổng hợp và đánh giá hoạt tính sinh học các dẫn xuất dị vòng kết hợp chứa khung benzimidazole	TS. Dương Thị Bích Ths. Nguyễn Phú Quý Lê Sơn Hải	Không	2022	90	
6.	Nghiên cứu tổng hợp <i>in vitro</i> gel vuốt tóc Clotrimazol	TS. Hà Thanh Mỹ Phương Nguyễn Thị Hồng Sương	Không	2022	90	
7.	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị đái tháo đường type 2 ở bệnh nhân ngoại trú tại BV Đa khoa Trà Vinh	Ths. Lâm Thị Thu Quyên Lại Thị Cẩm Tiên	Không	2022	90	
8.	Khảo sát tình hình sử	DS. CKI. Lê Phú	Không	2022	90	

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
	dụng thuốc điều trị tăng huyết áp tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Kiên Giang	Nguyễn Thảo Trần Thị Hương Lan				
9.	Nghiên cứu bào chế kem chống nắng titandioxid và avobenzone	Ths. Đoàn Thanh Trúc Ngô Hồng Phong Phạm Thị Thu Ngân	Không	2022	90	
10.	Định lượng polyphenol, flavonoid và khảo sát tác dụng chống oxy hóa, ức chế enzym α -glucosidase của các cao chiết hoa Bằng lăng (<i>Flos Lagerstroemiae speciosae</i>)	Ths. Trĩ Kim Ngọc Chung Thanh Trâm	Không	2022	90	
11.	Đánh giá sự đa hình di truyền cây lạc tiên trồng ở một số tỉnh, thành miền tây bằng chỉ thị hình thái, vi phẫu và giải trình tự DNA	TS. Thiệu Văn Đường Lê Thúy Nhi	Không	2022	90	
12.	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị bệnh tim mạch của bệnh nhân tại trung tâm y tế huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, năm 2021	Ths. Nghị Ngô Lan Vi Nguyễn Thị Kim Dung	Không	2022	90	
13.	Nghiên cứu quy trình điều chế trà túi lọc từ cây Cúc vạn thọ vàng (<i>Tagetes erecta</i> L.) có tác dụng chống oxy hóa và hạ đường huyết	Ths. Huỳnh Ngọc Trung Dung Lâm Minh Nghi	Không	2022	90	
14.	Khảo sát tình hình bệnh Parvovirus trên chó tại phòng khám Thú y Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang	Ths. Trịnh Thị Hồng Mơ Trần Thị Tuyết Ngân	Không	2022	90	
15.	Thẩm định phương pháp	Ths. Nguyễn Kim	Không	2022	90	

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
	xác định cadimi, chì và asen trong hoa đậu biếc (<i>Clitoria ternatea</i>) bằng phương pháp hấp thu nguyên tử AAS	Đông Ths. Hà Phương Thảo Phạm Huyền Trang				
16.	Khảo sát ảnh hưởng của chế độ tiền xử lý và nồng độ đường, canxi clorua ngâm thấm thấu đến chất lượng xoài sấy dẻo	Ths. Võ Thị Kiên Hào Ths. Lê Nguyễn Tường Vi Huỳnh Nhã Thư	Không	2022	90	
17.	Nghiên cứu quy trình sản xuất đất sạch hữu cơ sinh học trồng rau an toàn theo hướng bền vững	TS. Võ Văn Bình PGS. TS. Nguyễn Văn Bá CN. Lê Văn Sơn Ths. Phan Văn Tiến Ths. Mai Linh Cảnh	Không	2022	90	
18.	Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định vay vốn của khách hàng cá nhân tại NH TMCP Á Châu – PGD Ninh Kiều	Ths. Nguyễn Trí Dũng Trương Ngọc Toán	Không	2022	45	
19.	Các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của khách hàng cá nhân tại Ngân hàng TMCP Phương Đông - PGD Rạch Giá	Ths. Phan Ngọc Bảo Anh Phạm Thị Thu Thủy	Không	2022	45	
20.	Các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng trả nợ vay của hộ nghèo tại Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Mỏ Cày Nam tỉnh Bến Tre	TS. Nguyễn Thiện Phong Ths. Phan Ngọc Bảo Anh Lê Hạnh Nguyên	Không	2022	45	
21.	Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng thẻ tín dụng của khách hàng cá nhân tại Thành	TS. Trần Kiều Nga Ths. Phan Ngọc Bảo Anh Hà Thị Kiều Anh	Không	2022	45	

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
	phố Cần Thơ					
22.	Các yếu tố tác động đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của các Doanh nghiệp ngành Bất động sản	Ths. Thái Kim Hiền Nhân Ths. Nguyễn Quang Nhơn Huỳnh Thị Tuyết Ngọc	Không	2022	45	
23.	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp ngành xây dựng niêm yết trên sàn chứng khoán Việt Nam	Ths. Thái Thị Bích Trân Nguyễn Thị Kim Chi	Không	2022	45	
24.	Các yếu tố tác động đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của các Doanh nghiệp ngành Sản xuất chế biến thực phẩm	Ths. Lê Cảnh Bích Thơ Ths. Thái Thị Bích Trân Lê Thị Châu Long	Không	2022	45	
25.	Phân tích tình hình tài chính tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú	Ths. Huỳnh Thị Cẩm Thơ Ths. Thái Thị Bích Trân Nguyễn Nhựt Long	Không	2022	45	
26.	Các yếu tố ảnh hưởng đến việc sử dụng dịch vụ smart banking của khách hàng cá nhân tại ngân hàng tmcp Sài Gòn công thương – chi nhánh cần thơ	TS. Tất Duyên Thư TS. Nguyễn Huỳnh Thanh TS. Trần Kiều Nga Phan Đoàn Duy An	Không	2022	45	
27.	Các nhân tố ảnh hưởng đến rủi ro tín dụng của khách hàng cá nhân tại NH TMCP Á Châu Chi nhánh Cần Thơ - PGD Tây Đô	Ths. Nguyễn Huy Trung Ths. Phan Ngọc Bảo Anh Võ Thế Văn	Không	2022	45	
28.	Thực trạng và giải pháp chi phí hao hụt trong	Ths. Trần Thúy Nghiệm	Không	2022	45	

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
	kinh doanh xăng dầu tại Công ty Cổ phần Dầu Khí Mekong	TS. Nguyễn Đình Khôi Phạm Thị Thảo Ly				
29.	Các yếu tố quyết định đến lựa chọn dịch vụ kế toán của các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại địa bàn TP. Cần Thơ	Ths. Đinh Công Hiến Đinh Ngọc Nhật Hạ	Không	2022	45	
30.	Phân tích hoạt động kinh doanh ống nhựa của Cty TNHH TMDV Minh Nghi tại TPCT	Ths. Đào Duy Tùng Võ Thị Thúy Huỳnh	Không	2022	45	
31.	Giải pháp hoàn thiện hoạt động marketing sản phẩm áo sơ mi của Cty CP May Tây Đô tại thị trường nội địa	Ths. Nguyễn Huỳnh Phước Thiện Nguyễn Văn Nhi	Không	2022	45	
32.	Hoạch định chiến lược kinh doanh dịch vụ mạng 4G cho Vinaphone tại địa bàn Thành phố Cần Thơ đến năm 2027	Ths. Thái Ngọc Vũ Lê Thanh Bình	Không	2022	45	
33.	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi mua sắm của khách hàng tại TPCT khi mua sắm trên sân thương mại điện tử shopee	Ths. Đinh Vũ Long Kiều Như Ly	Không	2022	45	
34.	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp sinh viên trường hợp ngành quản trị kinh doanh	Ths. Phòng Thị Huỳnh Mai Lê Nguyễn Ngọc Châu	Không	2022	45	
35.	Đánh giá mức độ nhận biết của khách hàng đối với thương hiệu Tân Huê Viên tại TP Sóc Trăng	Ths. Trịnh Bửu Nam Huỳnh Hồ Anh Kiệt	Không	2022	45	
36.	Nghiên cứu mức độ nhận	Ths. Huỳnh Thị	Không	2022	45	

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
	biết thương hiệu FPT Telecom của Cty CP Viễn thông FPT chi nhánh Cần Thơ	Kiều Thu Ths. Trịnh Bửu Nam Trần Thị Thể				
37.	Đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến sự lựa chọn hòa mạng Vinaphone của khách hàng cá nhân tại Cái Răng Cần Thơ	Ths. Võ Khắc Huy Trần Tấn Thành	Không	2022	45	
38.	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi mua sắm trực tuyến của khách hàng tại siêu thị GO thành phố Cần Thơ	Ths. Nguyễn Kim Thắm Hồ Thị Quỳnh Như	Không	2022	45	
39.	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự gắn kết của người lao động tại Mobifone Cần Thơ	Ths. Nguyễn Thị Thanh Trúc Trần Anh Thư	Không	2022	45	
40.	Tiếp cận các mô hình tối ưu vector thông qua tập cải tiến	Ths. Võ Thị Mộng Thúy TS. Lâm Quốc Anh Ths. Phạm Thanh Dược	Không	2022	45	
41.	Hàm khoảng cách định hướng Hiriart-Urruty và ứng dụng	Ths. Nguyễn Hữu Danh PGS. TS. Lâm Quốc Anh Phạm Thanh Dược	Không	2022	45	
42.	Xây dựng hệ thống hỗ trợ việc phân loại bệnh viêm phổi bằng hình ảnh X-quang ngực dựa trên phương pháp học sâu	Ths. Bùi Xuân Tùng Ths. Huỳnh Thanh Danh Ths. Nguyễn Chí Cường BS. Hoàng Văn Tư	Không	2022	90	
43.	Thiết kế kỹ thuật trụ sở công an quận Thốt Nốt, TP Cần Thơ.	Ths. Đỗ Trần Như Vân Lâm Ngọc Thơ	Không	2022	90	
44.	Nghiên cứu chế tạo mô	Ths. Nguyễn Vĩnh	Không	2022	90	

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
	hình nhà thông minh.	Thành Lê Quốc Vinh				
45.	Hệ thống cứu hộ ô tô (Module 01)	Ths. Nguyễn Chí Cường Ths. Lâm Tấn Phương Lê Vũ Linh	Không	2022	90	
46.	Thiết kế và vận hành tối ưu cho hệ thống điện mặt trời áp mái hòa lưới có pin lưu trữ	Ths. Nguyễn Duy Ninh TS. Nguyễn Nhựt Tiến Nguyễn Duy Tàn	Không	2022	90	
47.	Nghệ thuật xây dựng hình tượng nhân vật trong tác phẩm Nhà thờ Đức bà Pari của VictoHuyGo	Ths. Nguyễn Thúy Diễm Hứa An Khang	Không	2022	45	
48.	Tìm hiểu một số địa danh tiêu biểu tại TPCT dưới góc độ ngôn ngữ và văn hóa	TS. Tăng Tấn Lộc Mai Nguyễn Thảo Nguyên	Không	2022	45	
49.	A research on using english songs to motivate juniors' learning english at tay do university	Ths. Đặng Thị Hạnh	Không	2022	45	
50.	A study on common english writing errors made by english-majored freshmen at tay do university	Ths. Lý Thị Trà My	Không	2022	45	
51.	An investigation into common difficulties in listening of english-majored sophomores at tay do university	Ths. Huỳnh Nguyễn Bảo Ngọc	Không	2022	45	
52.	Difficulties in learning listening comprehension skill of english majored	Ths. Bùi Thị Trúc Ly	Không	2022	45	

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
	sophomores at tay do university					
53.	A study on problems in speaking of english majored freshmen at tay do university and some suggested solutions	TS. Đặng Thị Bảo Dung	Không	2022	45	
54.	The difficulties in speaking of english majored sophomores at tay do university	Ths. Huỳnh Thị Mỹ Duyên	Không	2022	45	
55.	A study of vocabulary learning strategies by first-year english-majored students at tay do university	Ths. Nguyễn Thị Thúy Hằng	Không	2022	45	
56.	An investigation into the perceptions of watching english movies in developing listening and speaking skills of english majored sophomores at tay do university	Ths. Lê Văn Lành	Không	2022	45	
57.	An investigation into the effects of english ted talks videos on oral presentation skills of english-majored seniors at tay do university	Ths. Phan Thị Minh Uyên	Không	2022	45	
58.	Difficulties in learning to speak online faced by English-majored freshmen at Tay Do University	Ths. Wa Thái Như Phương	Không	2022	45	
59.	Áp dụng pháp luật về tội đánh bạc trong bộ luật hình sự hình sự Việt Nam thực trạng – giải	Ths. Nguyễn Minh Nhật Đỗ Nhật Nam	Không	2022	45	

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
	pháp					
60.	Pháp luật Việt Nam về xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp	Ths. Võ Hồng Lĩnh Lê Ngọc Trăm	Không	2022	45	
61.	Bảo hộ quyền tác giả theo quy định pháp luật Việt Nam	Ths. Trương Kim Phụng Ths. Võ Hồng Lĩnh Lê Tố Quyên	Không	2022	45	
62.	Thế chấp tài sản hình thành trong tương lai và thực tiễn áp dụng	Ths. Nguyễn Hồng Chi Trương Minh Thư	Không	2022	45	
63.	Cơ chế pháp lý về kiểm soát và xử lý vi phạm đối với hành vi hạn chế cạnh tranh. Lý luận và thực tiễn	Ths. Lâm Hồng Loan Chi Lâm Như Huyền	Không	2022	45	
64.	Quy định về tài sản chung của vợ chồng trong Luật Hôn nhân và gia đình ở Việt Nam	Ths. Nguyễn Anh Thư Tạ Ngọc Sang	Không	2022	45	
65.	Tình hình tội phạm cố ý gây thương tích trên địa bàn thành phố Rạch Giá - thực trạng và giải pháp	Ths. Nguyễn Minh Nhật Lê Thị Thùy Giang	Không	2022	45	
66.	Pháp luật Việt Nam về bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân trước hành vi làm nhục, vu khống trên không gian mạng	Ths. Trần Thu Trang Ths. Võ Hồng Lĩnh Đỗ Minh Thông	Không	2022	45	
67.	Quy định và đề xuất hoàn thiện về Tội đầu cơ theo quy định của pháp luật Hình sự Việt Nam.	Ths. Nguyễn Xuân Tiên Ths. Lâm Hồng Loan Chi Phan Hoàng Sơn Tây	Không	2022	45	
68.	Trách nhiệm bồi thường	TS. Nguyễn Kỹ Việt	Không	2022	45	

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
	thiệt hại do cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự gây ra.	Ths. Nguyễn Hồng Chi Huỳnh Thị Thúy An				
69.	Quy định pháp luật về các biện pháp bảo đảm Thi hành án dân sự	Ths. Nguyễn Ngọc Diệp Ths. Nguyễn Hồng Chi Lê Thị Cẩm My	Không	2022	45	
70.	Pháp luật về hoạt động công chứng, chứng thực giao dịch quyền sử dụng đất. Thực tiễn trên địa bàn thành phố Cần Thơ	Ths. Nguyễn Mỹ Tiên Ths. Lâm Hồng Loan Chi Phan Nhựt Thư	Không	2022	45	
71.	Hoạch định chiến lược marketing dịch vụ lưu trú tại khách sạn Sol by Melia Phú Quốc giai đoạn 2022-2026	Ths. Lê Thị Nhà Ca Trần Thiên Phụng	Không	2022	45	
72.	Thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ buồng phòng tại khu nghỉ dưỡng Victoria Cần Thơ Resort giai đoạn 2022 - 2025	Ths. Nguyễn Hoàng Giang Ths. Nguyễn Tương Lai Phạm Đỗ Phương Trang	Không	2022	45	
73.	Giải pháp nhằm nâng cao chất lượng phục vụ của bộ phận lễ tân tại khách sạn TTC Premium Cần Thơ	Ths. Trần Minh Hùng Phan Thị Tuyết Nhi	Không	2022	45	
74.	Định hướng và giải pháp phát triển du lịch biển, đảo tỉnh Kiên Giang	Ths. Lê Thị Mai Hương Huỳnh Thị Thanh Lam	Không	2022	45	
75.	Nghiên cứu hoạt động phát triển du lịch homestay tại huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ	Ths. Dương Thanh Xuân Nguyễn Thúy An	Không	2022	45	

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
76.	Giải pháp phát triển du lịch cộng đồng Thành phố Cần Thơ giai đoạn 2022-2026	Ths. Cao Thị Sen Nguyễn Trường Giang	Không	2022	45	
77.	Thực trạng và giải pháp phát triển du lịch cộng đồng tại cù lao An Bình, tỉnh Vĩnh Long	Ths. Hồ Thị Minh Hà Ths. Dương Thanh Xuân Nguyễn Ngọc Bích	Không	2022	45	
78.	Thực trạng và giải pháp marketing cho du lịch thành phố Cần Thơ giai đoạn 2022 - 2025	Ths. Nguyễn Tương Lai Trần Thị Kim Ngân	Không	2022	45	
79.	Xác định hàm lượng kim loại nặng chì và cadimi trong gạo trồng tại huyện hòn đất, tỉnh Kiên Giang	Trần Thị Thu Em Ths. Nguyễn Chí Toàn	Không	2022	30	
80.	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc tăng huyết áp ở Trung tâm Y tế Chợ mới An Giang	Cao Hiếu Nhi DS. CKI Quách Thị Thu Hằng	Không	2022	30	
81.	Tổng hợp và đánh giá hoạt tính sinh học các dẫn xuất dị vòng 1,3,4-oxadiazole	Nguyễn Thanh Tâm Ths. Nguyễn Phú Quý	Không	2022	30	
82.	Tổng hợp và đánh giá hoạt tính sinh học các dẫn xuất dị vòng kết hợp chứa khung 1,3,4-oxadiazole	Nguyễn Trần Thúy Ngọc Ths. Nguyễn Phú Quý	Không	2022	30	
83.	Tổng hợp và đánh giá hoạt tính sinh học các dẫn xuất dị vòng kết hợp 1,3,4-oxadiazole/benzimidazole	Nguyễn Thị Trà Giang TS. Dương Thị Bích Ths. Nguyễn Phú Quý	Không	2022	30	
84.	Nghiên cứu tổng hợp <i>in vitro</i> dầu gội trị gàu tinh	Huỳnh Thị Tuyết Nga	Không	2022	30	

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
	dầu trầm có khả năng kháng khuẩn	TS. Hà Thanh Mỹ Phương				
85.	Khảo sát tình hình sử dụng kháng sinh linezolid trong điều trị nội trú tại bệnh viện Nhi Đồng Thành Phố Cần Thơ	Tổng Nhất Linh Ths. Lâm Thị Thu Quyên	Không	2022	30	
86.	Khảo sát tình hình sử dụng kháng sinh trong điều trị viêm phổi cộng đồng ở trẻ em từ 2 tháng đến 5 tuổi tại bệnh viện đa khoa Vĩnh Long"	Trương Ngọc Khánh DS. CKI Lê Phú Nguyên Thảo	Không	2022	30	
87.	Định lượng polyphenol, flavonoid và khảo sát tác dụng chống oxy hóa, ức chế enzyme α -glucosidase của các cao chiết hoa Muồng hoàng yến (<i>Flos Cassiae fistulae</i>)	Nguyễn Thị Hạnh Nguyên Ths. Trì Kim Ngọc	Không	2022	30	
88.	Đánh giá sự đa hình di truyền cây nghệ vàng trồng ở một số tỉnh, thành miền tây bằng chỉ thị hình thái, vi phẫu và giải trình tự DNA	Nguyễn Thị Thúy Ngân TS. Thiệu Văn Đường	Không	2022	30	
89.	Nghiên cứu, khảo sát sự thay đổi hoạt chất trong quá trình sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe từ nguyên liệu củ Nga Truật	Thạch Thị Mộng Nghị Ths. Tào Việt Hà	Không	2022	30	
90.	Khảo sát tình hình sử dụng thuốc điều trị bệnh đái tháo đường type 2 của bệnh nhân tại trung tâm y tế huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang,	Dương Nguyễn Trọng Duy Ths. Nghị Ngô Lan Vi	Không	2022	30	

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
	năm 2021					
91.	Khảo sát tác dụng tăng lực của hai chế phẩm từ đông trùng hạ thảo do công ty Lavite sản xuất	Nguyễn Thế Ngọc Ths. Huỳnh Ngọc Trung Dung	Không	2022	30	
92.	Nghiên cứu thành phần hóa học của lá cây Muồng trâu thu hái tại Cần Thơ (<i>Cassia alata</i> L., họ Fabaceae)	Dương Hồng Ngọc Ths. Nguyễn Hữu Phúc	Không	2022	30	
93.	Nghiên cứu đặc điểm hình thái, vi phẫu và hoạt tính kháng oxi hóa của cây Hương thảo <i>Rosmarinus officinalis</i> L.	Bùi Kim Phượng Nguyễn Ngọc Yên Trì Kim Ngọc	Không	2022	30	
94.	Khảo sát tình hình bệnh mò bao lông (<i>Demodex canis</i>) trên chó và hiệu quả điều trị tại phòng khám thú y pet care Sa Đéc tỉnh Đồng Tháp	Lê Hồng Anh Ths. Nguyễn Thị Chúc	Không	2022	30	
95.	Ảnh hưởng của việc bổ sung lúa mì ủ Lactozyme trong khẩu phần đến dinh dưỡng, tỷ lệ sống và hiệu quả kinh tế của gà Ấc	Huỳnh Hồng Vân Ths. Nguyễn Thị Kim Đông	Không	2022	30	
96.	Khảo sát bệnh tiêu chảy máu trên chó tại phòng mạch thú y quận Ô Môn, thành phố Cần thơ	Nguyễn Thị Mỹ Hòa Ths. Trịnh Thị Hồng Mơ	Không	2022	30	
97.	Khảo sát ảnh hưởng của một số yếu tố chế biến đến chất lượng cider chanh dây - cà rốt	Đặng Ngọc Nhớ Ths. Nguyễn Thị Thu Thảo	Không	2022	30	
98.	Nghiên cứu chế biến bánh tráng xoài ăn liền	Trần Thị Mỹ Quyên Ths. Võ Thị Kiên Hào	Không	2022	30	
99.	Kê toán và phân tích hiệu	Nguyễn Thị Hoàng	Không	2022	30	

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
	quả hoạt động kinh doanh tại chi nhánh Vĩnh Long - Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải	Yến Ths. Thái Thị Bích Trân				
100.	Các nhân tố ảnh hưởng đến vận dụng chế độ kế toán trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Thành phố Cần Thơ	Phạm Huỳnh Minh Thư Ths. Huỳnh Thị Cẩm Thơ	Không	2022	30	
101.	Giải pháp hoàn thiện công tác thu chi Ngân sách Nhà nước tại Ủy ban Nhân dân thị xã Long Mỹ Hậu Giang	Hồ Thị Thúy Vi TS. Nguyễn Thiện Phong	Không	2022	30	
102.	Các nhân tố ảnh hưởng đến rủi ro tín dụng của cá nhân tại ngân hàng TMCP Kiên Long chi nhánh Cần Thơ	Nguyễn Thùy Dương Ts. Tất Duyên Thư	Không	2022	30	
103.	Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định sử dụng dịch vụ Mobile Banking của Khách hàng cá nhân tại Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Cần Thơ - Phòng Giao dịch Cái Răng	Nguyễn Thị Ngọc Trúc Ths. Nguyễn Trí Dũng	Không	2022	30	
104.	Các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng trả nợ đúng hạn của Khách hàng cá nhân vay vốn tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Giồng Riềng Kiên Giang II	Nguyễn Thị Ngọc Diễm Ths. Phan Ngọc Bảo Anh	Không	2022	30	
105.	Các nhân tố ảnh hưởng đến giá cổ phiếu của các	Nguyễn Trần Đức Anh	Không	2022	30	

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
	Công ty ngành Tài chính niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh	TS. Nguyễn Đình Khôi				
106.	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của Cty TNHH Hoàng Thắng quận Ninh Kiều TPCT	Võ Bảo Trang Ths. Đào Duy Tùng	Không	2022	30	
107.	Nâng cao hiệu quả tiêu thụ sản phẩm bất động sản tại Cty CP ĐT&PT SC Holding Cần Thơ	Phạm Tường Vi Ths. Võ Khắc Huy	Không	2022	30	
108.	Hoạch định chiến lược marketing sản phẩm ống nhựa của Cty TNHH TM&DV Minh Nghi giai đoạn 2022-2026	Dương Thị Mỹ Quyên Ths. Nguyễn Huỳnh Phước Thiện	Không	2022	30	
109.	Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh cty xi măng Cần Thơ Hậu Giang giai đoạn 2019-2021	Trần Văn Khanh Ths. Huỳnh Thị Kiều Thu	Không	2022	30	
110.	Phân tích hoạt động tín dụng của ngân hàng TMCP An Bình - phòng giao dịch Cái Răng	Bùi Minh Nhựt Ths. Nguyễn Huỳnh Phước Thiện	Không	2022	30	
111.	Hoạch định chiến lược marketing dịch vụ lưu trữ thực phẩm đông lạnh của chi nhánh tổng Cty TM SG TNHH MTV - kho lạnh satra giai đoạn 2022-2026	Phạm Thị Loan Ths. Nguyễn Huỳnh Phước Thiện	Không	2022	30	
112.	Phân tích hoạt động cho vay khách hàng cá nhân tại ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong chi nhánh Kiên Giang	Thạch Đức Em Ths. Nguyễn Thị Thanh Trúc	Không	2022	30	

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
113.	Phân tích hoạt động tín dụng tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt - chi nhánh Kiên Giang	Trương Anh Thư Ths. Nguyễn Kim Thắm	Không	2022	30	
114.	Phân tích hoạt động tín dụng có tài sản đảm bảo của cá nhân tại Ngân hàng Vpbank - PGD Lý Tự Trọng chi nhánh Cần Thơ	Nguyễn Duy Phương Ths. Nguyễn Thị Thanh Trúc	Không	2022	30	
115.	Phân tích hoạt động cho vay tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội chi nhánh Sóc Trăng	Đặng Thị Ngọc Lan Ths. Phòng Thị Huỳnh Mai	Không	2022	30	
116.	Lập kế hoạch marketing cho hoạt động kinh doanh bất động sản của Cty CPĐT và PT SC Holding tại TPCT năm 2022 đến năm 2023	Lê Thị Ánh Thư Ths. Đào Duy Tùng	Không	2022	30	
117.	Thực trạng và giải pháp marketing mix cho dòng sơn Rambo của Cty CP Quốc tế Sao Phương Nam	Bùi Nguyễn Kiều Oanh Ths. Nguyễn Kim Thắm	Không	2022	30	
118.	Phân tích hoạt động cho vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Mỹ Tú Sóc Trăng	Hà Thị Diễm Sương Ths. Phòng Thị Huỳnh Mai	Không	2022	30	
119.	Hoạch định chiến lược kinh doanh Cty TNHH Tân Thành	Bùi Thị Mỹ Anh Ths. Thái Ngọc Vũ	Không	2022	30	
120.	Hoàn thiện hoạt động marketing mix cho sản phẩm Hòa Bình Riverside của Cty CPDV và ĐT Đất Xanh Miền	Trần Thị Mỹ Thuận Ths. Võ Khắc Huy	Không	2022	30	

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
	Tây tại VPBL tỉnh Bạc Liêu từ tháng 2/2022 đến 5/2022					
121.	Hoạch định chiến lược kinh doanh cty CPĐT&PT SC Holding tại TPCT đến năm 2028	Phan Trọng Nghĩa Ths. Thái Ngọc Vũ	Không	2022	30	
122.	Hoạch định chiến lược kinh doanh của Cty TNHH Nhựt Thanh giai đoạn 2022-2026	Trần Thị Như Ý Ths. Đinh Vũ Long	Không	2022	30	
123.	Phân tích tình hình xuất khẩu tôm của Cty CP Thủy sản Sóc Trăng giai đoạn 2019-2021	Võ Thị Ngoan Phòng Thị Huỳnh Mai	Không	2022	30	
124.	Thực trạng và giải pháp nâng cao hoạt động marketing mix tại Cty CPĐT và PT SC Holding	Châu Thị Yến Linh Ths. Đinh Vũ Long	Không	2022	30	
125.	Đánh giá sự hài lòng của khách hàng về sản phẩm dịch vụ tiền gửi của ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn VN chi nhánh Mỹ Tú - Sóc Trăng	Ngô Huỳnh Yến Linh Ths. Huỳnh Thị Kiều Thu	Không	2022	30	
126.	Nghiên cứu và xây dựng hệ thống truy vết Covid ứng dụng cho trường Đại học Tây Đô (Module 01)	Nguyễn Trường An Ths. Lâm Tấn Phương	Không	2022	30	
127.	Hệ thống cứu hộ ô tô (Module 02)	Au Nguyễn Khôi Nguyên Ths. Lâm Tấn Phương	Không	2022	30	
128.	Hệ thống chia sẻ Xe Ô tô	Nguyễn Thành Đạt Ths. Lâm Tấn Phương	Không	2022	30	
129.	Thiết kế kỹ thuật Chung	Nguyễn Ngọc Thuận	Không	2022	30	

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
	cur A4 Phan Xích Long , Quận Phú Nhuận, TP HCM	Ths. Lã Hồng Hải				
130.	Thiết kế kỹ thuật Trường THCS Trần Hưng Đạo TP Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	Mai Văn Kỳ Ths. Nguyễn Trường Giang	Không	2022	30	
131.	Thiết kế kỹ thuật chi nhánh ngân hàng BIDV Ninh Thuận	Ngô Thanh Qui Ths. Lã Hồng Hải	Không	2022	30	
132.	Thiết kế kỹ thuật Trụ sở VNPT Tiền Giang	Phạm Trương Phước Anh Ths. Đỗ Trần Như Vân	Không	2022	30	
133.	Nghiên cứu chế tạo mô hình nhà thông minh.	Lê Huỳnh Ngọc Phú Ths. Nguyễn Vĩnh Thành	Không	2022	30	
134.	Cải tiến hệ thống giám sát các thông số chất lượng nước cho ao nuôi trồng thủy sản.	Đoàn Thị Thúy Duy Nguyễn Phước Tàn Ths. Lê Tấn Mỹ	Không	2022	30	
135.	Nghiên cứu và xây dựng hệ thống truy vết Covid ứng dụng cho trường Đại học Tây Đô (Module 02)	Ths. Lâm Tấn Phương Nguyễn Minh Nhật	Không	2022	30	
136.	Nghệ thuật xây dựng hình tượng người phụ nữ trong Truyện ngắn của Nam Cao	Nguyễn Thị Huỳnh Anh Ths. Nguyễn Thúy Diễm	Không	2022	30	
137.	Benefits in learning speaking online of English-majored freshmen at Tay Do University	Lê Trần Kim Phú Ths. Wa Thái Như Phương	Không	2022	30	
138.	An insight into the obstacles in listening comprehension as efl learners of english-	Nguyễn Minh Thiện TS. Đặng Thị Bảo Dung	Không	2022	30	

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
	maored freshmen at Tay Do University					
139.	Difficulties in english listening comprehension experienced by english – maored freshmen at Tay Do University	Nguyễn Thị Tuyết Lan Ths. Lê Văn Lành	Không	2022	30	
140.	Common difficulties in speaking of english-maored freshmen at Tay Do University	Phan Thị Diệu Ths Phan Thị Minh Uyên	Không	2022	30	
141.	A survey on difficulties in learning listening skill of english maored students at Tay Do University	Trương Mỹ Quyên Ths. Đặng Thị Hạnh	Không	2022	30	
142.	An investigation into difficulties in writing essays of english maored sophomores at Tay Do University	Trần Tuấn Duy Ths. Lý Thị Trà My	Không	2022	30	
143.	A study on difficulties in reading comprehension of english maored-freshmen at Tay Do University	Lưu Minh Anh Ths. Huỳnh Nguyễn Bảo Ngọc	Không	2022	30	
144.	Some common mistakes In essay writing of english maored sophomores at Tay Do University	Nguyễn Hữu Nghĩa Ths. Huỳnh Thị Mỹ Duyên	Không	2022	30	
145.	Some difficulties of Freshmen english linguistic Students in speaking at Tay Do University	Nguyễn Triệu Vy Ths. Nguyễn Thị Thúy Hằng	Không	2022	30	
146.	Chuyên nhượng quyền sử dụng đất ở theo pháp luật	Trần Hà Cẩm Tiên Ths. Nguyễn Hồng	Không	2022	30	

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
	Việt Nam	Chi				
147.	Pháp luật về khởi kiện vụ án dân sự	Lê Thị Diệu Hiền Ths. Nguyễn Hồng Chi	Không	2022	30	
148.	Cơ chế pháp lý về bảo vệ người lao động theo pháp luật lao động Việt Nam. Bắt cập và giải pháp hoàn thiện	Nguyễn Thùy Dương Ths. Lâm Hồng Loan Chi	Không	2022	30	
149.	Pháp luật về hợp đồng đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài. Lý luận và thực tiễn	Nguyễn Thị Xuân Huỳnh Ths. Lâm Hồng Loan Chi	Không	2022	30	
150.	Pháp luật về chế độ tài sản vợ chồng theo luật định	Trương Thị Tường Vi Ths. Nguyễn Anh Thư	Không	2022	30	
151.	Pháp luật về giải quyết tranh chấp lao động bằng hình thức hoà giải	Võ Sơn Hà Ths. Nguyễn Anh Thư	Không	2022	30	
152.	Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định pháp luật hình sự Việt Nam trạng và giải pháp hoàn thiện	Võ Thị Ngọc Thùy Ths. Nguyễn Minh Nhật	Không	2022	30	
153.	Thực trạng và giải pháp marketing cho công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Seven giai đoạn 2022 - 2025	Nguyễn Thị Cẩm Trúc Ths. Nguyễn Tương Lai	Không	2022	30	
154.	Thực trạng và sự hài lòng của du khách đối với hình ảnh điểm đến du lịch Miếu Bà Chúa Xứ Núi Sam tại Châu Đốc - An Giang	Lê Hoàng Ân Ths. Trần Minh Hùng	Không	2022	30	

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
155.	Giải pháp khai thác E-Marketing cho công ty TNHH Thương Mại Du lịch và Sự kiện IDO giai đoạn 2022 - 2025	Tăng Lữ Ái Quỳnh Ths.Trần Minh Hùng	Không	2022	30	
156.	Hoạch định chiến lược Marketing dịch vụ lưu trú tại khách sạn Holiday One Cần Thơ giai đoạn 2022-2026	Trịnh Thanh Tuyền Ths.Lê Thị Nhà Ca	Không	2022	30	
157.	Thực trạng và giải pháp phát triển du lịch tâm linh ở tỉnh Sóc Trăng.	Trần Thị Yến Nhi Ths. Lê Thị Mai Hương	Không	2022	30	
158.	Giải pháp phát triển du lịch tỉnh An Giang.	Nguyễn Thị Mỹ Ngọc Ths. Dương Thanh Xuân	Không	2022	30	

K. Công khai thông tin kiểm định cơ sở giáo dục và chương trình giáo dục

STT	Tên cơ sở đào tạo hoặc các chương trình đào tạo	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/Công nhận	Nghị quyết của Hội đồng KĐCLGD	Công nhận đạt/không đạt chất lượng giáo dục	Giấy chứng nhận/Công nhận	
						Ngày cấp	Giá trị đến
1.	CH ngành Dược lý – Dược lâm sàng	6/2022	88%	91/NQ-HĐKĐCL ngày 25/7/2022	Đạt	25/8/2022	25/8/2027
2.	ĐH ngành Điều dưỡng	6/2022	84%	92/NQ-HĐKĐCL ngày 25/7/2022	Đạt	25/8/2022	25/8/2027
3.	ĐH ngành Công nghệ thông tin	6/2022	84%	93/NQ-HĐKĐCL ngày 25/7/2022	Đạt	25/8/2022	25/8/2027

STT	Tên cơ sở đào tạo hoặc các chương trình đào tạo	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/Công nhận	Nghị quyết của Hội đồng KĐCLGD	Công nhận đạt/không đạt chất lượng giáo dục	Giấy chứng nhận/Công nhận	
						Ngày cấp	Giá trị đến
4.	ĐH ngành Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	6/2022	82%	94/NQ- HĐKĐCL ngày 25/7/2022	Đạt	25/8/2022	25/8/2027

Cần Thơ, ngày 15 tháng 10 năm 2022
Thủ trưởng đơn vị ~



Biểu mẫu 19**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY ĐÔ****THÔNG BÁO****Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng sư phạm,
trung cấp sư phạm, năm học 2021-2022****A. Công khai thông tin về diện tích đất, tổng diện tích sàn xây dựng**

STT	Nội dung	Diện tích (m ²)	Hình thức sử dụng		
			Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Tổng diện tích đất cơ sở đào tạo quản lý sử dụng	91.409,3	91.409,3	0	0
	Trong đó:				
a	Trụ sở chính	91.409,3	91.409,3	0	0
b	Phân hiệu tại...	0		0	0
c	Cơ sở 2 tại...	0		0	0
2	Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học	76.129	76.129	0	0
	Trong đó:				
a	Trụ sở chính	76.129	76.129	0	0
b	Phân hiệu tại...	0	0	0	0
c	Cơ sở 2 tại...	0	0	0	0

B. Công khai thông tin về các phòng thí nghiệm, phòng thực hành, xưởng thực tập, nhà tập đa năng, hội trường, phòng học, thư viện, trung tâm học liệu

STT	Tên	Số lượng	Mục đích sử dụng	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Phòng thí nghiệm...	29	Giảng dạy, học tập	GV,SV	3.360	3.360	0	0
2	Phòng thực hành...	11	Giảng dạy, học tập	GV,SV	1.200	1.200	0	0
3	Xưởng thực tập...	03	Giảng dạy, học tập	GV,SV	5.382,36	5.382,36	0	0
4	Nhà tập đa năng	1	Tập luyện	GV,SV	450	450	0	0

STT	Tên	Số lượng	Mục đích sử dụng	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
5	Hội trường	2	Giảng dạy, Hội nghị	GV,SV	1080	1080	0	0
6	Phòng học...	92	Giảng dạy, học tập	GV,SV	18.467,7	18.467,7	0	0
7	Phòng học đa phương tiện...	8	Giảng dạy, học tập	GV,SV	1.272,3	1.272,3	0	0
8	Thư viện...	1	Nghiên cứu, tra tài liệu	GV,SV	2.028	2.028	0	0
9	Trung tâm học liệu...	0			0	0	0	0
10	Các phòng chức năng khác	30	Làm việc	CB,CV,GV	5.374,6	5.374,6	0	0

C. Công khai thông tin về học liệu (sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) của thư viện và trung tâm học liệu

STT	Tên	Số lượng
1	Số phòng đọc	2
2	Số chỗ ngồi đọc	500
3	Số máy tính của thư viện	100
4	Số lượng đầu sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu trong thư viện (đầu sách, tạp chí)	14.356
5	Số thư viện điện tử liên kết ngoài trường	61

D. Diện tích đất/sinh viên; diện tích sàn/sinh viên

STT	Tên	Tỷ lệ
1	Diện tích đất/sinh viên	13,8 m ² /sv
2	Diện tích sàn/sinh viên	11,5 m ² /sv

Cần Thơ, ngày 13 tháng 10 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



Trần Công Luận

Biểu mẫu 20

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY ĐÔ

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu của cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng sư phạm, trung cấp sư phạm, năm học 2021-2022

A. Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu

STT	Nội dung	Tổng Số	Chức danh		Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp		
			Giáo sư	Phó Giáo sư	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trình độ khác	Hạng III	Hạng II	Hạng I
I	Tổng số											
1	Giảng viên cơ hữu theo ngành											
a	Khối ngành I											
	Ngành Thiết kế đồ họa	9	0	0	1	8	0	0	0			
b	Khối ngành II											
	Ngành...											
c	Khối ngành III											
	Ngành Tài chính – Ngân hàng	25	0	1	9	15	0	0	0			
	Ngành Kế toán	15	0	1	3	11	0	0	0			
	Ngành QTKD	20	0	1	12	7	0	0	0			
	Ngành Marketing	10	0	0	3	7	0	0	0			
	Ngành Kinh doanh quốc tế	10	0	0	4	6	0	0	0			
	Ngành Luật Kinh tế	26	0	1	9	12	4	0	0			
d	Khối ngành IV											
	Ngành Hóa học	10	0	0	1	9	0	0	0			
đ	Khối ngành V											
	Ngành CNKTCT Xây	14	1	0	1	12	0	0	0			

	dụng											
	Ngành CNTT	27	0	0	1	24	2	0	0			
	Ngành KT Điện, ĐT	13	0	0	1	11	1	0	0			
	Ngành CNTP	10	0	1	0	9	0	0	0			
	Ngành NTTS	10	0	0	1	9	0	0	0			
	Ngành Thú Y	20	0	1	1	18	0	0	0			
	Ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	14	1	0	1	12	0	0	0			
e	Khối ngành VI											
	Ngành Dược	94	1	4	35	47	7	0	0			
	Ngành Điều dưỡng	29	0	0	2	18	9	0	0			
	Ngành Dinh dưỡng	11	0	0	2	9	0	0	0			
	Khối ngành VII											
	Ngành QLDD	10	1	0	1	8	0	0	0			
	Ngành Ngôn ngữ Anh	16	0	0	2	14	0	0	0			
	Ngành Văn học	9	0	0	1	8	0	0	0			
	Ngành Việt Nam học	9	0	0	1	8	0	0	0			
	Ngành TTĐPT	10	0	0	1	9	0	0	0			
	Ngành Du lịch	10	0	0	1	9	0	0	0			
	Ngành QTDVDL&LH	10	0	0	2	8	0	0	0			
	Ngành QTKS	10	0	0	4	6	0	0	0			
	Văn hóa học	10	0	0	1	9	0	0	0			

B. Công khai thông tin về danh sách chi tiết đội ngũ giảng viên cơ hữu theo khối ngành

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
1	Khối ngành I					
	Lê Đông Phương	09/11/1983	Nam		Thạc sĩ	Thiết kế đồ họa
	Đinh Diệp Phương	13/04/1988	Nữ		Thạc sĩ	Thiết kế đồ họa
	Nguyễn Hồng Trang	26/05/1984	Nữ		Thạc sĩ	Thiết kế đồ họa
	Phan Kim Chinh	21/07/1971	Nữ		Thạc sĩ	Thiết kế đồ họa
	Nguyễn Thị Hường	16/02/1984	Nữ		Thạc sĩ	Thiết kế đồ họa
	Nguyễn Chí Hải	17/12/1983	Nam		Thạc sĩ	Thiết kế đồ họa
	Trần Thị Thu Hà	01/09/1983	Nữ		Thạc sĩ	Thiết kế đồ họa
	Võ Quốc Thái	25/02/1988	Nam		Thạc sĩ	Thiết kế đồ họa
	Lê Ngọc Minh	28/12/1952	Nam		Tiến sĩ	Thiết kế đồ họa
2	Khối ngành II					
	...					
3	Khối ngành III					
	Thái Thị Bích Trân	18/04/1984	Nữ		Thạc sĩ	Kế toán
	Nguyễn Huy Trung	19/12/1988	Nam		Thạc sĩ	Kế toán
	Nguyễn Thanh Quý	18/02/1951	Nữ		Tiến sĩ	Kế toán
	Huỳnh Thị Phụng Khanh	09/01/1987	Nữ		Thạc sĩ	Kế toán
	Nguyễn Đức Thanh	12/04/1958	Nam		Tiến sĩ	Kế toán
	Lê Tú Anh	24/11/1985	Nữ		Thạc sĩ	Kế toán
	Nguyễn Năng Phúc	11/05/1948	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Kế toán
	Bùi Đức Hoàn	10/02/1976	Nam		Thạc sĩ	Kế toán
	Nguyễn Thị Bích Sơn	20/09/1981	Nữ		Thạc sĩ	Kế toán
	Trần Thúy Nghiệm	07/11/1983	Nữ		Thạc sĩ	Kế toán
	Đào Trọng Thanh	23/03/1952	Nam		Tiến sĩ	Kế toán
	Huỳnh Thị Cẩm Thơ	01/01/1985	Nữ		Thạc sĩ	Kế toán
	Huỳnh Hoa Mai	20/10/1982	Nữ		Thạc sĩ	Kế toán
	Nguyễn Thị Thanh Hiền	22/10/1982	Nữ		Thạc sĩ	Kế toán
	Trần Thị Kiều Diễm	20/09/1980	Nữ		Thạc sĩ	Kế toán
	Phùng Thị Huỳnh Mai	15/09/1975	Nữ		Thạc sĩ	Kinh doanh quốc tế
	Nguyễn Thị Thanh Trúc	09/05/1978	Nữ		Thạc sĩ	Kinh doanh quốc tế
	Lương Lễ Nhân	11/02/1982	Nam		Tiến sĩ	Kinh doanh quốc tế

	Nguyễn Hoàng Giang	10/10/1986	Nam		Thạc sĩ	Kinh doanh quốc tế
	Võ Khắc Huy	06/10/1985	Nam		Tiến sĩ	Kinh doanh quốc tế
	Trần Thị Kiều Trang	16/07/1982	Nữ		Tiến sĩ	Kinh doanh quốc tế
	Lê Thái Cường	30/12/1980	Nam		Tiến sĩ	Kinh doanh quốc tế
	Nguyễn Phúc Khánh	19/02/1988	Nam		Thạc sĩ	Kinh doanh quốc tế
	Đào Duy Tùng	29/03/1987	Nam		Thạc sĩ	Kinh doanh quốc tế
	Lương Văn Cầu	30/01/1952	Nam		Thạc sĩ	Kinh doanh quốc tế
	Trần Trung Du	26/03/1985	Nam		Thạc sĩ	Luật kinh tế
	Lê Thị Ngần	20/10/1986	Nữ		Thạc sĩ	Luật kinh tế
	Nguyễn Tiến Dũng	10/08/1966	Nam		Tiến sĩ	Luật kinh tế
	Trần Văn Thắng	02/02/1955	Nam		Tiến sĩ	Luật kinh tế
	Đoàn Năng	12/09/1952	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Luật kinh tế
	Trần Thu Trang	20/07/1991	Nữ		Thạc sĩ	Luật kinh tế
	Nguyễn Minh Nhật	20/12/1984	Nam		Thạc sĩ	Luật kinh tế
	Nguyễn Hồng Chi	05/08/1988	Nữ		Thạc sĩ	Luật kinh tế
	Đặng Thùy Vân	01/01/1982	Nữ		Đại học	Luật kinh tế
	Nguyễn Mỹ Tiên	01/01/1990	Nữ		Thạc sĩ	Luật kinh tế
	Bùi Quang Nhơn	13/06/1945	Nam		Tiến sĩ	Luật kinh tế
	Mạc Thiện Kim Thi	13/12/1983	Nữ		Đại học	Luật kinh tế
	Nguyễn Minh Tuấn	16/07/1955	Nam		Tiến sĩ	Luật kinh tế
	Nguyễn Xuân Tiền	20/03/1980	Nữ		Thạc sĩ	Luật kinh tế
	Lê Trường Giang	02/07/1981	Nam		Tiến sĩ	Luật kinh tế
	Nguyễn Mạnh Bình	03/12/1956	Nam		Tiến sĩ	Luật kinh tế
	Võ Hồng Lĩnh	19/04/1989	Nữ		Thạc sĩ	Luật kinh tế
	Trương Kim Phụng	06/10/1983	Nữ		Thạc sĩ	Luật kinh tế
	Nguyễn Anh Thư	23/09/1995	Nữ		Thạc sĩ	Luật kinh tế
	Nguyễn Kỳ Việt	31/01/1947	Nam		Tiến sĩ	Luật kinh tế
	Lâm Hồng Loan Chì	15/01/1987	Nữ		Thạc sĩ	Luật kinh tế
	Lê Văn Định	20/10/1978	Nam		Tiến sĩ	Luật kinh tế
	Hồ Quang Huy	11/02/1982	Nam		Tiến sĩ	Luật kinh tế
	Trần Thị Thu Huyền	26/08/1984	Nữ		Đại học	Luật kinh tế
	Nguyễn Ngọc Diệp	10/09/1989	Nữ		Thạc sĩ	Luật kinh tế
	Mai Kim Thuận	21/10/1987	Nữ		Đại học	Luật kinh tế

	Đỗ Quý Hội	15/05/1974	Nam		Tiến sĩ	Marketing
	Thái Ngọc Vũ	20/12/1979	Nam		Thạc sĩ	Marketing
	Nguyễn Huỳnh Phước Thiện	31/01/1977	Nam		Tiến sĩ	Marketing
	Nguyễn Ngọc Minh	21/08/1952	Nam		Tiến sĩ	Marketing
	Thái Phương Phi	11/08/1978	Nữ		Thạc sĩ	Marketing
	Nguyễn Văn Điệp	12/07/1984	Nam		Thạc sĩ	Marketing
	Nguyễn Thị Kim An	12/10/1978	Nữ		Thạc sĩ	Marketing
	Nguyễn Kim Thắm	18/09/1981	Nữ		Thạc sĩ	Marketing
	Ngô Thị Kim Phụng	03/07/1987	Nữ		Thạc sĩ	Marketing
	Đinh Vũ Long	25/02/1979	Nam		Thạc sĩ	Marketing
	Phạm Minh Thủy	23/03/1955	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
	Trịnh Thị Thành Minh	26/01/1986	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
	Phạm Phi Hùng	03/03/1949	Nam		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
	Phan Kim Tuyến	30/07/1971	Nam		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh
	Đinh Đình Trung	08/01/1969	Nam		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh
	Nguyễn Ngọc Tú	05/12/1983	Nam		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh
	Khổng Quốc Minh	07/01/1980	Nam		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh
	Nguyễn Thanh Liêm	03/11/1978	Nam		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh
	Đặng Huy Hoàng	12/03/1984	Nam		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
	Trần Anh Dũng	05/01/1952	Nam		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh
	Trịnh Nguyễn Việt Tâm	10/08/1972	Nam		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh
	Triệu Thái Dương	21/06/1985	Nam		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
	Nguyễn Đình Chiến	01/01/1974	Nam		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh
	Trần Hữu Xinh	19/07/1981	Nam		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh
	Lâm Văn Tiền	09/09/1989	Nam		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
	Nguyễn Ân Niên	10/06/1937	Nam		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh
	Nguyễn Ngọc Hiếu	11/10/1985	Nam		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh
	Bùi Văn Sáu	25/11/1950	Nam		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh
	Nguyễn Tấn Bình	25/12/1963	Nam		Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh

	Đào Duy Huân	25/12/1952	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh
	Thái Kim Hiền Nhân	08/08/1978	Nam		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng
	Lý Thị Phương Thảo	27/06/1981	Nữ		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng
	Võ Hương Giang	15/03/1981	Nữ		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng
	Trần Minh Sơn	06/07/1989	Nam		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng
	Trương Văn Sang	25/02/1982	Nam		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng
	Phan Văn Phúc	22/02/1989	Nam		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng
	Phan Tùng Lâm	26/04/1954	Nam		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng
	Lê Thị Ngọc Em	28/10/1986	Nữ		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng
	Võ Ngọc Hải	20/09/1981	Nam		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng
	Thiệu Hoàng Phương Thanh	19/07/1981	Nữ		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng
	Ngô Phước Hữu	29/12/1989	Nam		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng
	Phan Ngọc Bảo Anh	28/07/1991	Nữ		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng
	Nguyễn Trí Dũng	19/10/1970	Nam		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng
	Hoàng Công Hiến	30/01/1976	Nam		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng
	Trần Quang Phương	05/11/1973	Nam		Thạc sĩ	Tài chính - Ngân hàng
	Lê Cảnh Bích Thơ	12/07/1991	Nữ		Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng
	Nguyễn Thắng Lợi	01/01/1973	Nam		Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng
	Trần Kiều Nga	23/12/1977	Nữ		Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng
	Trần Ái Kết	05/01/1954	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng
	Trần Phúc Hải	01/01/1981	Nam		Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng
	Bùi Hồng Đới	21/07/1960	Nam		Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng
	Nguyễn Minh Tiến	26/07/1978	Nam		Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng
	Nguyễn Thiện Phong	10/01/1958	Nam		Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng
	Nguyễn Huỳnh Thanh	01/01/1962	Nam		Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng
	Tất Duyên Thư	26/12/1978	Nữ		Tiến sĩ	Tài chính - Ngân hàng
4	Khối ngành IV					
	Nguyễn Ngọc Linh	03/09/1988	Nam		Thạc sĩ	Hoá học

	Hà Thanh Mỹ Phương	22/02/1981	Nữ		Tiến sĩ	Hoá học
	Nguyễn Ngọc Yến	07/07/1985	Nữ		Thạc sĩ	Hoá học
	Nguyễn Minh Kha	01/01/1986	Nam		Thạc sĩ	Hoá học
	Huỳnh Ngọc Trung Dung	08/10/1985	Nam		Thạc sĩ	Hoá học
	Võ Phước Hải	25/03/1989	Nam		Thạc sĩ	Hoá học
	Nguyễn Phú Quý	09/07/1993	Nam		Thạc sĩ	Hoá học
	Lê Phú Nguyên Thảo	04/09/1988	Nữ		Thạc sĩ	Hoá học
	Nguyễn Phước Định	28/04/1988	Nam		Thạc sĩ	Hoá học
	Trì Kim Ngọc	20/12/1990	Nữ		Thạc sĩ	Hoá học
5	Khối ngành V					
	Vũ Quang Thanh	27/01/1953	Nam		Tiến sĩ	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng
	Nguyễn Văn Đạt	12/09/1934	Nam	Giáo sư	Tiến sĩ	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng
	Nguyễn Phượng Kiều	03/12/1993	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng
	Phạm Nhật Thuật	10/10/1976	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng
	Nguyễn Quốc Việt	27/10/1978	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng
	Trần Đức Thương	28/07/1987	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng
	Nguyễn Trường Giang	09/10/1969	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng
	Đỗ Trần Như Vân	29/09/1981	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng
	Lã Hồng Hải	02/10/1984	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng
	Nguyễn Văn Thành	18/01/1980	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng
	Hồ Bình Phương	04/08/1978	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng
	Trần Quang Vinh	12/12/1984	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng
	Đoàn Thanh Sơn	24/11/1966	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng

	Phan Quốc Cường	01/01/1976	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng
	Huỳnh Quốc Trung	27/09/1975	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
	Nguyễn Lê Hoài Phương	29/05/1976	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
	Nguyễn Hoàng Vương	04/12/1982	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
	Nguyễn Vĩnh Thành	17/12/1983	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
	Hồ Văn Tuấn	30/12/1970	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
	Nguyễn Thanh Phong	01/01/1976	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
	Trịnh Huệ	02/02/1951	Nam		Tiến sĩ	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
	Lê Tấn Mỹ	25/08/1993	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
	Đặng Kim Sơn	16/08/1964	Nam		Đại học	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
	Đỗ Chí Tâm	12/11/1984	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
	Huỳnh Gia Danh Nhân	03/05/1973	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
	Chu Công Hạnh	07/08/1981	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
	Nguyễn Duy Ninh	16/03/1985	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
	Nguyễn Thành Trung	23/05/1986	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
	Ngô Đức Hồng	10/10/1952	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
	Huỳnh Bé Thơ	27/03/1984	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
	Trần Quốc Linh	21/01/1979	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
	Đàm Quang Viễn	26/04/1975	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
	Trần Thanh Nam	14/03/1987	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
	Đinh Hoàng Văn Bửu Thịnh	26/05/1971	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
	Nguyễn Tấn Lợi	20/11/1978	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
	Nguyễn Chí Cường	11/06/1979	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
	Đặng Hoàng Tuấn	10/09/1986	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
	Phạm Thị Cẩm Tú	19/05/1986	Nữ		Đại học	Công nghệ thông tin
	Võ Thị Phương	16/07/1983	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
	Lê Thanh Trúc	23/12/1982	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin

	Hàng Văn Kiềng	16/12/1987	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
	Nguyễn Minh Trí	06/09/1979	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
	Lâm Tấn Phương	01/01/1986	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
	Ngô Thị Lan	08/10/1985	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
	Âu Nguyễn Thảo Nguyên	14/01/1985	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
	Nguyễn Thị Bích Huyền	03/11/1985	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
	Lê Phước Khiêm	01/09/1986	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
	Bùi Xuân Tùng	13/02/1978	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
	Nguyễn Thị Kim Bằng	23/12/1987	Nữ		Đại học	Công nghệ thông tin
	Nguyễn Minh Hiếu	16/07/1979	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
	Trịnh Quang Minh	10/04/1978	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
	Nguyễn Vũ Quảng Anh	01/10/1982	Nam		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin
	Đặng Mạnh Huy	24/09/1989	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
	Huỳnh Thanh Danh	09/09/1986	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin
	Nguyễn Thị Thu Thảo	21/05/1985	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ thực phẩm
	Nguyễn Kim Đông	05/08/1982	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ thực phẩm
	Lê Nguyễn Tường Vi	25/11/1990	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ thực phẩm
	Lê Hoàng Bảo Trinh	04/05/1981	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ thực phẩm
	Đổng Thị Minh Châu	07/07/1981	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ thực phẩm
	Võ Thị Kiên Hào	28/12/1984	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ thực phẩm
	Hà Phương Thảo	30/01/1984	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ thực phẩm
	Trương Thị Ý Nhi	27/03/1992	Nữ		Thạc sĩ	Công nghệ thực phẩm
	Nguyễn Văn Bá	10/10/1947	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Công nghệ thực phẩm
	Võ Huỳnh Quốc Huy	24/10/1984	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ thực phẩm
	Nguyễn Văn Hồng	01/11/1961	Nam		Tiến sĩ	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
	Nguyễn Văn Quấn	01/08/1985	Nam		Thạc sĩ	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
	Nguyễn Thị Thúy An	29/12/1982	Nữ		Thạc sĩ	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng

	Tạ Văn Giáp	14/11/1984	Nam		Thạc sĩ	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
	Lê Phú Nguyên Hải	07/10/1983	Nam		Thạc sĩ	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
	Võ Thị Mộng Thúy	15/01/1983	Nữ		Thạc sĩ	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
	Nguyễn Hữu Danh	25/09/1980	Nam		Thạc sĩ	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
	Phan Văn Tân	01/01/1976	Nam		Tiến sĩ	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
	Nguyễn Thiện Hùng	01/01/1976	Nam		Tiến sĩ	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
	Tô Anh Dũng	10/10/1950	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng
	Nguyễn Thị Khánh Vân	03/11/1979	Nữ		Thạc sĩ	Nuôi trồng thủy sản
	Nguyễn Thành Tâm	28/02/1984	Nam		Thạc sĩ	Nuôi trồng thủy sản
	Tạ Văn Phương	14/12/1973	Nam		Tiến sĩ	Nuôi trồng thủy sản
	Trần Ngọc Tuyền	12/12/1975	Nữ		Thạc sĩ	Nuôi trồng thủy sản
	Trần Ngọc Huyền	04/01/1987	Nữ		Thạc sĩ	Nuôi trồng thủy sản
	Nguyễn Bảo Trung	19/03/1990	Nam		Thạc sĩ	Nuôi trồng thủy sản
	Tăng Minh Khoa	10/09/1976	Nam		Thạc sĩ	Nuôi trồng thủy sản
	Nguyễn Lê Hoàng Yên	02/03/1977	Nữ		Thạc sĩ	Nuôi trồng thủy sản
	Nguyễn Hữu Lộc	10/02/1981	Nam		Thạc sĩ	Nuôi trồng thủy sản
	Phạm Thị Mỹ Xuân	11/01/1987	Nữ		Thạc sĩ	Nuôi trồng thủy sản
	Nguyễn Thị Mỹ Phương	19/02/1987	Nữ		Thạc sĩ	Thú y
	Nguyễn Văn Khanh	25/07/1951	Nam		Tiến sĩ	Thú y
	Phan Văn Thái	26/03/1987	Nam		Thạc sĩ	Thú y
	Nguyễn Minh Trí	14/04/1977	Nam		Thạc sĩ	Thú y
	Thái Quốc Khải	01/01/1983	Nam		Thạc sĩ	Thú y
	Nguyễn Ngọc Mai Thy	30/04/1993	Nữ		Thạc sĩ	Thú y
	Trần Thị Đẹp	01/01/1990	Nữ		Thạc sĩ	Thú y
	Trương Thanh Nhã	14/12/1980	Nam		Thạc sĩ	Thú y
	Nguyễn Thị Kim Đông	24/08/1956	Nữ	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Thú y
	Nguyễn Văn Bé	01/10/1989	Nam		Thạc sĩ	Thú y
	Nguyễn Ngọc Đức An Như	03/12/1992	Nữ		Thạc sĩ	Thú y
	Nguyễn Thị Chúc	24/11/1978	Nữ		Thạc sĩ	Thú y

	Lê Văn Lên	12/02/1988	Nam		Thạc sĩ	Thú y
	Nguyễn Thị Thúy Diễm	03/02/1983	Nữ		Thạc sĩ	Thú y
	Nguyễn Thành Long	30/08/1991	Nam		Thạc sĩ	Thú y
	Trần Kim Chí	01/06/1992	Nam		Thạc sĩ	Thú y
	Trịnh Thị Hồng Mơ	23/03/1993	Nữ		Thạc sĩ	Thú y
	Nguyễn Văn Huyền	08/11/1987	Nam		Thạc sĩ	Thú y
	Võ Duy Thanh	06/09/1983	Nam		Thạc sĩ	Thú y
	Huỳnh Hoàng Thi	07/12/1986	Nam		Thạc sĩ	Thú y
6	Khối ngành VI					
	Nghị Ngô Lan Vi	20/06/1988	Nữ		Thạc sĩ	Điều dưỡng
	Nguyễn Thị Như Mai	24/02/1968	Nữ		Đại học	Điều dưỡng
	Phạm Thị Kim Hoa	03/12/1969	Nữ		Thạc sĩ	Điều dưỡng
	Phan Thế Nhựt	04/01/1983	Nam		Thạc sĩ	Điều dưỡng
	Nguyễn Thị Mai Duyên	04/07/1986	Nữ		Thạc sĩ	Điều dưỡng
	Trần Anh Khoa	03/03/1984	Nam		Thạc sĩ	Điều dưỡng
	Ngô Hùng Ca	01/01/1954	Nam		Thạc sĩ	Điều dưỡng
	Trần Việt Hoa	08/03/1958	Nữ		Đại học	Điều dưỡng
	Huỳnh Trinh Thúc	20/11/1976	Nam		Thạc sĩ	Điều dưỡng
	Trần Thanh Trí	22/12/1971	Nam		Tiến sĩ	Điều dưỡng
	Phan Ngọc Thủy	01/04/1955	Nữ		Thạc sĩ	Điều dưỡng
	Nguyễn Thị Hồng Nguyên	20/04/1987	Nữ		Thạc sĩ	Điều dưỡng
	Nguyễn Thị Kim Phượng	31/12/1974	Nữ		Đại học	Điều dưỡng
	Nguyễn Thị Thu Hà	02/06/1957	Nữ		Thạc sĩ	Điều dưỡng
	Nguyễn Thị Đào	01/01/1984	Nữ		Thạc sĩ	Điều dưỡng
	Đào Trọng Phương	20/10/1955	Nam		Thạc sĩ	Điều dưỡng
	Đường Thị Anh Thơ	20/11/1979	Nữ		Thạc sĩ	Điều dưỡng
	Nguyễn Thị Lọt	06/05/1966	Nữ		Đại học	Điều dưỡng
	Lâm Hữu Đức	15/01/1975	Nam		Thạc sĩ	Điều dưỡng
	Trần Thu Hồng	16/08/1965	Nữ		Thạc sĩ	Điều dưỡng
	Trần Thanh Trí	22/05/1986	Nam		Đại học	Điều dưỡng
	Triệu Anh Đệ	10/12/1977	Nam		Thạc sĩ	Điều dưỡng
	Nguyễn Thái Phương Anh	06/03/1972	Nữ		Đại học	Điều dưỡng
	Trần Trúc Linh	30/04/1985	Nữ		Thạc sĩ	Điều dưỡng
	Vũ Thị Hương Duyên	27/08/1966	Nữ		Thạc sĩ	Điều dưỡng

	Lê Thị Tuyết Hạnh	16/06/1950	Nữ		Đại học	Điều dưỡng
	Văn Thị Mỹ Châu	01/01/1954	Nữ		Đại học	Điều dưỡng
	Ngô Trung Quân	25/03/1960	Nam		Tiến sĩ	Điều dưỡng
	Tạ Thành Tài	28/04/1990	Nam		Đại học	Điều dưỡng
	Huỳnh Thị Kim Loan	24/11/1964	Nữ		Thạc sĩ	Dinh dưỡng
	Nguyễn Tấn Lộc	17/06/1970	Nam		Thạc sĩ	Dinh dưỡng
	Ông Huy Thanh	22/09/1972	Nam		Thạc sĩ	Dinh dưỡng
	Nguyễn Phi Hùng	07/01/1969	Nữ		Thạc sĩ	Dinh dưỡng
	Quách Ngọc Ngân	01/10/1984	Nữ		Thạc sĩ	Dinh dưỡng
	Huỳnh Huy Cường	18/07/1981	Nam		Thạc sĩ	Dinh dưỡng
	Trương Sơn	23/04/1965	Nam		Tiến sĩ	Dinh dưỡng
	Lê Thị Tiến Vinh	06/07/1956	Nữ		Chuyên khoa cấp II	Dinh dưỡng
	Trần Hữu Thiện	11/09/1982	Nam		Thạc sĩ	Dinh dưỡng
	Lê Minh Uy	14/02/1965	Nam		Thạc sĩ	Dinh dưỡng
	Lê Thị Thu Hà	15/10/1966	Nữ		Thạc sĩ	Dinh dưỡng
	Thái Thị Kim Tươi	24/10/1990	Nữ		Đại học	Dược học
	Mai Đình Trị	31/12/1969	Nam		Tiến sĩ	Dược học
	Đặng Minh Khôi	28/03/1953	Nam		Tiến sĩ	Dược học
	Trần Thị Ánh Loan	10/07/1971	Nữ		Chuyên khoa cấp II	Dược học
	Giang Thị Thu Hồng	25/05/1987	Nữ		Đại học	Dược học
	Đoàn Thanh Trúc	31/08/1989	Nữ		Thạc sĩ	Dược học
	Lưu Hoàng Minh Khoa	11/12/1989	Nam		Đại học	Dược học
	Tiêu Hữu Quốc	01/01/1976	Nam		Chuyên khoa cấp II	Dược học
	Vũ Thị Bình	18/02/1955	Nữ		Thạc sĩ	Dược học
	Võ Thị Minh Ngọc	20/04/1987	Nữ		Đại học	Dược học
	Nguyễn Thanh Huy	15/05/1991	Nam		Đại học	Dược học
	Nguyễn Văn Hiền	09/05/1969	Nam		Thạc sĩ	Dược học
	Nguyễn Thị Xuân Khanh	30/09/1982	Nữ		Tiến sĩ	Dược học
	Nguyễn Ngọc Tâm	04/05/1971	Nam		Chuyên khoa cấp II	Dược học
	Từ Hoàng Tước	20/07/1964	Nam		Chuyên khoa cấp II	Dược học
	Dương Tòng Chinh	23/03/1967	Nam		Chuyên khoa cấp II	Dược học
	Nguyễn Hữu Phúc	07/01/1987	Nam		Thạc sĩ	Dược học

	Võ Hồng Nho	06/04/1984	Nam		Thạc sĩ	Dược học
	Nguyễn Thị Thăng Thiên	24/01/1986	Nữ		Thạc sĩ	Dược học
	Trần Bá Phước	09/06/1979	Nam		Thạc sĩ	Dược học
	Nguyễn Thị Thanh Bình	25/07/1988	Nữ		Thạc sĩ	Dược học
	Nguyễn Hữu Tiến	14/05/1974	Nam		Chuyên khoa cấp II	Dược học
	Mai Nguyễn Ngọc Trác	11/06/1982	Nữ		Tiến sĩ	Dược học
	Tôn Nữ Tuyết Mai	23/07/1970	Nữ		Chuyên khoa cấp I	Dược học
	Hoàng Kim Long	14/10/1986	Nam		Thạc sĩ	Dược học
	Lê Thị Minh Hiếu	21/08/1981	Nữ		Thạc sĩ	Dược học
	Nguyễn Thị Nguyệt Anh	21/07/1987	Nữ		Đại học	Dược học
	Trương Văn Tuấn	16/06/1954	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Dược học
	Thân Thị Mỹ Linh	02/08/1986	Nữ		Thạc sĩ	Dược học
	Đỗ Ngọc Cử	24/12/1942	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Dược học
	Nguyễn Phương Thảo	14/06/1986	Nữ		Thạc sĩ	Dược học
	Nguyễn Thị Thu Thủy	10/08/1950	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Dược học
	Phạm Đình Hường	07/05/1970	Nam		Tiến sĩ	Dược học
	Nguyễn Hiền Nhơn	21/02/1968	Nữ		Chuyên khoa cấp II	Dược học
	Phạm Xuân Toàn	05/05/1943	Nam		Tiến sĩ	Dược học
	Võ Huỳnh Như	23/12/1990	Nữ		Thạc sĩ	Dược học
	Hồ Minh Chánh	20/12/1965	Nam		Chuyên khoa cấp II	Dược học
	Tào Việt Hà	20/01/1961	Nữ		Thạc sĩ	Dược học
	Trần Thị Thùy Trang	29/11/1986	Nữ		Thạc sĩ	Dược học
	Trần Công Vinh	02/07/1976	Nam		Chuyên khoa cấp II	Dược học
	Nguyễn Thị Thảo Như	20/08/1986	Nữ		Thạc sĩ	Dược học
	Phạm Thị Thanh	16/02/1978	Nữ		Thạc sĩ	Dược học
	Lê Ngọc Diệp	09/03/1973	Nữ		Thạc sĩ	Dược học
	Phạm Thành Trọng	01/01/1993	Nam		Thạc sĩ	Dược học
	Đinh Thị Thanh Loan	26/11/1988	Nữ		Thạc sĩ	Dược học
	Quách Tổ Loan	16/11/1985	Nữ		Chuyên khoa cấp II	Dược học
	Nguyễn Chí Toàn	20/12/1986	Nam		Thạc sĩ	Dược học
	Vũ Thị Thảo Ly	03/01/1991	Nữ		Thạc sĩ	Dược học
	Lâm Thị Thu Quyên	06/01/1985	Nữ		Thạc sĩ	Dược học

	Mai Thị Song Thùy	20/04/1987	Nữ		Thạc sĩ	Dược học
	Phạm Đoan Vi	26/03/1978	Nữ		Thạc sĩ	Dược học
	Nguyễn Xuân Linh	13/08/1980	Nữ		Thạc sĩ	Dược học
	Nguyễn Đức Trí	27/03/1983	Nam		Chuyên khoa cấp II	Dược học
	Trần Công Luận	07/12/1953	Nam	Giáo sư	Tiến sĩ	Dược học
	Trương Quang Anh Vũ	24/03/1971	Nam		Chuyên khoa cấp II	Dược học
	Nguyễn Thị Tuyết Hương	14/05/1967	Nữ		Chuyên khoa cấp II	Dược học
	Đỗ Văn Mãi	01/12/1981	Nam		Thạc sĩ	Dược học
	Nguyễn Chí Thanh	21/05/1981	Nam		Tiến sĩ	Dược học
	Phạm Ánh Tuyết	30/06/1961	Nữ		Thạc sĩ	Dược học
	Ngô Quốc Huy	06/12/1982	Nam		Thạc sĩ	Dược học
	Lâm Võ Hùng	23/10/1964	Nam		Chuyên khoa cấp II	Dược học
	Nguyễn Văn Quang	06/05/1958	Nam		Chuyên khoa cấp II	Dược học
	Nguyễn Thị Ngọc Tiến	06/07/1985	Nữ		Thạc sĩ	Dược học
	Lê Thị Cương	24/03/1965	Nữ		Tiến sĩ	Dược học
	Vũ Thị Kim Khánh	26/07/1982	Nữ		Thạc sĩ	Dược học
	Đinh Thị Thúy Hương	28/10/1987	Nữ		Thạc sĩ	Dược học
	Đinh Văn Sâm	15/10/1936	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Dược học
	Võ Văn Tâm	10/09/1966	Nam		Tiến sĩ	Dược học
	Nguyễn Quỳnh Hương	08/07/1983	Nữ		Tiến sĩ	Dược học
	Võ Thụy Lữ Tâm	28/09/1986	Nữ		Tiến sĩ	Dược học
	Đinh Văn Huỳnh	02/05/1943	Nam		Tiến sĩ	Dược học
	Nguyễn Thị Bê	04/06/1965	Nữ		Chuyên khoa cấp II	Dược học
	Thiều Văn Đường	25/02/1956	Nam		Tiến sĩ	Dược học
	Trần Quang Trí	09/03/1977	Nam		Thạc sĩ	Dược học
	Trần Phú Vinh	21/11/1979	Nam		Thạc sĩ	Dược học
	Trần Thị Phương Mai	11/06/1983	Nữ		Thạc sĩ	Dược học
	Mai Thanh Trung	21/03/1972	Nam		Chuyên khoa cấp II	Dược học
	Phùng Thế Đồng	01/04/1955	Nữ		Tiến sĩ	Dược học
	Mai Tuyết Nhung	27/03/1984	Nữ		Thạc sĩ	Dược học
	Trịnh Thị Thùy Linh	13/09/1988	Nữ		Thạc sĩ	Dược học
	Nguyễn Phương Thảo	01/01/1991	Nữ		Đại học	Dược học

	Đặng Thị Kim Ngân	01/08/1988	Nữ		Thạc sĩ	Dược học
	Đào Thị Ngọc Hà	13/07/1988	Nữ		Thạc sĩ	Dược học
	Ngô Thị Hoa	08/10/1973	Nữ		Tiến sĩ	Dược học
	Dương Thị Bích	22/08/1979	Nữ		Tiến sĩ	Dược học
	Đặng Thị Trúc Giang	20/11/1982	Nữ		Thạc sĩ	Dược học
	Dương Hón Dinh	15/02/1968	Nam		Chuyên khoa cấp I	Dược học
	Huỳnh Nghĩa Tín	27/09/1986	Nam		Thạc sĩ	Dược học
	Trương Ngọc Đan Thanh	13/09/1986	Nữ		Thạc sĩ	Dược học
	Nguyễn Quốc Chính	17/10/1970	Nam		Tiến sĩ	Dược học
	Trần Mỹ Tiên	16/12/1964	Nữ		Thạc sĩ	Dược học
	Quách Thị Thu Hằng	01/03/1976	Nữ		Thạc sĩ	Dược học
	Phạm Thị Ngọc Dung	14/12/1986	Nữ		Thạc sĩ	Dược học
	Lâm Thuận Từ	29/03/1971	Nam		Chuyên khoa cấp II	Dược học
7	Khối ngành VII					
	Nguyễn Phước Quý Quang	12/10/1974	Nam		Tiến sĩ	Du lịch
	Trần Thị Mỹ Duyên	03/09/1989	Nữ		Thạc sĩ	Du lịch
	Lê Thị Nhà Ca	30/04/1990	Nữ		Thạc sĩ	Du lịch
	Nguyễn Trương Lai	15/05/1986	Nam		Thạc sĩ	Du lịch
	Phan Thị Thúy Phượng	02/11/1988	Nữ		Thạc sĩ	Du lịch
	Trần Minh Hùng	06/07/1976	Nam		Thạc sĩ	Du lịch
	Ngô Hồng Quân	23/02/1979	Nam		Thạc sĩ	Du lịch
	Nguyễn Văn Toàn	15/07/1973	Nam		Thạc sĩ	Du lịch
	Lê Thị Hồng Nhung	17/10/1982	Nữ		Thạc sĩ	Du lịch
	Phạm Thụy Bích Nhiên	18/12/1989	Nữ		Thạc sĩ	Du lịch
	Nguyễn Song Linh	25/03/1986	Nam		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
	Nguyễn Thị Thúy Vân	25/09/1986	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
	Bùi Thị Trúc Ly	04/08/1987	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
	Đặng Thị Bảo Dung	02/03/1979	Nữ		Tiến sĩ	Ngôn ngữ Anh
	Nguyễn Hiệp Thanh Nga	22/05/1976	Nữ		Tiến sĩ	Ngôn ngữ Anh
	Võ Văn Sĩ	25/03/1985	Nam		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
	Phan Thị Minh Uyên	14/04/1978	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
	Nguyễn Thị Thúy Hằng	20/03/1981	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
	Ngô Thị Ngọc Thảo	02/11/1979	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh

	Đặng Thị Hạnh	16/11/1976	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
	Lý Thị Trà My	12/09/1986	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
	Mai Thành Hiệp	19/02/1986	Nam		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
	Wa Thái Như Phương	12/09/1983	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
	Châu Thanh Hải	11/01/1972	Nam		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
	Huỳnh Nguyễn Bảo Ngọc	20/09/1978	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
	Huỳnh Thị Mỹ Duyên	11/06/1982	Nữ		Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh
	Lê Tâm Thiện	20/10/1986	Nam		Thạc sĩ	Quản lý đất đai
	Mai Linh Cảnh	16/03/1988	Nam		Thạc sĩ	Quản lý đất đai
	Võ Thị Gương	22/12/1955	Nữ	Giáo sư	Tiến sĩ	Quản lý đất đai
	Huỳnh Duy Tân	07/07/1987	Nam		Thạc sĩ	Quản lý đất đai
	Đỗ Thanh Tân Em	06/05/1990	Nam		Thạc sĩ	Quản lý đất đai
	Lê Trường Giang	14/02/1971	Nam		Thạc sĩ	Quản lý đất đai
	Phạm Trung Kiên	10/11/1979	Nam		Thạc sĩ	Quản lý đất đai
	Võ Văn Bình	01/01/1975	Nam		Tiến sĩ	Quản lý đất đai
	Võ Hoàng Khan	18/09/1989	Nam		Thạc sĩ	Quản lý đất đai
	Ngô Mỹ Linh	30/03/1987	Nữ		Thạc sĩ	Quản lý đất đai
	Vương Thị Quý	12/12/1982	Nữ		Thạc sĩ	Quản lý tài nguyên và môi trường
	Nguyễn Hà Quốc Tín	02/12/1980	Nam		Tiến sĩ	Quản lý tài nguyên và môi trường
	Lâm Quốc Việt	20/01/1977	Nam		Thạc sĩ	Quản lý tài nguyên và môi trường
	Phan Kỳ Trung	17/11/1995	Nam		Thạc sĩ	Quản lý tài nguyên và môi trường
	Nguyễn Văn So	15/03/1982	Nam		Thạc sĩ	Quản lý tài nguyên và môi trường
	Nguyễn Hoàng Kiệt	24/04/1981	Nam		Thạc sĩ	Quản lý tài nguyên và môi trường
	Lâm Thị Kim Ngân	07/12/1982	Nữ		Thạc sĩ	Quản lý tài nguyên và môi trường
	Lưu Tấn Tài	23/10/1977	Nam		Thạc sĩ	Quản lý tài nguyên và môi trường
	Nguyễn Huy Hoàng	24/04/1985	Nam		Thạc sĩ	Quản lý tài nguyên và môi trường
	Nguyễn Thị Thúy Oanh	16/01/1986	Nữ		Thạc sĩ	Quản lý tài nguyên và môi trường

						trường
	Trần Kiều Tiên	10/08/1975	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
	Phạm Văn Tài	25/12/1969	Nam		Tiến sĩ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
	Đặng Bích Như	12/09/1988	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
	Phạm Thị Phi Oanh	30/09/1985	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
	Lê Văn Lành	02/02/1980	Nam		Thạc sĩ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
	Nguyễn Thị Tuyết Mai	01/01/1988	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
	Hứa Như Ngọc	03/06/1987	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
	Nguyễn Tuấn Kiệt	01/01/1981	Nam		Tiến sĩ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
	Huỳnh Thị Kiều Thu	25/07/1983	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
	Huỳnh Thị Phượng Diễm	22/12/1980	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
	Phạm Kim Quyên	08/12/1988	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị khách sạn
	Nguyễn Thị Quý	03/08/1981	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị khách sạn
	Vũ Đức Dũng	24/02/1973	Nam		Tiến sĩ	Quản trị khách sạn
	Lê Thị Anh Thư	09/01/1985	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị khách sạn
	Lê Hoàng Phúc	23/03/1997	Nam		Tiến sĩ	Quản trị khách sạn
	Trịnh Bửu Nam	30/08/1974	Nam		Thạc sĩ	Quản trị khách sạn
	Đào Thanh Lam	09/07/1982	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị khách sạn
	Thái Lâm Toàn	07/04/1980	Nam		Tiến sĩ	Quản trị khách sạn
	Nguyễn Thị Lua	22/10/1986	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị khách sạn
	Vương Đình Khoát	07/03/1960	Nam		Tiến sĩ	Quản trị khách sạn
	Nguyễn Lâm Điền	24/08/1955	Nam		Tiến sĩ	Truyền thông đa phương tiện
	Phan Trường Sơn	01/06/1980	Nam		Thạc sĩ	Truyền thông đa phương tiện
	Võ Ngọc Văn Quân	05/04/1976	Nam		Thạc sĩ	Truyền thông đa phương tiện
	Nguyễn Trung Hiếu	10/03/1965	Nam		Thạc sĩ	Truyền thông đa phương tiện
	Nguyễn Hồng Quân	01/05/1984	Nam		Thạc sĩ	Truyền thông đa phương tiện
	Võ Thị Cúc Phương	28/05/1980	Nữ		Thạc sĩ	Truyền thông đa phương tiện
	Nguyễn Thị Mộng Linh	06/07/1976	Nữ		Thạc sĩ	Truyền thông đa phương tiện
	Lâm Thiện Khanh	23/09/1957	Nam		Thạc sĩ	Truyền thông đa phương tiện
	Lê Băng Thạch	16/04/1978	Nam		Thạc sĩ	Truyền thông đa phương tiện
	Nguyễn Hoàng Hương	03/02/1966	Nữ		Thạc sĩ	Truyền thông đa

						phương tiện
	Trương Ngọc Diện	18/02/1976	Nữ		Thạc sĩ	Văn hoá học
	Huỳnh Công Tín	20/03/1956	Nam		Tiến sĩ	Văn hoá học
	Phạm Thị Kim Phương	25/07/1981	Nữ		Thạc sĩ	Văn hoá học
	Bùi Thị Xuân Hương	15/02/1987	Nữ		Thạc sĩ	Văn hoá học
	Trần Huỳnh Minh Trí	15/07/1988	Nam		Thạc sĩ	Văn hoá học
	Nguyễn Thị Mỹ Ngọc	29/08/1988	Nữ		Thạc sĩ	Văn hoá học
	Nguyễn Thị Kiều Nga	09/03/1974	Nữ		Thạc sĩ	Văn hoá học
	Nguyễn Thị Hoàng Oanh	29/01/1977	Nữ		Thạc sĩ	Văn hoá học
	Lê Thụy Ngọc Lan	10/07/1978	Nữ		Thạc sĩ	Văn hoá học
	Nguyễn Minh Tuấn	30/10/1978	Nam		Thạc sĩ	Văn hoá học
	Nguyễn Thúy Diễm	27/03/1986	Nữ		Thạc sĩ	Văn học
	Nguyễn Thị Lý	12/07/1981	Nữ		Thạc sĩ	Văn học
	Phạm Thu Hằng	09/02/1980	Nữ		Thạc sĩ	Văn học
	Nguyễn Thị Mỹ Nhưng	10/12/1981	Nữ		Thạc sĩ	Văn học
	Tăng Tấn Lộc	13/04/1980	Nam		Tiến sĩ	Văn học
	Phan Văn Tiến	03/10/1981	Nam		Thạc sĩ	Văn học
	Nguyễn Minh Ca	01/01/1985	Nam		Thạc sĩ	Văn học
	Ngô Thị Minh Hiếu	01/01/1981	Nữ		Thạc sĩ	Văn học
	Nguyễn Thanh Đào	21/02/1987	Nữ		Thạc sĩ	Văn học
	Lê Thị Mai Hương	15/11/1977	Nữ		Thạc sĩ	Việt Nam học
	Dương Thanh Xuân	28/01/1984	Nữ		Thạc sĩ	Việt Nam học
	Cao Thị Sen	26/09/1984	Nữ		Thạc sĩ	Việt Nam học
	Cao Quốc Tuấn	20/05/1984	Nam		Thạc sĩ	Việt Nam học
	Giã Văn Phú	30/05/1985	Nam		Thạc sĩ	Việt Nam học
	Trần Thị Tú Trinh	06/02/1986	Nữ		Thạc sĩ	Việt Nam học
	Nguyễn Việt Hùng	14/11/1955	Nam		Tiến sĩ	Việt Nam học
	Nguyễn Thị Bích Như	02/03/1985	Nữ		Thạc sĩ	Việt Nam học
	Thái Văn Lượng	30/06/1978	Nam		Thạc sĩ	Việt Nam học

C. Công khai tỷ lệ sinh viên/giảng viên quy đổi

II	Khối ngành	Tỷ lệ Sinh viên/Giảng viên cơ hữu quy đổi
1	Khối ngành I	
2	Khối ngành II	
3	Khối ngành III	15.1
4	Khối ngành IV	
5	Khối ngành V	10.8
6	Khối ngành VI	7
7	Khối ngành VII	10.5

Cần Thơ, ngày 15. tháng 10. năm 2022
Thủ trưởng đơn vị



Trần Công Luận

Biểu mẫu 21

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY ĐÔ**

THÔNG BÁO

Công khai tài chính của cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng sư phạm, trung cấp sư phạm năm học 2021-2022

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Học phí/1SV/năm học 2021-2022	Dự kiến Học phí/1SV của cả khóa học
I	Học phí chính quy chương trình đại trà			
1	Tiến sĩ	Triệu đồng/năm		
	- Ngành Quản trị kinh doanh	Triệu đồng/năm	60	180
2	Thạc sĩ	Triệu đồng/năm		
2.1	- Quản trị kinh doanh	Triệu đồng/năm	24	48
2.2	- Tài chính – Ngân hàng	Triệu đồng/năm	24	48
2.3	- Kế toán	Triệu đồng/năm	27	54
2.4	- Luật Kinh tế	Triệu đồng/năm	30	60
2.5	- Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ hành	Triệu đồng/năm	27	54
2.6	- Dược lý và Dược lâm sàng	Triệu đồng/năm	50	100
3	Đại học	Triệu đồng/năm		
3.1	Khối ngành III	Triệu đồng/năm		
	- Quản trị kinh doanh	Triệu đồng/năm	16,8	72,5
	- Tài chính – Ngân hàng	Triệu đồng/năm	16,8	72,5
	- Kế toán	Triệu đồng/năm	16,8	72,5
	- Luật kinh tế	Triệu đồng/năm	16,8	72,5
	- Marketing	Triệu đồng/năm	16,8	72,5
	- Kinh doanh quốc tế	Triệu đồng/năm	16,8	72,5
3.2	Khối ngành V	Triệu đồng/năm		
	- Thú y	Triệu đồng/năm	21	110
	- Chăn nuôi	Triệu đồng/năm	16,8	72,5
	- Công nghệ thực phẩm	Triệu đồng/năm	16,8	72,5
	- Nuôi trồng thủy sản	Triệu đồng/năm	16,8	72,5
	- Công nghệ thông tin	Triệu đồng/năm	16,8	72,5
	- Kỹ thuật Điện - Điện tử	Triệu đồng/năm	16,8	72,5
	- CNKT công trình XD	Triệu đồng/năm	16,8	72,5
3.3	Khối ngành VI	Triệu đồng/năm		
	- Dược học	Triệu đồng/năm	45	259
	- Điều dưỡng	Triệu đồng/năm	22	106
3.4	Khối ngành VII	Triệu đồng/năm		
	- Văn học	Triệu đồng/năm	16,8	72,5
	- Việt Nam học	Triệu đồng/năm	16,8	72,5
	- Ngôn ngữ Anh	Triệu đồng/năm	16,8	72,5
	- Quản trị dịch vụ du lịch & lữ hành	Triệu đồng/năm	16,8	72,5
	- Du lịch	Triệu đồng/năm	16,8	72,5

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Học phí/1SV/năm năm học 2021-2022	Dự kiến Học phí/1SV của cả khóa học
	- Quản trị khách sạn	Triệu đồng/năm	16,8	72,5
	- Quản lý đất đai	Triệu đồng/năm	16,8	72,5
	- Quản lý tài nguyên và môi trường	Triệu đồng/năm	16,8	72,5
4	Cao đẳng sư phạm	Triệu đồng/năm	-	-
5	Trung cấp sư phạm	Triệu đồng/năm	-	-
II Học phí chính quy chương trình khác				
1	Tiến sĩ	Triệu đồng/năm	-	-
	Khởi ngành...	Triệu đồng/năm		
2	Thạc sĩ	Triệu đồng/năm	-	-
	Khởi ngành...	Triệu đồng/năm		
3	Đại học	Triệu đồng/năm	-	-
	Khởi ngành III	Triệu đồng/năm		
	- Cử nhân tài năng QTKD		35	140
4	Cao đẳng sư phạm	Triệu đồng/năm	-	-
5	Trung cấp sư phạm	Triệu đồng/năm	-	-
III Học phí hình thức vừa học vừa làm				
1	Đại học	Triệu đồng/năm		
	Khởi ngành III	Triệu đồng/năm		
	- Kế toán	Triệu đồng/năm	17,8	76
	- Quản trị kinh doanh	Triệu đồng/năm	17,8	76
	- Tài chính – Ngân hàng	Triệu đồng/năm	17,8	76
	- Luật kinh tế	Triệu đồng/năm	17,8	76
2	Cao đẳng sư phạm	Triệu đồng/năm	-	
3	Trung cấp sư phạm	Triệu đồng/năm	-	
IV Tổng thu năm 2021		Tỷ đồng	184,7	
1	Từ ngân sách	Tỷ đồng	-	
2	Từ học phí	Tỷ đồng	182,2	
3	Từ nghiên cứu khoa học và chuyên giao công nghệ	Tỷ đồng	0,2	
4	Từ nguồn hợp pháp khác	Tỷ đồng	2,3	

Cm Chó, ngày 13. tháng 10. năm 2022

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



Trần Công Luận